THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

ABHIDHAMMAPIṬAKA



Tự Học Vi Diệu Pháp Tập 5

Đại Đức Thiện Minh
Tỳ Khưu Giác Tuệ (Nguyễn Đức Tài)
Biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC

Phật
Tại
Nhân
Gian
Vô
Thượng
Tôn

Pháp
Cao
Vô
Tỷ
Vị
Nào
Đương

Tăng
Truyền
Thế
Thọ
Lưu
Ân
Mãi

Tam
Bảo
Hợp
Thành
Diễm
Phúc
Thay

Bik. Bodhipañño : Tỳ Khưu Giác Tuệ
(Nguyễn Đức Tài)

THERAVĀDA
PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY

Tự Học

Vi Diệu Pháp

Tập 5

Đại Đức Thiện Minh
Tỳ Khưu Giác Tuệ (Đức Tài)
Biên soạn

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
Tp HỒ CHÍ MINH - 2013

DỰA THEO

TÁC PHẨM, DỊCH PHẨM, TÀI LIỆU, TƯ LIỆU, CHÚ GIẢI CỦA

CỐ ĐẠI TRƯỞNG LÃO ÂN SƯ TỊNH SỰ

MAHĀTHERO SAṄTAKICCO

"Thẩm suy tính giúp khắp cùng

Soạn kinh sách đúng-ý trùng giác nhơn"

"Trình bày pháp trúng kinh chơn

Đừng sai lý Phật, trí nhơn mới thành"

Kính Dâng Thầy:

Đại Trưởng Lão Ân Sư – Tịnh Sự

(Mahāthero Saṅtakicco)

Kính Dâng Thượng Tọa Tế Độ:

Ngài Giác Sơn

(Thero Bodhigiri)

Kính dâng:

Cha: Nguyễn Hiếu Nghĩa

Mẹ: Trần Thị Quỳnh Hoa

PHỤ TRÁCH

Tỳ khưu Siêu Thành

Tỳ khưu Giới Tông

Tỳ khưu An Thiên

Sư Thiện Tâm

Sư Thiện Hải

Cận sự nam Tịnh Minh

Cận sự nam Thiện Duyên (A.Thanh)

Cận sự nam Tịnh Quán (A. Kim)

Cận sự nam Kiến Quang (A. Hy)

Cận sự nam Phan Quốc Ngữ

Cận sự nam Quang Hải

Cận sự nam Thiện Trường (A. Trường)

Cận sự nam Thành Tài (A.Thành)

Cận sự nam Định Tri

Cận sự nam Đặng Hữu

Cận sự nam Trung Đạo

Cận sự nữ Tịnh Diệu (Q.Phượng)

Cận sự nữ Hồ Ngọc Thu

Tu nữ Quang Mai

Tu nữ Quang Hương

Tu nữ Định Thức

Tu nữ Diệu Hạnh (C.Như Pháp)

Tu nữ Phước Mai

Tu nữ Quang Linh

Tu nữ Minh Giới

Cận sự nữ Duyên Ân (C.Bạch Huệ)

Cận sự nữ Diệu Pháp (C.Vân)

Cận sự nữ Kiến An (C. Thuỷ)

Cận sự nữ Hạnh Ngọc (C. Mỹ)

Cận sự nữ Tịnh Tri (C. Nghĩa)

Cận sự nữ Viên Dung

Cận sự nữ Phước Hỷ (C.Mộng Thu)

Cận sự nữ Hiếu Hạnh

Cận sự nữ Quang Điệp

Cận sự nữ Ngọc Lan

Cận sự nữ An Nhẫn (C. Sáu)

C.s.nữ N.Huệ Minh và các vị khác

NAMO TASSA BHAGAVATO ARAHATO
SAMMĀSAMBUDDHASSA
Xin cung kỉnh Đức Thế Tôn, Bậc Ứng Cúng
Đấng Chánh Biến Tri
NAMATTHU SUGATASSA
Xin cung kỉnh Đức Thiện Thệ
NAMATTHU RATANATTAYASSA
Xin nghiêm tịnh Thân, Khẩu, Ý kính lễ đến Tam Bảo

TÁN DƯƠNG ÂN ĐỨC TAM BẢO

Con xin đảnh lễ Đức Thiên Nhân Sư, Ngài là đấng Toàn Tri Giác – Tuệ giác vô song cao tột, bậc Thế Gian Giải với ngôn từ thanh tịnh, tịnh hảo vượt trên ngữ từ diễn đạt thường thức, Phật Ngài là ngọn đèn sáng soi Tam giới, là Đấng Vô Thượng Sĩ vị kham nhẫn mọi việc khó khăn , mà chúng sanh khác nhẫn nại không được, Bậc Điều Ngự Trượng Phu đã vượt thoát đã đoạn tận si mê, dứt ái không còn dư sót ngũ uẩn thủ và là Vị có Toàn Tri Nhãn, với Nhất Thiết Chủng Trí đặng năng lực vô biên.

Con xin đảnh lễ Giáo Pháp thậm thâm vi diệu , cao siêu thoát tục với văn nghĩa cụ túc toàn hảo, là nền tảng cội nguồn của sự hộ trì Tam giới thiết thực cho hiện tại và vị lai được thấy rõ lợi ích của người thực hành theo, là sự xua đi nỗi khiếp đảm sợ hãi, là Pháp mà khi hành đúng trúng - vượt ngoài thời gian đoạn trừ sự ràng buộc và các điều phiền toái, Giáo Pháp là chân lý đến mà thấy chớ chẳng phải tin vào sự cứu rỗi, được các bậc có căn lành Tuệ Nhãn hướng thượng mục đích giải thoát và cần bậc trí tự chứng , phẩm hạnh thanh tịnh thực hành.

Con xin đảnh lễ Tăng Chúngđệ tử Đức Muni (Mâu ni), các Ngài đã ,đang có lục căn phẩm cách chánh niệm – tỉnh táo, bậc có thiện hạnh sở hành tốt đẹp, các Ngài với nết tánh trực hạnh ngay thẳng, là đối tượng xứng đáng làm phước điền cho nhân thiên cúng dường, các Ngài còn là bậc chánh hạnh, nghiêm hạnh, đáng được cung kỉnh, đáng được nghênh tiếp. Nhờ các Ngài mà chúng sanh có dịp hội kiến Giáo Pháp do Đức Thập Lực Tuệ khéo thuyết giảng mà đặng khởi niềm tin, chính vì thế các Ngài đáng cúng dường, đáng lễ bái, đồng thời là phước điền vô thượng của đời. Vì Đức Tin đó đã giúp người thực hành theo lộ đồ bất tử , vô sanh và chặn bít sanh tử , đoạn tận khổ đau.

LỜI TỰA

"Tự học Vi Diệu Pháp"tập 5 được tiếp tục ra mắt với người học là nhờ vào sự trợ duyên của nhiều vị,đây là phần cuối của chương trình siêu lý tiểu học được trình bày qua các phần như Chánh tạng, thích từ, định nghĩa, điều pháp chi pháp, bảng nêu và phần phân giải:

- Phần thích từ: vừa có nghĩa thường thức vừa có nghĩa chuyên môn trong Phật học.
- Phần định nghĩa: dựa theo Chánh tạng là chính.
- Phần điều pháp - chi pháp: được chia theo uẩn, xứ, giới, đế.
- Phần bảng nêu: đối chiếu chi pháp và uẩn, xứ....
- Phần phân giải: phần lớn là nương theo trích dẫn của Chánh Tạng,được phân thành nhiều vấn đề, nhiều khía cạnh khác nhau của lý pháp.

Chúng tôi hết sức cố gắng trình bày pháp theo các câu đề cho thật áp sát vào nghĩa lý mà Phật Ngài đã dẫn dạy sao cho khỏi lệch ra ý nghĩa câu pháp ấy, vì vậy phần phân giải được trích dẫn ở nhiều đoạn Chánh tạng khác nhau trong Tạng Vô Tỷ và Kinh tạng để rộng đường cho người học và nghiên cứu nắm bắt một cách chuẩn xác về lý pháp mà Phật đã dạy.Qua "Tự học Vi Diệu Pháp"tập 5, chúng tôi mong rằng sẽ giúp ích cho những người học và nghiên cứu được thêm tư liệu khi phần gom của các pháp liên quan, câu sanh với chủ đề của đề pháp đã được nêu như là Tam đề Thiện, Tam đề Thọ... Nhị đề Nhân, Nhị đề Hữu nhân... Nhị đề Phần Minh....

Thật ra, sự vi diệu không chi sánh bằng của lý pháp mà trong các mẫu đề hay đầu đề Đức Thế Tôn đã giảng dạy, chúng ta sẽ thấy phần uyên thâm, vi diệu vô cùng sâu rộng giúp cho người tu học nhận ra hữu vi pháp ở các phương diện chỉ là danh sắc, chỉ là uẩn, xứ, giới, đế không thuộc quyền chi cả (vô ngã), đặng rõ sự áp bức, sự khổ, đặng thông pháp dính mắc, nhiễm đắm của những tri kiến lệch lạc sai lầm. Đồng thời trợ giúp cho phần tu tiến ngày càng vững chắc, trụ vững bởi từ tri kiến đúng đắn của mình khi nhận ra pháp cao ấy.

Phần biên soạn này nhờ công sức nhiều vị, các vị đã đóng góp và trợ giúp về nhiều mặt như vi tính, sửa chữa bản in, in ấn.... Mong các vị sẽ nối nghiệp Thầy Tổ và thành tựu sở nguyện.Mong các vị hiền trí trợ duyên.Mong lợi ích cùng nhau tiến hóa.

Chùa xưa thầy đã đi rồi.
Dáng người thanh thoát ơn người khó quên.
Pháp nào thầy dạy làm nền.
Siêu lý thâm diệu vượt trên định phần.
Thầy đi pháp ở nguồn ân.
Con về nối lại kính dâng lên thầy.

Tỳ Khưu Giác Tuệ (Đức Tài)

Bửu Quang Tự, ngày mùng 5 tháng 5 năm 2012 (ÂL)

ABHIDHAMMAPIṬAKA
TẠNG VÔ TỶ PHÁP
DHAMMASAṄGINĪ
BỘ PHÁP TỤ

*****

CÁC ĐẦU ĐỀ
TIKAMĀTIKĀ – ĐẦU ĐỀ TAM
DUKAMĀTIKĀ – ĐẦU ĐỀ NHỊ
SUTTAṂTAMĀTIKĀ – NHỊ ĐỀ KINH

Các phần nêu trên được Phật Ngài giảng thuyết trong bộ Pháp Tụ - *Dhammasaṅghinī,* thuộc tạng Vô Tỷ Pháp - *Abhidhammapiṭaka*. Tầm quan trọng và sự lợi ích của Bộ Pháp Tụ này là phần gom tụ các Pháp, tức là những trạng thái hiện bày Pháp hữu vi , hiện khởi những hành vi thiện ác hoặc không phải thiện ác, được Đức Thế Tôn Ngài dùng tuệ giác sắp xếp lại thành từng phần, như là: Thiện, Bất thiện, Vô ký, Nhân, Quả, Phiền toái, Phiền não, Đạo, Quả v.v... mà thuật ngữ Phật học gọi là Đầu Đề Tam, Đầu Đề Nhị hay Nhị Đề Kinh. Đây là phần Pháp được xem như chìa khóa mở Tạng Vô Tỷ Pháp,tạo thuận lợi cho việc học và nghiên cứu giáo lý cao siêu chính thức của nhà Phật.

Bộ Pháp Tụ là bộ thứ nhất trong tạng Vô Tỷ Pháp, được Đức Phật khởi thuyết tại Đạo Lợi Thiên *(Tettimsābhūmi)* vào ngày 16 tháng 6 đến ngày 28 tháng 6 năm Kỷ Mão trước Dương lịch 581 năm, đặng 1.300 Pháp Uẩn, có 70 triệu vị chư Thiên chứng quả.

Trước khi đi sâu vào tìm hiểu các đầu đề, chúng ta phân tích Mẫu Đề Tam là gì?

Đầu Đề Tam hay còn gọi là Mẫu Đề Tam – *Tikamātikā* nghĩa là những đầu đề lớn trùm cả ba câu. Có Pāḷi chú giải như vầy:

"*Mātāviyati = Mātikā*: câu nào như mẹ hay sông cái, những câu ấy gọi là đầu đề, tức là Pháp chính yếu, quan trọng tựa như sông cái, người mẹ. Điều chính yếu nầy thuộc về phần xiển thuật (*uddesa*: nói tóm tắt) đoạn trước của Bộ Pháp Tụ(*Dhammasaṅghinī*)."

ĐẦU ĐỀ TAM

(TIKAMĀTIKĀ)

ĐỊNH NGHĨA

Đầu Đề Tam nói theo ba câu, tức là trong một mệnh đề chứa đựng câu một, câu hai và câu ba và phân được hai cách:

- Tam đề Chiết hay Chiết bán (*Ādhiladdhanāmātikā*), nghĩa là tên đề lấy chiết bán một câu trước mà đặt, kêu tên đề như là: Tam Đề Thiện, Tam Đề Quả v.v..., đều không trùm hết hai câu sau.
- Tam đề Hàm hay Hàm tận (Sabbaladdhanāmātikā), nghĩa là tam đề trùm cả ba câu như: Tam đề Thọ, câu nào cũng là Thọ.

Đầu Đề Tam đối với chi pháp bản chất cũng có hai cách:

- Tam đề Hữu dư (*Sappadesatikā*): nghĩa là cả ba câu trong một đề lấy không hết chi pháp siêu lý (Pháp siêu lý là Tâm, Sở hữu, Sắc pháp vàNíp Bàn).
- Tam đề Vô dư (*Nippadesatikā*): nghĩa là ba câu trong một đề lấy hết chi pháp siêu lý.

Đầu Đề Tam có cả thảy 22 đầu đề, được Đức Phật thuyết giảng từ Tam đề Thiệncho đến Tam đề Hữu kiến. Nay chúng ta lần lượt tìm hiểu nghĩa, từ, lý, pháp của các Tam đề ấy.

BÀI 1: TAM ĐỀ THIỆN - TAM ĐỀ THỌ - TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

TAM ĐỀ THỨ 1: TAM ĐỀ THIỆN

(KUSALATIKA)

(Tam đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- Câu 1:Kusalā dhammā - Tất cả Pháp Thiện.
- Câu 2:Akusalā dhammā - Tất cả Pháp Bất thiện.
- Câu 3:Abyākatā dhammā - Tất cả Pháp Vô Ký.

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, ở câu 663 Phật Ngài có dạy về ba trạng thái của 3 Pháp :Thiện, Bất thiện và Vô Ký*(Kusala, Akusala, Abyākatā)*. Gọi là Tam Đề Thiện, như sau:

* ***Chư Pháp Thiện là chi?***

Ba Căn Thiện là Vô Tham, Vô Sân và Vô Si; Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với Căn Thiện; Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp và Ý Nghiệp có Căn Thiệnlàm sở sanh. Những chơn tướng (Thực Tính) này gọi là Chư Pháp Thiện.

* ***Chư Pháp Bất thiện là chi?***

Ba Căn Bất thiệnTham, Sân, Si và phiền não đồng nương Căn Bất thiện; Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với Căn Bất thiện; Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp và Ý Nghiệp có Căn Bất thiệnlàm sở sanh. Những chơn tướng (Thực Tính) này gọi là Chư Pháp Bất thiện.

* ***Chư Pháp Vô ký là chi?***

Dị Thục Quả của Pháp Thiện và Bất thiện nương Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới và Siêu thế tức là Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn; Pháp Thành Tố: Phi Thiện, Phi Bất thiệnvà Phi Nghiệp Quả, tất cả Sắc Pháp luôn Vô Vi Giới (Níp Bàn). Những chơn tướng (Thực Tính) nầy gọi là Chư Pháp Vô Ký.

II. THÍCH TỪ

- Pháp(*Dhamma*): ở đây chỉ tất cả trạng thái *(Lakkhanaṃ)*, mà trạng thái là những tướng trạng hoặc chơn tướng hay tư cách, cách thức. Hay nói cách khác, Pháp hay Phép là chỉ bày những trạng thái riêng biệt, có tướng trạng (chơn tướng) khác nhau, như: vuông, tròn, dài, vắn, cứng, mềm, nóng, lạnh, sáng, tối v.v…, tức là có những tư cách riêng biệt để phân biệt và nhận định trên hai phương diện:

1. Siêu Lý*(Paramattha):* tức chỉ bày cho Tâm *(Citta)*,Sở hữu Tâm*(Cetasika)*, Sắc Pháp *(Rūpa)*, Níp Bàn*(Nibbāna)*. Siêu Lý còn gọi là Pháp Chơn Đế, là bản chất thật không thểthay đổi.

2. Chế Định *(Paññatti):* còn gọi là Pháp Tục Đế, nghĩa là chế biến sửa đổi, định đặt theo thường thức. Pháp Chế Định này được phân hai:
   - Danh Chế Định (*Nāmapaññatti*): là mượn tiếng chế biến ra tên cùng lời nói.
   - Nghĩa Chế Định (*Aṭṭhapaññatti*): là nương theo hình thức hay sửa hình thức và định đặt đồ vật.

Theo cách dẫn giải của Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - *Mahāthero Saṅtakicco* thì Pháp hay Phép là chỉ tất cả trạng thái *(Lakkhanaṃ)* và Ngài có trình bày ý nghĩa Pháp *(Dhamma)* như sau:

- Vấn: Pháp là chi?
- Đáp: Chi cũng là Pháp.
- Vấn: Tại sao kêu là Pháp?
- Đáp: Tại có trạng thái nên gọi là Pháp.
- Vấn: Trạng thái ra sao?
- Đáp: Ra sao cũng là trạng thái.

Chúng ta nên nhận hiểu câu "Ra sao cũng là trạng thái" vì Pháp là những trạng thái riêng biệt, có tướng trạng, chơn tướng khác nhau, tức là có những tư cách riêng biệt để phân biệt và nhận định trên hai phương diện Siêu Lý và Chế Định, tức Pháp Chơn Đế và Pháp Tục Đế,trong đó Pháp bao gồm các nghĩa lý sau đây:

- Sắc hay Sắc pháp là tiêu hoại đổi thay.
- Pháp Hữu vi (Tâm, Sở Hữu Hợp, Sắc Nghiệp, Sắc Tâm, Sắc Quí Tiết và Sắc Vật Thực) là bị tạo, tức là những Pháp trong đời đều do duyên trợ (*Paccayo*) mới có ra.
- Pháp Vô vi là không bị tạo, tức Níp Bàn, hoàn toàn vắng lặng, bất động, vô ấn chứng.
- Pháp Siêu lý là những Pháp cao siêu phi thường, có thực tính, có chân thể thực tướng v.v... như như không đổi trái ngược lại, hễ thế nào thì vẫn thế ấy.
- Pháp Chế định (Tục đế) nghĩa là chế biến sửa đổi, định đặt theo thường thức.

Như vậy:Pháp là ám chỉ những thực tính chân tướng bản chất Pháp hay là chỉ những trạng thái có bản chất thật , tức Pháp Siêu Lý, chớ chẳng phải nhân vật, linh hồn chi cả.

* Thiện(*Kusalā*):"Thiện"theo thường thức có nghĩa là tốt lành, trái với ác. "Thiện" dịch từ Phạn ngữ "*Kusalā"* có nghĩa là làm cho những tội ác gớm ghê phải bị bài trừ,khi hiện bày, trạng thái nầy gọi là Thiện.Thiệnkhi hiện khởi bài trừ thân ác, khẩu ác và ý ác.

* Căn Thiện(*Kusalāmūlaṃ*):Chữ "Căn" theo Phạn ngữ Pāḷi là "*Mūla*" hay "*Mūlaṃ*" dịch là Căn hay gốc rễ và cũng đồng ý nghĩa với Nhân (*Hetu*)."Căn" nói theo trạng thái thì đây là những Pháp luân hồi phải nương theo đó, nên Pháp đó gọi là Căn (gốc). Pháp nào gọi Căn, là Pháp cho luân hồi phải nương đổ theo nó, ám chỉ cho Vô Minh và Ái (điều pháp),còn nói theo chi pháp thì "Căn" có sáu Pháp bản chất là Căn Vô Tham, Căn Vô Sân, Căn Vô Si, Căn

Tham, Căn Sân và Căn Si. Như vậy, Căn thiện là bản chất Pháp bài trừ các Pháp xấu, ác như:

- Căn Vô Tham bài trừ sự ái nhiễm, dính mắc, làm cho không nhiễm đắm, không dính mắc cảnh đáng ưa thích.
- Căn Vô Sân bài trừ sự hung ác, làm thanh lương, trong trẻo và mát mẻ như trăng rằm.
- Căn Vô Si bài trừ sự tối tăm, sự tạo ác xấu.

* Bất thiện (*Akusalā*):theo nghĩa thường thức là hành vi không tốt lành, việc làm trái với thiện."*Akusalā*" Phạn ngữ dịch là Bất thiệnbởi có năm nghĩa:bệnh hoạn về tâm, không tốt đẹp, không khôn khéo, có sai lỗi (lỗi lầm), có quả khổ.

Ngũ nhân sanhBất thiệntức là Bất thiện có năm nguyên do sanh khởi:

- Không khéo tác ý.
- Không thân cận bậc hiền trí.
- Ở chỗ không đáng ở.
- Các đời trước không từng tạo phước.
- Không tự lập trường chánh.

Căn Bất thiện (*Akusalāmūlaṃ*)là bản chất Pháp xấu, nguồn cội tội lỗi xấu, ác như:

- Căn Tham*(Lobhamūlaṃ)*là bản chất không buông ra.Tham (*Lobha*)tức căn Tham, có pháp bản chất là Sở hữu Tham. Sở hữu này có ý nghĩa là chấp cứng cảnh, chấp cứng những cách không đáng chấp, dính mắc cảnh, nhiễm đắm, không buông ra. Căn Tham khi sanh khởi có tướng trạng là cách tham, sự ham muốn, rất ham muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến.
- Căn Sân *(Dosamūlaṃ)*là bản chất phá hại thân tâm và hư hoại trí tuệ.Sân (*Dosa*)tức là Căn Sân có pháp bản chất là Sở hữu Sân. Sở hữu này có ý nghĩa là hiện bày thô thiển, làm cho thân tâm thô tháo, làm cho nóng nảy, đốt sắc ý vật, sắc trái tim nóng nảy, phá hại thân tâm. Căn Sân khi sanh khởi có tướng trạng là sự tính ác độc, cách tính ác độc, thái độ ác độc, sự tính ám hại, cách tính ám hại, thái độ ám hại, sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu.
- Căn Si*(Mohamūlaṃ)*là bản chất tối tăm, mờ tối, mờ mịt hay là làm cho không thể tiến hành theo lối chân chánh, sáng suốt.Si (*Moha*)tức là Căn Si có pháp bản chất là Sở hữuSi. Sở hữu này có ý nghĩa là trái ngược với trí, không thấu đáo, tối tăm (không biết cái đáng biết) và nhất là không biết rõ Pháp Thực Tính (*Sabhāvadhamma*), che khuất cảnh lý tánh, cảnh chơn tướng bản chất mà chỉ nhận theo sự tốt, xấu ...hoặc không cho tỏ ngộ lý tánh, không thấu đáo thực tính bản chất, tối tăm, mờ tối hay là làm cho không thể tiến hành theo pháp chân chánh - sáng suốt. Căn Si khi sanh khởi có tướng trạng là cách vô tri, sự bất kiến, chẳng hiểu thấu, không chịu lý đáng biết, chẳng hiểu

theo chân chính, không thấu đáo, không dùng theo đúng đắn, không công nhận lối đầy đủ, chẳng phán đoán, chẳng suy xét, không chịu làm cho minh hiển, tệ hèn, ngây ngô, khờ khạo, không biết chi, sự mê mờ, sự say mê, sự mê hoặc, cũng là vô minh thụy miên, vô minh chi phối, vô minh là chốt gài.

* Vô ký (*Abyākatā*):là chẳng phải Thiện, Phi Ký gọi là Vô ký (*Nabyākato = abyākato*). Đây là trạng thái chỉ bày cho các loại Tâm Quả và Tâm Tố.

- Tâm Quả là tâm thành tựu từ Tâm Thiện và Bất thiện.
- Tâm Tố là tâm có trạng thái làm chỉ là làm, không phải Thiện và Bất thiện, cũng chẳng phải Quả.

Căn Vô ký (*Abyākatāmūlaṃ*):là chỉ bày cho 3 căn :Vô Tham, Vô Sân, Vô Si hợp với tâm Quả và tâm Tố hữu nhân.

- Vô Tham (*Alobha*)tức là căn Vô Tham (*Alobhamūlaṃ*),có pháp bản chất là Sở hữuVô Tham. Sở hữu này có ý nghĩa là trái với tham nhiễm, không dính mắc, không ham muốn ngũ dục, không nhiễm đắm chấp trước, không chấp cứng, không dính mắc cảnh đáng ưa thích.Căn Vô Tham khi sanh khởi có tướng trạng là sự trái với tham, không tham, không ham muốn, không dục vọng, thái độ không tham, không tham ái, không nhiễm đắm dính mắc.
- Vô Sân (*Adosa*)tức là căn Vô Sân (*Adosamūlaṃ*), có pháp bản chất là Sở hữuVô Sân. Sở hữu này có ý nghĩa là không hung ác, không làm hại, không phẫn nộ, không gây thù oán, không nóng nảy, có sự thanh lương, trong trẻo và mát mẻ như trăng rằm. Căn Vô Sân khi sanh khởi có tướng trạng là không có sự giận hờn, không tính ác độc, không tính hại, thái độ không hung dữ ác độc.
- Vô Si (*Amoha*)tức là căn Vô Si (*Amohamūlaṃ*), có pháp bản chất là Sở hữu Trí Tuệ. Sở hữu này có ý nghĩa là biết rõ, thấu pháp thực tính, thông thấu hiểu rõ đúng đắn, hạn chế tối tăm, làm cho cảnh sáng tỏ, làm cho cảnh rõ rệt, không mê mờ với cảnh.Căn Vô Sikhi sanh khởi có tướng trạng là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, trạch pháp, lựa chọn, nghiên cứu, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách trí thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét rõ, gạn xét, quán xét, tự giác, tuệ như ngọc, tuệ như đèn, tuệ như ánh sáng, tuệ như gươm, tuệ như vũ khí, tuệ như đại địa, tuệ như hoàng cung, tuệ như kẻ dẫn đường, tuệ trừ tuyệt phiền não.

* Thọ uẩn (*Vedanākhandha*):Thọ *(Vedanā)* ở đây nghĩa là hưởng cảnh, hứng chịu cảnh. Khi nương theo Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc và Pháp ta có Lục Nhập (Xứ) Ngoại,còn khi nương theo Nhãn, Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân và Ý là Lục Nhập Xứ Nội.

Theo Pāḷi chú giải về Thọ như vầy: *"Vedayatīti = vedanā"*: hứng chịu (hưởng) cảnh, gọi là Thọ hoặc dụng nạp cảnh, cảm nhận pháp đồng sanh, pháp câu sanh (cách nhận ra, cách

biết được Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả). Những trạng thái như thế gọi là Thọ, có pháp bản chất là Sở hữu Thọ (*Vedanācetasika*).

- Thọ: thường hưởng cảnh; hứng chịu cảnh; có Khổ, Lạc, Xảhoặc thêm Ưu, Hỷ; có Xúc (Sở hữu Xúc).
- Uẩn (*Khandha*): có nghĩa là pháp thành khối, chùm, đống, nhóm. Có Pāḷi chú giải như sau: "*Rassathenakhandho*: Uẩn tức là khối, chùm v.v..." và "*Anekadukkhehi khajjantīti = khandhā*: những pháp bị khổ nhai ăn, tức là bị sanh, già, khổ, chết (chỉ cho Uẩn)."

Như vậy,Thọ uẩn là những khối, nhóm phải hứng chịu "cảnh" trên năm phương diện: Khổ Thọ, Lạc Thọ, Ưu Thọ, Hỷ Thọ, Xả Thọ, như là hưởng cảnh xúc không tốt , không thích hợp với thân thanh triệt, hưởng cảnh xúc thích hợp (thích sướng thân), hưởng cảnh không ưa thích , không ưa muốn, hưởng cảnh đáng mong mỏi (vui lòng), hưởng cảnh trung bình.Thọ uẩn là một trong những trạng thái pháp bị khổ nhai ăn trên khía cạnh hứng chịu, tức là hứng chịu sự sanh, già, khổ, chết.

* Tưởng uẩn (*Saññākhandha*):Tưởng *(Saññā)*có nghĩa là cách nhớ tưởng, sự nhớ tưởng, thái độ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng Ý Thức Giới. Khi nào như thế đó mới gọi là tưởng có trong khi ấy. Thực tính,bản chất của Sở hữu Tưởng là cách nhớ tưởng, trạng đến, nghĩ đến, nhớ trùng, có cảnh hiển lộ. Nương theo 6 cảnh, ta có 6là: Sắc Tưởng, Thinh Tưởng, Khí Tưởng, Vị Tưởng, Xúc Tưởng và Pháp Tưởng.

Như vậy: tưởng Uẩn là những khối, nhóm tưởng, tưởng nhớ "cảnh" trên phương diện nhớ lại hay nhớ trùng, nhớ, tưởng.Tưởng uẩn là một trong những trạng thái pháp bị khổ nhai ăn trên khía cạnh nhớ tưởng, nhớ trùng tức là cách hiện lộ cảnh mà chi phối bởi sự sanh, già, khổ, chết.

* Hành uẩn (*Saṅkhārakhandha*):Hành *(Saṅkhāra)* ở đây có nghĩa là đào tạo, sự ráng sức hành động, trạng thái bị tạo.Pháp nào chuyên môn tạo tác, pháp ấy gọi là Hành (*Saṅkhataṃ saṅkharonti abhisaṅkharontīti = Saṅkhārā*). Hay là, bị tạo mà điều khiển thân, khẩu, ý gọi là Hành (*Saṅkhata kāyavacīmanokammaṇ abhisaṃ*).Hành *(Saṅkhāra)* như là:

- Chuyên sửa sang sắp đặt làm cho tâm trong sạch, gọi là phúc hành.
- Tạo tác sắp đặt và trái ngược với phước, nên gọi là phi phúc hành.
- Không lay động và trao dồi sắp đặt, nên gọi là bất động hành.
- Điều khiển thân gọi là thân hành.
- Điều khiển nói gọi là khẩu hành.
- Điều khiển nghĩ ngợi gọi là tâm hành.

Như vậy:Hành uẩn là khối nhóm hoạt động, chuyên đào tạo, cố quyết tạo Nghiệp, Sắc Nghiệp ,Tâm Quả Hiệp Thế, đề đốc pháp câu sanh và bị trợ bởi Vô Minh.Hành uẩn là những trạng thái pháp bị khổ nhai ăn trên khía cạnh hành vi tạo tác, khối nhóm hoạt động bị ép

sanh diệt, tức là cách hiển lộ hành vi điều khiển thân, khẩu, ý mà chi phối bởi sự sanh, già, khổ, chết.

* Thức uẩn (*Viññanakhandha*):Thức *(Viññana)*ở đây là biết cảnh (cách đặc biệt), hướng đạo cho Sở hữu và Sắc Nghiệp, nối chặng giữa của đời trước và đời sau, có Tam hành hoặc sáu vật hay sáu cảnh trợ.Tam Hành ở đây là:

- Phi phúc hành: đây chỉ cho trừ Sở hữu Tư hợp với tâm Si Điệu cử, còn lại hợp 11 thứ Tâm Bất thiện làm Nhân, thành tựu Quả Bất thiệntức là Tâm Thẩm tấn Câu Hành Xả của Bất thiệnấy cho đi tái tục Tứ Ác Thú (Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Bàng Sanh và Atula Khổ).
- Phúc hành: là Sở hữu Tư hợp với 4 thứ Tâm Đại Thiện bất tương ưng bậc hạ làm Nhân trợ cho Tâm Thẩm Tấn Quả Thiện Vô nhân Xả Thọ là Quả tái tục thành người Lạc Vô Nhân, tức là Nhân Loại và Chư Thiên cõi Tứ Thiên Vương bậc thấp mà có tật từ lúc tái tục.
- Phúc hành: về Sở hữu Tư hiệp 4 thứ Đại thiện Bất Tương Ưng bậc cao và 4 thứ Đại thiện Tương Ưng bậc thấp làmNhân cho tái tục, thời đặng bốn thứ Tâm Đại Quả Bất Tương Ưng là Quả cho tái tục thành người Nhị Nhân, tức là Nhân Loại và Chư Thiên Lục Dục Nhị Nhân.

Lại nữa:

- Phúc hành: là Sở hữu Tư hiệp Đại thiện Tương Ưng bậc cao làm Nhân cho Quả tái tục, thời đặng bốn thứ Tâm Đại Quả Tương Ưng cho quả tái tục thành Nhân Loại và Chư Thiên Lục Dục Tam Nhân.
- Phúc hành: là Sở hữu Tư hiệp 5 thứ Tâm Thiện Sắc giớitrợ tạo tâm tái tục Sắc giới, tức là thành tựu 5 thứ Tâm Quả Sắc giớicho quả tái tục thành Phạm Thiên trong 15 cõi Sắc giới hữu tâm.
- Bất động hành:là Sở hữu Tư hiệp 4 thứ Tâm Thiện Vô Sắc giới, thời đạt bốn thứ Tâm Quả Vô Sắc giớicho Quả tái tục thành người Vô Sắc giới.

Thức (*Viññana*): ở đây là chủ trương của sự biết cảnh.

Như vậy: Thức uẩn là những khối, chùm, nhóm trong sự chủ trương biết, biết cảnh, trạng thái nhận ra đối tượng.Thức uẩn là một trong những trạng thái bị khổ nhai ăn trên khía cạnh biết cảnh, níu quớ trên cảnh mà bị ép sanh diệt theo thời gian không gián đoạn, vì không có sự ngừng nghỉ trong trạng thái biết (cảnh), dù trong lúc ngủ vẫn có tâm làm việc (hộ kiếp, hữu phần) nên Thức uẩn vẫn là pháp bị khổ nhai ăn tức là bị sự sanh, già, khổ, chết.

* Tương Ưng(*Sampayutta*):nghĩa là hòa trộn, hòa hợp tức là sự hòa trộn giữa danh pháp với nhau như tâm hòa hợp với Sở hữu và Sở hữu hòa trộn với tâm, giống như nước hòa với sữa.Tương Ưng nói theo trạng thái thì đây là mãnh lực trợ giúp ủng hộ theo cách hòa trộn hòa hợp giữa UẩnDanh với UẩnDanh, như Thức uẩn trợ Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn; hay

Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn hòa cùng Thức uẩn.Tương Ưng nói theo cách khác, là pháp hộ trợ cùng nhau gọi là Tương Ưng Duyên(*Sampayuttapaccayo*).

Đơn cử:Đại thiện Tương Ưng Trí có nghĩa là trạng thái tâm tốt lành (Đại thiện) mà có hòa hợp với sự sáng suốt (Tương Ưng Trí).

Thí dụ:người trì giới suy xét rằng: "ta thu thúc thân, khẩu, ý với trạng thái tâm tốt, yên tịnh trước ngoại cảnh, kềm giữ thân, khẩu, ý ác nghiệp (giữ giới, hành động thiện), việc làm này giúp cho ta có sự lợi ích, lợi lành trong hiện tại và sẽ trợ giải thoát trong vị lai (tương ưng trí).

* Thân Nghiệp*(Kayakamman)*:đây là chỉ bày hành động thuộc về thân, bao gồm cả Thiện, Bất thiện, tức là Sở hữu Tư *(Cetanā)* hợp với 8 thứ Tâm Đại thiện, 12 thứ Tâm Bất thiệncố quyết điều khiển thân hành động.

* Khẩu Nghiệp *(Vācīkamman)*:đây là chỉ bày hành động thuộc về khẩu, bao gồm cả Thiện, Bất thiện, tức Sở hữu Tư *(Cetanā)* hợp với 8 thứ Tâm Đại thiện, 12 thứ Tâm Bất thiệncố quyết điều khiển khẩu nói năng.

* Ý Nghiệp*(Manokamman)*: đây là chỉ bày hành động thuộc về ý, bao gồm cả Thiện, Bất thiện, tức là Sở hữu Tư *(Cetanā)* hợp với 12 thứ tâm Bất thiện và 17 thứ Tâm Thiện Hiệp Thế (Đại thiện 8 + Thiện đáo đại 9) điều khiển ý.

* Sở Sanh*(Samuṭṭhāna)*: là sanh từ nơi, sự phát sanh từ nơi, còn gọi là đặng khởi hay đẳng khởi pháp. Nói về lý thì nghĩa là "nền tảng", như Nhị Đề Có Tâm Làm Sở Sanh (Nền tảng):

- Tất cả Pháp Có Tâm Làm Sở Sanh, Nền Tảng là Sở hữu và Sắc Tâm.
- Tất cả Pháp Không Có Tâm Làm Sở Sanh, Nền Tảng là Tâm, Sắc Nghiệp, Sắc Quí Tiết, Sắc Vật Thựcvà Níp Bàn.

* Thực Tính *(Sabhāva)*:"Thực" ở đây có nghĩa là thật, bản chất, bản chất thật, cố nhiên , tự nhiên, vẫn như như không trái lại của bản chất thật *(Paramatthasacca)*."Tính" ở đây theo từ điển Hán – Việt của Đào Duy Anh, có nghĩa là cái nguyên lý sở dĩ sinh ra người, bản chất của người hoặc của vật...còn lý trong Phật giáo là tính chất, bản chất hay tư cách hoặc cách thức thật.Chữ "Thực Tính" là trạng thái không thay đổi, không sai khác.Thực Tính *(Sabhāva)* hay thực tính pháp khi hiện bày có bốn (4) ý nghĩa:

1. *Lakkhana* (trạng thái): nghĩa là tướng trạng, hay chơn tướng,tức trạng thái hay tư cách, cách thức thật như Tâm (*Citta*) là biết cảnh, Sở HữuTâm (*Cetasika*) là phần phụ thuộc Tâm, Sắc Pháp là tiêu hoại đổi thay, Níp Bàn là vắng lặng, bất động, vô ấn chứng.
2. *Rasā*(phận sự): tức là việc làm hay cách hành động hoặc bổn phận.
3. *Pacupaṭṭhānā*(thành tựu): đây là sự chỉ bày hoàn thành, hay kết quả đắc thành, hoàn bị v.v...
4. *Padatthānaṃ* (nhân cận): hay nhân cần thiết tức điều kiện để trợ sanh.

Đơn cử: Thực tính nói về tâm *(Citta)* như sau:

a. *Lakkhana* (trạng thái): là sự biết, tức là biết cảnh

b. *Rasā* (phận sự): là dẫn dắt, hướng đạo Sở Hữu*(Cetasika)*

c. *Pacupaṭṭhānā*(thành tựu): là cách nối nhau liên tiếp (kề liền nhau)

d. *Padatthānaṃ*(nhân cận): có danh - sắc tức Sở Hữu, cảnh *(Ārammana)* và sắc pháp *(Rūpa)*

* Dị Thục Quả (*Vipāka*):

- Chữ "Dị" có nghĩa là khác, riêng, đặc biệt.
- Chữ "Thục" có nghĩa là chín (như quả chuối chín, cam chín vàng), được mùa, hay có nghĩa là giúp cho thành tựu.
- "Dị Thục Quả – *Nānakkhanikavipāka*" nói theo nghĩa lý Phật giáo là trợ thành tựu quả khác thời gian."Dị Thục Quả" là do mãnh lực Dị Thời Nghiệp –(*Nānakkhanikakamma*) tức là sức mạnh tạo ra Quả và Sắc Nghiệp, do Sở hữu Tư hợp với Tâm Thiện hay Bất thiệnđể lại ảnh hưởng. Hay nói cách khác, là mãnh lực trợ giúp ủng hộ bằng cách nghiệp khác thời kỳ, cho quả khác thời gian (Dị thục quả), hay là nhân hành động (Dị thời nghiệp) thành tựu quả sanh ra khác sát na hoặc do thành tựu tiến hóa riêng các sát na đã tạo (Dị thục quả).

* Dục giới (*Kāmavacara*):

- Chữ "Dục" nghĩa là muốn, ham, lòng muốn, ước muốn, ước nguyện, động lực thúc đẩy.Chữ "Dục" theo nghĩa Phật giáo "*Chanda*" là sự muốn, hoài bảo, ý ước muốn. Theo Ngài Đại trưởng lão Tịnh Sự trình bày thì "Dục" là "sự thích hợp vừa vặn".
- Chữ "Giới" nghĩa là cảnh địa, hạn (hạn định), cách (ngăn cách).Chữ "Giới - *Vacara*" là cõi hay là bản chất (*Dhātu*), là phân biệt riêng có ranh, giới hạn sự hành vi theo của nó.
- "Dục giới": là nơi, chốn, cõi cho người dục giới nương. Cõi Dục giới còn gọi là Cõi Dục Lạc (*Kāmasugatibhūmi*). Cõi nào là chỗ sanh phiền não dục và vật chất dục thì cõi ấy gọi là cõi dục tức Dục giới (đa sanh, đa sân): *Kamassabhavoti = kāmo.*"Dục giới" là cõi mà chúng sanh nương, chuyên môn biết cảnh dục, dục lạc (*Kāmetīti = Kamo*), Dục giới hay cõi Dục giới được phân chia thành 11 cõi: Địa ngục, Bàng sanh, Ngạ quỉ, Atula, Nhân loại, Tứ thiên vương, Đạo lợi, Dạ ma, Đẩu xuất, Hoá lạc, Tha hóa tự tại thiên.

* Sắc giới (*Rūpavacara*):"Sắc"ở đây nghĩa là chỉ bày các tướng trạng như Đất, Nước, Lửa, Gió v.v..."Sắc" gồm có 3 là Sắc ái, Sắc mãn ývà 28 thứ Sắc pháp. Như vậy,"Sắc giới" hay Cõi Sắc giới là nơi, chốn, chỗ sanh Sắc Vật Chất và Sắc Phiền Não, vì trên hơn những cõi hưởng ngũ dục là Dục giớimà chưa đến cõi Vô Sắc, nên chỉ gọi là Sắc giới. Hay là những bậc sanh về đây có trạng thái tâm chuyên môn biết cảnh đề mục còn hình thức, tức là hưởng thành tựu cõi Thiền Sắc giới.

* Vô Sắc giới (*Arūpavacara*):"Vô" có nghĩa là không, không cần, chớ, có ý cấm chỉ..."Vô Sắc giới": cõi nào là chỗ sanh thứ vô sắc và phiền não vô sắc, chỗ đó gọi là cõi vô sắc (chữ Giới ở đây được chỉ là cõi, tức chữ "Cõi" nghĩa như chữ "Giới")."Vô Sắc giới" là chỗ nương cho bậc đã chứng đắc bốn loại thiền (Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tưởng phi phi tưởng xứ). Những người chỉ nương theo cảnh không hình thức (Không Sắc Tướng) nên gọi là người Vô Sắc, tức dạng chúng sanh tâm chỉ biết cảnh trong đời mà không có hình thức.

* Tố (*Kiriya*):

- Chữ "Tố": theo từ điển (nhiều soạn giả) có nghĩa là làm, hành động, biểu diễn, không (không cho thành tựu)...Chữ "Tố" theo Phật giáo có nghĩa là chất, bản chất làm chỉ là làm, đây nói có hành động nhưng không để lại quả của hành động.
- Chữ "Tố" có những chữ tương đồng như "Hạnh" hay "Duy Tác"nhưng "*Kiriya*" dịch là "Tố" chuẩn hơn (theo lời giải của đại trưởng lão Tịnh Sự), bởi vì khi trạng thái này sinh khởi không phải là Thiện, không phải là Bất thiện, cũng chẳng phải Quả,như bậc tứ quả tức bậc Vô Sanh Quả (khi chưa Níp Bàn) thì các Ngài vẫn còn thân ngũ Uẩn, nên vẫn còn hành động, mà hành động thường thì có quả của hành động,nhưng riêng hành vi của bậc Ứng Cúng chỉ là bản chất phải làm, tức là làm chỉ là làm, nên gọi là Tố hay Tâm Tố, chẳng khác chi cái trớn chạy hoặc tỷ như bông vụ xoay theo sức đánh;vì còn thân Ngũ Uẩn, tức Sắc Nghiệp và Tâm Quả chưa dứt hết, nên bậc Thánh Vô Sanh này gọi là Hữu Dư Níp Bàn, ám chỉ đắc Tứ Đạo và Tứ Quả rồi mà còn sống. Hay nói cách khác, bậc thánh tột này đắc Níp Bàn mà Sắc Nghiệp và Tâm Quả còn sanh do phiền não quá khứ, đó gọi là hữu dư.Tóm lại, Tố hay Tâm Tố nghĩa là làm chỉ làm, chớ không do mãnh lực nghiệp tạo và cũng chẳng để chủng tử tạo tâm khác,tỷ như hướng đạo gặp việc làm ngay rồi cứ đi luôn, nào quan tâm tiền công *(Mahakiriyaciita)*.

* Vô Vi Giới (Asaṅkhatavacara):

- Chữ "Vi": nghĩa là làm, hành động, hành vi.
- Chữ "Vô Vi": nghĩa là không có làm, không có hành động, không có hành vi."Vô Vi" còn có nghĩa là không nguyên nhân để cung cấp, không tạo tác, không có sự cấu tạo."Vô Vi" ở đây là không còn bị duyên (*Paccayo*) trợ tạo, vượt khỏi đời (*Loka*)."Vô Vi - *Asaṅkhata*" có nghĩa là không bị tạo tức Níp Bàn (vắng lặng, bất động, vô ấn chứng).
- "Vô Vi Giới" ở đây có nghĩa là sự hết ái (*Taṅhā*), hết sân, hết si.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Thiện*(Kusalātika)* là phần gom tụ Pháp Siêu Lý thành ba trạng thái pháp là: Pháp Thiện, Pháp Bất thiện và Pháp Vô Ký.

1. Pháp Thiện*(Kusalādhammā)*: bản chất tốt đẹp, khôn khéo, không bệnh hoạn, không tội lỗi và nhân có quả vui. Đây là trạng thái bài trừ hay đánh đổ các ác pháp không cho sanh khởi.
2. Pháp Bất thiện(*Akusalādhammā*): bản chất không tốt đẹp, không khôn khéo, bệnh hoạn, pháp tội lỗi và pháp cho quả khổ. Đây là trạng thái hiệp tác với pháp xấu, không tốt lành và ngăn chặn pháp thiện sanh khởi.
3. Pháp Vô ký (*Abyākatādhammā*): là bản chất với trạng thái không kể là tốt hay xấu, Thiện hay Bất thiện, nghĩa là nói đến những pháp nào không có tính chất thiện cũng chẳng Bất thiện, chẳng phải nhân cho kết quả khổ hay vui.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả PhápThiện là 37thứ tâm Thiện và 38 SHH. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợpvới 37 thứ tâm Thiện
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 37 thứ tâm Thiện
3. Hành uẩn là 36 SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợpvới 37 thứ tâm Thiện
4. Thức uẩn là 37 thứ tâm Thiện

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà 37 thứ tâm Thiện
2. Pháp xứlà 38 SH(hợp vớI37 thứ tâm Thiện)

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà 37 thứ tâm Thiện
2. Pháp giới là 38 SH(hợp vớI37 tâm Thiện)

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 17 thứ tâm Thiện hiệp thế + 38 SHH
2. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn)vớitâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là tâm Đạo và 28 SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp ThiệnlàĐại thiện (8) + Thiện Đáo Đại (9) + Tâm Đạo (20) + 38SHH

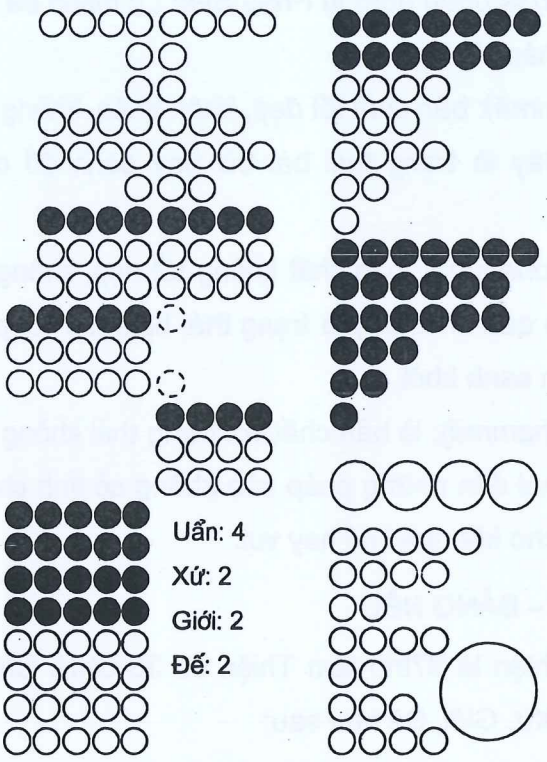

▶ Câu 2:Tất cả PhápBất thiện là 12Tâm Bất thiện, 27SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với 12 thứ tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 12 thứ tâm Bất thiện
3. Hành uẩn là 25 SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 12 thứ tâm Bất thiện
4. Thức uẩn là 12 thứ tâm Bất thiện

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà 12 thứ tâm Bất thiện
2. Pháp xứlà 27 SH(hợp với 12 thứ tâm Bất thiện)

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà 12 thứ tâm Bất thiện
2. Pháp giới là 27 SH (hợp với 12 thứ tâm Bất thiện)

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 12 thứ tâm Bất thiện + 26 SH (đã trừ SH Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả PhápBất thiệnlà Tham (8) + Sân(2) + Si (2) + 27 SHH

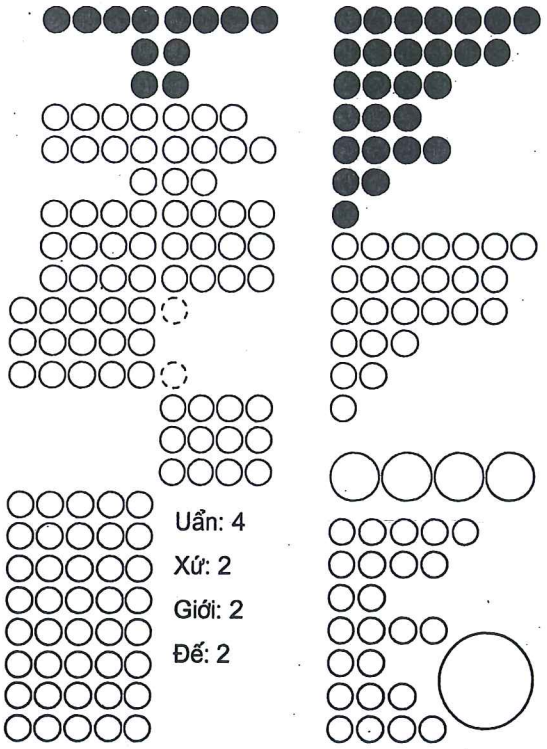

▶ Câu 3:Tất cả PhápVô ký là 72 thứ tâm Vô Ký, 38SHH, Sắc Pháp, Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với 72 thứ tâm Vô Ký
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 72 thứ tâm Vô Ký
4. Hành uẩn là 36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 72 thứ tâm Vô Ký
5. Thức uẩn làtâm Vô Ký

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11.Ý xứlà 72 thứ tâm Vô Ký

12.Pháp xứ là 16 Sắc Tế, 38 SH hợp với tâm Vô ký và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilà Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giớilà đôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giớilà đôi Tỷ thức

14.Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ Song Thức

16.Ý giớilà Đôi Tiếp thâu vàKhai ngũ môn

17.Ý thức giới là 59 TâmVô ký (đã trừ Ngũ song thức + Ý giới)

18.Pháp giới là 16 Sắc Tế, 38 SH hợp với tâm Vô ký và Níp Bàn

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 52 thứ Tâm Vô ký Hiệp Thế + 35SHH + Sắc Pháp
2. Diệt đế là Níp Bàn

Ngoại đế là 20 Tâm Quả Siêu thế+ SHH

Tất cả PhápVô ký làTâm Quả Vô nhân (15) + Đại Quả (8) + Quả Đáo Đại (9) + Quả Siêu thế (20) + Tố Vô nhân (3) + Đại Tố (8) + Tố Đáo Đại (9) +38SHH + Sắc Pháp (28) + Níp Bàn

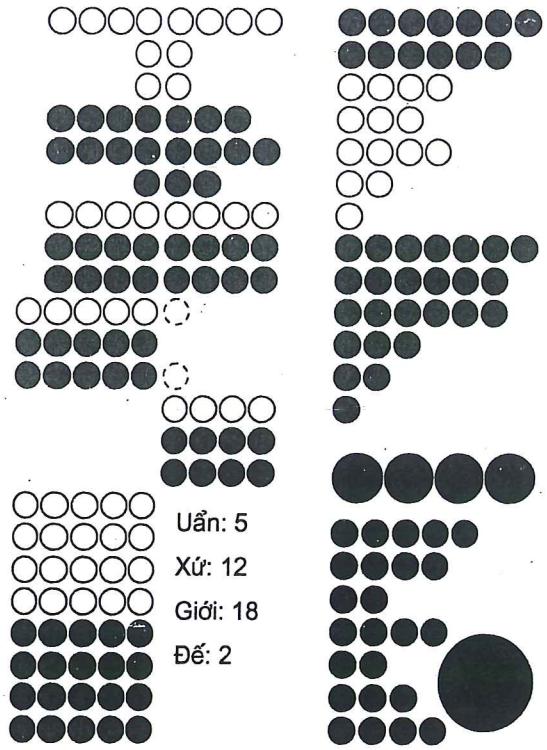

Tam Đề Thiện: tên đề được lấy chiết bán một câu trước (câu 1: tất cả Pháp Thiện) mà đặt riêng nên gọi là Tam Đề Chiết hay Chiết Bán cho dù 2 câu sau có điều pháp và chi pháp khác, tất cả Pháp Bất thiện, tất cả Pháp Vô Ký. Do lấy hết Pháp tức gồm chung chi Pháp Siêu Lý (Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp, Níp Bàn), nên gọi là Tam Đề Vô Dư.VậyTam Đề Thiện là Tam Đề Chiết – Vô Dư.

I. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Thiện:*Kusalā dhammā* - Tất cả Pháp Thiện.

Là những trạng thái nào thanh lọc cơ tánh, làm cho Pháp câu sanh Tịnh Hảo, vắng lặng Pháp Bất thiện thì pháp ấy gọi là Thiện. Có Pāḷi chú giải như vầy: *"Kucchite pāpadhamme salayati kampeti viddhaṃsetīti = Kusalā":* làm cho những tội ác gớm ghê phải bị bài trừ, như thế gọi là Thiện.

* *Chư PhápThiện là chi?*

Ba Căn Thiện là Vô Tham, Vô Sân và Vô Si; Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với Căn Thiện; Thân Nghiệp, Khẩu Nghiệp và Ý Nghiệpcó Căn Thiệnlàm sở sanh. Những chơn tướng (thực tính) này gọi là chư Pháp Thiện.

Đức Phật Ngài giảng dạy về Pháp Thiện là những trạng thái tâm khi sanh lên có tính chất bài trừ tội lỗi ác xấu, vì khi một sát na tâm thiện hiện khởi, trong đó câu sanh các trạng thái

yên tịnh tốt đẹp khác như Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tín, Niệm, Tàm, Úy, Trung Bình, Tịnh, Khinh, Nhu, Thích, Thuần, Chánh Thân, Chánh Tâm... bởi vì:

- Vô Tham:là bản chất của sự xả thí (bố thí). Với đặc tính và ý nghĩa là không dính mắc, không đắm nhiễm, không cột cứng và hiện bày không ham muốn, Vô Tham như giọt nước trên lá sen, như vị Phíc Khú đã giải thoát, Vô Tham đẩy lùi sự bỏn xẻn và Bất thiện ái chấp.
- Vô Sân: thể hiện cách không độc ác, sự không ác hại, chống đối với Pháp ác, như một bạn hữu hòa thuận. Vô Sân với nhiệm vụ là bài trừ thù hận, oan trái, hay là trừ đi cái nóng nảy như lõi trầm hương. Vô Sân được xem là sự trong suốt như ánh trăng rằm,Vô Sânlà PhápThực Tính thể hiện sự thông suốt , không sai lầm như sự xuyên qua của mũi tên mà người thợ săn đã bắn trúng đích.
- Vô Si: là hành động của sự soi sáng cảnh như ngọn đèn. Vô Si là pháp thành tựu như người rành mạch đi đến rừng và ra khỏi khu rừng ấy. Vô Si là bài trừ sự tối tăm mê mờ trong cảnh.
- Tín: có trạng thái là "tin cậy" tức tin Tam Bảo, tin nghiệp quả đời này và đời sau. Thể hiện cách "tịnh tín" như ngọc Mani làm cho nước trong sạch hoặc như vượt qua dòng nước cuồn cuộn, tức sự dũng mãnh nhảy vào khi vượt qua dòng nước chảy cuồn cuộn ấy, đây là sự đưa đến "kính tin" do Tâm không dơ bẩn, đặng trong sáng , không tối tăm. Bởi có nhân vật đáng tin nhất là Đức Phật, Giáo Pháp, Chư Tăng... và do đặng nghe chánh pháp, nên "Tín" phát sanh. Tín bài trừ sự nghi hoặc, nghi chuyên (tà tín).
- Niệm: hay Chánh Niệm là sự không quên lãng, không nhầm lẫn do có cách chăm nom khi đối diện cảnh , hiện bày sự thể hiện Niệm Xứ như Niệm Thân, Niệm Thọ, Niệm Tâm và Niệm Pháp. Ta nên thấy, niệm như cột cờ đứng thẳng được vững chắc bởi do chôn cứng dưới đất, cũng như Tâm khắng khít trong cảnh một cách vững chắc, gìn giữ khi biết ngay đặng cảnh bằng sự tỉnh thức, giống như người gác cổng lúc gác cửa thì nhận ra ngay khi có người đến, dù tốt hay xấu...
- Tàm: đặc tánh thẹn với Thân ác hạnh, Khẩu ác hạnh, Ý ác hạnh...gọi là Tàm,hay là sự hổ thẹn với pháp ác cũng gọi là Tàm. Tàm hay là Sở hữu Tàm là loại Sở hữu có tính chất nâng đỡ giúp cho các pháp câu sanh không tiếp giáp với hành động Bất thiện tức thoái thoát cách làm tội lỗi, hổ thẹn ngại ngùng việc xấu xa tội ác.
- Úy: là một pháp thực tính làm cho thấy biết và tránh xa với việc ác do ghê sợ, kinh tởm và co rút lại trước việc ác xấu. Người có lòng Úy bởi sự trọng ân đức của người khác nên không khởi động làm các việc Bất thiện vậy.
- Trung Bình: trạng thái làm cho pháp câu sanh quân bình, quân bình đối với cảnh, không làm cho pháp câu sanh so le, chênh lệch.

- Tịnh: tức Sở hữu Tịnh Thân và Tịnh Tâm có trạng thái cách tịnh, yên – ly Bất thiện của Sở hữu và Tâm, Thân tâm vắng lặng mát mẻ,đối trị vật dục phiền não, đối trị sự sôi nổi nóng nảy bằng cách yên tĩnh, thái độ thanh tịnh.
- Khinh: tức Sở hữu Khinh Thân và Khinh Tâm,có trạng thái lìa sự nặng nề của Sở hữu và Tâm, là pháp bài trừ Hôn trầmvà Thụy miên.
- Nhu: tức Sở hữu Nhu Thân và Nhu Tâm,có trạng thái trấn an cứng sượng, không uể oải của Sở hữu và Tâm, mềm dịu thuộc Sở hữu và tâm, đây là trạng thái bài trừ Tà kiếnvà Ngã mạn.
- Thích: tức Sở hữu Thích Thân và Thích Tâm,có trạng thái tâm và Sở hữu hành động bằng cách thích hợp với công việc thiện hay Tâm và Sở hữu bắt cảnh vừa vặn thích hợp,đối nghịch với các pháp triền cái còn lại.
- Thuần:tức Sở hữu Thuần Thân và Thuần Tâm,có trạng thái trị an bệnh hoạn của Sở hữu và Tâm, thành tựu có Tâm và Sở hữu khỏi lỗi xấu hoặc dứt hay lìa Phiền Não, bệnh Tà kiến, Ngã mạnv.v...
- Chánh: tức Sở hữu Chánh Thân và Chánh Tâm,có trạng thái là cách ngay thẳng, sự chánh trực của Tâm và Sở Hữu, là pháp đối nghịch với hư ngụy, man trá, bất tín.

Ngoài ra, khi Pháp Thiện sanh khởi còn có các pháp câu sanh khác, nhưChánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Bi, Tùy hỷ, Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Nhất thống, Mạng quyền (Danh), Tác ý, Tầm, Tứ, Thắng Giải, Cần, Hỷ, Dục (Thiện).Như thế, chúng ta thấy khi một tâm thiện khởi sanh (trong một sát na tâm), câu sanh nhiều trạng thái pháp tốt khác, để thể hiện nhiều việc lành.

Thiện phân theo cảnh giới có 4 phần:

a. Tâm Thiện Dục giớiTịnh hảo Hữu Nhân *(Sobhanakāmāvacara kusalacitta).*

b. Tâm Thiện Sắc giới(Rūpavacara kusalacitta).

c. Tâm Thiện Vô Sắc giới(Arūpavacarakusalacitta).

d. Tâm Thiện Siêu thế(Lokuttarakusalacitta).

A. Tâm Thiện Dục giới Tịnh Hảo Hữu Nhân*(Sobhanakāmāvacara kusalacitta)*: tâm thiện dục giới tịnh hảo hữu nhân, còn tên gọi đại thiện vì làm đủ mười điều hạnh phúc (thập phúc hành tông) và sanh cho nhiều người, nhiều cõi, hoặc nhân ra đặng nhiều điều như là:

- 8 thứ tâm đại thiện nhân cho 10 hạnh phúc thành 80 điều
- Lấy 80 điều nhân cho 6 Cảnh (Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp) thành 480 điều
- Lấy 480 điều nhân cho 4 Trưởng (Dục, Cần, Tâm, Thẩm) thành 1.920 điều
- Lấy 1.920 điều nhân cho 3 Nghiệp (Thân, Khẩu, Ý) thành 5.760 điều
- Lấy 5.760 điều nhân cho 3 bậc (hạ, trung, thượng) thành 17.280 điều (nhất vạn thất thiên nhị bách bát thập). Do đó mới có tên là đại thiện.

Chúng ta tìm hiểu mười điều hạnh phúc đó là gì?Gọi là phúc hay phước như nhiều người thường nói, thường nghe nhưng ít ai nhận định đầy đủ, phần nhiều chỉ cho Bố Thí *(Dānamaya)* là phước mà thôi, còn 9 điều hạnh phúc nữa như sau:

- Trì Giới Thành *(Sīlamaya)*
- Tu Tiến Thành *(Bhāvanāmaya)*
- Cung Kính Thành *(Apacāyanamaya)*
- Phụng Sự Thành *(Veyyāvaccamaya)*
- Hồi Hướng Thành *(Pattidānamaya)*
- Tùy hỷ Thành *(Pattānumodanāmaya)*
- Thính Pháp Thành*(Dhammassavanamaya)*
- Thuyết Pháp Thành *(Dhammadasanāmaya)*
- Kiến Thị Thành *(Ditthujukammamaya)*

Để làm rõ mười việc tạo chớ chẳng phải bố thí mà thôi, vì xét theo Pāḷi chú giải như vầy: *"Atāno santānaṃ punati sodhetīti = puññaṃ"* nghĩa là những chi rửa sạch cơ tánh ta, đó gọi là phước tức là những sự vật làm cho tâm ta đặng tốt, tốt đẹp có mười điều như đã kể.

Lược giải thập hạnh phúc (Thập Phúc Hành Tông)

1. **Bố Thí Thành:** là cách Tâm đặng trong sạch, tốt đẹp cũng do bố thí, tức là chia sớt những vật đáng chia sớt (cho ra) như của cải, sự hiểu biết v.v... Bố thí có 2 phần: Tài Thí và Pháp Thí.
2. **Trì Giới Thành:**là Thọ, Nguyện, Giữ Giới như là Ngũ giới, Bát Thanh Tịnh Giới, Thập Thiện ngăn Thập Ác, cho đến Sadi và Phíc-Khú Giới (*Bhikkhusilaṃ*).
3. **Tu Tiến Thành:**là tu Định (*Samadhi*) đây nương vào 40 đề mục (Pháp Chỉ), và tu tuệ tức hành Tứ Niệm Xứ (Pháp Quán-*Vipassānañāṇa*).
4. **Phụng Sự Thành:** phụng hành theo đúng lẽ phải, hay phục vụ theo lối chơn chánh.
5. **Cung Kỉnh Thành:** là lễ phép theo các tục nghi, như Kính Lễ tam bảo, bậc trưởng lão, người có phạm hạnh, bậc sinh thành v.v...
6. **Hồi Hướng Thành:**là nhớ việc phước, hành động thiện đã làm, rồi tưởng, nói, chia cho người quá vãng, hay người hiện tiền.
7. **Tuỳ Hỷ Thành:**là vui mừng theo sự cho phước, hay lợi lành của người khác, hoặc mừng dùm trước sự thạnh lợi chân chánh của chúng sanh.
8. **Thính Pháp Thành:** là nghe những lời lẽ chơn chánh, lợi ích, tiến hoá trong sự tu như pháp Phật dạy, hiền trí chỉ giáo mà khởi sanh tâm tịnh hảo, cho đến đặng đường lối đạo quả, diệt khổ v.v...
9. **Thuyết Pháp Thành:**là những lời lẽ chân chánh làm cho người nghe đặng sanh tâm tốt mà tỏ ngộ, chứng quả v.v... Thuyết pháp thành là giảng dạy những điều làm cho đặng

lìa dục vọng, xa lìa khổ, tan rã phiền não, thiểu dục, tránh rộn rực đông đảo, tinh tấn và dễ nuôi (bát đoán thị pháp Phật).

10. Kiến Thị Thành (Cải chánh):là sự nhận thấy đúng với lẽ phải đối với 9 điều trên cho là nên làm, đáng thực hành, thế nên rắp tâm áp dụng đúng theo tất cả điều phước, tức là kiến thức sáng suốt phân định giá trị các điều vừa nêu là đúng chân chánh. Nhân thiện cho kết quả yên tịnh tốt đẹp.

Lưu ý:Phần đại thiện là tâm tốt, tâm yên tĩnh mỹ hảo, tâm trong sáng , sáng suốt, nhưng có rất nhiều trường hợp khi sanh khởi khác nhau. Tóm lại, có 10 trường hợp do nương theo Thập Phúc Hành Tông (thập hạnh phúc),dẫn chứng như sau:

1. Thân, Tâm đồng bỏ vật ra "Xả Tài", thứ nhất là tài vật chia giúp kẻ khác, theo nhiều cách nói khác nhau như cho, hộ, cúng, dâng, tặng v. v...đều chẳng khác lý.
2. "Trì Giới", đây chỉ trình bày 2 cách ngừa và ngăn. Ngừa như khi nguyện thọ đối với Tam Bảo, nếu thiếu duyên mà phát tâm mạnh thì tự nguyện Ngũ giới, Bát thanh tịnh giới. Còn đối với bậc xuất gia cần phải thọ theo nghi thức, cần đọc Pāḷi cho rõ giọng, trúng giọng và có Thầy tế độ cùng Tứ Bạch Yết Ma làm tăng sự (đọc tuyên ngôn...) mới đắc bậc xuất gia.
3. "Tu Tiến" tức đang tiến hành mà tâm đại thiện bắt (cảnh) đề mục cho đến đặng Níp Bàn, hay là tâm đại thiện phát sanh trong khi tu định (*Samadhi*) bằng 40 đề mục và tu tuệ (Tứ Niệm Xứ) gọi là tu quán (tu tiến pháp quán).Hoặc tu luyện ngoài ra đề mục nói trên mà có tâm đại thiện phát sanh, cũng gọi là tu (Cận định v.v...) nhưng không đắc thiền và đạo quả giải thoát.Còn tu ngoài đề mục mà tâm Bất thiện phát sanh, nhất là tâm tham do luyện phép ưa thích đều không đáng kể.
4. "Cung Kính" như đang thực hiện hành động xá, lạy, thưa, dạ, chào, khép nép...hoặc những cách khiêm nhường, khiêm tốn với nhau, cung kính bậc cao kính ngưỡng tức cung kính, kính trọng bậc đáng kính trọng,lúc đang thể hiện các hành động này gọi là cung kính thành tức đang lúc ấy thực hành đều là tâm tốt tất cả (thiện). Nếu trái lại, diện phục (đối mặt không phục) tâm không phục, đều chẳng phải tâm thiện, mà tâm Bất thiện thì không phải cung kính đúng nghĩa.
5. "Phụng Sự" hay phụng thị thành, đây là nói về sự phục vụ , không phân biệt người trên , kẻ dưới, công việc chánh đáng hay không, khi tâm khởi sanh mong muốn làm, phụng sự, phục vụ bằng tâm tốt (thiện) giúp các công việc cho người được an vui như quét dọn, lau chùi...nơi thờ Phật, liêu cốc, Tăng xá, phục vụ chư Tăng v.v...hoặc giúp đỡ, xây cất nhà cửa nơi bị thiên tai, hỏa hoạn, hay chăm sóc người già cả, kẻ bệnh tật mà không vụ lợi. Hay nói cách khác, phụng sự chân chánh nên hiểu không phải là tất cả cấp dưới đều phải vâng lời cấp trên thì thật có hình thức phục vụ (phụng sự), nhưng lầm (ở đây) khi

đang làm mà do việc ấy tâm Bất thiện phát sanh, làm hay nói thuộc về phần không tốt, cho nên không đúng theo phụng sự thành, bởi vì phụng sự thành bằng tâm thiện (tốt) mới đúng nghĩa lý.

6. "Hồi Hướng Thành" tức chia phước đến chư thiên, người quá vãng hoặc người còn sanh tiền, mà ta tưởng đến hay thuật lại những việc đã làm bằng tâm tốt (thiện) rồi xin hồi hướng , chia phước cho các người trong lúc đó là tâm đại thiện phát sanh. Cách hồi hướng phước thể hiện thiện tâm đang sanh cho người khác cùng phát sanh tâm thiện, vì tâm thiện là nhân tốt ắt hẳn quả lành, mà quả trổ lành thì đặng an vui vậy.
7. "Tùy hỷ" tức vui theo lẽ đạo hay đường lối đúng chân chánh, đây là bằng tâm đại thiện (còn vui theo cái xấu, cái ác...thì không phải là Tùy hỷ chánh đáng). Xét theo lẽ thường (đời thường thức), khi người đời gặp gỡ đối với nhau về tâm lý có 4 cách:
   a. Ác cảm: là đã có hiềm khích, gây oán, oan trái, ấn tượng xấu...trước rồi, do đã từng va chạm hoặc người khác thọc mách, đố kỵ...nên khi diện mục (đối diện) thì hờn oán, giận hờn, mặc cảm xấu cùng nhau, muốn cho kẻ kia tổn hại tiêu diệt...đây gọi là ác cảm.
   b. Tình cảm: do đã có ấn tượng về nhau theo chiều hướng thương, yêu, đèo bồng, nhiễm đắm... khi đối mặt nhau, niềm cảm xúc nhẹ nhàng dễ chịu... Đây gọi là tình cảm, nếu biết tác ý khéo thì tình cảm này sẽ trở thành sự tốt, tức là nghe người tình cảm với ta đặng tiến hóa chi đó như tu theo đường lối Phật Pháp, thiện lành, hiền lương dù cũng mạnh tình cảm, nhưng nghĩ đến vui theo mừng dùm (vui dịu hoà), tâm thiện phát sanh nhiều.
   c. Thiện cảm: đây chỉ cho những người có ơn nghĩa cùng nhau, cho nên khi nghe người có ân với mình đặng lợi lạc, tài vật liền vui theo (Tùy hỷ). Nên hiểu, sự mừng dùm với bậc có ân, được lợi mà phải là chân chánh thì mới gọi là Tùy hỷ thành (thập phúc). Hay là, cách vui theo mừng dùm với lẽ phải, lẽ tốt (thiện) bằng tâm đại thiện như đặng biết sự học, việc làm, nghề và việc làm phải rất hay cho đến sáng kiến v.v...(của người ấy), rồi tùy hỷ vui theo bằng tâm đại thiện.
   d. Chưa phân định: tức là người mà ta chưa ác cảm, tình cảm, thiện cảm. Hoặc người đối với mình chưa có cảm chi (vì mới gặp lần đầu, hay có gặp nhưng dạng bình thường). Thấy người tạo phước, do hiểu về phước tùy hỷ, nên tâm đại thiện phát sanh, vui mừng dùm cũng có.
8. "Thính Pháp" bằng tâm đại thiện, lẽ dĩ thiên mỹ ý quyết nghe lời lành , lẽ phải thì hẳn tâm tốt trong lúc ấy rất nhiều, tức là tâm đại thiện.

9. "Thuyết Pháp" do bằng tâm đại thiện, thì các lời lẽ khi nói ra ắt hẳn có lợi lành, tức những pháp giảng thuyết (Bát Đoán Thị Pháp Phật) làm cho người nghe đặng phước, thì làm sao bằng tâm xấu được?
10. "Kiến Thị" có phần rất khó nhận ra, trừ 9 trường hợp trên và chẳng phải đang sanh tâm Bất thiện hay nhận trước, đang khi, hoặc sau , thấy rằng 9 điều đã trình bày nên làm, tức là sự sáng suốt của tâm hay lương tâm sáng kiến cũng là tâm đại thiện.

Khi thực hành việc thiện, hành vi thiện, hành động thiện có 8 cách khác nhau, vì thế tâm đại thiện có 8 thứ:

1. Tâm đại thiện câu hành hỷ tương ưng trí vô *dẫn*
   (Cittakusala somanas-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)
2. Tâm đại thiện câu hành hỷ tương ưng trí hữu dẫn
   (Cittakusala somanas-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ)
3. Tâm đại thiện câu hành hỷ bất tương ưng trí vô dẫn
   (Cittakusala soma-nassahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)
4. Tâm đại thiện câu hành hỷ bất tương ưng trí hữu dẫn
   (Cittakusala soma-nassahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ)
5. Tâm đại thiện câu hành xả tương ưng trí vô dẫn
   (Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)
6. Tâm đại thiện câu hành xả tương ưng trí hữu dẫn
   (Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ)
7. Tâm đại thiện câu hành xả bất tương ưng trí vô dẫn
   (Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)
8. Tâm đại thiện câu hành xả bất tương ưng trí hữu dẫn
   (Cittakusala upek-khāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ)

Tâm đại thiện phát sanh như thế nào?Tâm đại thiện phát sanh lúc chẳng có tham, sân, si, thời trúng nhằm hạnh phúc. Dù nhớ tâm tốt của ta hay nhớ đến pháp chơn chánh cao siêu,bề ngoài coi như thường chớ trong tâm đều đại thiện.

1. Tâm đại thiện câu hành hỷ tương ưng trí vô dẫn(*Cittakusala somanas-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ*): khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), đồng thời có sự vui mừng (câu hành hỷ), hành động ngay (vô dẫn).Dẫn chứng: trường hợp khi một người khởi sanh ngăn ngừa các việc như không sát sanh, không trộm cướp v.v...với lòng thỏa thích, vui mừng và có suy xét rằng ta thọ trì phần học giới , không sát sanh, không trộm cướp v.v... để làm cho thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp đặng yên tịnh (nơi đây thể hiện Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng có hoà trộn với trí và các pháp câu sanh khác), khi suy xét như vậy (tư tiền), hành động thọ trì

giới (tư hiện), khi thực hành xong (tư hậu), cả ba trường hợp đều có sự suy xét (tam tư cộng tương ưng trí) thì trạng thái này gọi là tâm thiện dục giới hữu nhân câu sanh hỷ thọ, tương ưng trí. Hoặc có Cảnh Sắc... hay là cảnh Pháp hay những chi mở mối sanh ra, trong khi đó thì xúc...vô điệu cử vẫn có. Những pháp như thế gọi là thiện.

2. Tâm đại thiện câu hành hỷ tương ưng trí hữu dẫn*(Cittakusala somanas-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ)*: khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), đồng thời có sự vui mừng (câu hành hỷ) và hòa cùng sự sáng suốt (tương ưng trí), nhưng khi hành động có sự chần chừ (hữu dẫn) nghĩa là lộ tâm khi khởi phải trải qua hai sát nahộ kiếp vừa qua (V) trở lên.
3. Tâm đại thiện câu hành hỷ bất tương ưng trí vô dẫn*(Cittakusala soma-nassahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)*: khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), đồng thời có sự vui mừng (câu hành hỷ), nhưng khi làm không hòa cùng sự sáng suốt (bất tương ưng trí), hành động ngay (vô dẫn).
4. Tâm đại thiện câu hành hỷ bất tương ưng trí hữu dẫn*(Cittakusala soma-nassahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ)*:khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), đồng thời có sự vui mừng (câu hành hỷ), nhưng khi làm không hòa cùng sự sáng suốt (bất tương ưng trí), nhưng khi hành động có sự chần chừ (hữu dẫn) nghĩa là lộ tâm khi khởi phải trải qua hai sát nahộ kiếp vừa qua (V) trở lên.
5. Tâm đại thiện câu hành xả tương ưng trí vô dẫn*(Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ asaṅkhārikaṃ)*: khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), nhưng với trạng thái thản nhiên, bình thường (câu hành xả), có hòa cùng sự sáng suốt (tương ưng trí), hành động ngay (vô dẫn).
6. Tâm đại thiện câu hành xả tương ưng trí hữu dẫn *(Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇasampayuttaṃ saṅkhārikaṃ)*: khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), nhưng với trạng thái thản nhiên, bình thường (câu hành xả), có hòa cùng sự sáng suốt (tương ưng trí), nhưng khi hành động có sự chần chừ (hữu dẫn) nghĩa là lộ tâm khi khởi phải trải qua hai sát nahộ kiếp vừa qua (V) trở lên.
7. Tâm đại thiện câu hành xả bất tương ưng trí vô dẫn*(Cittakusala upekkhā-sahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ asaṅkhārikaṃ):* khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), với trạng thái thản nhiên, bình thường (câu hành xả), nhưng khi làm không hòa cùng sự sáng suốt (bất tương ưng trí), hành động ngay (vô dẫn).
8. Tâm đại thiện câu hành xả bất tương ưng trí hữu dẫn*(Cittakusala upek-khāsahagataṃ ñāṇavippayuttaṃ saṅkhārikaṃ)*: khởi sanh trong sạch, tốt lành khi biết cảnh (tâm thiện), với trạng thái thản nhiên, bình thường (câu hành xả), khi làm không hòa cùng sự sáng suốt (bất tương ưng trí), lúc hành động lại chần chừ (hữu dẫn)nghĩa là lộ tâm khi khởi

phải trải qua hai sát nahộ kiếp vừa qua (V) trở lên.

Sau đây, trình bày năm điều học mà tâm đại thiện thể hiện (trang 61-64 phần chia ngũ giới theo 8 thứ tâm thiện dục giới hữu nhân, thuộc điều học phân tích trong bộ Phân Tích, theo bản dịch của đại trưởng lão Tịnh Sự).

* *Điều học tránh xa sự sát sanh đó ra sao?*

Khi nào tâm thiện dục giới câu sanh hỷ thọ, tương ưng trí, sanh ra tránh xa sự sát sanh, thời trong khi đó có cách ngăn, cách ngừa, sự chừa bỏ, sự dứt bỏ, không làm, thái độ không làm, không vi phạm. Không quá mức, vẫn hạn chế nguyên nhân của sự sát sanh, thành người chừa bỏ sự sát sanh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự sát sanh. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với sự tránh xa sát sanh.

Điều học tránh xa sự trộm cắp, tránh xa sự tà dâm, tránh xa sự nói dối tương tự như trên.

* *Điều học tránh xa sự dễ duôi, uống rượu và các chất say đó ra sao?*

Trong khi nào tâm thiện dục giới câu sanh hỷ thọ, tương ưng trí, sanh ra tránh xa sự dễ duôi, uống rượu và các chất say thì trong khi đó có sự tính tránh, quyết tránh, thái độ cố quyết tránh. Như thế gọi là điều học tránh xa sự dễ duôi, uống rượu và các chất say. Còn những pháp ngoài ra tương ưng với Tư (Cetanā).

Như vậy: chư Pháp Thiện khi khởi sanh là sự bày hiện những trạng thái bản chất trong sạch, tốt lành, bài trừ những lỗi xấu làm bợn nhơ khi câu sanh với tâm như là:

- Cho, hộ, cúng, dâng, tặng,bố thí.
- Cách ngăn và ngừa thân ác nghiệp, khẩu ác nghiệp, ý ác nghiệp mà nguyện thọ quy giới, hay là ngăn chặn thập ác, chặn đứng ác xấu, thì đây là trì giới.
- Tâm đại thiện phát sanh đang khi tiến hành bắt đề mục: thiện phát sanh trong khi tu chánh định (40 đề mục) và tu tuệ (4 đề mục), thì đây là tu tiến.
- Đang khi xá, lạy, thưa, chào, khép nép,... những cách khiêm nhường đang lúc ấy thực hành đều là tâm tốt lành cả, thì đây là cung kỉnh.
- Khi tâm thực hành những cách nào bằng tâm tốt như nói lưỡng lợi, nói trong pháp hiền triết, hoặc bàn, soạn với ai chẳng ép uổng ta hay người khác , cho đến nói và làm với ý nghĩa giúp người khác, thì đây là phục vụ chơn chánh tức phụng sự.
- Khi người đời gặp gỡ với nhau, về mặt tâm lý, nếu nghe, thấy người mà ta đối diện rồi vui thích sự đặng tiến lợi của người đó, vui theo hoặc vui dùm những lợi lành của người khác bằng tâm trong sáng, tốt đẹp, thì đây là tùy hỷ.
- Lẽ dĩ nhiên, mỹ ý quyết nghe lời lành , lẽ phải (đúng, trúng Pháp Phật) thì ắt hẳn tâm tốt lành trong lúc ấy rất nhiều, đây là thính Pháp.
- Cũng thế, nói những pháp có lợi lành cho người nghe thì làm sao bằng tâm xấu được, đây là thuyết Pháp.

- Khi lương tâm sáng kiến nhận chín điều đã nói trên đáng nên làm, đây là kiến thị.

A. Tâm thiện sắc giới (*Rūpavacarakusalacitta*):

ChưPháp Thiện (nói trên khía cạnh Thiện Sắc giới) trong khi có ra sao?Bậc tu tiến theo đường lối hầu đến Sắc giới, tĩnh ly chư dục...chứng sơ thiền bằng đề mục đất...thành tựu bậc hạ...bậc trung...bậc thượng...có dục trưởng (thiện)...thẩm trưởng...trong khi nào thì xúc...vô điệu cử có trong khi ấy...những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện.

Hay là:

Bậc tu tiến theo đường lối hầu đến sắc giới, vắng lặng tầm, tứ...nhị thiền...tam thiền...tứ thiền...đắc sơ thiền...đắc ngũ thiền bằng đề mục đất...thành bậc hạ...bậc trung...bậc thượng...có dục trưởng (thiện)...cần trưởng (thiện)...tâm trưởng (thiện)...thẩm trưởng...trong khi nào thì xúc...vô điệu cử có trong khi ấy...những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện.

(đoạn pháp trên được trích trong bộ Pháp Tụ, Phần Thiện – Bất thiện, trang 66,theo bản dịch của Ngài ...)

Tâm thiện sắc giới là trạng thái tâm yên tịnh, tốt lành, lấy đề mục chỉ tịnh làm cảnh tu, tức là loại tâm thiền cảnh đề mục, mà đề mục ở đây gồm có thập hoàn tịnh, thập bất mỹ, tứ vô lượng tâm, phụ niệm thể trược và niệm đếm số tức quan.

- Thập hoàn tịnhlà mười đề mục: đất, nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư không, ánh sáng.
- Thập bất mỹ là mười đề mục: tử thi sình, tử thi biến sắc (đổi màu sắc), tử thi chảy nước vàng, tử thi bể nức nở, tử thi bị thú ăn, tử thi bị rã hai, tử thi rã ra từng miếng nhỏ, tử thi máu động nhẩm, tử thi hóa dòi tủa, xương tử thi rải rác.
- Tứ Vô Lượnglà bốn đề mục: từ, bi, hỷ, xả.
- Phụ Niệm Thể Trược:là tóc, lông, móng, răng, da, thịt, gân, xương, tủy, tỳ, tim, gan, mỡ màng bao ruột, thận, phổi, ruột già, ruột non, vật thực mới, vật thực cũ, óc não, mật, đàm, mủ, máu, mồ hôi, mỡ cục, nước mắt, mỡ lỏng, nước miếng, nước mũi, nhớt khớp xương, nước tiểu.
- Niệm số tức quanlà đếm hơi thở.

Bậc tu, người hành cần phải tập luyện đối với các đề mục vừa nêu trên, tức là thực hiện 1 trong 26 thứ đề mục, như là hoàn tịnh...là đề mục thiện chỉ trong giai đoạn luyện tập phải trụ tâm trên những đề mục ấy cho đến khi đề mục chỉ còn là một ấn chứng của tâm ý mà thôi. Như mười đề mục *(Kasina)* tức thập hoàn tịnh, người tu có thể đắc từ sơ thiền đến ngũ thiền bằng vào hình tướng Sắc Pháp: đất, nước, lửa, gió, màu xanh, màu vàng, màu đỏ, màu trắng, hư không, ánh sáng(xem cách giải trong Thực Tính Pháp trang 439)

Loại tâm thiện sắc giới là một trong hai phần tâm đáo đại, bởi vì tâm thiền (*cittajhāna*), tức khi đắc (thiền) có chi thiền thiêu đốt pháp cái, hay là khắng khít vào cảnh, đề mục đến thiền, hoặc tâm mà hợp với chi thiền (khắng khít đề mục), nên gọi là tâm thiền.

Khi tu tập đề mục (thiền chỉ hay thiền chỉ tịnh) cần phải biết nết tánh (căn cơ) hợp với đề mục đó, tức là biết rõ tính nết của mình để kết hợp, chọn đề mục cho thích hợp đặng khắng khít để phát triển thuận lợi, sẽ đạt được thành tựu tốt - cận định và nhập định.

Căn tánh và đề mục:

- Tánh tham *(Lobha)* thích hợp thập tử thi biến tướng (mười đề mục tử thi), niệm thân hành
- Tánh sân *(Dosa)* thích hợp tứ vô lượng, màu xanh, vàng, đỏ, trắng (trong hoàn tịnh)
- Tánh si *(Moha)* thích hợp niệm số tức quan
- Tánh tầm *(Vitakka)* thích hợp niệm số tức quan
- Tánh giác *(Bodhi)* thích hợp niệm tử, niệm tịch tịnh, phân biệt vật thực (trong thân tứ đại).
- Tánh tín *(Saddhā)* thích hợp niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí, Thiên (trong mười thường niệm).
- Sáu tánh thích hợp đề mục đất, nước, lửa, gió, hư không, ánh sáng.

Chi thiền đối trị pháp cái:

- Chi thiền tầm đối trị hôn thùy cái
- Chi thiền tứ đối trị hoài nghi cái
- Chi thiền hỷ đối trị sân độc cái
- Chi thiền lạc đối trị điệu hối cái
- Chi thiền định đối trị dục dục cái

Theo văn lục bát:

Chi Tầm đối trị cái Hôn thùy,
Tứ phá Hoài nghi, Sân Hỷ thiêu.
Điệu Hối do nhờ chi Lạc Trị,
Định trừ vọng niệm Dục Dục nhiều.

Phần tâm thiện sắc giới phân theo Vô Tỷ Pháp tạng *(Abhidhammapiṭaka)* thành năm thứ tâm như sau:

- Tâm thiện sơ thiền sắc giới có năm chi thiền: chi tầm *(Vitakka)*, chi tứ *(Vicāra)*, chi hỷ *(Pīti)*, chi lạc *(Sukha)*, chi định *(Ekaggatā)*.
- Tâm thiện nhị thiền sắc giới có bốn chi thiền: chi tứ *(Vicāra)*, chi hỷ *(Pīti)*, chi lạc *(Sukha)*, chi định *(Ekaggatā)*.
- Tâm thiện tam thiền sắc giới có ba chi thiền: chi hỷ *(Pīti)*, chi lạc *(Sukha)*, chi định *(Ekaggatā)*.
- Tâm thiện tứ thiền sắc giới có hai chi thiền: chi lạc *(Sukha)*, chi định *(Ekaggatā)*.
- Tâm thiện ngũ thiền sắc giới có hai chi thiền: chi xả*(Upekkhā)*, chi định *(Ekaggatā)*.

Lược giải 5 hoặc 6 chi thiền:

1. Chi Tầm: tìm tòi cảnh, tìm kiếm cảnh, đem tâm đến cảnh, khắng khít cảnh.
2. Chi Tứ: chăm nom, gìn giữ cảnh, thẩm tấn cảnh, ràng rịt cảnh.
3. Chi Hỷ: mừng phớn phở, no nê với cảnh, khoan khoái, cách bừng tâm.
4. Chi Lạc: tâm vui, tâm lạc, vui với cảnh, hưởng cảnh vui sướng cho pháp tương ưng tiến hóa.
5. Chi Định: đình trụ cho cảnh, gắn cứng vào cảnh, vững lòng vắng lặng, siết chặt pháp câu sanh (Sở hữu Nhất thống hợp với ngũ song thức không thành chi thiền).
6. Chi Xả: bình thường với cảnh, ly pháp hỷ, vắng lặng.

Tâm thiền *(Cittajhāna)* là loại tâm có những đặc tính, trạng thái vi tế nên được Pāḷi chú giải thêm rằng:

- "Những tâm mà có chi thiền (câu sanh) định trụ đề mục hoàn tịnh (Kasina)v.v...nên gọi là tâm thiền".
- "Những pháp thiêu đốt pháp nghịch là pháp cái, nên gọi là thiền. Đây ám chỉ là chi thiền trong tâm thiền, mà tâm thiền cũng mượn chi thiền để kêu thiền".
- "Tâm mà hợp với chi thiền, gọi là tâm thiền".

Do tâm thiền sắc giới và vô sắc giới còn hợp theo đời, ở trong đời và thường hòa hợp trong đời, nên gọi là thiền hiệp thế *(Lokīyajhāna),*do đó, có Pāḷi chú giải như sau:

"Hòa hợp thường thức trong đời (đời vũ trụ đây chỉ tâm sắc giới và tâm vô sắc giới), hoặc thường hòa hợp trong đời, gọi là hiệp thế.

Lưu ý:Chi thiền Hỷ, Lạc, Xả thuộc về Sở hữu thọ, trong đó Chi Lạc nằm trong hỷ thọ nên cũng kể chung là một. Vì vậy trong tạng Kinh, Đức Phật chỉ đề cập có 4 bậc thiền (Hỷ và Lạc gom chung), còn tạng Vô Tỷ Pháp phân Chi Hỷ và Chi Lạc ra,do đó tính 5 bậc thiền (Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Định: Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ Thiền).

Ân đức thiền: có 28 điều,xem trong Thực Tính Pháp.

B. Tâm thiện vô sắc giới (*Arūpavacarakusalacitta*):

Trong Bộ Phân Tích*(Vibhaṅga)*, phần Xiển Minh, Căn Vô Minh đối với Thiện, câu 407, Phật Ngài có giảng như vầy:

* *"Chư Pháp Thiện trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô Sắc giới, đã trừ luôn Lạc, lướt khỏi Vô Sở hữu Xứ, chứng Tứ Thiền đồng sanh với Tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ trong khi đó thì Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Thanh, Thanh duyên Thắng Giải, Thắng Giải duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử. Trong khi đó thì sự sanh ra của những khối Khổ ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Lại nữa, trong Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅginī)*, phần Thiện và Bất thiện, câu 192, Phật Ngài có giảng dạy về Tâm Thiện Vô Sắc trên một khía cạnh khác như sau:

* *Chư Pháp Thiện (Vô Sắc giới) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô Sắc giới, nhờ lướt qua những Tưởng Hữu Hình, diệt Tưởng Phẫn Nhuế, không còn Tác ý Tưởng Dị trừ luôn Lạc ... đắc Tứ Thiền Xả Thọ đồng sanh với Không Vô Biên Xứ trong khi nào thì Xúc ... Vô Điệu cử có trong khi ấy ... những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện (Vô Sắc).

* *Chư Pháp Thiện (Vô Sắc giới) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô Sắc giới, do lướt qua khỏi những Không Vô Biên Xứ đã trừ luôn Lạc ... đắc Tứ Thiền Xả Thọ đồng sanh với Tưởng Thức Vô Biên Xứ ... trong khi nào thì Xúc ... Vô Điệu cử có trong khi ấy ... Những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện (Vô Sắc).

* *Chư Pháp Thiện (Vô Sắc giới) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô Sắc giới, do lướt qua khỏi những Thức Vô Biên Xứ đã trừ luôn Lạc ... đắc Tứ Thiền Xả Thọ đồng sanh với Tưởng Vô Sở hữu Xứ ... trong khi nào thì Xúc ... Vô Điệu cử có trong khi ấy ... Những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện (Vô Sắc).

* *Chư Pháp Thiện (Vô Sắc giới) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo đường lối hầu đến Vô Sắc giới, do lướt qua khỏi những Vô sở Hữu Xứ đã trừ luôn Lạc ... đắc Tứ Thiền Xả Thọ đồng sanh với Tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ ... trong khi nào thì Xúc ... Vô Điệu cử có trong khi ấy ... Những chơn tướng này gọi là Pháp Thiện (Vô Sắc)."

Trình bày theo chú giải thì tâm thiện Vô Sắc giới có Pāḷi giải thích như vầy: "*Cattāro arūpāvacaratīti = Arūpāvacaro*": thường hành động trong 4 cõi Vô Sắc giới, gọi là tâm Vô Sắc giới.

Tâm vô sắc giới chia theo thiền có 4 bậc:

1. Không Vô Biên Xứ*(Ākāsānañcāyatana)*:là quán tưởng cái không, không cùng tột, không bờ mé, làm cảnh đề mục mượn đặt tên tâm thiền ban đầu Cõi Vô Sắc giới.
2. Thức Vô Biên Xứ*(Viññānañcāyatana):* là quán tưởng cảnh làm đề mục, mượn cảnh đặt tên tâm thiền thứ hai Cõi Vô Sắc giới.
3. Vô Sở hữu Xứ*(Ākiñcaññāyatana):* là quán tưởng đề mục cảnh không có chi, phát sanh tâm thiền mượn cảnh đặt tên là bậc thiền thứ ba Cõi Vô Sắc giới.
4. Phi tưởng phi phi tưởng *(Nevasaññānāsaññāyatana):* nghĩa là chẳng phải cái chẳng phải có tưởng, hay là nói "có chẳng phải, không chẳng phải" cũng tức là "không cái không". Đây là sự nhận định để làm đề mục quán tưởng luôn đặt tên tâm thiền, chớ chẳng phải tâm như thế, vì bậc thiền này phải bắt cảnh như vậy tức là cảnh rất vi tế.

Hoặc có người vịn đề mục này mà biện lý thuyết không có, không không v.v...

C. Tâm Thiện Siêu thế (*Lokuttarakusalacitta*):Trong Bộ Phân Tích*(Vibhaṅga)*, Đức Thế Tôn Ngài có giải thích về Tâm Thiện Siêu thế phần Xiển Minh Căn Vô Minh Đối Với Thiện, câu 408, như vầy:

* *Chư Pháp Thiện (Siêu thế) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo Thiền Siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ Tà kiến hầu chứng bậc ban sơ, tĩnh ly chư Dục... đắc Sơ thiền hiệp Tầm Tứ Hỷ Lạc sanh từ Định mà Hành Nan Đắc Trì trong khi nào thì lúc ấy Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Thanh, Thanh duyên Thắng Giải, Thắng Giải duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử. Sự sanh ra của những Pháp ấy vẫn có ra bằng cách như thế.

Lại nữa, trong Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅginī)*, phần Thiện và Bất thiện, câu 196, Phật Ngài có giảng dạy về Tâm Thiện Siêu thếtrên một khía cạnh khác như sau:

* *Chư Pháp Thiện (Siêu thế) trong khi có ra sao?*

Bực tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan đưa khỏi khổ, đến rốt ráo đặng trừ tà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, trong sạch lìa bất thiện, đắc sơ thiền mà hành nan đắc trì hiệp với tầm, tứ, hỷ, sanh từ yên tĩnh trong khi nào, thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, pháp hỷ, lạc, nhứt tâm, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, ý quyền, hỷ quyền, mạng quyền, tri dị tri quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tĩnh thân, tĩnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, (chánh) niệm, lương tri, (pháp) chỉ, (pháp) quán, chiếu cố, vô điệu cử. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp thiện.

Theo chú giải cuốn hai của Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự có giải thích về Tâm Thiện Siêu thế như vầy: *"Tâm mà đang đoạn tận các phiền não và pháp câu sanh khác, gọi là Tâm Thiện Siêu thế hay gọi Tâm Thiện Siêu thế là bậc đang thật sự rửa sạch cơ tánh không còn lậu hoặc"*.

Hay nói cách khác, Tâm Thiện Siêu thế còn gọi là Tâm Đạo Siêu thế, vì mượn Đạo đế mà kêu, có Pāḷi chú giải: *"Maggena sampayuttaṃ cittaṃ = Maggacittaṃ"*:Tâm có Đạo đế hợp hay tương ưng thì tâm đó gọi là Tâm Đạo tức Tâm Thiện Siêu thế. Đạo đế ở đây nghĩa là Bát Chi Đạo hợp Tâm Đạo.

Tâm Thiện Siêu thế nếu nói rộng gọi là Tâm Thiền Thiện Siêu thế, nghĩa là phân theo 5 bậc thiền "Sơ, Nhị, Tam, Tứ, Ngũ Thiền" vì mỗi bậc thánh đắc Đạo, Quả cao thấp khác nhau

nên mới có 5 bậc thiền khác nhau nhưSơ Đạo Sơ thiền, Sơ Đạo Nhị Thiền, Sơ Đạo Tam Thiền, Sơ Đạo Tứ Thiền, Sơ Đạo Ngũ Thiền. Bảy bậc thánh sau có thiền cũng như thế.

Văn lục bát có nói: Siêu thế bởi thiền khác nhau, khác nhau là bậc thánh không thiền và bậc thánh có thiền, thành ra tâm kể hẹp thì siêu thế có 8 -4 Đạo và 4 Quả,còn kể rộng là 20 Đạo và 20 Quả Siêu thế. Bậc thánh có thiền tính theo 5 thành ra 40, tức là 5 cái 8, nên trong văn lục bát có nói:

"Năm lần cái tám là chừng
Nhân rồi cộng lại số ngừng bốn mươi"

Tâm Siêu thế*(Lokuttaracitta)*nghĩa là siêu xuất tam giới luân hồi. Có Pāḷi chú giải như vầy:"*Loke uttatantīti = Lokuttaro'*trong đời mà siêu xuất tam giới luân hồi nên gọi là Tâm Siêu thế tức là cũng Đời Bản Thể mà chẳng liên quan với Luân Hồi vì chẳng phải Nhân cho Quả tái tục và cũng chẳng phải quả để nương vào Tam Giới.

Tâm Thiện siêu thế phân làm bốn bậc hay gọi là Tâm Đạo siêu thế chia làm bốn bậc:

1. Tâm Thiện Thất Lai*(Sotāpattimagga):* đây là Tâm Sơ Đạo đắc lần thứ nhất.

Đắc đạo này rồi, nếu tái tục cõi dục giới không quá 7 lần (7 đời, 7 kiếp),có chỗ gọi là Dự Lưu Đạo. Tâm Đạo này có Đạo đế sát trừ phiền não Tà kiến và Hoài nghi, dứt tuyệt luôn cả các mãnh lực tạo ác, theo chi pháp dứt tuyệt Tà kiến, Hoài nghi luôn cả pháp hợp chung cho đến mãnh lực tạo ác cùng nghiệp biệt thời tái tục sa đọa khổ thú, và cõi dục giới nói về nghiệp tái tục chỉ còn lại 7 đời. Có Pāḷi chú giải như vầy: "*Sotāpattimaggena sampayuttaṃ cittaṃ = Sotāpattimaggacitaṃ*"- Tâm mà hiệp Tâm Đạo Thất lai gọi là Đạo Thất Lai hoặc kêu Sơ đạo là kêu theo thứ tự.

Tâm Thiện Thất Lai hay Sơ Đạo được phân ra gọi là "Tam Chủng Thất Lai":

- Nhất Sanh Thất Lai *(Ekabījī)* là bậc trở lại Cõi Dục giới không quá 1 lần.
- Lục Sanh Thất Lai *(Kolankola)* là bậc trở lại Cõi Dục giới từ 2 đến 6 lần.
- Thất Sanh Thất Lai *(Sattakattuparama)* là bậc trở lại Cõi Dục giới 7 lần, tức không có đời thứ 8 ở Cõi Dục giới.

2. Tâm Thiện Nhất Lai*(Sakadāgāmimagga):* đây là nhị đạo đắc lần thứ hai.

Bậc Nhất Lai là bậc đắc đạo này rồi, nếu trở lại cõi dục giới nhiều lắm là 1 kiếp chư thiên và kiếp nhân loại chớ không quá nữa. Đạo đế hợp với tâm này chỉ làm cho Pháp Bất thiệnSơ đạo sát còn lại càng yếu. Có Pāḷi chú giải như vầy: "*Sakadāgāmigaggena sampayuttaṃ cittaṃ = Sakadāgamimagga citaṃ*" -Tâm mà tương ưng với Đạo đế Nhất Lai gọi là Tâm Đạo Nhất Lai, cũng gọi Nhị Đạo là kêu theo thứ tự.Theo bậc này được phân thành "Ngũ Chủng Nhất Lai" như sau:

- Một là đắc tại Nhân Loại, Níp Bàn tại Nhân Loại *(Idha patvā idhā pari-nibbāyī)*.
- Hai là đắc tại Chư Thiên, Níp Bàn tại Chư Thiên *(Tattha patvā tattha parinibbāyī)*.

- Ba là đắc tại Nhân loại,Níp Bàn tại Chư Thiên *(Idha patvā tatthapari-nibbāyī).*
- Bốn là đắc tại Chư Thiên,Níp Bàn tại Nhân Loại *(Tattha patvā idhaparinibbāyī).*
- Năm là đắc tại Nhân Loại, sanh về Chư Thiên, trở lại Níp Bàn tại Nhân Loại *(Idha patvā tattha nibbattiyā parinibbāyī).*

3. Tâm Thiện Bất Lai*(Anāgāmimagga):* đây là bậc Tam Đạo đắc lần thứ ba.

Bậc Bất Lai: bậc đắc đạo này rồi không còn trở lại Cõi Dục giới, dù người dục giới đắc đạo này mà không đắc thiền hiệp thế cũng đặng sanh về cõi sơ thiền. Đạo đế hợp với Tâm này sát trừ tuyệt Sân và những pháp hợp chung.

Có Pāḷi chú giải như vầy: *"Tena sampayuttaṃ cittaṃ = Anāgāmimag-gacittaṃ":* Tâm mà hợp với Đạo đế Bất Lai gọi là tâm Đạo Bất Lai cũng gọi là Tâm Tam Đạo mà kêu theo thứ tự.Bậc này được phân chia về "Ngũ Chủng Bất Lai" như sau:

a. Trung bang bất lai (Antara parinibbāyī:) là bậc chứng Đạo (Quả) thứ 3 nơi nhân loại, nếu chưa chứng Alahán (Tứ quả) nơi cõi người thì sẽ chứng Alahán Cõi Ngũ Tịnh Cư từ nửa đời trở về trước trong cõi này.
b. Sanh bang bất lai (Upahaccaparinibbāyī): là đắc nửa đời trở về sau, tức là đắc già.
c. Vô hành bất lai (Asaṅkhāra parinibbāyī): là khỏi cần cảnh rõ rệt cũng tiến hóa đến Đạo, Quả thứ tự (khỏi ráng cố gắng).
d. Hữu hành bất lai (Sasaṅkhāra parinibbāyī): bậc tu tiến, tiến hành phải cần cảnh rõ rệt mới có thể tiến hóa đến cõi tột (Sắc Cứu Cánh Thiên) rồi Níp Bàn (phải ráng cố gắng).
e. Thượng lưu bất lai (Uddaṃsotākanitthāgāmi): bậc sanh về cõi thánh mà còn phải luân chuyển sanh lên Cõi sắc cứu cánh (Akānitthā), mới đắc Đạo (Quả) thứ tư rồi Níp Bàn.

4. Tâm thiện vô sanh(Arahattamagga): đây là bậc đắc Đạo lần thứ tư.

Bậc vô sanh là bậc Đắc Đạo và Quả này không tái tục nữa,bậc vô sanh dịch có3 cách:

- Một là Bất Sanh cũng như Vô Sanh.
- Hai là Ứng Cúng là ám chỉ hết phiền não, hoàn toàn đáng làm ruộng phước cho kẻ cúng dường.
- Ba là Sát Tặc tức là sát trừ tuyệt hết giặc phiền não v.v...

Có Pāḷi chú giải như vầy: *"Tena sampayuttaṃ cittaṃ = Arahattamaggacittaṃ":* Tâm mà hợp với đạo đế Vô Sanh nên gọi là tâm Đạo Vô Sanh, cũng gọi là tứ đạo tức đạo thứ tư.Bậc Vô Sanh được phân chia theo Nhị Chủng, Tứ Chủng, Ngũ Chủng và La Hán Tứ Trí (La Hán Tứ Tuệ Phân Tích), như sau:

* *Nhị Chủng Vô Sanh:*

1. Quán Lạc Vô Sanh (Khavipassaka): tức là chỉ tu Tứ Niệm Xứ tỏ ngộ luôn đến đắc tứ Quả mà không có Thiền, Thông v.v...
2. Bậc Lục Thông Vô Sanh (Chalabbhiññā): là bậc Vô Sanh có Thiền, Thông v.v..

* *Tứ Chủng Vô Sanh:*
  1. Bậc Vô Sanh Nhất Minh *(Sukkhavipassako)*: chỉ có tuệ quán là sự tỏ ngộ.
  2. Bậc Vô Sanh Tam Minh *(Tevijjo)*: là Bậc Vô Sanh Đắc Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh và Lậu Tận Minh.
  3. Bậc Vô Sanh Lục Thông *(Chalabbhiñño)*: là bậc Vô Sanh có đủ sáu Thông (Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông và Lậu Tận Thông).
  4. Bậc Vô Sanh Tứ Trí *(Paṭisambhidappatto)*: là Bậc Vô Sanh đắc bốn trí thông suốt.

* *Ngũ Chủng Vô Sanh:*
  1. Bậc Vô Sanh Giải Thoát Trí Siêu *(PaññāvimuttaAnahatta):* là Bậc Vô Sanh đắc Đạo, Quả Thiền khô, không Thiền.
  2. Bậc Vô Sanh Giải Thoát Lưỡng Biên *(UbhatobhāgavimuttaAnahatta):* là Bậc đắc Đạo, Quả trải tỏ ngộ Danh Sắc Rộng, tức là thấy sự sanh diệt của Danh Uẩn, sắc Uẩn rất dồi dào cũng là khi hành Trí Tuệ sanh nhiều hơn bậc trước.
  3. Bậc Vô Sanh Tam Minh *(TevijjāAnahatta)*: là bậc đắc Tứ Quả đặng Túc Mạng Minh, Thiên Nhãn Minh và Lậu Tận Minh.
  4. Bậc Vô Sanh Lục Thông *(ChaḷābhiññāAnahatta):* là tứ Quả đắc Lục Thông là Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Thần Túc Thông, Túc mạng thông và Lậu Tận Thông.
  5. Bậc Vô Sanh Tứ Đạt Trí *(Paṭissambhidāpatta Anahatta)* là bậc Vô Sanh đắc bốn món thông suốt.
  - Nghĩa lý thông suốt (*Aṭhappatisambhidā*)
  - Thông suốt pháp (Dhammappatisambhidā)
  - Hiểu thấu các thứ tiếng (*Niruttippatisambhidā*)
  - Thông suốt tất cả sự vật trong đời (*Patibhappatisambhidā*)

* *La Hán Tứ Trí:*
  1. Trí Tuệ biết hết các nghĩa lý *(Aṭhappatisambhidā)*
  2. Trí tuệ biết tất cả pháp *(Dhammappatisambhidā)*
  3. Trí tuệ biết các thứ tiếng *(Niruttippatisambhidā)*
  4. Trí tuệ biết tất cả sự vật *(Patibhappatisambhidā)*

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Thiện:*Akusalā dhammā* - Tất cả Pháp Bất thiện.

Bất thiện: là điều không tốt, không tịnh hảo, pháp xấu đưa đến kết quả khổ đời này và đời sau. Bất thiện là trạng thái làm cho pháp câu sanh bị sôi nổi, héo sầu, khô cháy, nhân cho

quả khổ (địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, atula).Pháp Bất thiện được Pāḷi chú giải như vầy:*"Akusalā dhammānakusalaṃ = akusalaṃ"* trái với thiện gọi là Bất thiện.

* *Hay là Chư Pháp Bất thiện trong khi ấy có ra sao?*

Ba căn Bất thiện là Tham, Sân, Si đồng nương căn ấy; tức Thọ Uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với căn ấy; Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp có căn ấy làm sở sanh. Đây gọi là các PhápBất thiện hay chư PhápBất thiện có trong khi ấy. (Câu 663 Chư Toát Yếu, Bộ Pháp Tụ)

Đức Phật Ngài giảng dạy về PhápBất thiện là những trạng thái tâm khi sanh lên có tính chất bệnh hoạn, không tốt đẹp, không khôn khéo, có lỗi, cho quả xấu, vì khi một sát na tâm Bất thiện hiện khởi, trong đó câu sanh các trạng thái sôi nổi, nóng nảy (phiền não) như Tham, Sân, Si, Vô Tàm, Vô úy, Điệu cử, Tà kiến, Ngã mạn v.v... bởi vì:

- Tham: có trạng thái nhiễm đắm thương yêu ...
- Sân: có trạng thái đốt bên trong làm tim gan khô héo, làm chúng sanh rơi lụy, phá sự sướng thân, ép uổng thân, không yên ổn, rất sầu khổ tâm, có khi làm tâm sôi sục một cách khốc liệt, làm cho thân tâm đuối sức.
- Si: có trạng thái tạo ác xấu, không làm sự tốt đẹp đáng làm, chấp chế định nam nữ, không nhận ra Uẩn, Xứ, Giới, Đế, về bản chất làm Pháp câu sanh tối tăm mê mờ, che khuất bản chất thực tính.
- Vô Tàm: với trạng thái không ghê sợ tội lỗi ác xấu.
- Vô Úy: không hổ thẹn tội lỗi ác xấu.
- Điệu Cử: làm với trạng thái làm tâm không định tĩnh, chi phối các Pháp câu sanh, làm cho lao chao, tán loạn dễ nảy sanh những hành vi tội lỗi ác xấu.
- Tà Kiến: có trạng thái là nặng về kiến chấp, nhận thấy chấp cứng trái ngược với cách thật, chứa đựng những sự sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ điệu mà nhận định theo lối thường thức khó nhận ra v.v...
- Ngã Mạn: với trạng thái so đo, đối chiếu giữa ta và người, giữa người và ta mang tính chất cực ngã và mạng ngã, bởi chấp hành động của thân là ta rồi phô trương cái tôi nên nảy sinh sự ngã mạn.

Ngoài ra còn những PhápBất thiện câu sanh khác cũng mang tính chất xấu ác hằng làm Tâm lui sụt, nhưTật, lận, Hối, Hôn trầm, Thùy Miên, Hoài nghi.

Bất thiện phân theo cảnh giới có 3 phần:

1. Bất thiện theo Dục giớicó đầy đủ Tham, Sân, Si và Pháp câu sanh, bởi vì Cõi Dục giới là cõi đa Sân nên phải có căn Sân là phù hợp vì trạng thái này chính thức sự thiêu đốt của Sắc Ý Vật làm cho các Pháp câu sanh khác phải nóng nảy, còn nói chung thì dễ có hành vi thực hiện Thập ác như:

Về Thân: sát sanh, trộm cắp, tà dâm.

Về Khẩu: vọng ngữ, độc ác ngữ, xảo ngữ, tạp uế ngữ.

Về Ý: tham ác, sân ác, tà kiến ác.

➢ Thập Ác:

1. Sát sanh:là hành vi đoạt sanh mạng của một chúng sanh khác, tức là những loài có thức tánh, Danh mạng quyền và Sắc mạng quyền, sự hủy hoại này do Tâm Sân và Tâm Si điều khiển.
2. Trộm cắp: là hành vi lấy của có chủ sở hữu, đây là hành động gây ra cho người khác buồn khổ vì sự mất mát,việc làm này cũng do Tham, Sân, Si điều khiển.
3. Tà dâm: là hành vi không kiềm chế dục vọng, sự ham muốn đê hèn của Dục Ái hằng làm Tâm bị ô uế, cấu nhiễm, đây cũng do tâm Tham, tâm Si điều khiển.
4. Vọng ngữ: là cách thể hiện qua ngôn từ mà diễn đạt sai sự thật tức là nói dối làm cho Tâm cấu uế, Bất thiện.Bởi tính chất do Tham, Sân, Si điều khiển.
5. Độc ác ngữ: đây là do Sân và Si điều khiển sắc tâm (khẩu biểu tri thông tri) nói lời hung dữ, mắng nhiếc, chửi rủa gây cho người khác đau khổ, phiền muộn.
6. Xảo ngữ: tức ngụy biện, là hành động hay hành vi của khẩu do tâm Tham, Sân, Si điều khiển, việc làm này mang tính chất xảo biện, trườn uốn như con lươn, mục đích là tránh né sự thật, vì e nói dối nên nói tránh né.
7. Tạp uế ngữ: là những chuyện khi nói ra mang tính chất không có giá trị đích thực, không có lợi ích về sự tu hành v.v... Trạng thái này do 3 thứ Tâm - Tham, Sân, Si điều khiển,làm cho lời nói không có giá trị, vô ích, mất thì giờ và có khi đưa đến kết quả ác xấu khác.
8. Tham ác: là trạng thái Tham lam thái quá mang tính chất độc như vừa lấy tài sản vừa giết người hoặc sẽ điều khiển Thân hành động trộm cướp đây là sự hiển lộ của sự rất mong mỏi, cách mong mỏi nặng nề của Tâm.
9. Sân ác: đây là trạng thái thô tháo làm hư hoại Trí Tuệ bởi tính chất ác độc, ám hại, sân ác khi bộc phát mạnh khiến thân hành động như sát sanh, khẩu nói ác, nói đâm thọc v.v... .do Sân, Si điều khiển. Sân ác còn là sự oán thù, ý quá sân, phẫn nộ, mưu mô độc ác với thái độ dữ dằn, xấu xa.
10. Tà kiến ác: là trạng thái bộc lộ theo lối nhận xét không đúng, sai quấy do Tâm Tham, Si điều khiển, sai khiến,khiến chúng sanh luôn luôn chấp trước, không khôn khéo, bởi quan niệm hiểu lầm chấp sai.

➢ Về Tất Cả Pháp Bất thiện, khi nói về phần Tâm có 12 thứ như sau:

1. Tâm Tham câu hành hỷ tương ưng kiến vô dẫn: là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với hỷ lại đậm đạp,sự chấp sai không cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi,

hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích vui mừng, chấp sai không cần sự trợ giúp phát sanh liền.

2. Tâm Tham câu hành hỷ tương ưng kiến hữu dẫn: là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với hỷ lại đậm đạp sự chấp sai cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích vui mừng, chấp sai cần sự trợ giúp của tha nhân hoặc mình mà từ hai lần trở lên, như tác động của lời nói 2 lần, ngoắc tay hai lần mới phát sanh.
3. Tâm Tham câu hành hỷ bất tương ưng kiến vô dẫn: là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với hỷ nhưng không chấp sai chỉ có tính chất so sánh (ngã mạn) không cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích vui mừng, so sánh không cần sự trợ giúp phát sanh liền.
4. Tâm Tham câu hành hỷ bất tương ưng kiến hữu dẫn:là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với hỷ nhưng không chấp sai chỉ có tính chất so sánh (ngã mạn) cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích vui mừng, so sánh cần sự trợ giúp của tha nhân hoặc mình mà từ hai lần trở lên, như tác động của lời nói 2 lần, ngoắc tay hai lần mới phát sanh.
5. Tâm Tham câu hành xả tương ưng kiến vô dẫn: là trạng thái ham muốn, rất ưa thích nhiễm đắm cảnh có sanh chung với xả (Tham mà vẫn bình thường) lại đậm đạp sự chấp sai không cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác,khi tham mà vẫn thản nhiên như thường, có sự chấp sai, có sự trợ giúp.
6. Tâm Tham câu hành xả tương ưng kiến hữu dẫn:là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với xả lại đậm đạp sự chấp sai cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự ưa thích nhưng rất bình thường, thản nhiên, chấp sai cần sự trợ giúp của tha nhân hoặc mình mà từ hai lần trở lên, như tác động của lời nói 2 lần, ngoắc tay hai lần mới phát sanh.
7. Tâm Tham câu hành xả bất tương ưng kiến vô dẫn: là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với xả nhưng khi tham không có sự chấp sai chỉ có tính chất so sánh (ngã mạn) không cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích nhưng vẫn như thường, so sánh không cần sự trợ giúp phát sanh liền.
8. Tâm Tham câu hành xả bất tương ưng kiến hữu dẫn: là trạng thái tâm biết cảnh với sự nhiễm đắm có sanh chung với xả nhưng không chấp sai chỉ có tính chất so sánh (ngã mạn) cần sự trợ giúp (nghĩ ngợi, hoặc được xúi bảo 2 lần trở lên). Hay nói cách khác, tham có sự rất ưa thích nhưng vẫn như thường, so sánh (ngã mạn) cần sự trợ giúp của tha nhân hoặc mình mà từ hai lần trở lên, như tác động của lời nói 2 lần, ngoắc tay hai

lần mới phát sanh.

9. Tâm Sân câu hành ưutương ưng khuể vô dẫn: là trạng thái tâm khi sanh khởi có sự buồn, đồng thời hòa trộn với phẫn nộ khi sanh một cách nhanh chóng, mau lẹ không có trợ giúp. Hay nói cách khác, là trạng thái khi bắt cảnh thuộc về cảnh nghịch làm cho ưu thọ sanh, hòa trộn với phẫn nộ mà không có sự giúp thêm của thân, khẩu, ý của ta hay thân, khẩu, ý của người. Đây là loại tâm chuyên bắt cảnh nghịch nên có ưu, có khuể phẫn và Pháp câu sanh khác.
10. Tâm Sâncâu hành ưutương ưng khuể hữu dẫn: là trạng thái tâm khi sanh khởi có sự buồn, đồng thời hòa trộn với phẫn nộ khi sanh chậm chạp vì có trợ giúp từ 2 lần trở lên của ta hoặc của người. Hay nói cách khác là trạng thái khi bắt cảnh thuộc về cảnh nghịch làm cho ưu thọ sanh hòa trộn với phẫn nộ mà có sự trợ giúp thêm của thân, khẩu, ý của ta hay thân, khẩu, ý của người (hữu dẫn). Đây là loại tâm chuyên bắt cảnh nghịch nên có ưu, có khuể phẫn và Pháp câu sanh khác.
11. Tâm Si câu hành xả tương ưng hoài nghi: là tâm khi sanh khởi bắt cảnh trong trạng thái như thường, thản nhiên, có sự tối tăm, mờ ám không hiểu biết những điều đáng biết, tiến hóa chơn chánh, cao siêu giải thoát, lại thêm hòa trộn với nghi vấn, nghi nan, nghi hoặc. Hay nói cách khác, là trạng thái tâm khi bắt cảnh, khi biết đối tượng dù như thường nhưng đâm ra hoài nghi về Phật bảo, Pháp bảo, Tăng bảo, điều học, đời quá khứ, đời vị lai, đời hiện tại và liên quan tương sinh.
12. Tâm Si câu hành xả tương ưng điệu cử: là trạng thái tâm khi hiện khởi với tính cách như thường, thản nhiên mà có sự tối tăm, mờ ám, không hiểu biết pháp đáng biết, cao siêu giải thoát lại thêm hòa trộn với sự lao chao, tán loạn. Hay nói cách khác, là trạng thái tâm khi biết cảnh, biết đối tượng dù như thường nhưng vẫn có sự không yên tịnh, sôinổi.

5. Bất thiện theo Sắc giớicó Tham, Si và Pháp câu sanh:vì ở cõi Sắc giới không có tâm Sân sanh, nên trong căn Bất thiện và Pháp câu sanh chỉ có sanh khởi Tham và Si. Về các trạng thái, dù ở cõi Sắc nhưng bản chất,thực tính pháp của Tham và Si vẫn hiển lộ giống như thuộc tính của nó (8 tâm Tham và 2 tâm Si đã giải thích).Tuy nhiên, vì ở cõi thiền (Sắc giới) nên phần Bất thiện sanh bị hạn chế bởi các chi thiền và nhất là pháp hỷ của các Ngài khi định trụ trong cảnh thiền.
6. Bất thiện theo Vô Sắc giới có Tham, Si và Pháp câu sanh: về ý nghĩa thì cũng giống như Tham, Si đối với Sắc giới, nhưng có phần khác hơn vì các loại thiền cõi Vô Sắc rất vi tế và định mạnh khi trụ tĩnh trong cảnh. Nên biết, lúc bình thường thì các Ngài vẫn có Tham, Si sanh khởi.

Cõi Sắc giới và Vô Sắc giới gọi là cõi vô Sân,nên tâm Sân không sanh đặng ở 2 cõi này là phải rồi.12 thứ tâm Bất thiện được Đức Thế Tôn giải thích trong các câu 275 đến câu 337, phần Pháp Bất thiện, bộ Pháp Tụ tạng Vô Tỷ Pháp *(Abhidhamma pitaka)*, đơn cử:

- Tâm Bất thiện thứ nhất (tâm tham câu hành hỷ tương ưng kiến vô dẫn): tâm Bất thiện câu sanh hỷ tương ưng kiến, hoặc có Cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp. Hay là, những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc, Nhất thống, Cần quyền, Định Quyền, Ý quyền, Hỷ Quyền, Mạng quyền, Tà kiến, Tà Tư duy, Tà Tinh tấn, Tà Định, Cần lực, Định Lực, Vô tàm lực, Vô úy lực, Tham, Si, Tham Ác, Tà kiến, Vô Tàm, Vô úy, Pháp Chỉ Chiếu Cố Vô Điệu cử. Hay là, những Pháp Phi Sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là Pháp Bất thiện.(Các thứ tâm Bất thiện 2,3,4,5,6,7,8 xem phần Chánh tạng)
- Tâm Bất thiện thứ 9 (tâm sân câu hành ưu tương ưng khuể vô dẫn):Tâm Bất thiện câu hành ưu tương ưng khuể hoặc có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc hay Pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tầm, Tứ, Nhất thống, Cần quyền, Định quyền, Ý quyền, Ưu quyền, Mạng quyền, Tà Tư duy, Tà Tinh tấn, Tà Định, Cần lực, Định lực, Vô tàm lực, Vô úy lực, Sân, Si, Sân độc, Vô tàm, Vô úy, Pháp Chỉ chiếu cố Vô Điệu cử đều có trong khi ấy. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là Pháp Bất thiện...
- Tâm Bất thiện thứ 11 (Tâm Si Câu Hành Xả Tương Ưng Hoài nghi):Tâm Bất thiện Câu Hành Xả Tương Ưng Hoài nghi. Hoặc có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc hay Pháp làm Cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tầm, Tứ, Xả, Nhất thống, Cần quyền, Ý quyền, Xả quyền, Mạng quyền, Tà Tư duy, Tà Tinh tấn, Cần lực, Vô tàm lực, Vô úy lực, Hoài nghi, Si, Vô Tàm, Vô úy, Chiếu Cố Vô Điệu cửđều có trong khi ấy. Hay là những Pháp Phi Sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là Pháp Bất thiện....
- Tâm Bất thiện thứ 12 (tâm Si câu hành xả tương ưng điệu cử):Tâm Bất thiện Câu Hành Xả Tương Ưng Điệu cử. Hoặc có Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc hay Pháp làm cảnh. Hay những chi mở mối sanh ra trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, Nhất thống, cần quyền, định quyền, ý quyền, xả quyền, mạng quyền, tà tư duy, tà tinh tấn, tà định, cần lực, định lực, vô tàm lực, vô úy lực, điệu cử, si, vô tàm, vô úy, pháp chỉ chiếu cố vô điệu cử. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh cũng vẫn có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là pháp Bất thiện....

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Thiện:*Abyākatā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Ký.

Có Pāḷi chú giải như vầy *"Nabyākato = Abyākaro":* phi ký gọi là vô ký.Đây là trạng thái của các thứ tâm quả, tâm tố, Sắc Pháp và Níp Bàn.

A. TÂM QUẢ*(Ahetukakusalavipācitta)*: là do nghiệp dị thời duyên Bất thiện tạo, hay là chủng tử Bất thiện, chính là ảnh hưởng của Sở hữu tư *(cetanā)* hiệp tâm Bất thiện mà diệt rồi, nhưng còn tợ hạt giống gặp dịp phát ra tâm quả Bất thiện,được Pāḷi chú giải như vầy *"Akusalassa vipākāni = Akusalavipākāni"*: thành tựu do nơi nghiệp Bất thiện gọi là quả Bất thiện. Hoặc thành tựu nơi nghiệp thiện (thiếu tam tư, bất tương ưng trí) thì gọi là quả thiện vô nhân (*Kusalassa vipākāni = Kusalavipākāni*). Hay là thành tựu nơi nghiệp thiện (có tam tư, tương ưng trí, thiền thiện, thiện siêu thế) cho ra quả tịnh hảo hữu nhân.

. Theo phần pháp**Vô ký thuộc quả Dục giới:**Ngũ thức quả thiện (hoặc quả Bất thiện) trong Bộ Pháp tụ *(Dhamma -Saṇginī)* câu 338, Phật Ngài có dạy những pháp ấy như vầy:

- "Nhãn thức quả (thiện) câu sanh xả, có sắc làm cảnh sanh do nghiệp thiện dục giới đã tích trữ, sanh ra trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, xả, nhất thống, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh có trong khi ấy. Những thực tính này gọi là pháp vô ký (quả)".Riêng nhĩ, tỷ, thiệt, thân thức, Phật Ngài cũng có dạy "Chư pháp vô ký khi có ra sao? (câu 352)Nhĩ thức quả (thiện) câu sanh xả có thinh làm cảnh...Tỷ thức quả (thiện) câu sanh xả có khí làm cảnh...Thiệt thức quả (thiện) câu sanh xả có vị làm cảnh...Thân thức quả (thiện) câu sanh xả có xúc làm cảnh...Sanh ra do đã làm việc thiện dục giới chất chứa nghiệp tạo trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, lạc, nhất thống, ý quyền, lạc quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh có trong khi ấy. Những thực tính này gọi là pháp vô ký (quả)".Riêng 5 tâm quả Bất thiện(vô nhân) chỉ khác với quả thiện vô nhân về thành tựu Bất thiện và câu sanh khổ thọ, khổ quyền v.v...tức là sanh ra do đã làm việc Bất thiện dục giới chất chứa nghiệp tạo...
- Ý giới (quả thiện, hoặc quả Bất thiện) được Đức Phật Ngài dạy như vầy: Chư pháp vô ký trong khi có ra sao? (câu 366): "Như là ý giới quả (thiện, Bất thiện) câu sanh xả hoặc có sắc làm cảnh...hoặc có xúc làm cảnh. Hay là những cảnh nào mở mối phát sanh do nghiệp thiện (hoặc nghiệp Bất thiện) dục giới đã làm tích trữ tạo trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, xả, nhất thống, ý quyền, xả quyền, mạng quyền đều có trong khi ấy hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh có trong khi ấy. Những thực tính này gọi là Pháp Vô ký (quả)".
- Ý thức giới (quả thiện, hoặc quả Bất thiện) được Đức Phật dạy như vầy: chư pháp vô ký trong khi có ra sao? (câu 382): "Như là ý thức giới quả (thiện, Bất thiện) câu sanh hỷ (hoặc câu sanh xả) hoặc có sắc làm cảnh...hoặc có pháp làm cảnh. Hay là những cảnh

nào mở mối phát sanh do nghiệp thiện (hoặc nghiệp Bất thiện) dục giới đã làm tích trữ tạo trong khi nào thì xúc, thọ, tưởng, tư, tâm, tầm, tứ, hỷ (xả), lạc, nhất thống, ý quyền, hỷ quyền (xả quyền), mạng quyền đều có trong khi ấy hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh có trong khi ấy. Những thực tính này gọi là Pháp Vô ký (quả)".

- 8 tâm đại quả: Chư pháp vô ký trong khi có ra sao? (câu 415) "Ý thức giới Quả (Thiện) câu hành Hỷ tương ưng Trí, hoặc có Sắc làm Cảnh... hoặc có Pháp làm Cảnh. Hay là những Cảnh nào mở mối phát sanh... câu hành Hỷ tương ưng Trí hữu dẫn... câu sanh Hỷ Bất tương ưng Trí... câu sanh Hỷ Bất tương ưng Trí hữu dẫn... câu hành Xả tương ưng Trí... câu hànhXả tương ưng Trí hữu dẫn... câu hànhXả Bất tương ưng Trí... câu hànhXả Bất tương ưng Trí hữu dẫn... sanh ra do Thiện Dục giới đã làm tích trữ Nghiệp tạo trong khi nào thì Xúc... Vô điệu cử có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô ký (quả)".

Pháp Vô ký thuộc quả Sắc giới:phần pháp này Đức Thế Tôn cũng dạy ở trong bộ Pháp Tụ (câu 417) như sau:

Chư Pháp Vô ký trong khi có ra sao? Bực Tu tiến tĩnh ly chư Dục... chứng Sơ thiền bằng đề mục Đất... thành tựu quả do Thiện Sắc giới đã làm tích trữ Nghiệp tạo trong khi nào thì Xúc... Vô điệu cử có trong khi ấy... Những thực tính này gọi là Pháp Vô Ký(quả).

Chư Pháp Vô ký trong khi có ra sao? Bực Tu tiến Đắc Sơ thiền bằng đề mục Đất, không Khổ, không Lạc, do trừ Lạc Khổ, đặng thành tựu Quả do Thiện Sắc giới đã làm tích trữ Nghiệp tạo trong khi nào thì Xúc... Vô điệu cử có trong khi ấy... Những thực tính này gọi là pháp Vô ký (quả).

Pháp Vô ký thuộc quả Vô Sắc giới:(câu 418)Chư Pháp Vô ký trong khi có ra sao? Bực Tu tiến lướt qua những tưởng còn hình thức, vắng lặng tưởng khuể phẫn không tác ý tưởng dị, trừ luôn Lạc, đắc tứ thiền câu hành với Tưởng Không Vô Biên Xứ... thành tựu Quả do Thiện Vô Sắc giới đã tích trữ Nghiệp tạo trong khi nào thì Xúc... Vô điệu cử có trong khi ấy... Những thực tính này gọi là pháp Vô ký (quả).

Chư Pháp Vô ký trong khi có ra sao? (bao gồm các thứ tâm quả Thức Vô biên, Vô Sở hữu Và Phi tưởng phi phi tưởng xứ) Bực Tu tiến vượt qua tất cả Không Vô Biên Xứ trừ luôn Lạc, đắc Tứ Thiền đồng sanh với:Tưởng Thức Vô Biên Xứ...Tưởng Vô Sở hữu Xứ...Tưởng Phi tưởng phi phi tưởng xứ...Thành tựu Quả do Thiện Vô Sắc giới đã tích trữ Nghiệp tạo trong khi nào thì Xúc... Vô điệu cử có trong khi ấy... Những thực tính này gọi là pháp Vô ký (quả).

Pháp Vô ký thuộc quả Siêu thế: (câu 427 - 430), phần Tịnh Tiêu Diệt

Bực Tu Tiến tĩnh ly chư Dục, đưa đến rốt ráo (đã) đặng trừ Tà kiến... Đắc Sơ thiền bằng chủng Tiêu Diệt... thành tựu Quả do Thiền Thiện Siêu thế, đã Tu Tiến đặng xong như lối đó

trong khi nào thì Xúc... Vô Điệu cử có trong khi ấy... Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô Ký(sơ quả).

Bực Tu Tiến tĩnh ly chư Dục... đắc Sơ thiền bằngChủng Vô Chứng...Chủng Phi Nội...Thành tựu Quả do Thiền Thiện Siêu thế, đã Tu Tiến đặng xong như lối đó trong khi nào thì Xúc... Vô Điệu cửcó trong khi ấy... . Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô ký (sơ quả).

Bậc Tu Tiến Siêu thế có Thiền là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo (đã) đặng trừ Tà kiến, hầu chứng bậc ban sơ, chế chỉ Tầm Tứ đắc Nhị Thiền... Tam Thiền... Tứ Thiền... Đắc Sơ thiền... Đắc Ngũ Thiền bằng chủng Tiêu Diệt... trong khi nào:

- Thiện như đây... chủng Tiêu Diệt, Quả như đây... chủng Tiêu Diệt.
- Thiện như đây... chủng Vô Chứng, Quả như đây... chủng Vô Chứng.
- Thiện như đây... chủng Phi Nội, Quả như đây thì Xúc... Vô Điệu cửcó trong khi ấy...
- Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô ký (sơ quả).

B. TÂM TỐ: có 2 phần là Tố Vô nhân và Tố Hữu nhân.

- Tố vô nhân*(ahetukakiriyācitta)*:nghĩa là tâm làm chỉ là làm và không có nhân tương ưng hợp. Có chú giải như vầy *"Kariyāti karaṇamttaṃ"*: làm chỉ là làm nên gọi là Tố...chẳng khác chi cái trớn chạy tỷ như bông vụ xoay theo sức đánh.Tố vô nhân được chia làm 3 phần:
  - Khai ngũ môn (Pañcadvāravajjana citta)
  - Khai ý môn (Manodvāravajjana citta)
  - Tâm tiếu sinh (Hasituppāda citta)
- Tố hữu nhân*(hetukakiriyācitta):* đây chỉ cho các thứ tâm đại tố, tố đáo đại là tâm thành tựu có nhân tương ưng hợp (tương ưng trí hoặc bất tương ưng trí), tức vô tham, vô sân, hay vô tham, vô sân, vô si hợp với các tâm tố nên gọi là tố hữu nhân.Tố hữu nhân được chia làm 3 phần:
  1. Dục giới Tố (*Kāmāvacarakiriyā*):Chư pháp (này) trong khi có ra sao?Phật Ngài có dạy phần pháp này ở câu 482 trong Bộ Pháp Tụ, như sau: "*Ý thức giới thành Tố - Phi Thiện, Phi Bất thiện và Phi Dị Thục Quả do Nghiệp tạo, câu sanh Xả hoặc có Sắc làm Cảnh... hoặc có Xúc làm Cảnh. Hay là những Cảnh chi mở mối sanh ra trong khi nào thì Xúc, Thọ, Tưởng, Tư, Tâm, Tầm, Tứ, Xả, Nhứt Tâm, Ý quyền, Xả quyền, Mạng quyền đều có trong khi ấy. Hay là những Pháp Phi Sắc nào khác nương sanh cũng có trong khi ấy. Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô Ký.*"
  2. Sắc giới Tố (*Rūpāvacarakiriyā*): Chư pháp (này) trong khi có ra sao?Phật Ngài có dạy phần pháp này ở câu 494 trong Bộ Pháp Tụ, như sau:"*Bực ứng cúng tu tiến Thiền Sắc giới Tố (Kiriya) Phi Thiện, Phi Bất thiện và Phi Nghiệp Quả, an vui tại thế,*

tĩnh ly chư Dục... đắc Sơ thiền bằng đề mục Đất trong khi nào thì Xúc... Vô Điệu cử có trong khi ấy.... Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô Ký."

3. Vô Sắc giới Tố (*Arūpavacarakiriyā*): Chư pháp (này) trong khi có ra sao?Phật Ngài có dạy phần pháp này ở câu 496 trong Bộ Pháp Tụ, như sau:"*Bực ứng cúng tu tiến Thiền Vô Sắc giới Tố - Phi Thiện, Phi Bất thiện và Phi Nghiệp Quả, chỉ an vui hiện thế do lướt khỏi những Sắc Tưởng nhờ sự vắng lặng nơi Tưởng Phẩn Nhuế do không tác ý Tưởng Dị, trừ luôn Lạc chứng Tứ Thiền đồng sanh với Tưởng Không Vô Biên Xứ không Khổ không Lạc, đã trừ Lạc Khổ... trong khi nào thì Xúc... Vô Điệu cử có trong khi ấy.... Những chơn tướng này gọi là Pháp Vô Ký.*"

C.SẮC PHÁP*(Rūpa - Abyākatā)*:là trạng thái vô tri giác nên không có hành động hay hành vi tức thành đối tượng cho phápthiện,Bất thiện.Hay là,Sắc Phápchỉ thành cảnh cho pháp thiện, Bất thiệnnên chẳng phải thiện cũng chẳng phải Bất thiện, tức chẳng phải nhân thành tựu quả khổ hay vui nên Sắc Pháp cũng thuộc về vô ký.

D. NÍP BÀN*(Nippāna)*:chỉ là cảnh tức đối tượng của tâm siêu thế, khai ý môn, đại thiện, đại tố tương ưng trí,do vậy, Níp Bàn không có hành vi thiện – ác, tốt – xấu nên gọi Níp Bàn là Vô Ký. Hay nói cách khác, Níp Bàn là trạng thái không có chi trợ tạo, vô vi, vô vi giới, vượt thoát Ngũ Uẩn Thủ và tất cả đời.

Vô vi tức chỉ bản chất pháp là Níp Bàn, đây nói về bản chất thực tính pháp mà không còn bị tạo, không còn bị chi phối hợp trong đời, không còn duyên trợ tạonên pháp vô vi cũng được hiểu là pháp vô duyên. Nói gọn lại, vô vi hay pháp Vô Vi Giới là không bị tạo và cũng không tạo tác bởi các pháp trong đời,vì pháp trong đời đều do duyên trợ mới có ra,thế nên thực tính chơn tướng nào không còn tác động bởi duyên, bởi pháp hữu vi thì pháp ấy gọi là pháp vô vi vậy.

TAM ĐỀ THỨ 2: TAM ĐỀ THỌ

(VEDANĀTIKA)

(Tam Đề Hàm Tận Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Sukhāya vedanāya sampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Lạc Thọ.*
- *Câu 2: Dukhāya vedanāya sampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Khổ Thọ.*
- *Câu 3:Adukkhāma sukhāya vedanāya sampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika),* câu 664, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của Thọ *(Vedanā),*gọi là Tam Đề Thọ như sau:

* *Chư Pháp tương ưng Lạc Thọ là chi?*

Trong lãnh vực lạc Thọ, Pháp Dục giới, Sắc giớivà Siêu thế, ngoại trừ Lạc Thọ, tức Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với Thọ. Đây là các pháp tương ưng Lạc Thọ.

* *Chư Pháp tương ưng Khổ Thọ là chi?*

Trong lãnh vực khổ Thọ, Pháp Dục giới, ngoại trừ Khổ Thọ, tức Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với thọ ấy. Đây là các pháp tương ưng Khổ Thọ.

* *Chư Pháp tương ưng phi Khổ phi Lạc Thọ là chi?*

Trong lãnh vực Phi Khổ Phi Lạc Thọ Pháp Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giớivà Siêu thế, ngoại trừ Phi Khổ Phi Lạc Thọ, tức Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn tương ưng với thọ ấy. Đây là các pháp tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

II. THÍCH TỪ

- Thọ (*Vedanā*): hay thụ tức lànhận lấy, dụng nạp, hứng chịu, thọ hưởng, thụ hưởng.
- Tương ưng (*Sampayutta*): đối lẫn nhau, cùng nhau, hòa nhau, hòa trộn, hòa hiệp. Ở đây lấy ý nghĩa từ pháp tương ưng là hòa trộn các trạng thái lại với nhau như nước với sữa, vì cùng hiệp cùng hợp mà không đối lại nhau.
- Khổ: đắng, khó chịu nổi, hoạn nạn, cảm giác về sự khổ, chịu khổ sở. Ở đây lấy ý nghĩa là hưởng cảnh xúc không tốt đẹp, không thích hợp với thân đau, tâm buồn
- Lạc: vui mừng, sướng. Ở đây lấy ý nghĩa là hưởng cảnh xúc thích hợp, tức là sướng thân,vui tâm.
- Phi: trái (ngược), không phải, bất, không.
- Phi khổ phi lạc: không khổ thân, không buồn tâm và không sướng thân, không vui tâm. Trạng thái hưởng cảnh trung bình.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Thọ *(Vedanātika)* là gom tụ một phần pháp siêu lý thành ba trạng thái pháp làtương ưng Lạc Thọ, tương ưng Khổ Thọ và tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

1. Pháp tương ưng Lạc Thọ*(Sukhāya vedanāyasampayuttā dhammā)*: đây là bản chất pháp với sự hòa trộn hưởng cảnh dễ chịu, an của Thân, vui của Tâm hay là cách hưởng cảnh tốt, vui, đẹp. Hay nói cách khác, pháp tương ưng lạc thọ là gồm những pháp sanh lên, có hiệp tác chung với cảm thọ lạc vui.
2. Pháp tương ưng Khổ Thọ*(Dukhāya vedanāyasampayuttā dhammā)*: là hưởng cảnh hay chịu đựng, khổ Thân buồn Tâm, hoặc là cách cảm nhận, sự cảm giác khó chịu khi hưởng cảnh xấu làm cho tâm ưu và thân khổ. Hay nói cách khác, những pháp khi sanh lên có hiệp cùng cảm thọ khổ, làm cho pháp câu sanh sầu héo.
3. Pháp tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ*(Adukkhā masukhāya vedanāyasampayuttā-dhammā)*: đây là cách hưởng cảnh với sự cảm giác hay cảm nhận không vui, không khổ tức là xả thọ, bởi với trạng thái bình thường trước cảnh. Hay nói cách khác, pháp tương ưng phi khổ phi lạc thọ là gồm những pháp sanh lên có hiệp cùng xả thọ để dụng nạp cảnh chẳng khổ, chẳng vui.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp tương ưng Lạc Thọ có 63 thứ tâm Lạc Thọ, 46 SHH.Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 3Uẩn:
  1. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 63 thứ tâm Lạc Thọ
  2. Hành uẩn là 45SH(đã trừ SH Tưởng) hợp với 63 thứ tâm Lạc Thọ
  3. Thức uẩn là 63 thứ tâm Lạc Thọ
– Xứđặng 2 Xứ:
  1. Ý xứlà 63 thứ tâm Lạc Thọ
  2. Pháp xứlà 46 SH hợp với 63 thứ tâm Lạc Thọ
– Giớiđặng 3 Giới:
  1. Thân thức giớilàTâm Thân thức Lạc Thọ
  2. Ý thức giới là62 thứ tâm Lạc Thọ còn lại
  3. Pháp giới là46 SH hợp với 63 thứ tâm Lạc Thọ
– Đếđặng 3 Đế:
  1. Khổ đế là31 thứ tâm Lạc Thọ Hiệp Thế (số tâm tương ưng Lạc Thọ có 63, nhưng ở đây chỉ lấy phần hiệp thế nên chỉ còn 31 thứ tâm mà thôi) + 45SH (đã trừ Tham)
  2. Tập đế làSH Tham
  3. Đạo đế làBát Chi SH tương ưng (hợp, hòa trộn) với 16thứ tâm Thiện Siêu thế Lạc Thọ

Ngoại đế là 16 thứ tâm Quả lạc thọ siêu thế + SHH (ngoài đạo đế)

Tất cả pháp tương ưng Lạc Thọ là 63 thứ Tâm Lạc Thọ + 46 SHH

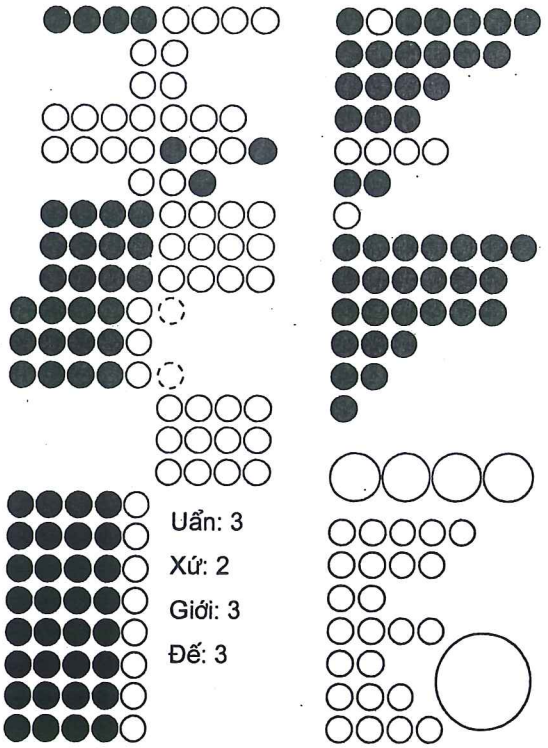

▶ Câu 2:Tất cả pháp tương ưng Khổ Thọcó2 thứ tâm Sân, Tâm thân thức khổ thọ, 21SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 3Danh Uẩn:

1. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 2 thứ tâm Sân, Tâm thân thức Khổ thọ
2. Hành uẩn là20SH(đã trừ SH Tưởng) hợp với 2 thứ tâm Sân, tâm thân thức Khổ thọ
3. Thức uẩn là2 thứ tâm Sân, tâm thân thức Khổ thọ

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà2 thứ tâm Sân,Tâm thân thức Khổ thọ
2. Pháp xứlà21 SH hợp với 2 thứ tâm Sân,Tâm thân thức Khổ thọ

– Giớiđặng 3 Giới:

1. Thân thức giới là Tâm Thân thức Khổ Thọ
2. Ý thức giới là 2 thứ tâm Sân
3. Pháp giới là21 SH hợp với 2 thứ tâm Sân,Tâm thân thức Khổ thọ

– Đếđặng 1 Đế:Khổ đế là 2 thứ tâm Sân, tâm Thân thứcKhổ thọ và 21SHH

Tất cả pháp tương ưng Khổ Thọ là2 thứ tâm Sân, Tâm Thân thức Khổ Thọ + 21 SHH

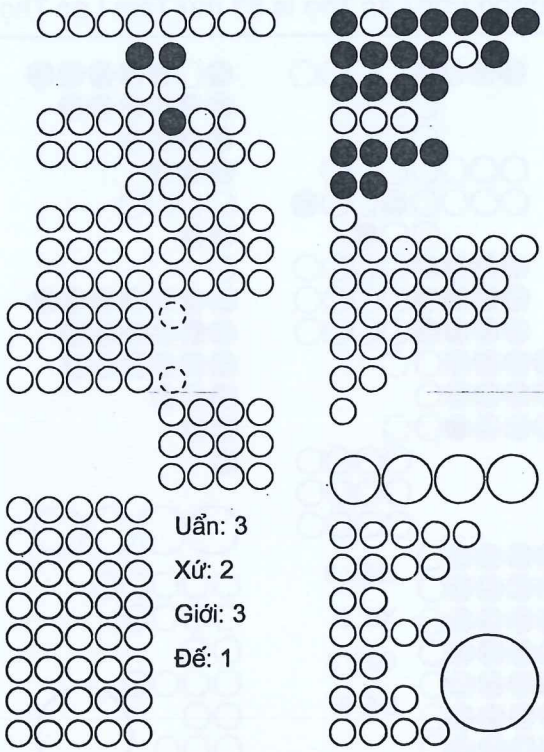

▶ Câu 3:Tất cả pháp tương ưng Phi Khổ Phi Lạc là 55 thứ tâm Xả Thọ, 46 SHH. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 3Danh Uẩn:

1. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 55 thứ tâm Xả Thọ
2. Hành uẩn là45 SH (đã trừ SH Tưởng) hợp với 55 thứ tâm Xả Thọ
3. Thức uẩn là55 thứ tâm Xả Thọ

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà55 thứ tâm Xả Thọ
2. Pháp xứlà46 SH hợp với 55 thứ tâm Xả Thọ

– Giớiđặng 7 Giới:

1. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức
3. Tỷ thứcgiới làđôi Tỷ thức
4. Thiệt thứcgiới làđôi Thiệt thức
5. Ý giớilàđôi Tiếp thâu, Khai ngũ môn
6. Ý thức giới là44 thứ tâm Xả Thọ (đã trừ 4 đôi thức trên + Ý giới)
7. Pháp giới là46 SH hợp với 55 thứ tâm Xả Thọ

– Đếđặng 3 Đế:

1. Khổ đế là47 thứ tâm Xả Thọ hiệp thế + 45 SH
2. Tập đế làSở hữu Tham
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng với 4 thứ tâm Thiện Siêu thếXả Thọ

Ngoại đế là 4 thứ tâm Quả Xả Thọ Siêu thế + SHH ngoài Bát chi đạo đế

Tất cả pháp tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọlà 55 thứ tâm Xả Thọ + 46 SHH

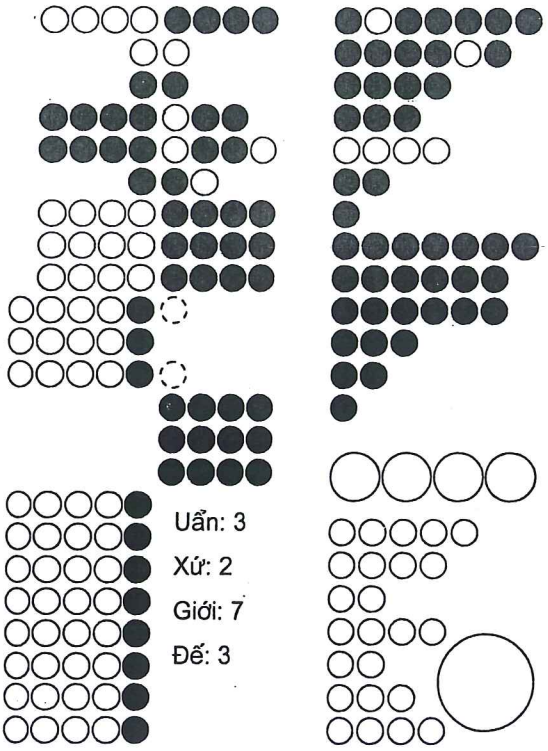

Tam đề Thọ: gọi là Tam đề hàm tận vì lấy hết 3 câu đặt tên cho đề. Tam đề Thọ còn gọi là tam đề Hữu dư bởi do chỉ lấy một phần pháp siêu lý (Tâm, Sở Hữu) do vậy Tam Đề Thọ gọi là Tam Đề Hàm Tận, Hữu Dư.

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Thọ:

Sukhāya vedanāya sampayuttādhammā - Tất cả Pháp tương ưng Lạc Thọ.

Là trạng thái nào mà hòa trộn hay tương hợp với lạc thọ thì những pháp ấy gọi là chư pháp tương ưng lạc thọ *(Sukhāya vedanāya sampayuttā dhammā).*Chư pháp mà tương ưng với lạc thọ là:

- Về phần Tâmcó: 4 thứ tâm tham hỷ thọ, tâm thân thức lạc thọ, tâm thẩm tấn hỷ thọ, tâm tiếu sinh, 12 thứ tâm dục giới hỷ thọ và 44 thứ tâm thiền hỷ thọ.
- Về phần Sở hữu tâm có:25 thứ Sở hữu tịnh hảo, 2 thứ Sở hữu hôn phần, 3 thứ tham phần, 4 thứ si phần, 11 thứ Sở hữu tợ tha (đã trừ thọ và hỷ), 1 thứ sở hữu hoài nghi.

Nên biết:trừ Sở hữu Thọ, vì Thọ là pháp chánh trong sự hòa trộn này, ví như ta nóita có bà con, thì dĩ nhiên không tính ta trong số đó.

Trong Bộ pháp Tụ, phần Thiện - Bất thiện, trong câu 80, Phật Ngài có giải thích về pháp Lạc Thọ như vầy: "Khi nào có Sở hữu tâm vui, Sở hữu tâm lạc, hưởng cảnh an vui sanh từ ý xúc và dụng nạp hứng chịu an vui từ ý xúc, như thế gọi là lạc (hỷ) có trong khi ấy".

Như vậy:pháp tương ưng lạc thọ tức là nói đến những pháp câu sanh với thọ Uẩn (lấy phần lạc, hỷ thọ). Ở đây, pháp tương ưng lạc thọ bao gồm 62 thứ tâm hỷ thọ và 1 thứ tâm thân thức lạc thọ cùng với 46 thứ Sở hữu (đã trừ thọ, sân phần, hoài nghi).

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Thọ:

Dukhāya vedanāya sampayuttādhammā - Tất cả Pháp tương ưng Khổ Thọ.

Là trạng thái nào mà hòa trộn hay tương hợp với khổ thọ thì những pháp ấy gọi là chư pháp tương ưng khổ thọ *(Dukkhā vedanāya sampayuttā dhammā)*.Chư pháp mà tương ưng với Khổ Thọ là:

- Về phần Tâmcó: 2 thứ tâm Sân, 1 thứ tâm thân thức khổ thọ.
- Về phần Sở hữu Tâm có:4 thứ si phần, 4 thứ sân phần, 2 thứ hôn phần, và 11 Sở hữu tợ tha (đã trừ Thọ và Hỷ).

Trong Bộ pháp Tụ, phần Thiện - Bất thiện, câu 326, Phật Ngài có giải thích về pháp Khổ Thọ như vầy: "*Khổ (ưu) trong khi có ra sao?Khi nào có Sở hữu tâm hưởng buồn, khổ, phi hỷ sanh từ ý xúc, hứng chịu buồn khổ, phi hỷ sanh từ ý xúc, như thế gọi là khổ(ưu) có trong khi ấy*".

Như vậy:các pháp tương ưng khổ thọ tức là nói đến những pháp câu sanh với Thọ uẩn (lấy phần khổ, ưu thọ). Ở đây, pháp tương ưng khổ thọ là bao gồm 2 thứ tâm sân và 1 thứ tâm thân thức khổ thọ cùng với 21 thứ SHH.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Thọ:

Adukkhāma sukhāya vedanāya sampayuttā-dhammā- Tất cả Pháp tương ưng Phi Khổ Phi Lạc Thọ.

Là trạng thái nào mà không hòa trộn với lạc và khổ thọ, nhưng hiệp cùng, hòa trộn cùng với xả thọ tức là cảm giác chẳng khổ, chẳng vui, chỉ có cảm giác xả với trạng thái bình thường đối với cảnh thì những pháp ấy gọi là chư pháp Phi Lạc Phi Khổ Thọ *(Adukkhamasukhāya vedanāya sampayuttā dhammā)*.Chư pháp mà tương ưng với Phi Khổ Phi Lạc Thọ là:

- Về phần Tâm có: 4 thứ tâm tham xả thọ, 2 thứ tâm si, 4 đôi thức (trừ thân thức), 2 thứ tâm tiếp thâu, 2 thứ tâm thẩm tấn xả thọ, 2 thứ tâm khai môn, 12 thứ tâm dục giới tịnh hảo xả thọ và 23 thứ tâm ngũ thiền.

- Về phần Sở hữu Tâm có:25 thứ Sở hữu tịnh hảo, 4 thứ si phần, 3 thứ tham phần, 2 thứ hôn phần, hoài nghi, 11 tợ tha (trừ thọ và hỷ).

Trong Bộ pháp Tụ, phần Thiện - Bất thiện, câu 407, Phật Ngài có giải thích về pháp Xả Thọ như vầy: "Xả trong khi có ra sao?Khi nào Sở hữu tâm phi hỷ, phi phi hỷ sanh từ ý xúc, sự hưởng cảnh phi khổ phi lạc sanh từ ý xúc, trạng thái hứng chịu phi khổ phi lạc cũng sanh từ ý xúc trong khi nào, đây gọi là Xả (Thọ) có trong khi ấy".

Như vậy:chư pháp phi khổ phi lạc tức là nói đến những pháp câu sanh với Thọ uẩn (lấy phần xả thọ). Ở đây, pháp tương ưng xả thọ bao gồm 55 thứ tâm và 46 thứ SHH.

TAM ĐỀ THỨ 3: TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ

(VIPĀKATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Vipāka dhammā - Tất cả Pháp Dị Thục Quả.*
- *Câu 2:Vipāka dhamma dhammā - Tất cả Pháp Dị Thục Nhân.*
- *Câu 3:Nevavipāka na vipākadhamma dhammā - Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, ở câu 665 Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Dị Thục Nhân, Dị Thục Quả, Phi Quả Phi Nhân*(Vipākātika)*. Gọi là Tam Đề Dị Thục Quả, như sau:

* *Chư pháp Dị Thục (Quả) là chi?*

Dị Thục Quả củaBất thiện và Thiện Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc và Siêu thế, tức Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn thuộc về Pháp Dị Thục Quả. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dị Thục Quả.

* *Chư pháp Dị Thục (Nhân) là chi?*

Pháp Bất thiện và Pháp Thiện Dục giới, Sắc giới, Vô Sắc giới và Siêu thế tức là Thọ uẩn ... Thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Dị Thục Nhân.

* *Chư pháp Phi Dị Thục Quả, Phi Dị Thục Nhânlà chi?*

Pháp thành tố phi Thiện, phi Bất thiện và phi Nghiệp Quả của tất cả Sắc Pháp luôn Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Phi Dị Thục Quả - Phi Dị Thục Nhân.

II. THÍCH TỪ

- Dị:khác, lạ, riêng, đặc biệt, dễ dàng Thục:chín, nấu chín ... kết quả, thành tựu.
- Quả:kết cục của việc làm, mạnh mẽ quyết đoán; ăn no, trái cây, quả báo ... . Ở đây là thành tựu từ nhân, kết quả từ việc làm.
- Nhân:hạt giống, là căn, gốc, rễ, nhân sanh, nguyên do ... .
- Dị Thục Nhân:ở đây có nghĩalà hành vi sẽ cho quả khác thời gian
- Dị Thục Quả:ở đây có nghĩalà kết quả từ nhân hay là thành tựu khác thời gian.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Dị Thục Quả*(Vipākatika)* là phần gom tụ pháp siêu lý thành ba trạng thái pháp: Tất cả Pháp Dị Thục Quả, Tất cả Pháp Dị Thục Nhân, Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhân.

1. Tất cả Pháp Dị Thục Quả: là trạng thái thành tựu từ những pháp nhân, hay là những pháp có kết quả do từ Nghiệp Dị Thời duyên trợ. Chư pháp Dị Thục Quả gọi gọn là tất cả pháp Quả, có Pāḷi chú giải như vầy: *Aññamaññarisitthānaṃ kusalā-kusalānaṃ pākātivipākā* = những pháp thành quả của Thiện (hoặc Bất thiện) giúp nhau bằng cách đặc biệt gọi là

Quả. Như vậy, chư pháp Dị Thục Quả tức là những pháp thành tựu do Nghiệp Dị Thời *(Nānakkhanika kamma)*.

2. Tất cả Pháp Dị Thục Nhân: là những trạng thái thành nhân tạo ra Quả Dị Thục. Chư Pháp Dị Thục Nhân gọi gọn là tất cả Pháp Nhân *(Vipāka dhamma dhammā)*: là pháp Nhân của quả sẽ tạo ra quả. Có thêm Pāḷi chú giải nữa như vầy *Vipākaṃ dhārentīti = Vipākadhammo*: pháp nào chứa để nhân trợ tạo Quả sanh ra, pháp ấy gọi là Pháp Nhân (chữ *Vipākadhammā*tức là nhân của Quả).
3. Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhân: những trạng thái nào không phải là Pháp Nhân cũng chẳng phải Pháp Quả, thì gọi là Pháp Phi Nhân Phi Quả,có Pāḷi giải thích như vầy: "*Neva vipāka na vipākadhamma dhammā* = những pháp ngoài ra Thiện, Bất thiện và Tâm Quả thì những trạng thái ấy gọi là Phi Quả Phi Nhân." (đây chỉ cho những Tâm Tố, Sắc Pháp, Níp Bàn).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Dị Thục Quả là 52 thứ tâm Quả và 38 SHH. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:
  1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 52 thứ tâm Quả
  2. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 52 thứ tâm Quả
  3. Hành uẩn là36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng)hợp với 52 thứ tâm Quả
  4. Thức uẩn là52 thứ tâm Quả

– Xứ đặng 2 Xứ:
  1. Ý xứlà52 thứ tâm Quả
  2. Pháp xứlà38 SH

– Giớiđặng 8 Giới:
  1. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
  2. Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức
  3. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
  4. Thiệt thức Giới làđôi Thiệt thức
  5. Thân thức giớilàđôi Thân thức
  6. Ý giớilàđôi Tiếp thâu
  7. Ý thức giới là40 thứ tâm Quả (đã trừ NST + đôi tiếp thâu)
  8. Pháp giới là38SHH

– Đếđặng 1 Đế:Khổ đế là 32 thứ tâm Quả hiệp thế + 38SHH

  Ngoại đế là 20 Tâm Quả Siêu thế và SHH

Tất cả Pháp Dị Thục Quả là52 thứ Tâm Quả + 38 SHH

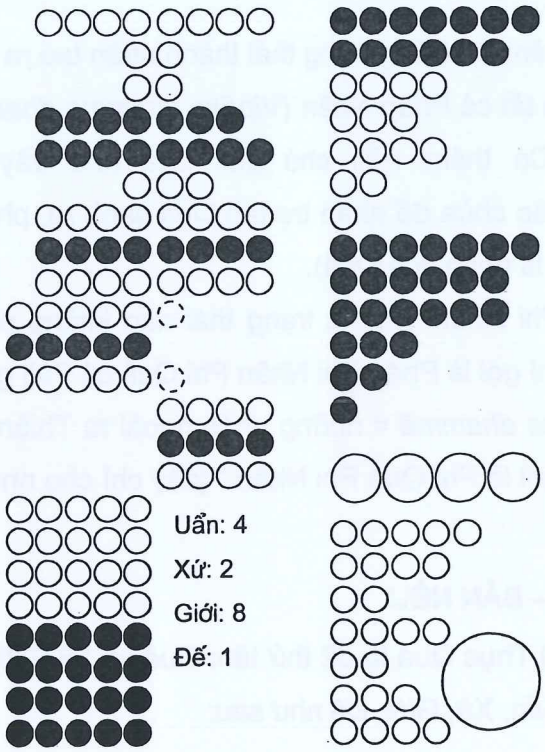

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Dị Thục Nhân là 12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện và 52 SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện
2. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện
3. Hành uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện
4. Thức uẩn là12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện
2. Pháp xứlà52 SH

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là12 thứ tâm Bất thiện, 37 thứ tâm Thiện
2. Pháp giới là52 SH

– Đếđặng 3 Đế:

1. Khổ đế là12 thứ tâm Bất thiện, 17 thứ tâm Thiện hiệp thế + 51SH(đã trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham
3. Đạo đế làBát chiSHtương ưng (hợp, hòa trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế là tâm Thiện siêu thế + SHH (trừ Bát chi SH)

Tất cả Pháp Dị Thục Nhân là12 thứ Tâm Bất thiện, 37 thứ Tâm Thiện và 52 SHH

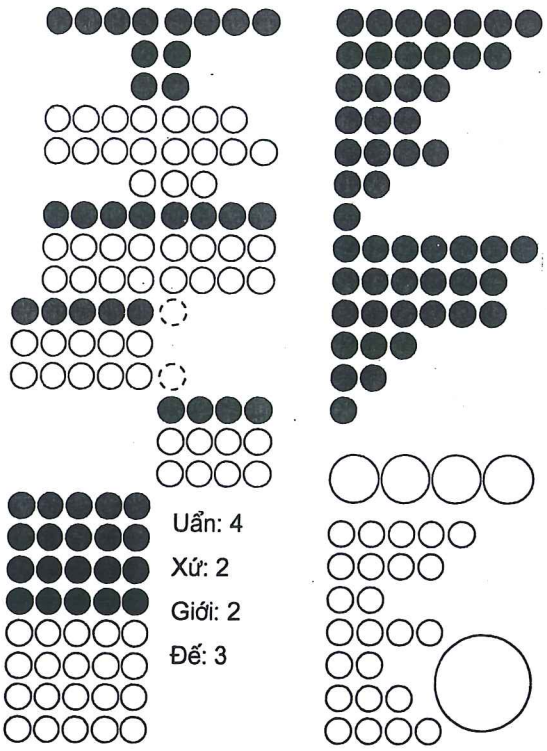

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhân là 20 thứ tâm Tố, 35SHH, Sắc Pháp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ phối hợp với 20 thứ tâm Tố
3. Tưởng uẩn làSH Tưởngphối hợp với 20 thứ tâm Tố
4. Hành uẩn là33 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) phối hợp với 20 thứ tâm Tố
5. Thức uẩn là20 thứ tâm Tố

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11.Ý xứlà 20 tâm Tố

12.Pháp xứlà 16 Sắc Tế, 35 SH hợp với 20 tâm Tố và Níp Bàn

– Giớiđặng 13 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giớilà sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Ý giớilàtâm Khai ngũ môn

12.Ý thức giới là19 thứ tâm Tố (đã trừ Khai ngũ môn)

13.Pháp giới là 16 Sắc Tế, 35 SH hợp với20 tâm tố và Níp Bàn

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế là20 thứ tâm Tố + 35SHH + Sắc pháp
2. Diệt đế làNíp Bàn

Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhânlà20 thứ tâm Tố, 35 SHH, Sắc Pháp và Níp Bàn

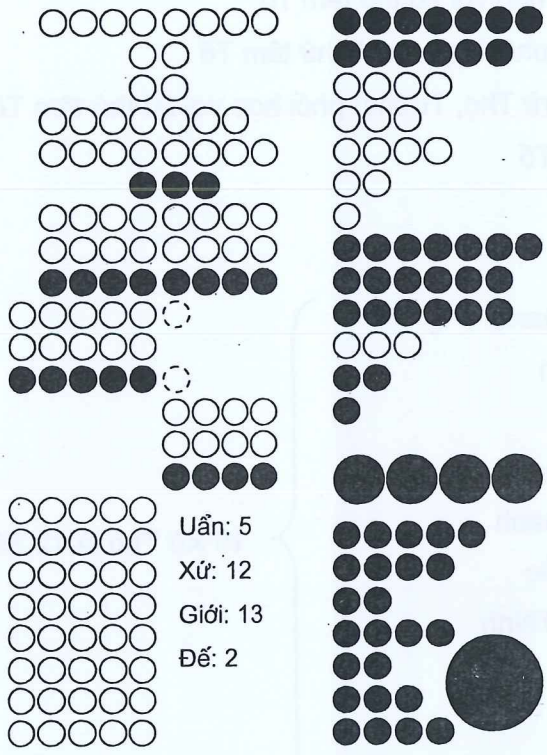

Dị Thục Quả: gọi là Tam đề chiết bán vì lấy câu một đặt tên cho đề. Tam đề Dị Thục Quả còn gọi là tam đề Vô dư bởi do lấy hết Pháp Siêu Lý (Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp và Níp Bàn) do vậy Tam đề Dị Thục Quả gọi là Tam Đề Chiết Bán, Vô Dư.

V. PHÂN GIẢI

Theo Bộ Phân Tích *(Vibhaṅga),* tạng Vô Tỷ pháp*(Abhidhammapitaka),* phần căn Tam Đề, Phật Ngài có giảng dạy như vầy:

"Thọ uẩn phân phần thành ba, như là: Thọ uẩn thành Dị Thục Quả, thành Dị Thục Nhân, thành Phi Dị Thục Quả - Phi Dị Thục Nhân.

Phần Lưỡng Lợi ... Tưởng uẩn phân phần thành ba như là: Tưởng uẩn thành Dị Thục Quả, thành Dị Thục Nhân, thành Phi Dị Thục Quả - Phi Dị Thục Nhân.

Phần Lưỡng Lợi ... Hành uẩn phân phần thành ba như là: Hành uẩn thành Dị Thục Quả, thành Dị Thục Nhân, thành Phi Dị Thục Quả - Phi Dị Thục Nhân.

Phần Lưỡng Lợi ... Thức uẩn phân phần thành ba như là: Thức uẩn thành Dị Thục Quả, thành Dị Thục Nhân, thành Phi Dị Thục Quả - Phi Dị Thục Nhân.

Phần Vấn Đáp – Đáp theo Đầu Đề Tam. Sắc uẩn thành pháp Phi Dị Thục Quả, Phi Dị Thục Nhân. (Tứ) Danh Uẩn cũng thành Dị Thục Quả, cũng thành Dị Thục Nhân, cũng thành pháp phi dị thục quả phi dị thục nhân."

Tam đề Quả *Vipākatika*gọi gọn là đề Quả, nói đủ chữ là đề Dị Thục Quả. Trong ba câu lấy hết pháp siêu lý nhưng mỗi câu có ý nghĩa khác nhau:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Dị Thục Quả:*Vipāka dhammā* - Tất cả Pháp Dị Thục Quả.

Là sự thành tựu từ Nhân hay của Nhân khác thời mà tạo ra, nghĩa là những pháp đến giai đoạn trổ vì đã có nhân trợ, trên hai lãnh vực Thiện và Bất thiện chư pháp Dị Thục Quả là chỉ bày những thành quả của nhân Thiện và Bất thiện do từ Sở hữu Tư *(Cetanā)*kết hợp và câu sanh, điều then chốt là bị trợ từ Nghiệp Dị Thời duyên *(Nānakkhanikammapaccayo)*và pháp đồng sanh tạo ra. Tuy nhiên, có một điều nên lưu ý đối với Quả Siêu thế được trợ sanh bởi Thiện Siêu thế nhưng không được xem là Quả Thức theo lối Liên Quan Tương Sinh (Vô minh duyên Hành, Hành duyên Thức ... Hữu duyên Sanh ...) vì vòng xoay của Vô minh tiếp diễn còn sự tái tục như: Sanh duyên Lão Tử v.v... còn pháp Quả Siêu thế là Ngoại uẩn vượt thoát khỏi hành vi trợ tạo, có thể hiểu không bị pháp hiệp thế chi phối, pháp đời cuốn trôi sanh tử.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Dị Thục Quả:

Vipāka dhamma dhammā - Tất cả Pháp Dị Thục Nhân.

Là pháp nào thành Nhân trợ cho ra Quả thành tựu tức là các pháp Thiện và Bất thiện do Sở hữu Tư chi phối để lại sự thành tựu hay nói cách khác những pháp thành Nhân trợ sanh ra Quả có mãnh lực trợ giúp thúc đẩy để đi đến kết quả, thì những pháp ấy là những trạng thái chứa để Quả thành tựu gọi là Dị Thục Nhân.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Dị Thục Quả:

Nevavipāka na vipākadhamma dhammā - Tất cả Pháp Phi Quả Phi Nhân.

Đây là trạng thái chẳng phải là Quả thành tựu do Nhân và cũng chẳng phải là Nhân chứa để thành Quả, tức ám chỉ cho những loại tâm Tố Vô nhân, Tố Hữu nhân, Sắc Pháp và Níp Bàn. Vì Tâm Tố là những trạng thái làm chỉ là làm không phải Nhân cũng chẳng phải Quả. Sắc pháp là tác động từ Nghiệp, Tâm, Quí Tiết, Vật thực tạo và thuộc về vật chất vô tri giác (Phi ký) nên cũng chẳng phải Nhân,còn Quả chỉ là cách hiện bày do từ Nghiệp Thức và Quả Thức nên cũng chẳng phải là Quả chánh thức. VàNíp Bàn là không bị tạo và cũng chẳng phải tạo ra trạng thái chi, nên những trạng thái này gọi là Pháp Phi Quả Phi Nhân.

BÀI 2: TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ– TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI TAM ĐỀ HỮU TẦM

TAM ĐỀ THỨ 4: TAM ĐỀTHÀNH DO THỦ

(UPĀDINNATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Upādinnupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp thành do Thủ và Cảnh Thủ.*
- *Câu 2:Aupādinnupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp phi thành do Thủ mà Cảnh Thủ.*
- *Câu 3:Aupādinnānupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp phi thành do Thủ phi Cảnh Thủ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika),* ở câu 666 Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp thành do Thủ và Cảnh Thủ, Pháp phi thành do Thủ mà Cảnh Thủ, Pháp phi thành do Thủ phi cảnh Thủ, gọi là Tam Đề Thành Do Thủ*(Upādinnatika)*như sau:

* *Chư Pháp Thành Do Thủ và Cảnh Thủ là chi?*

Dị thục quả của Thiện và Bất thiện do phần Pháp Lậu sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, tức là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn và Sắc nghiệp tạo. Những chơn tướng nầy gọi là chư Pháp thành do Thủ và Cảnh Thủ.

* *Chư Pháp Phi Thành Do Thủ mà Cảnh Thủ là chi?*

Pháp Thiện và Bất thiện còn bị Lậu biết sanh theo Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc giới, tức là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Pháp thành tố (Kiriyā) Phi Thiện, Phi Bất thiện, phi nghiệp quả và Sắc phi nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là chư Pháp Phi Thành Do Thủ mà Cảnh Thủ.

* *Chư Pháp Phi Thành Do Thủ và Phi Cảnh Thủ là chi?*

Đạo, Quả Siêu thế và Vô Vi Giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư Pháp Phi Thành Do Thủ và Phi Cảnh Thủ.

II. THÍCH TỪ

- Thủ: trông giữ, cầm giữ, giữ, coi, như bảo thủ, ôm giữ. Ở đây "thủ" là chấp nặng nề.
- Thành: xong, nên, dựng lên, nhất định không thay đổi, thành tựu, phàm làm công việc gì đến lúc xong cũng gọi là thành. Ở đây chỉ cho cách thành tựu, kết quả.
- Do: từ đó, bởi đó, nguyên nhân, noi theo, giống như, bởi, tự, nguyên do.
- Thành Do Thủ: tức là thành tựu do từ sự chấp nặng nề.
- Phi Thành Do Thủ: tức là không thành bởi không có pháp thủ.
- Cảnh: phòng giữ, báo tin, cõi, như cảnh thuận – cảnh nghịch – cảnh trí. Ở đây "cảnh" dùng cho cách là đối tượng, hay là cái gì bị tâm biết gọi là cảnh.
- Cảnh Thủ: là sự chấp giữ trên đối tượng một cách chấp cứng rất mạnh.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam ĐềThành Do Thủ *(Upādinnatika)* hay còn gọi là Đề Thủ, hoặc Tam Đề Nghiệp Chấp Thành Quả *(Upādinnatika)*. Đây là Tam Đề mà Đức Phật Ngài gom tất cả Pháp Siêu Lý nói trên 3 khía cạnh:

1. Tất cả Pháp Thành Do Thủ và Cảnh Thủ: là những pháp thành tựu do nghiệp tham ái và tà kiến chấp trước, quến tụ nghiệp tạo ra và cũng là đối tượng cho Tham Ái - Pháp Thủ biết đặng. Có Pāḷi như vầy "*Upādinnupādāniyā dhammā*"nghĩa là những pháp thành tựu do tham ái và tà kiến chấp trước, quến tụ nghiệp tạo tức Tâm Quả (Hiệp Thế) và Sắc Nghiệp (32 thứ tâm quả hiệp thế + 13 thứ Sở hữu Tợ Tha và 22 thứ Sở hữu Tịnh hảo đã trừ Ngăn Trừ Phần).
2. Tất cả pháp Phi Thành Do Thủ mà Cảnh Thủ: là pháp chẳng phải quả do nghiệp thủ tham ái chấp trước mà thành, nhưng còn là cảnh cho tham ái thủ biết đặng. Hay là, pháp phi nghiệp chấp thành quả mà cảnh thủlà những pháp không phải do tham ái và tà kiến chấp trước, Sắc Nghiệp tạo, mà còn bị pháp thủ biết đặng = "*Anupādinnupādāniyā dhammā*" (47 thứ Tâm Đổng lực hiệp thế, 2 thứ tâm Khai môn, 52 SHH và Sắc phi nghiệp).
3. Tất Cả Pháp Phi Thành Do Thủ Phi Cảnh Thủ: là các pháp phi chấp thành quả và phi cảnh thủ là những pháp vượt khỏi sự chấp trước và đồng thời pháp thủ cũng biết không đặng. Hoặc là những pháp chẳng phải quả do tham ái chấp thủ mà thành, cũng không phải thành cảnh cho tham ái thủ biết đặng = *"Anupādinnānupādāniyā dhammā"* (Pháp Siêu thế).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP - BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp thành do Thủ và cảnh Thủlà 32 thứ tâm Quả hiệp thế, 35SHH và Sắc nghiệp. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là Sắc Nghiệp
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với 32 thứ tâm Quả hiệp thế
3. Tưởng uẩn là SH Tưởnghợp với 32 thứ tâm Quả hiệp thế
4. Hành uẩn là 33 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 32 thứ tâm Quả hiệp thế
5. Thức uẩn là32 thứ tâm Quả hiệp thế

– Xứđặng 11 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
8. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
9. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Xứ Thô là 11 Sắc Thô

10. Ý xứlà32 thứ tâm Quả hiệp thế
11. Pháp xứlà10 Sắc tế và 35 SHH

– Giới đặng 17Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Khí Giới là sắc cảnh Khí
8. Vị Giới là sắc cảnh Vị
9. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Giới Thô là 11 Sắc Thô

10. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
11. Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức
12. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
13. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
14. Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ Song Thức

15. Ý giớilàĐôi Tiếp thâu
16. Ý thức giới là20 thứ tâm Quả hiệp thế (đã trừ Ngũ song thức và đôi tiếp thâu)
17. Pháp giới là35 SHH và 11 Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là 32 thứ tâm Quả hiệp thế + 35SH+ Sắc Nghiệp

Tất cả Pháp thành do Thủ và cảnh Thủ là 32 thứ Tâm Quả Hiệp Thế, 35 SHH và Sắc Nghiệp

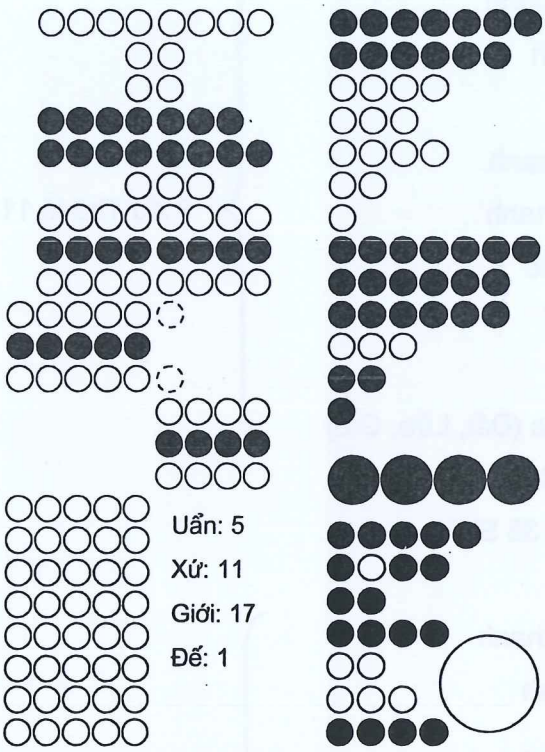

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Thành Do Thủ mà cảnh Thủlà 47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn, 52 SHH và Sắc phi nghiệp. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là Sắc phi nghiệp
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với 47thứ tâm Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn
3. Tưởng uẩn là SH Tưởnghợp với 47thứ tâm Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn
4. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn
5. Thức uẩn là 47thứ tâm Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn

– Xứ đặng 3 Xứ:

1. Thinhxứ là sắc cảnh Thinh
2. Ý xứlà47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn
3. Pháp xứlà52 SHH và 5 Sắc Tế

– Giới đặng 4 Giới:

1. Thinhgiới là sắc cảnh Thinh
2. Ý giớilàtâm Khai ngũ môn
3. Ý thức giới là47thứ tâm Đổng lực hiệp thế và tâm Khai ý môn
4. Pháp giới là52 SHHvà 5 Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn,51 SHH và Sắc phi nghiệp
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả Pháp Phi Thành Do Thủ mà Cảnh Thủlà 47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn, 52 SHH và Sắc phi nghiệp

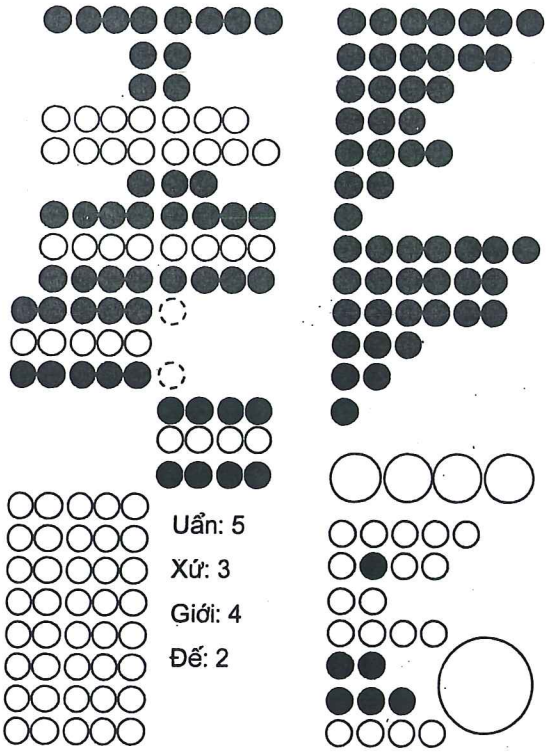

▶ Câu 3:Tất cả Pháp phi thành do Thủ mà phi cảnh Thủ là Pháp Siêu thế. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
3. Hành uẩn là34SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
4. Thức uẩn là40 thứ tâm Siêu thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà40 thứ tâm Siêu thế
2. Pháp xứlà36 SHH và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là40 thứ tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36 SHH và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Đạo đế làBát Chi SH tương ưng (hợp, hòa trộn) với tâm Thiện siêu thế
2. Diệt đế làNíp Bàn

Ngoại đế là 20 tâm Quả Siêu thế

Tất cả Pháp phi thành do Thủ phi cảnh Thủ là Pháp Siêu thế

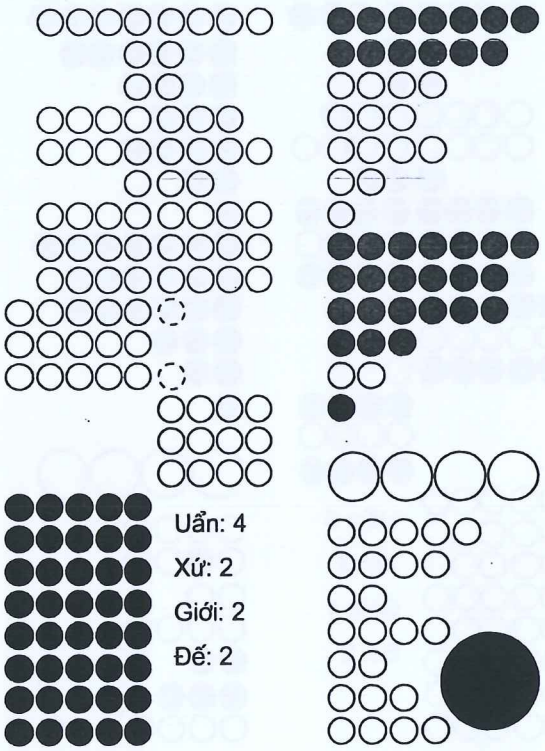

V. PHÂN GIẢI

Tam Đề Thành Do Thủ *(Upādinnatika)* là cách trình bày về Pháp Thủ sanh ra do nhờ Ái tức Sở hữu tham trợ cho Tham và Tà kiến, nhưng tham chấp nặng nề, tham thuộc về Thủ và Tà kiến cũng chấp nặng nề cũng kêu là Thủ. Phật Ngài muốn cho chúng ta biết rõ những trạng thái pháp trên 3 phía cạnh pháp thủ, phi pháp thủ nhưng làm cảnh cho thủ và không phải pháp thủ, cũng không làm đối tượng (cảnh) cho thủ.Chấp cứng gọi là thủ gồm có 2 pháp bản chất là Sở hữu Tham và Sở hữu Tà kiến.

Thủ nói theo điều pháp có 4 gọi là Tứ Thủ:

1. Dục thủ*(Kāmupādāna):* là chấp cứng theo lục dục.
2. Tà kiến thủ*(Diṭṭhiupādāna):* là chấp cứng theo tà kiến, tức chấp lầm hiểu sai.
3. Giới cấm thủ*(Sīlabbattupādāna):* là chấp cứng theo tà giới ngoại giáo.
4. Ngã chấp thủ*(Attavādupādana):* là chấp ngã, thủ là kềm giữ, chấp cứng, đây chỉ cho chấp cứng theo sự thấy hữu ngã là sai.

Thủ *(Upādinnaṃ)*: Dục thủ, Tà kiến thủ, Giới cấm thủ, Ngã chấp thủ lấy hai pháp bản chất Tham và Tà kiến làm pháp thủ. Còn những pháp nào bị nghiệp thủ tạo ra gọi là pháp bị thủ,

ám chỉ cho tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp. Hay nói cách khác những pháp nào mà còn bị chi phối bởi pháp thủ tức bị Tham và Tà kiến biết được, thì những pháp ấy gọi là cảnh thủ, tức là Pháp Hiệp Thế. Ngoài ra những pháp không phải là thủ không bị pháp thủ biết là chỉ cho Pháp Siêu thế.

Thủ *(Upādinnaṃ)*có bốn đặc tính hay bốn ý nghĩa như sau:

1. Chấp cứng là trạng thái *(Gahaṇalakkhaṇaṃ).*
2. Không buông ra là phận sự *(Amuñcanarasaṃ).*
3. Ái nặng và nhận thấy sai là thành tựu *(Taṅhādalhattadiṭṭhipaccupaṭṭhānaṃ).*
4. Có Ái (ham muốn, yêu thương, nhiễm vật dục) là nhân cận *(Taṅhāpadaṭ-ṭhānaṃ).*

(Xem phần Tứ Thủ trong Tương Tập Nhiếp, Tự Học Vi Diệu Pháp Quyển 4)

Tam Đề Thành Do Thủ *(Upādinnatika)* trong ba câu lấy hết pháp siêu lý nhưng mỗi câu có ý nghĩa khác nhau:

❖ Câu thứnhất trong Tam Đề Thành Do Thủ:

Upādinnupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp Thành Do Thủ Và Cảnh Thủ.

Là chỉ bày hai bản chất pháp Tham và Tà kiến,vì Tham thường có sự dùi mài trong dục nên thành ra dễ chấp cứng, đồng thời sự vừa lòng trong dục mà ái nặng khiến cho các pháp đồng sanh bị cuốn theo lục dục như là:

1. Sắc dục thủ*(Rūpakāmupādāna):* nhiễm đắm chấp cứng theo các màu.
2. Thinh dục thủ *(Saddakāmupādāna)*: nhiễm đắm chấp cứng theo các tiếng.
3. Khí dục thủ*(Gandhakāmupādāna)*: nhiễm đắm chấp cứng theo các thứ hơi.
4. Vị dục thủ*(Rasakāmupādāna)*: nhiễm đắm chấp cứng theo các vị (chua, cay, mặn ngọt...)
5. Xúc dục thủ*(Phoṭṭhabbakāmupādāna)*: nhiễm đắm chấp cứng theo các phần đụng chạm.
6. Pháp dục thủ*(Dhammakāmupādana)*: nhiễm đắm chấp cứng theo các cảnh pháp như là sự, vật v.v...

Và sự nhận lầm, chấp sai cứng ngắt theo tà kiếnbao gồm chấp cứng theo tà giới ngoại giáo, chấp theo ngã tức mạng ngã. Nói gọn là không buông bỏ Tà kiến. Xem phần giải Tà kiến Thủ, phần Tương Tập Nhiếp trong Tự Học Vi Diệu Pháp Tập 4.

Tất cả Pháp thành do Thủ và cảnh Thủ nên hiểu như vầy: Tham và Tà kiến là Pháp Thủ cũng vừa là đối tượng mà Tham và Tà kiến biết được.

Ở đây nên biết thêm rằng pháp bản chấtThành Do Thủ và Cảnh Thủ là 32 thứ tâm Quả hiệp thế, 35 SHH và Sắc Nghiệp vì là sự thành tựu của nghiệp thủ Tham Ái và Tà kiếnchấp trước, quến tụ tạo ra tâm quả hiệp thế tức là để lại chủng tử tái tục. Hay nói cách khác, những hành động do liên quan từ nghiệp thức, quả thức cho đến sanh hữu, nghiệp hữu tức là sự hoạt động của Sở hữu Tư *(Cetanacetasika)* phối hợp với thiện hiệp thế, Bất thiện để lại

thành quả (tứ danh Uẩn) đồng thời cũng để lại sắc thủ tức sắc nghiệp cho những quả về sau (sắc Uẩn).

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Thành Do Thủ:

Aupādinnupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp Phi Thành Do Thủ mà Cảnh Thủ.

Là 47 Đổng lực hiệp thế, 2 tâm Khai môn, 52 SHH và Sắc phi nghiệpchỉ là pháp hiệp tác với thủ cùng câu sanh với thủ mà không phải là pháp thủ, vì các loại pháp như trên có bản chất là hỗ tương hoặc tương ưng, chớ thực tính không như Tham và Tà kiến,tuy nhiên vẫn làm đối tượng hay Tham và Tà kiến biết.

- Về phương diện Bất thiệnthì dễ nhận còn về khía cạnh Thiện thì ta nên hiểu như vầy khi hành động Thiện mà bị Tham và Tà kiếnbiết, như người bố thí, trì giới, tu tiến mà khởi lên ưa thích đắm nhiễm chấp cứng hoặc nhận định sai về thiện pháp đã làm, thì đây gọi là phi thành do Thủ mà cảnh Thủ.
- Còn các thứ Đổng Lực Tố (sanh nơi cơ tánh bậc Tứ quả) thì làm cảnh cho Tham và Tà kiến biết đặng. Như là các vị Thánh Alahán bị người khác dùng làm đối tượng để khởi lên Tham ái chấp cứng hoặc khởi lên Tà kiến.
- Riêng về Sắc phi nghiệp, mặc dù không thành tựu từ thành do thủ nhưng vẫn bị ảnh hưởng của pháp thủ. Hay nói cách khác, sắc mà không phải nghiệp thủ tạo nhưng vẫn bị pháp thủ biết như là âm thanh, các tiếng làm cho Tham và Tà kiến sanh v.v...

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Thành Do Thủ:

Aupādinnānupādaniyā dhammā - Tất cả Pháp Phi Thành Do Thủ Phi Cảnh Thủ.

Đây chỉ cho 40 thứ Tâm Siêu thế, 36 SHH và Níp Bànvì Tâm Siêu thếlà ngoại Uẩn, đồng thời pháp vượt thoát khỏi sự khống chế của sự khổ và không bị nghiệp thủ tạo, không do Tham Ái và Tà kiếntrợ sanh tạo ra, còn Níp Bàn là phạm vi Ngoại Uẩn hay Siêu Uẩn, vượt ngoài hạn định của pháp hiệp thế cho nên các pháp vừa nêu gọi là Phi Thành Do Thủ, Phi Cảnh Thủ.

TAM ĐỀ THỨ 5: TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI

(SAṄKILIṬṬHATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikādhammā - Tất cả Pháp Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não.*
- *Câu 2:Asaṅkiliṭṭhasankilesikā dhammā - Tất cả Pháp Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não.*
- *Câu 3:Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā - Tất cả Pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, ở câu 667 Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của Pháp: Pháp Phiền Toái mà cảnh Phiền Não, Pháp phi Phiền Toái mà cảnh Phiền Não, Pháp phi Phiền Toái và phi cảnh Phiền Não. Gọi là Tam Đề Thành Phiền Toái *(Saṅkiliṭṭhatika)*, như sau:

* ***Chư Pháp Phiền Toái và Cảnh Phiền Não là chi?***

Ba căn Bất thiện là Tham, Sân, Si và phiền não đồng y trụ với căn Bất thiện; Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn mà tương ưng với căn Bất thiện; Thân nghiệp, Khẩu nghiệp và Ý nghiệp có căn Bất thiện làm sở sanh. Những chơn tướng nầy gọi là chư Pháp Phiền Toái và cảnh Phiền Não.

* ***Chư Pháp Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não là chi?***

Pháp Thiện và Pháp Vô ký còn lệ thuộc Lậu trong Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là Sắc Uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Những chơn tướng này gọi là chư Pháp Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não.

* ***Chư Pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não là chi?***

Đạo, Quả Siêu thế và Vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư Pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não.

II. THÍCH TỪ

- Phiền: tạp nhạp lôi thôi, việc nhiều không chịu nỗi, nhọc mệt, buồn, buồn rầu, phiền phức, bối rối, hỗn tạp, phiền nhiên, phiền muộn. Ở đây chỉ cho trạng thái não hại của các pháp câu sanh bởi tác động 2 trạng thái pháp Tham và Tà kiến.
- Toái: vỡ, vụn vặt, nói nhiều, việc lặt nhặt. Ở đây "toái" là sự buộc dính các pháp câu sanh trong sáu cảnh.
- Não: nghĩa là trong lòng tức giận buồn bực, hư hại, tàn phá. Ở đây chỉ cho trạng thái những pháp đồng sanh bị sầu héo hay là sầu, khóc, khổ, ưu, ai.

- Phiền toái: trạng thái làm cho pháp câu sanh hư hại, bầm dập, buộc các pháp đồng sanh cột dính làm cho nặng nề thân tâm.
- Phiền não: trạng thái làm cho pháp sanh chung sôi nổi, nóng nảy với sự hiện bày thiêu đốt làm cho rã rụi pháp tương ưng.
- Pháp Phiền Toái: ở đây pháp nào trùm phiền não thì pháp ấy là pháp phiền toái.
- Cảnh Phiền Não: là đối tượng nội thân làm cho sôi nổi nóng nảy.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam Đề Phiền Toái*(Saṅkiliṭṭhatika)* là Tam Đề mà Đức Phật Ngài gom tất cả Pháp Siêu Lý trình bày trên 3 khía cạnh:

1. Tất cả Pháp Phiền Toái mà cảnh Phiền Não: là các pháp phiền não nương sanh và làm cho pháp ấy sôi nổi nóng nảy, cũng bị phiền não biết đặng *(Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā)* hay là những pháp nào câu sanh với phiền não, có phiền não hỗ tương, tương ưng thì những pháp ấy là phiền toái và nên hiểu những pháp đó vừa phiền toái cũng vừa là cảnh phiền não. Hai câuPāḷichú giải như vầy:
   - Pháp nào thích hợp cho phiền não nương sanh và làm cảnh pháp ấy gọi là cảnh phiền não*(Attānaṃ ārammaṇaṃ katvā pavattanena saṅkilesaṃ arahantīti = saṅkilesikā).*
   - Trạng thái làm cho sôi nổi nóng nảy gọi là phiền não *(Saṅkilesetīti = Saṅkileso).*
2. Tất cả Pháp Phi Phiền Toái mà cảnh Phiền Não:là những pháp không nương sanh với phiền não mà còn bị phiền não biết "*Asaṅkiliṭṭhasaṅkilesikā dhammā*"tức là những pháp không phải Bất thiện mà còn trong phạm vi hiệp thế nên bị bắt làm cảnh.
3. Tất cả Pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não:là những pháp chẳng phải thiện và phiền não cũng không biết *(Asaṅkiliṭṭhāsaṅkilesikā dhammā)* hay trạng thái chẳng phải là phiền não sôi sục và cũng không thành cảnh cho phiền não tâm biết đặng.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phiền Toái mà Cảnh Phiền Nãolà Pháp Bất thiện. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 12 thứ tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 12 thứ tâm Bất thiện
3. Hành uẩn là25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 12 thứ tâm Bất thiện
4. Thức uẩn là12 thứ tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà 12 thứ tâm Bất thiện
2. Pháp xứlà27 SHH cùng hợp với 12 thứ tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là 12 thứ tâm Bất thiện
2. Pháp giới là27 SH hợp với 12 thứ tâm Bất thiện

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 12 thứ tâm Bất thiện, 26 SHH đã trừ SH Tham
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não là Pháp Bất thiện

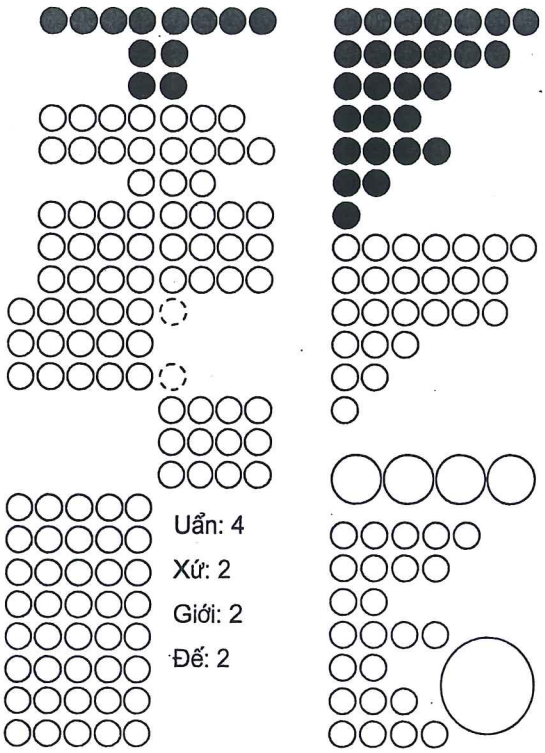

▶ Câu 2:Tất cả pháp Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não là tất cả pháp Hiệp Thế (trừ Bất thiện). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 Sắc pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp 18 tâm Vô nhân, 51 tâm Tịnh hảo Hiệp thế
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với 18 tâm Vô nhân, 51 tâm Tịnh hảo Hiệp thế
4. Hành uẩn là36SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 18 tâm Vô nhân, 51 tâm Tịnh hảo Hiệp thế
5. Thức uẩn là18 tâm Vô nhân, 51 tâm Tịnh hảo Hiệp thế

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà69 thứ tâm: tâm Vô nhân (18), tâm Tịnh hảo Hiệp thế (51)
12. Pháp xứ là 16 Sắc Tế, 38 SH hợp với tâm Vô nhân, tâm Tịnh hảo Hiệp thế

– Giớiđặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
14. Thiệt thức Giới làđôi Thiệt thức
15. Thân thức giớilàđôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ Song Thức

16. Ý giớilàđôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 56 thứ tâm:Thẩm tấn (3), Khai ý môn (1), Tiếu sinh (1), tâm Tịnh hảo Hiệp thế (51)
18. Pháp giới là 16 Sắc Tế, 38 SH hợp với tâm Vô nhân, tâm Tịnh hảo Hiệp thế

– Đế đặng 1 Đế: Khổ đế là 18 thứ tâm Vô nhân, 51 thứ tâm Tịnh hảo Hiệp thế, 38 SHH và 28 thứ Sắc Pháp

Tất cả Pháp phi Phiền Toái mà cảnh Phiền Não là Pháp Hiệp Thế (trừ Bất thiện)

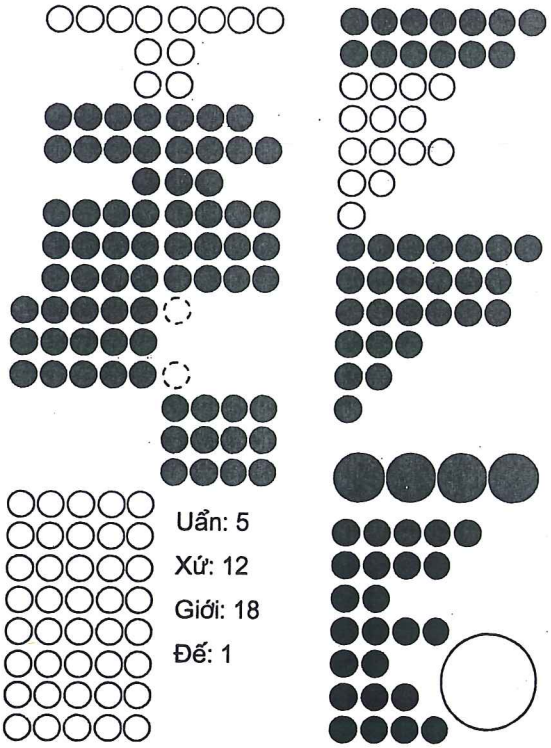

▶ Câu 3:Tất cả pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não là tâm Siêu thế và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn Phi Thủ:

1. Thọ uẩn làSHThọ hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
3. Hành uẩn là34 Sở hữu (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 40 thứ tâm Siêu thế
4. Thức uẩn là40 thứ tâm Siêu thế

Nên nhớ:Danh uẩn phi thủ là 4 Uẩn (Thọ, Tưởng, Hành, Thức) khi hợp với tâm Siêu thếkhông có sự tham ái chấp thủ như 4 uẩn danh trong lãnh vực hiệp thế.

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà40 thứ tâm Siêu thế
2. Pháp xứlà 36 SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà40 thứ tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36 SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đếđặng 2 Đế:

– 1. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp, hòa trộn) với tâm Thiện siêu thế

2. Diệt đế làNíp Bàn

Ngoại đếlà40 thứ tâm Siêu thế và 28SHH (trừ SH Bát Chánh khi hợp với tâm Đạo)

Tất cả Pháp Phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Nãolà tâm Siêu thế và Níp Bàn

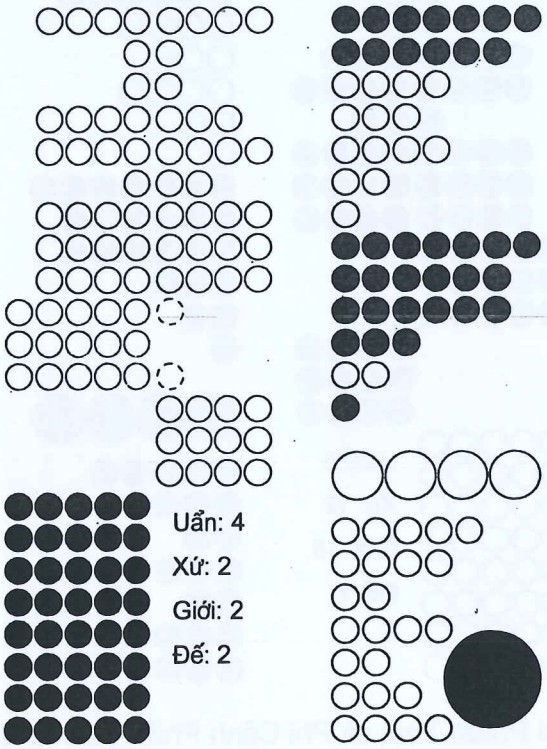

V. PHÂN GIẢI

Tam Đề Phiền Toái *(Saṅkiliṭṭhatika)* là trình bày về pháp Bất thiện và pháp phiền não, tức pháp phiền toái là trùm phiền não, đây chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiện, 27 SHH, còn phiền não là chỉ cho nhiều trạng thái với pháp bản chất sôi nổi, nóng nảy đó là:

Phiền Não Theo Vô Tỷ Pháp *(Abhidhamma)*:

- Tham*(Lobha)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Sân*(Dosa)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Si*(Moha)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Ngã Mạn*(Māna)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Tà Kiến*(Diṭṭhi)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Hoài Nghi*(Vicikicchā)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Hôn Trầm*(Thina)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Điệu Cử*(Uddhacca)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Vô Tàm*(Ahirīka)* cũng sôi nổi nóng nảy.
- Vô Úy*(Anotthappa)* cũng sôi nổi nóng nảy.

Có Pāḷi chú giải như vầy: "*Kilesenti upatāpentīti = Kilesā:* pháp làm cho nóng nảy pháp ấy gọi là phiền não".

Lại nữa: "*Kilassati etehīti = Kilesā:* pháp làm cho những pháp tương ưng tức là tâm và sở hữu câu sanh đều nóng nảy gọi là phiền não".

Phần Đề Phiền Toái được Đức Thế Tôn giảng dạy trong Bộ Pháp Tụ *(Dhammasaṅginī),*chùm Phiền Não *(Kilesagocchaka)*ở các câu 962 đến 969 như sau:

Chư Pháp Phiền Não là chi?Thập Phiền Não là: Tham, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn Trầm, Điệu cử, Vô tàm, Vô Úy.

- Tham đồng sanh với 8 tâm Tham.
- Sân đồng sanh với 2 tâm Ưu thọ.
- Si đồng sanh với tất cả tâm Bất thiện.
- Ngã mạn sanh trong 4 tâm Tham Bất tương ưng.
- Tà kiến sanh trong 4 tâm Tham tương ưng Tà kiến.
- Hoài Nghi sanh trong tâm hiện hành đồng sanh với Hoài nghi.
- Hôn Trầm sanh trong tâm Bất thiện Hữu trợ.
- Điệu cử, Vô tàm và Vô úy sanh trong tất cả Tâm Bất thiện.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Não.

Chư Pháp Phi Phiền Não trong khi có ra sao?Bất Thiện ngoài ra những Phiền Não đó; TâmThiện, Dị Thục Quả trong 4 Cõi, Tâm Vô Ký Tố trong 3 Cõi, Sắc Pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Phiền Não.

Chư Pháp Cảnh Phiền Não là chi?Bất thiện, Thiện, Dị thục quả và Vô ký tố trong 3 Cõi và tất cả Sắc Pháp. Những chơn tướng này gọi là Chư pháp Cảnh phiền não.

Chư Pháp Phi Cảnh Phiền Não trong khi có ra sao?4 Đạo, 4 Quả Siêu Thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Cảnh Phiền Não.

Chư Pháp Phiền Toái trong khi có ra sao?12 Tâm Bất Thiện hiện hành. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Toái (Sankilittha dhamma).

Chư Pháp Phi Phiền Toái trong khi có ra sao?TâmThiện, Dị Thục Quả trong 4 Cõi, Vô Ký Tố trong 3 Cõi, Sắc Pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Phiền Toái (Asankilittha dhamma).

Chư Pháp Tương Ưng Phiền Não là chi?12 Tâm Bất Thiên hiện hành. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Tương Ưng Phiền Não.

Chư Pháp Bất Tương Ưng Phiền Não là chi?TâmThiện, Dị Thục Quả trong 4 Cõi, Vô Ký Tố trong 3 Cõi, Sắc Pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Bất Tương Ưng Phiền Não.

Chư Pháp Phiền Não và Cảnh Phiền Não ra sao?Tức là Pháp Phiền Não. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Não và Cảnh Phiền Não.

Chư Pháp Cảnh Phiền Não mà Phi Phiền Não ra sao?Bất Thiện ngoài ra tất cả Phiền Não đó; TâmThiện, Tâm Dị Thục Quả, Tâm Vô Ký Tố trong 3 Cõi và tất cả Sắc Pháp. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Cảnh Phiền Não mà Phi Phiền Não.

Pháp Phi Cảnh Phiền Não không thể nói là "Pháp Phiền Não và Cảnh Phiền Não", cũng không đặng nói là "Pháp Cảnh Phiền Não mà Phi Phiền Não".

Chư Pháp Phiền Não và Phiền Toái là chi?Tức là Pháp Phiền Não. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Não và Phiền Toái.

Chư Pháp Phiền Toái mà Phi Phiền Não là chi?Pháp Bất Thiện ngoài ra những Phiền Não. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Toái mà Phi Phiền Não.

Pháp Phiền Toái nói là Phiền Não và Phiền Toái không đặng, và nói là Pháp Phiền Toái mà Phi Phiền Não cũng không đặng.

Chư Pháp Phiền Não và Tương Ưng Phiền Não ra sao?Phiền Não có 2 hoặc 3 thứ, dù sanh chung với Tâm hiện hành nào. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phiền Não và Tương Ưng Phiền Não.

Chư Pháp Tương Ưng Phiền Não mà Phi Phiền Não ra sao?Bất Thiện trừ ra Phiền Não. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Tương Ưng Phiền Não mà Phi Phiền Não.

Pháp Bất Tương Ưng Phiền Não nếu gọi là Pháp Phiền Não và Tương Ưng Phiền Não" không đặng và gọi là "Pháp Tương Ưng Phiền Não mà Phi Phiền Não" cũng không đặng.

Chư Pháp Ly Phiền Não mà Cảnh Phiền Não ra sao?Tâm Thiện, Dị Thục Quả và Vô Ký Tố trong 3 Cõi, tất cả Sắc Pháp. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Ly Phiền Não mà Cảnh Phiền Não.

Chư Pháp Ly Phiền Não và Phi Cảnh Phiền Não ra sao?4 Đạo, 4 Quả siêu thế và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là Chư pháp ly Phiền não mà Phi Cảnh phiền não.

Pháp Tương Ưng Phiền Não không thể gọi "Pháp Bất Tương Ưng Phiền Não mà Cảnh Phiền Não" và cũng không thể gọi là "Pháp Bất Tương Ưng Phiền Não và Phi Cảnh Phiền Não".

Tam Đề Phiền Toái *(Savikiliṭṭhatika)* trong ba câu lấy hết pháp siêu lý nhưng mỗi câu trình bày với nghĩa lý đi theo tính chất của tiêu đề đã nêu như:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Phiền Toái:

Saṅkiliṭṭhasaṅkilesikādhammā- Tất cả Pháp Phiền Toái mà cảnh Phiền Não.

Phiền toái được dịch từ Pāḷi"*Saṅkiliṭṭha"* nghĩa là làm cho nhơ bẩn, sôi sục, rúng động mạnh với trạng thái tội lỗi, bệnh hoạn, không khôn khéo, không tốt đẹp v.v...Theo Pāḷi có chú giải như vầy: *Saṅkilesena samannāgatīti = saṅkiliṭṭha*: pháp do phiền não chi phối (câu sanh, hỗ tương) gọi là phiền toái. Còn về khía cạnh phiền não làm cảnh tức là 10 pháp- Tham, Sân,

Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn trầm, Điệu cử, Vô Tàm, Vô úylàm bẩn đục khi là đối tượng. Có Pāḷi như vầy "*Saṅkilesikā* = pháp còn thuộc về phiền não biết đặng".

Nhận định rõ thêm về pháp phiền toái cảnh phiền não, ta có 2 câu Pāḷi chú giải như vầy:

- *"Attānaṃ ārammanaṃ katvā pavattanena saṅkilesaṃ arahantī ti = saṅkilesika"*: những pháp hòa trộn (tương ưng) xứng cho phiền não lấy làm cảnh nương sanh, gọi là cảnh phiền não.
- *"Saṅkilesetīti = saṅkileso"*: làm cho sôi nổi, nóng nảy vẩn đục, trạng thái ấy gọi là phiền não.

Như vậy: Chư pháp phiền toái mà cảnh phiền não là chỉ bày pháp Bất thiện với nghĩa lý hay hiện bày sôi nổi, vẩn đục, gây nên sự rúng động xáo trộn cho pháp câu sanh lại là cảnh của phiền não biết được,nên gọi trạng thái ấy là pháp phiền toái mà cảnh phiền não. Nói gọn, pháp Bất thiện là những pháp vừa phiền toái, vừa là cảnh phiền não.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Phiền Toái:

Asaṅkiliṭṭhasankilesikā dhammā- Tất cả Pháp Phi Phiền Toái mà cảnh Phiền Não.

Đây là những trạng thái chẳng phải có pháp bản chất phiền não bợn nhơ nhưng còn bị phiền não biết được, vì Pháp Hiệp Thế (trừ Bất thiện) làm đối tượng (Cảnh) tức bao gồm 18 thứ tâm vô nhân, 51 thứ Tâm Tịnh hảo Hiệp thếbị phiền não biết được như là Đại Thiện sanh khởi khi làm phước phúc hành tông, nghĩ lại tham ái sanh, hay nhớ lại chuyện Bất thiện đã làm như sát sanh, trộm cướp, tà dâm v.v... bị phiền não sân làm tâm hối hận hoặc ái nhập Thiền Sắc, Vô Sắc tham, si khởi sanh v.v...

❖ Câu thứba trong Tam Đề Phiền Toái:

Asaṅkiliṭṭhāsaṅkilesikā dhammā - Tất cả Pháp phi Phiền Toái và Phi Cảnh Phiền Não.

Đây là những pháp chẳng phải phiền não, nóng nảy, sôi sục mà cũng không thành cảnh cho phiền não tâm biết đặng, trạng thái ấy gọi là chư pháp phi phiền toái và phi cảnh phiền não chỉ bày cho Tâm Siêu thế vàNíp Bàn.

- 40 Thứ Tâm Siêu thế là pháp vượt khỏi, pháp đoạn diệt, pháp thành tựu thanh tịnh, pháp không còn hợp trong đời nên không phải là pháp phiền toái. Vì vậy không phải là pháp phiền toái và cũng đồng thời không bị những pháp vẩn đục, phiền não biết được vì vượt khỏi hạn định thế gian.
- Níp Bàn là Ngoại Uẩn không dính líu đến ngũ thủ uẩn, không liên quan pháp hiệp thế do thực tính vô ấn chứng, thể tịnh nên không là cảnh của phiền não.

TAM ĐỀ THỨ 6: TAM ĐỀ HỮU TẦM

(VITAKKATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Savitakkasavicārā dhammā - Tất cả pháp hữu Tầm hữu Tứ.*
- *Câu 2:Avitakkasavicāramattā dhammā - Tất cả pháp vô Tầm hữu Tứ.*
- *Câu 3:Avitakkāvicārā dhammā - Tất cả pháp vô Tầm vô Tứ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Tam và Đầu Đề Nhị, ở câu 883 Phật Ngài có giảng dạy về pháp Siêu Lý trên 3 khía cạnh: Hữu Tầm hữu Tứ, vô Tầm hữu Tứ, vô Tầm vô Tứ, như sau:

* *Chư pháp hữu Tầm, hữu Tứ trong khi có ra sao?*

Bất thiện và thiện dục giới, 11 tâm quả thiện dục giới, 2 tâm quả Bất thiện, 11 tâm tố (Kiriyā), sơ thiền sắc giới, thiện, dị thục quả và tố, sơ thiền siêu thế: thiện, dị thục quả (trừ tầm, tứ sanh trong những tâm ấy). Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu Tầm, hữu Tứ.

* *Chư pháp vô Tầm, hữu Tứ trong khi có ra sao?*

Nhị thiền sắc giới sắp theo 5 bậc: Thiện, Dị Thục Quả và Tố. Nhị thiền Siêu thế sắp theo 5 bậc: Thiện và Dị Thục Quả (trừ Tứ) trong những tâm sanh ấy. Những chơn tướng này gọi là chư pháp vô Tầm hữu Tứ.

* *Chư pháp vô Tầm, vô Tứ trong khi có ra sao?*

Ngũ song thức, Thiện Dị Thục Quả và Tâm Tố tam thiền sắc giới sắp lên, Thiện Dị Thục Quả và Tố Vô sắc giới, Thiện Dị Thục Quả siêu thế, Tam Thiền sắp lên, Sắc Pháp, Níp Bàn và lấy lại Tứ trong Nhị Thiền nếu sắp theo 5 bậc.

Tứ trong nhị thiền sắp theo 5 bậc, tứ sanh với Tầm không thể nói hữu Tầm hữu Tứ và vô Tầm vô Tứ cũng không thể nói đặng.

II. THÍCH TỪ

- Hữu:có, trái với chữ Vô. Ngoài ra còn có nghĩa giúp đỡ, lấy được, đầy đủ...
- Tầm:tìm kiếm, tiếp đến, ôn lại, trăn trở, tìm, cái tầm. Ở đây "Tầm" là cách tìm tới cảnh...
- Tứ:ý tứ, dò xét, cùng cực, phơi bày, chăm siêng năng, gìn giữ.Ở đây "Tứ" có nghĩa là sự kềm giữ cảnh cho tâm tức tâm dính vào cảnh một cách ràng rịch.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề hữu Tầm *(Vitakkatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là hữu Tầm, hữu Tứ, vô Tầm hữu Tứ và vô Tầm vô Tứ.

1. Tất cả pháp Hữu Tầm Hữu Tứ: là những Pháp hợp với Sở hữu Tầm có Pāḷi chú giải như vầy: *"sahāvitakken ye vattantīti = savitakka":* Pháp nào câu sanh với Tầm pháp ấy gọi là pháp hữu Tầm.
2. Tất cả pháp Vô Tầm Hữu Tứ: có Pāli như vầy *"Avitakka vicāramatta dhammā"* là những pháp lìa Tầm hợp với Tứ. Hay là *"Vitakko rahitāti = avitakkā":* những pháp ly Tầm gọi là vô Tầm. Hoặc *"Saha vicaren ye vattantīti = savicāra":* là những pháp câu sanh với Tứ gọi là hữu Tứ. Và *"vitakkavicāresu vicarova mattā pamānam etesanti = vicāsamattā":* nghĩa là trong Tầm và Tứ, hai Sở hữu này, riêng Sở hữu Tứ phối hợp với pháp nào thì pháp ấy gọi là hữu Tứ, tức thích hợp với Tứ.
3. Tất cả pháp vô Tầm vô Tứ: có Pāḷi như vầy: *Avitākkavicārā dhamma":* là những pháp không hợp với Tầm Tứ.Chú giải Pāḷi như vầy: *"Avitakkā cate avicārā cātī = avitakka aviccārā":* những pháp nào ly Tầm và Tứ, gọi là vô Tầm vô Tứ.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1: Tất cả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ là 11 thứ tâm Sơ thiền, 44 thứ tâm Dục giới, 50 SHH (đã trừ Ngũ Song Thức, Tầm, Tứ). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:
1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 44 thứ tâm Dục giới và 11 tâm Sơ thiền
2. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 44 thứ tâm Dục giới và 11 tâm Sơ thiền
3. Hành uẩn là48SH(đã trừ Thọ, Tưởng, Tầm và Tứ) hợp với 44 thứ tâm Dục giới và11 tâm Sơ thiền
4. Thức uẩn là44 thứ tâm Dục giới và 11 tâm Sơ thiền

– Xứ đặng 2 Xứ:
1. Ý xứlà44 thứ tâm Dục giớivà 11 thứ tâm Sơ thiền
2. Pháp xứlà50 Sở hữu đã trừ Tầm, Tứ

– Giới đặng 3 Giới:
1. Ý giớilàĐôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
2. Ý thức giới là41 thứ tâm Dục giới và 11 thứ tâm Sơ thiền
3. Pháp giới là50 Sở hữu đã trừ Tầm, Tứ

– Đế đặng 3 Đế:
1. Khổ đế là44 thứ tâm Dục giới (đã trừ Ngũ Song Thức), 3 thứ tâm Sơ thiềnSắc giới và 49 SHH(đã trừ Tầm, Tứ và Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham
3. Đạo đế là4 thứ tâmĐạo Sơ thiềnSiêu thế và Thất Chi Sở hữu

Tất cả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ là 11 thứ tâm Sơ thiền, 44 thứ tâm Dục giới, 50 SHH (đã trừ Ngũ Song Thức, Tầm, Tứ)

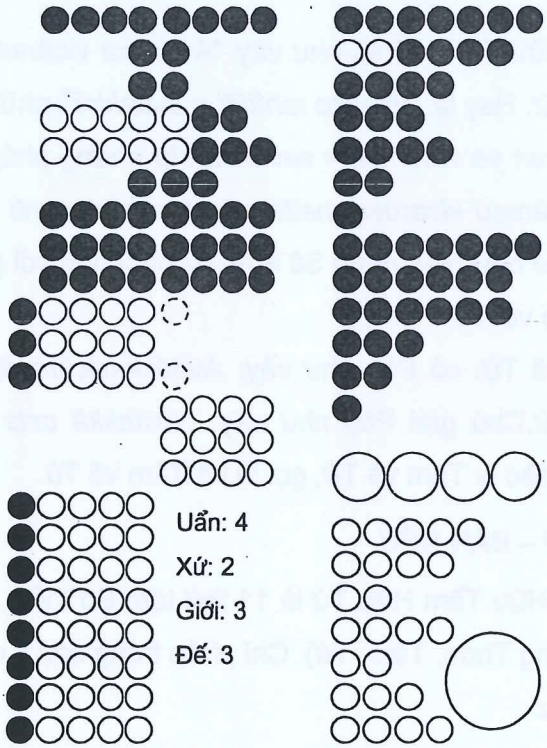

► Câu 2:Tất cả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ là 11 thứ tâm Nhị Thiền, 36 SHH lấy Tầm trừ Tứ. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSở hữu Thọ hợp với 11 thứ tâm Nhị Thiền
2. Tưởng uẩn làSở hữu Tưởnghợp với 11 thứ tâm Nhị Thiền
3. Hành uẩn là34 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng)hợp với 11 thứ tâm Nhị Thiền
4. Thức uẩn là11 thứ tâm Nhị Thiền

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà11 thứ tâm Nhị Thiền
2. Pháp xứlà36 SHH lấy Tầm trừ Tứ

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là11 thứ tâm Nhị Thiền
2. Pháp giới là36 SHH lấy Tầm trừ Tứ

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là3 thứ tâm NhịThiền Sắc giới, 34SHH(lấy Tầm trừ Tứ)
2. Đạo đế là 7 chi đạo (trừ Tầm) hợp với 4 thứ tâm Đạo Nhị thiền Siêu thế (gọi có tâm Đạo Nhị thiền)

Tất cả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ là 11 thứ tâm Nhị Thiền, 36 SHH lấy Tầm trừ Tứ

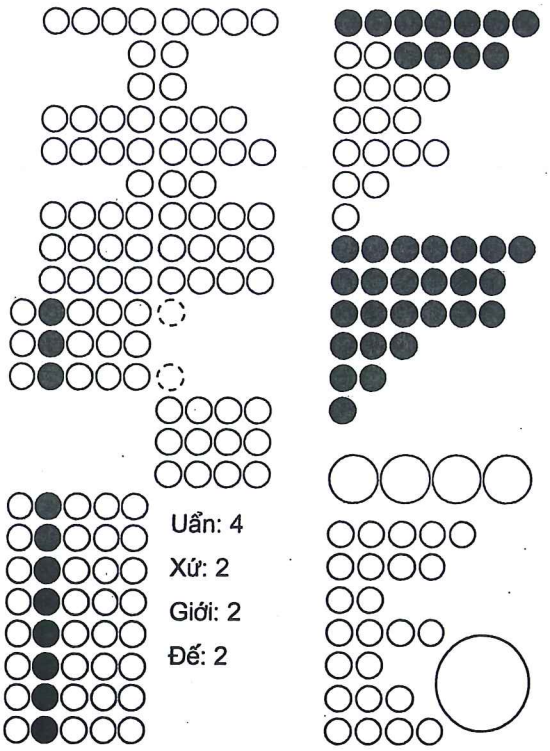

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Vô Tầm Vô Tứ là 55 thứ tâm Vô Tứ, 36 SHH lấy 11 Sở hữu Tứ trong Nhị Thiền, Sắc Pháp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn làSắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 55 thứ tâm Vô Tứ
3. Tưởng uẩn làSH Tưởnghợp với 55 thứ tâm Vô Tứ
4. Hành uẩn là34 SH(đã trừ Thọ, Tưởng)hợp 55 thứ tâm Vô Tứ
5. Thức uẩn là55 thứ tâm Vô Tứ

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là12 Sắc Thô

11.Ý xứlà 55 thứ tâm Vô Tứ

12.Pháp xứ là 16 Sắc Tế, 36 SHH lấy 11 SH Tứ trong Nhị thiền và Níp Bàn

– Giới đặng 17 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức

14.Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ Song Thức

16.Ý thức giới là45 thứ tâm Vô Tứ đã trừ Ngũ Song Thức

17.Pháp giới là 16 Sắc Tế, 36 SHH lấy 11 SH Tứ trong Nhị thiền và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là31 thứ tâm Vô tứ hiệp thế, 33SHH,lấy 11 SHTứ trong Nhị thiền, Sắc Pháp
2. Đạo đế làThấtchi SHtương ưng (hợp, hòa trộn) với 12 thứ tâm Đạo Tam, Tứ, Ngũ thiền Siêu thế
3. Diệt đế làNíp Bàn

Ngoại đế là tâm Tam, Tứ, Ngũ thiền siêu thế + SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Vô Tầm Vô Tứ là 55 thứ tâm Vô Tứ, 36 SHH lấy 11 Sở hữu Tứ trong Nhị Thiền, Sắc Pháp và Níp Bàn

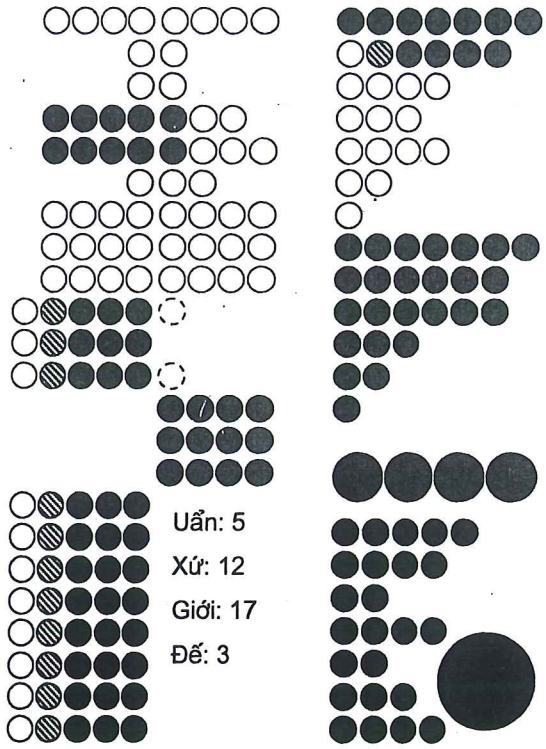

V. PHÂN GIẢI

Tam đề Hữu Tầm –*Vitakkatika* được Đức Thế Tôn giảng dạy trong Bộ Pháp Tụ, phần chương toát yếu, câu 668 như sau:

Chư pháp Hữu Tầm Hữu Tứ là chi?Trong lĩnh vực Hữu Tầm Hữu Tứ pháp Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế, ngoại trừ Tầm Tứ, tức Thọ uẩn ... Thức uẩn, tương ưng với pháp ấy đây là các pháp Hữu Tầm Hữu Tứ.

Chư pháp Vô Tầm Hữu Tứ là chi?Trong lĩnh vực Vô tầm Hữu tứ Sắc giới và Siêu thế, ngoại trừ Tứ, tức Thọ uẩn... Thức uẩn, tương ưng với pháp ấy đây là các pháp Vô tầm Hữu tứ.

Chư pháp Vô Tầm Vô Tứ là chi?Trong lĩnh vực Vô Tầm Vô Tứpháp Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế, tức Thọ uẩn... Thức uẩn, cùng tất cả Sắc và Vô vi giới. Đây gọi là các pháp Vô Tầm Vô Tứ.

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Hữu Tầm:

Savitakkasavicārā dhammā- Tất cả Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ.

Câu này chỉ bày trạng thái hiển lộ Sở hữu Tầm là đưa Tâm đến cảnh và có Sở hữu Tứ là dán áp kềm chế Tâm trên cảnh cùng hiện bày khởi với các pháp ấy, tức là những trạng thái nào cùng hiện bày với Tầm gọi là pháp Hữu Tầm và những pháp nào câu sanh hiện khởi với

Tứ gọi là pháp Hữu Tứ. Như vậy, những trạng thái nào cùng hiện khởi sanh chung với Tầm Tứ đặng, gọi là các pháp Hữu Tầm Hữu Tứ.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Hữu Tầm:

Avitakkasavicāramattādhammā - Tất cả Pháp Vô Tầm Hữu Tứ.

Đây là trạng thái pháp khi sanh khởi có Sở hữu Tứ là trạng thái áp Tâm trên cảnh, nhưng không có Tầm câu sanh tức là pháp mà không có Tầm gọi là Vô Tầm.Như vậy: những pháp nào không có tầm sanh chỉ có tứ câu sanh thì những pháp ấy gọi là Pháp Vô Tầm Hữu Tứ.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Hữu Tầm:

Avitakkāvicārādhammā - Tất cả Pháp Vô Tầm Vô Tứ.

Trong câu này, tất cả pháp Vô Tầm Vô Tứ cũng chẳng có Tứ hoặc những pháp nào ly Tầm và Tứ gọi là pháp Vô Tầm Vô Tứ.

BÀI 3: TAM ĐỀ PHÁP HỶ - TAM ĐỀ SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ

TAM ĐỀ THỨ 7: TAM ĐỀ PHÁP HỶ

(PĪTITIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Pītisahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Pháp Hỷ.*
- *Câu 2:Sukhasahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Lạc Thọ.*
- *Câu 3:Upekkhāsahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Xả Thọ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, ở câu 669 Phật Ngài có dạy Pháp Siêu Lý trên phương diện: Các Pháp Câu Hành Hỷ, Các Pháp Câu Hành Lạc, Các Pháp Câu Hành Xả, như sau:

* *Chư pháp Câu Hành Hỷ là chi?*

Trong lãnh vực Hỷ, các pháp Dục giới, Sắc giới và Siêu thế, ngoại trừ Hỷ, tức Thọ uẩn ... (trùng) ... Thức uẩn, tương ưng với pháp ấy, đây là các pháp Câu Hành Hỷ.

* *Chư pháp Câu Hành Lạc là chi?*

Trong lãnh vực Lạc, pháp Dục giới, Sắc giới và Siêu thế, ngoại trừ Lạc Thọ, tức Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn, tương ưng với pháp ấy. Đây là các pháp Câu Hành Lạc.

* *Chư pháp Câu Hành Xả là chi?*

Trong lãnh vực Xả, các pháp Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế, ngoại trừ Xả Thọ, tức Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn, tương ưng với pháp ấy. Đây là các pháp Câu Hành Xả.

II. THÍCH TỪ

- Hỷ:vui mừng, việc vui, cách hưởng cảnh vui, vui lòng, hưởng cảnh đáng mong mỏi.
- Câu:kéo, có một nghĩa khác là sức mạnh mẽ.
- Câu sanh:ở đây lấy nghĩa là câu kéo các pháp sanh chung hợp với bản chất của trạng thái ấy.
- Lạc:vui mừng, ở đây với trạng thái hưởng cảnh xúc thích hợp, thích sướng thân.
- Thọ:hay thụ, nhận lấy, vâng chịu, dung nạp, ở đây trạng thái thường hưởng cảnh gọi là Thọ.
- Xả:bỏ đi, buông ra; một nghĩa khác là không buồn, không vui, hưởng cảnh trung bình.
- Pháp Hỷ:trạng thái nói về phần Tâm và Sở hữu câu sanh với Hỷ thọ và Sở hữu Hỷ.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Pháp Hỷ*(Pītitika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp câu sanh với Pháp Hỷ, tất cả các Pháp câu sanh với Lạc Thọ và tất cả các Pháp câu sanh với Xả Thọ.

1. Tất cả pháp hợp với Hỷ Thọ: hay chư pháp câu sanh với Pháp Hỷ. Đây chỉ về bản chất phần Tâm và Sở hữu câu sanh với pháp Hỷ. Có Pāḷi như vầy: *Pītisahagatā dhammā.*
2. Tất cả pháp hợp với Lạc Thọ: hay tất cả pháp câu sanh với Lạc Thọ. Đây chỉ bản chất pháp khi sanh khởi có những trạng thái câu sanh với Lạc Thọ hoặc pháp tương ưng Lạc Thọ. CóPāḷi chú giải như vầy: *Sukhasahagatā dhammā.*
3. Tất cả pháp hợp với Xả Thọ: hay là chư pháp câu sanh với Xả Thọ. Đây là chỉ bày bản chất pháp với trạng thái Tâm và Sở hữu hòa trộn (tương ưng) với xả Thọ. Có Pāḷi chú giải như vầy: *"upekkhāsahagatā dhammā".*

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp câu sanh với pháp Hỷ là 51 thứ tâm Hữu Hỷ và 46 thứ SHH Pháp Hỷ. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSở hữu Thọ hợp với Tâm Hữu Hỷ
2. Tưởng uẩn làSở hữu Tưởng hợp với Tâm Hữu Hỷ
3. Hành uẩn là44 Sở hữu (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Hữu Hỷ
4. Thức uẩn là51 thứ tâm Hữu Hỷ

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứ là51 thứ tâm Hữu Hỷ và 46 SHH
2. Pháp xứlà46 Sở hữu hợp với Tâm Hữu Hỷ

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ýthức giới là51 thứ tâm Hữu Hỷ
2. Pháp giới là46 Sở hữu hợp với Tâm Hữu Hỷ

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là27 thứ tâm hiệp thế Hữu Hỷ và 45 Sở hữu hỷ (trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham
3. Đạo đế làBát Chi SHtương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu thế Hữu Hỷ

Ngoại đế là Tâm Siêu thế Hữu Hỷ và 28 SHH (ngoài đạo đế)

Tất cả pháp câu sanh với pháp Hỷ là 51 thứ tâm Hữu Hỷ và 46 thứ SHH Pháp Hỷ

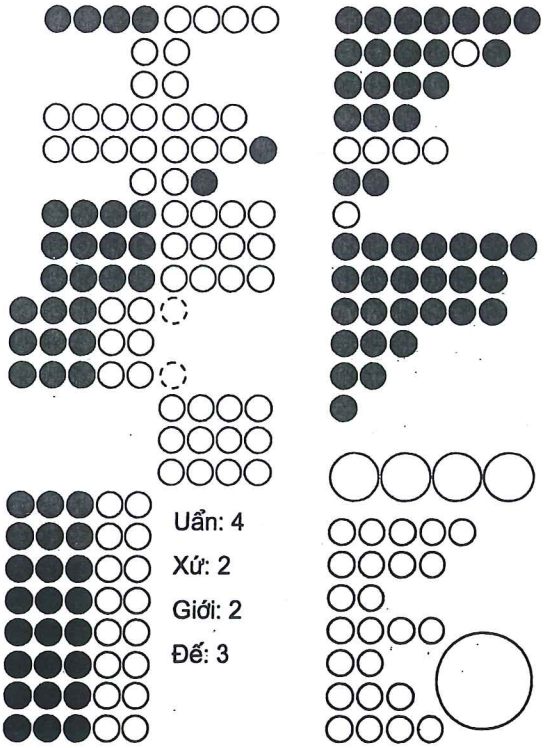

▶ Câu 2:Tất cả pháp câu sanh với pháp Lạc là 63 thứ tâm Lạc Thọ và 46 thứ SHH Lạc Thọ. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 3 Danh Uẩn:

1. Tưởng uẩn làSở hữu Tưởng hợp với Tâm Lạc Thọ
2. Hành uẩn là45SHH(đã trừ Tưởng) vớiTâm Lạc Thọ
3. Thức uẩn là63 thứ tâm Lạc Thọ

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứ là63 thứ Tâm Lạc Thọ
2. Pháp xứlà46 SH hợp với Tâm Lạc Thọ

– Giới đặng 3 Giới:

1. Thân thức giớilàThân thức Lạc Thọ
2. Ý thức giới là62 thứ tâm Lạc Thọ (trừ Thân thức giới)
3. Pháp giới là46 SH hợp với Tâm Lạc Thọ

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là31 thứ tâm hiệp thế Lạc Thọ, 45 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham
3. Đạo đế làBát Chi SH tương ưng(hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế Lạc Thọ

Ngoại đế là Tâm Siêu thế Lạc Thọ và 27 SHH (trừ Thọ và đạo đế)

Tất cả pháp câu sanh với pháp Lạc là 63 thứ tâm Lạc Thọ và 46 thứ SHH Lạc Thọ

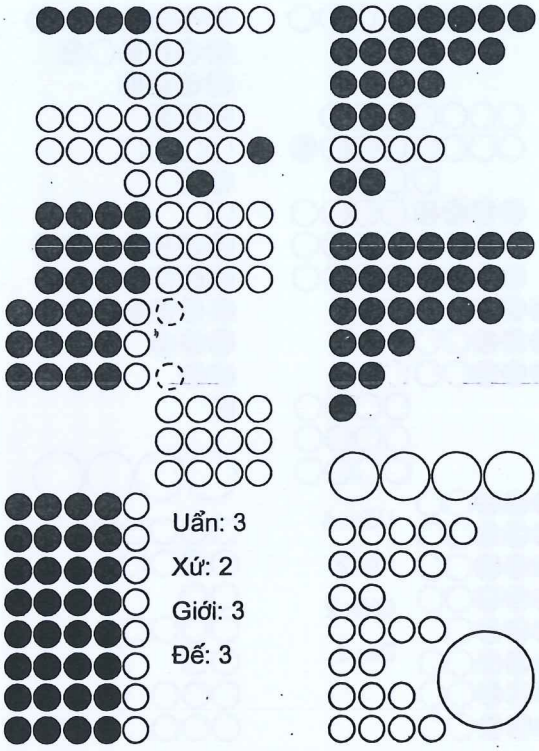

► Câu 3:Tất cả pháp câu sanh với Xả Thọ là 55 thứ Tâm câu hành Xả Thọ và 46 Sở hữu hợp Xả Thọ. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 3 Danh Uẩn:

1. Tưởng uẩn làSở hữu Tưởng hợp với Tâm Xả Thọ
2. Hành uẩn là45SHH(trừ Tưởng)với Tâm Xả Thọ
3. Thức uẩn là55 thứ Tâm Xả Thọ

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà55 thứ Tâm Xả Thọ
2. Pháp xứlà46SHH Xả Thọ

– Giới đặng 7 Giới:

1. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới làđôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giới làđôi Tỷ thức
4. Thiệt thức Giới làđôi Thiệt thức
5. Ý giớilàđôi Tiếp thâu và 1 thứ tâm Khai ngũ môn
6. Ý thức giới là44 thứ tâm Xả thọ (trừ 4 Đôi Thức trước và ý giới)
7. Pháp giới là46 SHH Xả Thọ

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là47 thứ tâm hiệp thế Xả Thọ và 45 SHH(đã trừ Thọ, SH Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham hợp với Tâm Xả Thọ
3. Đạo đế làBát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn)với tâm Thiện Siêu ThếNgũ thiền

Ngoại đế là tâm siêu thế ngũ thiền và 25SHH (trừ bát chi SHhợp với tâm đạo)

Tất cả pháp câu sanh với Xả Thọ là 55 thứ Tâm câu hành Xả Thọ và 46 SH hợp Xả Thọ

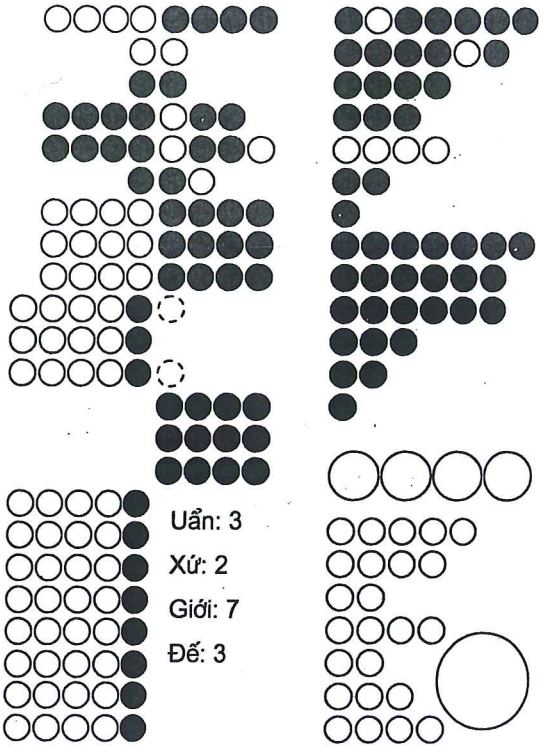

V. PHÂN GIẢI

Trạng thái Pháp hữu vi khi hiện bày: Hỷ *(Pīti)*, Lạc *(Sukha)*, Xả *(Upekkhā)*, thì bản chất ấy phải có sự câu hành, mà câu hành *(Sahagatā)* nghĩa là trạng thái ấy có sự liên quan hay đồng hòa trong một tính chất pháp Hỷ, Lạc, Xả. Hay nói cách khác, sự đi chung với nhau riêng từng phần Câu Hành Hỷ, Câu Hành Lạc, Câu Hành Xả.Chúng ta tìm hiểu 3 tính chất pháp ấy như sau:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Pháp Hỷ:

Pītisahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Pháp Hỷ.

Tất cả pháp Câu Hành Hỷlà những Tâm và Sở hữu Tâm mang tính chất câu sanh được với nhau, lấy nền tảng là Hỷ Thọ. Trong câu này khi một pháp sanh khởi dù Thiện, Bất thiện hay Vô ký mà sanh chung với trạng thái vui mừng thì được xem là câu hành với Hỷ.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Pháp Hỷ:

Sukhasahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Lạc Thọ.

Tất cả pháp Câu Hành với Lạc Thọ. Trong câu này với ý nghĩa cũng tương tự như câu mộtnhưng lấy nền tảng là Lạc Thọ thay vì Hỷ Thọ. Nhưng có điều nên lưu ý,ở phần Lạc Thọ làLạc Thọ câu hành với Thân thức và Lạc Thọ câu hành với Ý Thức. Về mặt trạng thái, Lạc thọ là sự sướng Thân vui Tâm khi gặp cảnh, xét về lý pháp thì những pháp này liên hiệp, kết chung với Thọ phần Lạc Thọ, tức là những pháp có Sở hữu Thọ (Lạc Thọ) câu hữu.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Pháp Hỷ:

Upekkhāsahagatā dhammā - Tất cả Pháp câu sanh với Xả Thọ.

Tất cả pháp Câu Hành với Xả Thọ là những trạng thái khi hiển lộ sanh ra câu hành, đi chung với Xả Thọ, nghĩa là lấy nền tảng Sở hữu Thọ phần Xả Thọ để sanh chung. Hay nói cách khác, những pháp dù Thiện, Bất thiện hay Vô ký một khi câu hành với xả thì có trạng thái điều hòa pháp tương ưng không cho trồi sụt tức là không buồn, không vui hay không khổ thân, không khổ tâm, không sướng thân, không vui tâm, đó là những pháp câu hành với Xả.

TAM ĐỀ THỨ 8: TAM ĐỀ SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ

(DASSANATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Dassanena pahātabbā dhammā - Tất cả Pháp Sơ Đạo Đoạn Trừ.*
- *Câu 2:Bhāvanāyapahātabbādhammā - Tất cả Pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừ.*
- *Câu 3:Dassanenanabhāvanāya pahātabbā dhammā - Tất cả Pháp Phi Sơ Đạo Phi 3 Đạo Cao Đoạn Trừ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, câu 670-671, Đức Thế Tôn Ngài có dạy về chư pháp Sơ Đạo Đoạn Trừ, như sau:

* *Chư pháp Sơ Đạo Đoạn trừ là chi?*

Tam Triền tức là Thân Kiến (Triền), Hoài nghi (Triền) và Giới Cấm Thủ (Triền).

* *Trong Tam Triền đó mà Thân Kiến Triền là chi?*

Phàm phu trong đời nầy kẻ thiếu học không đặng gặp bậc thánh không thông pháp của bậc Thánh, không tập rèn theo pháp của bậc thánh, không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp trí thức như:

- Nhận thấy Sắc uẩn là ta, nhận thấy ta có SắcUẩn, nhận thấy Sắc uẩn ở trong ta, nhận thấy ta có trong SắcUẩn.
- Nhận thấy Thọ uẩn là ta, nhận thấy ta có Thọ Uẩn, nhận thấy Thọ uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong Thọ Uẩn.
- Nhận thấy Tưởng uẩn là ta, nhận thấy ta có Tưởng Uẩn, nhận thấy Tưởng uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong Tưởng Uẩn.
- Nhận thấy Hành uẩn là ta, nhận thấy ta có Hành Uẩn, nhận thấy Hành uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong Hành Uẩn.
- Nhận thấy Thức uẩn là ta, nhận thấy ta có Thức Uẩn, nhận thấy Thức uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong ThứcUẩn.

Nhận thấy thức Uẩn là ta tức là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng nầy gọi là Thân kiến triền có trong khi đó.

Lại nữa, Phật Ngài có dạy tiếp về Hoài nghi Triền trong khi có ra sao?

(672): Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, Hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, hoài nghi vị lai, hoài nghi quá khứ và vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh (Paticcasammuppāda) là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sinh ra chăng? Cách lừng chừng, động tác lừng chừng, sự lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự

thấy thành 2 khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không thể quyết một, sự tính lơ thơ, suy xét lừng chừng, sự không thể trọn tính, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những chơn tướng như thế gọi là Hoài nghi (Triền).

Lại nữa, Đức Phật Ngài dạy tiếp giới cấm thủ triền trong khi có ra sao?

(673): Chúng ngoại giáo sa môn, bà la môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng cách thiên kiến như là: nhận thấy sắc Uẩn là ta, nhận thấy ta trong sắc Uẩn, nhận thấy sắc Uẩn ở trong ta, nhận thấy ta trong sắc Uẩn. Nhận thấy thọ Uẩn là ta, nhận thấy ta có thọ Uẩn, nhận thấy thọ Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thọ Uẩn.Nhận thấy tưởng Uẩn là ta, nhận thấy ta có tưởng Uẩn, nhận thấy tưởng Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong tưởng Uẩn.Nhận thấy hành Uẩn là ta, nhận thấy ta có hành Uẩn, nhận thấy hành Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong hành Uẩn. Nhận thấy thức Uẩn là ta, nhận thấy ta có thức Uẩn, nhận thấy thức Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức Uẩn.

Những chơn tướng này gọi là Giới Cấm Thủ (Triền).

II. THÍCH TỪ

- Sơ:bắt đầu, bước đầu, trình độ sơ khởi, thứ tự sơ nhị...
- Đạo:đường đi, đạo lý, đạo giáo, mở lối, dẫn đưa, con đường, lộ đồ. Ở đây chỉ cho đạo Siêu thế tức là 8 loại Sở hữu - trí, tầm, ngữ, nghiệp, mạng, cần, niệm, nhất thống hợp với tâm thiện Siêu thế (Đạo đế).
- Đoạn trừ:chặt đi, dứt đi, gãy, một đoạn. Ở đây chỉ bày việc mà vị thánh nhập lưu tức Sơ Quả hay Nhị, Tam, Tứ Quả đang và đã đoạn trừ phiền não Bất thiện.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Sơ Đạo Đoạn Trừ*(Dassanatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Sơ Đạo Đoạn Trừ, tất cả các Pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừ và tất cả các Pháp Phi Sơ Đạo Phi 3 Đạo Cao Đoạn Trừ.

1. Tất cả Pháp Sơ Đạo Đoạn Trừ: là những trạng thái pháp do Bát Chi Đạo hợp với Sơ Đạo bài trừ (tà kiến, hoài nghi...), đoạn trừ không tái lại nữa *(Dassanena pahātabbā dhammā).*
2. Tất cả Pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừ: đây chỉ bày các thứ tâm Nhị Đạo, Tam Đạo và Tứ Đạo khi sanh khởi,bài trừ tất cả pháp Bất thiện còn lại. Hay là những pháp bị 3 đạo cao trừ tuyệt, có Pāḷi như vầy: *"Bhāvanāya pahātabbā dhammā".*
3. Tất cả Pháp Phi Sơ Đạo, Phi 3 Đạo Cao Đoạn Trừ:là những pháp ngoài ra bốn đạo đoạn trừ *(Dassanenanabhāvanāya pahātabbādhammā).*

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp Sơ đạo đoạn trừ là 4 thứ Tâm tham tương ưng, Si hoài nghi, 22 SHH tuyệt,đồng thời đoạn trừSức mạnh của Bất thiện còn lại, Chủng tử tái tục khổ thú và Chủng tử tái tục Dục giới ngoài 7 đời.

Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
2. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
3. Hành uẩn là20 SH hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
4. Thức uẩn là4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứ là4 tâm Tham Tương Ưng và Si Hoài nghi
2. Pháp xứ là22 SH hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Giớiđặng 2 giới:

1. Ý Thức giới là4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
2. Pháp giới là22 SH hợp với 4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế là4 tâm Tham tương ưng, Si hoài nghi và 21 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả pháp Sơ đạo đoạn trừlà 4 thứ tam tham tương ưng, si hoài nghi, 22 SHH tuyệt

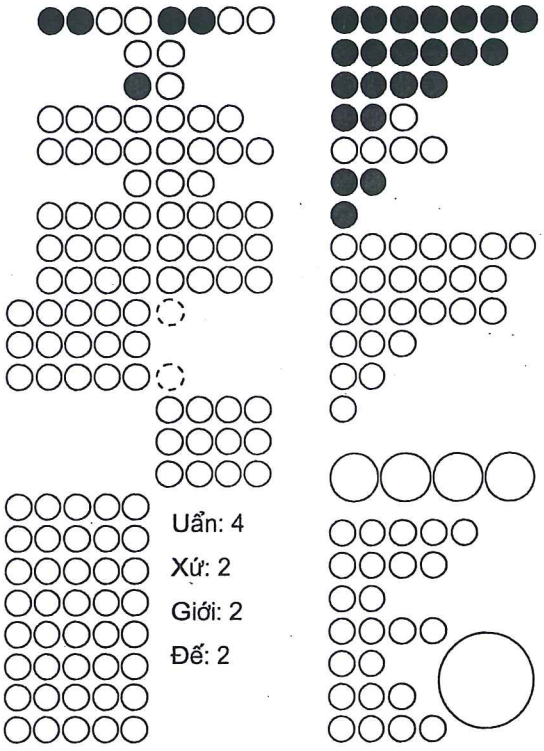

► Câu 2:Tất cả pháp 3 đạo cao đoạn trừ là chủng tử tái tục 7 đời Dục giới và những Bất thiện ngoài Sơ đạo đoạn trừ. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
2. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
3. Hành uẩn là23 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
4. Thức uẩn làtâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứlà4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử
2. Pháp xứlà25 SH hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Giớiđặng 2 giới:

1. Ý thức giới là4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử
2. Pháp giới là25 SH hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế là4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử và 24 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả pháp 3 đạo cao đoạn trừlà chủng tử tái tục 7 đời Dục giới và những Bất thiện ngoài Sơ đạo đoạn trừ

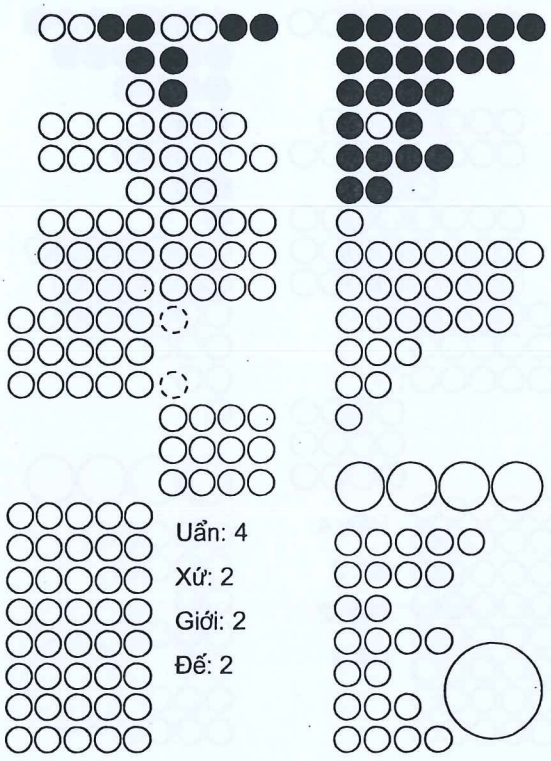

▶ Câu 3:Tất cả pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao đoạn trừ là ngoài ra pháp Bất thiện. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
3. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
4. Hành uẩn là36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng)hợp với tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
5. Thức uẩn làtâm Vô nhân, tâm tịnh hảo

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là12 Sắc Thô

11. Ý xứlàtâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
12. Pháp xứlà 16 Sắc tế, 38 SH hợp với tâm vô nhân, tâm tịnh hảo và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
12.Nhĩ thức giới làđôi Nhĩ thức
13.Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
14.Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
15.Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giớilàtâm tiếp thâu 2 và khai ngũ môn 1
17.Ý thức giới làtâm tịnh hảo, thẩm tấn, khai ý môn và tiếu sinh (đã trừ ngũ song thức và ý giới)
18.Pháp giớilà 16 Sắc tế, 38 SH hợp với tâm vô nhân, tâm tịnh hảo và Níp Bàn

– Đế đặng 3 đế:

1. Khổ đế làSắc Pháp, tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo hiệp thế và 38 SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế làBát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) vớiTâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là tâm siêu thế, 28 SHH ngoài ra Đạo Đế

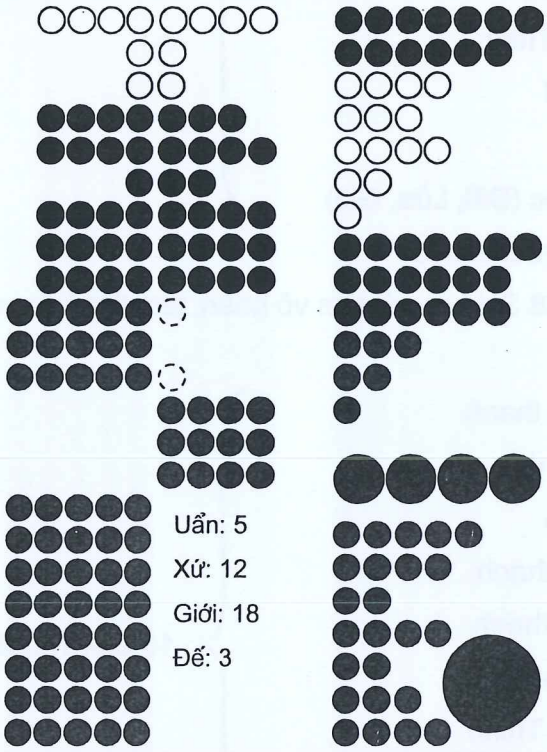

Tất cả pháp phi sơ đạo phi 3 đạo cao đoạn trừlà ngoài ra Pháp Bất thiện

V. PHÂN GIẢI

Tam đề Sơ đạo đoạn trừ là chỉ bày 3 trường hợp của bậc Thánh đạo đoạn diệt lậu hoặc và các pháp Bất thiện.

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Dassanena pahātabbā dhammā - Tất cả Pháp Sơ Đạo Đoạn Trừ.

Là nói giai đoạn khi Bát chi đạo phát sanh hợp với sơ đạo, bài trừ không tái lại nữa. Ở đây là bài trừ phiền não tà kiến, phiền não hoài nghi, là 2 trạng thái Bất thiện căn bản đối với bậc Sơ đạo. Ngoài ra, Sơ đạo đoạn trừ còn đoạn trừ thêm sức mạnh còn lại củasi, vô tàm, vô úy, điệu cử, tham, ngã mạn, sân, tật, lận, hối, hôn trầm, thùy miên tức là các Bất thiện phiền não si, vô tàm, vô úy v.v...không còn đủ sức mạnh để ngâm chìm bậc Sơ đạo hay là không còn sức mạnh cuốn trôi sanh tử đời thứ 8 Dục giới vui hoặc là không còn nặng về sự trói buộc của thân sắc và thân danh v.v...

Đối với sự sanh tử luân hồi thì bậc Sơ đạo đã luộc chín chủng tử tái tục khổ thú (địa ngục, bàng sanh, ngạ quỷ, atula) nghĩa là không bị đọa xứ 4 cõi khổ, do các Ngài đã diệt được hoài nghi, tà kiến nên niềm tin hay đức tin đối với Tam Bảo, tam học, tam thế, nhân quả và liên quan tương sinh rất kiên cố. Hay nói cách khác, vì đức tin kiên cố nên các Ngài không phạm sai lầm những trọng nghiệp, đại tội và các nhân quả nghiệp khác để dẫn đến đọa xứ.Ngoài ra, các Ngài còn diệt chủng tủ tái tục Dục giới ngoài 7 đời nghĩa là trong 7 đời chưa đắc chứng đạo quả cao hơn thì đời thứ 7 các Ngài phải rốt ráo tu tiến để không còn trở lại Dục giới vui, đây là điều hẳn nhiên cũng như niêm luật đối với bậc Sơ đạo Sơ quả.

Nói theo Chánh tạng, Đức Thế Tôn Ngài có dạy về "tất cả Pháp Sơ Đạo đoạn trừ", phần yêu bối *"Piṭṭhiduka"*, từ câu 810 - 814 thuộc bộ Pháp Tụ như sau:

Chư pháp sơ đạo đoạn trừ ra sao?Tam triền tức là thân kiến (triền), hoài nghi (triền) và giới cấm thủ (triền).

Trong tam triền đó mà thân kiến (triền) ra sao?Phàm phu trong đời này có kẻ thiếu học không đặng gặp bậc thánh, không thông pháp các bậc thánh, không tập rèn theo pháp của bậc thánh. Không gặp trí thức, chẳng thông pháp của trí thức, chẳng tập rèn theo pháp của trí thức. nhận thấy sắc Uẩn là ta, hoặc nhận thấy ta có sắc Uẩn, nhận thấy sắc Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong sắc Uẩn.Nhận thấy thọ Uẩn...tưởng Uẩn...hành Uẩn...thức Uẩn...hoặc nhận thấy ta có thức Uẩn, nhận thấy thức Uẩn trong ta, nhận thấy ta trong thức Uẩn.Tà kiến tức là thiên kiến...cách tin dị đoan những trạng thái như thế gọi là thân kiến (triền).

Hoài nghi (triền) trong khi có ra sao?Hoài nghi Phật...sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi (triền).

Giới cấm thủ (triền) trong khi có ra sao?Chúng ngoại giáo sa môn, bà là môn nhận thấy sự trong sạch do giới, do tu hành, do thực hành trì giới mà có sự nhận thấy bằng tà kiến tức là thiên kiến, cách tin dị đoan. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ (triền).

Tam triền nói đây mà Phiền não đồng y trụ với tam triền đó như là thọ Uẩn...thức Uẩn tương ưng với tam triền ấy luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp sơ đạo đoạn trừ.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Bhāvanāyapahātabbādhammā - Tất cả Pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừ.

Ở đây nêu giai đoạn của 3 bậc thánh - nhất lai, bất lai và vô sanh đang và đã sát trừ những phiền não và các lậu hoặc, trong đó:

- Bậc thánh nhất laihay Thánh Nhị Đạo Quả hoặc Tư Đà Hàm, bậc này làm suy yếu thêm phiền não Dục và Sândồng thời cũng đoạn giảm sức mạnh Bất thiện còn lại.
- Trong 3 đạo cao, bậc thánh thứ hai là thánh bất lai, vị này đoạn trừ hẳn dục ái và sân cùng với giảm thiểu sức mạnh Bất thiện còn lại. Trường hợp vị thánh này chưa đắc được Tứ Quả và cũng không đắc thiền thì sau khi tử sẽ sanh về cõi sơ thiền, vì phù hợp với sự ưng trừ phiền não sân, phiền não dục cõi dục, thích hợp với cõi sắc là cõi vô sân.
- Đến bậc thánh thứ tư gọi là thánh vô sanh đạo, bậc này hoàn toàn đoạn trừ hẳn các phiền não Bất thiện còn lại.

Sơ đồ đoạn trừ của các bậc thánh như sau:

14 Phiền não	Thánh Thất lai	Thánh Nhất lai	Thánh Bất lai	Thánh Vô sanh
1. Si				x
2. Vô tàm				x
3. Vô úy				x
4. Điệu cử				x
5. Tham		Giảm nhẹ	x	
6. Tà kiến	x			
7. Ngã mạn				x
8. Sân		Giảm nhẹ	x	
9. Tật			x	
10. Lận			x	
11. Hối			x	
12. Hôn trầm				x
13. Thùy miên				x
14. Hoài nghi	x			

Nói theo Chánh Tạng, Đức Thế Tôn Ngài có dạy về "Tất cả Pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừ " ở câu 815, phần yêu bối *"Piṭṭhiduka"* thuộc bộ Pháp Tụ như sau:

"Chư pháp 3 Đạo Cao Đoạn Trừlà chi?Tham, sân, si ngoài ra và phiền não đồng y trụ với Tham, Sân, Si ấy tức là Thọ uẩn ... Thức uẩn tương ưng với Tham, Sân, Si đó luôn thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có Tham, Sân, Si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp 3 đạo cao tuyệt trừ (Bhāvanāya pahātabbā dhammā)."

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Dassanenanabhāvanāya pahātabbādhammā - Tất cả Pháp Phi 3 Đạo Cao Đoạn Trừ.

Đây là những pháp mà các bậc thánh không cần phải đoạn trừ tức là chư pháp chẳng phải đáng cho kiến tri bậc thánh thất lai, thánh nhất lai, thánh bất lai và thánh vô sanh. Hay nói khác hơn là những pháp này chẳng phải thành đối tượng của Dị Tri Quyền, Dĩ Tri Quyền và Cụ Tri Quyền đoạn trừ vì 18 Thứ Tâm Vô nhân và 91 Thứ Tâm Tịnh hảo cùng với SHH, Sắc Pháp là những trạng thái sanh theo phiền não, nghiệp, và quả luân hồi, một khi đã diệt tận các hữu lậu pháp thì ắt hẳn các pháp kia không có dịp trổ sanh vì đã bị diệt chủng tử luân hồi tức không còn chủng tử tái tục và sắc nghiệp tái tục nữa.

Còn Níp Bàn là pháp Ngoại Uẩn và đồng thời làm cảnh cho Tâm Siêu thế biết nên không cần phải đoạn trừ.

Nói theo Chánh tạng, Đức Thế Tôn Ngài có dạy về "Tất cả Pháp Phi Sơ Đạo Phi 3 Đạo Cao Đoạn Trừ ", câu 814 - 815, phần yêu bối *"Piṭṭhiduka"* thuộc bộ Pháp Tụ như sau:

* *Chư Pháp Phi Sơ Đạo trong khi có ra sao?*

Trừ ra pháp triền, còn Pháp Thiện, Pháp Bất thiện và Pháp Vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế tức là Thọ uẩn ... Thức uẩn luôn cả Sắc pháp và Vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Phi Sơ Đạo tuyệt trừ.

* *Chư pháp 3 Đạo Cao Không Đoạn Trừ là chi?*

Trừ ra những pháp 3 Đạo Cao Tuyệt Trừ, còn lại Pháp Thiện, Pháp Bất thiện và Pháp Vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế tức là Thọ uẩn ... Thức uẩn, luôn tất cả Sắc pháp và Vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp 3 Đạo Cao không tuyệt trừ(Na bhāvanāya pahātabbā dhammā).

TAM ĐỀ THỨ 9: TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ

(DASSANAHETUKATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Dassanena pahātabba hetukādhammā - Tất cả Pháp Hữu Nhân Sơ Đạo đoạn trừ.*
- *Câu 2:Bhāvanāya pahātabba hetukā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao đoạn trừ.*
- *Câu 3:Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā hetukā dhammā - Tất cả Pháp Phi Hữu Nhân Phi 4 Đạo đoạn trừ.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika),* ở câu 675 Phật Ngài có dạy Pháp Siêu Lý trên phương diện: Tất cả Pháp Hữu Nhân Sơ Đạo đoạn trừ, Tất cả Pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao đoạn trừ, Tất cả Pháp Phi Hữu Nhân Phi 4 Đạo đoạn trừ, như sau:

* *Chư pháp Hữu Nhân Sơ Đạo tuyệt trừ trong khi có ra sao?*

Tam triền tức là Thân kiến (triền), Hoài nghi (triền), Giới cấm thủ (triền).

➢ Cả tam triền đó mà Thân kiến triền trong khi có ra sao? ... đây gọi là Thân kiến (triền).

➢ Hoài nghi (triền) ra sao? ... đây gọi là Hoài nghi (triền).

➢ Giới cấm thủ (triền) ra sao? ... đây gọi là Giới cấm thủ (triền).

Cả Tam Triền và phiền não đồng nương tam triền đó: Thọ uẩn ... Thức uẩn tương ưng với tam triền luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp, ý nghiệp có tam triền làm sở sanh. Những chơn tướng đó gọi là chư pháp Hữu Nhân Sơ Đạo tuyệt trừ.

Tam triền là thân kiến (triền), Hoài nghi (triền), Giới cấm thủ (triền). Những chơn tường này gọi là chư pháp Sơ Đạo tuyệt trừ.

Tham, Sân và Si đồng nương với tam triền đó. Những chơn tướng này là chư pháp Hữu Nhân Sơ Đạo tuyệt trừ.

Phiền não đồng nương với Tham, Sân, Si ấy tức là Thọ uẩn, ... Thức uẩn tương ưng với Tham, Sân, Si đó luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có Tham, Sân, Si làm sở sanh. Những chơn tướng này là chư pháp Hữu Nhân Sơ Đạo tuyệt trừ.

* *Chư pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao tuyệt trừ ra sao?*

Tham, sân, si ngoài ra. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân 3 đạo cao tuyệt trừ. Phiền não đồng nương với Tham, Sân, Si và Thọ uẩn ... Thức uẩn tương ưng với Tham, Sân, Si luôn cả thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp mà có Tham, Sân, Si làm sở sanh. Những chơn tướng này gọi là chư pháp hữu nhân 3 đạo cao tuyệt trừ.

* *Chư pháp Phi Hữu Nhân Sơ Đạo và 3 Đạo Cao tuyệt trừ ra sao?*

Trừ ra pháp tuyệt trừ, còn pháp thiện, Bất thiện và vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn luôn tất cả Sắc pháp và Vô vi giới. Những chơn tướng này gọi là chư pháp phi hữu nhân sơ đạo và 3 đạo cao tuyệt trừ.

II. THÍCH TỪ

- Hữu: có, lấy được, đầy đủ.
- Nhân: nguyên nhân, tính nhân, phần đã làm ra nhân, nguyên do, điều kiện, ở đây chữ nhân là dùng cho nhân tương ưng chỉ về phần pháp bản chất là Si hiệp tâm Si Hoài nghi và Si hiệp tâm Si Điệu cử.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ*(Dassanahetukatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ, tất cả các Pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao Đoạn Trừ và tất cả các Pháp Phi Hữu Nhân Phi 4 Đạo Đoạn Trừ.

1. **Tất cả pháp Hữu Nhân Sơ Đạo đoạn trừ:**là những pháp bị sơ đạo đoạn diệt mà có hợp với nhân tương ưng *(Dassanena pahātabba hetukādhammā).* Hay là nhân mà bị sơ đạo sát có với pháp nào thì pháp ấy gọi là hữu nhân sơ đạo đoạn trừ *(Dassanena pahātabbo etesaṃ atthīti = Dassanasena pahātabba hetukā).*
2. **Tất cả pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao đoạn trừ:** là những pháp có hiệp chung với nhân và 3 đạo cao đoạn trừ *(Bhāvanāya pahātabba hetukā dhammā).* Có chú giải như vầy:"Nhân mà bị 3 đạo cao đoạn trừ có với pháp nào thì pháp ấy gọi là hữu nhân 3 đạo cao đoạn trừ - *Bhāvanāya pahātabbo hetu etesaṃ atthīti = bhāvanāya pahātabba hetukā".*
3. Tất cả pháp phi Hữu Nhân, Phi 4 Đạo đoạn trừ: là những pháp chẳng phải Hữu Nhân 4. Đạo đoạn trừ *(Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā hetukādhammā).*Có chú giải như vầy: "Nhân mà Sơ Đạo, 3 Đạo Cao không đoạn trừ hẳn với pháp nào thì pháp ấy gọi Phi Hữu Nhân, Phi 4 Đạo đoạn trừ - *Neva dassanena na bhāvanāya pahātabho hetu etesaṃ atthīti = Neva dassanena na bhāvanāya pahātabba hetukā".*

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp hữu nhân Sơ đạo đoạn trừ là 4 thứ Tâm tham tương ưng, Si hoài nghi, 22 SHH tuyệt (trừ Si hiệp Tâm Si Hoài nghi),đồng thời đoạn trừ:

- Sức mạnh của Bất thiện còn lại.
- Chủng tử tái tục khổ thú.
- Chủng tử tái tục Dục giới ngoài 7 đời.

Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
2. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
3. Hành uẩn là20 SH hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
4. Thức uẩn là4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Xứđặng 2 xứ:

1. Ý xứ là4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
2. Pháp xứ là22 SH hợp với tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Giớiđặng 2 giới:

1. Ý Thức giới là4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi
2. Pháp giới là22 SH hợp với 4 tâm Tham tương ưng và Si hoài nghi

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế là4 tâm Tham tương ưng, Si hoài nghi và 21 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả pháp Hữu nhân Sơ đạo đoạn trừlà 4 thứ Tâm tham tương ưng, Si hoài nghi và 22 SHH tuyệt (trừ Si hiệp Tâm Si Hoài nghi)

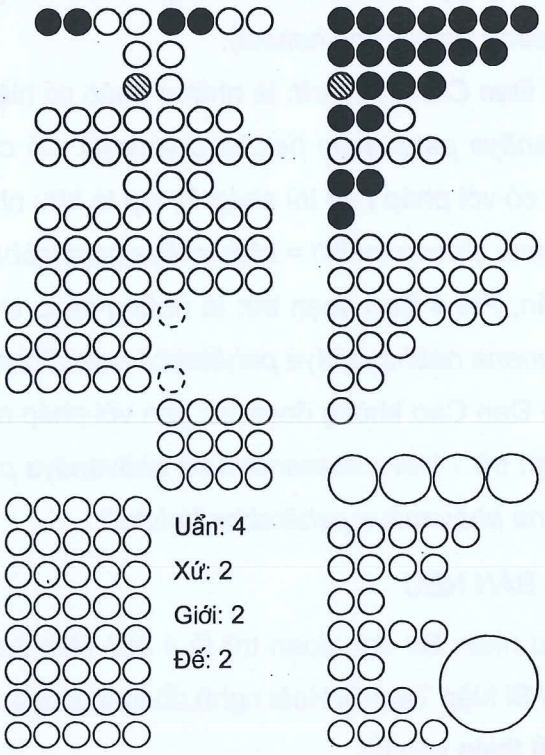

▶ Câu 2:Tất cả pháp Hữu nhân 3 Đạo Cao đoạn trừ là chủng tử tái tục 7 đời Dục giới và những Bất thiện ngoài Hữu nhân Sơ đạo đoạn trừ (trừ Si hiệp tâm Si Điệu cử). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
2. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
3. Hành uẩn là23 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử
4. Thức uẩn là tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứlà4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử
2. Pháp xứlà25 SH hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Giớiđặng 2 giới:

1. Ý thức giới là4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử
2. Pháp giới là25 SH hợp với tâm Tham bất tương ưng, tâm Sân, Si điệu cử

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế là4 tâm Tham bất tương ưng, 2 tâm Sân, Si điệu cử và 24 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả pháp Hữu nhân 3 đạo cao đoạn trừlà chủng tử tái tục 7 đời Dục giới và những Bất thiện ngoài Hữu nhân Sơ đạo đoạn trừ(trừ Si hiệp tâm Si Điệu cử)

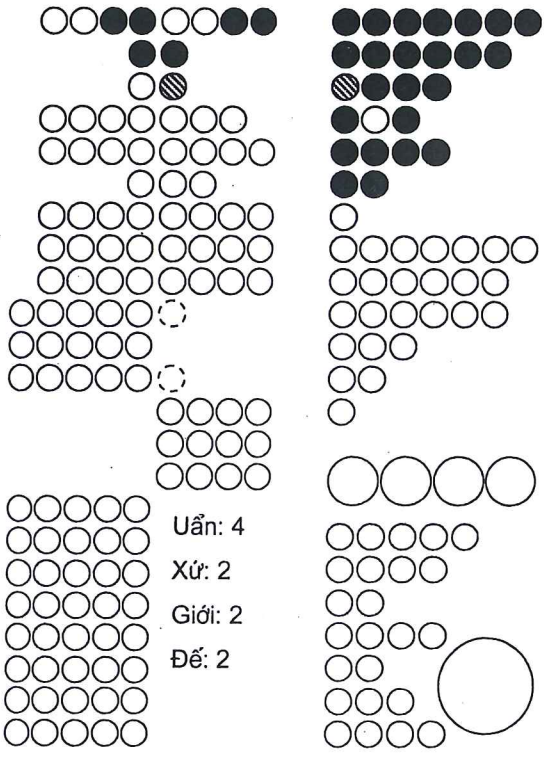

▶ Câu 3:Tất cả pháp Phi Hữu Nhân Phi 4 Đạo đoạn trừ là Si hiệp Tâm Si, 18 thứ Tâm vô nhân, Tâm tịnh hảo, SHH, Sắc pháp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH thọ hợp với tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
3. Tưởng uẩn làSH tưởng hợp với tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
4. Hành uẩn là36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Vô nhân, tịnh hảo, Si hợp tâm Si
5. Thức uẩn làtâm tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứđặng 12 xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là12 Sắc Thô

11. Ý xứlàtâm Vô nhân, tâm tịnh hảo
12. Pháp xứlà 16 sắc tế, 38 SH hợp với tâm vô nhân, tâm tịnh hảo và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới làđôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
14. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16.Ý giớilà2 tâm tiếp thâu và khai ngũ môn

17.Ý thức giới làtâm tịnh hảo, tâm thẩm tấn, khai ý môn và tiếu sinh (trừ ngũ song thức và ý giới)

18.Pháp giớilà 16 sắc tế, 38 SH hợp với tâm vô nhân, tâm tịnh hảo và Níp Bàn

– Đế đặng 3 đế:

1. Khổ đế làSắc Pháp, tâm Vô nhân, tâm tịnh hảo hiệp thế và 38 SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là tâm siêu thế, 28 SHH ngoài ra đạo đế

Tất cả pháp phi Hữu nhân phi 4 đạo đoạn trừlà Si hiệp Tâm Si, 18 thứ Tâm vô nhân, Tâm Tịnh Hảo, SHH, Sắc Pháp và Níp Bàn.

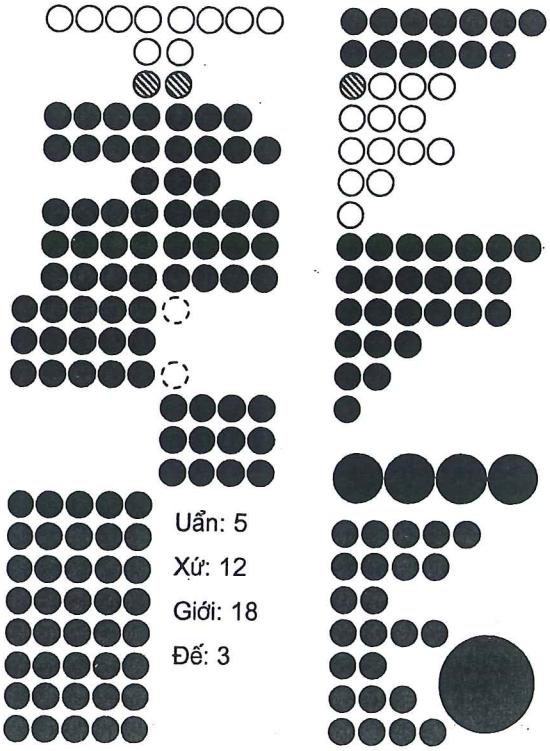

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Dassanena pahātabba hetukādhammā - Tất cả Pháp Hữu Nhân Sơ Đạo đoạn trừ

*"Dassanahetuka tika"*nghĩa là Tam Đề Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ. Đây cũng là câu một trong 3 câu của đề này, tức là những pháp bị sơ đạo trừ mà có hợp với nhân tương ưng, có Pāḷi như vầy *"Dassanenapahātabba hetukā dhammā".*Đây là những pháp có nhân tương ưng hợp mà đáng cho tuệ quán của bậc Thánh Thất Lai sát trừ, có câu Pāḷichú giải như vầy: *"Dassanena pahātabbo etesaṃ atthīti = Dassanasena pahātabba hetukā:* nhân mà vị sơ đạo đoạn trừ có với pháp nào thì pháp ấy gọi là Hữu Nhân Sơ Đạo Tuyệt (Trừ)".

Khi bậc thánh thất lai đoạn diệt 2 phiền não Bất thiệnlà Tà kiến và Hoài nghi, trong đó phải kể đến si hoài nghi vì si hoài nghi có si phần hợp mà si là một trong 6 chi pháp tương ưng cho nên vừa đoạn trừ trên phương diện phiền não vừa đoạn trừ pháp câu sanh chung là nhân si nên câu này được gọi là hữu nhân sơ đạo đoạn trừ.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Bhāvanāya pahātabba hetukā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Nhân 3 Đạo Cao đoạn trừ.

Đây là những pháp có hiệp chung với nhân và 3 đạo cao đoạn trừ, hay nói cách khác, tất cả pháp hữu nhân 3 đạo cao đoạn trừ cũng giống tương tự như câu 2 của đề sơ đạo đoạn trừ, chỉ thêm lý pháp là nhân tương ưng nên có Pāḷi chú giải như vầy: "*Bhāvanāya pahātabbo hetu etesaṃ atthīti = Bhāvanāya pahātabba hetukā:* Nhân mà bị 3 đạo cao sát có với pháp nào, thì pháp ấy gọi là hữu nhân 3 đạo cao đoạn trừ".

Đây là những pháp có nhân tương ưng hiệp mà đáng cho 3 Đạo Cao Dũ Tịnh (Nhất Lai Đạo, Bất Lai Đạo, và Vô Sanh Đạo) đoạn trừ,vì trong các phiền não còn lại có liên quan phần nhân tương ưng Bất thiện như nhân si hợp với si điệu cử, nhân tham hợp với tâm tham, nhân sân hợp với tâm sân v.v...

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Hữu Nhân Sơ Đạo Đoạn Trừ:

Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā hetukā dhammā - Tất cả Pháp Phi Hữu Nhân Phi 4 Đạo đoạn trừ.

Đây là những pháp chẳng phải hữu nhân 4 đạo sát tuyệt (*Nevadassanena nabhāvanāya pahātabbā hetukā dhammā*), nghĩa là nhân mà sơ đạo và 3 đạo cao không đoạn trừ đặng, có với pháp nào thì pháp ấy gọi là phi hữu nhân, phi 3 đạo đoạn trừ (*Neva dassanena bhāvanāya pahātabbho hetu etesaṃ atthīti = Neva dassanena na bhāvanāya pahātabba hetukā*). Hay là những pháp chẳng phải có nhân bị bốn đạo đoạn trừ,trong đó phải được biết là Sở hữu Si trong 2 tâm Si (vì khi Si hợp tâm Si trở thành tâm vô nhân). Ngoài ra, 91 tâm tịnh hảo pháp hữu nhân nhưng không bị bốn đạo đoạn trừ, luôn đến 18 thứ tâm vô nhân, Sắc pháp và Níp Bàn pháp vừa là vô nhân, vừa không bị bốn đạo đoạn trừ.

BÀI 4: TAM ĐỀ NHÂN SINH TỬ – TAM ĐỀ HỮU HỌC TAM ĐỀ HY THIỂU

TAM ĐỀ THỨ 10: TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ

(ĀCAYAGĀMITIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Acāyagāmino dhammā - Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử.*
- *Câu 2:Apacayagāmino dhammā - Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bàn.*
- *Câu3:Nevācayagāmino nappacāyagāmino dhammā - Tất cả Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tika)*, ở câu 676 Phật Ngài có dạy Pháp Siêu Lý trên phương diện: Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử, Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bàn, Tất cả Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn, như sau:

* ***Chư pháp Nhân Sanh Tử trong khi có ra sao?***

Pháp Bất thiện và pháp thiện còn nương pháp lậu trong dục giới, sắc giới và vô sắc giới tức là thọ Uẩn ... thức Uẩn. Những chơn tướng thực tính này gọi là chư pháp nhân sanh tử.

* ***Chư pháp nhân đến Níp Bàn trong khi có ra sao?***

Bốn Đạo Siêu thế. Những chơn tướng này gọi là nhân đến Níp Bàn.

* ***Chư pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn ra sao?***

Dị thục quả của Bất thiện và Thiện nơi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và Siêu thế tức là thọ Uẩn ... thức Uẩn, pháp thành tố (Kiriyā) phi thiện, phi Bất thiện, và phi nghiệp quả, luôn cả Sắc pháp và Vô vi giới. Những chơn tướng thực tính này gọi là chư pháp Phi Nhân Sanh Tử, Phi Nhân đến Níp Bàn.

II. THÍCH TỪ

- Sanh:sinh, đẻ ra, sống còn, nuôi sống, tươi sống. Ở đây sự sạnh ra là của Sắc Pháp và sự sanh ra của quả danh pháp.
- Tử:chết, không hoạt động."Tử" có nhiều nghĩa nhưng ở đây lấy phần chính thức thì có nghĩa là thành quả của sanh tức tư cách đang diệt của tâm quả hiệp thế và sắc nghiệp; hay nói cách khác, tử hay chết là khi cuối cùng của mỗi đời sống chúng sanh.
- Níp Bàn:theo nghĩa thường thức thì Níp Bàn còn gọi là Niết Bàn dịch theo âm Bắc Phạn là *Nirvana* - người tu đã chứng đạo, khi bỏ xác phàm vào nơi không sinh không diệt, sạch hết mọi đường phiền não cũng gọi là viên tịch (tự điển Thiều Chửu). Ở đây, theo tiếng Nam Phạn thì Níp Bàn là âm từ thuật ngữ Pāḷi - *Nibbāna* hay *Nibbanaṃ* nghĩa là vắng lặng, yên vui tuyệt đối, ngoài ra phiền não ngũ Uẩn và tất cả đời. Hay nói cách khác,

những pháp nào xa lìa Ái mà nhân ràng buộc các kiếp sống, những pháp xa lìa như thế gọi là Níp Bàn.

- Phi nhân sanh tử:là trạng thái pháp chỉ bày như tâm vô ký, tâm si điệu cử, SHH, Sắc Pháp và Níp Bàn tức là những pháp không đưa đến sự sinh và tử.
- Phi nhân đến Níp Bàn:là những pháp không phải là nguyên do hay phần trợ để đạt thành quả Níp Bàn tức là các pháp ngoài ra tâm đạo và 36 SHH.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Nhân Sanh Tử *(Ācayagāmitika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp:Tất cả các Pháp Nhân Sanh Tử, Tất cả các Pháp Nhân đến Níp Bàn, Tất cả các Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn.

1. Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử*(Acāyagāminodhammā):* là những pháp làm duyên hay làm nhân đưa đến sanh tử trong tam giới (dục giới, sắc giới, vô sắc giới) hay nói cách khác, là những nguyên do gây nhân đưa đến sanh tử triền miên trong đời,đây cũng gọi là pháp trợ cho luân hồi. Có Pāḷi như vầy:*"Acāyagāmino dhammā"* là những pháp làm nhân đưa đến sanh tử.
2. Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bàn(*Apacayagāminodhammā):* nghĩa là pháp làm duyên đạt đến trạng thái vượt thoát sanh tử tức Níp Bàn. Có Pāḷi như vầy: *"Apacayagāmino dhammā"*- là những pháp thành đạo giúp cho quả sanh và đặng tới Níp Bàn. Đây chỉ bày cho 20 thứ tâm đạo, SHH thì những pháp này chắc chắn đạt đến viễn ly sanh tử, giải thoát không còn sanh tử gì nữa dù sớm hay muộn.
3. Tất cả Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn*(Nevā cayagāmino nappacāyagāminodhammā):* đây là trạng thái pháp chẳng phải làm duyên đưa đến sanh tử, cũng chẳng phải làm nhân đặng đến thoát ly sanh tử luân hồi tức là chỉ bày những pháp ngoài ra nhân hiệp thế và nhân siêu thế. Tóm lại, có Pāḷi như vầy: *"Nevā cayagāmino nappacayagāmino dhammā"*- là những pháp không làm nhân sanh tử và cũng không phải làm nhân đưa đến Níp Bàn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử là thiện hiệp thế, 11 thứ tâm Bất thiện ngoài Điệu cử, 52 SHH, trừ Si hợp Điệu cử. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Thiện hiệp thế17,tâm Bất thiện11 (đã trừ Si Điệu cử)
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Thiện hiệp thế,tâm Bất thiện11 (đã trừ Si Điệu cử)

3. Hành uẩn là50SHH (đã trừ Thọ, Tưởng) với thiện hiệp thế và 11 thứ tâm Bất thiện (trừ Si Điệu cử)
4. Thức uẩn làTâm Thiện hiệp thế và 11 thứ Tâm Bất thiện(trừ Si Điệu cử)

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứ làtâm thiện hiệp thế và 11 tâm Bất thiện(trừ Si Điệu cử)
2. Pháp xứ là52 SH hợp vớitâm thiện hiệp thế và 11 tâm bất thiện(trừ Si Điệu cử)

– Giới đặng 2 giới:

1. Ý thức giới làtâm thiện hiệp thế, 11 tâm bất thiện (trừ Si Điệu cử)
2. Pháp giới là52 SH hợp vớitâm thiện hiệp thế, 11 tâm bất thiện (trừ Si Điệu cử)

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế làtâm thiện hiệp thế, 11 thứ tâm bất thiện và 51 SHH (trừ tâm Si Điệu cử và SH Tham)
2. Tập đế làSở hữu Tham

Tất cả Pháp Nhân Sanh Tửlà Tâm thiện hiệp thế, 11 thứ tâm Bất thiện ngoài Điệu cử, 52 SHH trừ Si hiệp Điệu cử

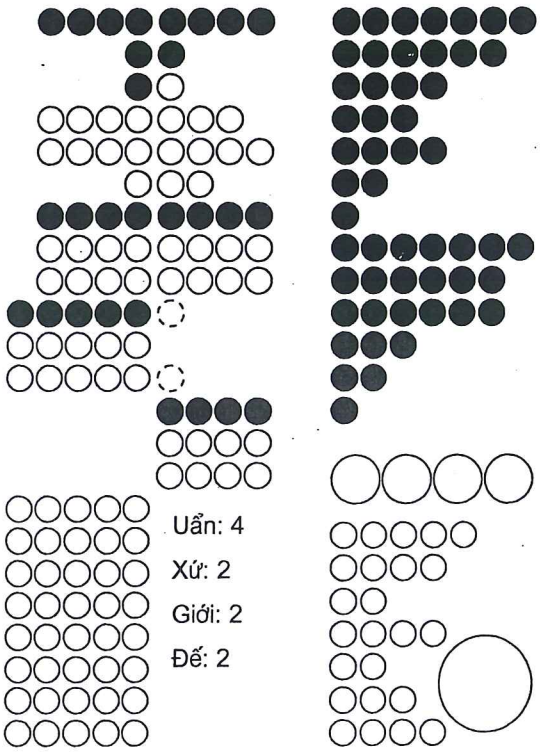

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bànlà Tâm Đạo và 36 SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Đạo
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm Đạo

3. Hành uẩn là34 SHH (trừ Thọ và Tưởng) hợp với Tâm Đạo
4. Thức uẩn làTâm Đạo

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứ làTâm Đạo
2. Pháp xứ là36 SH hợp vớiTâm Đạo

– Giới đặng 2 giới:

1. Ý Thứ Giới làTâm Đạo
2. Pháp giới là36 SH hợp vớiTâm Đạo
3. Đế đặng 1 đế: Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế Ngoại đế là Tâm Đạo và 28 SHH (trừ Bát chi đạo đế)

Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bànlà Tâm Đạo và 36 SHH

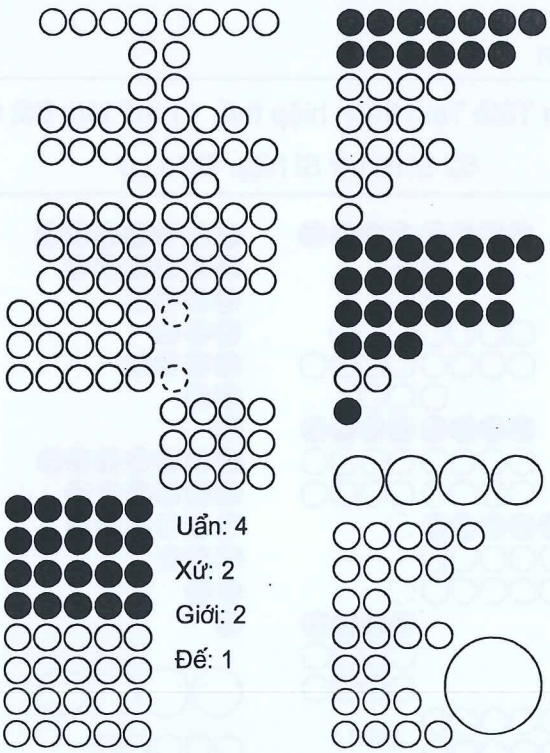

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bàn tức là tâm Vô ký, tâm Si Điệu cử, 42 SHH, Sắc pháp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Vô ký và tâm Si Điệu cử
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp vớitâm Vô ký và tâm Si Điệu cử
4. Hành uẩn là40SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Vô ký và tâm Si Điệu cử
5. Thức uẩn làtâm Vô ký và tâm Si Điệu cử

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứ làTâm Vô ký và tâm Si Điệu cử
12. Pháp xứ là 16 sắc tế, 42 SH hợp với tâm vô ký, tâm si điệu cử và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới làđôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
14. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ Song Thức

16. Ý giớilà2 thứ Tâm Tiếp thâu và Khai ý môn
17. Ý Thức giới là59 thứ Tâm Vô ký và tâm Si Điệu cử(trừ Ngũ song thức và Ý giới3)
18. Pháp giới là 16 sắc tế, 42 SH hợp với tâm vô ký, tâm si điệu cử và Níp Bàn

– Đế đặng 2 đế:

1. Khổ đế làTâm Vô ký hiệp thế, Si Điệu cử, 39 SHH và Sắc pháp

2. Diệt đế làNíp Bàn

Ngoại đế là Tâm Quả siêu Thế và SHH

Tất cả Pháp Phi Nhân Sanh Tử và Phi Nhân đến Níp Bànlà tâm Vô ký, tâm Si Điệu cử, 42 SHH, Sắc pháp và Níp Bàn

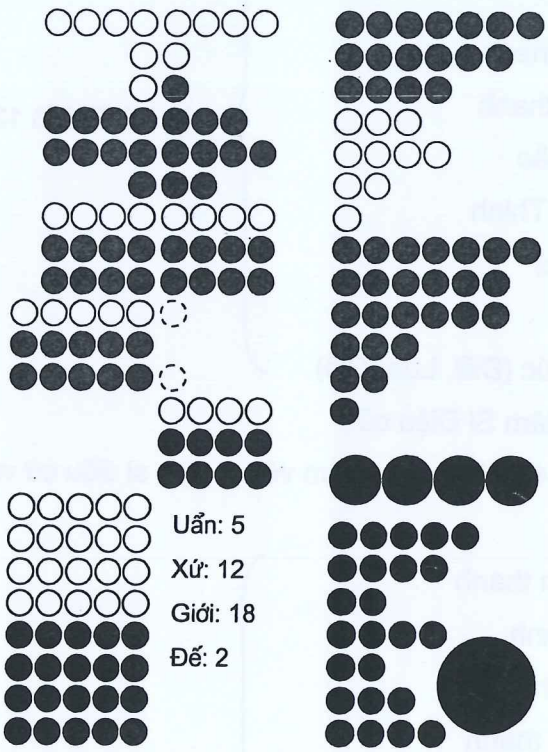

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Nhân Sinh Tử:

Ācāyagāminodhammā - Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử.

Tất cả Pháp Nhân Sanh Tử theo thuật ngữ Pāḷi *"Ācaya"* có nghĩa là tích tập hay tích trữ nhưng ở đây phải được hiểu là duyên nhân dẫn đến tái tục trong 3 cõi dục, sắc và vô sắc. Sự luân hồi (phiền não, nghiệp, quả) cũng từ những pháp nhân như là 11 thứ tâm Bất thiện (trừ si điệu cử), 8 thứ tâm đại thiện, 5 thứ tâm thiện sắc giới và 4 thứ tâm thiện vô sắc giới cùng với SHH là nhân tạo để lại quả tái tục và sắc nghiệp tái tục.

Có Pāḷi chú giải như vầy: *"Kamma kilesehi aciyatīti = Acāyo"*: nghiệp mà do phiền não cấu tạo nhân khổ luân hồi, gọi là nhân quến tụ.

Hay là *"Ācayaṃ kamentīti = Ācayagāmino"*: pháp nào làm cho chúng sanh phải tái tục và tử, pháp ấy gọi là nhân sanh tử.

Khi chúng ta nhận diện những nhân tố tạo điều kiện cho sanh tử luân hồi thì có cả thảy 4 đường hướng để trợ:

- 11 thứ tâm Bất thiện là nhân trợ cho đến khổ cảnh: địa ngục, ngạ quỷ, bàng sanh, atula.

- 8 thứ tâm đại thiện là nhân giúp sanh đặng đường đi đến: nhân loại, tứ thiên vương, đạo lợi, dạ ma, đâu suất, hóa lạc, tha hóa tự tại.
- 5 thứ tâm thiện sắc giới là phần nền tảng trợ giúp sanh về: phạm chúng thiên, phạm phụ thiên, đại phạm thiên, thiểu quang thiên, vô lượng quang thiên, biến quang thiên, thiểu tịnh thiên, vô lượng tịnh thiên, biến tịnh thiên, quảng quả thiên, vô tưởng thiên, vô phiền thiên, vô nhiệt thiên, thiện kiến thiên, thiện hiện thiên, sắc cứu cánh thiên.
- 4 thứ tâm vô sắc giới là dẫn dắt trợ giúp sanh về: không vô biên xứ thiên, thức vô biên xứ thiên, vô sở hữu xứ thiên, phi tưởng phi phi tưởng xứ thiên.

Như vậy:pháp làm cho chúng sanh quến tụ do nghiệp phiền não và đi đến chỗ luân hồi, sanh tử pháp ấy gọi là nhân luân hồi hay nhân sanh tử.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Nhân Sinh Tử:

Apacayagāminodhammā - Tất cả Pháp Nhân đến Níp Bàn.

Nghĩa là pháp làm duyên đưa đến trạng thái thoát ly – vượt thoát sanh tử tức chỉ ngay là Níp Bàn. Có Pāḷi chú giải như vầy:*"Apacayagāmino dhammā"* những pháp thành đạo giúp cho quả sanh và đặng tới Níp Bàn pháp ấy gọi là nhân đến Níp Bàn.

Những pháp này(Tâm Đạo, SHH) khẳng định chắc chắn đạt đến chỗ giải thoát dứt sanh tử. Có Pāḷi chú giải như vầy *"Apetaṃ cayāti = Apacayo":* vượt khỏi sanh tử gọi là dứt hết.

Từ *"Ācaya"*: nghĩa là tích trữ, quến tụ, tồn tại do nghiệp, thì trái ngược lại "*apacaya*" được dịch là trạng thái Níp Bàn bởi có Pāḷi chú giải như vầy *"Apacayaṃ gacchantīti = Apacayagāmino"*: Pháp đến Níp Bàn lìa khỏi sanh tử - Níp Bàn,pháp ấy gọi là nhân đưa đến Níp Bàn.

20 tâm đạo nếu nói trên khía cạnh 16 tuệ quán thì là đạo tuệ nghĩa là trí vượt thoát tích trữ và tích trữ thấy rõ cảnh Níp Bàn và đang đoạn tận các phiền não lậu hoặc cho nên gọi là nhân đến Níp Bàn là vậy.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Nhân Sinh Tử:

Nevā cayagāmino nappacāyagāminodhammā - Tất cả Pháp Phi nhân sanh tử và Phi nhân đến Níp Bàn.

Nghĩa là những pháp không phải làm phần trợ đưa đến luân hồi sanh tử và cũng chẳng phải làm nhân đạt đến yểm ly sanh tử, tức là chỉ bày cho tâm si điệu cử, 52 thứ tâm quả, 20 thứ tâm tố cùng với SHH và Sắc Pháp, Níp Bàn. Có Pāḷi chú giải như vầy *"Nevā cayagāmino nappacayagāmino dhammā"*: những pháp không làm nhân sanh tử và cũng chẳng phải làm nhân đưa đến Níp Bàn thì pháp ấy gọi là pháp phi nhân sanh tử và phi nhân đến Níp Bàn.

- Ở đây, chúng ta thấytâm Si Điệu cửkhông làm nhân sanh tử vì trạng thái pháp này có sự tán loạn, lao chao làm ảnh hưởng, tác động đến sự trụ vững trong lúc tạo nghiệp ví

như hạt giống mà bị bóc lên để xuống liên tục thì không có cơ hội để nảy mầm nên Điệu cửtức tâm Si Điệu cửkhông đủ tác động để trợ cho nhân sanh tử. Hay nói cách khác, những pháp đi chung với điệu cử bị tác động phải yếu ớt.

- 52 Tâm Quảvì là những loại tâm thành tựu tức có kết quả rồi thì làm sao làm nhân đặng.
- Còn 20 thứ Tâm Tốvì có trạng thái làm chỉ là làm, chẳng khác chi cái trớn chạy, tỷ như bông vụ xoay theo sức đánh nên không là nhân, hay duyên trợ sanh tử hoặc NípBàn.
- Còn Sắc Pháp là vật vô tri giác nên không có trường hợp trợ sanh tử hoặc là nhân đến Níp Bàn, mà ngược lại phần Sắc Pháp bị tác động bởi nghiệp, tâm, quí tiết, vật thựcmới có ra.
- Níp Bàn cũng là pháp bị tâm siêu thế biết thì không thể được xem là nhân trợ cho sanh tử hoặc làm nhân đến Níp Bàn vì chỉ là pháp bị biết.

TAM ĐỀ THỨ 11: TAM ĐỀ HỮU HỌC

(SEKKHATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Sekkhā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Học.*
- *Câu 2:Asekkhādhammā - Tất cả Pháp Vô Học.*
- *Câu 3:Neva sekkhā nāsekkhā dhammā - Tất cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Tam đề *(Tikā),* ở câu 677 Phật Ngài có dạy Pháp Siêu Lý về: Tất cả Pháp Hữu Học, Tất Cả Pháp Vô Học, Tất Cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học, như sau:

* *Chư Pháp Hữu Học trong khi có ra sao?*

4 Đạo và 3 Quả Siêu Thế tầm thường. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Học (Sekkhā dhammā).

* *Chư Pháp Vô Học trong khi có ra sao?*

Vô Học Quả cao tột tức là Quả A La Hán. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Vô Học (Asekkhā dhammā).

* *Chư Pháp Phi Hữu Học và Phi Vô Học trong khi có ra sao?*

Trừ ra Pháp Hữu Học, Pháp Vô Học, còn Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký ngoài ra trong Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn, luôn tất cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Hữu Học và Phi Vô Học.

II. THÍCH TỪ

- Hữu:có, lấy được, đầy đủ
- Học:bắt chước, chịu nghe người ta dạy bảo mà bắt chước làm. Theo như Phật giáo thì chia ra làm 2:

1. Hữu học:là hạng còn phải học mới biết. Ở đây "hữu học" là ám chỉ cho 3 bậc thánh - thất lai, nhất lai và bất lai, tức là các vị này còn phải tu tập, còn phải tu tiến để trừ các phiền não còn lại.
2. Vô học:là hạng không cần phải học cũng biết. Đây phải hiểu là nói về bậc thánh vô sanh, các Ngài đã qua giai đoạn tu tập, đã tận diệt hết lậu hoặc không còn dư sót phiền não nên gọi là vô học.

- Phi hữu học phi vô học:là những phàm phu vô phần không có đủ căn duyên để chứng đắc đạo quả sơ, nhị, tam và tứ quả. Gồm người khổ, người lạc vô nhân, người nhị nhân và phàm tam nhân vô phần.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Hữu Học *(Sekkhatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là các Pháp Hữu Học, các Pháp Vô Học và các Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học.

1. Tất cả Pháp Hữu Học*(Sekkhā dhammā):* là những bậc còn đang học hành để tiến hóa lên bậc Thánh cao tột. Hay là những bậc đang xúc tiến tuệ quán để đẩy nhanh tiến trình chứng đắc đạo quả vô sanh. Có Pāḷi chú giải: *"Tīsusikkhāsu jatāsi = Sekkhā"*. Nói cách khác, bậc còn đang học hành theo tam học, bậc ấy gọi là hữu học.
2. Tất cả Pháp Vô Học*(Asekkhā dhammā):* là những pháp của bậc thánh cao tột tức là Tứ quả. Hay nói cách khác, những người chẳng phải bậc hữu học vì không còn pháp sẽ tiến hành nữa, bậc ấy gọi là vô học nêncó Pāḷi chú giải như vầy: *"Uparisikkhitabbā bhāvato na sekkhāti = Asekkhā".*
3. Tất cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học*(Neva sekkhā nāsekkhā dhammā):* đây là những hạng người không có dự phần vào sự chứng đắc, dù là quả hữu học. Với dạng người này là chỉ gieo căn lành để trợ duyên cho vị lai (khi đầy đủ pháp độ, pháp quán) thì có dịp chứng quả hữu học, vô học,còn đời sống hiện tại thì không thể đắc chứng quả hữu học - quả vô học.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Họclà 35 Tâm Hữu học và 36 SHH. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Hữu Học
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm Hữu Học
3. Hành uẩn là34 Sở hữu hợp với Tâm Hữu Học (trừ Thọ và Tưởng)
4. Thức uẩn làTâm Hữu Học

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứ làTâm Hữu Học
2. Pháp xứ là36 Sở hữu hợp với Tâm Hữu Học

– Giới đặng 2 giới:

1. Ý thức giới làTâm Hữu Học
2. Pháp giới là36 Sở hữu hợp với Tâm Hữu học
3. Đế đặng 1 đế: Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế Ngoại đế là tâm Thiền Hữu học và 28 SHH (trừ đạo đế)

Tất cả Pháp Hữu Họclà 7 hoặc 35 Tâm Hữu học và 36 SHH

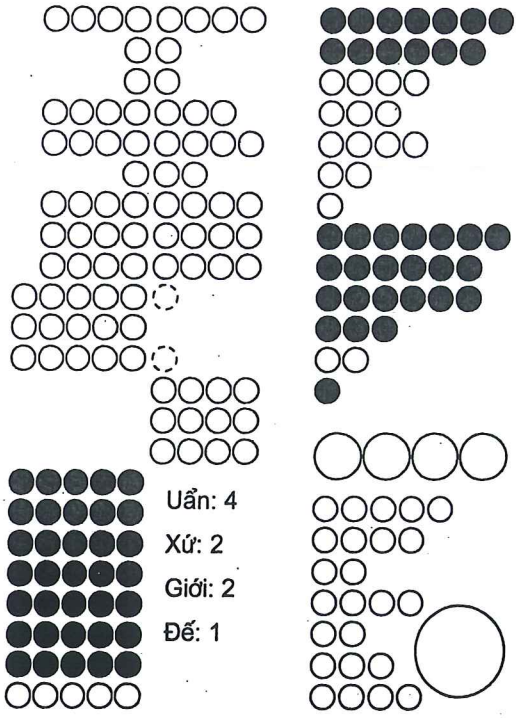

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vô Học là Tâm Tứ Quả và 36 SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Tứ Quả
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm Tứ Quả
3. Hành uẩn là34 SHH Tâm Tứ Quả (trừ Thọ và Tưởng)
4. Thức uẩn làTâm Tứ Quả

– Xứ đặng 2 xứ:

1. Ý xứ làtâm Tứ Quả
2. Pháp xứ là36 SH hợp với Tâm Tứ Quả

– Giới đặng 2 giới:

1. Ý thức giới làTâm Tứ Quả
2. Pháp giới là36 SH hợp vớiTứ Quả

Ngoại đế là Tâm Tứ Quả, SHH

Tất cả Pháp Vô Học là tâm tứ quả và 36 SHH

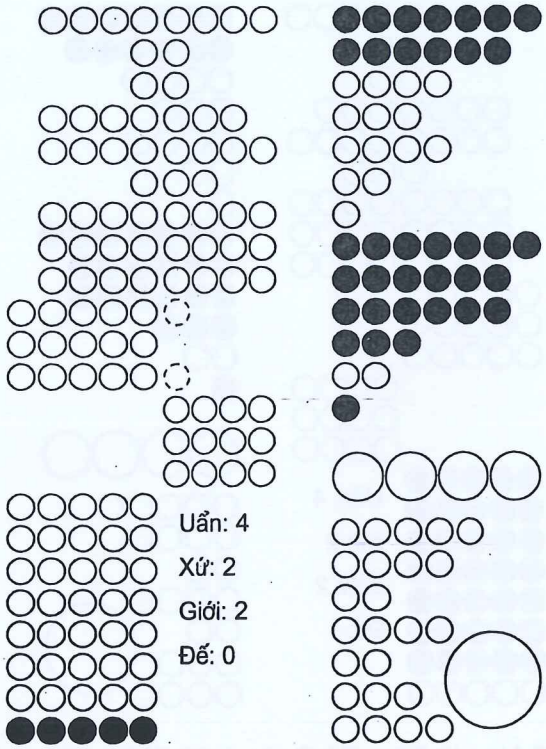

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học là Tâm hiệp thế, 52 SHH, Sắc pháp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm hiệp thế
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm hiệp thế
4. Hành uẩn là50SHHvới Tâm hiệp thế (trừ Thọ và Tưởng)
5. Thức uẩn làTâm hiệp thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11.Ý xứlà Tâm hiệp thế

12.Pháp xứ là 16 sắc tế, 52 SH hợp với tâm Hiệp thế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giới làđôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức

14.Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giớilà đôi Thần thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16.Ý giớilà2 thứ Tâm Tiếp thâu và Khai ý môn

17.Ý Thức giới là68 thứ tâm Hiệp thế(trừ Ngũ song thức và 3 Ý giới)

18.Pháp giới là 16 sắc tế, 52 SH hợp với tâm hiệp thế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 đế:

1. Khổ đế là Tâm hiệp thế,51SHH và Sắc pháp (trừ Tham)
2. Tập đế là Sở hữu Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn

Tất cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học là Tâm hiệp thế, 52 SHH, Sắc pháp và Níp Bàn

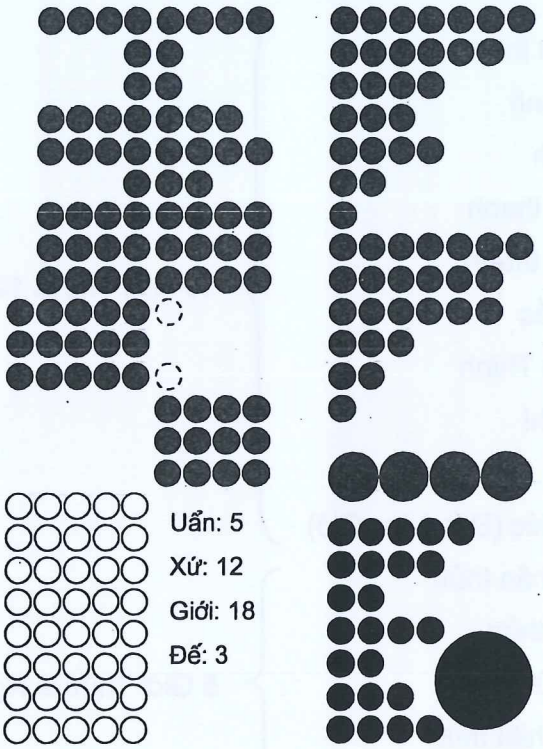

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Hữu Học:*Sekkhā dhammā* - Tất cả Pháp Hữu Học.

Là nói về các trạng thái của những thứ tâm đó là7 hoặc 35 thứ tâm hữu học, 36 SHHtức chỉ bày 4 thánh đạo và 3 thánh quả sơ, nhị, tam vì các bậc này còn phải chuyển tộc, dũ tịnh cho hành trình giải thoát. Hay là những pháp mà các vị thánh cần phải tu tiến, nâng cao trong giới, định, tuệ để tăng trưởng tiến hóa đến quả vị cao.

Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *"Apariyasita sikkhattā sayamevā sikkhantīti pi = sekkhā"*: những người tu tiến sắp tiến lên bậc thánh cao vì chưa hết phận sự, nên gọi là hữu học.
- Hay là *"Sattannaṃ sekkhānaṃ eteti pi = sekkhā"*: những pháp của 7 bậc thánh chưa tột gọi là hữu học.

Hay nói cách khác, trong các điều phiền toái và phiền não12 thứ tâm Bất thiện, sở hữu hợp + Tham, Sân, Si, Ngã mạn, Tà kiến, Hoài nghi, Hôn thùy, Điệu cử, Vô tàm, Vô Úycùng với các pháp khác như tật, lận, hốithì bậc hữu học sẽ lần lượt tận diệt các phiền não thứ tự như sau:

- Sơ quả (thánh thất lai): diệt trừ tà kiến, hoài nghi
- Nhị quả (thánh nhất lai): giảm nhẹ tham (dục giới) và sân, tật, lận, hối
- Tam quả (thánh bất lai): đoạn tận hẳn tham (dục giới) và sân, tật, lận, hối

Như vậy:còn các pháp Bất thiện và phiền não khác thì các Ngài chưa đoạn tận, nên các Ngài phải tu tiến tam học, tuệ quán để đoạn tận các phiền não và phiền toái còn lại.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Hữu Học:*Asekkhādhammā* - Tất cả Pháp Vô Học.

Là pháp mà bậc thánh thứ tư tức tứ quả (vô sanh quả) đã rốt ráo đoạn trừ các phiền não còn lại, nhưTham (sắc giới và vô sắc) Si, Ngã mạn, Hôn thùy, Điệu cử, Vô tàm, Vô Úy thành quả vô thượng không còn phải tiến triển gì nữa tức là tâm tứ quả, pháp này chỉ sanh cho vị Alahán quả mà thôi chứ chẳng sanh cho bậc thánh hữu học và phàm tam nhân hữu phần.Tứ quả là quả vị cao tột, là pháp của bậc thánh hoàn toàn dứt ái diệt tiệt chủng tử tái tục của các đời. Vì vậy, pháp vô học đây là chỉ bày cho trạng thái vượt thoát thời gian không còn bận bịu tu tiến, không còn vướng bận tam học vì hoàn toàn vắng lặng, bất động, vô ấn chứng.Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *"Vudjhipputtā vā sekkhāti pi = Asekkhā"*: bậc đã tu tiến tam học tột rồi, người ấy gọi là vô học.
- *"Samantato khaṇḍitattā appamattākaṃ parittanai vuccati parittaṃ gomayapiṇḍantinādī-suviya"*: gọi vô học tức là pháp của bậc quả ứng cúng (Alahán quả)

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Hữu Học:

Neva sekkhā nāsekkhā dhammā –Tất cả Pháp Phi Hữu Học Phi Vô Học.

Đây là những pháp chẳng phải hữu học cũng chẳng phải là vô học tức là những pháp ngoài ra đạo quả, chỉ bày cho 81 thứ tâm hiệp thế, 52 SH hợp với tâm hiệp thế, Sắc Pháp và Níp Bànvì các pháp này không cần phải tu tập tiến hành để đoạn tận hoặc tột đoạn tận.

Pháp phi hữu học phi vô học được sử dụng với trạng thái câu sanh, một khi đạt đến thành tựu quả vị tứ quả thì những pháp ấy cũng diệt mất, đây là nói về trạng thái Níp Bàn vô dư.

TAM ĐỀ THỨ 12: TAM ĐỀ HY THIỂU

(PARITTATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Parittā dhammā - Tất cả Pháp Hy Thiểu.*
- *Câu 2: Mahaggatā dhammā - Tất cả Pháp Đáo Đại.*
- *Câu 3: Appamānā dhammā - Tất cả các Pháp Vô Thượng.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề *(Tika)* ở câu: 889, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp hy thiểu, đáo đại, vô thượng *(Parittā, Mahaggatā, Appamānā)* gọi là Tam Đề Hy Thiểu như sau:

* *Chư pháp Hy Thiểu trong khi có ra sao?*

Tâm Bất thiện, Thiện, Dị Thục Quả, Vô ký Tố trong cõi Dục giới và Sắc Pháp, những chơn tướng này gọi là chư pháp hy thiểu.

* *Chư pháp Đáo Đại trong khi có ra sao?*

Pháp Thiện, pháp Vô ký trong Sắc giới và Vô Sắc giới, những chơn tướng này gọi là chư pháp đáo đại.

* *Chư pháp Vô Thượng trong khi có ra sao?*

Bốn Đạo, Bốn Quả Siêu thế và Níp Bàn, những chơn tướng này gọi là chư pháp vô thượng.

II. THÍCH TỪ

- Hy: ít, sơ sài, mỏng mảnh.
- Thiểu: ít, chiếm số ít.
- Hy thiểu: ở đây là nói trạng thái ít, hay pháp có ít sức mạnh khi sanh khởi bị hạn chế.Hy thiểu(*Parittā*) là những pháp nhỏ mọn, tầm thường, có giới hạn hay khi phát sanh không có mãnh lực như tâm thiền.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam Đề Hy Thiểu (*Parittatika)* là lấy câu đầu đặt tên cho đề, nếu nói đủ thì còn 2 câu nữa. Tam đề này phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 khía cạnh là tất cả pháp hy thiểu, tất cả pháp đáo đại, tất cả các pháp vô thượng.

1. Tất cả Pháp Hy Thiểu *(Parittā dhammā):* những trạng thái nào khi sanh ra mà có tính chất nhỏ nhoi, ít ỏi thì pháp ấy gọi là hy thiểu như trường hợp tâm dục giới thì tiến trình của lộ trình tâm không quá 17 cái nên mỗi trạng thái khi sanh lên như sát na khai ngũ môn, tiếp thâu, thẩm tấn v.v... chỉ trong 3 sát na tiểu.

2. Tất cả Pháp Đáo Đại *(Mahaggatādhammā)*:là những trạng thái khi sanh rất đặng nhiều cái sát na vì lộ trình của pháp đáo đại sanh vô số sát na tâm và đồng thời định lâu trong cảnh rộng lớn.
3. Tất cả Pháp Vô Thượng *(Appamānā dhammā)*:nghĩa là trạng thái tâm đạt đến đỉnh điểm phần tỏ ngộ, đó là tâm siêu thế và các pháp câu sanh khác làm việc cao tột, nhận biết pháp hữu vi theo nghĩa lý là tuyệt dứt quả hiệp thế và sắc thủ.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1: Tất cả pháp Hy Thiểu tức là: Tâm dục giới (54) + 52 SHH + Sắc pháp.Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Dục giới
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Dục giới
4. Hành uẩn là50 SH (trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Dục giới
5. Thức uẩn là54 thứ tâm Dục giới

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà54 thứ tâm Dục giới
12. Pháp xứlà16 Sắc Tế, 52 sở hữu hợp với Tâm Dục giới

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giớilàSắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới làđôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giớilàđôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giớilàđôi Tỷ thức
14. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giớilà đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16. Ý giớilàtâm Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là41 thứ tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là 16 Sắc Tế, 52 sở hữu hợp với Tâm Dục giới

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là54 tâm Dục giới, 51SHH (trừ Tham) và Sắc Pháp
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả pháp Hy Thiểu là Tâm dục giới (54) + 52 SHH + Sắc Pháp

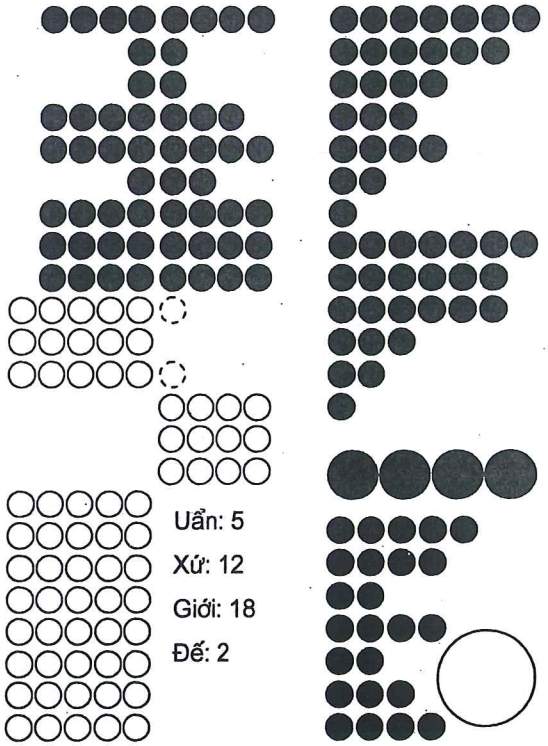

▶ Câu 2: Tất cả pháp Đáo Đại là 27 thứ tâm Đáo Đại + 35 SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Đáo Đại
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Đáo Đại
3. Hành uẩn là33SH (trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Đáo Đại
4. Thức uẩn là27 thứ tâm Đáo Đại

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà27 thứ tâm Đáo Đại
2. Pháp xứlà35 SH hợp với tâm Đáo Đại

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là27 thứ tâm Đáo Đại
2. Pháp giới là35 SH hợp với tâm Đáo Đại

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là 27 thứ tâm Đáo Đại và 35 SHH

Tất cả pháp Đáo Đại là 27 thứ tâm Đáo Đại + 35 SHH

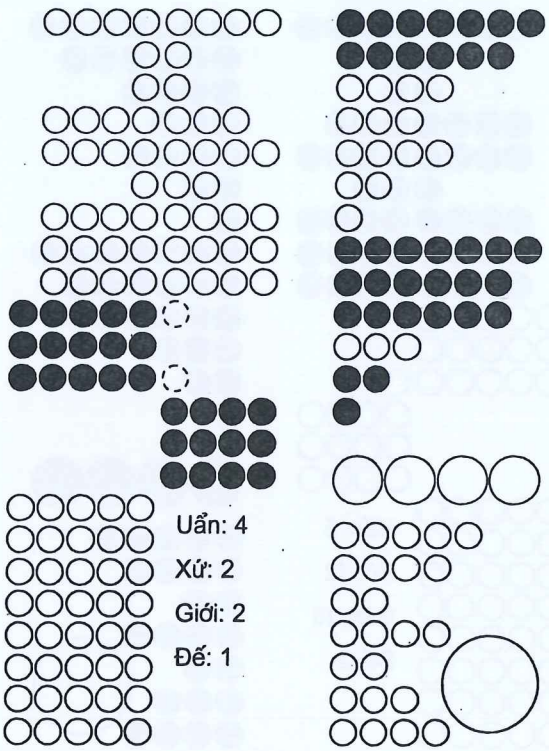

► Câu 3: Tất cả pháp Vô Thượng tức là pháp Siêu thế. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩn là34SH (trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩn làtâm Siêu thế

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlàtâm Siêu thế
2. Pháp xứlà36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới làtâm Siêu thế
2. Pháp giới là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1, Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

2. Diệt đế làNíp Bàn

Ngoại đế là tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoàiĐạo đế)

Tất cả pháp Vô Thượng là pháp Siêu thế

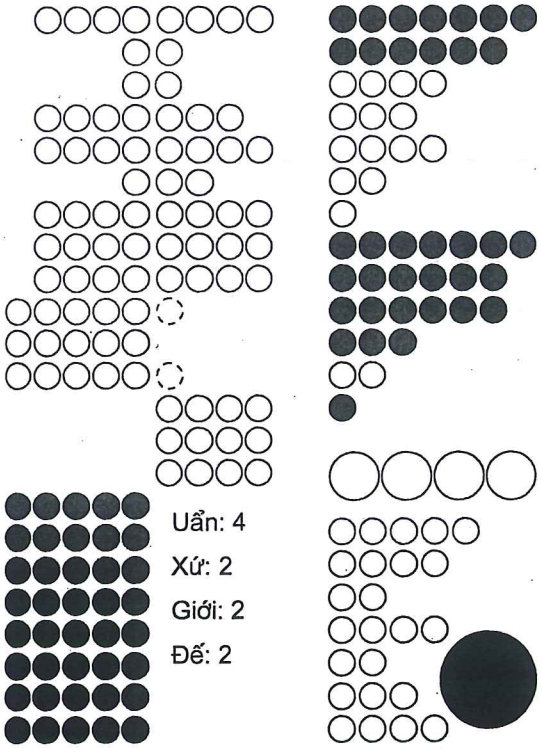

V. PHÂN GIẢI

Đây là phần đầu đề lấy hết pháp hữu vi chia theo 3 khía cạnh:

- Tất cả pháp Hy Thiểu *(Parittā dhammā)*
- Tất cả pháp Đáo Đại *(Mahaggatādhammā)*
- Tất cả pháp Vô Thượng *(Appamānā dhammā)*

Vì lấy câu đầu đặt tên cho đề nên gọi tam đề này là tam đề chiết (tam đế chiết vô dư).Tìm hiểu lần lượt 3 câu trong tam đề này như sau:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Hy Thiểu:*Parittā dhammā*- Tất cả Pháp Hy Thiểu.

Pháp biết gọi là Năng Tri.Pháp bị biết ở đây là Sở Tri.

Pháp (tâm + SH) biết được pháp Hy Thiểu gọi là pháp biết Hy Thiểu tức là những trạng thái biết nhỏ nhoi, ít oi, đây chỉ cho trạng thái biết không quá 17 cái sát na tâm. Hoặc nói cách khác, những pháp nào giới hạn trong sự nhỏ mọn, tầm thường mà bị tâm biết thì những pháp ấy gọi là biết cảnh Hy Thiểu, hay pháp Hy Thiểu bị biết, vì những pháp ấy sanh ra thay thế cho giống nhau không đặng nhiều tức là tâm ấy biết 1 cảnh không quá 17 cái sát na tâm, lại nữa, những cái tâm ấy sanh ra không có mãnh lực – năng lực nhiều như tâm thiền... nên gọi là pháp Hy Thiểu.

Về mặt chi pháp là: 54 thứ tâm Dục giới, SHH, Sắc pháp.Bởi những chi pháp này với sức mạnh rất ít, bị hạn chế mãnh lực khi sanh khởi. Dù tâm Đại thiện, tâm Bất thiện cho đến tâm Tố Dục giới biết pháp Hy Thiểu cũng không ngoài niêm luật ấy.

Cho nên, những trạng thái nào có giới hạn biết bằng cách nhỏ mọn tầm thường, thì pháp ấy sanh ra thay thế cho giống nhau không đặng nhiều. Tức là những cái tâm ấy sanh ra, không có đủ năng lực về lượng (số cái sát na tâm) như những tâm thiền hiệp thế và thiền siêu thế, những pháp ấy gọi là pháp Hy Thiểu.

Như vậy:các pháp Hy Thiểu là những trạng thái ít có sức mạnh, khi sanh khởi bị hạn chế, không có tác dụng nhiều khi tâm đặng biết.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Hy Thiểu:*Mahaggatādhammā* - Tất cả Pháp Đáo Đại.

Pháp Đáo Đại là những pháp đạt đến cảnh giới rộng lớn, bền chặt, kiên cố, có mãnh lực lớn lao. Hay nói cách khác, pháp Đáo Đại là những trạng thái đủ sức đè nén phiền não, chế ngự phiền toái, định trụ liên tục trên 1 cảnh bền lâu, tức là có thể sanh liên tục, nối liên tiếp vô số sát na tâm thiền cùng 1 thứ tâm trên 1 đề mục và đạt đến quá kiên cố dựa trên 4 nền tảng chánh: Dục Trưởng, Cần Trưởng, Tâm Trưởng, và Thẩm Trưởng. Những pháp như thế gọi là pháp Đáo Đại, cho nên những trạng thái nào làm cho phiền não lắng yên, đủ sức đè nén phiền não, an tịnh liên tục trên 1 cảnh bền lâu, sanh liên tục vô số cái sát na tâm cùng 1 thứ tâm trên 1 đề mục và đạt đến sự trụ yên vững mạnh thì pháp ấy gọi là pháp Đáo Đại.

Như vậy:pháp nào có tính chất đặc biệt đủ sức nhận ra phiền não và chế ngự phiền não đó, đạt quả to tát đặng lâu dài, hay là pháp nào đối với người đặc biệt có Dục Trưởng Hành, Cần Trưởng Hành, Tâm Trưởng Hành, và Thẩm Trưởng Hành, trụ yên, đè nén, hành vi hiện bày lớn lao, do nhân ấy gọi là pháp Đáo Đại.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Hy Thiểu:*Appamānā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Thượng.

Đây là những trạng thái thanh tịnh, đạt được sự tinh khiết tuyệt đối, hay là pháp không có giới hạn như pháp Hiệp Thế. Pháp Vô Thượng là pháp đối nghịch với pháp Hữu Thượng do pháp Hữu Thượng còn hợp với Ái mà pháp Vô Thượng thì tương phản với Ái. Cho nên những pháp nào không bị Ái bắt làm cảnh, không bị chi phối bởi các lậu hoặc, đây chỉ cho 40 tâm Siêu thế, 36 SHH và Níp Bàn nên gọi là pháp Vô Thượng.

Như vậy, những trạng thái thanh tịnh đoạn lìa ái dục... đạt đến tuyệt đối thanh tịnh và không bị pháp phiền toái phiền não bắt làm cảnh, khi ấy gọi là Vô Thượng.

BÀI 5: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU - TAM ĐỀ TI HẠ - TAM ĐỀ TÀ

TAM ĐỀ THỨ 13: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU

(PARITTĀRAMMAṆATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Parittārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết cảnh Hy Thiểu.*
- *Câu 2: Mahaggatārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết cảnh Đáo Đại.*
- *Câu 3: Appamānārammaṇādhammā - Tất cả pháp biết cảnh Vô Thượng.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề *(Tika)* ở câu: 890, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp biết cảnh Hy Thiểu,pháp biết cảnh Đáo Đại, pháp biết cảnh Vô Thượng như sau:

* ***Chư pháp biết cảnh Hy Thiểu trong khi có ra sao?***

Tất cả tâm dị thục quả Dục giới, tâm Tố Ý giới, tâm Tố Vô nhân và Ý thức giới câu sanh với Hỷ Thọ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Hy Thiểu.

* ***Chư pháp biết cảnh Đáo Đại trong khi có ra sao?***

Tâm Thức vô biên xứ và Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Đáo Đại.

* ***Chư pháp biết cảnh Vô Thượng trong khi có ra sao?***

Bốn Đạo, bốn Quả Siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Vô Thượng.

Bốn Tâm Thiện Dục giới Bất Tương Ưng Trí, 4 Tâm Tố Dục giới Bất Tương Ưng Trí, tất cả tâm Bất thiện, những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Hy Thiểu cũng có, biết cảnh Đáo Đại cũng có mà không biết cảnh Vô Thượng nên không thể nói biết cảnh Hy Thiểu hay biết cảnh Đáo Đại. 4 tâm Thiện Dục giới Tương Ưng Trí, 4 Tâm Tố Dục giới Tương Ưng Trí, Tứ Thiền Sắc giới, Thiện và Tố, Tâm Tố Vô nhân, Ý thức giới câu sanh Xả Thọ, những chơn tướng này gọi là biết cảnh Hy Thiểu cũng có, biết cảnh Đáo Đại cũng có, biết cảnh Vô Thượng cũng có, mà không thể nói biết cảnh Hy Thiểu, biết cảnh Đáo Đại, biết cảnh Vô Thượng.

Thiền Sắc giới 3 hoặc 4 bậc = thiện, Dị Thục Quả, Tố, Tứ Thiền Dị Thục Quả, Tâm Không vô biên Xứ và Vô Sở hữu Xứ, những chơn tướng này không thể nói biết cảnh Hy Thiểu, biết cảnh Đáo Đại, hay biết cảnh Vô Thượng.

Sắc Pháp và Níp Bàn đều là không biết cảnh.

II. THÍCH TỪ

- Cảnh: nói theo thường thức, cái gì hình sắc phân phối có vẻ đẹp thú đều gọi là cảnh. Nói theo Siêu Lý, cảnh là đối tượng, đề mục, các màu, các tiếng…
- Hy: là ít, hiếm, hiếm có, ít oi…
- Thiểu: là ít, tạm chút, tí nữa.
- Đáo: đến nơi, khắp đủ (như chu đáo).
- Đại: lớn, nhiều, rộng, đa.
- Vô: không, không có.
- Thượng: cao tột, vượt thoát khỏi pháp thấp.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Cảnh Hy Thiểu *(Parittārammaṇatika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là Tất cả các Pháp Biết Cảnh Hy Thiểu, Tất cả các Pháp Biết Cảnh Đáo Đạivà Tất cả các Pháp Biết Cảnh Vô Thượng.

1. Tất cả Pháp Biết Cảnh Hy Thiểu*(Parittārammaṇā dhammā):* là những trạng thái biết đặng pháp Thiểu hay pháp biết đặng cảnh quá ít oi, tầm thường.
   - Có chú giải như vầy*"Parittaṃ ārammanaṃ etesanti = parittā rammaṇā"*:là những pháp nào biết đặng pháp Thiểu, gọi là pháp biết đặng cảnh Thiểu.
   - Đối tượng bị pháp biết thì gọi là sở tri thì trong lúc trạng thái tâm biết (năng tri) biết không đặng nhiều, có phần hạn chế, không dài lâu trong một dòng tâm thức mà thôi nên những pháp biết như vậy gọi là biết cảnh Hy Thiểu.
2. Tất cả Pháp Biết Cảnh Đáo Đại*(Mahaggatārammaṇā dhammā)*: là pháp có cảnh Đáo Đại gọi là pháp biết cảnh Đáo Đại, tức là biết cảnh lớn lao với tính chất kiên cố. Có chú giải như vầy "Mahaggataṃārammanaṃetesanti = Mahaggatārammaṇā": biết Đáo Đại đặng gọi là pháp biết cảnh Đáo Đại, tức là nhận đối tượng bằng cách rộng lớn, bền chặt như thiền, thông…
3. Tất cả Pháp Biết Cảnh Vô Thượng*(Appamānārammaṇā dhammā)*: Có Pāḷi như vầy *"Appamānārammaṇādhammā"*những pháp biết cảnh Vô Thượng và những trạng thái đại đến đỉnh cao với sự thanh tịnh mà phần biết là Thiền siêu thế và Níp Bàn. Có chú giải như vầy: *"Appamāṇaṃārammaṇaṃetesanti = Appamānārammaṇā"*: biết đặng pháp Vô Thượng gọi là biết cảnh Vô Thượng.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1: Tất cả pháp biết cảnh Hy Thiểu là: 54 tâm Dục giới, 2 tâm Thông, 50 SHH (trừ Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
3. Hành uẩn là 48 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
4. Thức uẩn là 54 tâm Dục giới và 2 tâm Thông

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà 54 tâm Dục giới và 2 tâm Thông
2. Pháp xứlà50 SHH (trừ Vô Lượng Phần) với Tâm Dục giới và Tâm Thông

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỉ thức giới làđôi Tỷ thức
4. Thiệt thức giới làđôi Thiệt thức
5. Thân thức giới làđôi Thân thức
6. Ý giớilàđôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là41 tâm Dục giới và 2 tâm Thông (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
8. Pháp giới là50 SHH (trừ Vô Lượng Phần) với Tâm Dục giới và Tâm Thông

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làtâm Dục giới, 2 tâm Thông, 49 SHH (trừ Tham và Vô Lượng Phần)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả pháp biết cảnh Hy Thiểu là 54 tâm dục giới, 2 tâm thông, 50 SHH (trừ vô lượng phần)

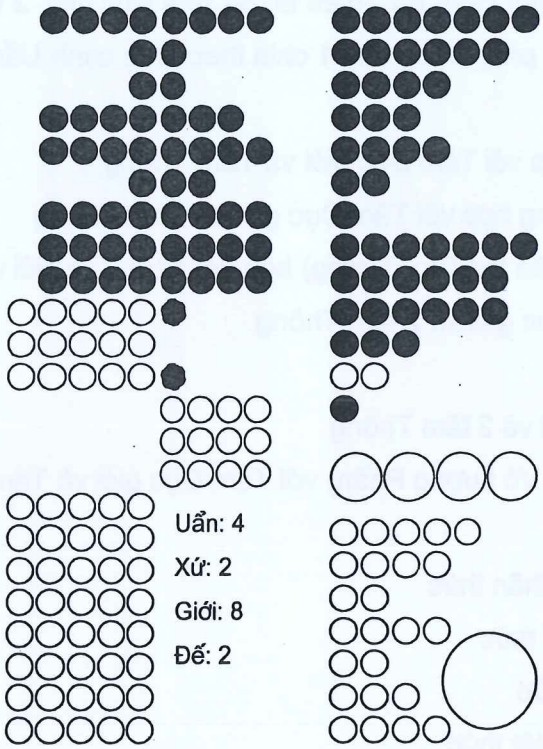

▶ Câu 2: Tất cả pháp biết cảnh Đáo Đại là 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, Đại thiện (8), Đại Tố (8), Khai ý môn, Bất thiện (12), 47 SHH (trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với 2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn
3. Hành uẩn là 45 SHH hợp với 2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn
4. Thức uẩn là 2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn
2. Pháp xứlà47 SHH (đã trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới làtâm Thông (2), tâm Thức vô biên (3), tâm Phi tưởng phi phi tưởng (3), Đại thiện (8), Đại tố (8), Khai ý, Bất thiện (12)
2. Pháp giới là47 SHH (trừ ngăn trừ phần và vô lượng phần) hợp với 2 tâm Thông, 3 tâm thức vô biên, 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế là2 Tâm Thông, 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 28 thứ tâm Đổng lực Dục giới Hữu nhân, Khai ý môn, 46 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả pháp biết cảnh Đáo Đại là 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, Đại thiện (8), Đại Tố (8), Khai ý môn, Bất thiện (12) và 47 SHH (trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)

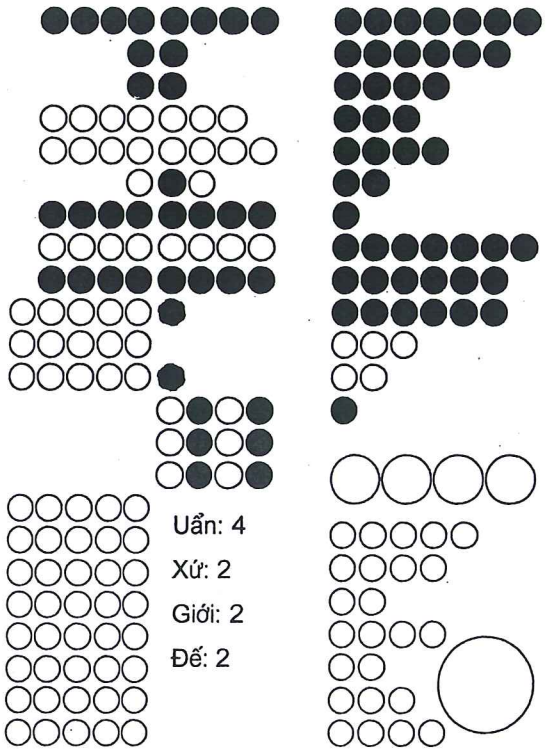

▶ Câu 3: Tất cả pháp biết cảnh Vô Thượng là Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4), và 36 SHH (trừ Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương

Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)

3. Hành uẩn là 34 SHH (trừ Thọ và Tưởng) với Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)
4. Thức uẩn là Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)
2. Pháp xứlà 36 SH hợp với Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giới làTâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)
2. Pháp giới là36 SH hợp với Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4)

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế làkhai ý môn, đổng lực dục giới tịnh hảo tương ưng (8), Thông (2) + 36 SHH
2. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Siêu thế, 28 SHH (ngoài Đạo Đế)

Tất cả pháp biết cảnh Vô Thượng là Tâm Siêu thế, Thông (2), Khai ý môn, Đại thiện Tương Ưng Trí (4), Đại Tố Tương Ưng Trí (4), và 36 SHH (trừ Vô Lượng Phần)

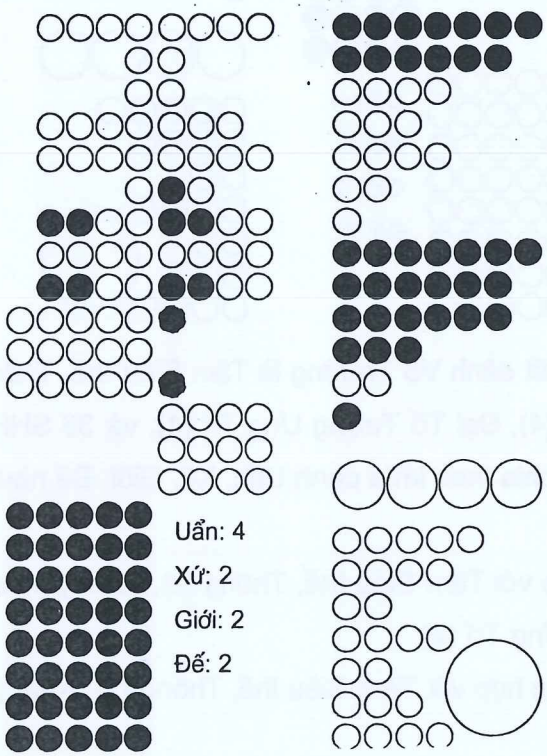

V. PHÂN GIẢI

Đây là phần đầu đề lấy không hết pháp hữu vi, chia theo 3 khía cạnh:

- Tất cả pháp biết cảnh Hy Thiểu*(Parittārammaṇā dhammā)*
- Tất cả pháp biết cảnh Đáo Đại*(Mahaggatārammaṇā dhammā)*
- Tất cả pháp biết cảnh Vô Thượng*(Appamānārammaṇādhammā)*

Vì lấy câu đầu đặt tên cho đề nên gọi tam đề này là tam đề chiết (tam đế chiết hữu dư).Tìm hiểu lần lượt 3 câu trong tam đề này như sau:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Cảnh Hy Thiểu:

Parittārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp Biết Cảnh Hy Thiểu.

Cảnh *(Arammanam)* cần được hiểu là đối tượng sở tri (*Parittārammaṇātika*) là nơi đeo, níu, dạo của tâm. Tâm là năng tri, tức trạng thái biết cảnh (*nisayo'ti ārammanam*) (*ārammanam vijānā ti'ti cittam*) hoặc (*rammane cititī'ti cittam*)

Như vậy: "*Parittārammaṇā dhammā"*nghĩa là tất cả pháp biết cảnh Hy Thiểu, tức chỉ những trạng thái biết đặng cảnh tầm thường, không được rộng (nhỏ). Hay là những tâm và Sở hữu biết đặng cảnh Dục, vì cảnh Dục thuộc về nhỏ nhen. Hoặc những pháp biết đặng pháp thiểu, gọi là pháp biết đặng cảnh Thiểu tức cảnh Hy thiểu, đây nêu bày cho 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông nên hiểu rõ 8 thứ Tâm Đại Quả và 17 Tâm Vô nhân (đã trừ Khai ý môn) chỉ biết cảnh Thiểu, những tâm còn lại cũng biết cảnh Hy Thiểu.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Cảnh Hy Thiểu:

Mahaggatārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp Biết Cảnh Đáo Đại.

Đây là phần chỉ bày những pháp có đối tượng rộng lớn như biết cảnh Thiền to rộng. Hay là những pháp biết cách đặc biệt đè nén phiền não, đặng quả rộng rãi bền lâu, hay nói cách khác, pháp nào đến sự đặc biệt, đủ sức nhận biết cảnh phiền não có quả to tát đặng lâu dài. Pháp mà biết như thế gọi là pháp biết cảnh Đáo Đại. Trong câu 2 này, tất cả pháp biết cảnh Đáo Đại là chỉ bày 3 thứ tâm Thức Vô Biên vì trạng thái biết cảnh không bờ mé là ám chỉ cho sự to tát, rộng lớn một cách tinh vi, hay 3 thứ tâm Phi tưởng phi phi tưởng đạt đến đỉnh điểm của bậc thiền vì nhận và khắng khít sắc xảo bền lâu của cảnh, 2 thứ tâm Thông là những tâm Diệu Trí cũng với năng lực biết rộng rãi trên cảnh, 8 thứ tâm Đại thiện biết cảnh rất rộng vì làm việc nhiều thứ như: Thập Phúc Hành Tông trên 6 cảnh, Tứ Trưởng, 3 Bậc, Tam Nghiệp...

Còn Đại Tố, với trạng thái cũng tương tợ như Đại thiện nhưng chỉ sanh ở cơ tánh của bậc Tứ Quả, riêng Khai ý môn là loại Tâm Khai Mở cửa xoay chiều hướng cho những thứ tâm vừa kể trên phát sanh, riêng 12 thứ tâm Bất thiện vì việc làm và hành vi cũng rất rộng, bao gồm Lậu, Bộc, Phối, Phược, Triền, Cái, Tiềm Thùy, Phiền Não. Như vậy, pháp nào với người đặc biệt là có những pháp Dục, Cần, Tâm, Trí, hành vi lớn lao, do nhân ấy gọi là Đáo Đại.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Cảnh Hy Thiểu:

Appamānārammaṇā dhammā–Tất cả Pháp Biết Cảnh Vô Thượng.

Đây là chỉ bày những trạng thái biết cảnh thù diệu, cao siêu, thoát tục, vượt ngoài sanh hữu, nghiệp hữu tức ám chỉ những tâm, SH biết cảnh Siêu thế. Vì khi đạt đến những pháp cao siêu như là Đạo, Quả, Níp Bàn thì chỉ duy nhất có tâm Thiện Siêu thế và tâm Quả Siêu thế mới biết cảnh Vô Thượng ấy mà thôi, còn những tâm Đại thiện Tương Ưng Trí, Đại Tố Tương Ưng Trí, hoặc những Tâm Tố Đáo Đại thì chỉ sanh theo cơ tánh của tùy bậc thánh mới biết đặng cảnh Vô Thượng bởi vì những pháp so le như Ái... gọi là Hữu Thượng không có hợp với những pháp như thế - cũng không bị pháp như thế bắt làm cảnh, nhân ấy gọi là pháp Vô Thượng.

TAM ĐỀ THỨ 14: TAM ĐỀ TI HẠ

(HĪNATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Hīnā dhammā - Tất cả pháp Ti Hạ.*
- *Câu 2: Majjhimādhammā - Tất cả pháp Trung Bình.*
- *Câu 3:Paṇītādhammā - Tất cả pháp Tinh Lương (Vi Tế).*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề *(Tika)* ở câu: 891, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp Ti Hạ, pháp Trung Bình, pháp Tinh Lương như sau:

* *Chư pháp Ti Hạ trong khi có ra sao?*

12 tâm Bất thiện, những chơn tướng này gọi là chư pháp Ti Hạ.

* *Chư pháp Trung Bình trong khi có ra sao?*

Tâm Vô ký Tố, Thiện và Dị Thục Quả trong 3 cõi, tất cả Sắc Pháp, những chơn tướng này gọi là chư pháp Trung Bình.

* *Chư pháp Tinh Lương trong khi có ra sao?*

4 Đạo, 4 Quả Siêu thế và Níp Bàn, những chơn tướng này gọi là chư pháp Tinh Lương.

II. THÍCH TỪ

- Ti: thấp, hèn.
- Hạ: ở dưới, rơi xuống, hàng phục...
- Trung: giữa, chỉ vào bộ vị trong vật thể như: trung ương, trung tâm, giữa ruột.
- Bình: bằng phẳng, bình đẳng, đất phẳng 2 bên cách nhau mà cùng tiến lên đều nhau, bình chuẩn, bình yên, bình sinh.
- Tinh: trong suốt, vật gì có chất sáng suốt bên nọ sang bên kia gọi là tinh oánh, thủy tinh là một thứ đá sáng suốt như ngọc, kết tinh.
- Lương: lành, tinh chất thuần tốt bền giữ không đổi, trung lương, hiền lương, lương tâm, vật gì hoàn toàn tốt đẹp là lương, sâu thẩm như huyền, hệ, lương, thâm.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Ti Hạ *(Hīnatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Ti Hạ, tất cả các Pháp Trung Bìnhvà tất cả các Pháp Tinh Lương.

1. Tất cả pháp Ti Hạ (*Hīnā dhammā*): là những trạng thái mang tính chất pháp xấu, hạ liệt. Hay là những pháp hèn hạ, thấp thỏi, nhơ bẩn. Có chú giải như vầy"*Hīnāti = Lāmakā, akusalā dhammā*": Ti Hạ hay dơ bẩn tức là pháp Bất thiện, đây chỉ bày pháp mà bị rơi

xuống, bị ngâm chìm, bị cuốn trôi, hợp luân hồi khổ..., hay nói cách khác trạng thái mà rơi vào vòng xoáy của Lậu, Bộc, Phối, Phược, Cái, Tiềm Thùy, Phiền Não...

2. Tất cả pháp Trung Bình*(Majjhimā dhammā)*:là những trạng thái biết pháp Trung Bình. Có chú giải như vầy"*Hīna paṇitāṇaṃ majjhe bhavāti = Majjhimāavasesā tebhumakā dhammā*": pháp giữa chặng Ti Hạ và Vô Thượng nhân gọi là Trung Bình tức là pháp trong 3 cõi mà ngoài ra Bất thiện, hay là pháp không rơi xuống trạng thái thấp kém, hạ liệt, và cũng không đạt đến vượt thoát tam giới.
3. Tất cả pháp Tinh Lương*(Paṇītādhammā)*: là những pháp ròng chuyên trong sạch tức chỉ bày sự tinh khiết thuần chất hoàn toàn, trong sạch, không bị pháp phiền toái và phiền não biết đặng. Có Pāḷi chú giải như vầy"*Uttamaṭṭhena atappakaṭṭhena ca panitā lokuttarā dhammā*": pháp mà gọi Tinh Lương có nghĩa là cao siêu và không biết no đầy chán nản, tức là pháp Siêu thế.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP –BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp Ti Hạ là pháp Bất thiện. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:
  1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Bất thiện
  2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
  3. Hành uẩn là 25 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Bất thiện
  4. Thức uẩn là tâm Bất thiện
– Xứ đặng 2 Xứ:
  1. Ý xứlà tâm Bất thiện
  2. Pháp xứlà 27 SH hợp vớitâm Bất thiện
– Giới đặng 2 Giới:
  1. Ý thức giới là tâm Bất thiện
  2. Pháp giới là 27 SH hợp vớitâm Bất thiện
– Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế có 26 SHH (đã trừ Tham) và 12 tâm Bất thiện
  2. Tập đế làSH Tham

Tất cả pháp Ti Hạ là pháp Bất thiện

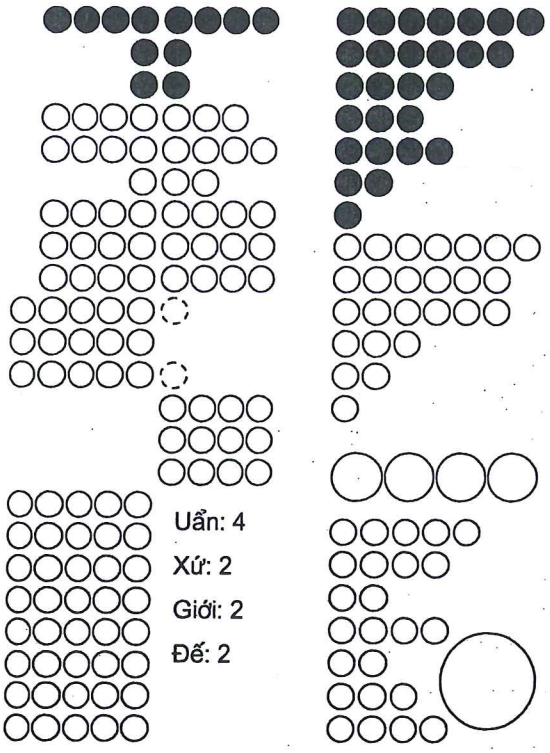

▶ Câu 2: Tất cả pháp Trung Bình là Sắc Pháp, 51 Tâm Tịnh hảo Hiệp thế, 18 Tâm Vô Nhân, 38 SHH. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Vô nhân và Tâm Tịnh hảo Hiệp thế
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Vô nhân và Tâm Tịnh hảo Hiệp thế
4. Hành uẩn là 36 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm vô nhân và tâm tịnh hảo hiệp thế
5. Thức uẩn là Tâm Vô nhân và Tâm Tịnh hảo Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11.Ý xứlà tâm Vô nhân và tâm Tịnh hảo Hiệp thế

12.Pháp xứ là38 SH hợp vớitâm Vô nhân,tâm Tịnh hảo Hiệp thế và sắc tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức

14.Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16.Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn

17.Ý thức giới là tâm Tịnh hảo Hiệp thế, 3 thứ tâm Thẩm tấn, Khai ý, Tiếu sinh

18.Pháp giới là 38 SH hợp vớitâm Vô nhân và tâm Tịnh hảo Hiệp thế và Sắc tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm vô nhân và tâm tịnh hảo hiệp thế, 38 SHH và sắc pháp

Tất cả pháp Trung Bình là Sắc Pháp, 51 Tâm Tịnh hảo Hiệp thế, 18 Tâm Vô Nhân, 38 SHH

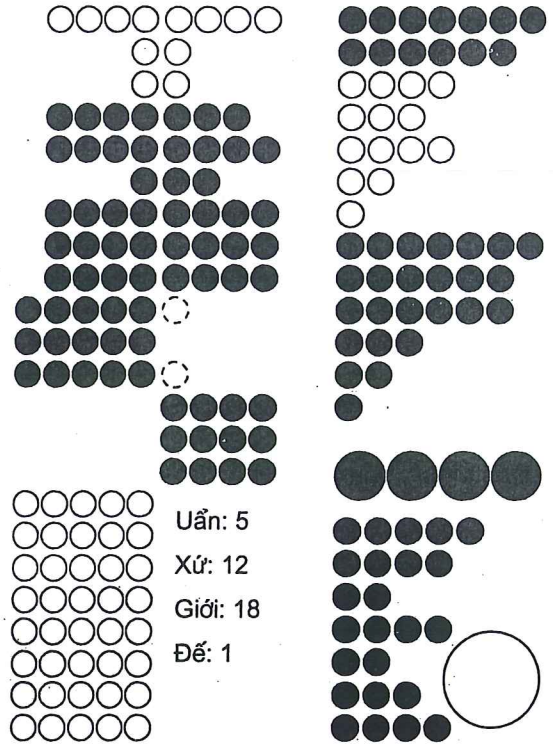

▶ Câu 3:Tất cả pháp Tinh Lương (Vi Tế) là pháp Siêu thế. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Siêu thế
3. Hành uẩn là 34 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Siêu thế
4. Thức uẩn là Tâm Siêu thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ ta đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà Tâm Siêu thế
2. Pháp xứlà 36 SH hợp với Tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là Tâm Siêu thế
2. Pháp giới là 36 SH hợp với Tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế
2. Diệt đế là Níp Bàn

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH trừ Bát Chi Đạo

Tất cả pháp Tinh Lương (Vi Tế) là pháp Siêu thế

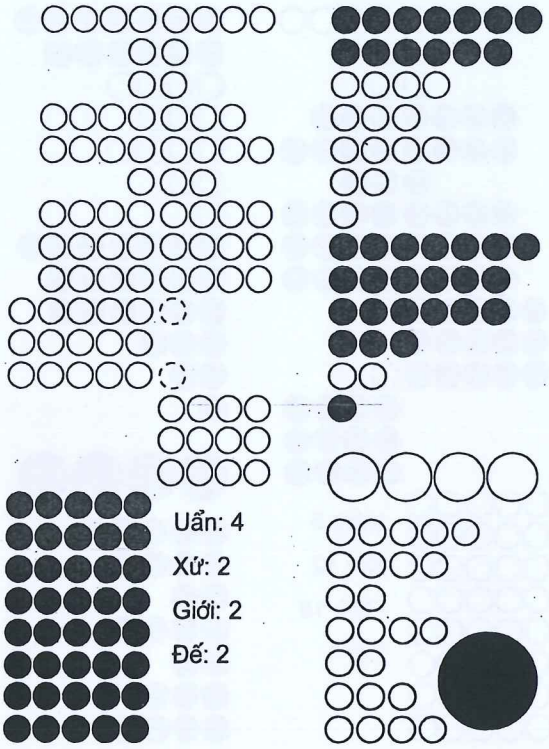

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Ti Hạ:*Hīnā dhammā* - Tất cả Pháp Ti Hạ.

Tất cả pháp Ti Hạ (Hīnā dhammā) tức là pháp Bất thiện mà trạng thái Bất thiện thì không tốt đẹp, bệnh hoạn, không khôn khéo, nhân cho quả khổ, có sai lỗi. Khi rơi vào 5 trường hợp trên thì làm cho trạng thái tâm trở thành nhơ bẩn, vẩn đục, hiện bày sự thấp kém, nhỏ nhen. Như là:

- Tham: dính mắc ngũ dục lạc, nhiễm đắm chìm trong nạn khổ do không buông ra vì nhận thấy pháp Triền đáng ưa thích...
- Sân: hiện bày thô tháo làm cho thân tâm thô thiển, do nóng nảy đưa đến hư hại trí tuệ...
- Si: làm cho tối tăm, không cho biết cái đáng biết vì không tỏ ngộ lý tánh, che khuất lý tánh, bởi mờ mịt từ sự không khôn khéo, cứ xoay chiều hướng cho tâm Bất thiện sanh.

Vì vậy,khi vào vòng xoay của pháp Ti Hạ tức là rơi vào trạng thái hèn hạ, xấu xa, vẩn đục, thấp thỏi hiện bày sự dơ bẩn.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Ti Hạ:*Majjhimā dhammā* - Tất cả Pháp Trung Bình.

Tất cả pháp Trung Bình (Majjhimā dhammā) là nêu bày pháp có tính chất không rơi vào Ti Hạ nhưng chẳng vượt qua Tinh Lương, như là:

- Sắc Pháp: chỉ bày phần vô tri giác nên không tốt cũng không xấu, tức là chỉ bị tác động từ nghiệp, tâm... như là Sắc Tâm Thiện do Tâm Thiện tạo, Sắc Tâm Bất thiện do Tâm

Bất thiện tạo... hay là SH Tư hợp với Thiện tạo ra sắc tốt, SH Tư hợp với Bất thiện tạo ra sắc xấu...

- 51 thứ tâm Tịnh hảo Hiệp thế dù mang tính chất yên tịnh tốt đẹp nhưng vẫn còn hiệp trong đời, bị chi phối bởi duyên trợ tạo nên cũng xếp vào pháp Trung Bình, vì không rơi vào trạng thái thấp hèn nhưng chẳng vượt qua khỏi đời (Siêu thế).
- Tâm Vô nhân kể vào pháp Trung Bình vì những loại Tâm này cũng bị tác động từ nghiệp Thiện và Bất thiện. Vì tự bản chất của 18 thứ Tâm Vô Nhânnày không tạo ra pháp xấu, không tạo ra pháp Thiện, và cũng chỉ hiện bày theo lối thành tựu mà thôi.

Hay nói cách khác, pháp Trung Bình là trạng thái có tính cách ở giữa, không tinh lương (cao thượng) cũng chẳng phải là pháp hạ liệt, ti hèn. Vì là ở chặng giữa nên gọi là pháp Trung Bình, tức là pháp còn hiệp trong 3 cõi nhưng ngoài Bất thiện.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Ti Hạ:*Paṇītādhammā* –Tất cả Pháp Tinh Lương.

Đây là những trạng thái tốt đẹp tuyệt đối, thuần nhã, tinh khiết vô song, là pháp phi cảnh phiền não. Nói một cách khác, tính chất pháp tinh lương hay pháp vô thượng là thuần túy trong sạch cao tột, pháp vượt thoát tam luân hồi (phiền não luân hồi, nghiệp luân hồi và quả luân hồi). Tinh Lương tức là pháp Siêu thế với nghĩa lý cao quý không còn bị duyên trợ tạo, vượt thoát Tam Giới như:

- Đạo Siêu thế là trạng thái đang sát trừ những pháp thấp hèn, nhơ bẩn, xấu xa, tội lỗi, tham, sân, si, tà kiến, ngã mạn, sân, tật, lận, hối, hôn trầm, thụy miên, hoài nghi luôn đến vô tàm, vô úy, điệu cử.
- Tâm Quả Siêu thế đã hoàn tất, hoàn mãn, nhổ hẳn cái khổ luân hồi và các phiền não vừa nêu trên. Pháp Tinh Lương ví như chất vàng ròng tinh khiết, như hương vị đặc biệt tối thắng.

TAM ĐỀ THỨ 15: TAM ĐỀ TÀ

(MICCHATTATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Micchattaniyatādhammā - Tất cả pháp Tàcho Quả Nhất Định.*
- *Câu 2: Samattaniyatādhammā - Tất cả pháp Chánh cho Quả Nhất Định liên tiếp sát na.*
- *Câu 3: Aniyatādhammā - Tất cả pháp Bất Định.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề *(Tika)* ở câu: 892, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp Tà cho Quả Nhất Định,Tất cả pháp Chánh cho Quả Nhất Định, tất cả pháp Bất Địnhnhư sau:

* *Chư pháp Tà cho Quả Nhất Định (đời sau liên tiếp) có ra sao?*

4 Tâm sanh Tương Ưng Với Tà kiến và 2 Tâm câu sanh với Ưu Thọ, những chơn tướng này gọi là chư pháp Tà cho Quả Nhất Định (liên tiếp đời sau).

* *Chư pháp Chánh cho Quả Nhất Định (liên tiếp sát na) đó ra sao?*

4 Đạo Siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Chánh cho Quả Nhất Định (liên tiếp sát na).

* *Tất cả pháp Bất Định (trừ 2 pháp trên) trong khi có ra sao?*

4 Tâm Tham Bất Tương Ưng, Tâm câu sanh với Hoài nghi, Tâm câu sanh với Điệu cử, Tâm Vô ký Tố, Thiện và Dị Thục Quả trong 3 cõi, Sắc Pháp và Níp Bàn. Những chơn tướng này gọi là chư pháp Bất Định (ngoài ra 2 phần).

II. THÍCH TỪ

- Tà: bất chánh, quẹo, cong vẹo.
- Chánh: phải, chánh đáng, như chánh thức, khuôn phép, chánh đáng, lý lẽ chánh đáng... cái gì mà sai mà bảo sửa lại cho phải gọi là chánh...
- Bất định: chẳng khả, bất nhiên, chẳng thế... Định là xếp đặt được yên ổn, không bị lay động nữa.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Tà *(Micchattatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Tà cho Quả Nhất Định, tất cả các Pháp Chánh cho Quả Nhất Định và tất cả các Pháp Bất Định.

1. Tất cả pháp Tàcho Quả Nhất Định*(Micchattaniyatādhammā)*: nghĩa là cho quả liên tiếp đời sau tức dứt kiếp sống hiện tại quả trổ liền, không bị đứt khoảng, gián đoạn. Hoặc những pháp tội ác rất nặng tạo quả kế đời sau gọi là pháp Tàcho Quả Nhất Định, vì để

phân biệt pháp Tà không cho quả nhất định như những việc làm ác xấu bình thường nặng nhưng chưa đến giai đoạn rất nặng, còn pháp tà cho quả nhất định là trong khi tạo ngũ nghịch đại tội.

2. Tất cả pháp Chánh cho Quả Nhất Định (*Samattaniyatā dhammā*): đây chỉ cho trường hợp khi Bát Chi Đạo đế tương ưng với Tâm Đạo rồi liền kề sát na Tâm Quả Siêu thế mà không có pháp nào ngăn trở được. Hay là những pháp khi khởi sanh nhất định là cho quả liền kề sát na do mãnh lực chơn chánh chắc chắn cho quả nhất định liên tiếp. Hoặc là đề cập đến những thiện pháp nào tạo quả nhất định, mà thiện pháp ở đây là Tâm Đạo có Bát chi thánh đạo hợp liền cho quả.
3. Tất cả pháp Bất Định (*Aniyatā dhammā*): ở đây là chỉ cho pháp chẳng phải nhất định như cả 2 câu vừa nêu trên. Có nghĩa là khi trổ quả thì thời gian không có liên tiếp, vì lắm lúc bị nghiệp lực chen vào như Bất thiện bị nghiệp lực Thiện chen vào cắt đứt hoặc ngược lại. Có khi đến giai đoạn trổ không kịp như trường hợp bậc Tứ quả Níp Bàn.Nói về nghiệp lực, chúng ta tìm hiểu 4 phần chánh của nghiệp lực như sau:

a. Nghiệp nương đổ: có 4
    1. Bất thiện nghiệp (là nghiệp nương đổ với Tâm Bất thiện).
    2. Dục giới thiện nghiệp (là nghiệp nương đổ với Tâm đại thiện).
    3. Sắc giới thiện nghiệp (là nghiệp nương đổ với tâm thiện Sắc giới).
    4. Vô sắc giới thiện nghiệp (là nghiệp nương đổ với tâm thiện Vô sắc giới).

b. Nghiệp nặng nhẹ:có 4
    1. Đại trọng nghiệp (là nghiệp ngũ nghịch và thiền nặng hơn hết).
    2. Cận tử nghiệp (là nghiệp phát sanh khi gần chết).
    3. Sở trường nghiệp (nghiệp làm hoài thường quen, thường nghiệp, thường cận nghiệp)
    4. Khinh thiểu nghiệp (là nghiệp ít làm hay làm mà lơ là).

c. Nghiệp tạo qua thời kỳ:có 4
    1. Hiện thế nghiệp (là nghiệp cho quả trong một đời).
    2. Hậu thế nghiệp (là nghiệp cho quả trong đời kế sau).
    3. Hậu hậu nghiệp (là nghiệp cho quả cách một đời về sau luôn).
    4. Vô quả nghiệp (là nghiệp không còn tạo quả chi nữa).

d. Nghiệp hành sự:có 4
    1. Tái tục nghiệp (là nghiệp làm việc cho tái tục).
    2. Phò trợ nghiệp (là nghiệp ủng hộ cho tiến hóa).
    3. Xâm hại nghiệp (là nghiệp xâm lấn làm cho thoái hóa).
    4. Đoạn tuyệt nghiệp (là nghiệp làm cho dứt tuyệt không còn sống).

Như vậy, pháp cho quả Bất Định còn tùy thuộc vào thời gian gần hay xa, ngắn hay dài vì bị các nghiệp lực mạnh hơn chen vào cắt đứt như Bất thiện bị Thiện cắt đứt hoặc ngược lại, hay khi trổ quả do nghiệp nhân làm yếu nên trổ chậmvì vậy gọi là pháp Bất định.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp Tà Cho Quả Nhất Định là Đổng Lực chót của Tham Tương Ưng, 2 thứ Sân, 25 SHH trong khi tạo Ngũ Nghịch. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Tham tương ưng và tâm Sân
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Tham tương ưng và tâm Sân
3. Hành uẩn là 23 SHH (trừ Thọ và Tưởng) hợp với tâm Tham tương ưng và Tâm Sân
4. Thức uẩn là tâm Tham tương ưng và Tâm Sân

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Tham tương ưng và Tâm Sân
2. Pháp xứlà 25 SH hợp vớitâm Tham tương ưng và Tâm Sân

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Tham tương ưng và Tâm Sân
2. Pháp giới là 25 SH hợp vớitâm Tham tương ưng và Tâm Sân

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là tâm Tham tương ưng, tâm Sân, 24 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả pháp Tà Cho Quả Nhất Định là Đồng Lực chót của Tham tương ưng, 2 Sân, 25 SHH trong khi tạo Ngũ Nghịch

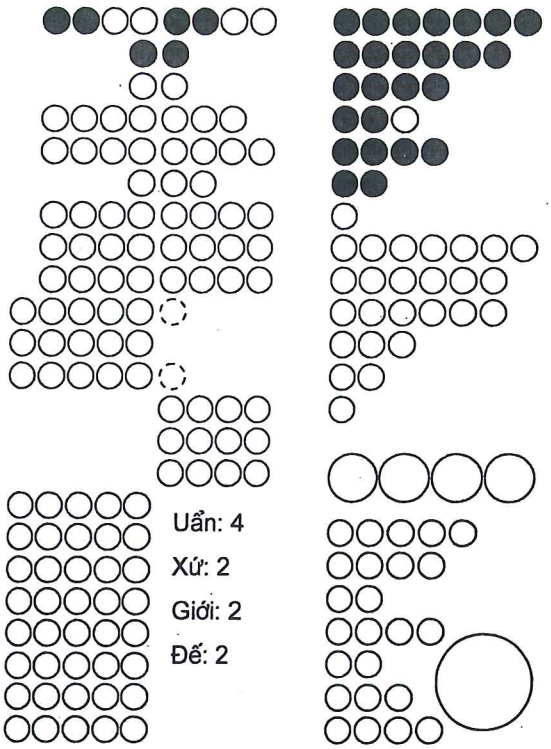

▶ Câu 2:Tất cả pháp Chánh Cho Quả Nhất Định liên tiếp sát na là Tâm Đạo và 36 SHH.

Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Đạo
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Đạo
3. Hành uẩn là 34 SHH (trừ Thọ và Tưởng) hợp với Tâm Đạo
4. Thức uẩn là Tâm Đạo

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà Tâm Đạo
2. Pháp xứlà 36 SH hợp với Tâm Đạo

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là Tâm Đạo
2. Pháp giới là 36 SH hợp với Tâm Đạo
3. Đế đặng 1 Đế: Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Đạo, 28 SHH (ngoài Đạo Đế)

Tất cả pháp Chánh Cho Quả Nhất Định liên tiếp sát na là Tâm Đạo và 36 SHH

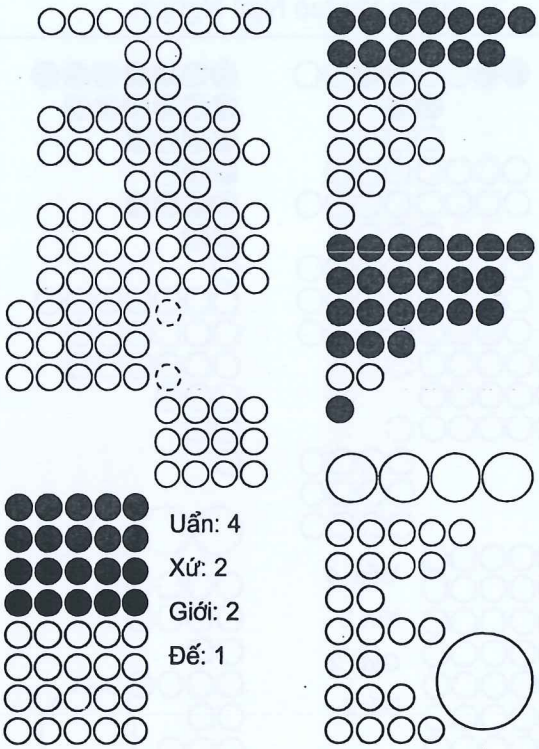

▶ Câu 3:Tất cả pháp Bất Định là ngoài ra 2 pháp trên. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với 75thứ tâm Hiệp thế(đã trừ pháp Tà nhất định) và 20 thứ tâm Quả Siêu thế
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 75thứ tâm Hiệp thế (đã trừ pháp Tà nhất định) và 20 thứ tâm Quả Siêu thế
4. Hành uẩn là 45 SHH (đã trừ Thọ, Tưởng cùng pháp Tà Nhất Định) hợp với 75 thứ tâm Hiệp thế và 20 thứ tâm Quả Siêu thế
5. Thức uẩn là 75 thứ tâm Hiệp thế(đã trừ pháp Tà nhất định) và 20 tâm Quả Siêu thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà 75 thứ tâm Hiệp thế(đã trừ pháp Tà nhất định) và 20 thứ tâm Quả Siêu thế
12. Pháp xứ là 16 Sắc Tế, 47 SH hợp với tâm Hiệp thế và tâm Quả Siêu thế, Níp Bàn (đã trừ pháp tà nhất định)

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16. Ý giới là Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 62thứ tâm Hiệp thế, 20 Tâm quả Siêu thế(đã trừ pháp Tà nhất định, Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là 16 Sắc Tế, 47 SH hợp với tâm Hiệp thế và Tâm Quả Siêu thế, Níp Bàn (trừ pháp tà nhất định)

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là 75 tâm hiệp thế, 46 SHH, 28 sắc pháp (trừ pháp tà nhất định và SH tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn

Ngoại đế là tâm Quả siêu thế và SHH

Tất cả pháp Bất Định là ngoài ra 2 pháp trên

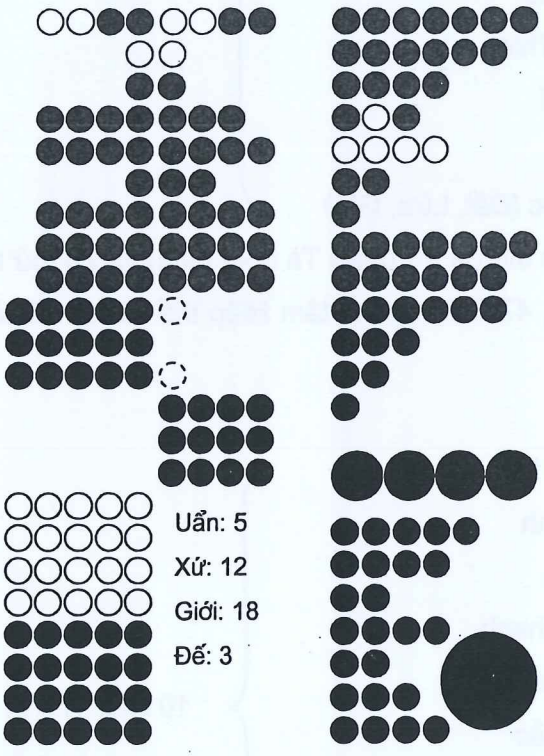

V. PHÂN GIẢI

Đây là đầu đề lấy phần pháp hữu vi chia theo 3 khía cạnh: Tất cả pháp Tàcho Quả Nhất Định, tất cả pháp Chánh cho Quả Nhất Định và câu thứ 3 là tất cả pháp Bất Định ngoài ra 2 pháp trên.Tìm hiểu lần lượt 3 câu trong Tam Đề này:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Tà:

Micchattaniyatā dhammā - Tất cả Pháp Tàcho Quả Nhất Định.

Nghĩa là khi có hành vi và lúc sử dụng đổng lực chót của Tham Tương Ưng, 2 Thứ Tâm Sân, 25 SHH trong khi tạo Ngũ Nghịch.

- Tìm hiểu chữ Tà theo chú giải "*Micchattaniyatā dhammā*": là những pháp tội ác rất nặng, tạo quả kế đời sau (sanh báo nghiệp).Lại nữa, có Pāḷi chú giải như vầy "*Hitasukhāvahā me bhavissantīti evaṃālisitāpī tathā abhāvato asubhādisuveya subhanti ādiviparitappavattito ca micchāsabhāvāti = Micchattā*": là những pháp bản chất xấu dù cho chúng sanh hy vọng tự an vui lợi ích nhưng nó cũng không giúp thành tựu theo, vì hiểu lầm, không mỹ hảo cho tốt đẹp nên gọi là Tà.

- Tìm hiểu chữ Nhất Định theo chú giải, có Pāḷi như vầy "*Vipākadāna sati khandhabhedā nantara meva vipākadānato niyatā*": nói về quả thì pháp này cho quả liên tiếp đời sau không xen hở nên gọi là nhất định.
- Tiến trình của dòng tâm thức khi thực hiện hành vi đưa đến quả Tà Nhất Định như sau:

1. Đơn cử Lộ ngũ môn, cảnh rất rõ chót đổng lực:

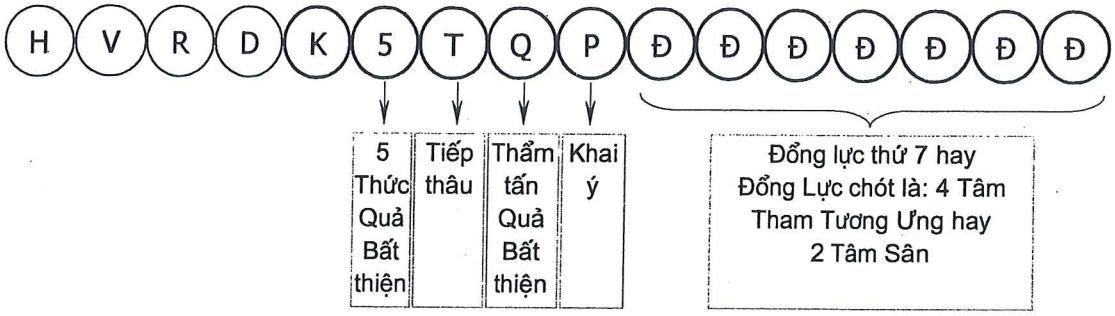

2. Đơn cử Lộ ý môn cảnh rất rõ chót đổng lực:

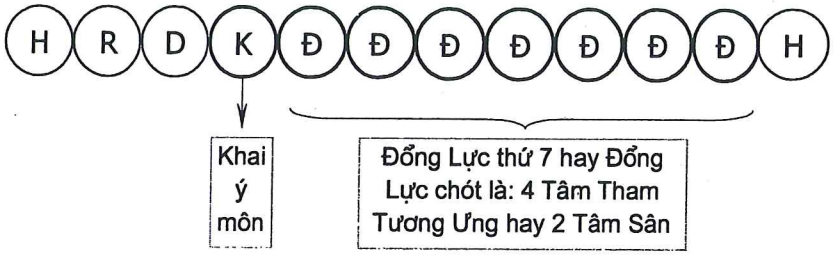

Cho nên, pháp này ác xấu hiểu sai. Không tốt nói tốt, mong an vui cũng không đặng và nhất định cho quả đời sau liên tiếp nên gọi là Tà. Nhất định cho quả đời sau liên tiếp, tức là pháp ngũ nghịch đại tội Vô Gián Địa Ngục (*Micchatā cate niyatā cāti = Micchatta niyatā*).

Như vậy:Một khi có những hành vi ác độc tà vạy như giết cha, giết mẹ, giết A La Hán, làm chảy máu kim thân Phật, làm chia rẽ tăng thì có kết quả liên tiếp đời kế, không một nghiệp lực khác đánh đổ được. Khi ấy sát na đổng lực chót phát sanh một trong các thứ tâm - 4 Tâm Tham Tương Ưng Kiến hoặc 2 thứ Tâm Sân cùng với 25 SHH (trừ SH Ngã mạn và Hoài Nghi).

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Tà:

Samattaniyatā dhammā - Tất cả Pháp Chánh cho Quả Nhất Định liên tiếp sát na.

Là Tâm Đạo và 36 SHH,trước tiên, tìm hiểu chữ Chánh ở đây là gì?

Pháp Chánh ở đây là chỉ cho trạng thái bản chất tinh lương, bản chất tuyệt hảo, cách trổ quả liên tiếp sát na liền kề, như sát na tâm Đạo Siêu thế sanh diệt liền sau là sát na tâm Quả Siêu thế khởi, điều này chắc chắn vì không có pháp nào ngăn ngại – cản trở được. Theo Pāḷi có chú giải như vầy:"*Samattaniyatā dhammā*": là những pháp gọi Đạo Siêu thế.

- Có những câu Pāḷi chú giải như vầy"*Vuttaviparitena atthena sammā sabhāvāti = Samattā*": những thật thể tốt đẹp chơn chánh vượt khỏi như câu trước (câu 1) pháp ấy gọi là Chánh.
- *"Samattā ca te niyatā ca anantarāmeva phaladānaniya menāti = Samattaniyatā":* là bản chất tốt chơn chánh và cho quả nhất định liên tiếp... gọi là chánh nhất định.

Khi mà dòng tâm thức diễn tiến đưa đến pháp chánh cho quả nhất định liên tiếp sát na là lộ đắc sơ đạo và lộ đắc 3 đạo cao, đơn cử tiến trình dòng tâm thức này như sau:

1. Lộ đắc sơ đạo của người huệ mạnh:

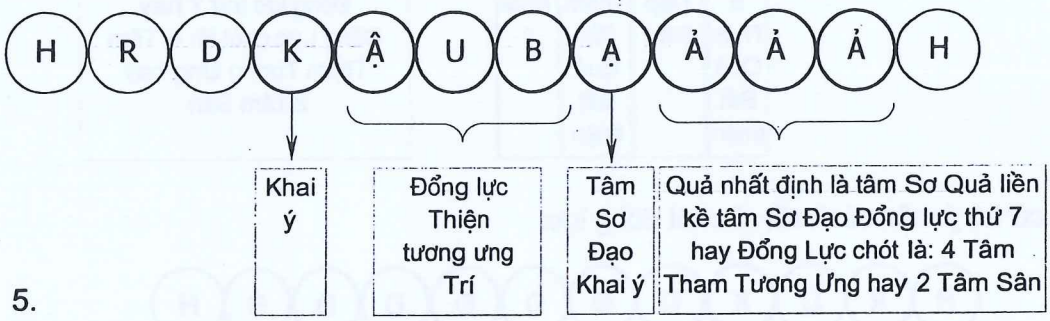

5.

2. Lộ đắc 3 đạo cao của người huệ mạnh

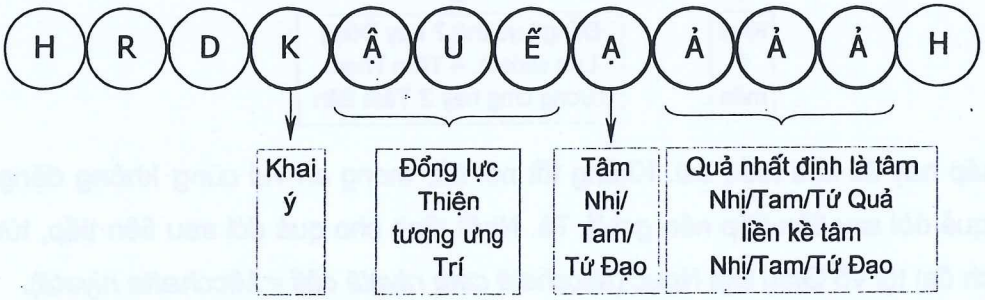

Cho nên: Pháp chánh cho quả nhất định là đề cập đến giai đoạn diễn tiến của dòng tâm thức tạo quả liền kề sát na (vô gián nghiệp duyên) tức là có trổ quả liền tiếp theo sau đó, mà không phải đợi nhiều sát na mới trổ vì mãnh lực của đạo thúc đẩy quả siêu thế sanh khởi không có pháp nào đủ sức để ngăn lại được.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Tà:*Aniyatā dhammā* -Tất cả Pháp Bất Định.

Là ngoài 2 pháp trên:Pháp mà ngoài ra Tà cho nhất định và Chánh cho nhất định gọi là Bất định, hay là những pháp thành nhân cho quả Bất Định, pháp thành quả của pháp nhân, pháp phi quả phi nhân. Hoặc là nói cách khác, những pháp không phải nhất định như pháp Tà Nhất định, pháp Chánh Nhất định tức là những pháp ngoài ra 2 pháp Nhất Định vừa kể, bởi vì 75 thứ tâm Hiệp thế, 20 thứ tâm Quả Siêu thế (đã trừ pháp Tà Nhất Định) cùng câu sanh với 47 SH hợp với pháp Bất định, 28 thứ Sắc pháp và Níp Bàn. Vì khi hành động, hoặc hành vi hiện bày của các trạng thái, các pháp vừa nêu trên có khi cho quả 1 đời, 2 đời, và lắm lúc nhiều đời rồi mới trả quả, hoặc có khi trở thành vô hiệu nghiệp.Như vậy, pháp nào chẳng phải cho quả Nhất Định, pháp ấy gọi là Bất Định hay Phi Định (*Aniyatādhammā*).

BÀI 6: TAM ĐỀ CÓ ĐẠO THÀNH CẢNH–TAM ĐỀ SINH TỒN TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

TAM ĐỀ THỨ 16: TAM ĐỀ CÓ ĐẠO THÀNH CẢNH

(MAGGĀRAMMAṆATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Maggārammaṇā dhammā - Tất cả pháp có Đạo làm Cảnh.*
- *Câu 2: Maggahetukā dhammā - Tất cả pháp có Đạo cóNhân.*
- *Câu 3: Maggādhipatino dhammā - Tất cả pháp có Trưởng là Đạo.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề và Nhị Đề ở câu 893, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp có Đạo làm Cảnh, pháp có Đạo làm Nhân,pháp có Đạo làm Trưởng như sau:

* ***Chư pháp có Đạo làm cảnh ra sao?***

4 tâm Thiện, 4 tâm Tố Dục giới hiện hành tương ưng với Trí, những chơn tướng này thành pháp có Đạo là cảnh cũng có, chẳng phải pháp có Đạo là Nhân, cũng chẳng phải pháp có Đạo là Trưởng nên không trọn nói pháp có Đạo là Cảnh và cũng không trọn nói là pháp có Đạo là Trưởng.

4 Thánh Đạo chẳng phải pháp có Đạo là cảnh, cũng có phần gọi là pháp có Đạo là nhân và pháp có Đạo là Trưởng thời không nên quyết nói rằng pháp có Đạo là Trưởng.

Tứ Thiền Thiện và tâm Tố Sắc giới, tâm Tố Vô nhân, Ý thức giới đồng sanh Xả Thọ, những chơn tướng này gọi là chư pháp có Đạo là cảnh, có phần gọi chẳng phải pháp có Đạo là nhân, và cũng có phần gọi chẳng phải pháp có Đạo là Trưởng nên không quyết gọi là pháp có Đạo là cảnh.

4 Thiện Dục giới hiện hành Bất tương ưng Trí, tất cả tâm Bất thiện, tất cả Tâm Dị Thục Quả Dục giới, 6 tâm Tố hiện hành Dục giới, Tam hoặc Tứ Thiền Thiện, Dị Thục Quả và Tố, Tứ Thiền Quả Sắc giới, Tâm Thiện, Tâm Dị Thục Quả và Tố trong 4 cõi Vô Sắc giới và 4 Tâm Dị Thục Quả Siêu thế. Những chơn tướng này không đặng gọi là chư pháp có Đạo là cảnh, không đặng gọi là chư pháp có Đạo là nhân, và cũng không đặng gọi chư pháp có Đạo là Trưởng, còn Sắc Pháp, Níp Bàn là pháp không biết cảnh.

II. THÍCH TỪ

- Đạo: là lối đi, con đường lên xuống...
- Thành: nên thành tựu, phàm việc gì đến lúc xong đều gọi là thành.
- Cảnh: là đối tượng, là đề mục, là cái bị biết của tâm.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Có Đạo thành Cảnh *(Maggārammaṇatika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Có Đạo làm Cảnh, tất cả các Pháp Có Đạo làm Nhân và tất cả các Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng.

1. Tất cả Pháp có Đạo làm Cảnh (*Maggārammaṇā dhammā*):là những pháp biết Đạo Siêu thế. Hay là những pháp biết đặng Đạo đế tức biết rõ Bát Chi Sở hữu hòa trộn với tâm thiện siêu thế. Nói cách khác, pháp có Tâm Đạo làm đối tượng bị biết, tức Tâm Đạo là sở tri cho Tâm Khai ý môn, 4 Đại thiện Tương Ưng Trí, 4 Đại Tố Tương Ưng Trí và 2 Tâm Thông biết đặng, thế nên gọi là pháp có Đạo thành Cảnh.
2. Tất cả Pháp có Đạo có Nhân (*Maggahetukā dhammā*): nghĩa là những pháp nhân tương ưng làm Đạo đế. Nếu phân giải rộng ra thì được theo 3 cách hay đặng 3 câu phụ:
   - Câu phụ1: Pháp có nhân thành Đạo Đế, nghĩa là nói những pháp nào có Bát Chi Đạo hợp thì thành Đạo Đế. Đây chỉ cho chi pháp 28 SHH Tâm Đạo (đã trừ 8 Chi Đạo).
   - Câu phụ2:Pháp có gặp nhân tương ưng nhưng không thành Đạo đế (Phi Đạo Đế) nghĩa là nói những pháp nào hợp Đạo gặp nhân tương ưng mà nhân ấy chẳng phải chi Đạo. Đây chỉ cho chi pháp 4 hoặc 20 Tâm Đạo, 34 SHH Tâm Đạo đã trừ SH Vô tham, vô sân.
   - Câu phụ3:Pháp có gặp nhân tương ưng thành Đạo Đế. Nghĩa là nói những pháp nào tương ưng với nhân và nhân ấy chỉ Đạo Đế.Theo lý pháp 3 câu trên đây, chỉ có câu thứ 3 là hợp lẽ đối với pháp có Đạo thành Nhân. Vì chi pháp của câu thứ 3 là 4 hoặc 20 Tâm Đạo, 35 SHH Tâm Đạo (đã trừ SH Trí).
3. Tất cả Pháp có Trưởng là Đạo (*Maggādhipatino dhammā*) là những pháp có pháp Trưởng mà cũng là Đạo Đế. Nghĩa là pháp nào có gặp vừa là Đạo đế vừa là Trưởng, đều nằm trong lý của câu này tức chỉ cho SH Cần và SH Trí đối với 8 Thánh Đạo. Nói cách khác, SH Cần (chi đạo Chánh Cần) cũng là Cần Trưởng, SH Trí (chi đạo Chánh Kiến) cũng là Thẩm Trưởng. Ở đây, phân theo chi pháp ta thấy Pháp có Đạo thành Trưởng, hay Pháp có Trưởng là Đạo, hoặc Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng (*Maggādhipatino dhammā*) là 20 Tâm Đạo, 36 SH cùng hợp với Tâm Đạo. Nên nhớ trong 36 SH hợp với Tâm Đạo không có trừ chi pháp nào cả, vì những pháp câu sanh trong Tâm Đạo đều là những pháp thành Đạo và thành Trưởng cả, dù Trí vẫn gặp Cần và Cần vẫn gặp Trí. Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng nếu phân giải rộng ra thì được 3 cách hay đặng 3 câu phụ:
   - Câu phụ1: Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng tức là lấy Đạo làm đối tượng vượt trội, vững mạnh (Cảnh Trưởng Duyên) của mỗi bậc thánh quả biết Đạo, tức chỉ bày cho các thứ tâm Khai ý môn, Đại thiện, Đại Tố Tương Ưng, 2 Thứ Tâm Thông và 33 SHH của mỗi bậc thánh quả lấy Đạo làm duyên thành Cảnh Trưởng để biết.

- Câu phụ2: Tất cả pháp có duyên thành Câu Sanh Trưởng tức là những pháp câu sanh với Đạo mà vượt trội, vững mạnh (Câu Sanh Trưởng Duyên) của mỗi bậc thánh quả biết Đạo. Hay nói cách khác, có duyên thành Câu Sanh Trưởng nghĩa là pháp mà có cách trợ giúp thành câu sanh vững mạnh. Ở đây chỉ cho Đạo nhờ Trí và Cần, khi 2 pháp này thay nhauthành Câu Sanh Trưởng. Chi pháp ở đây, tức chỉ bày Đạo, 4 Tâm Đạo, 35 SHH trừ Trí hay Cần đang làm Trưởng Trại của mỗi bậc thánh quả lấy Đạo làm duyên thành Câu Sanh Trưởng.
- Câu phụ3: Tất cả pháp mà thành Câu Sanh Trưởng Duyên tức là Đạo, là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh. Đây chỉ cho 2 pháp bản chất SH Trí và SH Cần đang thay phiênlàm Trưởng trong lúc thành Câu Sanh với Đạo.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp có Đạo làmCảnh đặng là Khai ý môn, 4 Đại thiện, 4 Đại Tố Tương Ưng, 2 Tâm Thông và 33 SHH của mỗi bậc Thánh Quả biết Đạo bằng và thấp hơn (trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông
3. Hành uẩn là31 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông
4. Thức uẩn làtâm Khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông
2. Pháp xứlà 33 SH hợp với tâm khai ý môn, 8 Đổng lực dục giới Tịnh hảo tương ưng và 2 tâm Thông

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm khai ý môn, 8 đổng lực dục giới tịnh hảo tương ưng và 2 tâm thông
2. Pháp giới là 33 SH hợp với tâm khai ý môn, 8 đổng lực dục giới tịnh hảo tương ưng và 2 tâm thông

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm khai ý môn, 8 đổng lực dục giới tịnh hảo tương ưng, 2 tâm thông và 33 SHH

Tất cả pháp có Đạo làm Cảnh đặng là Khai ý môn, 4 Đại thiện, 4 Đại Tố Tương Ưng, 2 Tâm Thông và 33 SHH của mỗi bậc Thánh Quả biết Đạo bằng và thấp hơn (trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần)

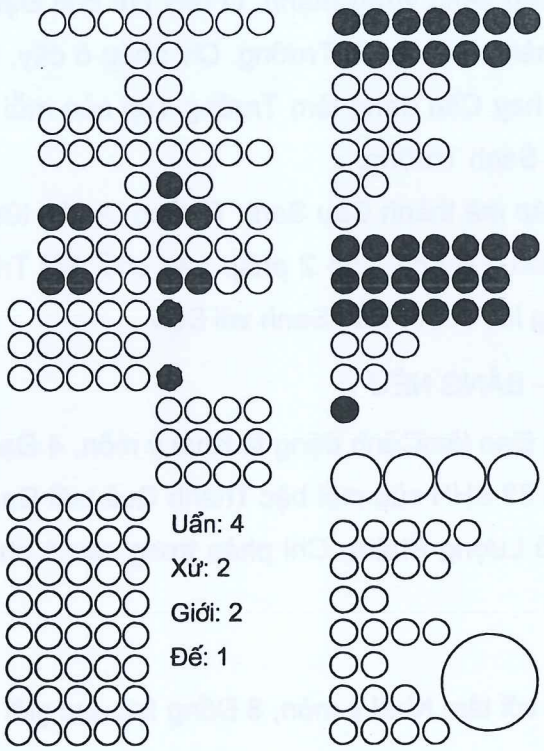

► Câu 2: Tất cả pháp có Đạo có Nhân gồm 3 phần

Phần I: Tất cả Pháp có Đạo đế làm Nhân là 4 Tâm Đạo và 28 Sở hữu hợp (trừ 8 Chi Đạo)

Chi pháp trong câu 2 phần Ichia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Đạo
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Đạo
3. Hành uẩn là 26 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và 8 Chi Đạo) hợp với tâm Đạo
4. Thức uẩn là tâm Đạo

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Đạo
2. Pháp xứlà 28 SH (đã trừ 8 Chi Đạo) hợp với tâm Đạo

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Đạo
2. Pháp giới là 28 SH (đã trừ 8 Chi Đạo) hợp với tâm Đạo

– Đế đặng 0 Đế:

Ngoại đế là Tâm Đạo và 28 SHH trừ Bátchi Đạo đế

Phần I:Tất cả Pháp có Đạo đế làm Nhân là 4 Tâm Đạo và 28 Sở hữu hợp (trừ 8 Chi Đạo)

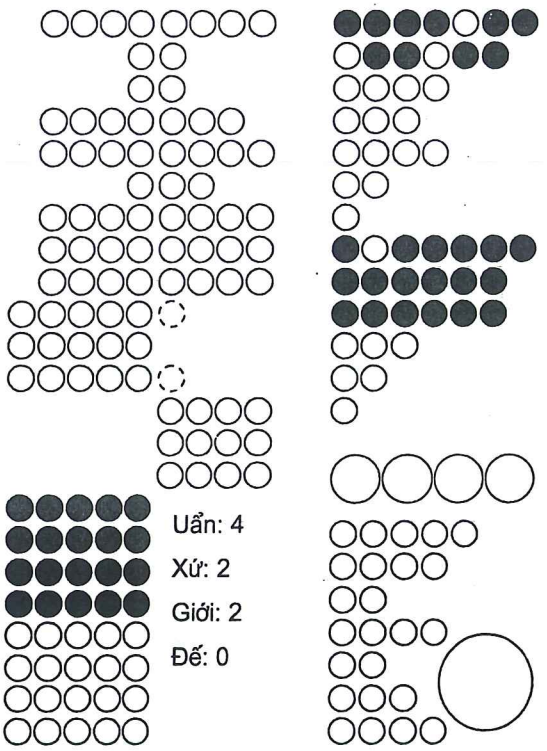

Phần II:Tất cả Pháp có Nhân Tương Ưng nhờ Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 34 Sở hữu hợp (trừ Vô Tham, Vô Sân)

Chi pháp trong câu 2 phần II chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Đạo
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Đạo
3. Hành uẩn là 32 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và Vô Tham, Vô Sân) hợp với tâm Đạo
4. Thức uẩn là tâm Đạo

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Đạo
2. Pháp xứlà 34 SH hợp với tâm Đạo (đã trừ Vô Tham, Vô Sân)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Đạo
2. Pháp giới là 34 SH hợp với tâm Đạo (đã trừ Vô Tham, Vô Sân)
3. Đế đặng 1 Đế : Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Đạo và 26 SHH (Đạo đế)

Tất cả Pháp có Nhân tương ưng nhờ Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 34 Sở hữu hợp (trừ Vô Tham, Vô Sân)

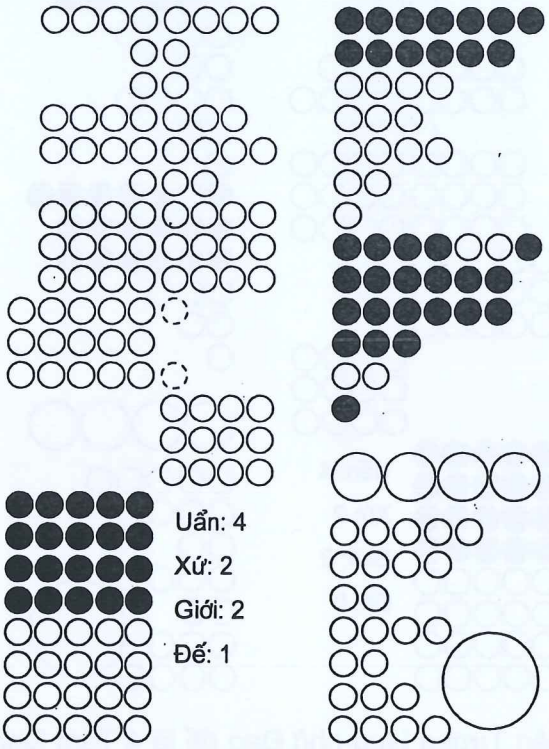

Phần III:Tất cả Pháp có Nhân Tương Ưng mà Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 35 SHH (trừ Trí)

Chi pháp trong câu 2 phần III chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Đạo
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Đạo
3. Hành uẩn là 35SH (đã trừ Thọ, Tưởng và Trí) hợp với tâm Đạo
4. Thức uẩn là tâm Đạo

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Đạo
2. Pháp xứlà 35 SH hợp với tâm Đạo (đã trừ Trí)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Đạo
2. Pháp giới là 35 SH hợp với tâm Đạo (đã trừ Trí)
3. Đế đặng 1 Đế:là Đạo đế làThất Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Đạo và 28 SHH (ngoài Đạo Đế)

Tất cả Pháp có Nhân tương ưng mà Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 35 SHH (trừ Trí)

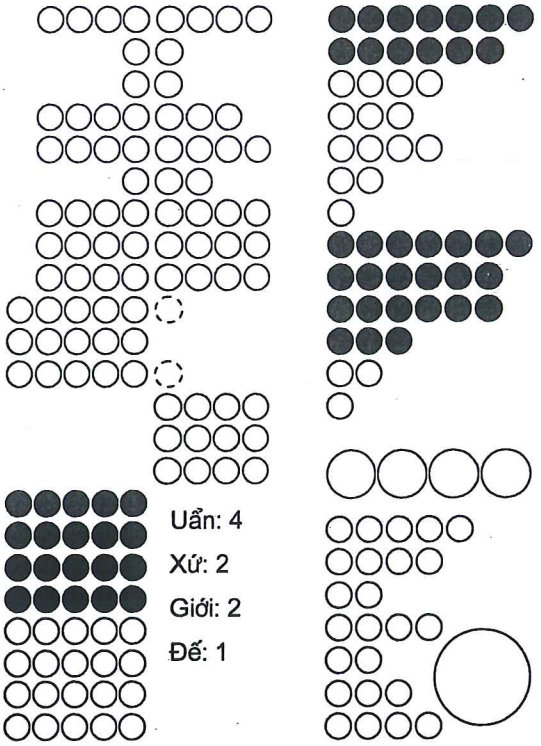

▶ Câu 3: Tất cả pháp có Trưởng là Đạo gồm 3 phần.

Phần I: Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng tức là Đạo, Khai ý môn, 4 thứ đại thiện, 4 thứ đại tố tương ưng, 2 thứ tâm thông và 33 thứ sở hữu hợp của mỗi bực Thánh Quả biết đạo

Chi pháp trong câu 3 phần thứ nhất chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông
3. Hành uẩn là 31 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông
4. Thức uẩn là tâm Khai ý môn, 4 thứ đại thiện, 4 thứ đại tố tương ưng, 2 thứ tâm thông

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông
2. Pháp xứlà 33 SH hợp với tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông

2. Pháp giới là 33 SH hợp với tâm Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông và 33 SHH

Phần I:Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng tức Đạo, Khai ý môn, 4 thứ Đại thiện, 4 thứ Đại Tố Tương Ưng, 2 thứ Tâm Thông và 33 thứ SHH của mỗi bực Thánh Quả biết Đạo

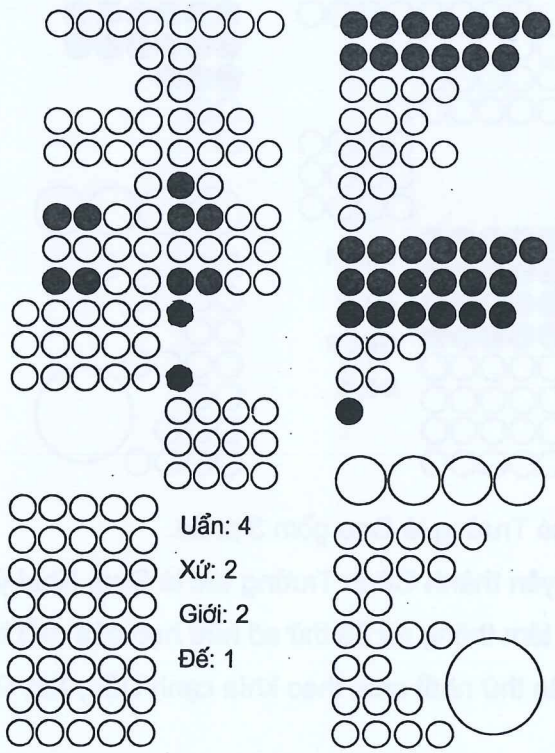

Phần II:Tất cả Pháp mà có duyên thành Câu Sinh Trưởng tức là Đạo hay 4 Tâm Đạo, 35 Sở hữu hợp (trừ Trí hay Cần đang làm Trưởng trại)

Chi pháp trong câu 3 phần thứ 2chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm Đạo
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Đạo
3. Hành uẩn là 33 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Đạo
4. Thức uẩn là tâm Đạo

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Đạo
2. Pháp xứlà 35 SH hợp với tâm Đạo

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Đạo
2. Pháp giới là 35 SH hợp với tâm Đạo

3. Đế đặng 1 Đế:Đạo đế làThất Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Đạo và 28 SHH trừ Đạo đế và Trí hay Cần đang làm Trưởng trại

Phần II:Tất cả Pháp mà có duyên thành Câu Sinh Trưởng tức là Đạo hay 4 Tâm Đạo, 35 SHH (trừ Trí hay Cần đang làm Trưởng trại)

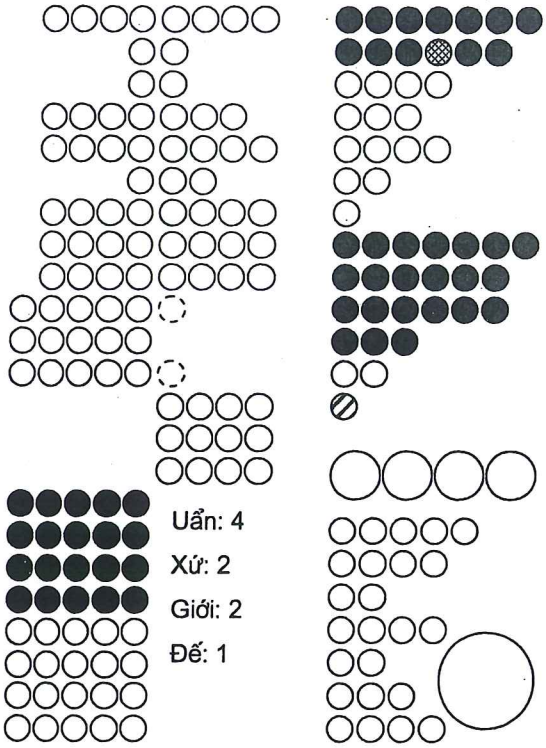

Phần III:Tất cả Pháp mà thành Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Đạo, là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh

Chi pháp trong câu 3 phần III chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩn đặng 1 Danh Uẩn: Hành uẩn là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh
- Xứ đặng 1 Xứ:Pháp xứlà Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh
- Giới đặng 1 Giới:Pháp giới là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh
- Đế đặng 1 Đế: Đạo đế là SH trí hay SH Cần tương ưng (hợp,hòa trộn) với tâm Thiện Siêu Thế

PhầnIII:Tất cả Pháp mà thành Câu Sinh Trưởng Duyên tức là Đạo, là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh

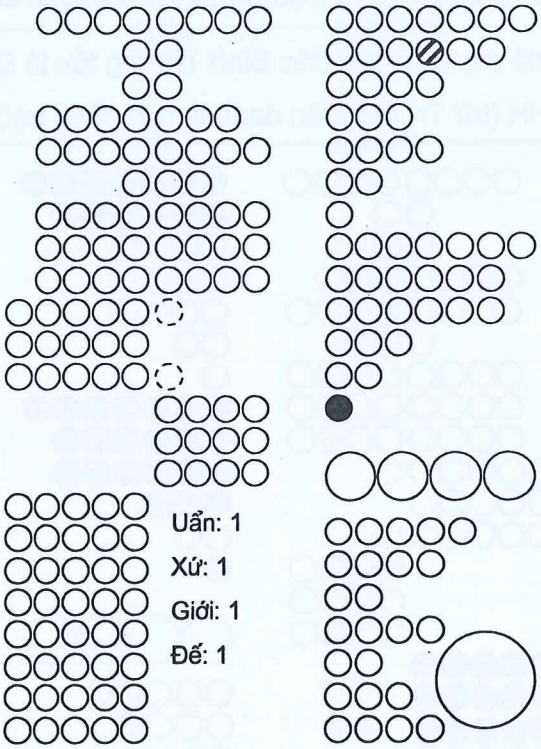

V. PHÂN GIẢI

Đây là phần đầu đề lấy 1 phần pháp Hữu Vi chia ra theo 3 khía cạnh:

- Tất cả pháp có Đạo làm cảnh (*Maggārammaṇā dhammā*)
- Tất cả pháp có Đạo,có nhân (*Maggahetukādhammā*)
- Tất cả pháp có Trưởng là Đạo*(Maggādhipatino dhammā)*

Vì lấy câu đầu đặt tên cho đề nên gọi tam đề này là tam đề chiết (tam đề chiết hữu dư). Tìm hiểu lần lượt 3 câu trong tam đề này như sau:

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Có Đạo Thành Cảnh:

Maggārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp có Đạo làm cảnh.

Trước hết, tìm hiểu Tâm Đạo là gì? Gọi tâm Đạo vì mượn Đạo đế mà kêu, nên có Pāḷi chú giải như vầy: Tâm có Đạo đế hợp hoặc Bát chi Đạo đế tương ưng thì tâm ấy gọi là tâm Đạo "*Maggana Sampayuttam cittam = Maggacittam*". Bát chi Đạo đế là Thánh Kiến (SHtrí tuệ), Thánh Tư duy (SHtầm), Thánh Ngữ (SHchánh ngữ), Thánh Nghiệp (SHchánh nghiệp), Thánh Mạng (SHchánh mạng), Thánh Tinh tấn (SH Cần), Thánh Niệm (SH Niệm), Thánh Định (SHnhất thống).

Sau khi tìm hiểu tâm Đạo là chi, tìm hiểu pháp có Đạo làm cảnh đặng là những pháp có trạng thái biết đặng Đạo Đế, vì pháp ấy có tâm Đạo làm đối tượng bị biết, vì vậy gọi là pháp

có Đạo làm cảnh. Hay nói cách khác, những pháp nào đang biết cảnh, mà cảnh đây là tâm Đạo, tức lấy tâm Đạo làm đối tượng thì pháp ấy gọi là pháp có Đạo làm cảnh đặng.

Về mặt chi pháp ta thấy tiến trình trật tự của các thứ tâm khi sanh lấy tâm Đạo làm cảnh là: Khai ý môn, Đại thiệnĐại Tố tương ưng 8, tâm Thông 2, và 33 SHH của mỗi bậc thánh Quả biết Đạo bằng hoặc thấp hơn (trừ Ngăn Trừ Phần và Vô Lượng Phần). Theo diễn tiến của dòng tâm thức ta thấy qua biểu đồ sau đây:

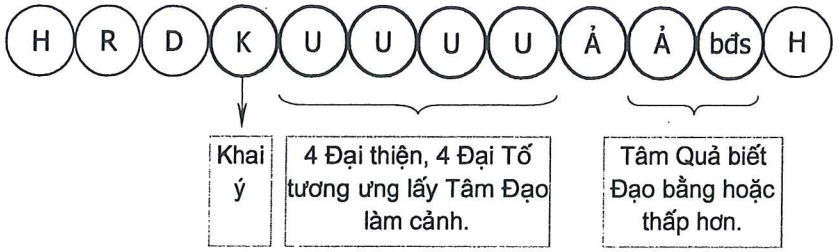

Cho nên: Pháp có Đạo làm cảnh đặng là những pháp biết Đạo Siêu thế vì lấy tâm Đạo làm cảnh cho những trạng thái tâm biết như: Khai ý, Đại thiện, Đại Tố Tương Ưng, hoặc tâm Thông biết đặng, vì vậy "Tất cả pháp có Đạo làm cảnh" đặng hay tất cả pháp có Đạo thành cảnh là những pháp biết đặng Đạo đế vì là pháp ấy có tâm Đạo làm đối tượng bị biết, thế nên gọi pháp có Đạo thành cảnh hay có Đạo làm cảnh đặng tức lấy tâm Đạo làm cảnh vậy.

Nói về chi pháp của câu thứ nhất: **Tất cả pháp có Đạo làm Cảnh đặng** là Khai ý môn, 4 Đại thiện và 4 Đại Tố Tương Ưng, 2 Tâm Thông và 33 SHH của mỗi bậc thánh biết đạo bằng hoặc thấp hơn.Tại sao chúng ta có chi pháp như vậy?

- Đối với 4 Tâm Đại thiệntương ưng sanh theo cơ tánh của bậc Thánh Quả hữu học để bắt lại Tâm Đạo làm cảnh sanh theo lộ nhập thiền quả.
- Đối với 4 Tâm Đại tố tương ưng của bậc Thánh Tứ Quả để bắt lại Tâm Đạo làm cảnh sanh theo lộ nhập thiền quả.
- Đối với Khai ý môn sanh theo lộ nhập thiền quả của từng bậc thánh quả.
- Đối với Tâm Thông thiện sanh theo cơ tánh của bậc Thánh Quả hữu học để bắt lại Tâm Đạo của người khác làm cảnh sanh theo lộ hiện thông như là tha tâm thông, túc mạng thông...
- Đối với Tâm Thông Tố của bậc Thánh Tứ Quả để bắt lại Tâm Đạo của người khác làm cảnh sanh theo lộ hiện thông như là Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Lậu Tận thông...

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Có Đạo Thành Cảnh:

Maggahetukādhammā - Tất cả Pháp Có Đạo Làm Nhân.

Đạo đế ở đây chỉ cho 4 hoặc 20 tâm Thiện Siêu thế và 28 SHH Tương Ưng Bát chi Đạo, là những pháp nhân tương ưng thành Đạo Đế, tuy nhiên nhân tương ưng thành Đạo đế hay pháp có Đạo có nhân tức vừa là Đạo vừa là nhân tương ưng là chỉ ngay pháp có nhân tương

ưng mà Đạo Đế. Trong nhân tương ưng mà thành chi Đạo đế chúng ta chỉ thấy có nhân Vô Si, mà nhân Vô Si là SH Trí Tuệ, mà SH Trí Tuệ tức là chi đạo Chánh Kiến. Như vậy, pháp có gặp nhân tương ưng thành Đạo đế tức là chỉ cho nhân Vô Singhĩa là những pháp nào tương ưng với nhân và nhân ấy thành chi Đạo đế (Tương ưng với nhân có 6 nhưng chỉ có nhân Vô Si và nhân ấy thành chi Đạo đế Chánh Kiến hay Thánh Kiến),vì vậy câu này (*Maggahetukādhammā)* theo sát nghĩa pháp có Đạo, có nhân là vậy (để rõ thêm, ta sẽ xét trên 2 câu phụ khác).Tất cả pháp có Đạo làm Nhân gồm 3 phần:

1. Nói về chi pháp của câu thứ hai phần thứ nhất"Tất cả Pháp có Đạo làm Nhân là 4 Tâm Đạo và 28 SHH (trừ Bát Chi Đạo)". Có Đạo làm nhân phải được hiểu như vầy - nhân ở đây ám chỉ cho nhân Vô Si, nhân Vô Si cũng là chi của Đạo tức gọi Tâm Đạo khi có Bát Chi Đạo Tương Ưng thì trở thành Đạo Đế, trong Đạo đế có chi đạo Chánh Kiến tức là SH Trí Tuệ, mà SH Trí Tuệ cũng là nhân tương ưng cho nên ta có câu Tất cả Pháp có Đạo làm Nhân là như vậy.
2. Nói về chi pháp của câu thứ hai phần thứ hai"Tất cả Pháp có Nhân tương ưng nhờ Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 34 SHH (trừ Vô Tham, Vô Sân)".Tại sao có chi pháp như vậy?
   - Có 4 Tâm Đạo hay Tâm Đạo đang sanh vì cóĐạo đế hợp,nghĩa là Tâm Đạo vì mượn Đạo đế mà kêu (Đạo đế tức là Bát chi đạo hợp Tâm Đạo).
   - Có 34 SHH (trừ Vô Tham, Vô Sân) vì Vô Tham và Vô Sân không phải là Chi Đạo nhưng là nhân tương ưng với Vô Si (SH Trí Tuệ). Cái lý ở đây: nhân tương ưng nhờ Đạo đế và những pháp câu sanh trong đó là nhờ vào nhân Vô Si tức chỉ cho 2 chi pháp bản chất SH Vô Tham và SH Vô Sân nhờ Vô Si và các pháp đồng sanh. Còn về SH Vô Si cũng là nhân tương ưng và cũng là Đạo đế nên không gọi nhờ Đạo Đế.

Rút gọn: Nhân Vô Tham và Vô Sân là nhân tương ưng nhưng phải nhờ Đạo Đế. Còn nhân Vô Si không nhờ Đạo đế vì là Đạo Đế.

3. Nói về chi pháp của câu thứ hai phần thứ ba "Tất cả Pháp có Nhân tương ưng mà Đạo đế là 4 Tâm Đạo và 35 SHH (trừ Trí)".Tại sao có chi pháp như vậy?
   - Có 4 Tâm Đạo, hay Tâm Đạo đang sanh vì có Đạo đế hợp. Nghĩa là Tâm Đạo vì mượn Đạo đế mà kêu (Đạo đế tức là Bát Chi Đạo hợp Tâm Đạo).
   - Có 35 SHH (trừ Trí) vì trong Đạo đế có chi đạo Chánh Kiến (SH trí tuệ) đồng thời cũng là nhân tương ưng (Vô Si) vì vậy chúng ta mới có câu "Tất cả Pháp có Nhân tương ưng mà Đạo Đế",nghĩa là trình bày cho thấy pháp bản chất Trí quyền vừa là đạo đế vừa là nhân tương ưng (1 pháp thực tính với 2 chức năng cùng phát sanh một lúc).

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Có Đạo Thành Cảnh:

Maggādhipatinodhammā - Tất cả Pháp có Trưởng là Đạo.

Câu này theo chú giải được phân thành 3:

- Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng.
- Tất cả Pháp mà có duyên thành Câu Sanh Trưởng.
- Tất cả Pháp mà thành Câu Sanh Trưởng Duyên.

Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng: là chỉ cho các bậc thánh quả biết Đạo khi sử dụng các thứ tâm Khai ý, Đại thiện, Đại Tố Tương Ưng, Tâm Thông và 33 SHH. Với lý pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng tức là lấy Đạo làm đối tượng mà các bậc thánh đặng biết với nhiều trường hợp phản khán phiền não và đạo quả, hoặc khi Tâm Đạo thành Cảnh lớn mạnh để cho Tâm Quả biết khi đắc đạo...

Tất cả Pháp mà có duyên thành Câu Sanh Trưởng: tức là chỉ cho sự trợ giúp của Thẩm Trưởng hay Cần Trưởng khi 2 Trưởng này đang làm Trưởng Trại đặng biết Đạo. Hay nói cách khác, là có sự trợ giúp từ mãnh lực duyên Câu Sanh Trưởng Duyên đặng biết Đạo. Mà Câu Sanh Trưởng Duyên tức là chỉ cho Tứ Trưởng (Dục, Cần, Tâm, Thẩm), nhưng ở đây chỉ lấy Cần và Thẩm vì có chi Pháp đồng với chi Đạo là Chánh Cần và Chánh Kiến để sự trợ giúp này phát huy tác động mạnh vững chắc khi câu sanh. Tức là 1 chi pháp, 1 trạng thái mà làm nhiều công việc như SH Cần về mặt Câu Sanh Trưởng là Cần Trưởng, SH Trí là Thẩm Trưởng; về mặt chi đạo, Cần là Thánh Tinh Tấn, Trí là Thánh Kiến...

Tất cả Pháp mà thành Câu Sanh Trưởng Duyên: lấy từ lý giải pháp Trưởng mà cũng là Đạo Đế. Pháp Trưởng đây là chỉ cho Câu Sanh Trưởng hoặc Cảnh Trưởng. Nhưng theo lý của câu 3 thì lấy Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh nên từ lý đó, đây thuộc về Câu Sanh Trưởng tức là tất cả pháp mà thành Câu Sanh Trưởng Duyên là Đạo, hoặc Trí hay Cần đồng sanh đối với chi Đạo và thành luôn Câu Sanh Trưởng Duyên. Cũng như trình bày lý 1 phần nào ở đoạn trên, chúng ta thấy pháp vừa là Đạo Đế, vừa là Trưởng. Một trạng thái song song 2 chức năng tức SH Cần vừa là Cần Trưởng, vừa là Chánh Tinh Tấn, hay SH Trí, vừa là Thẩm Trưởng, vừa là Chánh Kiến nên mới thành câu Tất cả pháp có Đạo thành Trưởng hoặc có Trưởng là Đạo *(Maggādhipatino dhammā)* là vậy.

Tất cả pháp có Trưởng là Đạo gồm 3 phần.

1. Nói về chi pháp của câu thứ ba phần thứ nhất "Tất cả Pháp mà duyên thành Cảnh Trưởng tức là Đạo, Khai ý môn, 4 Đại thiện, 4 Đại Tố Tương Ưng, 2 Tâm Thông và 33 SHH của mỗi bậc Thánh Quả biết Đạo". Tại sao chúng ta có chi pháp như vậy?
   - Đối với Khai ý môn, đây là tâm sanh theo lộ phản khán phiền não và đạo quả của từng bậc thánh quả.

- Đối với 4 Đại thiện Tương Ưng, đây là các thứ tâm làm việc Chuẩn Bị, Cận Hạnh, Thuận Tùng, Chuyển Tộc hay Dũ Tịnh của các bậc thánh quả để biết Tâm Đạo khi đang đắc đạo.
- Đối với 4 Đại Tố Tương Ưng, đây là các thứ tâm của bậc Thánh Tứ Quả để bắt lại Tâm Đạo làm cảnh sanh theo lộ đắc đạo tột mạng khán phiền não và đạo quả.
- Đối với Tâm Thông Thiện sanh theo cơ tánh của bậc Thánh Quả Hữu Học để bắt lại Tâm Đạo làm cảnh khi dùng lộ hiện thông như Tha Tâm Thông.
- Đối với Tâm Thông Tố của bậc Thánh Tứ Quả để bắt lại Tâm Đạo làm cảnh sanh khi dùng lộ hiện thông.
- Đối với 33 SHH là các pháp câu sanh với các thứ tâm trên.

2. Nói về chi pháp của câu thứ ba phần thứ hai "Tất cả Pháp mà có duyên thành Câu Sanh Trưởng tức là Đạo (4 Tâm Đạo), 35 SHH (trừ Trí hay Cần đang làm Trưởng Trại)". Tại sao có chi pháp như vậy?
   - Đối với 4 Tâm Đạo, đây là các thứ tâm sanh trong lộ đắc Đạo của các bậc thánh, là pháp có duyên thành Câu Sanh Trưởng với Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh.
   - Đối với 35 SHHlà các pháp câu sanh với các thứ tâm trên. Nhưng ở đâytrừ Trí hay Cần đang làm Trưởng Trại.
3. Nói về chi pháp của câu thứ ba phần thứ ba "Tất cả Pháp mà thành Câu Sanh Trưởng Duyên tức là Trí hay Cần đang làm Trưởng mạnh".Tại sao có chi pháp như vậy?
   - Đối với SH Trí, đây lấy trên khía cạnh Tứ Trưởng là Thẩm Trưởng để có sự trợ giúp bằng mãnh lực vững mạnh sáng suốt nên thành Câu Sanh Trưởng Duyên đặng biết Đạo. Vì cần sự kiên cố, vững chặt đối với quá trình diễn tiến của Tâm Đạo phát sanh.
   - Đối với SH Cần, đây lấy trên khía cạnh Tứ Trưởng là Cần Trưởng để có sự trợ giúp bằng mãnh lực vững mạnh lướt tới, khai đoan, mở mối, siêng năng nên thành Câu Sanh Trưởng Duyên đặng biết Đạo. Vì cần sự kiên cố, vững chặt đối với quá trình diễn tiến của Tâm Đạo phát sanh.
   - <u>Lưu ý :</u>

   a) Câu này chỉ cho Thánh Quả biết Đạo tức là Đạo thành cảnh trưởng, đồng thời cũng là năng duyên để trợ cho sở duyên Sở duyên ở đây là chỉ cho mỗi bậc Thánh Quả dùng Khai Ý, Đại Thiện, Đại Tố, Tâm Thông để đặng biết đạo đây thì đạo ấy là : cảnh trưởng duyên.

   b) Mà có duyên thành câu sanh trưởng nghĩa là trong sát na Đạo khi phát sanh phải có duyên (trợ) phải rất mạnh,phải rất lớn lao, phải rất vượt trội đó là pháp trưởng. Vây thì pháp trưởng đây là đề cập đến tứ trưởng. Khi đề cập đến tứ trưởng mà có sự liên quan

chi Đạo hay nằm trong Đạo Đế phải đề cập đến 2 pháp là : Cần và Trí để làm trưởng trại và cũng là Duyên, mà Duyên ấy thành câu sanh trưởng.

c) Mà thành câu sanh trưởng Duyên tức là trong sát na Đạo là chỉ cho trí hay cần mặc dù còn có những chi đạo khác nhưng ở đây đề cập đến thành câu sanh trưởng duyên nên pháp mà thành câu sanh trưởng duyên tức là trí và cần. Đang làm trưởng mạnh vậy.

Nên nhớ :

Vì trong giai đoạn Đạo Đế sanh là một mảnh lực vô cùng cực nhanh, chớp nhoáng để phá và tuyệt các trạng thái ngâm chìm, cuốn trôi, cột chặt...nên cần phải có những trạng thái thật mạnh, thật lớn lao để công pháo sự sôi nổi, nóng nảy đặng bức ra và không làm cho những trạng thái bất thiện tuyệt không còn sanh trở lại nên phải cần vào đối tượng mạnh (cảnh trưởng Duyên là Đạo) và pháp trưởng (câu sanh trưởng)

TAM ĐỀ THỨ 17: TAM ĐỀ SANH TỒN

(UPPANNATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Uppannā dhammā - Tất cả pháp Sanh Tồn.*
- *Câu 2: Anuppannā dhammā - Tất cả pháp Phi Sanh Tồn.*
- *Câu 3: Uppādino dhammā - Tất cả pháp sẽ Sanh (vì có Nhân sẵn).*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề và Nhị Đề ở câu 894, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp Sanh Tồn, pháp Phi Sanh Tồn, pháp sẽ Sanh như sau:

* *Chư pháp Sinh tồn trong khi có ra sao?*

Tâm Quả trong 4 cõi và Sắc Nghiệp tạo. Những chơn tướng này gọi là pháp Sanh Tồn cũng có, gọi là pháp sẽ Sanh cũng có, nhưng không đặng gọi là pháp chưa Sanh.

Tâm Bất thiện và tâm Thiện trong 4 cõi, tâm Vô ký Tố trong 3 cõi và Sắc phi nghiệp. Những chơn tướng này gọi là pháp đã Sanh cũng có, pháp chưa Sanh cũng có, mà không đặng gọi là pháp sẽ Sanh.

Còn Níp Bàn không nên nói: đã Sanh, chưa Sanh, hay sẽ Sanh.

II. THÍCH TỪ

- Sanh: có ra, sanh ra, sống, còn sống, những vật còn sống, sinh sản, nảy nở.
- Tồn: còn, đang còn, còn thực.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Sanh Tồn*(Uppannatika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Sanh Tồn, tất cả các Pháp Phi Sanh tồn và tất cả các Pháp Sẽ sanh.

1. Tất cả Pháp Sanh Tồn(*Uppannā dhammā*): đây là chỉ cho pháp hữu vi tồn tại có khả năng sinh trưởng sống còn. Hay nói cách khác, những pháp đang sanh mà chưa mất, tức là tồn tại trong 3 sát na sanh, trụ, diệt,vì khi một trạng thái pháp sanh lên phải có sự hiện bày, hiện hữu, dù thời gian rất ngắn, thời gian ấy tính bằng *khana* tức là sát na tâm, hoặc sát na sắc. Như vậy, Pháp đang sinh, trụ, diệt của Tâm, SH và Sắc Pháp thì Pháp ấy gọi là Pháp Sinh Tồn
2. Tất cả Pháp Phi Sanh Tồn (*Anuppannā dhammā*): là những trạng thái ngoài ra đang sinh, trụ, diệt của pháp hữu vi (trừ ra tâm quả và sắc nghiệp). Hay nói cách khác, Pháp Phi Sanh Tồn là những pháp chưa đặng sanh ra vì những pháp ấy chưa có sẵn nghiệp nhân làm hậu thuận, hoặc cũng sanh mà không chắc. Hay nói cách khác, Pháp Phi Sanh Tồn

tức là những pháp chưa xác định được sanh rõ rệt. Pháp mà xác định được nghiệp nhân rõ rệt là Tâm Quả và Sắc Nghiệp.

3. Tất cả Pháp Sẽ Sanh (vì có Nhân sẵn)(*Uppādino dhammā*): đây chỉ cho Tâm Quả và Sắc Nghiệp vì những pháp này là điều kiện xác định sẽ sanh. Do Tâm Quả và Sắc Nghiệp là pháp sẵn có nghiệp nhân, nếu gặp trường hợp đủ duyên sẽ phát sanh. Hay nói cách khác, Tâm Quả và Sắc Nghiệp là những pháp xác định sẽ sanh vì Tâm Quả và Sắc Nghiệp là thành tựu từ nghiệp nhân đã tạo,cũng như có hạt giống nếu gặp điều kiện đủ thì hạt giống sẽ nảy mầm.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

► Câu 1:Tất cả pháp Sanh Tồn tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đang sinh, trụ, diệt. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp đang sanh, trụ, diệt
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm đang sanh, trụ, diệt
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm đang sanh, trụ, diệt
4. Hành uẩn là 50SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm đang sanh, trụ, diệt
5. Thức uẩn là tâm đang sanh, trụ, diệt

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô đang sanh, trụ, diệt

11. Ý xứlà tâm đang sanh, trụ, diệt
12. Pháp xứ là Sắc tếđang sanh, trụ, diệt và 52 SH hợp vớitâm đang sanh, trụ, diệt

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô đang sanh, trụ, diệt

11. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới thức là Ngũ song thức đang sanh, trụ, diệt

16. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 76 hoặc 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới) đang sanh, trụ, diệt
18. Pháp giới là Sắc tếđang sanh, trụ, diệt và 52 SH hợp vớitâm đang sanh, trụ, diệt

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hiệp Thế, 51 SHH (trừ Tham) và Sắc Pháp đang sanh, trụ, diệt
2. Tập đế là SH Tham đang sanh, trụ, diệt
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế đang sanh ,trụ ,diệt.

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (trừ Đạo Đế) đang sanh, trụ, diệt

Tất cả pháp Sanh Tồn tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đang sinh, trụ, diệt

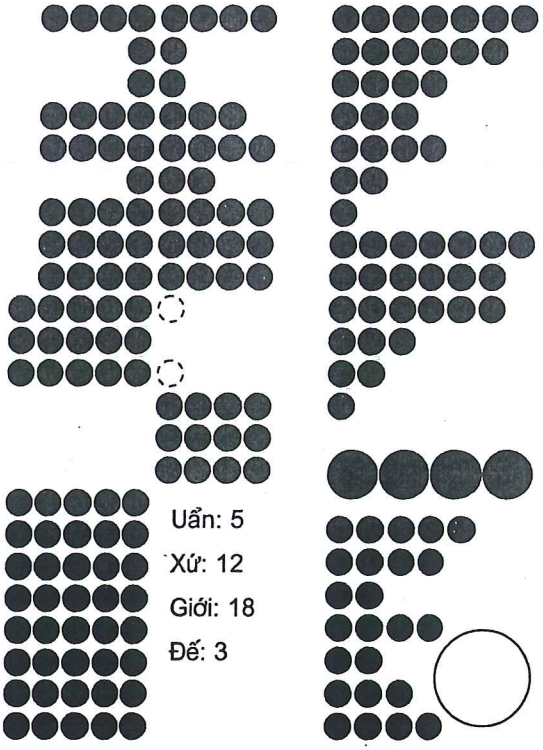

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Sanh Tồn là ngoài ra đang sanh, trụ, diệt của Pháp Hữu Vi (trừ ra Tâm Quả và Sắc nghiệp). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là Sắc phi nghiệp chưa sanh.
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.
4. Hành uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.
5. Thức uẩn là tâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.

– Xứ đặng 3 Xứ:

1. Thinh Xứ là Cảnh Thinh chưa sanh.
2. Ý xứlà tâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.
3. Pháp xứ là Sắc tế phi nghiệp chưa sanh, 52 SH hợp vớitâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh.

– Giới đặng 4 Giới:

1. Thinh Giới là Cảnh Thinh chưa sanh
2. Ý giớilà tâm Khai ngũ môn chưa sanh
3. Ý thức giới là tâm Thiện, Bất thiện, 19 thứ tâm Tố chưa sanh trừ Khai ngũ môn

4. Pháp giới là Sắc tế phi nghiệp chưa sanh, 52 SH hợp vớitâm Thiện, Bất thiện và tâm Tố chưa sanh

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là tâm Thiện Hiệp Thế, tâm Bất thiện, tâm tố và 51 SHH (trừ Tham) và Sắc phi nghiệp chưa sanh
2. Tập đế làSH Tham chưa sanh
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế chưa sanh

Ngoại đế là Tâm Thiện Siêu Thế và 28 SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Sanh Tồn là ngoài ra đang sanh, trụ, diệt của Pháp Hữu Vi (trừ ra Tâm Quả và Sắc nghiệp)

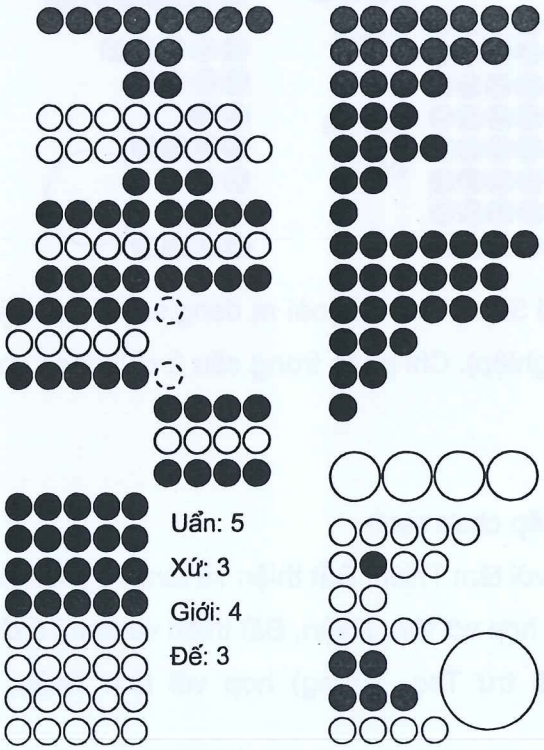

► Câu 3:Tất cả Pháp sẽ sanh (vì có Nhân sẵn) tức là Quả và Sắc Nghiệp. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là Sắc Nghiệp sẽ sanh.
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Quả sẽ sanh.
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Quả sẽ sanh.
4. Hành uẩn là36 SH(đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Quả sẽ sanh.
5. Thức uẩn làtâm Quả sẽ sanh.

– Xứ đặng 11 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
8. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
9. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Xứ Thô là 11 Sắc Thô sẽ sanh

10.Ý xứlàtâm Quả sẽ sanh

11.Pháp xứ là Sắc Nghiệptế sẽ sanh, 38 SH hợp với tâm Quả sẽ sanh

– Giới đặng 17 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Khí Giới là sắc cảnh Khí
8. Vị Giới là sắc cảnh Vị
9. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Giới Thô là 11 Sắc Thô sẽ sanh

10.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
11.Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
12.Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
13.Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
14.Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức sẽ sanh

15.Ý giớilà 2 tâm Tiếp thâu sẽ sanh

16.Ý thức giới là 40 tâm Quả sẽ sanh (trừ Ngũ song thức và đôi tiếp thâu)

17.Pháp giới là Sắc Nghiệptế sẽ sanh, 38 SH hợp với tâm Quả sẽ sanh

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm Quả hiệp thế,SHH và sắc nghiệp sẽ sanh

Ngoại đế là tâm Quả siêu thế và SHH sẽ sanh

Tất cả Pháp sẽ sanh (vì có Nhân sẵn) tức là Quả và Sắc Nghiệp

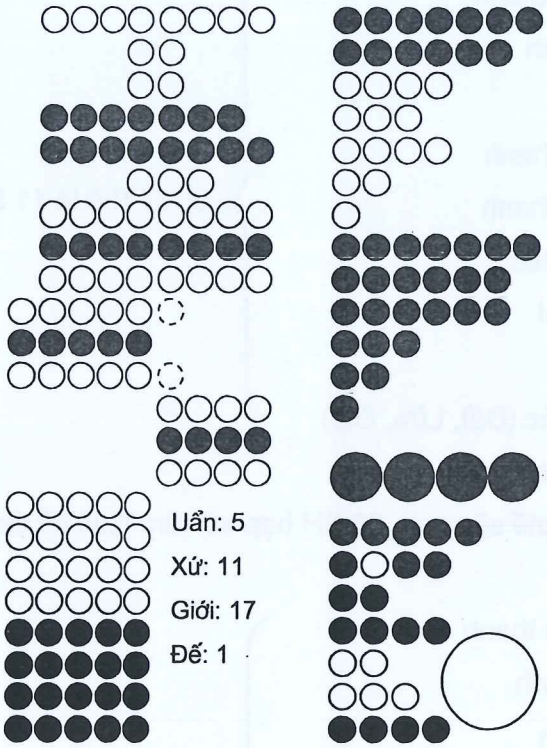

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Sanh Tồn: *Uppannā dhammā* - Tất cả Pháp Sanh Tồn.

Tất cả Pháp Sanh Tồn là chỉ cho trạng thái đang sanh mà chưa mất, chưa diệt, còn tồn tại trong 3 sát na tiểu sanh, trụ, diệt dù là danh hay sắc, tức là những thứ sắc hay những bọn sắc, hoặc tính trên khía cạnh sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực đang sanh, trụ, diệt trong một sát na sắc như:

- Lúc Tái tục thì có Sắc Nghiệp (Bọn Thân, Bọn Ý Vật, Bọn Sắc Tính) tồn tại trong một sát na sắc khi đang sanh.
- Lúc Bình nhật, chẳng hạn Sắc Tâm sanh Bọn Ngữ Thinh Kì Dị gồm Sắc Bất Ly, Khẩu biểu tri, Thinh, Sắc Kì Dị tồn tại trong một sát na sắc khi đang sanh.
- Lúc Bình nhật, chẳng hạn Bọn Quý Tiết Thinh Kì Dị gồm Sắc Bất Ly, Thinh, Kì Dị tồn tại trong một sát na sắc khi đang sanh.
- Lúc Bình nhật, chẳng hạn Bọn Sắc Vật Thực Kì Dị gồm Sắc Bất Ly và Kì Dị tồn tại trong một sát na sắc khi đang sanh.

Hoặc một sát na danh khi đang sanh nói trên phần Danh Uẩn:

- Thọ uẩn tức là SH Thọ hợp với Tâm đang sanh, trụ, diệt bao gồm Thiện, Bất thiện, Quả, Tố khi khởi trong một sát na đang sanh và tồn tại với sát na đang sanh đó.
- Tưởng uẩn tức là SH Tưởng hợp với Tâm đang sanh, trụ, diệt bao gồm Thiện, Bất thiện, Quả, Tố khi khởi trong một sát na đang sanh và tồn tại với sát na đang sanh đó.

- Hành uẩn tức là 50 SH ngoài ra Thọ và Tưởng hợp với Tâm đang sanh, trụ, diệt bao gồm Thiện, Bất thiện, Quả, Tố khi khởi trong một sát na đang sanh và tồn tại với sát na đang sanh đó.
- Thức uẩn tức là Tâm đang sanh, trụ, diệt bao gồm Thiện, Bất thiện, Quả, Tố khi khởi trong một sát na đang sanh và tồn tại với sát na đang sanh đó.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Sanh Tồn:

Anuppannā dhammā - Tất cả Pháp Phi Sanh Tồn.

Tất cả Pháp Phi Sanh Tồn là những pháp chưa đặng sanh ra vì chưa có sẵn nghiệp nhân thúc đẩy hoặc chưa được xác định sanh rõ rệt. Vì 12 thứ tâm BT, 37 Tâm Thiện, 20 Tâm Tố, 52 SH hợp với 69 thứ tâm là hợp về pháp phi sanh tồn.

Ở đây, chúng ta thấy Sắc phi nghiệp chưa sanh hay luôn đến Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn khi hợp với Tâm Thiện, Bất thiện và Tố (Thức uẩn) chưa sanh vì điều kiện chưa chắc chắn tức chưa khẳng định buộc sẽ sanh nên gọi là những pháp Phi Sanh Tồn hay chưa sanh là vậy.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Sanh Tồn:

Uppādino dhammā - Tất cả Pháp sẽ Sanh (vì có Nhân sẵn).

Tất cả Pháp sẽ Sanh (vì có Nhân sẵn) nghĩa là những pháp xác định sẽ sanh vì nghiệp nhân ấy đã thành tựu tức chỉ cho Tâm Quả và Sắc Nghiệp khi đủ duyên, đủ điều kiện sẽ phát sanh. Như người tạo việc thiện bằng nghiệp lực mạnh (đổng lực thứ nhất) thì sẽ trổ sanh trong 7 ngày hoặc sau 7 ngày, đây là pháp nhất định sẽ sanh. Hoặc người tạo ngũ nghịch nghiệp vô gián thì cũng sẽ nhất định pháp quả sẽ sanh cùng với sắc nghiệp đi theo nghiệp nhân đã tạo.Còn nhiều trường hợp khác cũng sẽ sanh khi thành pháp quả và Sắc Nghiệp nhưng phải gặp đủ yếu tố điều kiện thì mới khởi.

Tâm Quả là Tâm thành tựu từ tâm nhân bao gồm Thiện, Bất thiện, còn sắc nghiệp hay Sắc Nghiệp Thủ cũng từ nghiệp nhân mà có. Chúng ta có thể điểm qua một vài đơn cử như:

- 12 thứ tâm Bất thiện khi SH Tư hợp sau khi diệt rồi nếu có dịp thì trổ sanh tâm Quả Bất thiện Vô Nhân. Trong Tâm Quả Vô Nhân, khi sử dụng sẽ sanh những trạng thái pháp xấu hoặc tái tục vào khổ cảnh...
- Còn 37 Tâm Thiện phân thành Hiệp Thế và Siêu thế. Hiệp Thế là thành tựu những quả phúc an vui khi Tâm Đại Quả hoặc Quả Đáo Đại Trổ sanh. Đại Quả thì thành tựu nhiều mặt như sanh về cõi trời Lục Dục Thiên, Nhân Loại. Tâm Quả Đáo Đại thì sanh cõi Sắc và Vô Sắc. Riêng về Thiện Siêu thế thì nhất định thành tựu Quả Siêu thế tức là thứ tâm quả sanh cho các bậc thánh.

Giải ngoài đề: Níp Bàn không thể nói đã sanh, đang sanh và sẽ sanh.

TAM ĐỀ THỨ 18: TAM ĐỀ QUÁ KHỨ

(ATĪTATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Atītā dhammā - Tất cả pháp Quá Khứ.*
- *Câu 2: Anāgatā dhammā - Tất cả phápVị Lai.*
- *Câu 3: Paccuppannā dhammā - Tất cả pháp Hiện Tại.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề và Nhị Đề ở câu 895, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu lý trên khía cạnh pháp Quá khứ, pháp Hiện tại, pháp Vị lainhư sau:

Tất cả pháp trừ ra Níp Bàn cũng thành Quá Khứ, cũng thành Vị Lai, cũng thành Hiện Tại.

Còn Níp Bàn không đặng nói thành Quá khứ, Vị lai hay Hiện tại.

II. THÍCH TỪ

- Quá: Vượt, hơn, đã qua Khứ: Đi, bỏ, đã qua
- Hiện: hiển hiện, rõ ràng Tại: ở, còn, đang
- Vị: làm, như hành vi Lai: lại, đến, về sau

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Quá Khứ *(Atītatika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Quá Khứ, tất cả các Pháp Vị Lai và tất cả các Pháp Hiện Tại.

1. Tất cả Pháp Quá Khứ (*Atītā dhammā*): ở đây chỉ cho các pháp hữu vi, tức Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đã qua, đã diệt, đã mất, đã không còn tồn tại, như trong tiến trình, trật tự, thứ lớp của một lộ tâm thì chúng ta thấy khi:
   - Sát na Khai môn là quá khứ của sát na Ngũ song thức đang sanh.
   - Sát na Ngũ song thức là quá khứ của sát na Tiếp thâu đang sanh.
   - Sát na Tiếp thâu là quá khứ của sát na Thẩm tấn đang sanh.
   - Sát na Thẩm tấn là quá khứ của sát na Phân Đoán đang sanh.
   - Sát na Phân Đoán là quá khứ của sát na Đổng Lực đang khởi...

   Quá khứ gồm có quá khứ xa và quá khứ gần nhưng nói chung là thuộc những trạng thái đã qua rồi, đã không còn tồn tại trên cả danh và sắc. Ở đây, chỉ cho pháp bản chất Tâm và SH đã diệt hoặc Sắc Pháp đã tắt.
2. Tất cả Pháp Vị Lai (*Anāgatā dhammā*): ở đây chỉ cho các pháp hữu vi, tức Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp chưa sanh ra, chưa hiện bày, hiện hữunhư trong tiến trình, trật tự, thứ lớp của một lộ tâm thì chúng ta thấy khi:
   - Sát na Đổng Lực là vị lai của sát na Phân Đoán đang sanh.
   - Sát na Phân Đoán là vị lai của sát na tâm Thẩm tấn đang sanh.

- Sát na Thẩm tấn là vị lai của sát na Tiếp thâu đang sanh.
- Sát na Tiếp thâu là vị lai của sát na Ngũ song thức đang sanh.
- Sát na Ngũ song thức là vị lai của sát na Khai môn đang khởi...

Vị lai gồm có vị lai xa và vị lai gần nhưng nói chung là thuộc những gì chưa sanh ra, chưa hiện hữu, chưa hiện bày, chưa phát khởi. Ở đây chỉ cho pháp bản chất Tâm và SH chưa sanh hoặc Sắc Pháp chưa hiện bày.

3. Tất cả Pháp Hiện Tại (*Paccuppannā dhammā)*: ở đây chỉ cho các pháp hữu vi thuộc cả danh và sắc đang sanh, đang tồn tại, đang hiện bày tức là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đang sanh, trụ, diệt. Tức là sát na danh hay sát na sắc đang hiện bày.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Quá Khứ là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đã diệt. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp đã diệt
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm đã diệt
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm đã diệt
4. Hành uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm đã diệt
5. Thức uẩn là tâm đã diệt

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô đã diệt

11. Ý xứlà tâm đã diệt
12. Pháp xứlà 52 SH hợp với tâm đã diệt và sắc tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô đã diệt

11. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới thức là Ngũ song thức đã diệt

16. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn đã diệt
17. Ý thức giới là 76 hoặc 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới) đã diệt
18. Pháp giới là 52 SH hợp với tâm đã diệt và sắc tế

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hiệp Thế, 51 SHH (đã trừ Tham)và sắc pháp đã diệt
2. Tập đế làSH Tham đã diệt
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế đã diệt

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoài Đạo Đế) đã diệt

Tất cả Pháp Quá Khứ là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đã diệt

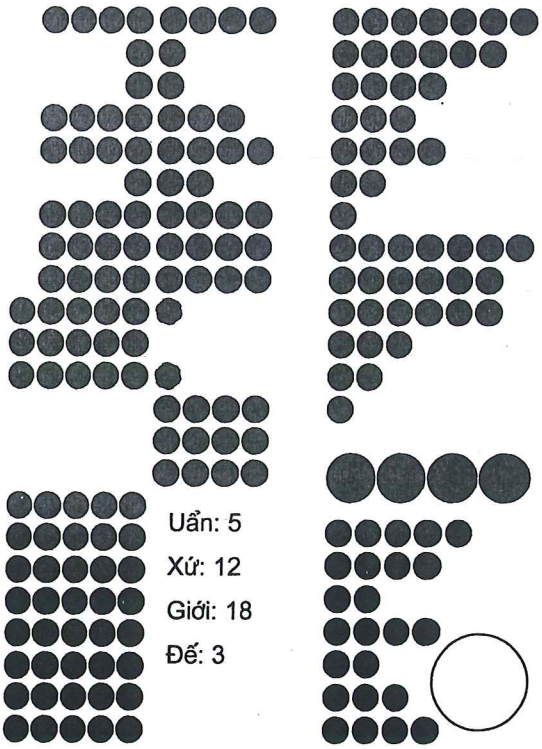

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vị Lai tức là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp sẽ sanh. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp sẽ sanh
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm sẽsanh
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm sẽsanh
4. Hành uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm sẽsanh
5. Thức uẩn là tâm sẽsanh

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô sẽsanh

11.Ý xứlà tâm sẽsanh

12.Pháp xứlà 52 SH hợp với tâm và sắc tế sẽsanh

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô sẽsanh

11.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức

14.Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới thức là ngũ song thức sẽsanh

16.Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn sẽsanh

17.Ý thức giới là 76 hoặc 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới) sẽsanh

18.Pháp giới là 52 SH hợp với tâm và sắc tế sẽsanh

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hiệp Thế, 51 SHH (trừ Tham) và sắc pháp sẽ sanh
2. Tập đế làSH Tham sẽsanh
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế sẽ sanh

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoài Đạo Đế) sẽsanh

Tất cả Pháp Vị Lai tức là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp sẽ sanh

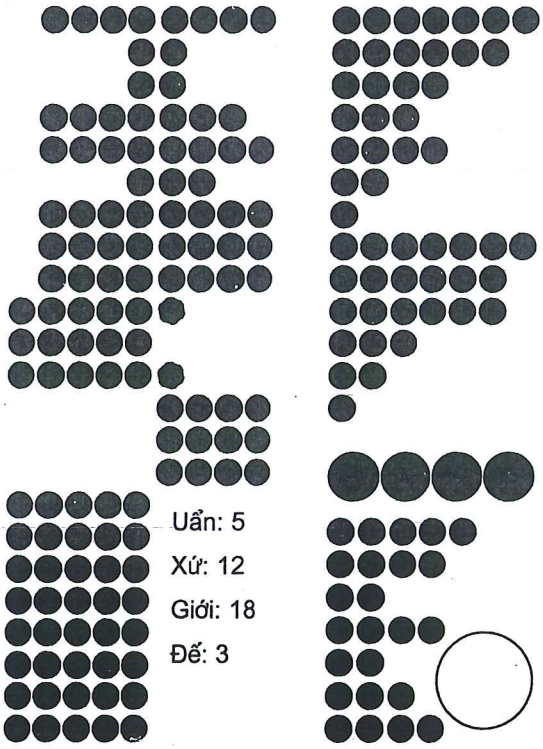

► Câu 3: Tất cả Pháp Hiện Tại tức là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đang sanh, trụ, diệt. Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là 28 Sắc Pháp đang còn
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với tâm đang còn
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm đang còn
4. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm đang còn
5. Thức uẩn là tâm đang còn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô đang còn

11.Ý xứ là tâm đang còn

12.Pháp xứ là 52 SH hợp với tâm và sắc tế đang còn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô đang còn

11.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức

12.Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức

13.Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức

14.Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức

15.Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới thức là ngũ song thức đang

16.Ý giới là Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn đang còn

17.Ý thức giới là 76 hoặc 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới) đang còn

18.Pháp giới là 52 SH hợp với tâm và sắc tế đang còn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hiệp Thế, 51 SHH (trừ Tham) và sắc pháp đang còn
2. Tập đế là SH Tham đang còn
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế đang còn

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoài Đạo Đế) đang còn

Tất cả Pháp Hiện Tại là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp đang sinh, trụ, diệt

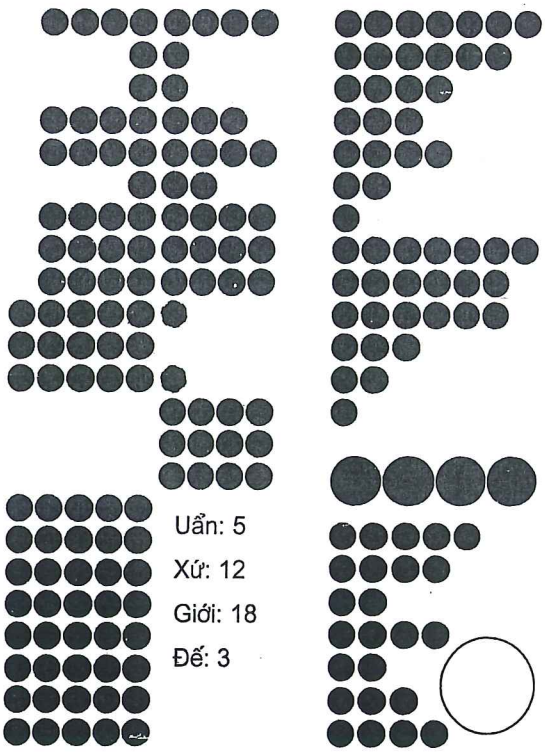

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Quá Khứ:*Atītā dhammā* - Tất cả Pháp Quá Khứ.

Đây chỉ cho những trạng thái nói về Tâm, SH và Sắc đã diệt, tức là những pháp đã qua dù danh hay sắc. Nếu nói theo pháp siêu lý thì khi 1 tâm sanh cùng với SH, sau khi hiện bày rồi tắt dứt thì gọi là pháp quá khứ. Luôn đến sắc pháp cũng vậy, một khi sanh rồi diệt qua thời kì tồn tại thì cũng gọi là pháp quá khứ. Như vậy, những pháp đã qua thì tất cả những trạng thái ấy gọi là pháp quá khứ.

Như là Sắc uẩn thì 28 Sắc Pháp đã diệt, Thọ uẩn tức là SH Thọ hợp với Tâm đã diệt, Tưởng uẩn tức là SH Tưởng hợp với Tâm đã diệt, Hành uẩn là 50 SH hợp với Tâm đã diệt trừ Thọ và Tưởng, Thức uẩn tức là Tâm đã diệt.Hay là Xứ Thô (tức Sắc Thô) đã diệt, Ý xứ tức Tâm đã diệt, Pháp xứ tức 52 SH hợp với Tâm và sắc tế đã diệt...

Khi nhận định được pháp quá khứ thì chúng ta nói đến các pháp hữu vi đã diệt mất rồi, trong đó nhận diện được sự biến chuyển của dòng tâm thức hay sự biến đổi Sắc pháp đã diệt.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Quá Khứ:*Anāgatā dhammā* - Tất cả Pháp Vị Lai.

Đây chỉ cho những pháp hữu vi hay Tâm, SH, Sắc pháp chưa sanh, chưa xảy ra, chưa hiện bày, tức là Tâm, SH, Sắc Pháp sẽ sanh (*Anāgatā dhammā*). Nói theo pháp siêu lý, thì khi một thứ tâm chưa sanh cùng với SH, chưa hiện bày thì gọi là pháp vị lai. Luôn đến sắc

pháp cũng vậy, một khi chưa sanh thì cũng gọi là pháp vị lai. Như vậy những pháp chưa sanh, chưa xảy ra thì tất cả những trạng thái ấy gọi là pháp vị lai.

Như là Sắc uẩn thì 28 Sắc Pháp chưa sanh, Thọ uẩn tức là SH Thọ hợp với Tâm chưa sanh, Tưởng uẩn tức là SH Tưởng hợp với Tâm chưa sanh, Hành uẩn là 50 SH hợp với Tâm chưa sanh trừ Thọ và Tưởng, Thức uẩn tức là Tâm chưa sanh.Hay là Xứ Thô (tức Sắc Thô) sẽ sanh, Ý xứ tức Tâm sẽ sanh, Pháp xứ tức 52 SH hợp với Tâm và sắc tế sẽ sanh...

Khi sẽ biết pháp vị lai sẽ sanh thì chúng ta nhận định còn sự luân chuyển của pháp hữu vi, tức là tiếp tục sẽ có ngũ uẩn, đây là ám chỉ cho sự luân hồi.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Quá Khứ:*Paccuppannā dhammā* - Tất cả Pháp Hiện Tại.

Nghĩa là những pháp đang còn, đây chỉ cho Tâm, SH, Sắc đang sanh, đang tồn tại. Nếu tính theo trạng thái pháp siêu lý, những pháp hiện tại là đang trong sát na trụ hiện tại.

Đây chỉ cho những pháp hữu vi hay Tâm, SH, Sắc Pháp đang còn, đang hiện bày, tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đang sanh, đang tồn tại (*Paccuppannā dhammā)*. Nói theo pháp siêu lý, thì khi 1 tâm sanh cùng với SH, đang hiện bày thì gọi là pháp hiện tại. Luôn đến sắc pháp cũng vậy, một khi đang sanh, đang tồn tại thì cũng gọi là pháp hiện tại. Như vậy những pháp đang sanh, đang xảy ra thì tất cả những trạng thái ấy gọi là pháp hiện tại.

Như là Sắc uẩn thì 28 Sắc Pháp đang sanh, Thọ uẩn tức là SH Thọ hợp với Tâm đang sanh, Tưởng uẩn tức là SH Tưởng hợp với Tâm đang sanh, Hành uẩn là 50 SH hợp với Tâm đang sanh trừ Thọ và Tưởng, Thức uẩn tức là Tâm đang sanh.Hay là Xứ Thô (tức Sắc Thô) đang sanh, Ý xứ tức Tâm đang sanh, Pháp xứ tức 52 SH hợp với Tâm và sắc tế đang sanh...

Nói chung, pháp hiện tại là trạng thái tính chung Tâm, SH, hoặc Sắc Pháp đang sinh, trụ, diệt.Khi biết pháp hiện tại đang sanh thì chúng ta sẽ rõ chư pháp hữu vi đang còn, đang hiện hữu và có tính chất điều hành trên 2 khía cạnh danh cũng như sắc, để nhận hiểu pháp luôn luôn chuyển động luân chuyển hiện bày trong từng sát na một mà làm bàn đạp để suy quán và tỉnh táo trước các cảnh. Vì có lúc quán uẩn đạt đến giai đoạn phổ thông tuệ là biết phớt qua hành vi quá khứ, hiện tại, vị lai của danh và sắc. Đặng vượt đến tiến thoái tuệ là trí tỏ ngộ pháp hiện tại biến đổi, nghĩa là trí tỏ ngộ thấy rõ sự tiến hóa và thoái hóa của danh và sắc đang còn để lần lượt tiến đến các tuệ cao hơn.

BÀI 7: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ–TAM ĐỀ NỘI PHẦN TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN –TAM ĐỀ HỮU KIẾN

TAM ĐỀ THỨ 19: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ

(ATĪTĀRAMMAṆĀTIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Atītārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Quá Khứ.*
- *Câu 2: Anāgatārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Vị Lai.*
- *Câu 3: Paccuppannārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Hiện Tại.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề ở câu: 896, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp biết Cảnh Quá Khứ, pháp biết Cảnh Hiện Tại, pháp biết Cảnh Vị Lainhư sau:

* ***Chư pháp biết cảnh Quá Khứ là chi?***

Tâm Thức vô biên xứ và Tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ, những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Quá Khứ.

Pháp biết cảnh Vị Lai không có, chỉ quyết phần nào.

* ***Chư pháp biết cảnh Hiện Tại ra sao?***

Ngũ song thức và 3 tâm ý giới, những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Hiện tại.

10 Tâm Dị Thục Quả Thiện hiện hành Dục giới, Ý Thức Giới đồng sanh với Xả Thọ, Tâm Quả Bất thiện, Tâm Tố, Ý thức giới Vô nhân đồng sanh với Hỷ Thọ, những chơn tướng này gọi là chư pháp cũng biết cảnh Quá Khứ, cũng biết cảnh Vị Lai, cũng biết cảnh Hiện Tại.

Tâm Bất thiện, Tâm Thiện Dục giới, 9 Tâm Tố hiện hành Dục giới, Tâm Tứ Thiền Sắc giới Thiện và Tố. Những chơn tướng này cũng biết cảnh Quá Khứ, Vị Lai và Hiện Tại, mà không đặng nói là chư pháp biết cảnh Quá Khứ, chư pháp biết cảnh Vị Lai hay chư pháp biết cảnh Hiện Tại.

Tam hoặc Tứ thiền thiện, Dị thục quả và Tố sắc giới luôn Dị thục quả tứ thiền với tâm Không vô biên xứ, tâm Vô sở hữu xứ, 4 Đạo và 4 Quả siêu thế. Những chơn tướng này không đặng nói là chư pháp biết cảnh Quá khứ, chư pháp biết cảnh Vị lai, chư pháp biết cảnh Hiện tại.Còn Sắc Pháp và Níp Bàn thuộc về pháp vô tri (không biết cảnh).

II. THÍCH TỪ

- Cảnh: đề mục, đối tượng, hay là phần bị biết của Tâm
- Nghĩa của các từQuá Khứ, Hiện Tại, Vị Laiđã giải ở phần Tam Đề 18

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Cảnh Quá Khứ *(Atītārammaṇātika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Biết Cảnh Quá Khứ, tất cả các Pháp Biết Cảnh Vị Lai và tất cả các Pháp Biết Cảnh Hiện Tại.

1. Tất cả Pháp Biết Cảnh Quá Khứ (*Atītārammaṇā dhammā*): Pháp đây là chỉ cho trạng thái của Tâm biết cảnh. Cảnh đây là Tâm, SH và Sắc Pháp đã diệt, đã qua rồi. Tại sao Tâm, SH, Sắc pháp đã diệt làm cảnh cho tâm sanh hiện tại biết?Bởi vì tâm sanh diệt liên tục mà một khi Tâm sanh là phải biết cảnh bao gồm cảnh quá khứ, cảnh hiện tại, cảnh vị lai. Trường hợp này nói về cảnh quá khứ nghĩa là Tâm, SH, Sắc pháp đã không còn, đã qua rồi trở thành đối tượng hay làm dịp cho tâm đang khởi đặng biết vì vậy mới có cảnh quá khứ. Hay nói cách khác, do mãnh lực duyên Ly khứ và Vô hữu buộc các pháp hữu vi phải rời, phải không còn để trở thành quá khứ thì đó gọi là cảnh quá khứ (*Atītārammaṇā dhammā*).
2. Tất cả Pháp Biết Cảnh Vị Lai (*Anāgatārammaṇā dhammā*): đây chỉ cho Tâm biết được các pháp hữu vi chưa khởi, tức làTâm, SH và Sắc Pháp chưa sanh thành cảnh (cho tâm hiện tại biết). Tại sao Tâm, SH, Sắc Pháp chưa sanh làm cảnh cho Tâm sanh hiện tại biết?Bởi vì Tâm sanh diệt liên tục mà 1 khi Tâm sanh là phải biết cảnh bao gồm cảnh quá khứ, cảnh hiện tại, cảnh vị lai. Trường hợp này nói về cảnh vị lai nghĩa là Tâm, SH, Sắc pháp chưa sanh ra trở thành đối tượng hay làm dịp cho tâm đang khởi đặng biết vì vậy mới có cảnh vị lai. Tâm hiện tại biết các pháp vị lai có thể theo cách chắc chắn như các Tâm Thông, hoặc theo cách suy tính thông thườngnhư 41 thứ Tâm Dục giới (đã trừ Ngũ song thức và ý giới). Đây là trạng thái Tâm trạng cảnh chưa sanh, mặc dù chưa sanh nhưng vẫn thành đối tượng cho tâm biết vì các pháp biết cảnh khi sanh lên trong đó có SH Tưởng tức Tưởng uẩn mà Tưởng là cách nhớ tưởng, sự nhớ tưởng, thái độ sanh từ Xúc phối hợp cùng Ý thức giới để cái nhớ bị biết do Tưởng đến như trong Chánh tạng Phật Ngài đã giải thích: "Tưởng nào là quá khứ, hiện tại, vị lai..." tức chỉ cho SH Tưởng thể hiện đặc tính:
   - Nhớ lại hay nhớ trùng, nhớ tưởng.
   - Nhớ nguyên do và tiêu chuẩn làm cho tưởng lại điểm duyên khởi.
   - Khắng khít tưởng trùng trước và sau hay cố nhớ y như trước.
   - Có cảnh hiện bày như trước hay đang hiện, tức cảnh tái hiện lại.
3. Tất cả Pháp Biết Cảnh Hiện Tại (*Paccuppannārammaṇā dhammā*): đây chỉ cho Tâm biết được các pháp hữu vi đang hiện bày, tức là Tâm, SH và Sắc Pháp đang hiện còn thành cảnh (cho tâm hiện tại biết).Tại sao Tâm, SH, Sắc Pháp đang còn làm cảnh cho Tâm sanh hiện tại biết?Bởi vì dù Tâm sanh diệt liên tục nhưng khi tâm biết cảnh là biết trong

hiện tại, tức một sát na hiện tại. Hay nói cách khác, pháp biết cảnh hiện tại tức là trạng thái tâm nhận diện Tâm, SH đang sanh hoặc Sắc Pháp đang hiện bày thành cảnh, nghĩa là Tâm, SH, Sắc Pháp thành đối tượng cho tâm đang sanh biết.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp biết cảnh Quá Khứ là 3 thứ Tâm Thức vô biên, 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 47 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
3. Hành uẩn là 45SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
4. Thức uẩn là tâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
2. Pháp xứlà 47 SH hợp vớitâm Thức Vô Biên, tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là 3 tâm Thức Vô Biên, 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
2. Pháp giới là47 SH hợp với3 tâm Thức Vô Biên, 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 3 tâm Thức Vô Biên, 3 tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 tâm Thông, 41 tâm Dục giới (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới) và 46 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp biết cảnh Quá Khứ là 3 thứ Tâm Thức vô biên, 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 47 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần)

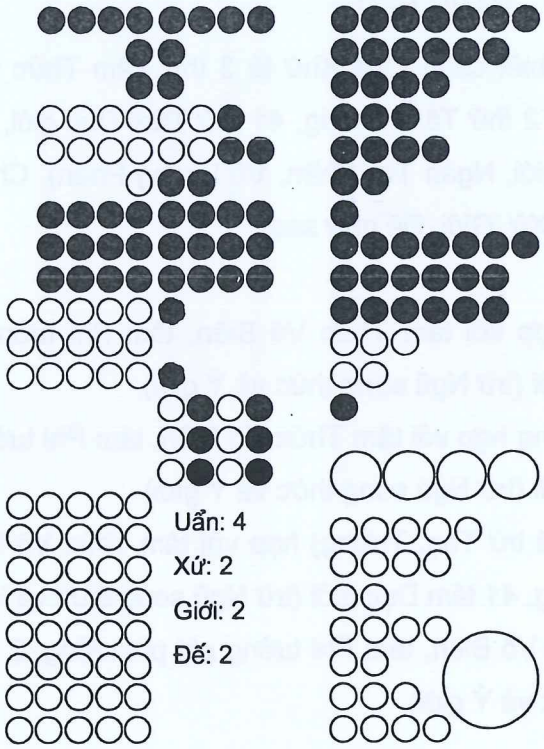

▶ Câu 2:Tất cả Pháp biết cảnh Vị Lai là 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới và Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm thông và 41 thứ tâm dục giới (đã trừ NST và ý giới)
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm thông và 41 tâm dục giới (đã trừ NST và ý giới)
3. Hành uẩn là 48 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, vô lượng phần) hợp với tâm thông và 41 thứ tâm dục giới (đã trừ NST và ý giới)
4. Thức uẩn là tâm Thông và 41 thứ tâm dục giới (đã trừ NST và ý giới)

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà tâm Thông và 41 thứ tâm dục giới (đã trừ NST và ý giới)
2. Pháp xứlà 50 SH hợp với tâm Thông và 41 thứ tâm Dục giới (đã trừ Vô lượng phần, NST, ý giới)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là 2 tâm Thông, 41 thứ tâm Dục giới (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
2. Pháp giới là 50 SH hợp với tâm Thông, 41 thứ tâm Dục giới (đã trừ Vô lượng phần, Ngũ song thức và ý giới)

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 2 tâm Thông, 41 thứ tâm Dục giới và 49 SHH (đã trừ Vô lượng phần, Tham, Ngũ song thức và ý giới)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp biết cảnh Vị Lai là 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới và Vô Lượng Phần)

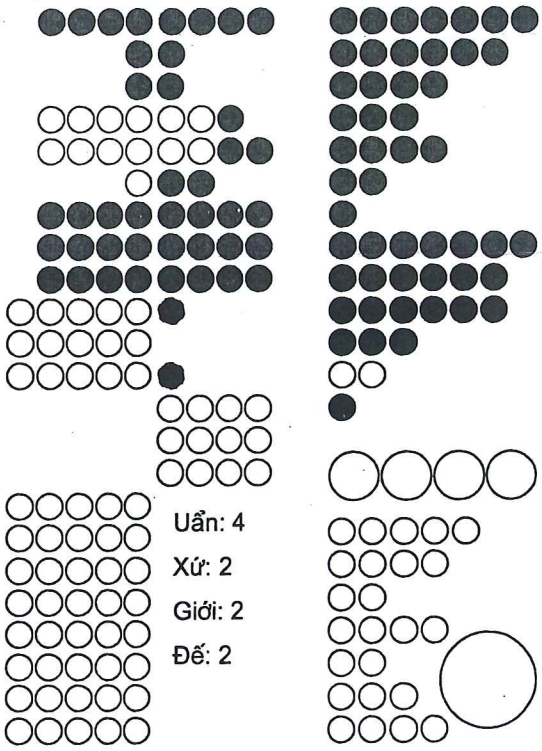

▶ Câu 3:Tất cả Pháp biết cảnh Hiện Tại là 54 thứ Tâm Dục giới, 2 thứ Tâm Thông, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Vô Lượng Phần).Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 2 tâm thông và 54 tâm dục giới
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với 2 tâm Thông và 54 tâm dục giới
3. Hành uẩn là 48 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, và Vô Lượng Phần) hợp với 2 tâm Thông và 54tâm dục giới
4. Thức uẩn là2 tâm Thông và 54 tâm dục giới

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà2 tâm Thông và 54 tâm dục giới
2. Pháp xứlà 50 SH (trừ Vô Lượng Phần) hợp với 2 tâm Thông và 54tâm dục giới

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
5. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới thức là Ngũ song thức

6. Ý giới là Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là 2 tâm Thông, 54 tâm Dục giới
8. Pháp giới là 50 SH(trừ Vô Lượng Phần) hợp với 2 tâm Thông, 54tâm Dục giới

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 2 tâm Thông, 54 tâm Dục giới và 49 SHH (đã trừ Vô lượng phần và Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp biết cảnh Hiện Tại là 54 thứ Tâm Dục giới, 2 thứ Tâm Thông, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Vô Lượng Phần)

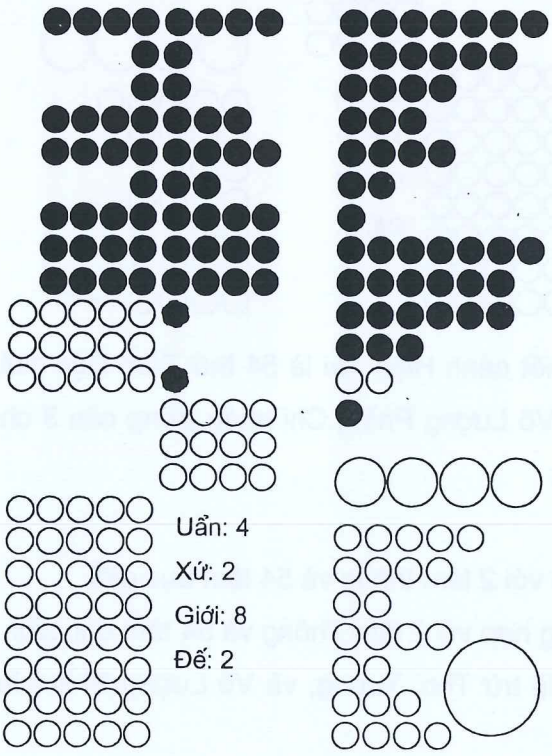

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Cảnh Quá Khứ:*Atītārammaṇā dhammā* - Tất cả Pháp Biết Cảnh Quá Khứ là trạng thái một số thứ tâm biết được Tâm, SH, Sắc đã diệt. Hay nói cách khác, những pháp biết cảnh quá khứ là biết cảnh đã diệt qua rồi.

Tại sao chúng ta có chi pháp của câu "Tất cả Pháp biết cảnh Quá Khứ" là 3 thứ Tâm Thức vô biên, 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 47 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới, Ngăn Trừ Phần, Vô Lượng Phần)?

Đối với 3 thứ tâm Thức vô biên xứ, đây là các thứ tâm bắt lại tâm Không vô biên đã diệt làm cảnh, nghĩa là bắt cảnh thật tứctâm Không vô biên + SHH, vì vậy mà biết cảnh quá khứ.

Đối với 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, đây là các thứ tâm bắt lại Tâm Vô Sở hữu đã diệt làm cảnh, tức là bắt cảnh thật là Tâm Vô Sở hữu + SHH, vì vậy mà biết cảnh quá khứ.

Đối với 2 thứ Tâm Thông, đây là các thứ tâm sanh ở cơ tánh các vị đắc ngũ thiền và có luyện thông để biết các pháp đã diệt, tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đã diệt, như là Túc mạng thông biết danh và sắc quá khứ đã diệt, hoặc Tha tâm thông biết được tâm suy nghĩ của người khác đã qua tùy theo bậc.

Đối với 41 Thứ Tâm Dục giớibiết các trạng thái quá khứ tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đã diệt làm cảnh. Đơn cử như Tâm Tham sanh rồi diệt, thành cảnh quá khứ cho Tâm Tham đang sanh biết. Hoặc Tâm Đại thiện sanh rồi diệt, thành cảnh quá khứ cho Tâm Đại thiện đang sanh biết...

Còn các thứ tâm trừ ra nhưNgũ song thức bắt cảnh ngay hiện tại theo cách cảnh xề trước mặt, còn Ý giới sanh theo lộ ngũ môn cũng bắt cảnh hiện tại nên các tâm này không kể là biết cảnh quá khứ.Đối với 47 SHH là lấy theo các thứ tâm kể trên. Trừ ra Ngăn Trừ Phần là các SH để thu thúc giữ giới ngay trong hiện tại, Vô lượng phần có đối tượng là chúng sanh, tức là đề mục chế định, là cảnh ngoại thời nên cũng không kể là các pháp biết cảnh quá khứ.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Cảnh Quá Khứ:*Anāgatārammaṇā dhammā* - Tất cả Pháp Biết Cảnh Vị Lai là trạng thái một số thứ tâm biết được Tâm, SH, Sắc chưa sanh. Hay nói cách khác, những pháp biết cảnh vị lai là biết cảnh chưa sanh ra.

Tại sao chúng ta có chi pháp của câu "Tất cả Pháp biết cảnh Vị Lai" là 2 thứ Tâm Thông, 41 thứ Tâm Dục giới, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Ngũ Song Thức, Ý giới và Vô Lượng Phần)?

Đối với 2 thứ Tâm Thông, đây là các thứ tâm diệu trí nên mãnh lực biết rất mạnh như Túc Mạng Thông, Tha Tâm Thông...

Đối với 41 thứ Tâm Dục giớibiết các trạng thái vị lai tức là Tâm, SH, Sắc Pháp chưa sanh làm cảnh. Đơn cử như là Tâm Tham đang sanh bắt Tâm Tham sẽ sanh là cảnh vị lai, tức là

nghĩ đến ái dục. Hoặc Tâm Đại thiệnđang sanh bắt Tâm Đại thiệnsẽ sanh làm cảnh vị lai, như là nghĩ đến bố thí, trì giới, tu tiến...

Ngũ song thức bắt cảnh ngay hiện tại theo cách cảnh xề trước mặt, còn Ý giới sanh theo lộ ngũ môn cũng bắt cảnh hiện tại nên các tâm này không kể là biết cảnh vị lai.

50 SHH là lấy theo các thứ tâm vừa nêu,trừ ra Vô lượng phần có đối tượng là chúng sanh, tức là đề mục chế định, là cảnh ngoại thời nên cũng không kể là các pháp biết cảnh vị lai.

- Câu thứ ba trong Tam Đề Cảnh Quá Khứ:*Paccuppannārammaṇā dhammā* - Tất cả Pháp Biết Cảnh Hiện Tại là trạng thái một số thứ tâm biết được Tâm, SH, Sắc đang còn, đang hiện bày. Hay nói cách khác, những pháp biết cảnh hiện tại là biết cảnh đang còn.

Tại sao chúng ta có chi pháp của câu "Tất cả Pháp biết cảnh Hiện Tại" là 54 thứ Tâm Dục giới, 2 thứ Tâm Thông, 50 thứ Sở hữu hợp (trừ Vô Lượng Phần)?

Đối với 54 thứ Tâm Dục giớibiết các trạng thái hiện tại tức là Tâm, SH, Sắc Pháp đang còn làm cảnh. Đơn cử như Tâm Đại thiện đang sanh thì trong đó có những pháp đồng sanh mang tính chất thanh lọc cơ tánh như là tu tiến. Hoặc nói cách khác vì trong các pháp đồng sanh khi Tâm Đại thiệnkhởi biết bao gồm Tín, Niệm, Tàm, Úy, Vô Tham, Vô Sân... tức là Tâm Đại thiện biết cảnh hiện tại bằng Thiện (Tâm bắt cảnh hiện tại với trạng thái tịnh hảo).

Đối với 2 thứ Tâm Thông, đây là các thứ tâm diệu trí để biết các pháp đang sanh như là Tha tâm thông biết Tâm người khác đang sanh.

50 SHH là lấy theo các thứ tâm vừa nêu,trừ ra Vô lượng phần có đối tượng là chúng sanh, tức là đề mục chế định, là cảnh ngoại thời nên cũng không kể là các pháp biết cảnh hiện tại.

TAM ĐỀ THỨ 20: TAM ĐỀ NỘI PHẦN

(AJJHATTATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ajjhattā dhammā - Tất cả pháp Nội Phần.*
- *Câu 2: Bahiddhā dhammā - Tất cả pháp Ngoại Phần.*
- *Câu 3: Ajjhattabahiddhā dhammā - Tất cả pháp Nội và Ngoại Phần.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề và Nhị Đề ở câu: 897, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp Nội Phần, pháp Ngoại Phần, pháp Nội và Ngoại phần như sau:

Tất cả pháp trừ ra Sắc Pháp không liên hệ với Quyền (indrīya) và trừ ra Níp Bàn, ngoài ra đó thành pháp Nội phần (Ajjhattā dhammā) cũng có, thành pháp Ngoại phần (bahiddhā dhammā) cũng có, thành pháp Nội phần và Ngoại phần (Ajjhattabahiddhā dhammā) cũng có.

Còn Pháp không liên quan với Quyền và Níp Bàn đều thuộc về pháp Ngoại Phần.

II. THÍCH TỪ

- Nội: ở trong Phần: phần, bộ phận
- Ngoại: ngoài, phàm cái gì ở bề ngoài đều gọi là ngoại, không phải ở trong phạm vi của mình gọi là ngoại

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Nội phần *(Ajjhattatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Nội Phần, tất cả các Pháp Ngoại phần và tất cả các Pháp Nội và Ngoại Phần.

1. Tất cả Pháp Nội Phần (*Ajjhattā dhammā*): Pháp phát sanh trong tự nội thân là chỉ cho Tâm, SH, Sắc Pháp sanh nơi thân, ám chỉ Sắc Uẩn, Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn và Thức uẩn. Sắc uẩn nói nôm na là chỉ phần thân bao gồm sắc nghiệp, sắc tâm, sắc quý tiết, sắc vật thực.Thọ uẩn là chỉ cho sự cảm nhận. Tưởng uẩn là ám chỉ cho sự nhớ, tưởng, trạng cảnh. Hành uẩn là ám chỉ cho sự hoạt động của Xúc, Tư, Nhất thống, Mạng quyền... cho đến Trí Tuệ, 3 khối Uẩn này hòa trộn với Thức uẩn là cái biết mà phát sanh trong thân tâm ta nên gọi là Pháp Nội phần (*Ajjhattā dhammā*).
2. Tất cả Pháp Ngoại phần (*Bahiddhā dhammā*): là những pháp nào ngoài ra ngũ uẩn bên trong tức là ngũ uẩn bên ngoài và Níp Bàn thì pháp ấy gọi là Pháp Ngoại Phần. Hay nói cách khác, Pháp Ngoại phần là pháp siêu lý ngoài ra thân tâm ta mà thành riêng tư người khác, sanh cho tự người khác...
3. Tất cả Pháp Nội và Ngoại phần (*Ajjhattabahiddhā dhammā*): là những pháp trong và ngoài thân tâm ta, hay là những pháp siêu lý có sanh trong tự thân và ngoài tự thân, xét

về một khía cạnh tức ám chỉ ngũ uẩn nói chung trong và ngoài thân tâm ta, đứng về khía cạnh pháp nội phần là phần hạn chế không lấy siêu lý vô vi tức chân đế vô vi là Níp Bàn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Nội phần là Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp trong thân ta.Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩn là Tâm

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà Tâm
12. Pháp xứ là Sắc Tế, 52 SH hợp với Tâm

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12.Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13.Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14.Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15.Thân thức giới là đôi Thân thức
} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức
16.Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17.Ý thức giới là108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18.Pháp giới là Sắc Tế và 52 SH hợp với Tâm

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Pháp, tâm Hiệp thế và51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Nội Phần là Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp trong thân ta

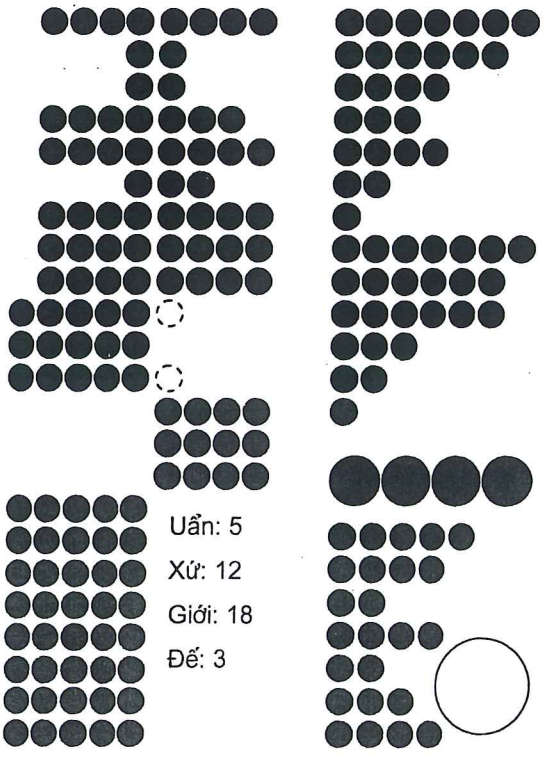

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Ngoại phần là Níp Bàn, Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp ngoài thân ta. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm

4. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩn là Tâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà Tâm
12. Pháp xứ là Sắc Tế, 52 SH hợp với Tâm và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là Sắc Tế, 52 SH hợp với Tâm và Níp Bàn

– Đế đặng 4 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham
3. Diệt đế làNíp Bàn
4. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Ngoại phần là Níp Bàn, Tâm, Sở Hữu, Sắc Pháp ngoài thân ta

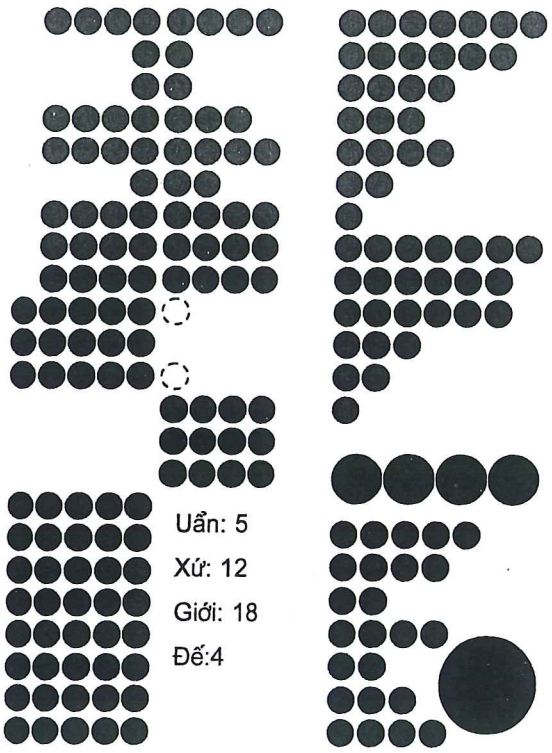

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Nội và Ngoại phần là Tâm, Sở hữu và Sắc pháp.Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc Pháp
2. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩn là Tâm

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý xứlà Tâm
12. Pháp xứ là Sắc Tế và 52 SH hợp với Tâm

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc giới là Sắc Cảnh Sắc
7. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
15. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 108 tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là Sắc Tế và 52 SH hợp với Tâm

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đếlà tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

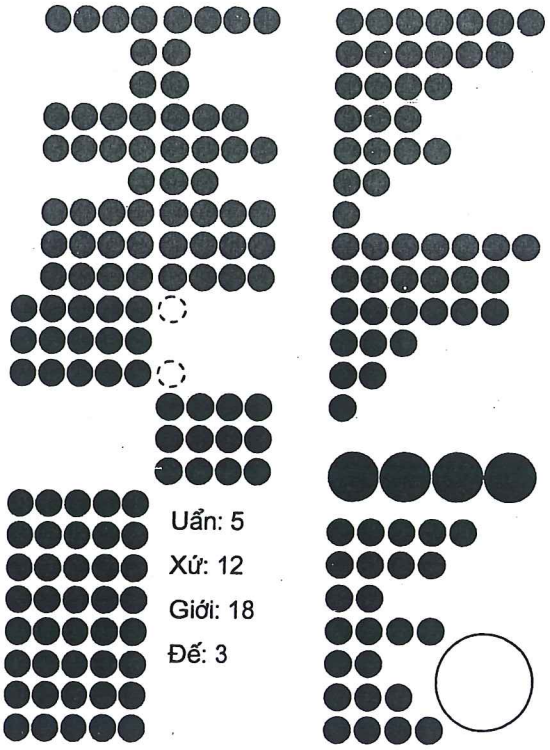

Tất cả Pháp Nội và Ngoại phần là Tâm, Sở hữu và Sắc Pháp

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Nội Phần:*Ajjhattā dhammā* - Tất cả Pháp Nội Phần.

Như trong phần Chánh tạng, bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅgini*) Phật Ngài có dạy:

Pháp nào thành bên trong là chỉ cho thuộc về phần thân tâm ta phát sanh bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức mà sự luân chuyển do nghiệp quá khứ để lại tâm quả và sắc nghiệp thành Ngũ Uẩn Thủ.

Thành phần ta: đây là Ngài dùng chế định để chỉ cho Danh Uẩn và Sắc uẩn của mỗi chúng sanh như người, trời, chư thiên, ma vương, bàng sanh, địa ngục...

Sanh cho ta: tức là theo nghiệp tái tục do từ nghiệp nhân để sự luân chuyển của 5 Uẩn mà phát sanh tự thân theo mỗi chúng sanhdo nghiệp hữu và sanh hữu.

Thành của riêng mỗi người: là nói về mỗi chúng sanh theo nghiệp lực của mình, thiện, Bất thiện mà phải chịu sự điều hành phức tạp của Ngũ Uẩn Thủ.

Thành pháp thủ của mỗi chúng sanh:Thủ là sựchấp lấy, ôm ấp, chấp cứng cảnh. Đây chỉ cho Tham Ái nặng mà thành ra chấp cứng cảnh lục dục (Dục Thủ). Chấp cứng theo sự thấy sai (Tà Kiến Thủ). Chấp cứng theo giới của ngoại giáo, tức ám chỉ tà giới (Giới Cấm Thủ). Không bỏ rơi ngã chấp (Ngã Chấp Thủ).Do đó, thành pháp thủ của mỗi chúng sanh là chỉ bày ...Ái, Thủ, Hữu, Sanh... mà bị chi phối bởi Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức từ đời này sang kiếp khác thành một chuỗi bám giữ lấy nhau để thành một vòng xoay Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, Lão Tử Sầu Khóc Khổ Ưu Ai duyên Vô Minh.Thành pháp thủ của mỗi người, chúng ta thấy:

- Như là sự vừa lòng trong dục... "sự vùi mài trong dục". Như thế gọi là Dục Thủ.
- Như là sự nhận thấy rằng bố thí rồi không có quả phước. Cách cúng dường Tam Bảo cũng không có quả phước... Còn Sa Môn, Bà La Môn mà bậc chuyên tu hành đúng tự mình đắc chứng tỏ ngộ đời này và đời khác rồi tuyên bố cho người khác biết, cả thế giới đều không có. Sự nhận thấy theo thiên kiến... Cách chấp bằng lối dị đoan. Nếu có những trạng thái như thế mới gọi là Tà kiến Thủ.
- Như là Sa Môn, Bà La Môn, ngoại giáo có sự nhận thấy rằng cách trong sạch có thể đặng là do giới, do hành. Nhận thấy chỉ có giới hành đó là thiên kiến... Cách chấp theo lối dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế gọi là Giới Cấm Thủ.
- Như là phàm phu trong đời này có người thiếu học vấn, không đặng thấy thánh nhân, không rành trong pháp của thánh nhân, không đặng thụ huấn trong pháp của thánh nhân, không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, mới nhận thấy Sắc là ta, hay ta có Sắc, hoặc thấy Sắc trong ta, hay là nhận thấy ta trong Sắc. Vẫn nhận thấy Thọ là ta... nhận thấy Tưởng là ta... nhận thấy Hành là ta... nhận thấy Thức là ta... Hay nhận thấy ta có Thức, hoặc nhận thấy Thức trong ta, hay là nhận thấy ta trong Thức, sự nhận thấy thiên kiến... Cách chấp theo dị đoan. Nếu có những tướng trạng như thế, mới gọi là Ngã Chấp Thủ.

Như vậy, thành pháp thủ của mỗi chúng sanh mang tính chất ôm cứng, bít lối tạo điều kiện cho Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chi phối và điều hành phát sanh tự nội thân.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Nội Phần:*Bahiddhā dhammā* - Tất cả Pháp Ngoại Phần.

Cũng theo Chánh tạng, bộ Pháp Tụ, Đức Phật Ngài đã dạy:

"Những pháp nào thành phần ngoài là chỉ cho thuộc về phần thân tâm của chúng sanh khác phát sanh bao gồm Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức mà sự luân chuyển do nghiệp quá khứ để lại tâm quả và sắc nghiệp của chúng sanh đó thành Ngũ Uẩn Thủ."

Thành riêng tư người khác: đây là Ngài dùng chế định để chỉ cho Danh Uẩn và Sắc uẩn của riêng người khác ngoài ta như người, trời, chư thiên, ma vương, bàng sanh, địa ngục...

Sanh cho tự người khác: tức là chúng sanh đó sanh theo nghiệp tái tục do từ nghiệp nhân đặng nghiệp quả, để sự luân chuyển của 5 Uẩn mà phát sanh theo mỗi chúng sanh ấy do nghiệp hữu và sanh hữu.

Thành của riêng mỗi người khác: là nói về mỗi chúng sanh khác theo nghiệp lực của mình, thiện hay Bất thiện mà phải chịu sự điều hành phức tạp của Ngũ Uẩn Thủ.

Thành pháp thủ của mỗi chúng sanh khác: Thủ là sự chấp lấy, ôm ấp, chấp cứng cảnh. Đây chỉ cho Tham Ái nặng mà thành ra chấp cứng cảnh lục dục (Dục Thủ). Chấp cứng theo sự thấy sai (Tà Kiến Thủ). Chấp cứng theo giới của ngoại giáo, tức ám chỉ tà giới (Giới Cấm Thủ). Không bỏ rơi ngã chấp (Ngã Chấp Thủ).Từ đó, thành pháp thủ của mỗi chúng sanh khác là chỉ bày ...Ái, Thủ, Hữu, Sanh... mà bị chi phối bởi Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức từ đời này sang kiếp khác thành 1 chuỗi liên hoàn bám giữ lấy nhau để thành 1 vòng xoay Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc, Danh Sắc duyên Lục Nhập, Lục Nhập duyên Xúc, Xúc duyên Thọ, Thọ duyên Ái, Ái duyên Thủ, Thủ duyên Hữu, Hữu duyên Sanh, Sanh duyên Lão Tử Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, Lão Tử Sầu Khóc Khổ Ưu Ai duyên Vô Minh.Như vậy, "Thành pháp thủ của mỗi chúng sanh khác" mang tính chất ôm cứng, bít lối, thành ra tạo điều kiện cho Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức chi phối và điều hành phát sanh của chúng sanh đó.

Níp Bàn gọi là Pháp Ngoại phần vì cách sanh lên do tâm Siêu thế bắt cảnh, mà cảnh ở đây chỉ là đối tượng nên thuộc ngoài thân, vì vậy cũng tính Níp Bàn là ngoại phần.

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Nội Phần:

Ajjhattabahiddhā dhammā - Tất cả Pháp Nội và Ngoại Phần.

Là những pháp của 2 phần kể trên gom lại để chúng ta thấy sự tổng lược của cái gọi là chúng sanh, bao hàm Tâm, SH, Sắc Pháp hay chỉ là Danh Uẩn và Sắc Uẩn, hoặc là Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức. Những thực tính này, chân tướng ấy gọi là Chư pháp Nội và Ngoại phần (*Ajjhattabahiddhā dhammā*).

TAM ĐỀ THỨ 21: TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN

(AJJHATTĀRAMMAṆATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ajjhattārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Nội Phần.*
- *Câu 2: Bahiddhārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Ngoại Phần.*
- *Câu 3: Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā - Tất cả pháp biết Cảnh Nội và Ngoại Phần*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề ở câu: 898, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp biết Cảnh Nội Phần, pháp biết Cảnh Ngoại Phần, pháp biết Cảnh Nội và Ngoại phần như sau:

* *Chư pháp biết Cảnh Nội Phần ra sao?*

Tức là Tâm Thức vô biên xứ và Tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết Cảnh Nội Phần. (Ajjhattārammaṇādhammā)

* *Chư Pháp biết Cảnh Ngoại phần ra sao?*

Tam hoặc Tứ Thiền: Thiện, Dị Thục Quả và Tố Cõi Sắc giới. Tứ Thiền Dị Thục Quả Cõi Sắc giới, Tâm Không vô biên, 4 Đạo và 4 Quả Siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết Cảnh Ngoại Phần.

Tất cả Pháp Thiện, Pháp Bất thiện, Pháp Vô ký Tố hiện hành cõi Dục giới, Tâm Tố và Thiện Tứ Thiền Sắc giới trừ ra Sắc pháp.Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Nội phần cũng có, biết cảnh Ngoại phần cũng có, biết cảnh Nội và Ngoại phần cũng có.

Tâm Vô sở hữu xứ không thể nói biết cảnh Nội phần, Ngoại phần, hay Nội và Ngoại phần.

Còn Sắc Pháp và Níp Bàn đều thuộc về Pháp không biết Cảnh.

II. THÍCH TỪ

- Cảnh: đề mục, đối tượng, hay là phần bị biết của Tâm.

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Biết Cảnh Nội phần *(Ajjhattārammaṇatika)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Biết Cảnh Nội Phần, tất cả các Pháp Biết Cảnh Ngoại phần và tất cả các Pháp Biết Cảnh Nội và Ngoại Phần.

1. Tất cả Pháp Biết Cảnh Nội Phần (*Ajjhattārammaṇā dhammā*): Pháp Nội phần đã trình bày, nay nói về cái biết của pháp ấy, nghĩa là Tâm biết được pháp thực tính hay pháp bản chất trong tự nội thân này, tức là những pháp biết cảnh trong phần thân tâm ta (*Ajjhattārammaṇā dhammā*).

2. Tất cả Pháp Biết Cảnh Ngoại phần (*Bahiddhārammaṇā dhammā*): là những pháp biết cảnh ngoài ra thân tâm ta. Nghĩa là những pháp biết đặng các pháp bản chất ngoài ra thân tâm này.
3. Tất cả Pháp Biết Cảnh Nội và Ngoại phần (*Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā*): là những pháp biết cảnh thuộc về thân tâm của ta và ngoài thân tâm của ta (đều là bất định) hay là những pháp vừa biết đặng pháp bản chất bên trong lẫn bên ngoài thân tâm.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả pháp biết cảnh Nội phần là 3 thứ Tâm Thức vô biên, 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 30 thứ Sở hữu hợp biết nhất định; còn 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 49 thứ Sở hữu hợp (trừ Tật và Vô Lượng Phần) đều bất định. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông
3. Hành uẩn là 47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Tật và Vô Lượng Phần) hợp với 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông
4. Thức uẩn là 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông
2. Pháp xứlà 49 SH hợp với 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông (đã trừ Tật và Vô lượng phần)

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giớilà đôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giớilà đôi Tỷ thức
4. Thiệt thức Giới là đôi Thiệt thức
5. Thân thức giớilà đôi Thân thức
6. Ý giớilà Đôi Tiếp thâuvà Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 2 Tâm Thông và 41 Tâm Dục giới (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)

8. Pháp giới là 49 SH (đã trừ Tật và Vô Lượng Phần)hợp với 3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới và 2 Tâm Thông

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là3 Tâm Thức vô biên, 3 Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 54 Tâm Dục giới, 2 Tâm Thông và 48 SHH (đã trừ Tật, Vô lượng phần và Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả pháp biết cảnh Nội Phần là 3 thứ Tâm Thức vô biên, 3 thứ Tâm Phi tưởng phi phi tưởng, 30 thứ Sở hữu hợp biết nhất định; còn 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 49 thứ Sở hữu hợp (trừ Tật và Vô Lượng Phần) đều bất định

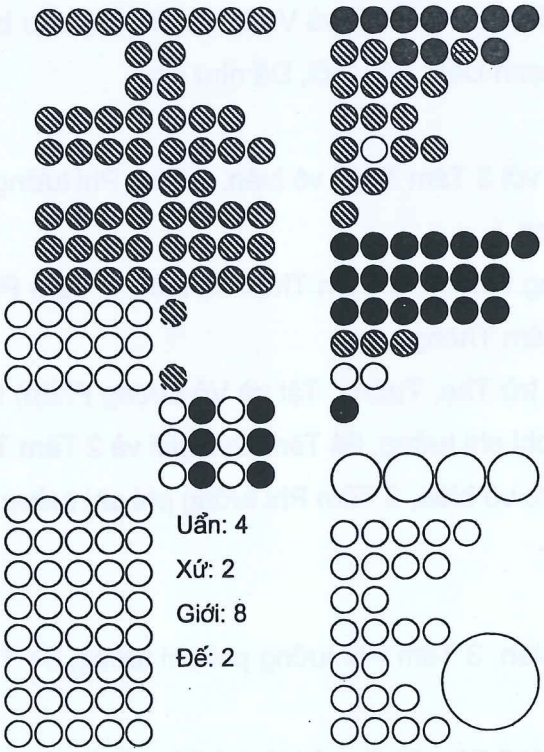

▶ Câu 2:Tất cả Pháp biết cảnh Ngoại phần là Tâm Siêu thế, 3 thứ Tâm Không vô biên, 15 thứ Tâm Sắc giới, 38 thứ Sở hữu hợp biết nhất định; còn 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 52 thứ Sở hữu hợp biết bất định. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với tâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và tâm siêu thế
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và siêu thế
3. Hành uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và tâm siêu thế
4. Thức uẩn làtâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và tâm siêu thế

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứ làtâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và tâm siêu thế
2. Pháp xứ là 52 SH hợp vớitâm Dục giới, Sắc giới, Không vô biên xứ và tâm siêu thế

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
5. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

6. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là tâm Siêu thế, Không vô biên xứ, Sắc giới, và 41 tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
8. Pháp giới là 52 SHhợp với Tâm Dục giới, Sắc giới, Không Vô Biên Xứ và Siêu thế

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Tâm Dục giới, Sắc giới, Không Vô Biên Xứ và 51 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham
3. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoàiĐạo Đế)

Tất cả Pháp biết cảnh Ngoại phần là Tâm Siêu thế, 3 thứ Tâm Không vô biên, 15 thứ Tâm Sắc giới, 38 thứ Sở hữu hợp biết nhất định; còn 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 52 thứ Sở hữu hợp biết bất định

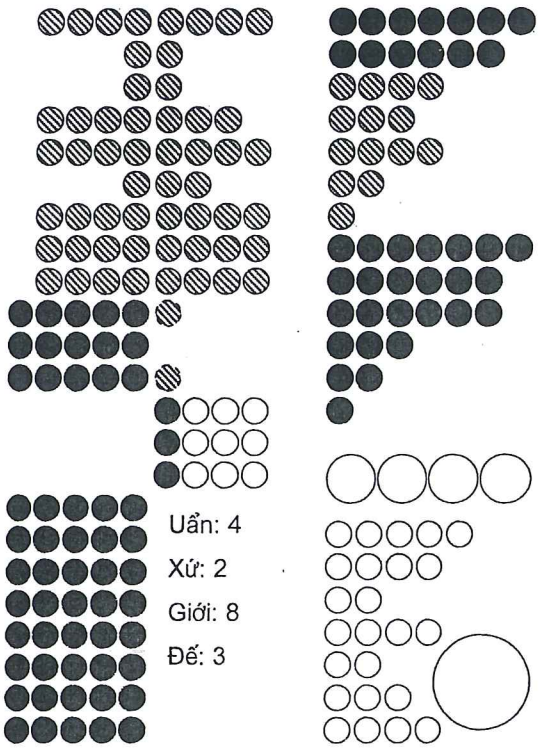

▶ Câu 3:Tất cả Pháp biết cảnh Nội và Ngoại phần là 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 49 thứ Sở hữu hợp (trừ Tật và Vô Lượng Phần). Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
2. Tưởng uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
3. Hành uẩn là47SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Tật và Vô Lượng Phần) hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông
4. Thức uẩn là Tâm Dục giới và Tâm Thông

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlàTâm Dục giới và Tâm Thông
2. Pháp xứlà49 SH(đã trừ Tật và Vô lượng phần) hợp với Tâm Dục giới và Tâm Thông

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
5. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

6. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là Tâm Thông và 41 Tâm Dục giới (trừ Ngũ song thức và Ý giới)
8. Pháp giới là 49 SH(đã trừ Tật và Vô Lượng Phần) hợp với tâm Dục giới và tâm Thông

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Tâm Dục giới, Tâm Thông và 48 SHH (trừ Tật, Vô Lượng phần và Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp biết cảnh Nội và Ngoại phần là 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 49 thứ Sở hữu hợp (trừ Tật và Vô Lượng Phần)

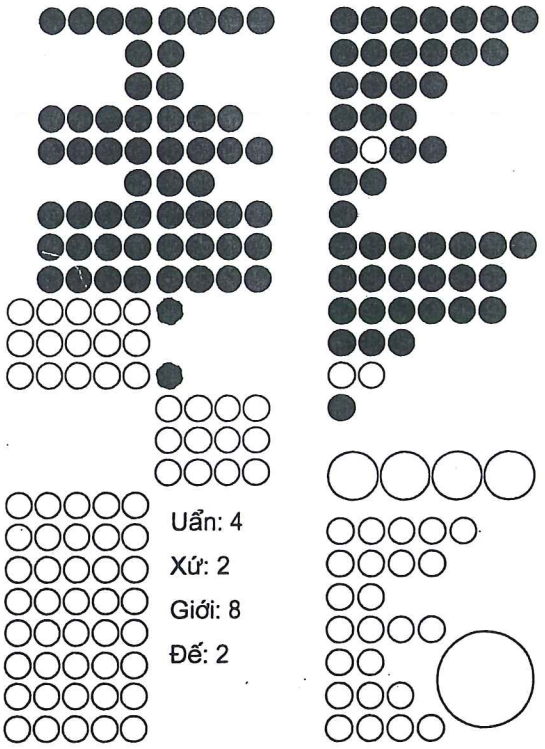

V. PHÂN GIẢI

❖ <u>Câu thứ nhất trong Tam Đề Biết Cảnh Nội Phần:</u>

Ajjhattārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp Biết Cảnh Nội Phần.

Trong Chánh tạng, bộ Pháp Tụ, câu 898, Phật Ngài dạy: "*Tâm Thức vô biên xứ và Tâm Phi tưởng phi phi tưởng xứ, những thực tính này là Chư Pháp Biết Cảnh Nội phần (biết nhất định)*",nhưng cũng nên biết thêm còn có 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 49 SHH trừ Tật và Vô Lượng đều biết bất định.Tại sao các thứ Tâm này biết cảnh Nội Phần?

- Tâm Thức vô biên biết cảnh Nội phần bởi Tâm Thức vô biên bắt cảnh thật, cảnh thật đây là chỉ cho Tâm, SH, Sắc pháp làm cảnh, tức Tâm, SH, Sắc thuộc về Siêu Lý hoặc Chân Đế, mà Siêu lý hay Chân đế là những pháp bản chất thật phát sanh trong nội thân.
- Tâm Phi tưởng phi phi tưởng biết cảnh Nội phần bởi Tâm Phi tưởng phi phi tưởng cũng như Tâm Thức vô biên, cũng bắt cảnh thật, cảnh thật đây là chỉ cho Tâm, SH, Sắc làm cảnh, tức Tâm, SH, Sắc thuộc về Siêu Lý hoặc Chân Đế, mà Siêu Lý hay Chân Đế là những pháp bản chất thật phát sanh trong nội thân.

Vì vậy 2 thứ tâm nêu trên biết cảnh nội phần nhất định là vậy.

- 2 thứ Tâm Thông biết cảnh nội phần vì 2 thứ tâm này thuộc về tâm Diệu Trí có mãnh lực biết đặng cảnh Nội phần vì xét khi dùng năng lực thần thông như Túc mạng thông biết quá khứ, hiện tại, vị lai của mình, tức là biết về Tâm, SH, Sắc của ta theo thời gian. Hay

là Lậu Tận Thông là loại tâm thông suốt, rõ thấu sanh diệt, đoạn tận sự biến chuyển của Tâm, SH, Sắc trong nội thân.

- 54 thứ Tâm Dục giới biết cảnh nội phần vì trong 54 thứ tâm đó chúng ta cũng thấy:
  - Như tâm Tham bắt cảnh thật theo lối nhận ta rất ham muốn cảnh này, tức nhận thấy Tâm, SH của mình đang cuốn hút trong đối tượng.
  - Như tâm Sân bắt cảnh thật theo cách biết cảnh nghịch, tức bị cuốn theo cảnh không hài lòng, không vừa ý của nội thân.
  - Như tâm Si bắt cảnh thật theo lối mê mờ tối tăm trong cảnh, tức là biết nội thân tâm ta bị cuốn theo sự tối tăm.
  - Như tâm Ngũ song thức cũng nhận thấy cảnh thật Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc do tự nội thân biết.
  - Như các tâm Tiếp thâu, Thẩm tấn, Khai ý môn cũng nhận thấy cảnh thật do làm việc với cảnh Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp của nội thân.
  - Như tâm Tiếu sinh biết cảnh đáng tức cười của tự nội thân vị thánh tứ quả Thinh Văn.
  - Như 24 thứ Tâm Dục giớiTịnh hảo biết cảnh thật theo lối Thiện, Quả, và Tố tức nhận biết trạng thái Thiện đang làm việc, nhận biết thành tựu của quả lành, nhận biết hành động, hành vi đang làm của vị thánh tứ quả xuất phát từ nội thân...
- 49 SHH là lấy theo các thứ tâm trên, trừ ra Tật bởi Tật có trạng thái đẩy phần nội thân vì không thể tật đố với chính mình nên khi nói đến cảnh nội phần thì không đặng biết. Còn trừ Vô lượng phần do loại SH này khi hợp với tâm biết bởi mượn cảnh chế định tức là không phải cảnh thật, mà không phải cảnh thật tức không ám chỉ Tâm, SH, Sắc sanh nơi nội thân.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Biết Cảnh Nội Phần:

Bahiddhārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp Biết Cảnh Ngoại Phần.

Tất cả Pháp Biết Cảnh Ngoại Phần tức là Níp Bàn và Tâm, SH, Sắc Pháp sanh ngoài thân tâm ta.Trong Chánh tạng, bộ Pháp Tụ, câu 898, Phật Ngài dạy "*Tam hoặc Tứ Thiền: Thiện, Dị Thục Quả và Tố Cõi Sắc giới. Tứ Thiền Dị Thục Quả Cõi Sắc giới, Tâm Không vô biên, 4 Đạo và 4 Quả Siêu thế. Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết Cảnh Ngoại phần (biết nhất định)*", nhưng cũng nên biết thêm nếu tính theo Chú giải thì40 thứ tâm siêu thế, 3 thứ tâm Không vô biên xứ, 15 thứ tâm Sắc giới, 38 SHH biết Nhất định; và 2 thứ Tâm Thông, 54 thứ Tâm Dục giới, 52 thứ Sở hữu hợp biết bất định.Tại sao các thứ Tâm này biết cảnh Ngoại Phần?

- 15 thứ Tâm Sắc giới biết cảnh ngoại phần do mượn cảnh bên ngoài cũng dựa trên tính chất Tâm, SH, Sắc nhưng theo lối chế định.

- Tâm Không vô biên biết cảnh ngoại phần dựa trên tính chất cũng giống như Tâm Sắc giới nhưng có phần tinh tế, vi tế hơn vì không còn mượn cảnh sắc tướng chế định, mà chỉ lấy cảnh chế định tinh vi do phần định xả quá mạnh.
- 4 Đạo và 4 Quả Siêu thế biết cảnh ngoại phần là chỉ ngay biết cảnh Níp Bàn vắng lặng, bất động, vô ấn chứng và cũng nhận ra Tâm, SH, Sắc biến chuyển, hoặc cũng nhận vòng vây áp bức của Danh Sắc...
- 2 tâm Thông biết cảnh ngoại phần do đặc tính năng lực thuộc về diệu trí có mãnh lực biết đặng cảnh Ngoại phần vì xét khi dùng thắng trí như Túc mạng thông biết quá khứ, hiện tại, vị lai của người khác, tức là biết về Tâm, SH, Sắc của người khác theo thời gian; hay là Tha tâm thông biết đặng Tâm người khác;hoặc các loại thần thông khác...
- 54 thứ Tâm Dục giới biết cảnh ngoại phần vì cũng bắt cảnh là Tâm, SH và Sắc Pháp bên ngoài thân,trong đó, những tâm Đổng lực tương ưng trí còn đặng biết thêm cảnh Níp Bàn khi sanh theo lộ đắc đạo hoặc lộ hiện thông...
- 52 SHH là lấy theo các thứ tâm trên.

❖ <u>Câu thứ ba trong Tam Đề Biết Cảnh Nội Phần:</u>

Ajjhattabahiddhārammaṇā dhammā - Tất cả Pháp Biết Cảnh Nội và Ngoại Phần.

Trong Chánh tạng, bộ Pháp Tụ, câu 898, Phật Ngài dạy "*Tất cả Pháp Thiện, Pháp Bất thiện, Pháp Vô ký Tố hiện hành cõi Dục giới, Tâm Tố và Thiện Tứ Thiền Sắc giới trừ ra Sắc pháp.Những chơn tướng này gọi là chư pháp biết cảnh Nội phần cũng có, biết cảnh Ngoại phần cũng có, biết cảnh Nội và Ngoại phần cũng có*",tức là 54 Tâm Dục giới, 49 SHH (Trừ Tật và Vô Lượng Phần) kể thêm 2 thứ tâm Thông.Tại sao các thứ Tâm này biết cảnh Nội và Ngoại Phần?

- Cảnh Nội và Ngoại phần nói chung gọi là Cảnh Nội và Ngoại tức gom 2 câu trên lại. Hay nói cách khác, lấy cảnh nội phần và ngoại phần kêu chung chớ không có cảnh như thế, vì lấy tâm biết cảnh nội phần cũng được và biết cảnh ngoại phần cũng được mà kể nên chỉ có phần bất định mà thôi.

Lưu ý:Tâm Vô Sở hữu Xứ không thể nói biết Cảnh Nội Phần, Ngoại Phần, hay Nội và Ngoại Phần.Còn Sắc Pháp và Níp Bàn đều thuộc về Pháp không biết Cảnh.

TAM ĐỀ THỨ 22: TAM ĐỀ HỮU KIẾN

(SANIDASSANATIKA)

(Tam Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sanidassanasappaṭighā dhammā - Tất cả pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu.*
- *Câu 2: Anidassanasappaṭighā dhammā - Tất cả pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu.*
- *Câu 3: Anidassanappaṭighā dhammā - Tất cả pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếu.*

Trong bộ Pháp Tụ - phần Toát Yếu, Tam Đề ở câu: 899, Phật Ngài có dạy về 3 trạng thái của pháp Siêu Lý trên khía cạnh pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu, pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu, pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếunhư sau:

* *Tất cả Pháp bị thấy và Đối Chiếu ra sao?*

Chỉ có Sắc Xứ. Những chơn tướng này gọi là chư pháp bị Thấy và Đối Chiếu.

* *Chư Pháp không bị thấy mà Đối Chiếu ra sao?*

Nhãn Xứ... Xúc Xứ. Những chơn tướng này gọi là Chư pháp không bị thấy mà Đối chiếu.

* *Chư Pháp Không Bị Thấy và Không Đối Chiếu ra sao?*

Tâm Bất thiện, Tâm Thiện và Tâm Dị Thục Quả trong 4 cõi. Tâm Vô ký Tố trong 3 cõi và Sắc không Thấy không Đối Chiếu mà liên hệ trong Pháp xứ. Những chơn tướng này gọi là Chư pháp không bị thấy và không đối chiếu.

II. THÍCH TỪ

- Hữu: có, có ra, lấy được, đầy đủ Kiến: thấy, mắt trông thấy Vô: không, không có
- Hữu kiến: thấy đặng
- Vô kiến: không thấy đặng
- Đối: đối, 2 bên sóng với nhau, hợp Chiếu:soi sáng; so sánh; đối xét, sóng nhau mà xét
- Đối chiếu: gặp nhau

III. ĐỊNH NGHĨA

Tam đề Hữu Kiến *(Sanidassanatika)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 3 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu, tất cả các Pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếuvà tất cả các Pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếu.

1. Tất cả Pháp Hữu kiến Hữu đối chiếu (*Sanidassanasappaṭighā dhammā*): là những pháp thấy đặng và gặp nhau, tức là việc đối chiếu giữa căn và cảnh mà có sự xúc chạm. Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu nghĩa là pháp bị thấy đặng chỉ cho Sắc Cảnh Sắc, 1 trong 28 thứ Sắc Pháp, hay nói cách khác, trạng thái nào đối chiếu với Nhãn Thanh Triệtvà bị Nhãn Vật ấy biết được là do Nhãn thức nương thì gọi trạng thái đó là pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu.

2. Tất cả Pháp Vô kiến Hữu đối chiếu (*Anidassanasappaṭighā dhammā*): là những pháp không thấy đặng mà gặp nhau, tức là việc đối chiếu giữa căn và cảnh mà có sự xúc chạm ngoài cái thấy. Vô Kiến Hữu Đối Chiếu cũng nghĩa là pháp không bị thấy, pháp không phải bị thấy mà có sự tiếp xúc giữa căn và cảnh với nhau như là Sắc Cảnh Thinh, sắc cảnh Khí, sắc cảnh Vị, sắc cảnh Xúc, hay nói cách khác, trạng thái nào đối chiếu với Nhĩ, Tỷ, Thiệt và Thân Thanh Triệt mà không bị thấy nhưng đối chiếu được thì trạng thái ấy là pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu.
3. Tất cả Pháp Vô kiến Vô đối chiếu (*Anidassanappaṭighā dhammā*): là những pháp không thấy đặng và cũng không đối chiếu đặng. Hay nói cách khác, những pháp không bị thấy đặng và cũng không tiếp xúc đối chiếu với nhau. Đây chỉ cho tất cả pháp Siêu Lý ngoài ra 2 pháp trên (*Anidassanappaṭighā dhammā*) là đề cập những pháp thấy không đặng và cũng không gặp nhau bằng cách đối chiếu.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu là sắc Cảnh Sắc. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩn đặng 1 Uẩn: Sắc uẩn là sắc Cảnh Sắc
- Xứ đặng 1 Xứ:Sắc Xứ là sắc Cảnh Sắc
- Giới đặng 1 Giới:Sắc giớilà sắc Cảnh Sắc
- Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là sắc Cảnh Sắc

Tất cả Pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu là sắc Cảnh Sắc

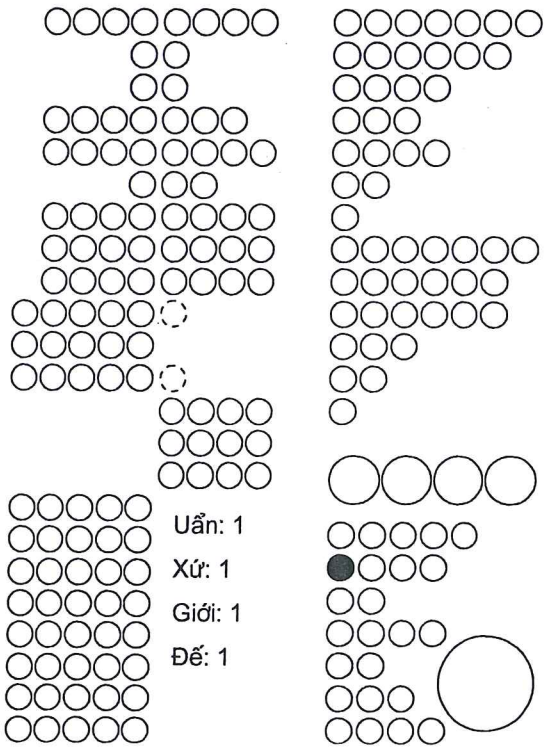

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu là 11 Sắc Thô (trừ sắc Cảnh Sắc). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Sắc uẩn là 11 Sắc Thô (trừ sắc Cảnh Sắc)

– Xứ đặng 9 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Thinh Xứ là Sắc Cảnh Thinh
7. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
8. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
9. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Xứ thô là 11 Sắc thô (trừ sắc cảnh sắc)

– Giới đặng 9 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Thinh Giới là Sắc Cảnh Thinh
7. Khí Giới là sắc cảnh Khí
8. Vị Giới là sắc cảnh Vị
9. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Giới thô là 11 Sắc thô (trừ sắc cảnh sắc)

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là 11 Sắc Thô (trừ sắc Cảnh Sắc)

Tất cả Pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu là 11 Sắc Thô (trừ sắc Cảnh Sắc)

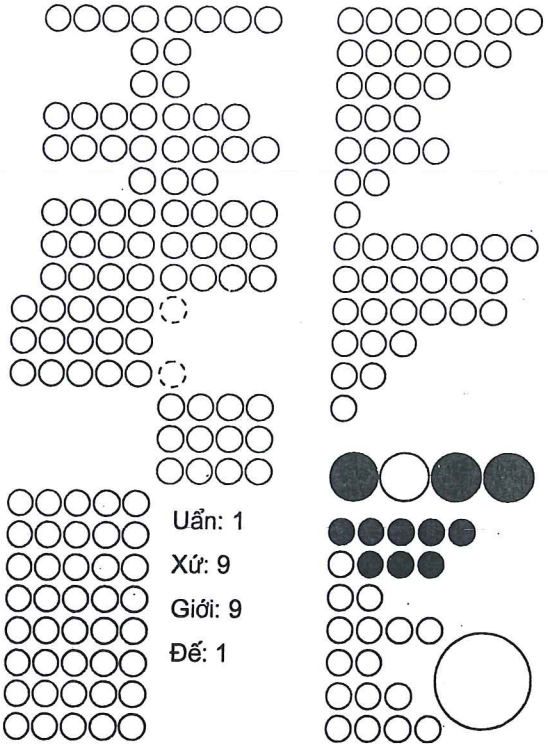

▶ Câu 3:Tất cả Pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếu là Pháp Siêu Lý (trừ ra 12 Sắc Thô). Chi pháp trong câu 3 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc uẩn là Sắc tế
2. Thọ uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩn là 50SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩn là Tâm

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý xứlà Tâm
2. Pháp xứlàSắc Tế, 52 SH hợp với Tâm và Níp Bàn

– Giới đặng 8 Giới:

1. Nhãn thức giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ thức giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ thức giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt thứcGiới là đôi Thiệt thức
5. Thân thức giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ Song Thức

6. Ý giớilà Đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là 108 thứ tâm (trừ Ngũ song thức và Ý giới)

8. Pháp giới là Sắc Tế, 52 SH hợp với Tâm và Níp Bàn

– Đế đặng 4 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Tế, tâm Hiệp thế và 51 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát Chi SH tương ưng (hợp,hòa trộn) với Tâm Thiện Siêu Thế

Ngoại đế là Tâm Siêu thế và 28 SHH (ngoài Đạo Đế)

Tất cả Pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếu là Pháp Siêu Lý (trừ ra 12 Sắc Thô)

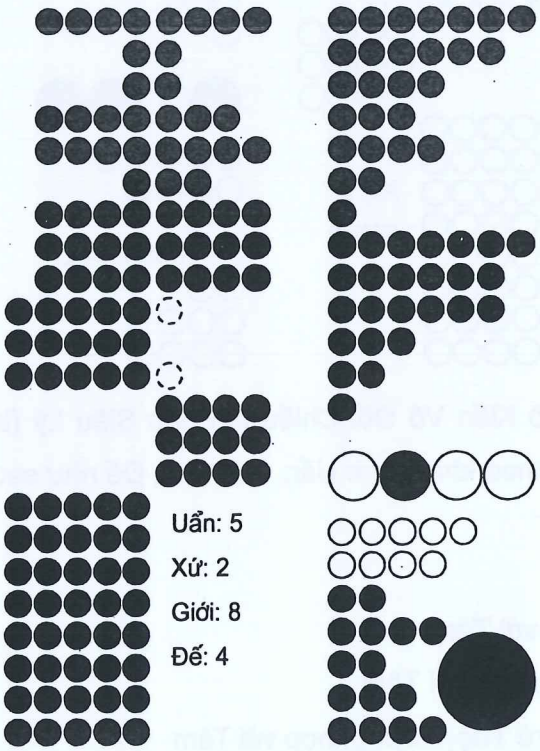

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Tam Đề Hữu Kiến:

Sanidassanasappaṭighā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Kiến Hữu Đối Chiếu.

Sắc Hữu Kiến là Sắc thấy được, tức các màu bởi trong Sắc Pháp hay Sắc uẩn phân theo 4 loại thì ta có:

1. Sắc Thấy được (hữu Kiến): Sắc Cảnh Sắc
2. Sắc Nghe được (hữu Thinh): Sắc Cảnh Thinh
3. Sắc Cảm (nhận) được (hữu Xúc): sắc cảnh Xúc tức Đất, Lửa, Gió
4. Sắc Cảm biết được (hữu Tri): Sắc Biểu tri

Do vậy, sắc hữu Kiến là đối tượng của Nhãn thanh nơi các màu bị thấy còn gọi là Nhãn xứ, Nhãn giới, Nhãn quyền. Sắc hữu kiến là một thứ Sắc hay Cảnh sắc, đối tượng bị thấy mà nhãn thanh triệt là đối tác (chạm) cảnh sắc khi căn và cảnh chạm, thức nương thì biết các màu.

Như vậy, "Tất cả pháp hữu kiến hữu đối chiếu" là trạng thái kết dính khi chúng ta nhận biết cảnh sắc (các màu) là bởi sự tập hợp của nhiều pháp tức nhiều trạng thái mà có nên. Các màu (Sắc) cũng nương Tứ đại hiển mà thấy đặng và đối chiếu được. Đối chiếu được đây là đối chiếu với Nhãn thanh triệt, đồng thời làm cảnh cho Nhãn thức, thành cảnh cho Nhãn thức, hành xứ chính của Nhãn thức.

❖ Câu thứ hai trong Tam Đề Hữu Kiến:

Anidassanasappaṭighā dhammā - Tất cả Pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu.

Sắc Vô Kiến không phải là đối tượng của Nhãn Thanh mà là các thứ Cảnh Thinh, Khí, Vị, Xúc tức đối tượng biết của Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Thanh Triệt.

Khi căn và cảnh chạm, thức nương thì biết các cảnh Thinh, Khí, Vị, Xúc. Như vậy, "Tất cả pháp Vô Kiến Hữu Đối Chiếu" là trạng thái kết dính khi các căn ngoài Nhãn Căn nhận biết Cảnh Thinh, Khí, Vị, Xúc là bởi sự tập hợp của nhiều pháp tức nhiều trạng thái mà có nên. Các cảnh trên cũng nương Tứ Đại hiển mà đối chiếu được nhưng không thấy đặng. Đối chiếu được đây là đối chiếu với Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân Thanh Triệt, đồng thời làm cảnh cho Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức, hành xứ chính của Nhĩ, Tỷ, Thiệt, Thân thức.

Vì sao trong chi pháp ta có Sắc Nhãn thanh triệt trong câu thứ 2 của đề?Mặc dù Sắc Nhãn thanh triệt là vật đối chiếu của sắc cảnh sắc nhưng nó không phải là một thứ sắc cảnh, tức là đối tượng bị thấy (các màu). Ở đây, sắc cảnh sắc mới chính thức là đối tượng được thấy (Hữu kiến).

❖ Câu thứ ba trong Tam Đề Hữu Kiến:

Anidassanāppaṭighā dhammā - Tất cả Pháp Vô Kiến Vô Đối Chiếu.

Đây chỉ cho tất cả pháp Siêu lý ngoài ra 2 pháp vừa nêutức là Tâm, SH, Sắc tế và Níp Bàn.

- Tâm và SH thì không thể thấy đặng và cũng không thể đối chiếu như vật chất.
- Sắc Tế là phần vật chất mà ta không thấy được mà đồng thời cũng không đối chiếu được. Như khi nói Sắc nước thì phần vật chất đó là chỉ chế định, bởi vì nước Siêu lý là trạng thái chảy ra và quến lại.
- Níp Bàn mặc dù là cảnh cho tâm Siêu thế và các pháp câu sanh biết nhưng Níp Bàn là Vô kiến vì không thể thấy cảnh Níp Bàn mà chỉ biết cảnh Níp Bàn, mà cái biết này vô cùng vi tế nên cũng không đối chiếu đặng. Mặc dầu các bậc Thánh, các Ngài biết cảnh Níp Bàn nhưng không thể đối chiếu Níp Bàn theo lối chế định đượctức là pháp mà Chư thánh xuất thế mới đặng biết bởi cảnh Níp Bàn vắng lặng, yên vui tuyệt đối, ngoài ra phiền não Ngũ uẩn và tất cả đời.

DỨT ĐẦU ĐỀ TAM

ĐẦU ĐỀ NHỊ

(DUKAMĀTIKĀ)

ĐẦU ĐỀ NHỊ LÀ CHI?

Dukamātikā dịch là Đầu Đề Nhị hay Mẫu Đề Nhị tức Mẫu Đề lớn có 2 câu hay Đầu đề thể hiện 2 phần Pháp Hữu Vi trong mệnh đề đó. Đầu đề Nhị thuộc về phần lớn thứ 2 của bộ Pháp Tụ (*Dhammasaṅginī*),bộ Pháp Tụ là bộ thứ nhất trong tạng Vô Tỷ *Pháp (Abhidhamma Piṭaka)*.

Đầu Đề Nhị là tính pháp của mỗi Mẫu Đề được nói theo 2 câu, cũng như cách tính của Đầu Đề Tam là Nhị Đề Chiết hay Chiết Bán *(Ādhiladdhanāmaduka)* hoặc Nhị Đề Hàm hay Hàm Tận. Nghĩa là lấy câu thứ nhất đặt tên cho đề hoặc lấy cả 2 câu đặt tên cho đề. Nếu lấy câu thứ nhất đặt tên cho đề gọi là Đề Chiết, nếu lấy cả 2 câu gọi là Đề Hàm Tận. Đây là nói theo cách Hàm Tận và Chiết Bán, còn nói theo chi pháp thì phân thành 2:

- Nhị Đề Hữu Dư*(Sappadesaduka):* tức là cả 2 câu trong đề lấy không hết chi pháp siêu Lý
- Nhị Đề Vô Dư*(Nippadesaduka):* nghĩa là 2 câu trong đề lấy hết chi pháp Siêu Lý.

Phần lớn thứ hai này tức Đầu Đề Nhị phân thành 13 phần như sau:

1. Phần Tụ Nhân *(Hetugocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
2. Phần Đề Đỉnh hay Phần Tụ Đỉnh *(Cuḷantaraduka)* có 7 Đầu Đề Nhị.
3. Phần Chùm Lậu *(Āsavagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
4. Phần Tụ Triền *(Saññо Jagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
5. Phần Tụ Phược *(Ganthagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
6. Phần Tụ Bộc *(Oghagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
7. Phần Tụ Phối *(Yogagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
8. Phần Tụ Cái *(Nivaraṇagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
9. Phần Tụ Khinh Thị *(Parāmāsagocchaka)* có 5 ĐầuĐề Nhị.
10. Phần Nhị Đề Đại *(Mahantaragocchaka)* có 14 ĐầuĐề Nhị.
11. Phần Tụ Thủ *(Upādānagocchaka)* có 6 Đầu Đề Nhị.
12. Phần Tụ Phiền Não *(Kilesagocchaka)* có 8 Đầu Đề Nhị.
13. Phần Yêu Bối *(Piṭṭhiduka)* có 18 Đầu Đề Nhị.

Như vậy, Đầu Đề Nhị được Đức Phật Ngài thuyết giảng trong Bộ *Dhammasaṅginī*, Ngài phân chia Pháp Hữu Vi theo 2 câu của đề để cho chúng ta nhận định và suy xét về 1 khía cạnh khác của pháp bản chất Siêu Lý, mà từ đó suy quán chư pháp là vô thường, khổ não và vô ngã mà đưa đến sự tỏ ngộ sanh diệt của danh và sắc đặng thành tựu Kiến Sanh Diệt Tuệ để vượt thoát khỏi Hữu Vi Pháp ấy.

Sau đây trình bày nghĩa, lý, pháp của từng câu đề, tức phân chia Đầu Đề Nhị theo định nghĩa, chi pháp – điều pháp, bảng nêu và phân giải.

BÀI 8: PHẦN TỤ NHÂN

(HETUGOCCHAKA)

Phần tụ Nhân hay phần đề Nhânlà những pháp mà Đức Phật đề cập tới Hetu hay nhân, đây chỉ cho lục nhân: tham, sân, si, vô tham, vô sân, vô si câu sanh với tâm hữu nhân giúp cho tâm ấy thành tựu có sức mạnh.

Phần tụ Nhân là gom các trạng thái có liên quan đến nhân tương ưng hoặc không phải là pháp nhờ nhân tương ưng. Điểm chánh của tụ Nhân là nhấn mạnh quả do nhân, những pháp câu sanh có sức mạnh gọi là nhân, mà theo đây được phân chia thành 6 trạng thái như sau:

1. Nhân tham (chấp cứng cảnh, chấp cứng những cách không đáng chấp, dính mắc cảnh)
2. Nhân sân (hiện bày thô tháo, làm cho thân tâm thô thiển)
3. Nhân si (trái ngược với trí, không thấu đáo, tối tăm, không biết cái đáng biết)
4. Nhân vô tham (trái với tham nhiễm, không dính mắc, không chấp cứng cảnh, trái với tham)
5. Nhân vô sân (không hung ác, không làm hại hoặc không phẫn nộ)
6. Nhân vô si (biết rõ thấu pháp thực tính, hay là thấu đáo hiểu rõ đúng đắn pháp chơn đế)

Phần tụ Nhân được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Nhân*(Hetuduka)*
2. Nhị đề Hữu Nhân*(Sahetukaduka)*
3. Nhị đề Tương Ưng Nhân *(Hetusampayuttaduka)*
4. Nhị đề Nhân Hữu Nhân *(Hetusahetukaduka)*
5. Nhị đề Nhân Tương Ưng Nhân*(Hetu hetusampayuttaduka)*
6. Nhị đề Phi Nhân Hữu Nhân *(Nahetu sahetukaduka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 1: NHỊ ĐỀ NHÂN

(HETUDUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Hetu dhammā - Tất cả Pháp Thành Nhân.*
- *Câu 2: Na hetudhammā - Tất cả Pháp Phi Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị, Phần Tụ Nhân *(Hetugocchaka)* câu 689 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp Thành Nhân và Phi Nhân*(Hetu dhammā, Na hetu dhammā)*, gọi là Nhị Đề Nhân, như sau:

** Chư Pháp Nhân trong khi có ra sao?*

3nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân Vô ký, 9 nhân dục giới, 6 nhân sắc giới, 6 nhân vô sắc giới và 6 nhân siêu thế (những trạng thái này khi phát sanh thì pháp nhân có trong khi ấy).

Sau đây là phần trình bày các nhân.Trong câu 690 Bộ Pháp Tụ, Phật Ngài có dạy:

** Bao nhiêu Nhân đó mà 3 Nhân Thiện là chi?*

Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.

** Trong 3 Nhân Thiện đó mà Vô Tham là chi?*

Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, sự không nặng ái tình, cách không nặng ái tình, thái độ không nặng ái tình, không Tham Ác; Vô Tham tức là Căn Thiện. Những chơn tướng này gọi là Vô Tham (alobha).

** Vô Sân trong khi có ra sao?*

Không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách không tính độc ác, thái độ không tính độc ác, cách có bạn tốt, cách thân mật, sự thân mật, cách ái hộ, sự ái hộ, thái độ ái hộ, tìm lợi ích liên quan, sự biết thương hại, không sân độc, không tính ép bức, Vô Sân tức là Căn Thiện. Những cách như thế gọi là Vô Sân.

** Vô Si trong khi có ra sao?*

Sự biết trong Khổ, sự biết trong Khổ Tập, sự biết trong Khổ Diệt, sự biết thực hành đi đến Diệt Khổ, sự biết trong phần Quá Khứ, sự biết trong phần Vị Lai, sự biết trong phần Quá Khứ và Vị Lai, sự biết Pháp Liên Quan Tương Sinh do Duyên trợ tạo mới sanh ra. Tuệ là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, Trạch Pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách Trí Thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, Tuệ như Ngọc, Tuệ như Đèn, Tuệ như ánh sáng, Tuệ như Gươm, Tuệ như Vũ Khí, Tuệ như Đại Địa, Tuệ như Hoàng Cung, Tuệ như kẻ dẫn đường, Tuệ trừ tuyệt Phiền Não, Tuệ Quyền, Tuệ Lực, Vô Si, Trạch Pháp, Chánh Kiến. Những cách như thế gọi là Vô Si.

Những chơn tướng này gọi là 3 Nhơn Thiện.

** Câu 691.Ba nhân Bất Thiện là chi? Tham, Sân, Si.*

** Trong 3 Nhân Bất Thiện đó mà Tham như thế nào?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo Cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng mạnh bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của Tâm, sự ham muốn, sự quy luỵ, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằn tươm ra, Pháp như sợi chỉ, vẫn toả ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội Tâm, vẫn đưa đến Cõi đời, sự dục vọng như Sum Lâm, sự dục vọng như Mật Lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi Sắc, mong mỏi Thinh, mong mỏi Khí, mong mỏi Vị, mong mỏi Xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam, thành Nhân mê mẩn theo những Cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm Tâm, thái độ nhiễm đắm Tâm, sự hỷ lạc của Tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, Hữu Dục Ly Hữu Dục, Sắc Giới Dục, Vô Sắc Giới Dục, Biệt Dục (Đoạn Kiến), Sắc Dục, Thinh Dục, Khí Dục, Vị Dục, Xúc Dục, Pháp Dục, Bộc, Phối, Phược, Thủ, luyến mộ, Cái, mây che ngăn, mây ràng buộc, Tùy Phiền Não, tiềm thùy, che đậy, Dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của Khổ, Nhân của Khổ, sở sanh của Khổ, bẫy của Ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như ràng buộc, tình dục như Biển cả, tham lam, Tham Ác, Tham là Căn Bất Thiện. Những trạng thái như thế gọi là Tham.

** Sân trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người này sẽ làm cho lợi ích đến người màta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do Tâm oán hận, sự giận hờn, sự xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, Sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, Tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự Sân như thế này, những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự Tâm không hoan hỷ. Nếu có những trạng thái như thế đây gọi là Sân.

** Si trong khi có ra sao?*

Sự không biết Khổ, sự không biết Khổ Tập, sự không biết Khổ Diệt, sự không biết thực hành đường đi đến Diệt Khổ, sự không biết phần Quá Khứ, sự không biết phần Vị Lai, sự không biết phần Quá Khứ và Vị Lai, sự không biết Pháp Liên Quan Tương Sinh do Nhân mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tin theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, Thiển

Trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê cũng gọi Vô Minh, Vô Minh Bộc, Vô Minh Phối, Vô Minh Tiềm Thùy, Vô Minh che khuất (Vô Minh Cái), then chốt của sự tối tăm, Si là Căn Bất Thiện. Những trạng thái như thế gọi là Si.

Những chơn tướng này gọi là 3 Nhân Bất Thiện.

** Câu 692.Ba Nhân Vô Ký là chi?*

Vô Tham, Vô Sân và Vô Si thuộc phía Dị Thục Quả của Pháp Thiện; hay là Vô Tham, Vô Sân và Vô Si trong Pháp Vô Ký Tố (kiriya). Những chơn tướng này gọi là 3 Nhân Vô Ký.

** Câu 693. Chín Nhân Dục Giới là chi?*

3 Nhân Thiện, 3 Nhân Bất Thiện và 3 Nhân Vô Ký. Những chơn tướng này gọi là 9 Nhân Dục Giới.

** 6 Nhân Sắc Giới là chi?*

3 Nhân Thiện và 3 Nhân Vô Ký. Những chơn tướng này gọi là 6 NhânSắc Giới.

** 6 Nhân Vô Sắc Giới là chi?*

3 Nhân Thiện và 3 Nhân Vô Ký. Những chơn tướng này gọi là 6 Nhân VôSắc Giới.

** Câu 694. Sáu Nhân Siêu Thế là chi?*

3 Nhân Thiện và 3 Nhân Vô Ký. Những chơn tướng này gọi là 6 NhânSiêu Thế.

** Trong 6 Nhân Siêu Thế mà 3 Nhân Thiện ra sao? Vô Tham, Vô Sân, Vô Si.*

** Trong 3 Nhân Thiện đó mà Vô Tham ra sao?*

Cách không tham, sự không tham, thái độ không tham, cách không dục vọng, sự không dục vọng, thái độ không dục vọng, không Tham ác; Vô Tham tức là Căn Thiện. Đây gọi là Vô Tham.

** Vô Sân trong khi có ra sao?*

Cách không tính ác độc, sự không tính ác độc, thái độ không tính ác độc... sự không Sân ác, không hiếp đáp, Vô Sân tức là Căn Thiện. Đây gọi là Vô Sân.

** Vô Si trong khi có ra sao?*

Sự biết trong Khổ, sự biết trong Khổ Tập, sự biết trong Khổ Diệt, sự biết thực hành đi đến Diệt Khổ, sự biết trong phần Quá Khứ, sự biết trong phần Vị Lai, sự biết trong phần Quá Khứ và Vị Lai, sự biết Pháp Liên Quan Tương Sinh là do Duyên trợ tạo mới sanh ra. Vô Si là sáng suốt, khôn khéo, nhận rõ, hiểu thấu, Trạch Pháp, lựa chọn, nghiên cứu, hiểu biết, rõ đặc tính, thấu vi tế, cách Trí Thức, cách hiểu rành, sự nghĩ ngợi, suy xét, gạn xét, quán xét, lương tri, Vô Si như Ngọc, Vô Si như Đèn, Vô Si như ánh sáng, Vô Si như Gươm, Vô Si như Vũ Khí, Vô Si như Đại Địa, Vô Si như Hoàng Cung, Vô Si như kẻ dẫn đường, Vô Si trừ tuyệt Phiền Não, Vô Si là Tuệ, Tuệ Quyền, Tuệ Lực, Trạch Pháp, Chánh Kiến. Những cách như thế gọi là Vô Si.

Những chơn tướng này gọi là 3 Nhân Thiện.

** Ba Nhân Vô Ký là chi?*

Vô Tham, Vô Sân và Vô Si thuộc phía Dị Thục Quả của Pháp Thiện. Những chơn tướng này gọi là 3 Nhân Vô Ký.

Những chơn tướng này gọi là 6 Nhân Siêu Thế.

Những chơn tướng này gọi là Pháp Nhận.

** Câu 695.Chư Pháp Phi Nhân ra sao?*

Trừ những Pháp Nhân ra rồi còn Pháp Thiện, Pháp Bất Thiện và Pháp Vô Ký ngoài ra thuộc Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới và Siêu Thế tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Nhân."

II. THÍCH TỪ

- Nhân:có nghĩa là hạt giống, là căn, gốc, rễ, nhân sanh, nguyên do...Nhân: ở đây chỉ cho Lục Nhân Tương Ưng (tức là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si), là căn, gốc, rễ như là Tham là gốc hiện tại để trợ cho Thủ, Hữu, Sanh... hay điều kiện hoặc nguyên nhân trợ cho sự sanh tử hoặc tác động cho pháp hữu vi có thêm sức mạnh.
- Thành: xong, nên việc, dựng lên, nhất định không thay đổi, nên, thành tựu, phàm làm công việc gì đến lúc xong cũng gọi là thành. Ở đây chỉ cho cách thành tựu, kết quả.
- Phi: Trái, không phải, sự vật gì có nghĩa nhất định nếu không đúng hết đều gọi là phi.
- Thiện: Tốt, lành, khéo,trạng thái bày trừ tội lỗi. Bất thiện: Không tốt, không lành, không khéo, ngăn chặn điều tịnh hảo
- Vô ký: hay Phi ký ,là không gửi, ý chỉ cho không phải Thiện cũng không phải Bất thiện.
- Tham: mong cầu không biết chán. Sân: gắt giận, cáu, giận.
- Si: sai nhầm, ngu đần, mê mẩn, không biết gì.
- Vô tham: không tham, trái với tham, ý chỉ cho trạng thái buông xả.
- Vô sân: không sân, trái với sân, ý chỉ cho trạng thái mát mẻ của tâm.
- Vô si: không si, trái với si, không mê mờ tối tăm, trạng thái có trí tuệ, sáng suốt.
- Áitình: tình cảm yêu thích, quý trọng, ơn thấm, thân yêu.
- Thân mật: quen thuộc, thân cận, quyến luyến.
- Ái hộ: yêu mến che chở.
- Liên quan tương sinh: liên quan là nương nhờ. Tương Sinh là cách sanh đàng hoàng theo thứ lớp với nhau. Liên quan tương sinh nghĩa là sanh ra đặng do nhờ duyên (trợ).
- Trạch pháp: phân biệt các pháp, soi xét, chọn lựa, gạn lọc các trạng thái.
- Hí hởn: vui mừng hớn hở.
- Tươm ra: nói đến tính chất thèm khát.
- Bạn lưỡng diện: bạn 2 mặt, người phản trắc.
- Quy lụy: trói buộc về 1 nơi.

- Mê đắm: đam mê nhiễm đắm.
- Trầm nịch: chìm đắm, say mê không tỉnh.
- Sum lâm: khu rừng rậm rạp.
- Mật lâm: khu rừng bít kín.
- Quái niệm: bận bịu, dính mắc, bận tâm, bận lòng, lo toan.
- Tế ngữ: ám chỉ cho lòng đắm nhiễm, nhỏ nhen.
- Hữu dục ly hữu dục: mong muốn dục lạc (cõi Dục), đắm nhiễm cõi Sắc, Vô Sắc. Hoặc ái Thường Kiến, Đoạn Kiến (Ái Thường Kiến Hữu Dục, Ái Đoạn Kiến Ly Hữu Dục).
- Luyến mộ: luyến là mến,buộc, cùng ràng buộc không rời được. Mộ là mến, quyến luyến. Luyến mộ là yêu mến, quyến luyến, buộc, cùng ràng buộc không rời được, sự trìu mến.
- Pháp như sợi chỉ: là chỉ cho trạng thái mong manh, dễ đứt bởi vì khi tham là thường dễ rơi vào sự dính mắc giống như sợi chỉ.
- Vẫn toả ra: như trạng thái tâm tham bùng phát, tỏa ra để dính mắc cảnh.
- Vẫn gom lại: không buông ra là thành tựu của tham.
- Thiển trí: trí tuệ nông cạn.
- Khổ: khốn khổ, lo quá, chịu khó (khắc khổ). Sự chịu không nổi của thân, sự thọ lãnh khó chịu của tâm. Ám chỉ cho Sầu, Khóc, Khổ, Ưu, Ai hoặc rơi vào cảnh giới Địa Ngục, Bàng Sanh, Ngạ Quỷ, Atula, Sanh, Lão, Bệnh, Tử.
- Khổ tập: nguyên nhân, nguyên do, điều kiện tạo rasự khổ. (Đây chỉ cho pháp bản chất SH Tham).
- Khổ diệt: trạng tháidứt khổ, đoạn tận khổ, vượt thoát khổ, chỉ cho Níp Bàn.
- Đường đi đến Diệt khổ: là cách thức hay phương pháp để vượt thoát sự khổ thành tựu pháp Diệt Khổ. Ở đây là chỉ cho Bát Chánh Đạo (Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm và Chánh Định).
- Vô minh: vô là không. Minh là sáng suốt. Vô Minh là không sáng suốt, tức tối tăm mê mờ. Vô Minh là trạng thái không biết pháp đáng biết (như là Tứ Đế) (tức là SH Si) hoặc pháp mà tạo ác, xấu, cách không nên tạo…
- Vô minh bộc: vô Minh đã giải. Bộc hay Bạo có nghĩa là bị nước lụt cuốn trôi. Bộc còn gọi là Bộc Lưu, có nghĩa nước lụt tràn trề, chảy tràn làm chúng sanh chịu nạn chìm đắm trong 3 lối luân hồi. Bộc nghĩa là sự chìm đắm với cách không sáng suốt hay làm chúng sanh chịu nạn chìm đắm theo lối mê mờ tăm tối, chìm đắm theo phiền não, nghiệp, quả.
- Vô minh phối: vô Minh đã giải. Phối là phối hợp, kết hợp, ở đây là phối hợp với khổ dính trong luân hồi, kết dính trong sanh tử. Vô Minh Phối nghĩa là cách lờ khờ trong cảnh, mê mẩn trong cảnh, không phân biệt đâu là đúng, đâu là sai, nên càng phối hợp, kết dính với luân hồi.

- Vô minh tiềm thùy: vô Minh đã giải. Tiềm Thùy hay Thùy Miên có nghĩa là mệt mỏi, bần thần, lười biếng, buồn ngủ, chỉ cho khi biết cảnh không đặng tươi tỉnh, do sự dã dượi, tức ngủ nghỉ theo cách phiền não. Vô Minh Tiềm Thùy nghĩa là mệt mỏi, mê mờ trong cảnh, không thấu đáo thực tính bản chất, hoặc pháp nào mà ngủ nghỉ liên tiếp theo danh sắc với trạng thái không sáng suốt, mệt mỏi, bần thần, bị nhốt kín và luôn ngủ ngầm theo tâm, thì pháp ấy gọi là Vô Minh Tiềm Thùy.
- Vô minh che khuất (Vô minh cái):Cái tức là che, ngăn, trùm, đậy. Vô Minh Cái là trạng thái che khuất hay ngăn chặn các hành động thiện, sự tốt, không cho phát sanh Thiền, Thông, Đạo, Quả... hoặc là thiếu hiểu biết theo pháp Siêu Lý như là Uẩn, Xứ, Giới, Đế... cũng chặn đứng sự tu tuệ, vì cách che, ngăn mà chấp cứng theo thường thức chế định nên gọi là Vô Minh Cái.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Nhân*(Hetuduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Thành Nhânvà tất cả các Pháp Phi Nhân.

1. Tất cả Pháp Thành Nhân*(Hetudhammā)*: Đề này khi tìm hiểu thêm ta thấy các nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si... gọi là nhân tương ưng. Khi trạng thái "nhân" sanh (hiện khởi, khởi sanh, phát sanh) là giúp cho những pháp câu sanh tức tâm hữu nhân và SHH hiện bày có sức mạnh về cả nhiều khía cạnh Thiện, Bất thiện, Vô Ký.Hay nói cách khác, khi Vô Minh duyên Hành nói trên phương diện Chuyên Tạo Hành *(Abhisaṅkharaṇakasaṅkhāra)* là những chủng tử *(bīja)* hiệp thế là ảnh hưởng của SH Tư hiệp với tâm Thiện và Bất thiện hiệp thế sau khi diệt rồi mà còn mãnh lực tạo sắc nghiệp và tâm quả hiệp thế. Lúc tâm quả hiệp thế trợ sanh kết hợp với pháp nhân thì hiện bày Thiện, Bất thiện, Vô Ký tức giúp các pháp đồng sanh này có mãnh lực. Vì vậy trong Pāḷi có chú giải như vầy"*Hinoti tatthāti phalam. Etthāti = hetu*: nghĩa là quả do nhân, những pháp câu sanh giúp có mãnh lực gọi là nhân".
2. Tất cả Pháp Phi Nhân*(Na hetudhammā)*: Pháp Phi Nhân là chỉ pháp Siêu Lý trừ ra 6 nhân tức là những pháp còn lại chẳng phải làm nhân chánh thức cho nghiệp Thiện hoặc Bất thiện, chỉ là pháp câu sanh để tác động Hữu Vi Pháp cùng với pháp nhân chi phối chư hành vô thường.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Thành Nhân là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si

– Xứđặng 1 Xứ: Pháp Xứ là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si

– Giớiđặng 1 Giới: Pháp giới là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si

– Đếđặng 2 Đế: Khổ đế là Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si (đã trừ Tham)

– Tập Đế là SH Tham

Tất cả Pháp Thành Nhânlà Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si

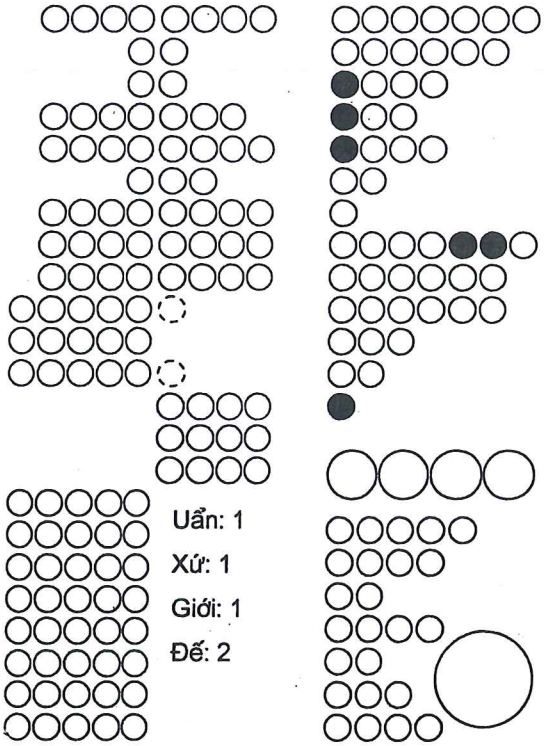

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Nhân là Pháp Siêu Lý (trừ 6 Nhân đã kể). Chi pháp trong câu 2, ta chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là 44SH (đã trừ Thọ, Tưởng và Lục Nhân Tương Ưng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn là 121 thứ Tâm

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là 121 thứ Tâm
12. Pháp Xứ là 46 SH (đã trừ Lục Nhân Tương Ưng) hợp với Tâm, Sắc Tếvà Níp Bàn

– Giớiđặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giới là 108 tâm (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà46 SH (đã trừ Lục Nhân Tương Ưng) hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đếđặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 46 SH (đã trừ Lục nhân tương ưng) hợp với Tâm
2. Diệt đế là Níp Bàn
3. Đạo đế là Thất chi SH (trừ Trí) tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Nhânlà Pháp Siêu Lý (trừ 6 Nhân đã kể)

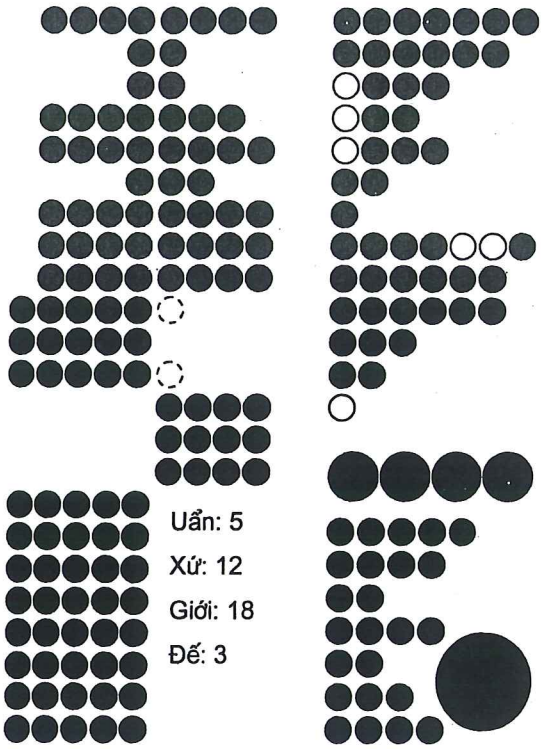

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Nhân: *Hetudhammā* - Tất cả PhápThành Nhân.

Pháp Thành Nhân nghĩa là chỉ những trạng thái giúp cho các pháp khác với chức năng là gốc rễ, nguyên do, để trợ pháp câu sanh khi hiện bày, hay thành tựu có sức mạnh. Ở đây, là chỉ những tâm hữu nhân (12 thứ Tâm Bất thiện, 24 thứ Tâm Dục Giới Tịnh Hảo Hữu Nhân và 67 thứ Tâm Thiền). Như là:

- Khi tâm Tham sanh nhờ vào 2 nhân là nhân Tham, nhân Si và pháp câu sanh khác.
- Khi tâm Sân sanh nhờ vào 2 nhân là nhân Sân, nhân Si và pháp câu sanh khác.
- Khi tâm Si sanh nhờ vào 1 nhân là nhân Si và pháp câu sanh khác.
- Khi 1 trong 24 thứ Tâm Dục Giới Tịnh Hảo sanh nhờ vào 2 hoặc 3 nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân và nhân Vô Si cùng pháp câu sanh khác.
- Khi 1 trong 67 thứ Tâm Thiền sanh nhờ vào 3 nhân là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân và nhân Vô Si cùng pháp câu sanh khác.

Nhân*(Hetu)* coi như là sở sanh cho các pháp câu sanh, tức là nền tảng cho danh pháp sanh ra trên 2 khía cạnh Thiện *(Kusala)* và Bất thiện*(Akusala).*

- Khi làm sở sanh (nền tảng) cho pháp Bất thiện, thì 3 nhân Tham, Sân, Si sẽ hòa hợp cộng tương với thành phần Bất Tịnh Hảo, như là:

A.Nói về nhânTham*(Hetu lobha)*

- Nhân Tham thể hiện trong pháp Lậu là Dục Lậu (*Kāmāsava*) (mê say chìm đắm trong lục dục) và Hữu Lậu (*Bhavāsava*) (chìm đắm với sự mong mỏi Sắc Giới hay Thiền...).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Bộc là Dục Bộc (*Kāmaoghā*) và Hữu Bộc (*Bhavā ohgā*).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Phối là Dục Phối (*Kāmayoga*) và Hữu Phối (*Bhavayoga*).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Phược là Tham ác thân phược (*Abhijjākāyagantha*) (trói chặt thân danh và thân sắc với 6 cảnh, tức là làm cho Tâm, SH và Sắc như bị trói vào các cảnh).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Thủ là Dục thủ (*Kāmupādāna*) (chấp cứng cảnh lục dục).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Cái là Dục Dục Cái (*Kāmacchandanīvaraṇa*) (ham muốn nhiễm đắm ngũ dục, che ngăn sự tốt...).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Tiềm Thùy (hay Thụy Miên) là Ái Dục Tiềm Thùy (*Kāmarāgānusaya*) (tánh quen ái dục) và Ái Hữu Tiềm Thùy (*Bhavarāgānusaya*) (quen muốn đời sau).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Triền là Ái Dục Triền (*Kāmarāgasaññojana*) (tham trói buộc chúng sanh với cảnh dục lạc) và Hữu Dục Triền (*Bhavarāgasaññojana*) (tham trói buộc chúng sanh với những cõi Sắc Giới hay Vô Sắc Giới hoặc Thiền).
- Nhân Tham thể hiện trong pháp Phiền Não là Phiền Não Tham (*Lobha kilesa*) (sự ham muốn trở thành thứ sôi nổi, nóng nảy).

B.Nói về nhânSân*(Hetu dosa)*

- Nhân Sân thể hiện trong pháp Phược là Sân độc thân phược (*Byāpādakāyagantha*) (sân, giận, oán thù ràng buộc cả Thân Danh vàThân Sắc).
- Nhân Sân thể hiện trong pháp Cái là Sân Độc Cái (*Byāpādanīvaraṇa*) (nóng giận, hung dữ, che ngăn sự tốt...).
- Nhân Sân thể hiện trong pháp Tiềm Thùy (hay Thụy Miên) là Phẫn Uất Tiềm Thùy (*Paṭighānusaya*) (thói quen hờn, giận).
- Nhân Sân thể hiện trong pháp Triền là Phẫn Uất Triền (*Paṭighasaññojana*) (giận hờn, thù oán là sự ràng buộc chúng sanh),Tật Đố Triền (*Issāsaññojana*) (sự tật đố ràng

buộc chúng sanh) và Lận Sắt Triền (*Macchariyasaññojana*) (sự bỏn xẻn cũng là ràng buộc chúng sanh).

- Nhân Sân thể hiện trong pháp Phiền Não là Phiền Não Sân (*Dosa kilesa*) (sự nóng giận, khó chịu trở thành thứ sôi nổi, nóng nảy).

C.Nói về nhânSi*(Hetu Moha)*

- Nhân Si thể hiện trong pháp Lậu là Vô Minh Lậu (*Avijjāsava*) (sự chìm đắm với cách không sáng suốt).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Bộc là Vô Minh Bộc (*Avijjā ogā*).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Phối là Vô Minh Phối (*Avijjāyoga*).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Cái là Vô Minh Cái (*Avijjānīvaraṇa*) (thiếu hiểu biết theo pháp Siêu Lý, như là: Uẩn, nhập...cũngchặn đứng sự Tu Tuệ, vì cứ chấp mà theo thường thức là Chế Định).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Tiềm Thùy (hay Thụy Miên) là Hoài Nghi Tiềm Thùy (*Vicikicchānusaya*) (tánh quen hoài nghi) và Vô Minh Tiềm Thùy (*Avijjānusaya*) (thói quen Vô Minh).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Triền là Hoài Nghi Triền (*Vicikicchāsaññoo jana*) (không quyết tin những pháp đáng tin, đó là bị Hoài nghi ràng buộc, cứ miệt mài bằng cách đánh dấu hỏi với những pháp giải thoát) và Vô minh triền (*Avijjāsaññoo jana*) (không sáng suốt, tối tăm hay thiếu hiểu, mất tự do rộng rãi cao siêu, đó như bị vấn trói buộc).
- Nhân Si thể hiện trong pháp Phiền Não là Phiền Não Si (*Moha kilesa*) (sự mê mờ tối tăm trở thành thứ sôi nổi, nóng nảy).

D.Còn các pháp Bất thiện khác thì câu sanh chung với các nhân Tham, Sân, Si.

- Khi làm sở sanh (nền tảng) cho pháp Thiện, thì 3 nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si sẽ hòa hợp cộng tương với thành phần Tịnh Hảo, như là:

1. Nói về nhân VôTham*(Hetu alobha)* và Vô Sân*(Hetu Adosa)*: do nằm ở SH Tịnh Hảo biến hành nên thường câu sanh chung với các pháp Tịnh Hảo, như: Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc, Ngũ Quyền, Ngũ Lực, Thất Giác Chi, Bát Chánh Đạo; Chi Đạo, Nhị Thập Nhị Quyền, Cửu Lực, Tứ Trưởng...
2. Nói về nhânVô Si (Hetu amoha).

- Nhân Vô Si*(Hetu amoha)* thể hiện trong pháp Tứ Như Ý Túc là Thẩm Như Ý Túc (*Vīnaṅsiddhipāda*) (Trí Tuệ mạnh làm nhơn đắc Đạo, Quả, hay Thiền hoặc Thông).
- Nhân Vô Si (*Hetu amoha*) thể hiện trong pháp Ngũ Quyền là Trí Quyền (*Paññindrīya*) (tự do sáng suốt thấu đáo đưa đến tỏ ngộ).Ngoài ra, nhân Vô Si (*Hetu amoha*) còn thể hiện trong Nhị Thập Nhị Quyềnlà Trí Quyền (*Paññindrīya*) (cai quản sự hiểu rõ Tứ Thánh Đế đã từng rõ thấu), Tri Dị Tri Quyền (*Anaññātaññassāmītindrīya*) (cai quản sự

hiểu rõ Tứ Thánh Đế, chưa từng rõ thấy nhứt là Níp Bàn), Tri Dĩ Tri Quyền (*Aññindrīya*) (cai quản sự hiểu rõ Tứ Thánh Đế đã từng hiểu rõ), Tri Cụ Tri Quyền (*Aññātāvindrīya*) (cai quản cách hoàn toàn hiểu rõ Tứ Thánh Đế).

- Nhân Vô Si (*Hetu amoha*) thể hiện trong pháp Thất Giác Chi là Trạch Pháp Giác Chi (*Dhammavicayasambojjhaṅga*) (soi xét cả pháp trong ngoài để làm nhân thường tỏ ngộ Tứ Thánh Đế).
- Nhân Vô Si (*Hetu amoha*) thể hiện trong pháp Bát Chánh Đạo hay Bát Chi Đạo là Chánh Kiến (*Sammādiṭṭhi*) (trí theo lối phe đảng giúp chứng đắc).
- Nhân Vô Si (*Hetu amoha*) thể hiện trong pháp Trưởng là Thẩm Trưởng (*Vīmaṁsādhipati*) (lớn trội sức mạnh trong sự hiểu biết thấu đáo).

Nhân*(Hetu)* với căn*(Mūla)* có nghĩa tương đồng với nhau là căn hay gốc. Vì trong phần giải bộ Song Đối *(Yamaka)* có phần Căn Song, khi lấy chi pháp thì đổi Nhân thành Căn, tức 6 Nhân Tương Ưng thành 6 Căn Tương Ưng... như 3 Nhân Thiện là 3 Căn Thiện, 3 Nhân Bất thiện là 3 Căn Bất thiện, luôn đến 3 Nhân Vô Ký thành 3 Căn Vô Ký và 9 Nhân Danh thành 9 Căn Danh = 283 Nhân tức 283 Căn, cho nên phần sớ giải trong Liên quan tương sinh, có Pāḷi chú giải như vầy:

- *Mūlayanti sabbe pī vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mūlani*: những pháp luân hồi phải nương theo đó nên pháp đó gọi là căn (gốc).

- *Mūlayanti patiṭṭhahanti vaṭṭadhammā tiṭṭhanti etthāti = Mūlani*: những pháp luân hồi phải nương đỡ theo đó nên pháp đó là căn, ám chỉ Vô Minh và Ái.

Nhân *(Hetu)* phân theo cách thì có 4:

1. Nhân Nhân(*Hetu Hetu*) tức là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, cũng gọi Nhân Tương Ưng (Sampayuttahetu).
2. Duyên Nhân(*Paccayahetu*) tức là Sắc Tứ Đại Hiển làm nguyên do cho Sắc pháp đặng, gọi là Sắc Uẩn.
3. Chí thượng Nhân(*Uttamahetu*) tức là nghiệp Thiện, Bất thiện tạo quả tốt xấu...
4. Phổ biến Nhân (*Sadhāraṇahetu*) tức là Vô Minh duyên Hành, Hành duyên Thức, Thức duyên Danh Sắc...

Nói Nhân đây chỉ Nhân Nhân (Hetu Hetu) tức Nhân Tương Ưng. Có Pāḷi chú giải như vầy: "*Hinoti patiṭṭhāti rtthāti = Hetu*":những pháp thành tựu nhờ đây mà đặng vững vàng, chính là nhân.

Lại nữa, Nhân *(Hetu)* hay Pháp Thành Nhân được phân chia theo Bộ Pháp Tụ như sau:

3 nhân thiện, 3 nhân bất thiện, 3 nhân Vô ký, 9 nhân dục giới, 6 nhân sắc giới, 6 nhân vô sắc giới và 6 nhân siêu thế.

3 nhân Thiện là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si:

- Nhân Vô Tham có pháp thực tính là SH Vô Tham. Nghĩa là không dính mắc cảnh đáng ưa thích, không nhiễm đắm...
- Nhân Vô Sân có pháp thực tính là SH Vô Sân. Nghĩa là thanh lương, trong trẻo, mát mẻ như trăng rằm...
- Nhân Vô Si có pháp thực tính là SH Trí Tuệ. Nghĩa là không mê mờ với cảnh, tức sáng suốt với cảnh...

3 nhân Bất thiện là nhân Tham, nhân Sân, nhân Si:

- Nhân Tham có pháp thực tính là SH Tham. Nghĩa là không buông ra, nhận thấy cảnh pháp triền đáng ưa thích...
- Nhân Sân có pháp thực tính là SH Sân. Nghĩa là phá hại thân tâm, làm hư hoại trí tuệ hay tuệ quán...
- Nhân Si có pháp thực tính là SH Si. Nghĩa là tối tăm, mờ tối, hay là làm cho không thể tiến hành theo pháp chân chánh sáng suốt...

3 nhân Vô ký là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si:

- Nhân Vô Tham có pháp thực tính là SH Vô Tham... phối hợp với tâm Quả Hữu nhân và tâm Tố Tịnh hảo.
- Nhân Vô Sân có pháp thực tính là SH Vô Sân... phối hợp với tâm Quả Hữu nhân và tâm Tố Tịnh hảo.
- Nhân Vô Si có pháp thực tính là SH Trí Tuệ... phối hợp với tâm Quả Hữu nhân và tâm Tố Tịnh hảo.
    - 9 Nhân Dục Giới là chỉ cho 3 nhân Thiện, 3 nhân Bất thiện, 3 nhân Vô ký.
    - 6 Nhân Sắc Giới là chỉ cho 3 nhân Thiện, 3 nhân Vô ký.
    - 6 Nhân Vô Sắc Giới là chỉ cho 3 nhân Thiện, 3 nhân Vô ký.
    - 6 Nhân Siêu thế là chỉ cho 3 nhân Thiện, 3 nhân Vô ký.

Như vậy, Pháp Thành Nhân *(Hetu dhammā)* là pháp khi phát sanh có trạng thái gốc, rễ, căn giúp cho pháp câu sanh chung được vững vàng hoặc có thêm sức mạnh, mà những pháp đồng sanh ấy sẽ đặng gọi là pháp hữu nhân. Chúng ta thấy pháp nhân là điều kiện, nguyên do quan trọng tác động cho hữu vi pháp luân chuyển theo nhiều đời lắm kiếp cũng từ 6 nhân gốc rễ này: Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si, hoặc hỗ trợ theo từng phần thì kể tính thêm Nhân Vô ký hay Nhân Danh.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Nhân:*Na hetudhammā* - Tất cả PhápPhi Nhân.

Pháp Phi Nhân *(Na hetu dhammā)* nghĩa là những pháp chỉ câu sanh mà không phải nhân tương ưng do có pháp bản chất là pháp Siêu Lý đã trừ 6 nhân Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si, nghĩa là các pháp này chẳng phải làm nhân chánh thức cho nghiệp Thiện hay

Bất thiện, mà chỉ là pháp câu sanh với các pháp đó mà thôi, vì trong chi pháp chúng ta thấy bao gồm 121 thứ tâm + 46 thứ SHH (đã trừ 6 nhân vừa kể), Sắc pháp và Níp Bàn.Phân ra ta thấy:

A. 121 thứ tâm bao gồm tâm Hữu nhân và tâm Vô nhân. Riêng tâm Vô nhân không có nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si, nhân Tham, nhân Sân và nhân Si làm sở sanh hay cùng hòa trộn. Còn 103 thứ tâm Hữu nhân khi sanh khởi phải nhờ vào nhân (Hetu) làm nền tảng để phát sanh.Đơn cử: Tâm Đại Thiện khi phát sanh phải nhờ 3 nhân Vô Tham, Vô Sân và Vô Si làm sở sanh cùng với 35 SH khác.

- Chẳng hạn khi Tu Tiến bắt cảnh đề mục với trạng thái phải không đắm nhiễm cảnh để có thể biết cảnh mà không bị khởi lên sự lôi cuốn,cách dính mắc, ngâm chìm, chỉ bắt cảnh đề mục bằng cách không tham, sự không muốn, thái độ không nặng dục vọng, không ham muốn ngũ dục, những hiện tượng này là nhờ vào nhân Vô Tham;
- Đồng thời phải có tâm với trạng thái mát mẻ, không sần sượng, êm dịu để tạo điều kiện áp sát vào đề mục một cách thuận lợi bởi sôi nổi bị vắng mặt, đây là nhờ nhân Vô Sân;
- Khi bắt cảnh với trạng thái không dính mắc , nhiễm đắm (Vô Tham), đặng dán áp cảnh với trạng thái êm dịu mát mẻ (Vô Sân), thì cần phải luôn có trạng thái sáng suốt trong cảnh, nhận rõ, hiểu thấu, lương tri, đi đến giai đoạn nghiêm tịnh và thanh thoát, đồng lúc rực sáng trong cảnh đề mục.Mà muốn có trạng thái sáng suốt... thì phải nhờ vào nhân Vô Si vì trạng thái của Trí (Vô Si) là sáng suốt, làm cho các pháp câu sanh (thành tựu) không mê mờ với cảnh, cảnh sáng tỏ có thể phát sanh đến Thiền, Thông, Đạo, Quả.

B. 46 SHH (trừ Lục Nhân Tương Ưng): bao gồm các SH Tợ Tha, Bất thiện và Tịnh Hảo. Các SH Bất thiện chỉ câu sanh chung với các nhân Bất thiện là Tham, Sân, Si. Các SH Tịnh Hảo chỉ câu sanh chung với các nhân Thiện là Vô Tham, Vô Sân và Vô Si. Còn các SH Tợ Tha thì có thể câu sanh chung với cả 6 nhân.Đơn cử: 1 trong 46 thứ SH câu sanh như là SH Tín làm cho trạng thái tâm và các SH khác khi có mặt phải quyết nương, có nghĩa là quyết định nương vào cảnh ấy, bởi nhận ra tính chất cảnh ấy đáng tin... Đơn cử: 1 trong 46 thứ SH câu sanh như là SH Niệm làm cho trạng thái tâm và các SH khác khi có mặt phải có niệm, thường niệm, hồi quang, nhớ đặng, thường nhớ, vẫn nhớ, không lơ đãng, không quên.v.v...

C. Sắc pháp thì có Sắc Tâm là do phần Tâm tạo nhưng Tâm sanh trên phương diện Hữu Nhân thì phải có tác động 6 nhân làm sở sanh. Như vậy nói theo 1 lối chừng mực thì 6 nhân tạo phần Sắc Tâm tức là sở sanh cho Sắc Tâm. Còn trên phương diện Sắc Nghiệp thì 6 nhân tương ưng với tâm Hữu nhân để điều hành sự hoạt động của Sắc Uẩn, nhất là nói về Sắc Nghiệp vì là Chuyên Tạo Hành, nghĩa là những chủng tử hiệp thế, tức ảnh hưởng của SH Tư hợp với Tâm Bất thiện và Tâm Thiện Hiệp thế do 6 nhân làm sở sanh, sau khi diệt rồi mà còn mãnh lực đào tạo Sắc Nghiệp và tâm Quả hiệp thế.

D. Níp Bàn: không có nhân tương ưng làm sở sanh và hòa trộn nên gọi là Pháp Phi nhân.

NHỊ ĐỀ THỨ 2: NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN

(SAHETUKADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Sahetukā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Nhân.*
- *Câu 2: Ahetukādhammā - Tất cả Pháp Vô Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị*(Duka)*,ở câu 696 Phật Ngài có dạy về 2trạng thái của 2 Pháp Hữu Nhân và Vô Nhân*(Sahetukā dhammā, Ahetukā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hữu Nhân, như sau:

* *Chư Pháp Hữu Nhân ra sao?*

Những Pháp nào có Nhân như Pháp Nhân đó tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Nhân.

* *Chư Pháp Vô Nhân ra sao?*

Những Pháp nào không có Nhân như Nhân đó tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Vô Nhân.

II. THÍCH TỪ

- Hữu: có, trái với chữ Vô. Ngoài ra còn có nghĩa giúp đỡ, lấy được, đầy đủ...
- Vô: không, không có.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hữu Nhân*(Sahetukaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Hữu Nhânvà tất cả các Pháp Vô Nhân.

1. Tất cả Pháp Hữu Nhân*(Sahetukādhammā):* là các pháp có nhân phối hợp như khi Tâm Tham khởi sanh phải có 2 nhân phối hợp là nhân Tham và nhân Si; hoặc Tâm Sân phát sanh thì phải có 2 nhân là nhân Sân và nhân Si; hay khi Tâm si khởi sanh, phải có nhân Si phối hợp. Còn trên khía cạnh Thiện, như Đại Thiện, Đại Quả, Đại Tố luôn đến Tâm Thiền khi phát sanh thì phải có 2 hoặc 3 nhân Thiện phối hợp là Vô Tham, Vô Sân hoặc có thêm Vô Si.Những pháp mà cần phải có nhân phối hợp và khi đặng phối hợp với nhân *(Hetu)* thì những pháp ấy gọi là Pháp Hữu Nhân.
2. Tất cả Pháp Vô Nhân*(Ahetukādhammā):* là những trạng thái khi sanh lên không có 6 nhân hợp chung, tức là tâm Vô nhân, SHH (đã trừ Dục và thêm trường hợp Si hợp Tâm Si), Níp Bàn, Sắc pháp. Hay nói cách khác, tất cả pháp Vô Nhân là những pháp khi sanh không cần có 6 nhân trợ giúp, câu sanh, hỗ tương hay tương ưng.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Nhân là 103 tâm Hữu nhân và 52 SHH (đã trừ Si hợp Tâm Si).

Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Danh Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với 103 thứ tâm Hữu nhân
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với 103 thứ tâm Hữu nhân
3. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si hợp Tâm Si) hợp với 103 thứ tâm Hữu nhân
4. Thức Uẩn là 103 thứ tâm Hữu nhân

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là103 thứ tâm Hữu nhân
2. Pháp Xứ là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si hợp Tâm Si) hợp với 103 thứ tâm Hữu nhân

– Giớiđặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là103 thứ tâm Hữu nhân
2. Pháp giới là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si hợp Tâm Si) hợp với 103 thứ tâm Hữu nhân

– Đếđặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Tâm Hữu nhân Hiệp thế và 50 SHH (đã trừ Thọ, Tưởngvà Si hợp Tâm Si)
2. Tập đế làSH Tham
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Hữu Nhân là 103 tâm Hữu nhân và 52 SHH (trừ Si hợp Tâm Si)

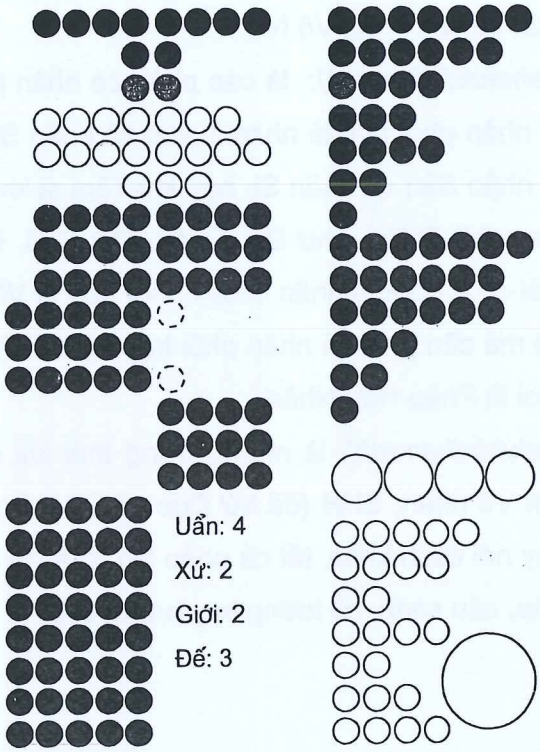

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vô Nhân là Níp Bàn, Sắc pháp, 18 tâm Vô nhân, 12 SH Tợ Tha và Si hợp Tâm Si. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với 18 thứ tâm Vô nhân
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với 18 thứ tâm Vô nhân
4. Hành Uẩn là10 SH Tợ Tha (trừ Dục và Thọ, Tưởng) hợp với 18 thứ tâm Vô nhân và Si hợp Tâm Si
5. Thức Uẩn là18 thứ tâm Vô nhân

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ có Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là18 thứ tâm Vô nhân
12. Pháp Xứ làSắc Tế,12 SH Tợ Tha, Si hợp Tâm Si và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12.Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13.Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14.Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15.Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giới làĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17.Ý thức giới là3 Tâm Thẩm Tấn, Khai Ý Môn và Tiếu Sinh
18.Pháp giới là12 SH(hợp với tâm Vô nhân, Si hiệp Tâm Si), Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Vô nhân, 12 SHH và Si hiệp Tâm Si
2. Diệt đế làNíp Bàn

Tất cả Pháp Vô Nhânlà Níp Bàn, Sắc pháp, 18 tâm Vô nhân, 12 SH Tợ tha và Si hợp tâm Si

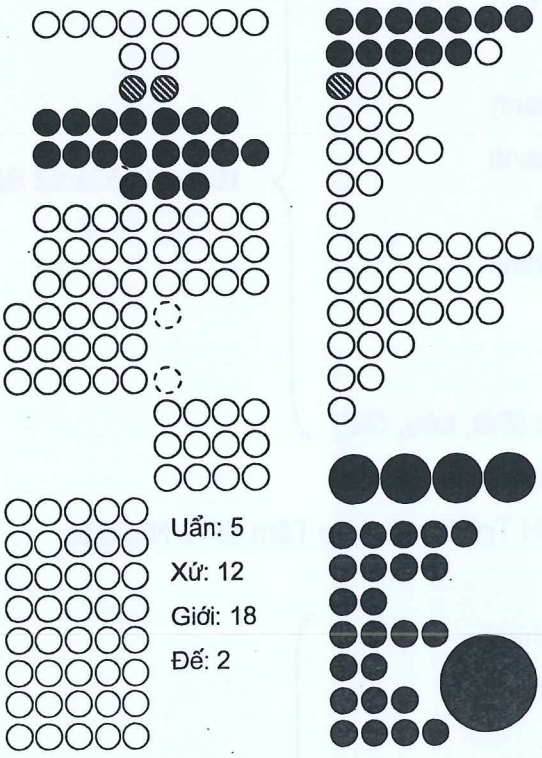

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hữu Nhân:*Sahetukā dhammā* - Tất cả Pháp Hữu Nhân.

"Những Pháp nào có Nhân":đây chỉ cho 12 thứ Tâm Bất thiện, 24 thứ tâm Dục Giới Tịnh Hảo, 67 Tâm Thiền vì khi hiện bày phải lấy nhân làm sở sanh tức nhân cùng sanh chung với những pháp ấy.

"như Pháp Nhân":đây chỉ cho 6 trạng thái là nhân Vô Tham, nhân Vô Sân, nhân Vô Si, nhân Tham, nhân Sân, nhân Si.

"đó tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn":nghĩa là bao gồm 4 Danh Uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức, nhưng 6 nhân thuộc về Hành Uẩn, còn các pháp câu sanh Hữu Nhân thuộc về Thọ, Tưởng, Hành và Thức Uẩn.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hữu Nhân:*Ahetukā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Nhân.

"Những Pháp nào không có Nhân":đây chỉ cho 18 thứ tâm Vô nhân, vì khi hiện bày không lấy nhân làm sở sanh, tức nhân không cùng sanh chung với những pháp ấy.

"như Nhân đó":đây chỉ cho SH Si hợp với Tâm Si. Nghĩa là SH Si là nhân Si khi gặp Tâm Tham hoặc Tâm Sân hoặc pháp câu sanh khác thì gọi là Hữu Nhân; còn khi gặp chính nó, là vì khi nó phối hợp với Tâm Si, thì trở thành Vô Nhân, do Tâm Si chỉ có 1 nhân Si nên không thể nói nhân Si gặp nhân Si; vì vậy gọi là Vô Nhân.Ví dụ:mình gặp người khác,chứ không thể nói mình gặp chính mình.

"tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn":nghĩa là bao gồm 4 Danh Uẩn: Thọ, Tưởng, Hành, Thức, là các SH đồng sanh với 18 tâm Vô nhân và các tâm Vô nhân ấy.

"luôn cả Sắc Pháp":đây chỉ cho 28 thứ Sắc pháp không lấy 6 nhân làm sở sanh. Sắc pháp có 1 trong 8 ý nghĩa là Pháp vô nhân hay Pháp Phi Nhân *(Ahetuva)*:vì là thành phần vật chất vô tri giác, nên không có nhân tương ưng (Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si).

"và Vô Vi Giới":tức là Níp Bàn, là pháp không bị tạo nên không cùng sanh với 6 nhân tương ưng.

NHỊ ĐỀ THỨ 3: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN

(HETUSAMPAYUTTADUKA)

(Nhị Đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Hetusampayuttā dhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân.*
- *Câu 2: Hetuvippayuttādhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị*(Duka)*,ở câu 697 Phật Ngài có dạy về 2trạng thái của 2 Pháp Tương Ưng Nhân và Bất Tương Ưng Nhân*(Hetusampayuttā dhammā, Hetuvippayuttā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Tương Ưng Nhân, như sau:

** Chư Pháp Tương Ưng Nhân ra sao?*

Những Pháp nào tương ưng với Pháp Nhân đó tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Tương Ưng Nhân.

** Chư Pháp Bất Tương Ưng Nhân ra sao?*

Những Pháp nào bất tương ưng với Pháp Nhân đó tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Bất Tương Ưng Nhân.

II. THÍCH TỪ

- Tương: cùng, qua lại lẫn nhau.
- Ưng: ứng theo, chịu, đương lấy, trả lời lại.
- Tương ưng: hòa trộn, kết hợp.
- Bất: không, chẳng.
- Vô: không.
- Vi: hành vi, hành động, bị tạo tác.
- Giới: là bản chất phân biệt riêng có ranh, giới hạn tự hành vi theo của nó. Có Pāḷi chú giải như vầy "*Nissattanijīvaṭṭhana = Dhātu*" nghĩa là bản chất như là: Nhãn Thanh Triệt... chứ chẳng phải chúng sanh hay linh hồn chi cả.Lại nữa có Pāḷi chú giải như vầy: "*Attano sabhāvaṃ dhāratīti = Dhātu*" tự trì chơn tướng gọi là Giới hay bản chất.
- Vô Vi Giới: là trạng thái không có hành vi cũng chẳng có hành động, là pháp vượt thoát không còn nằm trong ranh của đời, tức là pháp mà tự chế bất biến chuyển, hoàn toàn tuyệt đối thanh tịnh, pháp ấy gọi là Vô vi giới.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Nhân*(Hetusampayuttaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Tương Ưng Nhânvà tất cả các Pháp Bất Tương Ưng Nhân.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân*(Hetusampayuttādhammā):* là các trạng thái hòa trộn với nhân hay là có nhân tương ưng kết hợp, nên gọi pháp Tương Ưng Nhân.

2. Tất cả Pháp BấtTương Ưng Nhân*(Hetuvippayuttā dhammā):* là các trạng thái không hòa trộn với nhân hay không có nhân tương ưng kết hợp, nên gọi pháp Bất tương ưng Nhân.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Chi pháp trong Nhị Đề này trùng với chi pháp Nhị Đề 2 - Nhị Đề Hữu Nhân.

Tất cả Pháp Tương Ưng Nhânlà 103 tâm Hữu nhân và 52 SHH (trừ Si hợp Tâm Si)	Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Nhânlà Níp Bàn, Sắc pháp, 18 tâm Vô nhân, 12 SH Tợ Tha và Si hợp Tâm Si

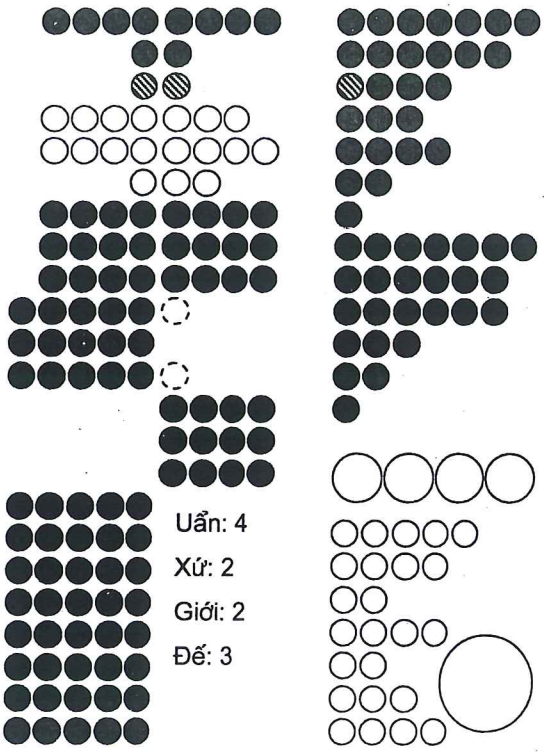

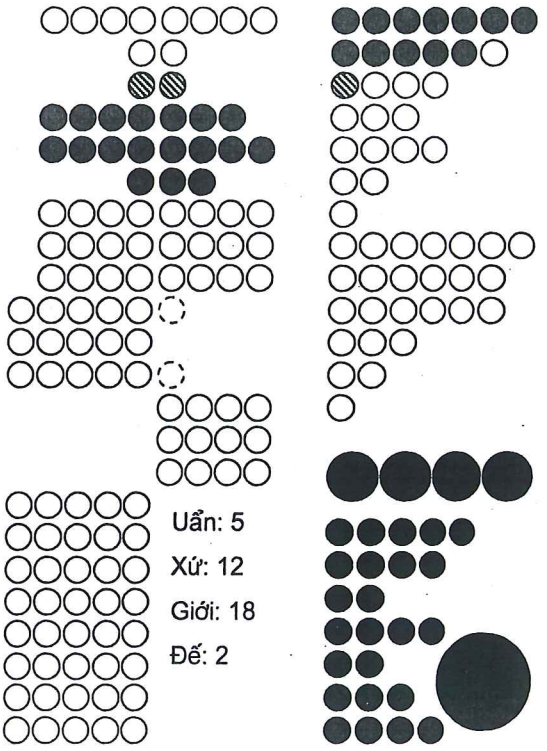

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương ƯngNhân:*Hetusampayuttā dhammā* - Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân.

Những pháp nào có nhân tương ưng hòa trộn nghĩa là khi pháp ấy phát sanh có 3 nhân Thiện hoặc 3 nhân Bất thiện cùng sanh chung như Tâm Đại Thiện Câu Hành Hỷ Tương Ưng Trí Vô Dẫn phát sanh thì trong 1 sát na tâm đó, ngoài thứ tâm thiện vừa nêu cộng 35 SHH thì phải có thêm nhân Vô Tham, Vô Sân và Vô Si (tức SH Vô Tham, Vô Sân và Vô Si).

Hay như tiến trình trật tự thứ lớp của một tâm lộ khi sanh thì mỗi sát na tâm khi sanh lên, nhất là sát na đổng lực hữu nhân thì đều phải có 1 nhân, hoặc 2 nhân, hoặc 3 nhân tương ưng kết hợp cùng hòa trộn cho nên mới gọi là các pháp Tương Ưng Nhân.

- Tâm Si có 1 nhân (nhân Si)
- Tâm Tham có 2 nhân (nhân Tham, nhân Si)

- Tâm Sân có 2 nhân (nhân Sân, nhân Si)
- Tâm Đại thiện Bất tương ưng trí có 2 nhân (nhân Vô tham, nhân Vô sân)
- Tâm Đại thiện tương ưng trí và các tâm Thiền có 3 nhân (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si)

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương ƯngNhân:*Hetuvippayuttā dhammā* - Tất cả Pháp BấtTương ƯngNhân.

Ngược lại câu 1, các pháp nào khi sanh không có nhân tương ưng hòa trộn, kết hợp thì pháp ấy gọi là pháp Bất Tương Ưng Nhân, như 18 thứ tâm Vô nhân khi sanh không có Tham, Sân, Si, Vô tham, Vô sân, Vô sivì tâm Vô nhân là mượn cách không có nhân tương ưng tức không có Tham, Sân, Si, và Vô tham, Vô sân, Vô si mới gọi là Vô Nhân, chứ chẳng phải không có những nhân trợ ra đâu. Hay nói cách khác, những tâm mà không có Vô Tham, Vô Sân, Vô Si... nên gọi là Vô Nhân.Tìm hiểu thêm tâm Vô nhân, chúng ta thấy:

- Tâm Quả Bất thiện Vô nhân *(Akusalavipākacitta)* là tâm quả do Nghiệp dị thời duyên bất thiện tạo, hay là chủng tử Bất thiện, chính là ảnh hưởng của SH Tư *(Cetanā)*hợp với tâm Bất thiện đã diệt nhưng còn tợ hạt giống, gặp dịp phát ra tâm Quả Bất thiện vô nhân. Hay nói cách khác, thành tựu do nơi nghiệp Bất thiện, gọi là Quả bất thiện.
- Ở đây chẳng có nhân tương ưng hợp, lý do: bị mãnh lực của SH Điệu Cử, vì nghiệp tội (Bất thiện) đều đi chung với Điệu Cử phải yếu ớt, dù để đặng nhiều kiếp nhưng tạo tâm quả không có Nhân Tương Ưng hợp.
- Tâm Quả Thiện Vô Nhân *(Ahetukakusalavipākacitta)* tức là tâm quả do nghiệp Đại Thiện tạo mà không có Nhân Tương Ưng hợp, vì làm việc nhẹ nhàng, yếu ớt, cũng như cất nhà nhẹ, chẳng đóng cừ.
- Tâm Tố Vô nhân *(Ahetukakiriyācitta)* tức là tâm làm chỉ là làm và không có nhân tương ưng hợp. Nghĩa là làm chỉ là làm nên gọi là Tố hay Hạnh hoặc Duy tác... chẳng khác chi cái trớn chạy, tỉ như bông vụ xoay theo sức đánh.

Nói về SH khi sanh chung với tâm Vô nhân, tức phối hợp cùng với tâm Vô Nhân thì ta phải hiểu như vầy:

- SH Tâm thì lấy 12 SH Tợ tha (đã trừ Dục) khi phối hợp với tâm Vô nhân cũng thuộc về các pháp Bất tương ưng Nhân vì trường hợp này sanh chung với tâm Vô nhân.
- Sắc pháp là trạng thái vật chất thì tất nhiên không có Lục nhân tương ưng kết hợp vì Lục nhân tương ưng là Danh pháp, mà Danh pháp và Sắc pháp thì không thể hòa trộn hay kết hợp, chỉ có câu sanh mà thôi.
- Còn Níp Bàn là pháp vượt thoát, không còn sự ràng buộc của đời, bất biến chuyển, không hiện bày sanh diệt thì làm sao bị tác động bởi vô tham, vô sân, vô si, tham, sân, si (6 nhân).

NHỊ ĐỀ THỨ 4: NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN

(HETUSAHETUKA DUKA)

(Nhị Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Hetu ceva dhammā sahetukā ca - Tất cả Pháp Nhân và Hữu Nhân.*
- *Câu 2: Sahetukā ceva dhammā na ca hetu - Tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 698 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp Nhân và Hữu Nhân và Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân *(Hetu ceva dhammā sahetukā ca, Sahetukā ceva dhammā na ca hetu)*. Gọi là Nhị Đề Nhân Hữu Nhân, như sau:

* *Chư Pháp Nhân và Hữu Nhân ra sao?*

Nhân Tham có Nhân Si và Nhân Si cũng có Nhân Tham. Nhân Sân có Nhân Si và Nhân Si cũng có Nhân Sân (Si hiệp Tâm Si không gặp Nhân khác).

Vô Tham, Vô Sân và Vô Si, cả 3 Nhân cũng tương ưng nhau.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Nhân và Hữu Nhân.

* *Chư Pháp (Hữu) Nhân mà Phi Nhân ra sao?*

Những Pháp nào có Nhân là Pháp Nhân đó mà trừ ra Pháp Nhân tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Nhân mà Phi Nhân.

II. THÍCH TỪ

- Hữu: có

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Nhân Hữu Nhân *(Hetusahetuka Duka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là tất cả các Pháp Nhân và Hữu Nhân và tất cả các Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân.

1. Tất cả Pháp Nhân và HữuNhân*(Hetu ceva dhammā sahetukā ca):* là cách hiện bày nhân (Vô Tham, Vô Sân...) có nhân khác cùng hiện hữu trong 1 trạng thái, như là:
   - Nhân Tham có (gặp) nhân Si trong Tâm Tham.
   - Nhân Sân có (gặp) nhân Si trong Tâm Sân.
   - Riêng nhân Si không có (gặp) nhân nào khác...
   - Nhân Vô Tham, Vô Sân có (gặp) nhân Vô Si trong Tâm Đại Thiện hoặc Tâm Thiền.

   Như vậy, nhân có nhân tức nhân này có nhân khác cùng phát sanh trong 1 sát na tâm thì gọi là Chư Pháp Nhân Hữu Nhân.
2. Tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân*(Sahetukā ceva dhammā na ca hetu)* tức là pháp có nhân tương ưng hợp nhưng không phải là nhân tương ưng; nên gọi là chư pháp nhân mà phi nhân,chẳng hạn như:

- Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si gọi là pháp nhân nhưng phải được hiểu không phải là nhân (tương ưng), vì các thứ tâm này khi phát sanh chỉ có nhân tương ưng phối hợp cùng chứ chẳng phải Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si là nhân (tương ưng).
- Hoặc Đại Thiện đang sanh thì gọi là chư pháp nhân, nghĩa là pháp mà có nhân (tương ưng) hợp, chứ chẳng phải tâm Đại Thiện là nhân (tương ưng)...

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Nhân và Hữu Nhân là 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện (trừ Si hợp Tâm Si). Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện (trừ Si hợp Tâm Si)
– Xứđặng 1 Xứ:Pháp Xứ là 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện (trừ Si hợp Tâm Si)
– Giớiđặng 1 Giới:Pháp giới là 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện (trừ Si hợp Tâm Si)
– Đếđặng 2 Đế:
1. Khổ đế là 3 Nhân Thiện, nhân Sân, nhân Si (trừ Si hợp Tâm Si)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Nhân và Hữu Nhânlà 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện(trừ Si hợp Tâm Si)

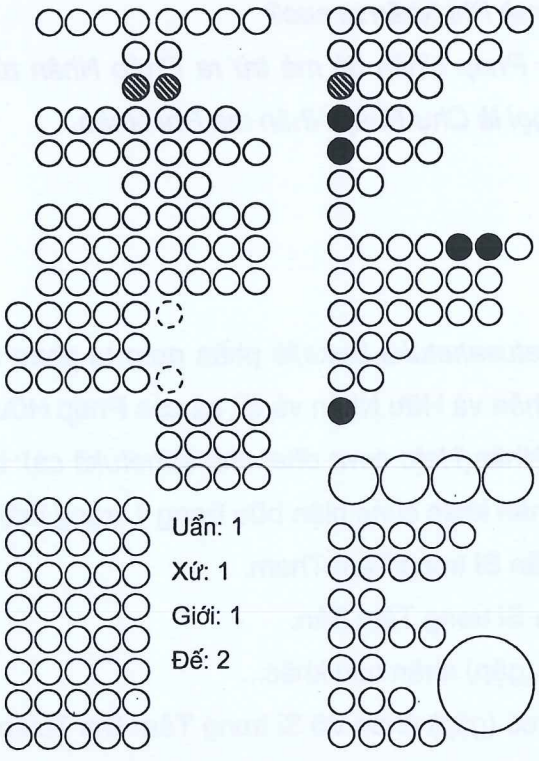

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân là tất cả Tâm Hữu Nhân và 46 Sở Hữu hợp (trừ 6 Nhân). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:
1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Hữu nhân
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Hữu nhân

3. Hành Uẩn là 44 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và Lục nhân tương ưng) hợp với tâm Hữu nhân
4. Thức Uẩn là tâm Hữu nhân

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Hữu nhân
2. Pháp Xứ là46 SH (đã trừ lục nhân) hợp với tâm Hữu nhân

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Hữu nhân
2. Pháp giới là46 SH (đã trừ lục nhân) hợp với tâm Hữu nhân

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hữu nhânHiệp thế và 46SHH
2. Đạo đế là Thất chi SH (trừ Trí) tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế Ngoại Đếlà Tâm Siêu thế và SHH(ngoàiĐạo đế)

Tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhânlà tất cả Tâm Hữu Nhân và 46 Sở Hữu hợp (trừ 6 Nhân)

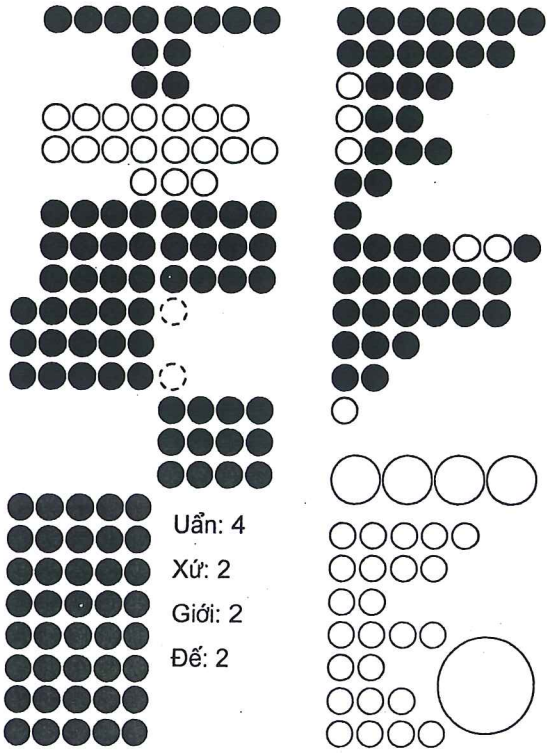

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Nhân Hữu Nhân:*Hetu ceva dhammā sahetukā ca* - Tất cả Pháp Nhân và Hữu Nhân.

"Nhân Tham có Nhân Si":khi tâm Tham sanh khởi, tất nhiên có nhân gốc là nhân Tham phối hợp với Tâm ấy. Chính vì vậy mới gọi Tâm ấy là Tâm Tham vì có nhân Tham hợp. Khi phối hợp với Tâm Tham thì nhân Tham lại có (gặp) nhân Si, do nhân Si phối hợp đặng 12 thứ tâm Bất thiện, trong đó có Tâm Tham.

"Nhân Si cũng có Nhân Tham":vì nhân Si là một loại SH Bất thiện Biến Hành (có mặt trong tất cả 12 thứ Tâm Bất thiện) nên khi phối hợp với Tâm Tham thì có gặp nhân Tham.

"Nhân Sân có Nhân Si":khi tâm Sân sanh khởi, tất nhiên có nhân gốc là nhân Sân phối hợp với Tâm ấy. Chính vì vậy mới gọi Tâm ấy là Tâm Sân vì có nhân Sân hợp. Khi phối hợp với Tâm Sân thì nhân Sân lại có (gặp) nhân Si, do nhân Si phối hợp đặng 12 thứ tâm Bất thiện, trong đó có Tâm Sân.

"Nhân Si cũng có Nhân Sân":vì nhân Si là một loại SH Bất thiện Biến Hành (có mặt trong tất cả 12 thứ Tâm Bất thiện) nên khi phối hợp với Tâm Sân thì có gặp nhân Sân.

Si hiệp Tâm Si không gặp Nhân khác.

"Vô tham, Vô sân và Vô si, cả 3 Nhân cũng tương ưng nhau":khitâm Đại thiện, Đại quả, Đại tố, và các loại tâm Thiền phát sanh thì 3 nhân này có (gặp) nhau, tức là nhân Vô Tham có (gặp) nhân Vô Sân, Vô Si; nhân Vô Sân có (gặp) nhân Vô Tham, Vô Si; nhân Vô Si có (gặp) nhân Vô Tham, Vô Sân; hoặc ngược lại.

"Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Nhân và Hữu Nhân":khi những trạng thái có thực tính vừa nêu trên có gặp nhau, có kết hợp, có tương ưng, thì được gọi là Chư Pháp Nhân và Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Nhân Hữu Nhân:*Sahetukā ceva dhammā na ca hetu* - Tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân.

"Những Pháp nào có Nhân (hữu nhân,tức là pháp nhờ nhân) là Pháp có Nhân mà trừ ra Nhân":nghĩa là những pháp khi sanh khởi mà cần có nhân để làm sở sanh thì pháp ấy gọi là pháp nhân nhưng không phải nhân (tương ưng). Hay nói cách khác, những tâm Hữu nhân và SHH khi hiện bày thì những pháp này gọi là pháp nhân nhưng không phải là Tham, Sân, Si, Vô Tham, Vô Sân, Vô Si nên gọi tất cả pháp Nhân mà Phi Nhân là vậy.

"tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn":đây là Đức Phật chỉ Thực Tính của Ngũ Thủ Uẩn, ở đây là phần lấy là Tứ Danh Uẩn vì Thọ, Tưởng, Hành (đã trừ sáu nhân) và Thức Uẩn khi phát sanh thì những pháp uẩn ấy gọi là pháp uẩn hữu nhân nhưng không phải là nhân (tương ưng).

"Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Nhân mà Phi Nhân":khi những trạng thái có thực tính vừa nêu trên có hiện bày, kết hợp với nhân tương ưng, nhiếp nhân tương ưng nhưng không phải nhân tương ưng nên gọi đây là Pháp Hữu Nhân Phi Nhân là vậy.

NHỊ ĐỀ THỨ 5: NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN

(HETU HETUSAMPAYUTTA DUKA)

(Nhị Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Hetuceva dhammā hetu sampayuttāca - Tất cả Pháp Nhân và Tương Ưng Nhân.*
- *Câu 2: Hetusampayuttā ceva dhammā na ca hetu - Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 699 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp Nhân và Tương Ưng Nhânvà Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân*(Hetuceva dhammā hetu sampayuttāca, Hetusampayuttā ceva dhammā na ca hetu).* Gọi là Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân, như sau:

** Chư Pháp Hữu Nhân và Hiệp Nhân ra sao?*

Nhân Tham hiệp với Nhân Si và Nhân Si hiệp với Nhân Tham. Nhân Sân hiệp với Nhân Si và Nhân Si cũng hiệp với Nhân Sân (Si hiệp Tâm Si không gặp Nhân khác). Vô Tham, Vô Sân và Vô Si, cả 3 Nhân cũng tương ưng nhau. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Nhân và Hiệp Nhân (hetu ceva hetusampayuttā ca).

** Chư Pháp Hiệp Nhân mà Phi Nhân ra sao?*

Những Pháp nào tương ưng với Nhân Nhân đó mà trừ ra Pháp Nhân tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hiệp Nhân mà Phi Nhân (hetusampa-yuttā ceva na ca hetu).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân *(Hetu hetusampayutta duka)*là gom tụ một phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Nhân và Tương Ưng Nhânvà Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân.

1. Tất cả Pháp Nhân và Tương Ưng Nhân *(Hetuceva dhammā hetu sapayuttāca)*: đây là chỉ cho trạng thái chính nó là nhân (tương ưng) hòa trộn với những nhân khác (cũng nhân tương ưng),nghĩa là pháp chính nó là nhân tương ưng kết hợp với những nhân tương ưng khác như:
   - Nhân Tham gặp nhân Si trong Tâm Tham.
   - Nhân Sân gặp nhân Si trong Tâm Sân.
   - Còn riêng nhân Si không gặp nhân nào khác trong tâm Si nên Si hiệp tâm Si gọi là vô nhân.

- Nhân Vô Tham, Vô Sân gặp nhau trong tâm Đại Thiện Bất Tương Ưng hay ngược lại.
- Nhân Vô Tham, Vô Sân gặp Vô Si trong tâm Đại Thiện Tương Ưng hay ngược lại.
- Hoặc cho đến tâm Thiền thì nhân Vô Si gặp Vô Tham, Vô Sân hay ngược lại.

2. Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân *(Hetusampayuttā ceva dhammā na ca hetu)*: đây là chỉ những pháp có nhân hợp nhưng ngoại trừ nhân,nghĩa là những trạng thái khi sanh lên có nhân tương ưng hòa trộn nhưng những trạng thái ấy không phải là nhân tương ưng. Như:
   - Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si gọi là tâm Hữu nhân vì có 3 nhân tương ưng hợp. Tuy nhiên, Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si không phải là pháp nhân (tương ưng).
   - Tâm Đại Thiện gọi là tâm Hữu nhân vì có 2 hoặc 3 nhân tương ưng hợp. Tuy nhiên Tâm Đại Thiện không phải là pháp nhân (tương ưng)...

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Chi pháp trong Nhị Đề này trùng với chi pháp của Nhị Đề 4 - Nhị Đề Nhân Hữu Nhân.

Tất cả Pháp Nhân và Tương ƯngNhân là 3 Nhân Thiện và 3 Nhân Bất Thiện (trừ Si hợp Tâm Si)	Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhânlà tất cả Tâm Hữu Nhân và 46 Sở Hữu hợp (trừ 6 Nhân)

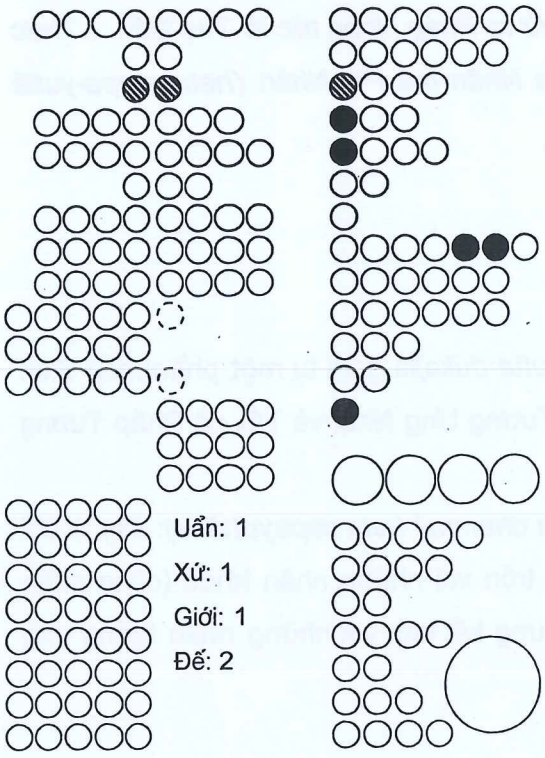

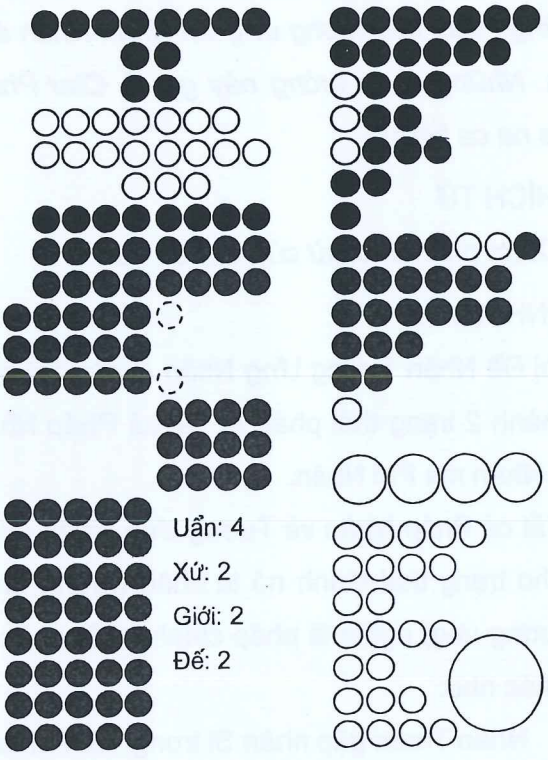

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân:*Hetuceva dhammā hetu sampayuttāca* - Tất cả Pháp Nhân và Tương Ưng Nhân

Tất cả Pháp Nhân và Tương Ưng Nhân nghĩa là vừa là nhân, vừa gặp pháp nhân tương ưng khác để làm cho trạng thái pháp ấy có thêm mãnh lực trong nền tảng pháp hữu vi vững vàng chắc chắn.

Như nhân Tham gặp nhân Si trong Tâm Tham đặng làm cho cảnh ràng rịt thêm mê mờ tăm tối và ái nhiễm đậm đạp, vì Si làm cho pháp câu sanh mê mờ, sửng sốt, bị nhốt kín, tức lờ đờ trong cảnh (Vô Minh), không nhận ra sự biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ... làm cho thêm sự mê luyến, bộc lộ sự trầm mê khiến cho sự chấp cứng cảnh càng chấp cứng những cách không đáng chấp rồi nhiễm đắm không buông ra, bị cột siết trong pháp cảnh triền, ưa nhiễm trong pháp cảnh triền. Vì vậy khi nhân Tham gặp nhân Si, các nhân tương ưng này hòa trộn gây nên sự tác hại như Tham Ác, Tham Độc, Triền Phược...

Như Vô Tham gặp Vô Si trong tâm Đại thiện tương ưngđặng làm cho cảnh thêm sáng tỏ và không ái nhiễm, vì Vô Si làm cho pháp câu sanh sáng suốt, nhận rõ các pháp hữu vi, nhận rõ sự khổ, nguyên nhân của khổ, sự diệt khổ, con đường thực thành đi đến sự diệt khổ... làm cho minh mẫn, tỏ ngộ, thông suốt khiến cho sự không ái chấp càng thêm mạnh mẽ, đặng buông xả, đặng không dính mắc, không bị lôi cuốn, không ràng buộc trong cảnh. Vì vậy khi nhân Vô Tham gặp nhân Vô Si, các nhân tương ưng này hòa trộn có tác dụng mạnh mẽ đặng thành tựu các Pháp Độ như Bố Thí, Trì Giới, Tu Tiến...

Tóm lại tất cả pháp Nhân Tương Ưng Nhân là trạng thái nhân gặp trạng thái nhân khác để kết hợp, để hòa trộn, để tương tác, tạo ra nền tảng vững vàng trên 2 mặt Thiện và Bất thiện như:

- Si gặp Tham hoặc ngược lại.
- Si gặp Sân hoặc ngược lại...
- Vô Tham gặp Vô Si hoặc ngược lại.
- Vô Sân gặp Vô Si hoặc ngược lại...

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân: *Hetusampayuttā ceva dhammā na ca hetu*- Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân.

Tất cả Pháp Tương Ưng Nhân mà Phi Nhân nghĩa là trạng thái "biết" (Tâm Hữu Nhân) có nhân tương ưng câu sanh nhưng không phải là nhân tương ưng.

- Như khi tâm Tham khởi sanh thì tâm Tham cần phải có pháp nền tảng là nhân Tham và nhân Si,

- Hay tâm Sân khởi sanh cần phải có pháp nền tảng là nhân Sân và nhân Si,
- Hoặc tâm Si (Hoài nghi, Điệu cử) khởi sanh cần phải có pháp nền tảng là nhân Si.

Đây là trường hợp mà đề cập pháp Hữu Nhân nhưng không phải chỉ cho nhân tương ưng mà trạng thái ấy chỉ có nhân tương ưng kết hợp mà thôi, cũng như một khi tâm Đại Thiện phát sanh thì cần có nhân Vô Tham, Vô Sân, hoặc Vô Si câu sanh.

Các điều vừa nêu trên tách ra cho chúng ta thấy tất cả Pháp Hữu Nhân mà Phi Nhân là chỉ những pháp nhân có nhân tương ưng mà không phải là nhân tương ưng.

NHỊ ĐỀ THỨ 6: NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN

(NAHETU SAHETUKA DUKA)

(Nhị Đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Na hetu kho pana dhammā sahetukā pi - Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân.*
- *Câu 2: Na hetu kho pana dhammā ahetukā pi - Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 700 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân và Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân *(Na hetu kho pana dhammā sahetukā pi, Na hetu kho pana dhammā ahetukā pi)*.Gọi là Nhị Đề Phi Nhân Hữu Nhân, như sau:

** Chư Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân ra sao?*

Những Pháp nào chẳng phải Nhân mà có Pháp Nhân ấy tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân (He hetu sahetuka dhammā).

** Chư Pháp Phi Nhân mà Vô Nhân ra sao?*

Những Pháp nào chẳng phải Nhân và cũng không có Pháp thành Nhân ấy tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Nhân mà Vô Nhân.

II. THÍCH TỪ

- Phi: không, chẳng phải Hữu: có

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phi Nhân Hữu Nhân (*Nahetu sahetuka duka)*là gom tụ 1 phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Phi nhân mà Hữu nhân và Tất cả Pháp Phi nhân và Vô Nhân.

1. Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân *(Na hetu kho pana dhammā sahetukā pi)*:là những trạng thái thực tính khi sanh khởi chính nó không phải là nhân (tương ưng) chỉ có nhân (tương ưng) phối hợp mà thôi. Hay nói cách khác, những pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân là những pháp có nhân tương ưng, gặp nhân tương ưng, hòa trộn với nhân tương ưng nhưng không phải là nhân chính (Vô Tham, Vô Sân...)
2. Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân*(Na hetu kho pana dhammā ahetukā pi)*: ngược lại, tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân là những pháp chính nó không có nhân tương ưng phối hợp, mà cũng chẳng phải là nhân tương ưng. Hay là những pháp không thành nhân cũng chẳng có nhân nên gọi là Pháp Phi Nhân và Vô Nhân là vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân là tất cả Tâm Hữu Nhân và 46 Sở Hữu hợp (trừ 6 Nhân). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với tâm Hữu nhân
2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Hữu nhân
3. Hành Uẩn là44 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và Lục nhân tương ưng) hợp với tâm Hữu nhân
4. Thức Uẩn làTâmHữu Nhân

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làTâm Hữu Nhân
2. Pháp Xứ là46 SH (đã trừ lục nhân) hợp với tâm Hữu nhân

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới làTâm Hữu Nhân
2. Pháp giới là46 SH (đã trừ lục nhân) hợp với tâm Hữu nhân

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làTâm Hữu Nhân Hiệp thế và 46SHH
2. Đạo đế là Thất chi SH (trừ Trí) tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlàtâm Siêu thế và SHH(ngoàiĐạo đế)

Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhânlà tất cả Tâm Hữu Nhân và 46 Sở Hữu hợp (trừ 6 Nhân)

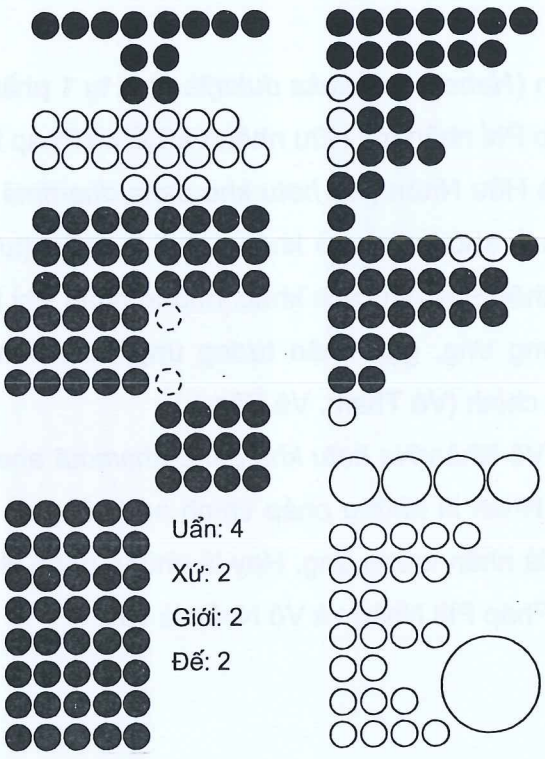

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân là Níp Bàn, Sắc Pháp, 18 tâm Vô nhân, 12 Sở Hữu Tợ Tha (đã trừ Dục) và Si hợp Tâm Si. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Vô nhân
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Vô nhân
4. Hành Uẩn là 10 SH Tợ Tha (đã trừ Thọ, Tưởng, Dục) hợp với tâm Vô nhân
5. Thức Uẩn là tâm Vô nhân

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Vô nhân
12. Pháp Xứ là12 SH Tợ Tha (đã trừ Dục) hợp với tâm Vô nhân, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12.Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13.Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14.Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15.Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức
} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giới làĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17.Ý thức giới làKhai Ý Môn, Tiếu Sinh và Tâm Thẩm Tấn (3)
18.Pháp giới là12 SH Tợ Tha (đã trừ Dục) hợp với tâm Vô nhân, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đếđặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Vô nhân và 12SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn

Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhânlà Níp Bàn, Sắc Pháp, 18 tâm Vô nhân, 12 Sở Hữu Tợ Tha (đã trừ Dục) và Si hợp Tâm Si

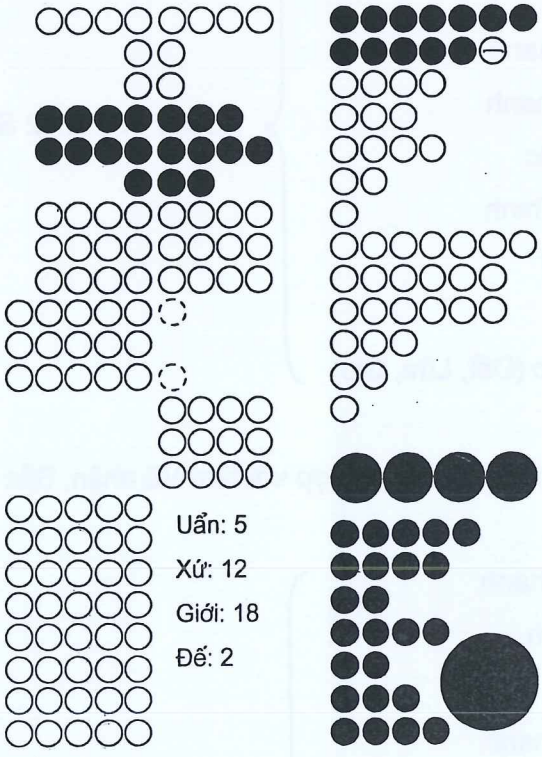

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân:*Na hetu kho pana dhammā sahetukā pi*- Tất cả Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân

"Những Pháp nào chẳng phải Nhân":đây ám chỉ cho những loại tâm Hữu Nhân, tức là tất cả tâm Hữu nhân và 46 SHH đã trừ 6 nhân.

"mà có Pháp Nhân ấy":tức là có 6 nhân tương ưng (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si) phối hợp.

"tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn":đây là Phật Ngài đề cập những pháp Phi Nhân Hữu Nhân trên phương diện Uẩn Thủ.

"Những Pháp nào chẳng phải Nhân mà có Pháp Nhân ấy tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Nhân mà Hữu Nhân (He hetu sahetukā dhammā)":Đây là Phật Ngài chỉ dạy những pháp sanh lên như là Tham, Sân, Si, Đại Thiện, Đại Quả, Đại Tố và Tâm Thiền cùng SHH thì những pháp này chẳng phải nhân (tương ưng) mà chỉ có nhân tương ưng cùng câu sanh, cùng kết hợp, cùng hiệp tác. Hay là khi Thọ, Tưởng, Hành (đã trừ Lục Nhân Tương Ưng) và Thức Uẩn khi hiện sanh trong đời thì những Uẩn ấy cũng gọi là chẳng phải nhân nhưng có nhân hòa trộn, hiệp lực, tấu hợp nên đây gọi là pháp Phi Nhân Hữu Nhân là vậy.

Như vậy ta thấy, Đức Phật Ngài đã chỉ tường tận pháp nào là pháp tương ưng, pháp nào là pháp nhân tương ưng để phân biệt gốc rễ, nền tảng, sở sanh của pháp Hữu Vi.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Nhân Tương Ưng Nhân:*Na hetu kho pana dhammā ahetukā pi-* Tất cả Pháp Phi Nhân và Vô Nhân

"Những Pháp nào chẳng phải Nhân":đây ám chỉ cho 18 thứ tâm Vô nhân cùng 12 SHH (đã trừ Dục)

"và cũng không có Pháp thành Nhân ấy":tức là không có 6 nhân tương ưng (Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si) phối hợp.

"tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn":đây là Phật Ngài đề cập những pháp Phi Nhân Vô Nhân trên phương diện Uẩn Thủ.

"luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới":đây là chỉ cho 28 thứ Sắc pháp và Níp Bàn.

"Những Pháp nào chẳng phải Nhân và cũng không có Pháp thành Nhân ấy tức là Thọ Uẩn... Thức Uẩn luôn cả Sắc Pháp và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Nhân và Vô Nhân":ở đây Phật Ngài chỉ dạy những pháp sanh lên như là 18 thứ tâm Vô nhân cùng SHH thì những pháp này chẳng phải nhân (tương ưng) mà cũng chẳng có nhân tương ưng cùng câu sanh, cùng kết hợp, cùng hiệp tác. Hay là khi Thọ, Tưởng, Hành (tức 12 SH Tợ Tha trừ Dục) và Thức Uẩn (tức 18 thứ tâm Vô nhân) khi hiện sanh trong đời thì những Uẩn ấy cũng gọi là chẳng phải nhân và cũngkhông có nhân hòa trộn, hiệp lực, tấu hợp nên đây gọi là pháp Phi Nhân Vô Nhân là vậy.

Sắc pháp là các trạng thái của vật chất khi phát sanh, hiện bày nên chẳng phải là nhân tương ưng, cũng chẳng có nhân tương ưng phối hợp vì Sắc pháp và Danh Pháp không thể hòa trộn với nhau được,vì vậy Sắc pháp gọi là pháp Phi Nhân Vô Nhân.

Níp Bàn là pháp không bị tạo, vượt ngoài sanh diệt nên cũng không đặng là nhân hay hòa trộn với nhân,cho nên Níp Bàn cũng là pháp Phi Nhân Vô Nhân.

BÀI 9: NHỊ ĐỀ ĐỈNH

(CŪLANTARADUKA)

Phần tụ Đỉnhhay phần đề Đỉnh là gom những pháp do duyên trợ tạo thành những câu đề mang tính chất thành tựu từ duyên và các pháp câu sanh khác để trợ. Trạng thái của phần Đỉnh là nêu bày cách trợ hành vi đào tạo, thấy được hay đưa đến phần vật chất vô tri hoặc pháp còn hiệp trong đời và pháp đáng bị biết. Nhị đề Đỉnh ở đây còn gọi là Tiểu Đỉnh.

Nhị đề Đỉnh được quy tụ thành chùm có 7 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Hữu Duyên *(Sappaccayaduka)*
2. Nhị đề Hữu Vi*(Saṅkhataduka)*
3. Nhị đề Hữu Kiến *(Sanidassanaduka)*
4. Nhị đề Hữu Đối Chiếu *(Sappaṭighaduka)*
5. Nhị đề Sắc*(Rūpiduka)*
6. Nhị đề Hiệp thế *(Lokiyaduka)*
7. Nhị đề Cũng Có Tâm Biết Đặng *(Kenaciviññeyya duka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 7: NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN

(SAPPACCAYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sappaccayā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Duyên.*
- *Câu 2: Appaccayā dhammā - Tất cả Pháp Vô Duyên.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 701 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Hữu Duyên và Tất cả Pháp Vô Duyên*(Sappaccayā dhammā, Appaccayā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hữu Duyên, như sau:

* *Chư Pháp Hữu Duyên ra sao?*

Ngũ Uẩn là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Duyên (Sappaccayā dhammā).

* *Chư Pháp Vô Duyên ra sao?*

Vô Vi Giới (askhata). Những chơn tướng này gọi là Chư pháp Vô duyên (Appaccayā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Duyên: mãnh lực trợ sanh hay ủng hộ hoặc trợ giúp mà có ra.
- Chơn tướng: tướng trạng chân thật hay thực tính pháp.

- Sắc Uẩn: là 28 thứ Sắc pháp, là phần trạng thái vật chất hiện bày, có ra, hay những pháp Sắc bị khổ nhai ăn, bị khổ bào mòn.
- Thọ Uẩn: là SH Thọ, là những cảm nhận bị khổ nhai ăn, bị khổ bào mòn.
- Tưởng Uẩn: là SH Tưởng, là những nhóm trạng cảnh bị khổ nhai ăn, bị khổ bào mòn.
- Hành Uẩn: là 50 SH ngoài ra Thọ, Tưởng, là phần khối nhóm hoạt động bị khổ nhai ăn, bị khổ bào mòn.
- Thức Uẩn: là 121 thứ Tâm, là khối nhóm biết bị khổ nhai ăn, bị khổ bào mòn.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hữu Duyên (Sappaccayaduka)là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Hữu Duyên và Tất cả Pháp Vô Duyên.

1. Tất cả Pháp Hữu Duyên*(Sappaccayā dhammā):* là những pháp khi sanh ra phải cần có sự trợ giúp mới đặng sanh. Hay nói cách khác, pháp hữu vi khi sanh phải nhờ vào duyên trợ, vì duyên là mãnh lực trợ giúp, ủng hộ, có 2 cách:
   - Là mãnh lực trợ cho đặng sanh ra *(Janakasatti).*
   - Là mãnh lực ủng hộ cho còn hoặc thêm mạnh *(Upathambhakasatti).*

   Các pháp Hữu Duyên là các trạng thái có đặng sanh đều phải nhờ trợ tạo giúp cho khi sanh ra đặng còn và vững mạnh,chẳng hạn như Tâm sanh thì phải nhờ nghiệp quá khứ, SH Tâm, Cảnh và Vật thì Tâm mới đặng sanh ra.
2. Tất cả Pháp Vô Duyên*(Appaccayā dhammā):* là những pháp khi sanh mà không bị duyên trợ tạo hay là trạng thái này phát sanh tức Níp Bàn thì không có 1 pháp nào trợ tạo cả nên gọi là pháp Vô Duyên vậy, vì Níp Bàn chỉ là trạng thái do tâm Siêu thế biết chứ chẳng phải bị tạo để biết.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Duyên là Tâm, Sở Hữu và Sắc Pháp. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

– Xứđặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giớiđặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đếđặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlàtâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Hữu Duyênlà Tâm, Sở Hữu và Sắc Pháp

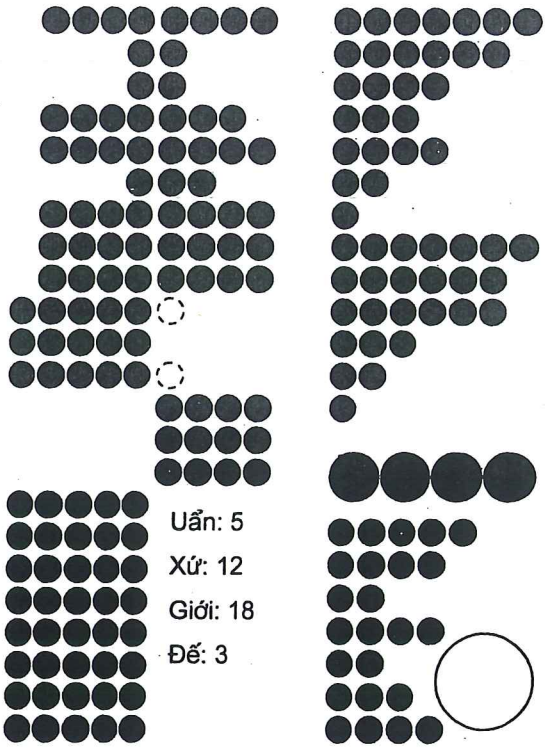

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vô Duyên là Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 0 Uẩn

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứđặng 1 Xứ:Pháp Xứ làNíp Bàn

– Giớiđặng 1 Giới:Pháp giới làNíp Bàn

– Đếđặng 1 Đế:Diệt đế là Níp Bàn

Tất cả Pháp Vô Duyên là Níp Bàn

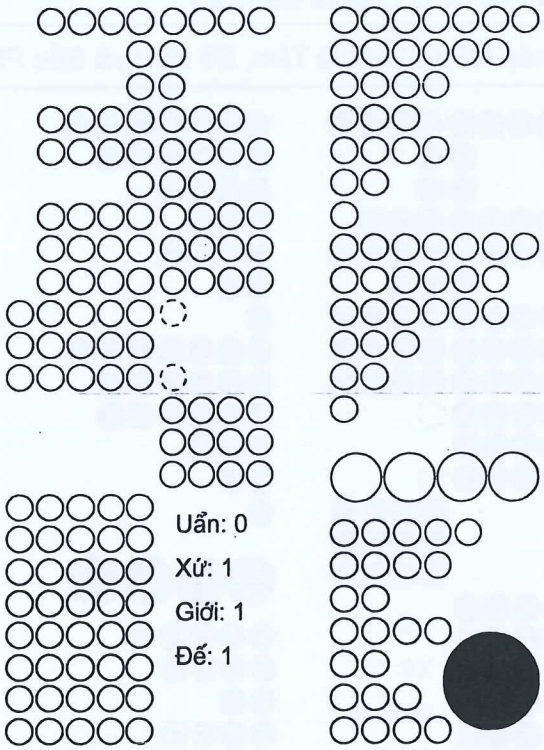

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hữu Duyên:*Sappaccayā dhammā*- Tất cả Pháp Hữu Duyên.

"Ngũ Uẩn là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn":đây là pháp mà Đức Phật Ngài dạy Uẩn theo lối Uẩn luân hồi vì theo tính cách Phiền Não, Nghiệp và Quả thì 5 Uẩn luân chuyển trong 3 giới, 4 loài đều có sự trợ tạo, như là Sắc Uẩn từ nghiệp tham ái chấp trước Sắc Ái, Sắc Mãn Ý đồng thời tác động của Chuyên Tạo Hành, tức là những chủng tử hiệp thế tác động ảnh hưởng của SH Tư hợp với Tâm Bất thiện và Thiện Hiệp thế sau khi diệt rồi mà còn mãnh lực đào tạo Sắc Nghiệp (Sắc Uẩn).

"Sắc pháp gọi là Pháp hữu duyên (sappaccaya)": vẫn có, tức là bị tác động duyên trợ tạo, bởi do nghiệp *(kamma)*, tâm *(citta)*, quí tiết *(utu)* và vật thực *(āhāra)* giúp tạo ra và đồng thời do mãnh lực trợ sanh của các duyên khác (trong phần duyên trợ - *Paccayo*) như là:

- Tiền Sanh Duyên (Pure jāta paccayo):
  - Pháp Năng Duyên: 18 Sắc Thành Tựu sanh trước đang còn; 6 Sắc Hữu Vật sanh trước đang còn;Sắc Ý Vật Cận Tử
  - Pháp Sở Duyên:54 Tâm Dục Giới, 2 Tâm Thông, 50 SHH (đã trừ Vô Lượng Phần);Tâm ngoài ra Quả Vô Sắc, 52 SHH; 43 Tâm, 44 SH biết Ý Vật Cận Tử
- Hậu Sanh Duyên (Pacchājāta paccayo)
  - Pháp Năng Duyên: Tâm ngoài ra quả Vô Sắc và 52 SHH.

- Pháp Sở Duyên: Sát na trụ của Sắc pháp.

▪ Dị Thúc Quả Duyên *(Vipāka paccayo)*

- Pháp Năng Duyên: Tâm Quả, 38 SHH.
- Pháp Sở Duyên: Tâm Quả, 38 SHH, 15 Sắc Tâm Quả, 20 Sắc Tái Tục.

v.v...

Khi nói đến Sắc Uẩn hay Sắc pháp chung nhau, đồng nhau *(Sahavutti)*là nói trên 3 khía cạnh:

- Đồng sanh*(Ekuppāda)*
- Đồng diệt (Ekanirodha)
- Và đồng nương*(Ekanissaya)*

Trong Bộ Pháp Tụ, câu 503, Phật Ngài có dạy:

"Tất cả Sắc pháp (Sắc Uẩn) cũng gọi là Phi Nhân, Vô Nhân, Bất Tương ưng Nhân, hành động theo với Duyên thành Pháp Hữu Vi, thành Sắc pháp, thành Pháp Hiệp thế, thành Cảnh của Lậu, thành Cảnh của Triền, thành Cảnh của Phược, thành Cảnh của Bộc, thành Cảnh của Phối, thành Cảnh của Cái, thành Cảnh của Khinh Thị, thành Cảnh của Thủ, thành Cảnh của Phiền Não, thành Cảnh của Pháp Vô Ký, thành Không biết Cảnh, thành Phi sở hữu Tâm, thành Bất tương ưng Tâm, thành Phi dị thục Quả, thành Phi dị thục Nhân, thành Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não, thành Phi Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ, thành Phi Pháp Vô Tầm Hữu Tứ, thuộc Pháp Vô Tầm Vô Tứ, thành Phi Pháp đồng sanh Hỷ, thành Phi Pháp đồng sanh Lạc, thành Pháp Phi đồng sanh Xả, thành Pháp Phi Sơ Đạo Tuyệt Trừ, thành Pháp Phi 3 Đạo Cao Tuyệt Trừ, thành Pháp Phi Hữu Nhân Sơ Đạo Tuyệt Trừ, thành Pháp Phi Hữu Nhân 3 Đạo Cao Tuyệt Trừ, thành Phi Nhân Sanh Tử, thành Phi Nhân đến Níp Bàn, thành Phi Hữu Học, thành Phi Vô Học, thành Pháp hy thiểu, thành Pháp Dục Giới, thành Pháp Phi Sắc Giới, thành Pháp Phi Vô Sắc Giới, thành Pháp Hiệp thế, thành Phi Pháp Siêu thế, thành Pháp Bất Định, thành Pháp Phi Bất Định, thành Pháp Hiện tại Bị Lục Thức Biết, nó là Vô Thường, đã bị sự Già bao vây. Sắc Yếu Hiệp phần một như thế này".

Chúng ta tìm hiểu nghĩa lý ngắn gọn nói về Sắc Uẩn là pháp Hữu Duyên theo lối 5 Uẩn Thủ, mà Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Pháp Tụ, câu 503 là:

Tất cả Sắc pháp (Sắc Uẩn) cũng gọi là:

"Phi Nhân":là chẳng phải nhân tương ưng (vì không câu sanh chung với Vô Tham, Vô Sân, Vô Si, Tham, Sân, Si)

"Vô Nhân":đồng nghĩa với Phi Nhân (không phải nhân tương ưng câu sanh, kết hợp).

"Bất Tương ưng Nhân":đồng nghĩa với Phi Nhân (không hòa trộn với 6 nhân tương ưng).

"hành động theo với Duyên thành Pháp Hữu Vi":do trợ mới có, từ có (hữu) mới sanh, từ sanh mới hiện bày Hữu Vi Pháp tứclà hành vi, tạo tác, chi phối, hiện bày hành động, việc

làm, đào tạo Tâm Quả Hiệp thế và Sắc Nghiệp theo 3 lối luân hồi Nghiệp, Quả, Phiền Não mới gọi đây là Hữu Vi Pháp vậy.

"thành Sắc pháp":tức là thành trạng thái biến hoại, tiêu hoại, đổi thay vì Pháp là trạng thái, Sắc là do nghiệp tạo, Tâm... có tính chất không bền vững.

"thành Pháp Hiệp thế":bởi còn hợp trong đời, còn bị nhốt trong Tam Giới, chưa thoát ly Hữu Vi Pháp, còn hợp theo Luân Hồi Khổ...

"thành Cảnh của Lậu":là đối tượng của sự ngâm chìm, hay là bị ngâm chìm do lấy Sắc Uẩn làm cảnh đắm nhiễm, mê trầm, luyến mộ...

"thành Cảnh của Triền":là đối tượng của sự cột siết, hay là bị cột siết do lấy Sắc Uẩn làm cảnh dục vọng, mê mờ, vùi lấp...

"thành Cảnh của Phược" : là đối tượng của sự trói chặt, hay là bị trói chặt do lấy Sắc Uẩn làm cảnh của ham muốn, yêu mến, chìm đắm, như sợi dây...

"thành Cảnh của Bộc":là đối tượng của sự cuốn trôi, hay là bị cuốn trôi do lấy Sắc Uẩn làm cảnh của sự mong mỏi, sự bận bịu, sự cuốn trôi...

"thành Cảnh của Phối":là đối tượng của sự phối hợp với luân hồi, hay là bị phối hợp với luân hồi do lấy Sắc Uẩn làm cảnh của sự thích thú, sự dính líu, sự dục vọng...

"thành Cảnh của Cái":là đối tượng của sự che ngăn, hay là bị che ngăn do lấy Sắc Uẩn làm cảnh mê mờ, đắm nhiễm, thái độ dục vọng...

"thành Cảnh của Khinh Thị":là đối tượng của sự tà kiến, hay là bị tà kiến, thấy sai, chấp lầm do lấy Sắc Uẩn làm cảnh xảo quyệt, như chài lưới, như lưỡi câu...

"thành Cảnh của Thủ":là đối tượng của sự ôm chấp, hay là bị ôm chấp do lấy Sắc Uẩn làm cảnh hy vọng, tâm hoan lạc với cảnh Dục...

"thành Cảnh của Phiền Não":là đối tượng của sự nóng nảy, sôi nổi, hay là bị nóng nảy, sôi nổi do lấy Sắc Uẩn làm cảnh hằng bận bịu như chuồng của Ma Vương, như rạch, tợ biển...

"thành Cảnh của Pháp Vô Ký":là đối tượng bị biết của Tâm Quả Hiệp thế và Tâm Tố; tức là đối tượng của sự thành tựu và là cảnh của trạng thái biết theo lối phi ký.

"thành Không biết Cảnh":bởi vì Sắc pháp là vật vô tri giác hay là thành phần vật chất nên không có cái biết.

"thành Phi sở hữu Tâm":tức là không phải phần phụ thuộc của Tâm, tức là không đồng sanh, đồng diệt, đồng nương cảnh giống như SH và Tâm.

"thành Bất tương ưng Tâm":tức là không hòa trộn với Tâm, tức không kết hợp sanh chung trong 1 sát na với tâm.

"thành Phi dị thục Quả": là không phải Quả Dị Thục, tức Dị Thục Quả ở đây là Tâm Quả Hiệp thế và Tâm Quả Siêu thế, còn Sắc pháp hay Sắc Uẩn là phần khi sanh phải nhờ (trợ) để

sanh theo vì Sắc pháp chỉ có trạng thái sanh theo lối Sắc Nghiệp, Sắc Tái Tục, Sắc Do Tâm Tạo... Còn Quả Dị Thục là lối hiện bày thành tựu với 52 Tâm Quả hoặc 32 Tâm Quả (Hiệp thế). Haynên hiểu Dị Thục Quả là Danh Pháp, còn Sắc là Sắc pháp. Cho nên gọi Sắc pháp là Dị Thục Quả là không phải.

"thành Phi dị thục Nhân":Sắc pháp không phải là Dị Thục Nhân vì Sắc pháp không phải là phần tạo tác, không phải là phần hoạt động để thành Dị Thục Quả.

"thành Phi Phiền Toái mà Cảnh Phiền Não":có nghĩa là không phải pháp trói buộc nhưng là đối tượng của sự sôi nổi và nóng nảy, vì Sắc pháp không thể hoạt động theo lối như Tâm hoặc bày hiện như Tâm nên không có sự trói buộc trở thành sôi nổi, nóng nảy mà chỉ trở thành là cảnh của sôi nổi, nóng nảy; vì Sắc là vô tri giác, nhưng lại làm cho Tâm bị cuốn hút nên là cảnh phiền não.

"thành Phi Pháp Hữu Tầm Hữu Tứ":bởi Sắc pháp không có trạng thái tìm kiếm cảnh, thẩm tấn cảnh do đi theo nghiệp lực, Tâm tạo... nên Sắc pháp là trạng thái phi Tầm phi Tứ.

"thành Phi Pháp Vô Tầm Hữu Tứ":bởi Sắc pháp không phải là trạng thái tư duy cảnh nhưng làm đối tượng để cho Danh Pháp quan sát đặng biết.

"thuộc Pháp Vô Tầm Vô Tứ":cũng giống như ý nghĩa của pháp phi Tầm phi Tứ, tức là không phải Tầm Tứ, không có trạng thái tìm tòi cảnh, không có chăm nom cảnh.

"thành Phi pháp đồng sanh Hỷ":có trạng thái không sanh chung với sự no nê với cảnh.

"thành Phi pháp đồng sanh Lạc":có trạng thái không sanh chung với sự mừng với cảnh.

"thành Pháp Phi đồng sanh Xả":có trạng thái không sanh chung với sự quân bình với cảnh.

"thành Pháp Phi Sơ Đạo Tuyệt Trừ":nghĩa là không phải đối tượng hay trạng thái mà Tâm Sơ Đạo đoạn trừ, vì Sắc pháp chỉ là trạng thái sanh theo Nghiệp Luân Hồi, Quả Luân Hồi (không phải chánh thức là Phiền Não Luân Hồi).

"thành Pháp Phi 3 Đạo Cao Tuyệt Trừ":nghĩa là không phải đối tượng hay trạng thái mà Tâm 3 Đạo Cao đoạn trừ, vì Sắc pháp chỉ là trạng thái sanh theo Nghiệp Luân Hồi, Quả Luân Hồi (không phải chánh thức là Phiền Não Luân Hồi).

"thành Pháp Phi Hữu Nhân Sơ Đạo Tuyệt Trừ":tức là Sắc pháp không phải là nhân (tương ưng) mà Sơ Đạo cần đoạn trừ.

"thành Pháp Phi Hữu Nhân 3 Đạo Cao Tuyệt Trừ":tức là Sắc pháp không phải là nhân (tương ưng) mà 3 Đạo Cao cần đoạn trừ.

"thành Phi Nhân Sanh Tử":tức là Sắc pháp không phải là điều kiện đưa đẩy cho luân hồi mà chỉ là pháp sanh theo trên phương diện Sắc Nghiệp, Sắc Tâm...

"thành Phi Nhân đến Níp Bàn":tức là Sắc pháp không phải là điều kiện để trợ cho giải thoát mà chỉ là cảnh quán

"thành Phi Hữu Học":bởi Sắc pháp không phải là Pháp Hữu Học, tức không hòa trộn 35 Tâm Hữu Học và 36 SHH.

"thành Phi Vô Học":bởi Sắc pháp không phải là Pháp Vô Học, tức không hòa trộnvới Tâm Tứ Quả và 36 SHH.

"thành Pháp Hy Thiểu":vì Sắc pháp là đối tượng của Tâm Dục Giới mà Tâm Dục Giới là biết cảnh Hy Thiểu (biết cảnh nhỏ nhen, ít ỏi).

"thành Pháp Dục Giới":vì Sắc pháp sanh chung trong Cõi Dục, có nghĩa là câu sanh theo Sắc Nghiệp Tái Tục, Sắc Tâm, Sắc Quý Tiết, Sắc Vật Thực.

"thành Pháp Phi Sắc Giới":tức là Sắc pháp không phải chánh thức thuộc Sắc Giới, mặc dù Sắc Uẩn vẫn sanh ở cõi Sắc Giới. Vì Sắc Giới thường hưởng trạng thái Pháp Hỷ đình trụ trong Danh Pháp nhiều hơn.

"thành Pháp Phi Vô Sắc Giới":tức là Sắc pháp không phải thuộc Vô Sắc Giớivì Sắc pháp không có sanh ở Vô Sắc Giới, do Vô Sắc Giới chỉ có Tứ Danh Uẩn.

"thành Pháp Hiệp thế":vì Sắc pháp còn hợp trong đời hay vẫn bị ràng rịt theo lối Ngũ uẩn Thủ luân chuyển trong đời.

"thành Phi Pháp Siêu thế":vì Sắc pháp không thuộc phạm vi của trạng thái vượt khỏi Luân Hồi hay Tam Giới.

"thành Pháp Bất Định":tức là không nhất thiết phải có đủ trong Tam Giới như là Dục Giới thì có 28 thứ Sắc, Sắc Giới chỉ có 23 thứ Sắc, Vô Sắc Giới thì không có. Nghĩa là lúc có đủ, lúc không có đủ và lúc thì không có.

"thành Pháp Phi Bất Định":bởi vì Sắc pháp vẫn là đời nên nhất định phải có mặt trong Tam Giới dù có sanh Hiện tại hay Vị lai do vẫn sanh theo nghiệp lực thúc đẩy. Gọi Phi Bất Định vì phải có mặt ở cõi Dục Giới, Sắc Giới.

"thành Pháp Hiện tại bị Lục thức biết":tất nhiênkhi Tâm phát sanh thì phải biết cảnh, mà cảnh tức là cảnh Sắc, cảnh Thinh, cảnh Khí, cảnh Vị, cảnh Xúc và cảnh Pháp, nên 6 Thức: Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỉ Thức, Thiệt Thức, Thân thức và Ý Thức phải biết đặng Sắc pháp.

"nó là Vô Thường":bởi vì Sắc pháp có trạng thái biến hoại đổi thay hay hằng tiêu hoại nên mang tính chất không bền vững, mà cái gì không bền vững thì là vô thường (tức thay đổi-đổi thay: không thường hằng).

"đã bị sự Già bao vây":mỗi trạng thái Pháp đều có tính chất Sanh, tức là có Sanh, phải có Già... Mà Sắc pháp khi khởi (sanh) tất nhiên phải đến giai đoạn già (trụ) – Lão Mại, nên gọi bị Già bao vây là vậy.

Sắc Yếu Hiệp phần một như thế này: tức Sắc Uẩn hiện bày là như vậy.

* Còn Thọ Uẩn thì sao?Thọ Uẩn được dịch từ *Vedanākhandha* nghĩa là khối, nhóm, chùm, đống, với trạng thái hứng cảnh, dụng nạp cảnh, cảm nhận cảnh, cùng với pháp câu sanh khác với trạng thái thường hưởng cảnh và phải có nhân cận là xúc, qua 5 khía cạnh Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả.Trong Chánh Tạng Bộ Pháp Tụ, câu 75, Đức Phật Ngài có dạy:

** Thọ uẩn trong khi có ra sao?Như là sở hữu tâm hỷ, sở hữu tâm lạc hưởng hỷ, lạc từ nơi tâm xúc, hứng chịu hỷ, lạc từ nơi tâm xúc có trong khi nào, thì thọ uẩn có trong khi ấy.*

Ở một đoạn khác (câu 89), Phật Ngài cũng có dạy:

** Nhứt thọ uẩn trong khi có ra sao?Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới. Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc, thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc. Như thế gọi là nhứt thọ uẩn có trong khi ấy.*

Chúng ta tìm hiểu nghĩa lý ngắn gọn nói về Thọ Uẩn là pháp Hữu Duyên theo lối 5 Uẩn Thủ, mà Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Pháp Tụ, câu 75 và 89 là:

"Như là sở hữu tâm hỷ":nghĩa là 1 trạng thái phụ thuộc với Tâm (vì trạng thái này là SH, thuộc quyền của Tâm - Cetasika) có tính chất hưởng vui với cảnh, dụng nạp cảnh bằng cách mừng khi câu sanh với Tâm, hòa trộn cùng Tâm trên phương diện mừng. Hay nói cách khác, SH Tâm Hỷ, tức SH Thọ (nói trên khía cạnh Hỷ thọ) là hưởng cảnh đáng mong mỏi (vui lòng), hưởng cảnh ưa muốn vừa lòng, tâm phơi phới khi phối hợp với Tâm.

"sở hữu tâm lạc":nghĩa là 1 trạng thái phụ thuộc với Tâm (vì trạng thái này là SH, thuộc quyền của Tâm - *Cetasika*) có tính chất hưởng sướng vui với cảnh, dụng nạp cảnh bằng cách sướngvui khi câu sanh với Tâm, hòa trộn cùng Tâm trên phương diện sướng vui. Hay nói cách khác là hưởng cảnh xúc thích hợp (sướng thân), làm cho pháp tương ưng tiến triển (thân sướng) khi phối hợp với Tâm.

"hưởng hỷ, lạc từ nơi tâm xúc": Hỷ, lạc phát sanh (Thọ) bởi từ nơi Tâm chạm dụng Cảnh, hay là sự nhận lấy trạng thái vui, mừng, sướng thân mà Tâm nương vật để Xúc khi chạm đụng Cảnh, sanh khởi cảm nhận, hứng chịu vui sướng.

"hứng chịu hỷ, lạc từ nơi tâm xúc":khi Tâm phát sanh hội tụ Tâm Xúc - Thọ cảnh, nghĩa là Tâm khởi trạng thái hỷ, lạc trong đó phải có Tâm Xúc đồng thời thọ hưởng cùng câu sanh (ở đây về phương diện hỷ, lạc).

- (khi có những trạng thái hiển lộ vừa trình bày trên hay là phát sanh những điều kiện như thế thì)có trong khi nào, thì thọ uẩn có trong khi ấy.

"Khi nào có sở hữu thọ làm cho tâm hưởng vui, hưởng sướng":nghĩa là lúc ấyphát sanh với trạng thái no nê với cảnh, vui với cảnh hoặc mừng với cảnh thì khi ấy có sở hữu Thọ tức Thọ Uẩn hiện bày cùng phối hợp với Tâm (trong 1 sát na tâm).

"sanh từ nơi sự xúc chạm của ý thức giới": có nghĩa là các thứ Tâm thuộc câu hành Hỷ hay Lạc... mà nương vào Ý Vật để cho Tâm sanh (ngoài Ngũ song thức và Ý giới).

*"Cách hứng chịu hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc":*bởi vì Thọ Uẩn có tính chất là hứng cảnh, mà hứng cảnh thì tất nhiên phải có Khổ, Lạc, Ưu, Hỷ, Xả. Ở đây, cách hứng chịu Hỷ, Lạc là chỉ lấy 2 khía cạnh Hỷ thọ và Lạc thọ là phần nêu bày trong Thọ Uẩn mà thôi, sự phát sanh của 2 trạng thái này cũng phải cùng câu hành chung với Tâm, mà Tâmthì cũng câu hành với Xúc thành Ý Xúc.

*"thái độ dụng nạp lãnh lấy hỷ, lạc của tâm sanh từ ý xúc":*đây là chỉ cho Tâm nhiếp với SH Thọ trên phương diện mừng phớn phở, no thân tâm. Hay nói cách khác là Tâm cùng câu sanh, câu hành với Hỷ thọ, Lạc thọ mà cùng chung trạng thái mừng, vui với cảnh.

(Những pháp vừa trình bày trên khi phát sanh) Như thế gọi là nhứt thọ uẩn có trong khi ấy.

* Còn Tưởng Uẩn thì sao?Tưởng Uẩn được dịch từ *Saññākhandha* nghĩa là khối, nhóm, chùm, đống, với trạng thái nhớ tưởng cảnh.Trong Chánh Tạng Bộ Pháp Tụ, trong câu 75, Đức Phật Ngài có dạy:

** Tưởng uẩn trong khi có ra sao?Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng có trong khi nào, thì tưởng uẩn vẫn có trong khi ấy.*

Ở một đoạn khác (câu 90), Phật Ngài có dạy:

** Nhứt tưởng uẩn trong khi có ra sao?Sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới. Khi nào như thế, đó mới gọi là nhứt tưởng uẩn có trong khi ấy.*

Chúng ta tìm hiểu nghĩa lý ngắn gọn nói về Tưởng Uẩn là pháp Hữu Duyên theo lối 5 Uẩn Thủ, mà Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Pháp Tụ, câu 75 và 90 là:

"Sự nhớ tưởng": là việc làm của một tính chất pháp với tính năng trạng nhớ về hoặc tưởng nhớ đếntrước đây mà thể hiện trong lúc hiện tại.Đây là chỉ bày nhớ lại, tưởng đến, nhưng câu sanh với tâm hiện tại.

"cách nhớ tưởng": là cố nhớ y như trước.

"thái độ nhớ tưởng sanh từ xúc phối hợp cùng ý thức giới": nghĩa là có cảnh tái hiện lại do sự nhớ tưởng, cách nhớ tưởng, tức nhớ sự đã qua mà do sanh từ sự chạm, đụng khởi từ ý thức giới phát sanh trong sát na hiện tại.

(Những pháp vừa trình bày trên khi phát sanh thành chùm, nhóm, đóng, khối.. theo lối nhớ tưởng) có trong khi nào, thì tưởng uẩn vẫn có trong khi ấy.

* Còn Hành Uẩn thì sao?Hành Uẩn được dịch từ *Saṅkhārakhandha* nghĩa là khối, nhóm, chùm, đống, với trạng thái hoạt động thúc đẩy cho pháp câu sanh bày hiện như là Xúc, Tư,

Nhất Thống, Mạng Quyền, Tác Ý...Trong Chánh Tạng Bộ Pháp Tụ, trong câu 75, Đức Phật Ngài có dạy:

** Hành uẩn trong khi có ra sao?Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhứt thống (ekaggatā), tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thuần thân, thuần tâm, thích thân, thích tâm, chánh thân, chánh tâm, niệm, lương tri, pháp (chỉ), pháp (quán), chiếu cố, vô điệu cử. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn vẫn có trong khi ấy.*

Ở một đoạn khác (câu 91), Phật Ngài có dạy:

** Nhứt hành uẩn trong khi có ra sao?Như là xúc, tư, tầm, tứ, hỷ, nhất thống, tín quyền, cần quyền, niệm quyền, định quyền, tuệ quyền, mạng quyền, chánh kiến, chánh tư duy, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định, tín lực, cần lực, niệm lực, định lực, tuệ lực, tàm lực, úy lực, vô tham, vô sân, vô si, vô tham ác, vô sân độc, chánh kiến, tàm, úy, tịnh thân, tịnh tâm, khinh thân, khinh tâm, nhu thân, nhu tâm, thích thân, thích tâm, thuần thân, thuần tâm, chánh thân, chánh tâm, lương tri, chỉ, quán, chiếu cố, vô điệu cử. Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, đây gọi là nhứt hành uẩn có trong khi ấy.*

Chúng ta tìm hiểu nghĩa lý ngắn gọn nói về Hành Uẩn là pháp Hữu Duyên theo lối 5 Uẩn Thủ, mà Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Pháp Tụ, câu 75 và 91 là:

*"Như là xúc":*sự đụng, cách chạm, tiếp xúc vật, hội họp tâm + cảnh + vật, có cảnh hiện đến.

"tư": đề đốc, tập hợp, sắp đặt... cho pháp câu sanh.

"tầm": làm cho Tâm và SH đến với cảnh, bắt gặp cảnh, đặng biết cảnh.

"tứ": chăm nom, khắng khít, ràng rịt trên cảnh.

*"hỷ":*mừng, khoan khoái, no thân tâm, bừng tâm, hay no nê với cảnh.

*"nhứt thống (ekaggatā)":*không tán loạn, gom tóm, hiện bày vắng lặng, yên vui.

"tín quyền": là quyền hạn cai quản trong đức tin, sự tín ngưỡng, tâm trong sạch, không dơ bẩn đối với nhân vật đáng kính trọng.

"cần quyền": là tinh tấn tự do không trở ngại, hay là cai quản sự siêng năng, ráng sức, không lui sụt.

"niệm quyền": là quyền hạn trong sự thường để ý biết mình và ghi nhớ, chăm chú với thân tâm hành động, tức cai quản cách nhớ đặng hay nhớ ghi.

"định quyền": là sự yên trụ hay an trụ, khắng khít vào cảnh tự do không trở ngại hay là cai quản cách Tâm đình trụ trong Cảnh.

"tuệ quyền": cai quản phần hiểu biết thấu đáo, tức phần sáng suốt của Tâm, hay là quyền hạn trong sự hiểu thông suốt.

"mạng quyền": chăm nom giữ gìn sự sống cho các pháp câu sanh còn đầy đủ trong 3 sát na tiểu; hoặc bảo vệ sự sống còn của danh sắc.

"chánh kiến": sáng suốt, thông suốt, thấu đáotheo đường lối đúng, ngay thẳng; hay theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Đạo Quả).

"chánh tư duy": là cách suy xét, sự nghĩ ngợi theo đường lối, phần nhóm giúp đắcchứng; hoặc tìm cảnh theo lối phe đảng giúp đắc chứng (Đạo Quả).

"chánh tinh tấn": siêng năng theo đường lối phe đảng giúp chứng đắc (đạo, quả siêu thế)

"chánh niệm": niệm, hồi quang, nhớ đặng, không lơ đãng, không quên theo đường lối giúp chứng đắc; hay có trạng thái nhớ, ghi, nhớ đặng theo lối phe đảng giúp đắc chứng (đạo, quả)

"chánh định": tâm đình trụ theo đường lối, phần nhóm giúp chứng đắc.

"tín lực": sức mạnh của lòng tin, thái độ tín ngưỡng (đức tin không lay động).

"cần lực": sức mạnh của sự cố gắng, siêng năng, lướt tới (tinh tấn không lay động).

*"niệm lực":*sức mạnh của sự nhớ ghi, cảnh đến biết ngay (nhớ ghi không lay động).

*"định lực":*sức mạnh của sự an định tâm (tâm tịnh không lay động).

"tuệ lực": sức mạnh của sự thông thấu, hiểu rõ, đúng đắn, không mê mờ về pháp thực tính (trí không lay động).

*"tàm lực":*sức mạnh củasự thẹn, mắc cỡ, hổ thẹn với những việc làm tội lỗi và pháp bất thiện

*"úy lực":*sức mạnh củasự ghê tởm, sợ hãi, ghê sợ với những việc làm tội lỗi và pháp bất thiện

"vô tham": không tham nhiễm dính mắc, không nhiễm đắm chấp trước với cảnh đáng ưa thích

"vô sân": không hung ác, không làm hại, không nóng nảy, không gây oán thù, thanh lương, mát mẻ.

"vô si": đối nghịch với Vô Minh, trái với sự mê mờ tối tăm, làm cho sáng suốt thấu đáo.

"vô tham ác": không có sự đa dục vọng nặng nề nơi tâm.

"vô sân độc": không có sự sân giận, oán thù, giận dữ, phẫn nộ, độc ác, xấu xa nơi tâm.

"tàm": thoái thoát, không làm, né tránh, ngần ngại với tội lỗi.

"úy": ghê sợ, không chịu làm tội, ái ngại, ngần ngại với tội lỗi.

"tịnh thân, tịnh tâm": ly bất thiện, hạn chế lao chao, làm Tâm và SH vắng lặng mát mẻ.

"khinh thân, khinh tâm": làm Tâm và SH lìa nặng nề, không trì trệ.

"nhu thân, nhu tâm": làm Tâm và SH mềm dịu, không cứng sượng, sần sượng, uể oải.

"thuần thân, thuần tâm": xa lìa, trừ an bệnh hoạn nơi Tâm và SH, tránh khỏi tội lỗi, dứt lìa phiền não.

"thích thân, thích tâm": hạn chế sự không vừa làm việc của Tâm và SH, giúp thích hợp với việc Thiện, cảnh vừa vặn.

*"chánh thân, chánh tâm":*thâu phục, tiêu trừ, làm Tâm và SH trở nên ngay thẳng, chánh trực.

"niệm": biết ngaycảnh đang đến trong hiện tại.

"lương tri": thái độ biết rõ, chọn lựa, chăm chú, quán xét, khôn lanh, bài trừ phiền não.

"pháp (chỉ)": định trụ tâm liên tiếp trên một đề mục nhiều sát na.

"pháp (quán)": quán xét danh sắc sanh diệt trong hiện tại.

"chiếu cố": lo lắng, sắp xếp cho các pháp sanh chung.

"vô điệu cử": xa lìa sự không yên tĩnh, không vững vàng.

Hay là những pháp phi sắc nào khác nương sanh (mà trừ ra thọ uẩn, tưởng uẩn, thức uẩn) có trong khi nào, thì hành uẩn vẫn có trong khi ấy.

* Còn Thức Uẩn thì sao?Thức Uẩn được dịch từ *Viññānakhandha* nghĩa là khối, nhóm, chùm, đống, với trạng thái biết, tức biết cảnh.Trong Chánh Tạng Bộ Pháp Tụ, trong câu 75, Đức Phật Ngài có dạy:

** Thức uẩn trong khi có ra sao?Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm, ý, thức, thức uẩn, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh, ý xứ, ý quyền, phối hợp sanh từ ý thức giới có trong khi nào, thì thức uẩn vẫn có trong khi ấy.*

Ở một đoạn khác (câu 92), Phật Ngài có dạy:

** Nhứt thức uẩn trong khi có ra sao?Như là tâm, ý, tâm địa, tâm tạng, bạch tịnh thức, ý là ý xứ, ý quyền, thức là thức uẩn, ý thức giới có trong khi nào, đây gọi là nhứt thức uẩn có trong khi ấy.*

Chúng ta tìm hiểu nghĩa lý ngắn gọn nói về Thức Uẩn là pháp Hữu Duyên theo lối 5 Uẩn Thủ mà Đức Thế Tôn đã dạy trong tạng Vô Tỷ Pháp, bộ Pháp Tụ, câu 75 và 92 là:

*"Khi nào có sự biết cảnh tức là tâm":*nghĩa là khi Tâm sanh ra là biết Cảnh, mà Cảnh là bị Tâm biết,ở đây Tâm được trình bày theo trạng thái là biết cảnh, hay đối tượng, hoặc đề mục.

*"ý":*ý xứ đây nói về khía cạnh (Tâm) dẫn dắt các pháp câu sanh đồng biết cảnh, tức là hễ Tâm biết cảnh nào thì các pháp sanh chung cũng đặng biết cảnh ấy.

*"thức":*tức6 thức, gồm Nhãn Thức, Nhĩ Thức, Tỉ Thức, Thiệt Thức, Thân thức và Ý Thức.Nói cách khác, Tâm phân theo nhóm biết cảnh: Sắc, Thinh, Khí, Vị, Xúc, Pháp;vì khi biết cảnh Sắc, gọi là Tâm Nhãn Thức. Khi biết cảnh Thinh, gọi là Tâm Nhĩ Thức. Khi biết

cảnh Khí, gọi là Tâm Tỷ Thức. Khi biết cảnh Vị, gọi là Tâm Thiệt Thức. Khi biết cảnh Xúc, gọi là Tâm Thân Thức. Khi biết cảnh Pháp, gọi là Tâm Ý Thức.

"thức uẩn":khi có trạng thái "biết" thì có nhiều pháp cùng câu sanh chung tợ như chùm, hay là cái "biết" được kết hợp tợthành khối có nhiều pháp câu sanh cùng biết, hoặc là cái "biết" được gom tụ nhiều trạng thái giúp cho đặng biết (cảnh) gọi là nhóm... Các trạng thái của cái biết này đều bị khổ nhai ăn nên gọi là thức uẩn.

"tâm địa":Tâm là nơi chứa để, chỗ nương gá cho các pháp câu sanh.

"tâm tạng":Tâm gom họp, chứa đựng các pháp câu sanh khác.

"bạch tịnh":trạng thái tâm trắng sạch, yên ổn, khi pháp tốt phối hợp thì gọi là Tịnh Hảo, khi pháp xấu phối hợp thì gọi là Bất thiện.

"ý xứ":là nơi chốn mà ý phát sanh.

"ý quyền":là sự cai quản cách biết, quyền hạn trong cái biết.

"phối hợp sanh từ ý thức giới":khởi sanh từ vùng giới hạn của cái biết.

(Những pháp vừa trình bày trên) có trong khi nào, thì thức uẩn vẫn có trong khi ấy.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Duyên (Sappaccayā dhammā).

Chữ Duyên dịch từ Phạn ngữ Pāḷi là *Paccaya* hay *Paccayo* hoặc *Paccayaṃ* có nghĩa là trợ giúp, giúp cho, trợ sanh, ủng hộ. Nói theo cách khác, Duyên có nghĩa là trợ giúp làm cho pháp khác sanh ra và đặng còn hoặc thêm vững mạnh.Có Pāḷi chú giải như sau:

- *"Paṭicca phalaṃ ayati etasmāti = paccayo"*: đặng thành tựu do nhờ pháp này, nên pháp này mới gọi là Duyên, tức trạng thái trợ giúp sanh ra là Duyên.
- *"Paṭicca phalaṃ eti gacchāti pavattati etasmāti = paccyo"*: kết quả hay thành tựu đặng vững còn, do nhờ pháp này, thì pháp ấy mới gọi là Duyên. Tức là sự ủng hộ cho còn hay vững mạnh đó gọi là Duyên.

➢ Duyên (*Paccaya*) là sức mạnh hoặc mãnh lực trợ giúp và ủng hộ theo lối 2 cách:

- Là mãnh lực trợ cho đặng sanh ra *(Janakasatti)*.
- Là mãnh lực ủng hộ cho còn hoặc thêm mạnh *(Upathambhakasatti)*.

Vậy: Pháp hữu duyên *(Sappaccayā dhammā)* là những trạng thái khi sanh ra mà phải nhờ vào mãnh lực trợ sanh và ủng hộ (Duyên), tức là làm cho những trạng thái ấy (pháp) hiện bày thì pháp ấy là pháp hữu duyên tức là có Duyên trợ tạo hay nói cách khác Ngũ uẩn Thủ khi sanh là nhờ vào sự giúp của Duyên mới đặng có và đặng vững mạnh.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hữu Duyên:*Appaccayā dhammā*- Tất cả Pháp Vô Duyên.

Vô Vi Giới *(askhata)*là gì?

Vô là không. Vi (*saṅkhāra*) là hành động, sự thao tác, cách hành động, hay việc làm, đây chỉ cho sự hiện bày của Ngũ uẩn, hoặc hoạt động của Danh Sắc,nghĩa là Hành (*saṅkhāra*) tức đào tạo.

Giới hay bản chất (*dhātu*) là phân biệt riêng có ranh, giới hạn tự hành vi của nó, hoặc nói cách khác là Tự Trì Chơn Tướng (thực tính) gọi là Giới hay bản chất.

Pháp Vô Duyên tức là những trạng thái (pháp) khi sanh ra mà không còn bị Duyên trợ tạo tức là Vô Vi Giới, mà Vô Vi Giới là Níp Bàn. Như vậy, Níp Bàn là Pháp Vô Duyên, ám chỉ trạng thái vắng lặng tuyệt đối, không lay chuyển, không chuyển động, không hiện tượng, không ấn chứng.

Hay nói cách khác:

- Níp Bàn là yên tịnh, không lay động biến chuyển, không có ấn chứng hiện tượng chi cả.
- Níp Bàn là ngoài ra phiền não ngũ uẩn và tất cả đời.
- Níp Bàn là trạng thái xa lìa ái (dứt ái) vì ái là nhân ràng buộc các kiếp sống.
- Níp Bàn là ra khỏi khổ luân hồi và các sự nóng nảy, sôi nổi.
- Níp Bàn là pháp mà chư thánh xuất thế sau khi Ngũ uẩn Níp Bàn không còn tái tục nữa.
- Níp Bàn là pháp diệt tắt dứt tuyệt sanh tử.
- Níp Bàn là riêng biệt, không có liên hệ đến hữu vi, hữu duyên.
- Níp Bàn là bất tử bởi không chết vì không sanh.
- Níp Bàn là Siêu Uẩn do vượt khỏi Ngũ uẩnQuá khứ, Hiện tại, Vị lai.
- Níp Bàn là vô vi vô duyên vì không bị tạo bởi trong đời.
- Níp Bàn là vô thượng vì không có pháp nào đối thủ hơn hoặc bằng, luôn đến Đạo Quả cũng thế, cũng không có pháp nào là đối thủ.

NHỊ ĐỀ THỨ 8: NHỊ ĐỀ HỮU VI

(SAṄKHATADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saṅkhatā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Vi.*
- *Câu 2: Asaṅkhatā dhammā - Tất cả Pháp Vô Vi.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, ở câu 702 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Hữu Vivà Tất cả Pháp Vô Vi *(Saṅkhatā dhammā, Asaṅkhatā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hữu Vi, như sau:

* *Chư Pháp Hữu Vi ra sao?*

Những Pháp nào mà có Duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Hữu Vi (saṅkhatā dhammā).

* *Chư Pháp Vô Vi ra sao?*

Những Pháp nào mà không có Duyên trợ tạo. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Vô Vi (asaṅkhatā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Vi:hành vi, hành động, tạo tác.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hữu Vi *(Saṅkhataduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Hữu Vivà Tất cả Pháp Vô Vi.

1. Tất cả Pháp Hữu Vi*(Saṅkhatā dhammā):* là trạng thái khi thể hiện là còn bị tạo do sự điều khiển từ thân, khẩu, ý như là Thất Hành: Hữu Vi Hành, Tối Vi Hành, Chuyên Tạo Hành, Tối Cần Hành, Thân Hành, Khẩu Hành và Tâm Hành; hoặc theo Lối Lục Hành: Phúc Hành, Phi Phúc Hành, Bất Động Hành, Thân Hành, Khẩu Hành và Tâm Hành.
2. Tất cả Pháp Vô Vi*(Asaṅkhatā dhammā):* là pháp không còn bị Duyên trợ tạo, hay không còn bị tạo.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

► Chi Pháp trùng như Nhị Đề Hữu Duyên.

Tất cả Pháp Hữu Vilà Tâm, Sở Hữu và Sắc Pháp	Tất cả Pháp Vô Vilà Níp Bàn

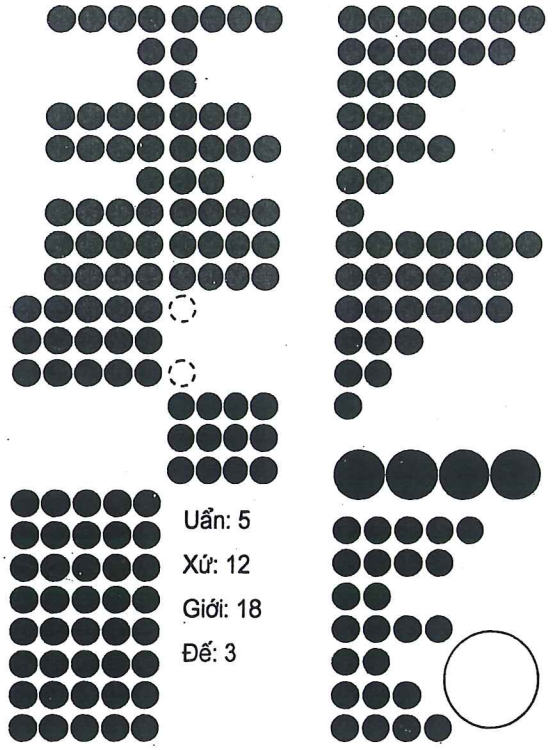

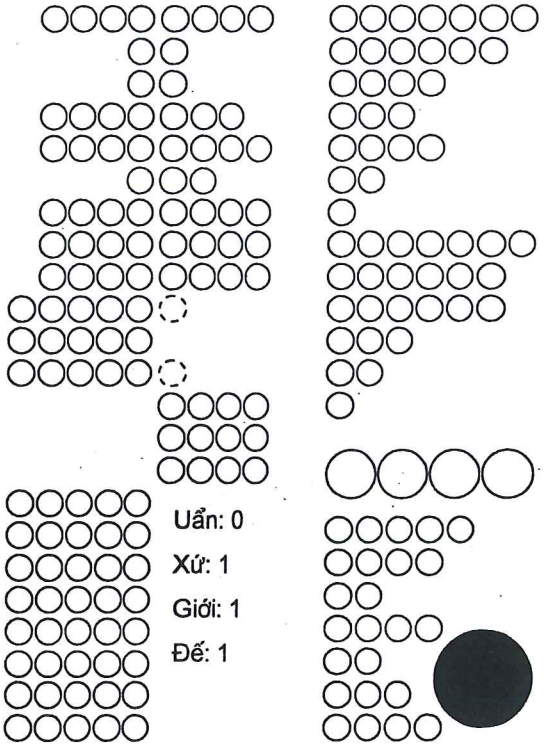

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hữu Vi:*Saṅkhatā dhammā*- Tất cả Pháp Hữu Vi.

Tất cả Pháp Hữu Vi là trạng thái khi thể hiện là còn bị tạo do sự điều khiển từ thân, khẩu, ý như là Thất Hành hoặc theo lối Lục Hành:

➢ Thất Hành:

1. Hữu vi hành: Tâm, Sở Hữu và Sắc bị tạo (pháp bị tạo , chư hành vô thường).
2. Tối vi hành:tức là Sắc Nghiệp và Tâm Quả Hiệp thế.
3. Chuyên tạo hành:tức là những chủng tử Hiệp thế ảnh hưởng của SH Tư hiệp với Bất thiện và Thiện Hiệp thế, sau khi diệt rồi mà còn mãnh lực đào tạo Sắc Nghiệp và Tâm Quả Hiệp thế.
4. Tối cần hành:sự ráng sức hành động của Thân và Ý do từ thực tính pháp SH Cần trợ.
5. Thân hành: đây là chỉ về hơi thở (thân hành niệm).
6. Khẩu hành:đây lấy cách kiếm lời và kiềm giọng nói, tức SH Tầm và SH Tứ.
7. Tâm hành:đây lấy khía cạnh của Tâm thọ lãnh cảnh và trạng cảnh lại hoặc tổng quát phần phụ trợ của Tâm.

➢ Lục Hành:

1. Phúc hành:chỉ cho hành vi, việc làm mà từ SH Tư khi hiệp với Đại Thiện và Thiện Sắc Giới.
2. Phi phúc hành:chỉ cho hành vi, việc làm mà từ SH Tư khi hiệp với Tâm Bất thiện.
3. Bất động hành:chỉ cho hành vi, việc làm mà từ SH Tư khi hiệp với Tâm Thiện Vô Sắc.
4. Thân hành:thân hành ở đây khác với Thân Hành trong Thất Hành. Đây lấy SH Tư hiệp với tâm Bất thiện, Đại Thiện cố quyết điều khiển thân hành động.
5. Khẩu hành:tức là SH Tư hiệp với Tâm Bất thiện, Đại Thiện điều khiển nói năng.
6. Tâm hành:tâm Hành ở đây khác với Tâm Hành trong Thất Hành. Vì ở đây lấy SH Tư hiệp với Tâm Bất thiện và 17 thứ Tâm Thiện Hiệp thế điều khiển ý.

Như vậy, tất cả pháp Hữu Vi là những trạng thái khi phát sanh mà còn bị tạo tác. Hay nói cách khác, những trạng thái chuyên môn đào tạo để cho pháp khác sanh ra, và pháp ấy đặng sanh thì gọi là pháp Hữu Vi vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hữu Vi: *Asaṅkhatā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Vi.

Tất cả Pháp Vô Vi đây chỉ cho Níp Bàn, tức là không còn bị duyên trợ tạo, hoặc không có bị tạo *(Asaṅkhataṃ)*, còn gọi là Vô Vi Giới. Hay là pháp không còn Uẩn tức Sắc Nghiệp và Tâm Quả đều diệt hết. Pháp Vô Vi là chỉ trạng thái tỏ ngộ do nhiều duyên hợp thành có ra, cũng là pháp tiêu diệt vô ngã hay Pháp Vô Vi cũng từ sự tỏ ngộ cái thoạt có, thoạt không, không còn ấn chứng hằng có ra, hoặc tỏ ngộ pháp hữu vi bằng cách chẳng khác nào kẻ bị trong vòng vây bực bội, khó chịu, thấu đạt tất cả, không có chi là vòng vây, không còn chi là duyên trợ tạo nên gọi là Pháp Vô Vi.

NHỊ ĐỀ THỨ 9: NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN

(SANIDASSANADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sanidassanā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Kiến.*
- *Câu 2: Anidassanā dhammā - Tất cả Pháp Vô Kiến.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 703 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Hữu Kiếnvà Tất cả Pháp Vô Kiến *(Sanidassanā dhammā, Anidassanā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hữu Kiến, như sau:

** Chư Pháp Bị Thấy ra sao?*

Sắc Xứ (Rūpāyatana). Những chơn tướng này gọi là Chư pháp bị thấy (Sanidassanā dhammā).

** Chư Pháp Bất Kiến ra sao?*

Nhãn Xứ... Sắc Xứ, Thọ Uẩn... Thức Uẩn, Sắc không Thấy không Đối Chiếu có liên quan với Pháp Xứ và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Bất Kiến (Anidassanā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- **Bất:** không, chẳng **Kiến:** thấy đặng

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hữu Kiến *(Sanidassanaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Hữu Kiếnvà Tất cả Pháp Vô Kiến.

1. Tất cả Pháp Hữu Kiến*(Sanidassanā dhammā):* là trình bày trạng thái thấy đặng tức là pháp mà bị thấy, đây chỉ cho pháp thực tính là sắc cảnh Sắc, Sắc cảnh Sắc là màu nương nơi Sắc Tứ Đại Hiển, là thứ thấy đặng và Đối Chiếu được, là chỗ dạo cho Nhãn Thức. Tất cả Pháp Hữu Kiến là phần đề cập nơi mà tiến hành của Nhãn thức hoặc hành xứ của Nhãn Thức.
2. Tất cả Pháp Vô Kiến*(Anidassanā dhammā):* là các pháp ngoài ra (Sắc cảnh Sắc) không bị thấy bởi vì các pháp ấy không thuộc về thực tính pháp để thấy như Tâm, Sở Hữu Tâm, các thứ Sắc (ngoài cảnh Sắc) và Níp Bàn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Kiến (thấy đặng) là Cảnh Sắc. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 1 Uẩn:Sắc Uẩn là Sắc cảnh Sắc

– Xứđặng 1 Xứ:Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc

– Giớiđặng 1Giới: Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc

– Đếđặng 1 Đế: Khổ đế là Sắc cảnh Sắc

Tất cả Pháp Hữu Kiến (thấy đặng)là Sắc Cảnh Sắc

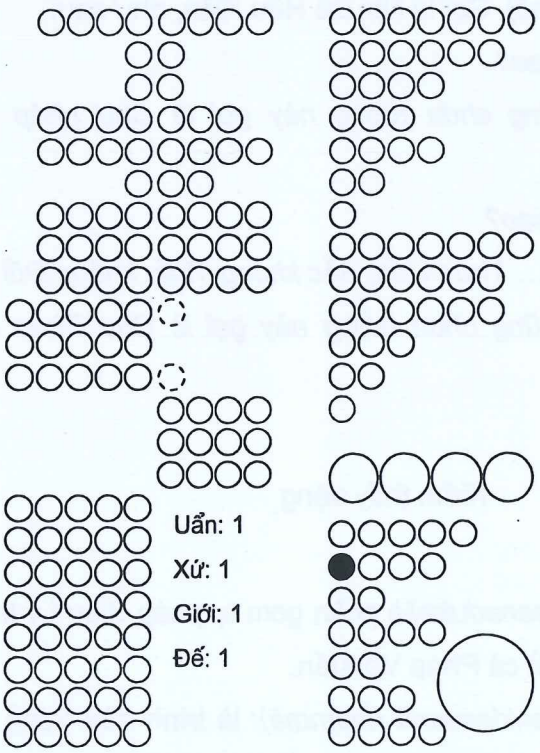

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Vô Kiến là tất cả Pháp Siêu Lý (trừ Sắc Cảnh Sắc). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 27 thứ Sắc pháp (đã trừ cảnh Sắc)
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn là Tâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứđặng 11 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
7. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
8. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
9. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Xứ Thô là 11 Sắc Thô

10. Ý Xứ là Tâm
11. Pháp Xứ là 52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giớiđặng 17 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
7. Khí Giới là sắc cảnh Khí
8. Vị Giới là sắc cảnh Vị
9. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 9 Giới Thô là 11 Sắc Thô

10. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
11. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
12. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
13. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
14. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

15. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
16. Ý thức giới là 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
17. Pháp giới là 52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đếđặng 4 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp (đã trừ cảnh Sắc), tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlà tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Vô Kiếnlà tất cả Pháp Siêu Lý (trừ Sắc Cảnh Sắc)

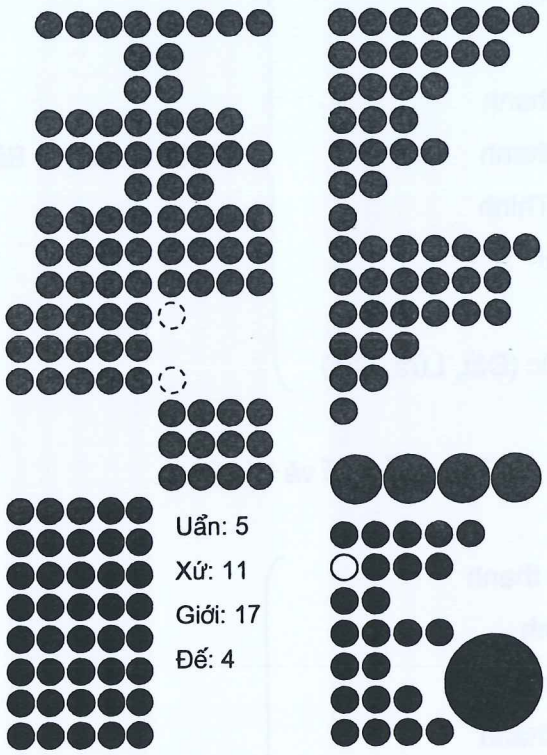

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hữu Kiến:*Sanidassanā dhammā*- Tất cả Pháp Hữu Kiến.

Tất cả Pháp Hữu Kiến là trạng thái bị thấy, đây chỉ cho Sắc cảnh Sắc (1 trong 28 thứ Sắc pháp) được Đức Phật giải thích trong bộ Pháp Tụ và bộ Phân Tích thuộc tạng Vô Tỷ Pháp. Nay tìm hiểu thêm Pháp Bản chất hay Bản thể của Pháp hữu kiến là Sắc cảnh Sắc như sau:

"Sắc Xứ (Rūpāyatana)":sắc là các màu, còn Xứ đây là nơi, chỗ, chốn. Do Sắc nào mở mối cho Nhãn Xúc nương Nhãn đã, đang và sẽ sanh, hoặc đáng sanh làm cho chúng sanh đã, đang hoặc sẽ thấy thì Sắc ấy gọi là Sắc Xứ. Sắc Xứ còn gọi là Sắc Chất nhờ có bản chất chân tướng nương nơi Sắc Tứ Đại Hiển đặng thấy. Hay nói cách khác, Sắc nào là màu nương nơi Sắc Tứ Đại Hiển là thứ thấy đặng và đối chiếu được thì gọi là Sắc Xứ.

"Sắc Xứ": nói theo đặc tính thì có trạng thái đối chiếu với Nhãn Thanh Triệt (Nhãn Vật) với phận sự làm cảnh cho Nhãn Thức, thành tựu thành cảnh cho Nhãn Thức, có Sắc Tứ Đại Hiển sanh từ nơi nghiệp tham ái Sắc.

"Tất cả Pháp Hữu Kiến": tức là cảnh Sắc, Sắc Xứ, Sắc Chất, Sắc Giới do Sắc cảnh Sắc làm cho pháp câu sanh đặng thấy (Nhãn Thanh Triệt, Nhãn Xúc, Nhãn Thọ, Nhãn Thức...). Bởi Nhãn thức có Nhãn Vật là chỗ nương, có hành xứ là cảnh Sắc...

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Bị Thấy (Sanidassanā dhammā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hữu Kiến:*Anidassanā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Kiến.

"Nhãn Xứ":nhãn tức là mắt, nhưng mắt ở đây có 2. Một là mắt thịt (nhãn nhục) (tất cả bộ phận con mắt). Hai là Nhãn Vật tức Nhãn Thanh Triệt đây chỉ cho Sắc bản chất thực tính mà nương nơi Sắc Tứ Đại thành không thấy mà đối chiếu đặng. Vậy Nhãn Xứ tức là Nhãn Vật hay Nhãn Thanh Triệt hoặc gọi Nhãn Giới, cũng gọi là Nhãn Bản Thể, Nhãn Quyền, Nhãn Môn, hay nói cách khác Sắc nào mà làm chỗ nương cho Nhãn thức (biết) nhận ra các màu (Sắc) thì đó gọi là Nhãn Xứ. Vậy Nhãn Xứ là phần trong ngần của Tứ Đại Nghiệp để thâu bắt cảnh Sắc đặng, có việc làm quớ ôm cảnh Sắc, tìm kiếm cảnh Sắc, là chỗ nương của Nhãn Thức, mà có Sắc Tứ Đại Nghiệp sinh từ tham ái Sắc chấp trước.

"... Xúc Xứ":tức là Nhĩ Xứ, Tỉ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ; Cảnh Thinh, cảnh Khí, Cảnh Vị và Cảnh Xúc. Nhĩ Xứ, Tỉ Xứ, Thiệt Xứ, Thân Xứ là Sắc bản chất thực tính nương nơi Sắc Tứ Đại thành không thấy mà đối chiếu đặng, là chỗ nương của Nhĩ Thức, Tỉ Thức, Thiệt Thức, Thân thức thâu bắt Cảnh Thinh (các tiếng), cảnh Khí (các mùi), Cảnh Vị (các vị mặn, ngọt, chua, cay) và Cảnh Xúc (tức Sắc Đất, Sắc Lửa, Sắc Gió).

"Thọ Uẩn... Thức Uẩn":đây là các pháp mà câu sanh chung với Pháp Bất Kiến, tức là chỉ bày những nhóm đóng cảm nhận, trạng cảnh, hoạt động, nhận biết mà không thấy đặng.

"Sắc không Thấy":đây chỉ cho Sắc Ái, Sắc Mãn Ý vì Sắc Ái, Sắc Mãn Ý là chỉ chung cho phần Tâm, SH, Sắc đã diệt mà do phần Ái Chấp Thủ bắt lấy rồi khởi lên khả ý, khả lạc, khả hỷ, hoặc vừa lòng thích ý theo lối dục.

"không Đối chiếu":do đã diệt, đã mất, đã không còn (thuộc về Cảnh Pháp) nên phần đối chiếu không đặng.

"có liên quan với Pháp Xứ và Vô Vi Giới":vì thuộc về những pháp như Sở Hữu Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn mà những pháp này là bất kiến hay vô kiến vì không thấy đặng.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Bất Kiến (Anidassanā dhammā).

Như vậy, trong Nhị Đề Hữu Kiến, chúng ta thấy Đức Phật chia pháp Hữu Vi theo 2 khía cạnh thấy đặng (hữu kiến, tức Sắc cảnh Sắc) và không thấy đặng (bất kiến, tức Pháp Siêu Lý ngoài ra Sắc cảnh Sắc)đồng thời để sáng tỏ 2 vần đề thấy biết qua mắt và biết mà không cần thấy.

NHỊ ĐỀ THỨ 10: NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU

(SAPPAṬIGHADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sappaṭighā dhammā - Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu.*
- *Câu 2: Appaṭighādhammā - Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 704 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu và Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu *(Sappaṭighā dhammā, Appaṭighā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hữu Đối Chiếu, như sau:

** Chư Pháp Đối Chiếu ra sao?*

Nhãn Xứ... Xúc Xứ. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Đối Chiếu (sappatighā dhammā).

** Chư Pháp Phi Đối Chiếu ra sao?*

Thọ Uẩn... Thức Uẩn với Sắc không Thấy không Đối Chiếu mà có liên quan với Pháp Xứ và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Đối Chiếu (appatighā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Phi: không, chẳng Vô: không có
- Đối:thưa, đáp, đối, sóng với nhau, hợp, xét lại
- Chiếu: soi sáng, bảo khắp, so sánh, cứ noi, đối xét, sóng nhau mà xét, dọi vào

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hữu Đối Chiếu *(Sappaṭighaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu và Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu.

1. Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu *(Sappaṭighā dhammā):* là chỉ bày trạng thái khi mà Sắc này có sự Xúc, đối với nhau của Vật và Cảnh, của Căn và đối tượng. Hay là khi Căn và Cảnh dọi vào nhau xuất hiện Xúc thì lúc ấy gọi là Đối Chiếu hay có Đối Chiếu. Như là: cảnh Sắc dội vào Nhãn Vật, Cảnh Thinh dội vào Nhĩ Vật, cảnh Khí dội vào Tỉ Vật, Cảnh Vị dội vào Thiệt Vật, Cảnh Xúc dội vàoThân Vật.
2. Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu*(Appaṭighā dhammā):* đây là chỉ cho trạng thái không có sự đối xúc nhau, nhưng phải hiểu xúc đây là Cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió) chớ chẳng phải thuộc về Ý Xúc,bởi vì từ Đối Chiếu có thể được hiểu là hiện bày phần thô mà cảm nhận được 1 cách rõ rệt, còn Vô Đối Chiếu là sự cảm nhận phần tế mà không thể đặng cảm nhận thông thường.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu là 12 sắc Thô. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 1 Uẩn: Sắc Uẩn là 12 sắc Thô

– Xứđặng 10 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

– Giớiđặng 10 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

– Đếđặng 1 Đế: Khổ đế là 12 sắc Thô

Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếulà 12 sắc Thô

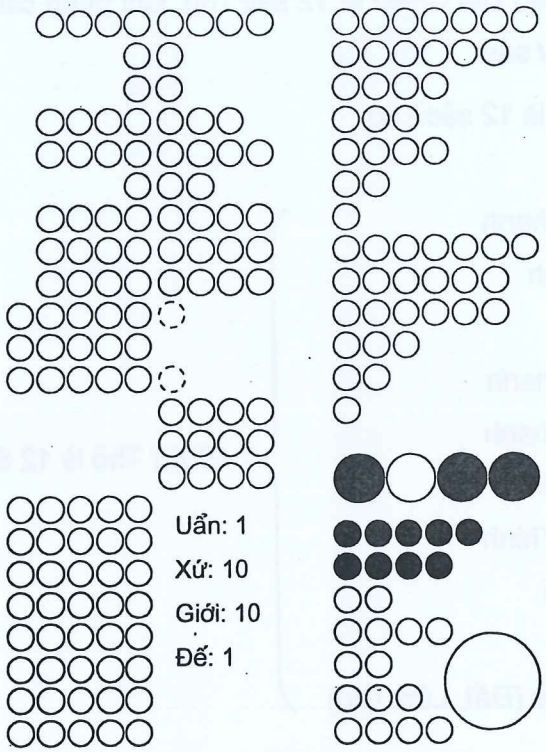

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu là Pháp Siêu Lý (trừ 12 Sắc Thô). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là Sắc Tế
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn là Tâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là Tâm
2. Pháp Xứ là 52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giớiđặng 8 Giới:

1. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
5. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

6. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn

7. Ý thức giới là 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
8. Pháp giới là 52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đếđặng 4 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Tế, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlàtâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu là Pháp Siêu Lý (trừ 12 Sắc Thô)

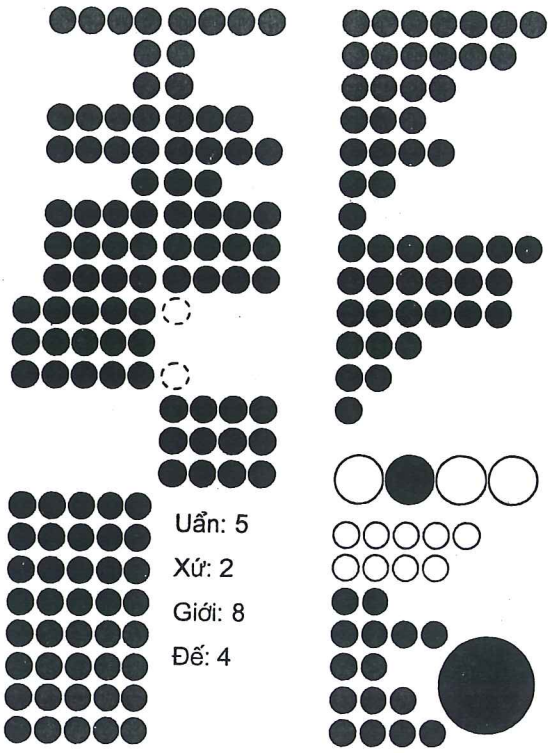

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hữu Đối Chiếu:*Sappaṭighā dhammā*- Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu.

Tất cả Pháp Hữu Đối Chiếu là 12 thứ Sắc Thô, như là:

- Cảnh Sắc đối chiếu với Nhãn Thanh, hay các màu đối chiếu với Nhãn Vật.
- Cảnh Thinh đối chiếu với Nhĩ Thanh, hay các tiếng đối chiếu với Nhĩ Vật.
- Cảnh Khí đối chiếu với Tỉ Thanh, hay các mùi đối chiếu với Tỉ Vật.
- Cảnh Vị đối chiếu với Thiệt Thanh, hay các vị đối chiếu với Thiệt Vật.
- Cảnh Xúc đối chiếu với Thân Thanh, hay Đất, Lửa, Gió đối chiếu với Thân Vật.

Mà phần Chánh Tạng Phật Ngài trình bày qua các từ như sau:

"Nhãn Xứ":xem lại phần đã giải Nhãn Xứ trong Nhị Đề Hữu Kiến.

"... Xúc Xứ":là lúc mà đụng, chạm thì phát sanh. Đây chỉ cho 3 thứ Sắc làm nền của Xúc Xứ đó là Sắc Đất, Sắc Lửa, Sắc Gió. Tại sao 3 Sắc vừa nêu là Xúc Xứ?Vì:

- Sắc Đất hay Địa Đại Sắc là hiện bày sự cứng, cách cứng, sự mềm, cách mềm bên trong, hoặc bên ngoài, có việc làm là bảo trì, thành tựu là chỗ hứng chịu để nhờ.
- Sắc Lửa hay Hỏa Đại Sắc là hiện bày sự nóng, cách nóng, sự lạnh, cách lạnh bên trong, hoặc bên ngoài, có việc làm là làm cho chín, thành tựu là nóng lạnh, mềm nhừ, ấm áp.
- Sắc Gió hay Phong Đại Sắc là hiện bày sự lay động qua lại, cách lay động qua lại, sự căng ra, cách căng ra bên trong, hoặc bên ngoài, có việc làm là làm cho khua động, nổi tiếng, thành tựu là lôi đi, kéo đi.

Vậy Xúc Xứ là cách hiện bày mà Căn và Vật chạm, đụng thì Xúc Xứ có trong khi ấy.

- Cảnh Thinh đối chiếu với Nhĩ Thanh, hay các tiếng dọi vào Nhĩ Vật. Cảnh Thinh hay Thinh Xứ là các tiếng khi đối chiếu hay dọi vào Nhĩ Vật. Thinh Xứ là phần bị Nhĩ Vật thâu bắt. Nhĩ Vật còn gọi là Nhĩ thanh triệt, hoặc gọi Nhĩ Giới, cũng gọi là Nhĩ Bản Thể, Nhĩ Quyền, Nhĩ Môn, tức là phần trong ngần của Tứ Đại Nghiệp để thâu Cảnh Thinh. Nói theo pháp bản chất, Cảnh Thinh hay Thinh Xứ nương theo Sắc Tứ Đại và Nhĩ Thanh hay Nhĩ Vật cũng nương theo Sắc Tứ Đại Nghiệp tạo thành cảnh nương vật hay đối tượng nương căn mà Nhĩ thức nương vật ấy đặng biết các tiếng. Trường hợp này gọi là đối chiếu hay Pháp Đối Chiếu tức là sự so sánh giữa trạng thái này và trạng thái kia do cảm nhận đặng bởi vì từ Đối Chiếu có thể được hiểu là phần hiện bày thô giữa vật chất này với vật chất khác mà cảm nhận được 1 cách rõ rệt như âm thanh dọi vào lỗ tai, tức các tiếng dọi vào Nhĩ Vật.
- Cảnh Khí đối chiếu với Tỉ Thanh, hay các mùi đối chiếu với Tỉ Vật. cảnh Khí hay Khí Xứ là các mùi, hơi khi đối chiếu hay dọi vào Tỉ Vật. Khí Xứ là phần bị Tỉ Vật thâu bắt. Tỉ Vật còn gọi là Tỉ Thanh Triệt, hoặc gọi Tỉ Giới, cũng gọi là Tỉ Bản Thể, Tỉ Quyền, Tỉ Môn, tức là phần trong ngần của Tứ Đại Nghiệp để thâu cảnh Khí. Nói theo pháp bản chất, cảnh Khí hay Khí Xứ nương theo Sắc Tứ Đại và Tỉ Thanh hay Tỉ Vật cũng nương theo Sắc Tứ Đại Nghiệp tạo thành cảnh nương vật hay đối tượng nương căn mà Tỉ Thức nương vật ấy đặng biết các mùi. Trường hợp này gọi là đối chiếu hay Pháp Đối Chiếu tức là sự so sánh giữa trạng thái này và trạng thái kia do cảm nhận đặng bởi vì từ Đối Chiếu có thể được hiểu là phần hiện bày thô giữa vật chất này với vật chất khác mà cảm nhận được 1 cách rõ rệt như hơi dọi vào lỗ mũi, tức các mùi dọi vào Tỉ Vật.
- Cảnh Vị đối chiếu với Thiệt Thanh, hay các vị đối chiếu với Thiệt Vật. Cảnh Vị hay Vị Xứ là các vị (mặn, ngọt, chua, cay...) khi đối chiếu hay dọi vào Thiệt Vật. Vị Xứ là phần bị

Thiệt Vật thâu bắt. Thiệt Vật còn gọi là Thiệt thanh triệt, hoặc gọi Thiệt Giới, cũng gọi là Thiệt Bản Thể, Thiệt Quyền, Thiệt Môn, tức là phần trong ngần của Tứ Đại Nghiệp để thâu Cảnh Vị. Nói theo pháp bản chất, Cảnh Vị hay Vị Xứ nương theo Sắc Tứ Đại và Thiệt Thanh hay Thiệt Vật cũng nương theo Sắc Tứ Đại Nghiệp tạo thành cảnh nương vật hay đối tượng nương căn mà Thiệt thức nương vật ấy đặng biết các vị. Trường hợp này gọi là đối chiếu hay Pháp Đối Chiếu tức là sự so sánh giữa trạng thái này và trạng thái kia do cảm nhận đặng bởi vì từ Đối Chiếu có thể được hiểu là phần hiện bày thô giữa vật chất này với vật chất khác mà cảm nhận được 1 cách rõ rệt như vịmặn, ngọt, chua, cay…dọi vào lưỡi, chỉ ngay làThiệt Vật.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Đối Chiếu (sappaṭighā dhammā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hữu Đối Chiếu:*Appaṭighā dhammā* - Tất cả Pháp Vô Đối Chiếu.

"Thọ Uẩn... Thức Uẩn":đây là Phật Ngài đề cập những pháp Phi Đối Chiếu trên phương diện Uẩn Thủ có nghĩa là phần pháp câu sanh là thuộc về khối, nhóm, đống, chùm mà không đối chiếu đặng.

"với Sắc không Thấy":là các thứ Sắc mà ngoài ra sắc cảnh Sắc

"không Đối Chiếu":là không có sự cụ thể, chỉ có sự cảm nhận, như là Ý Vật không đối chiếu đặng nhưng là chỗ nương cho tâm sanh khởi. Hoặc Sắc Mạng Quyền không thấy, không đối chiếu nhưng có tác dụng gìn giữ cho sự sống của Sắc pháp… Hai Sắc trên là qua phần cảm nhận từ tâm biết mà thôi.

"mà có liên quan với Pháp Xứ và Vô Vi Giới":đây là đề cập đến Sở Hữu Tâm, Níp Bàn là pháp có liên quan trong Pháp Xứ và Vô Vi Giới nhưng sự đối chiếu không đặng, chỉ cảm nhận mà thôi. Như khi nói SH Xúc, thì đây chỉ là sự cảm nhận thuộc về ý xúc chớ không có sự đối chiếu phần vật chất… Hoặc Níp Bàn không thể đối chiếu theo lối Pháp Hữu Vi mà chỉ cảm nhận mà biết bởi các thứ tâm thích hợp như Đại Thiện Tương Ưng Trí, Đại Tố Tương Ưng Trí, Đổng Lực Kiên Cố sanh nơi cơ tánh của bậc thánh.

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Đối Chiếu (appaṭighā dhammā).

NHỊ ĐỀ THỨ 11: NHỊ ĐỀ SẮC

(RŪPIDUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Rūpino dhammā - Tất cả Pháp Sắc.*
- *Câu 2: Arūpino dhammā - Tất cả Pháp Phi Sắc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 705 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Sắc và Tất cả Pháp Phi Sắc *(Rūpino dhammā, Arūpino dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Sắc, như sau:

* *Chư Pháp Sắc trong khi có ra sao?*

Tứ Đại Sung và Sắc Y Sinh. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Sắc (Rūpino dhammā).

* *Chư Pháp Phi Sắc trong khi có ra sao?*

Thọ Uẩn... Thức Uẩn và Vô Vi Giới. Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Sắc (Arūpino dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Tứ: bốn
- Đại Sung: ám chỉ cho Đất, Nước, Lửa, Gió, sự sung mãn của Sắc Nghiệp, còn gọi là Tứ Đại Hiển, Tứ Đại Minh, Tứ Đại Quỷ.
- Sắc: màu, bóng dáng, cảnh tượng, sắc tướng; tức là Sắc pháp, ở đây chỉ cho 24 thứ Sắc từ Nhãn Thanh... đến Sắc Vô Thường.
- Y Sinh: có nương mới sinh ra.
- Sắc Y Sinh: là Sắc nương nơi Sắc khác mới sanh ra đặng, tức là sắc Thanh Triệt, Sắc Cảnh Giới, Sắc Tính, Sắc Ý Vật, Mạng Quyền, Sắc Vật Thực, Sắc Giao Giới, Sắc Biểu Tri, Sắc Kì Dị và Sắc Tứ Tướng nương nơi Sắc Tứ Đại Hiển mà sinh ra nên gọi Sắc Y Sinh hay Sắc Y Đại Sinh là vậy.
- Phi: không, chẳng phải.
- Phi Sắc: không thuộc về Sắc pháp, đây chỉ cho phần danh pháp, Tâm, SH, Níp Bàn.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Sắc *(Rūpiduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Sắc và Tất cả Pháp Phi Sắc.

1. Tất cả Pháp Sắc*(Rūpino dhammā):* là những trạng thái thuộc phần vật chất vô tri giác. Là Pháp thuộc phần Sắc tức Sắc Uẩn, là chỉ bày 28 thức Sắc, có trạng thái thực tính và tướng trạng khác nhau, như là Sắc Đất, Sắc Nước, ..., Sắc Lão Mại, Sắc Vô Thường. Xem lại phần Phân Giải của Nhị Đề 7 – Nhị Đề Hữu Duyên *(Sappaccayaduka)*.

2. Tất cả Pháp Phi Sắc*(Arūpino dhammā)*:là những trạng thái không thuộc về vật vô tri giác, đây chỉ cho phần danh pháp, tức pháp ngoài ra Sắc nghĩa là 121 thứ tâm, 52 SH, Níp Bàn. Pháp Phi Sắc còn gọi là Pháp Danh Uẩn, tức Thọ, Tưởng, Hành, và Thức Uẩn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Sắc là 28 Sắc Pháp. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 1 Uẩn: Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp

– Xứđặng 11 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Pháp Xứ là Sắc Tế

– Giớiđặng 11 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Pháp giới là Sắc Tế

– Đếđặng 1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp

Tất cả Pháp Sắclà 28 Sắc Pháp

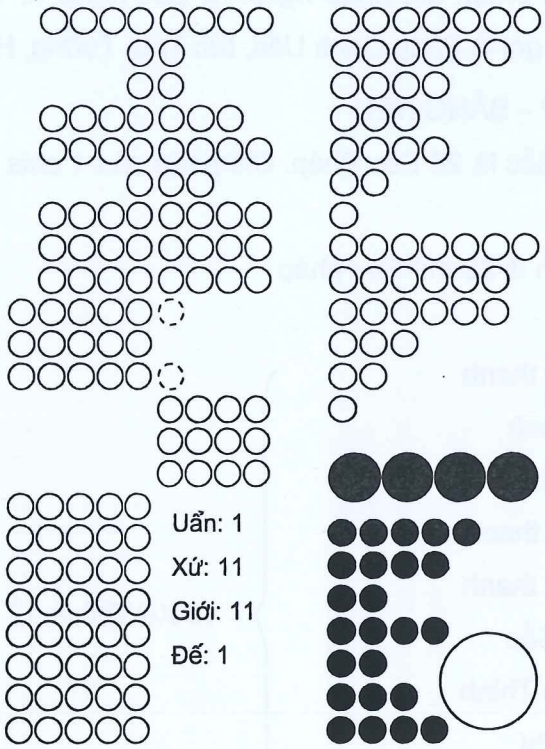

► Câu 2:Tất cả Pháp Phi Sắc là Tâm, Sở hữu và Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩnđặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
3. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
4. Thức Uẩn là Tâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứđặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là Tâm
2. Pháp Xứ là 52 SH hợp với Tâmvà Níp Bàn

– Giớiđặng 8 Giới:

1. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
2. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
3. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
4. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
5. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

6. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
7. Ý thức giới là 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)

8. Pháp giới là 52 SH hợp với Tâmvà Níp Bàn

– Đếđặng 4 Đế:

1. Khổ đế là tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham
3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlà tâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Sắclà Tâm, Sở hữu và Níp Bàn

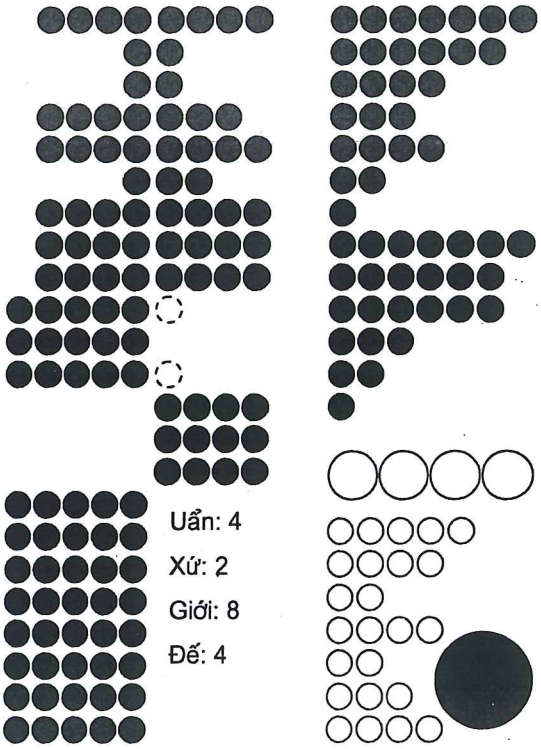

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Sắc:*Rūpino dhammā*- Tất cả Pháp Sắc.

"Tứ Đại Sung (Mahābhūtarūpa)":là chỉ cho Sắc Đất, Sắc Nước, Sắc Lửa, Sắc Gió. 4 loại Sắc này câu sanh và tương ưng, cùng hỗ tương mà thành ra Sắc Uẩn. Bởi từ nghiệp lực mà có nên cũng còn gọi là Sắc Tứ Đại Nghiệp. Do từ SH Tư hợp với Thiện, Bất thiện trước đó đã diệt để tạo ra cái thân (chế định) nhưng thực chất là Sắc Nghiệp (Đất, Nước, Lửa, Gió). Cho nên Đức Thế Tôn Ngài dạy về phần Sắc Uẩn này như sau: *"Sắc uẩn đó ra sao? Mỗi thứ sắc nào như là quá khứ, hiện tại, vị lai, bên trong, bên ngoài, sắc thô, sắc tế, sắc tốt, sắc xấu, sắc gần hoặc sắc xa gồm chung lại một cho dón gọn. Đây gọi là sắc uẩn."*Chỉ phần chánh là Sắc Tứ Đại Nghiệp tức là Sắc Uẩn.

Chúng ta tìm hiểu ý nghĩa mà Đức Phật đã giảng dạy về Sắc Tứ Đại Sung qua phần trình bày trong Bộ Phân Tích (*Vibhaṅga*) từ câu 3 đến câu 7 sau đây:

** Sắc quá khứ đó ra sao?Những sắc nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc quá khứ.*

** Sắc vị lai đó ra sao?Những sắc nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc về vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc vị lai.*

** Sắc hiện tại đó ra sao?Những sắc nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương tứ đại. Đây gọi là sắc hiện tại.*

** Sắc bên trong đó ra sao?Những sắc nào tự phần của riêng mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên trong.*

** Sắc bên ngoài đó ra sao?Những sắc nào ngoài ra thân thể ta mà có ra cho tha nhân, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần tha nhơn mà liên quan với nghiệp ái kiến, tức là sắc tứ đại sung và sắc y sinh nương sắc tứ đại. Đây gọi là sắc bên ngoài.*

** Sắc thô đó ra sao?Như là nhãn xứ, nhĩ xứ, tỷ xứ, thiệt xứ, thân xứ, sắc xứ, thinh xứ, khí xứ, vị xứ và xúc xứ. Đây gọi là sắc thô.*

** Sắc tế đó ra sao?Như là nữ quyền, nam quyền, mạng quyền, thân biểu tri, khẩu biểu tri, hư không chất, sắc nhẹ, sắc mềm, sắc thích dụng, sắc sinh (upacaya), sắc thừa kế (santati), sắc lão (jarata), sắc vô thường (aniccata) và đoàn thực. Đây gọi là sắc tế.*

** Sắc xấu đó ra sao?Những sắc nào đối với chúng sanh đều coi rẻ, đáng gớm, đáng chê, đáng ghê gớm, không thích, không đáng ưa, không đáng ham muốn, xấu xa, ai cũng biết là xấu xa, đều cho rằng xấu xa như là sắc, thinh, khí, vị, xúc(không ưa). Như thế gọi là sắcxấu.*

** Sắc tốt đó ra sao?Những sắc nào chúng sanh không coi rẻ, không chê, không gớm, chẳng ghê ghét, đáng ưa, đáng thích, đáng ham, tốt, biết rằng tốt, đều cho là tốt như là sắc, thinh, khí, vị, xúc (đáng ưa). Như thế gọi là sắc tốt. Hay là những sắc tốt xấu do so sánh với sắc khác...*

** Sắc viễn đó ra sao?Nữ quyền... đoàn thực. Hoặc có sắc nào khác ở xa, phi cận, chẳng gần sát. Sắc nào như thế đây gọi là sắc viễn.*

** Sắc cận đó ra sao?Nhãn xứ... xúc xứ. Hoặc có sắc nào khác ở gần, ở sát, dựa kế, không xa. Sắc nào như thế đây gọi là sắc cận. Hay là nên biết sắc gần, xa do sự so sánh đối với nó*

và Sắc Y Sinh (Upādāyarūpa): và cũng từ Sắc Tứ Đại Sung hay Tứ Đại Hiển, hoặc Tứ Đại Nghiệp mà trợ sinh ra 24 thứ Sắc khác gọi là Sắc Y Đại Sinh. Vậy Sắc Y Đại Sinh là chi?

** Sắc y sinh quá khứ đó ra sao?Những sắc y sinh nào đã diệt, đã mất, đã qua, xa lìa rồi, đã biến chuyển, vắng bặt, đã mất hết, đã sanh ra rồi diệt mất, gồm chung lại một thành phần quá khứ tức là sắc y sinh nương tứ đại.*

** Sắc y sinh vị lai đó ra sao?Những sắc y sinh nào sau này sinh, sẽ sanh, sẽ phát ra đủ, chưa sanh đầy, sẽ hiện bày, chưa phát ra, chưa sanh trụ, sẽ sanh trụ, sau nữa mới phát ra đầy đủ, đều thuộc về vị lai nên gồm chung lại thành phần vị lai tức là sắc y sinh nương tứ đại.*

** Sắc y sinh hiện tại đó ra sao?Những sắc y sinh nào đang có, đang còn, vừa sanh, đang đầy đủ, đang trụ, đã vững vàng, chưa diệt mất, hiện có đồng đều, hoàn toàn đầy đủ, hiện mỹ mãn trọn thành, thuộc về hiện tại, nên gồm chung lại sắp thành phần hiện tại tức là sắc y sinh nương tứ đại.*

** Sắc y sinh bên trong đó ra sao?Những sắc y sinh nào tự phần của riêng mỗi chúng sanh, trong mình, trong thân ta, trong mình ta, trong phần thân thể con người của ta do nghiệp liên quan ái kiến chấp trước, tức là sắc y sinh nương sắc tứ đại.*

** Sắc y sinh bên ngoài đó ra sao?Những sắc y sinh nào ngoài ra thân thể ta mà có ra cho tha nhân, phần của tha nhơn, sanh theo tha nhơn, thuộc về phần tha nhơn mà liên quan với nghiệp ái kiến, tức là sắc y sinh nương sắc tứ đại.*

Những thực tính này gọi là Sắc Y Đại Sinh (Upādāyarūpa).

Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Sắc (Rūpino dhammā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Sắc:*Arūpino dhammā* - Tất cả Pháp Phi Sắc.

"Thọ Uẩn... Thức Uẩn":là chỉ cho phần Danh Pháp tức Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn và Thức Uẩn.

- Thọ Uẩn là SH Thọ, là khối nhóm hoạt động với thực tính cảm nhận cảnh, hứng chịu cảnh và câu sanh với Tâm để biết cảnh qua lối dụng nạp cảnh ấy, không phải phần vật chất, không phải pháp vô tri giáccâu sanh với tâm.
- Tưởng Uẩn là SH Tưởng,là khối nhóm hoạt động với thực tính nhớ tưởng, sanh từ Xúc, phối hợp cùng Ý thức giới hay là cách nhớ tưởng là cố nhớ y như trước, còn thái độ tưởng sanh từ Xúc có nghĩa là cảnh tái hiện lại do sự nhớ tưởng, tức nhớ sự đã qua mà nguyên do sanh từ sự chạm đụng khởi từ Ý thức giới, không phải phần vật chất, không phải pháp vô tri giác câu sanh với tâm.
- Hành Uẩn là 50 SH ngoài ra Thọ, Tưởng là khối nhóm hoạt động trong đó có sự đề đốc câu sanh của SH Tư làm cho pháp sanh chung được hiện bày như là Nhất Thống, Mạng

Quyền, Tác Ý, Tầm, Tứ, Tham, Sân, Si... hay Trí Tuệ sanh khởi, không phải phần vật chất, không phải pháp vô tri giác câu sanh với tâm.

- Thức Uẩn là 121 thứ Tâm là khối nhóm hoạt động với trạng thái biết cảnh hay chủ trương sự biết cảnh, còn gọi là Thức Thực, tức là thu hút cảnh, với ý nghĩa dẫn dắt SH và Sắc Tâm, tức Thức Thực giúp cho chúng sanh thu hút cảnh như Thấy, Nghe... cho đến các thứ tâm Đổng Lực... Thức Uẩn không phải phần vật chất, không phải pháp vô tri giác, là phần nhận biết, tức biết cảnh.

"và Vô Vi Giới":là Níp Bàn, tức nhiên là trạng thái vắng lặng, bất động, vô ấn chứng không thuộc về Sắc.

"Những chơn tướng này gọi là Chư Pháp Phi Sắc (*Arūpino dhammā)":* bởi những thực tính trên không thuộc về Sắc nên gọi là Chư Pháp Phi Sắc *(Arūpino dhammā*).

NHỊ ĐỀ THỨ 12: NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ

(LOKIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Lokiyā dhammā - Tất cả Pháp Hiệp Thế.*
- *Câu 2: Lokuttarā dhammā - Tất cả Pháp Siêu Thế.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 706 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Hiệp Thế và Tất cả Pháp Siêu Thế *(Lokiyā dhammā, Lokuttarā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Hiệp thế, như sau:

* *Chư pháp hiệp thế trong khi có ra sao?*

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn thành phần pháp lậu nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô Sắc Giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp hiệp thế.

* *Chư pháp siêu thế trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp siêu thế (lokuttara= dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Hiệp:hợp, góp lại, liên tiếp, hòa hợp
- Siêu:vượt qua, nhảy qua, siêu việt, không trong khuôn mẫu nhất định, xa
- Thế:đời, thế gian, chỉ cho Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới
- Hiệp thế:còn hợp với đời
- Siêu thế: vượt thoát luân hồi sanh tử, ra khỏi đời
- Pháp:là trạng thái
- Thiện:là tốt, lành, tịnh hảo
- Bất thiện: là xấu, không tốt, bất tịnh hảo
- Vô ký: là những hành động không phải là pháp nhân để tạo ra quả, dù quả ấy có xấu hay tốt thì hành vi thành tựu đó chỉ gọi là Vô Ký (Phi Ký) ám chỉ trạng thái quả chỉ hiện bày do tác động từ nhân,khi hiện hữu coi như phần trợ sanh rồi thì xong,không có ký gửi lại,chỉ khi nào pháp quả ấy chuyển biến thành nhân. Hoặc những hành động nào mà làm chỉ là làm (Tâm Tố, Hạnh, hay Duy Tác) cũng gọi là Vô Ký. Còn Sắc và Níp Bàn cũng gọi là Vô Ký, vì Sắc pháp không phải là trạng thái tạo nhân mà chỉ là quả của nhân đã tạo. Còn Níp Bàn tức là trạng thái không có sự trợ tạo nên cũng gọi là Vô Ký.
- Pháp lậu: trạng thái bị ngâm chìm, đây ám chỉ cho ngâm chìm trong Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu và Vô Minh Lậu.

- Dục giới:tức là sanh theo cõi Dục do đắm chìm sâu trong Dục Lậu, Dục Phối, Dục Bộc, Ngũ Dục Lạc, hưởng cảnh Ngũ Dục đậm đạp...
- Sắc giới:tức là sanh cõi Sắc do đắm nhiễm trong Hữu Lậu, Hữu Phối, Hữu Bộc, tức là Ái Nhập Thiền, có sự ham thích trong cõi Sắc...
- Vô sắc giới:là sanh cõi Vô Sắc do đắm nhiễm trong Hữu Lậu, Hữu Phối, Hữu Bộc, tức là Ái Nhập Thiền, có sự ham thích trong cõi Vô Sắc bởi không thích hình tướng...
- Sắc Uẩn... Thức Uẩn: chỉ cho ngũ uẩn, tức là 5 khối nhóm trùm: dễ tan (Sắc Uẩn), dễ vỡ (Thọ Uẩn), không có thực (Tưởng Uẩn), rỗng không (Hành Uẩn), trò ảo thuật (Thức Uẩn).
- Đạo: là đường, sự thông thấu, ở đây chỉ cho phần Đạo Siêu thế, nếu nói trong trường hợp đắc đạo thì là Đạo Tuệ, tức các thứ tâm của các vị thánh Đạo như Đạo Thất Lai, Đạo Nhất Lai, Đạo Bất Lai và Đạo Vô Sanh.
- Quả: là thành tựu, đây chỉ cho Tâm Quả Siêu thế, nếu nói trong trường hợp đắc đạo thì là Quả Tuệ, tức các thứ tâm của các vị thánh Quả như Quả Thất Lai, Quả Nhất Lai, Quả Bất Lai và Quả Vô Sanh.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Hiệp thế*(Lokiyaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Hiệp Thế và Tất cả Pháp Siêu Thế.

1. Tất cả Pháp Hiệp Thế *(Lokiyā dhammā):* là những pháp còn liên quan đến trong đời, hợp trong đời, bị ràng rịt trong 31 cõi. Hay pháp có trạng thái nhốt để trong lao chỉ cho pháp còn khổ bởi còn ngũ uẩn. Có Pāḷi chú giải như vầy*"Loke niyuttāti = Lokiya":* thường hòa hợp trong đời nên gọi là Hiệp thế.Hiệp thế nếu nói theo:

– Bản chất là 81 thứ tâm Hiệp thế, 52 SHH và 28 thứ Sắc pháp, đặng 5 Uẩn, 12 Xứ, 18 Giới và 2 Đế (Khổ đế và Tập đế).

– Chế định là chỉ cho 12 hạng người: người khổ, người lạc, người nhị nhân, người tam nhân, 4 người đạo, 4 người quả và phân bố thành 31 cõi: Dục Giới 11 cõi (4 cõi khổ + 1 cõi nhân loại + lục dục thiên). Sắc Giới 16 cõi (Sơ Thiền 3 cõi, Nhị Tam Thiền 3 cõi, Tứ Thiền 3 cõi, Ngũ Thiền 7 cõi). Vô Sắc Giới có 4 cõi (Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu, Phi Tưởng Phi Phi Tưởng).

Như vậy Hiệp thế là những Tâm hiệp tác, liên quan, hệ thống trong Luân hồi.

2. Tất cả Pháp Siêu thế *(Lokuttarā dhammā):* là những pháp vượt ngoài Tam Giới, ra khỏi thế gian, tức là không bị ràng rịt nhốt để trong lao. Hay nói cách khác là siêu xuất Tam Giới Luân Hồi nên gọi là Siêu thế. Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *"Lokato uttarātīti = lokuttaraṃ":* đặng vượt khỏi đời nên gọi là Siêu thế.

- *"Loke uttarantīti = lokuttaro":* trong đời mà siêu xuất Tam Giới Luân Hồi nên gọi là Siêu thế. Tức là cũng là đời bản chất mà chẳng liên quan với luân hồi vì chẳng phải nhân cho quả tái tục và cũng chẳng phải quả để nương vào Tam Giới.

Vì vậy Siêu thế cũng gọi là đời nhưng thuộc đời bản chất (lokadhātu, đời bản chất tức là Tâm, SH và Sắc pháp) bởi khác hơn tâm Hiệp thế do chẳng hợp với Luân Hồi và không bị phiền não bắt làm cảnh.Như vậy,Siêu thế là những tâm có tính cách đặc biệt đưa khỏi phạm vi luân hồi.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Hiệp Thế là 81 tâm Hiệp thế và 52 Sở hữu hợp và 28 Sắc Pháp. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với 81 tâm Hiệp thế
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với 81 tâm Hiệp thế
4. Hành Uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 81 tâm Hiệp thế
5. Thức Uẩn là81 tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là81 tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là52 SH(hợp với 81 tâm Hiệp thế), Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là68 tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là52 SH hợp với 81 tâm Hiệp thế, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Hiệp Thếlà 81 tâm Hiệp thế và 52 Sở hữu hợp và 28 Sắc Pháp

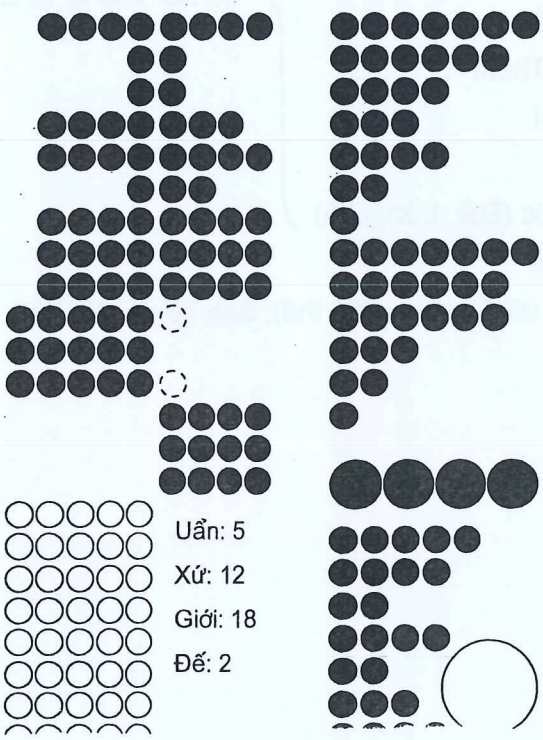

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Siêu Thế là tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành Uẩn là34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn là tâm Siêu thế

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làTâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36 SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế làNíp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Siêu Thếlà tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn

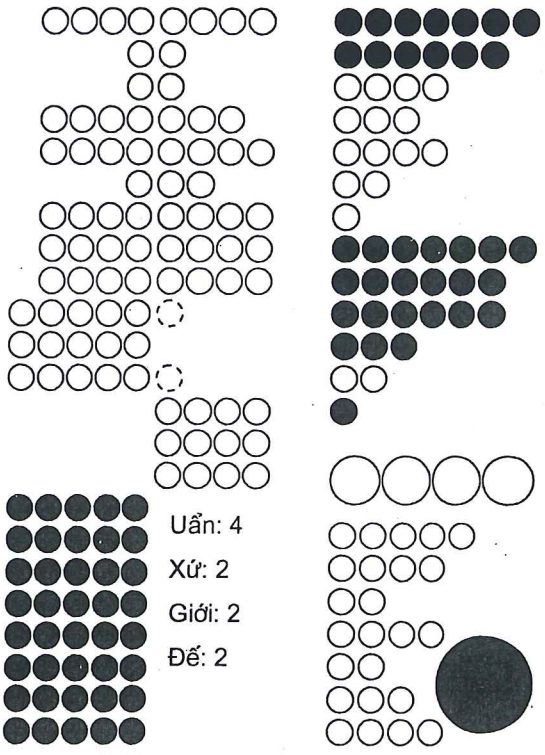

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Hiệp thế:*Lokiyā dhammā*- Tất cả Pháp Hiệp Thế.

"Pháp Thiện":là những trạng thái khi phát sanh mang tính chất tốt đẹp, khôn khéo, không có lỗi, không bệnh hoạn, để nghiệp tạo quả vui. Pháp Thiện còn là sự hoạt động của hữu vi pháp trên phương diện lập hạnh thuần túy theo lý vô thường, khổ não, vô ngã... hay đặng nghe Phật thuyết hoặc gặp Chánh Tạng, chú giải không sai mà cố gắng học hỏi cho đến tâm nhu nhuyến, để phát sanh tịnh hảo do luôn luôn tránh xa thái độ quá bất cập chấp có, chấp không và biết đời đều nhân quả.Pháp Thiện là hành vi biểu lộ mà cơ tánh rửa sạch những bẩn nhơ ác xấu (bất thiện) như là thực hành Bố Thí, Trì Giới, Tu Tiến, Cung Kỉnh, Phụng Sự, Hồi Hướng, Tùy Hỷ, Thính Pháp, Thuyết Pháp, Kiến Thị.

1. Bố Thí: là tâm đặng trong sạch, tốt đẹp, cũng do bố thí, tức là chia sớt những vật đáng chia sớt như của cải, sự hiểu biết...
2. Trì Giới: là thọ nguyện giữ giới như là Ngũ Giới, Bát Thanh Tịnh Giới, Thập Thiện ngăn Thập Ác và Sa Di, Tỳ Khưu Giới.
3. Tu Tiến: là tu tịnh (hay định) tức nương vào 40 đề mục và tu tuệ hành Tứ Niệm Xứ.
4. Cung Kỉnh: là lễ phép theo các tục nghi.
5. Phụng Sự: là phụng hành theo đúng lẽ phải.
6. Hồi Hướng: là nhớ phước, tưởng, nói, chia cho người quá vãng hoặc người hiện tiền.
7. Tùy Hỷ: là vui mừng theo sự cho phước, lợi lành của người khác.
8. Thính Pháp: là nghe những lời lẽ chân chánh, lợi ích... như Pháp Phật dạy hay các vị hiển trí chỉ giáo đặng tâm tốt phát sanh.
9. Thuyết pháp: nói những lời lẽ làm cho người nghe đặng sanh tâm tốt, tỏ ngộ, chứngquả...
10. Kiến Thị: là sự nhận thấy đúng với lẽ phải đối với 9 điều trên cho là nên làm thế nên mới thực hành tất cả điều thiện ấy.

Như vậy, Pháp Thiện là những hành vi có tác ý khéo tức là suy xét và hành động đều nương theo trí; thân cận hiền trí sẽ ảnh hưởng được tâm lý tốt có thể bắt chước những cách chân thật, lợi ích, chánh đáng...; ở chỗ đáng ở là những chỗ trợ tâm lành do thường nghe thấy sự vật làm dễ phát sanh tâm thiện; đời trước từng tạo phước do sẵn đà không bị thiếu thốn, chẳng bị nghèo khổ, hoặc thiếu hiểu biết nên cũng dễ phát sanh tâm thiện; và tự lập trường chánh là chí hướng tốt đẹp mong mỏi cách không hại người, nhất là quyết hành Bồ Tát Hạnh và tu những pháp không sai và nghề nghiệp chân chánh.

"Pháp Bất Thiện": là những trạng thái khi phát sanh mang tính chất không tốt đẹp, không khôn khéo, có lỗi, bệnh hoạn, để nghiệp tạo quả khổ. Pháp Bất thiện là cách hiện bày của hữu vi pháp trên 3 phương diện chánh là:

A. Thamlà sự dính mắc với cảnh, ưa thích, đắm nhiễm trên 2 phương diện:

⇨ Phương diện thứ 1: Tà Kiến

1. Thường kiến*(sassatadiṭṭhi)* chấp hữu tức là cho rằng linh hồn, vũ trụ, chủ tạo hóa và tâm hằng còn.
2. Đoạn kiến*(ucchedadiṭṭhi)* chấp vô cho rằng không nhân quả, tất cả đều không. Hoặc theo lối ham muốn ở 3 khía cạnh:

Vô hành kiến(Akiriyādiṭṭhi) chấp không rất đa trường hợp, nhiều lý lẽ, cũng có người cho rằng việc làm của ta chẳng hạn tốt xấu, tội-phước, không ai thấy, nghe, hay, biết thì cũng như không làm.

Vô nhân kiến(Ahetukadiṭṭhi) cũng có người hiểu cạn chỉ nhận theo cách thật-nghiệm, đều do côngnăng, sứctrí sắpđặt hiện tại là đủ, chớ không có nguyên nhân nghiệp trước chi cả, dù đời này hay đời khác.

Vô hữu kiến(Natthikadṭṭhi) cũng có người cho rằng nhân sanh vạn vật chỉ là 4 chất hiệp thành, chẳng khác vật vô tri, dù giúp nhau như nước tưới rau, dẫu hại nhau như cây đè cỏ, nào phải phước tội gì.

Trong pháp bất thiện *(akusaladhāmma)* thì tham tà kiến còn rất nhiều điều, trên đây là chỉ trình bày 1 phương diện hoặc 1 khía cạnh mà thôi, bởi tham tức là nguồn gốc ái, mà ái, thì có 9 điều theo lối Cửu Pháp Căn Ái:

- Là do nương ái mới sanh cách tìm kiếm.
- Là do nương cách tìm kiếm mới sanh cách đặng.
- Là do nương cách đặngmới sanh cách phán đoán.
- Là do nương cách phán đoán mới sanh cách Dục Ái.
- Là do nương cách Dục Ái mới sanh cách chấp trước.
- Là do nương cách chấp trước mới sanh cách bận bịu.
- Là do nương cách bận bịu mới sanh cách bỏn xẻn.
- Là do nương cách bỏn xẻn mới sanh cách gìn giữ.
- Là do nương cách gìn giữ mới sanh ra pháp tội ác, nhiều cách như cầm cây, cầm khí giới, cách cải vả,cự cải, cách dành xé, cách tranh luận, cách nói mầy tao, cách nói thóc mách và cách nói láo.

⇨ Phương diện thứ 2: Ngã Mạn

1. Ngã mạn*(mānacetasika)*: là ỷ mình đem so sánh, hay cống cao hoặc không tự trọng ỷ mình so sánh hơn người... gọi là Ngã Mạn. Tham Ngã Mạn là sự ham muốn về bản ngã của mình hơn người khác, bằng người khác... Tham Ngã Mạn cũng là phương diện của bất thiện pháp bởi làm nặng nề và sượng sùng của Tâm và SH do bị cột cứng vào:

- Ỷ hơn (*Seyyohamasmi*): hơn ỷ hơn, bằng ỷ hơn, thua ỷ hơn.
- Ỷ bằng (*Sadiyohamasmi*): hơn ỷ bằng, bằng ỷ bằng, thua ỷ bằng.
- Ỷ thua (*Hinohamasmi*): hơn ỷ thua, bằng ỷ thua, thua ỷ thua.

2. Tham ngã mạn: có trạng thái ham muốn, cống cao, phách lối, lừng lẫy. Có phận sự xúc tiến, so sánh, ỷ mình. Thành tựu muốn nâng cao ta hơn người. Nhân cận có Tâm Tham Bất Tương Ưng.

Trong bộ Phân Tích *(Vibhaṅga)*, phần Tiểu Tông, câu 895 – 899 Phật Ngài có dạy về Ngã Mạn nằm trong pháp Bất thiện như sau:

** Sự ngã mạn trong khi có ra sao?Sự ngã mạn như là ỷ mình, cách ỷ mình, thái độ ỷ mình, cách nâng mình, cách cống cao, sự mà tâm phải thành như cờ, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Thế gọi là ngã mạn (māno).*

** Sự khi người trong khi có ra sao?Như là có người trong đời nầy coi rẻ các người khác bằng một cách nào như là ỷ với sự sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc... sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình, cách cất mình lên như cờ, sự cống cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là sự khi người (atimāno).*

** Sự quá phách đó ra sao?Như là có người trong đời nầy ban đầu chấp mình bằng kẻ khác, về sau chấp mình hơn kẻ khác, không chịu hạ mình thấp hơn kẻ khác do một nhân nào như là con nhà danh gia vọng tộc... sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nâng mình, cách đỡ mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự quá phách (mānātimāno).*

** Sự tự khinh đó ra sao?Như là có kẻ trong đời nầy tự coi rẻ mình bằng một nhân nào như là coi rẻ với sanh ra, tự khinh do dòng giống, tự khinh bởi làm con nhà hèn, hoặc tự khinh do sắc đẹp, tự khinh do tài sản, tự khinh do trưởng thượng, tự khinh do chủ sự, tự khinh do nghề giỏi, tự khinh do tài năng, tự khinh do học vấn, hoặc tự khinh do cấp trí, sự tự khinh, cách tự khinh, thái độ tự khinh, tự chê bai, tự coi rẻ mình là thấp hèn, coi rẻ mình. Nếu có thái độ như thế mới gọi là sự tự khinh (omāno).*

** Tăng thượng mạn đó ra sao?Như là sự công nhận ta đã đắc chứng mà trong pháp ta chưa đắc chứng, công nhận rằng ta đã làm mà trong sự ta chưa làm, nhận định rằng đã đắc chứng trong pháp mà ta chưa đắc chứng, nhận định rằng đã làm đặng tỏ ngộ trong pháp ta chưa đặng tỏ ngộ, cũng gọi ngã mạn, sự ngã mạn, cách ngã mạn, tự nâng mình lên cao, tự cống cao, cách nâng mình lên như cờ, cách tự đưa mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là tăng thượng mạn (adhimāno).*

Như vậy Pháp Bất thiện nói về khía cạnh Tham thì chúng ta thấy sự sần sượng của tâm khi thiếu trí và pháp câu sanh tịnh hảo khác làm cho sự ham muốn, nhiễm đắm, ô uế sẽ phát sanh mà trạng thái tham đã nói lên điều này (tội lỗi, bệnh hoạn của tâm...)

B. Sân là trạng thái giận, buồn, rầu, hoặc khóc lóc... Sân tức chỉ cho Ưu Thọ, khi Sân phát sanh hiện bày thô thiển làm cho thân tâm thô tháo, làm cho nóng nảy, có hiện tượng đốt sắc ý vật, kết quả hại thân tâm và hư hại trí tuệ hay tuệ quán. Điều kiện phát sanh sân là có dụng cụ giết hại hoặc có những đồ sát hại. Sân được hiện bày qua nhiều pháp như Sân độc thân phược, Sân độc cái, Khuể phẫn triền, Phiền não sân... Ở Bộ Phân tích, Phần Xiển Minh 3 điều, Phật Ngài có giải thích thêm về Sân:

** Sân độc tầm đó ra sao?Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, sự nghĩ ngợi sai và suy xét theo lối thù sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm (byāpādavitakko).*

** Sân độc tưởng đó ra sao?Như là cách nhớ, sự nhớ, thái độ nhớ liên quan với sân độc. Như thế gọi là sân độc tưởng (byāpadasaññā).*

** Sân độc thân phược đó ra sao?Như là sự cừu oán phát sanh do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại... sự hung dữ, sự ác độc, sự không hoan hỷ của tâm. Như thế gọi là sân độc thân phược (byāpādakāyagantha).*

Sân cũng là pháp bất thiện bởi khi hiện bày đưa đến sự không khôn khéo, nhân cho quả dữ... do từ:

- Tánh nết quen sân.
- Không suy xét cao siêu.
- Thiếu sự học hiểu.
- Thường gặp cảnh không tốt.

Tâm Sân khởi từ cảnh xấu cho nên Sân thường bắt cảnh nghịch là vậy. Nói 1 cách khác khi sanh ra Sân như mắng, chửi, đánh, đập... hoặc tự tâm phát giận, hờn, nóng nảy... thì đều do từ Sân mà có.

➢ Lưu ý: Tham và Sân đều là Bất thiện nhưngkhi mạnh có thể gọi là Ác hay Độc. Ác ở đây có 3 hay 10. Tam Ác:Thân Ác, Khẩu Ác và Ý Ác.

- Thân ác có 3:Sát Sanh, Trộm Cắp, Tà Dâm.
- Khẩu ác có 4:Vọng Ngôn, Ly Gián Ngữ, Độc Ác Ngữ, Ỷ Ngữ.
- Ý ác có 3:Tham Ác, Sân Ác, Tà Kiến Ác.

* Tham có thể làm 7 điều: Trộm Cắp, Tà Dâm, Vọng Ngôn, Ly Gián Ngữ, Ỷ Ngữ, Tham Ác và Tà Kiến Ác.

* Sân cũng phạm 7 điều: Sát Sanh, Trộm Cắp, Vọng Ngôn, Ly Gián Ngữ, Ỷ Ngữ, Tham Ác và Sân Độc.

C. Si cũng là trạng thái trong pháp bất thiện bởi Si là tối tăm, mờ ám, không hiểu biết những điều đáng biết, tiến hóa chân chánh, cao siêu giải thoát. Si có hành động trái ngược với Trí, Si làm cho pháp sanh chung cùng tạo Ác, Xấu, cách không nên tạo. Si làm cho pháp câu sanh không thể làm những sự tốt đáng làm. Si là 1 trạng thái chuyên môn biết chế định nam nữ... Si còn là trạng thái không cho biết Siêu Lý như là Uẩn, Xứ... Si làm cho bị che khuất, không biết pháp đáng biết là Tứ Đế bởi tự nó và pháp câu sanh tối tăm, mê mờ do bị ngâm lâu trong ngũ dục lạc... Si là 1 thành phần của Pháp Bất thiện bởi thực tính không thấu đáo, tối tăm, không thể tiến hành theo pháp chân chánh, sáng suốt do:

- Thói quen ngủ nghỉ theo Danh Sắc và bị mê mờ trong cảnh ấy.
- Chi phối bởi luân hồi trong Tam Giới làm cho chúng sanh phối hợp dính trong khổ Luân hồi.
- Nhốt để trong lao bởi nhốt kín bằng cách tối tăm rồi lờ đờ mê mẩn trong cảnh, bị cài chặt không lối thoát.
- Trạng thái trầm mê, mê mờ chịu nạn chìm đắm trong 3 lối luân hồi.

Si nói theo pháp bất thiện là Vô Minh Lậu, Vô Minh Phối, Vô Minh Bộc, Vô Minh Cái, Vô Minh Tiềm Thùy, Vô minh triền, Phiền Não Si...

"và pháp vô ký": PhápVô Ký (Phi Ký) là những trạng thái như là hiện bày cách thành tựu (Tâm Quả), làm chỉ là làm (Tâm Tố), là do từ nghiệp tạo mà hiện bày thân sắc (Sắc pháp) và trạng thái không có duyên trợ tạo (Níp Bàn). Các pháp này gọi là Vô Ký.

*"còn thành phần pháp lậu":*là 4 pháp làm chìm ngâm chúng sanh theo lối ham muốn (Dục Lậu), ham muốn cõi Sắc và Vô Sắc hoặc người Dục Giới Vui đắc thiền (Hữu Lậu), hiểu sai chấp lầm (Tà Kiến Lậu) và mê mờ tối tăm (Vô Minh Lậu).

*"nương theo Dục giới":*là cảnh giới thuộc về hạn định trong Lục Dục, tức còn đắm đuối theo Sắc Dục, Thinh Dục, Khí Dục, Vị Dục, Xúc Dục và Pháp Dục, đồng thời còn đắm chìm trong cách hưởng cảnh ngũ dục lạc, hoặc chúng sanh sống trong Dục Giới không hưởng cảnh quá 17 cái sát na tâm cho nên Dục Giới còn được gọi là cõi Hy Thiểu do hưởng cảnh ít oi, nhỏ nhen...

*"Sắc giới":*là cảnh giới mà sự thọ hưởng ở phần pháp hỷ nhiều hơn cõi Dục, tuy nhiên vẫn còn dính 1 phần trong Sắc và liên quan đối với Sắc Uẩn. Sắc Giới tức là cõi sắc, cõi vẫn còn Sắc pháp (Sắc Tế) nơi tái tục cho người chứng các bậc thiền Sắc Giới. Hay nói cách khác, Sắc Giới là cõi mà những chúng sanh sử dụng các thứ tâm lưu động nương sanh cõi ấy nên gọi là Sắc Giới hoặc thường hành động trong 15 cõi Sắc Giới hữu tâm gọi là Tâm Sắc Giới.

*"và Vô Sắc Giới":*là cảnh giới mà không có Sắc, tức không có Sắc Uẩn, hay người nương và thường hành động trong 4 cõi Không Vô Biên, Thức Vô Biên, Vô Sở Hữu và Phi Tưởng Phi Phi Tưởng thì gọi là Vô Sắc Giới hay Cõi Vô Sắc Giới.

"tức là sắc uẩn... thức uẩn": đây chỉ cho Ngũ uẩn Thủ...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp hiệp thế.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Hiệp thế:*Lokuttarā dhammā* - Tất cả Pháp Siêu Thế.

Tất cả Pháp Siêu thế là những trạng thái thuộc đời bản chất nhưng vượt ngoài thế gian, không còn dính trong đời, không còn khổ luân hồi, đã ra ngoài Tam Giới, vượt thoát thế gian.

Hay nói cách khác, trong đời mà siêu xuất Tam Giới Luân Hồi nên gọi là Siêu thế, vì chẳng phải nhân cho quả tái tục và cũng chẳng phải quả để nương vào Tam Giới, đây cũng là đời bản chất nhưng khác hơn tâm Hiệp thế vì chẳng hợp với Luân Hồi và không bị phiền não bắt làm cảnh.

Siêu thế hay tâm Siêu thế là chỉ cho 4 Đạo, 4 Quả và Níp Bàn.

*"Đạo, quả siêu thế":*Tâm Đạo vì mượn Đạo đế mà kêu, nghĩa là Tâm có Đạo đế hợp hay tương ưng. *"Maggona sampayuttaṃ cittaṃ = Maggacittaṃ".*Đạo đế tức là Bát Chi Đạo hợp Tâm Đạo.Bốn Đạo là:

1. Thất Lai Đạo*(Sotāpattimagga):*cũng gọi là Sơ Đạo, tức đắc lần thứ nhất. Đây chỉ cho bậc thánh Đạo có Đạo đế đang sát trừ Phiền Não Tà Kiến và Hoài Nghi, dứt tuyệt luôn cả các mãnh lực tạo ác, cùng pháp hợp chung cho đến sức mạnh tạo nghiệp dị thời sa đọa, chỉ còn lại 7 đời Dục Giới Vui mà thôi.
2. Nhất Lai Đạo*(Sakadāgāmimagga):* cũng gọi là Nhị Đạo, tức đắc lần thứ 2. Bậc đang đắc Đạo này là diệt các chủng tử tái tục, nếu trở lại cõi Dục Giới, cùng lắm là 1 kiếp Chư Thiên với 1 kiếp Nhân Loại chứ không quá nữa. Đạo đế hiệp với Tâm này chỉ làm cho pháp bất thiện Sơ Đạo sát trừ còn lại càng yếu. Như vậy, Tâm mà tương ưng với Đạo đế Nhất Lai nên gọi là Tâm Đạo Nhất Lai.
3. Bất Lai Đạo*(Anāgāmimagga):*cũng gọi là Tam Đạo, tức đắc lần thứ 3. Bậc đắc đạo này không còn trở lại cõi Dục Giời Vui, dù người Dục Giới Vui đắc đạo mà không đắc thiền Hiệp thế cũng đặng sanh về cõi Sơ Thiền. Hay nói cách khác, Đạo đế hợp với Tâm này để sát trừ Sân và Phiền Não Dục cùng những pháp hợp chung.
4. Vô Sanh Đạo*(Arahattamagga):* cũng gọi là Tứ Đạo, tức đắc lần thứ 4. Bậc đắc đạo này không còn tái tục nữa, tức là Bất Sanh, Ứng Cúng và Sát Tặc.
   - Bất Sanh cũng như Vô Sanh
   - Ứng Cúng là ám chỉ hết phiền não hoàn toàn, đáng làm ruộng phước cho kẻ cúng dường.
   - Sát Tặc tức là sát trừ tuyệt hết giặc phiền não...

Như vậy, Tâm mà hợp với Đạo đế vô sanh nên gọi là tâm Đạo vô sanh, tức tâm Tứ Đạo.

Bốn Quả: 4 Bậc Quả danh nghĩa như 4 bậc đạo chỉ khác là do tâm đạo làm nhân tạo và phân nhiều bậc theo người.

1. Thất Lai Quả *(Sotāpattiphalacittam):* là sự thành tựu từ Thất Lai Đạo, được phân chia theo Tam Chủng Thất Lai - Nhất Sanh, Lục Sanh, Thất Sanh:
   * Nhất sanh thất lai*(Ekabījī):*Bậc Sơ Quả trở lại cõi Dục Giới Vui không quá 1 lần.
   * Lục sanh thất lai*(Kolankola):* Bậc Sơ Quả trở lại cõi Dục Giới Vui từ 2 đến 6 lần.
   * Thất sanh thất lai*(Sattakattuparama):* Bậc Sơ Quả trở lại cõi Dục Giới Vui 7 lần.
2. Nhất Lai Quả*(Sakadāgāmiphalacittam):*là sự thành tựu từ Nhất Lai Đạo,được phân chia theo Ngũ Chủng Nhất Lai:
   * *Idha patvā idhā parinibbāyī:* đắc tại Nhân loại nhập Níp Bàn tại Nhân loại.
   * *Tattha patvā tattha parinibbāyī:* đắc tại Chư thiên nhập Níp Bàn tại Chư thiên.
   * *Idha patvā tattha parinibbāyī:* đắc tại Nhân loại nhập Níp Bàn tại Chư thiên.
   * *Tattha patvā idhā parinibbāyī:*đắc tại Chư thiên nhập Níp Bàn tại Nhân loại.
   * *Idha patvā tattha nibbattiyā parinibbāyī:*đắc tại Nhân loại sanh về Chư thiên, trở lại nhập Níp Bàn tại Nhân loại.
3. Bất Lai Quả*(Anāgāmiphalacittaṃ):*là sự thành tựu từ Bất Lai Đạo,được phân chia theo Ngũ Chủng Bất Lai:
   * Trung Bang Bất Lai *(Antara parinibbāyī)*: tức nửa đời đắc sớm, là bực chừng quả thứ 3 (A Na Hàm) nơi Nhân Loại, nếu chưa chứng A La Hán nơi cõi Người thì sẽ chứng A La Hán nơi cõi Ngũ Tịnh Cư từ nửa đời trở về trước trong cõi này.
   * Sanh Bang Bất Lai*(Upahacca parinibbāyī)*: là đắc nửa đời trở về sau, tức là đắc già.
   * Vô Hành Bang Bất Lai*(Asaṅkhāra parinibbāyī)*: là khỏi cần cảnh rõ rệt cũng tiến hóa đến Đạo, Quả thứ tư (khỏi ráng cố gắng).
   * Hữu Hành Bang Bất Lai*(Sasaṅkhāra parinibbāyī):* là phải cần cảnh rõ rệt mới có thể tiến hóa đến cõi tột, cõi nhập Níp Bàn (phải ráng cố gắng).
   * Thượng Lưu Bang Bất Lai*(Uddaṃsotākanitthāgāmi)*: là bực sanh về cõi thánh mà còn phải luân chuyển sanh lên cõi Sắc Cứu Cánh *(Akānitthā)* mới đắc quả thứ tư rồi nhập Níp Bàn.
4. Vô Sanh Quả*(Arahattaphalacittam):*là sự thành tựu từ Vô Sanh Đạo,được phân chia theo 2 Bậc, 4 Bậc và 5 Bậc,cũng Tứ Quả mà gọi Phật có 3 Bực.
   * Nhị Chủng La Hán:
     - Quán lạc La Hán*(Sukhavipassaka)* tức là chỉ Tu Tứ Niệm Xứ tỏ ngộ luôn đến Đắc Tứ Quả mà không có Thiền, Thông...
     - Lục thông La Hán *(Chaḷābhiññā)* tức là La Hán có Thiền, Thông...
   * Tứ Chủng La Hán:
     - La Hán nhất minh*(Sukkhavipassako)* chỉ có Tuệ Quán là sự tỏ ngộ.

- La Hán tam minh*(Tevijjo)* là La Hán đắc Thiên Nhãn Minh, Túc Mạng Minh và Lậu Tận Minh.
- La Hán lục thông*(Chaḷābhiññō)* là La Hán có đủ 6 Thông (thiên Nhãn thông, thiên Nhĩ thông, Tha tâm thông, Túc mạng thông, Thần túc thông, Lậutận thông).
- La Hán tứ trí*(Paṭisambhidappatto)* là bực La Hán đắc 4 Trí thông suốt.

* Ngũ Chủng La Hán:

- La Hán Giải thoát trí siêu*(Paññāvimutta Arahatta)* tức là La Hán đắc Đạo, Quả Thiền Khô hay Không Thiền.
- La Hán Giải thoát lưỡng biên*(Ubhatobhāgavimutta Arahatta)* là bực đắc Đạo, Quả trải qua tỏ ngộ Danh Sắc rộng tức là thấy sự sanh diệt của Danh Uẩn, Sắc Uẩn rất dồi dào cũng là khi hành Trí Tuệ sanh nhiều hơn bực trước.
- La Hán Tam *minh (Tevijjā Arahatta)* là bực Đắc Tứ Quả đặng Túc Mạng Minh, Thiên Nhãn Minh và Lậu Tận Minh.
- La Hán Lục thông*(Chaḷābhiññā Arahatta)* là Bực Tứ Quả Đắc Lục Thông là Thiên Nhãn Thông, Thiên Nhĩ Thông, Tha Tâm Thông, Túc Mạng Thông, Thần Túc Thông và Lậu Tận Thông.
- La Hán Tứ trí đạt thông*(Paṭisambhidāppatta Arahatta)* là bực La Hán đắc 4 món thông suốt:

  + Nghĩa lý thông suốt *(Aṭṭppatisambhidhā)*
  + Thông suốt Pháp *(Dhammappatisambhidā)*
  + Hiểu thấu các thứ tiếng *(Niruttippatisambhidhā)*
  + Thông suốt tất cả sự vật trong đời *(Patibhappatisambhidā)*

  La Hán Tứ Trí hay là La Hán Tứ Huệ Phân Tích:

  + Trí Tuệ biết hết nghĩa lý *(Aṭṭppatisambhidhā)*
  + Trí Tuệ biết tất cả các Pháp *(Dhammappatisambhidā)*
  + Trí Tuệ biết các thứ tiếng *(Niruttippatisambhidhā)*
  + Trí tuệ biết tất cả sự vật *(Patibhappatisambhidā)*

  Gọi Phật Đắc Chứng có 3 bậc:

  + Phật Toàn Giác*(Sabbhaññbuddha)*
  + Phật Độc Giác*(Paccekabuddha)*
  + Thinh Văn Giác*(Anubuddha* hay *Sāvakabhddha)*

A La Hán chỉ ngay Tứ Quả, dù Toàn Giác, Độc Giác, Chí Thượng Thanh Văn, Đại Thinh Văn hay Thanh Văn thường đều gọi là A La Hán.

"và vô vi giới": đã giải ở câu 2, Nhị đề 12 – Nhị Đề Sắc.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp siêu thế (lokuttara dhammā).

NHỊ ĐỀ THỨ 13: NHỊ ĐỀ CŨNG CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG

(KENACIVIÑÑEYYA DUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Kenaci viññeyyā dhammā - Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặng.*
- *Câu 2: Kenaci na viññeyyā dhammā - Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặng.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 707 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặngvà Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặng*(Kenaci viññeyyā dhammā, kenaci na viññeyyā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Cũng Có Tâm Biết Đặng, như sau:

** Chư pháp cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết. Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết.

Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết. Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết.

Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết. Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết.

Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức

biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết. Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết.

Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết. Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng (kenaci viññeyyā dhammā can a kenaci na viññeyyādhammā).

II. THÍCH TỪ

- **Tâm**:có trạng thái là biết, biết đây là biết cảnh.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cũng Có Tâm Biết Đặng *(Kenaciviññeyya duka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặngvà Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặng.

1. Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặng*(Kenaci viññeyyā dhammā)*: là khi tâm sanh mà có để ý đến cảnh ấy và đồng thời cùng các pháp hiệp trợ khi chánh thức biết pháp thực tính đó, mà tâm ấy cố bắt làm cảnh và thuộc về chức năng của tâm đó.
2. Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặng *(Kenaci na viññeyyā dhammā):* nghĩa là một thứ tâm nào đó khi sanh, mà không theo chức năng của cảnh ấy, của pháp kia, như là: Nhĩ thức không biết được cảnh Sắc hay Nhãn thức không biết được Cảnh Thinh.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặnglấy hết Pháp Siêu Lý. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là 52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 4 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

3. Diệt đế làNíp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

   Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặnglấy hết Pháp Siêu Lý

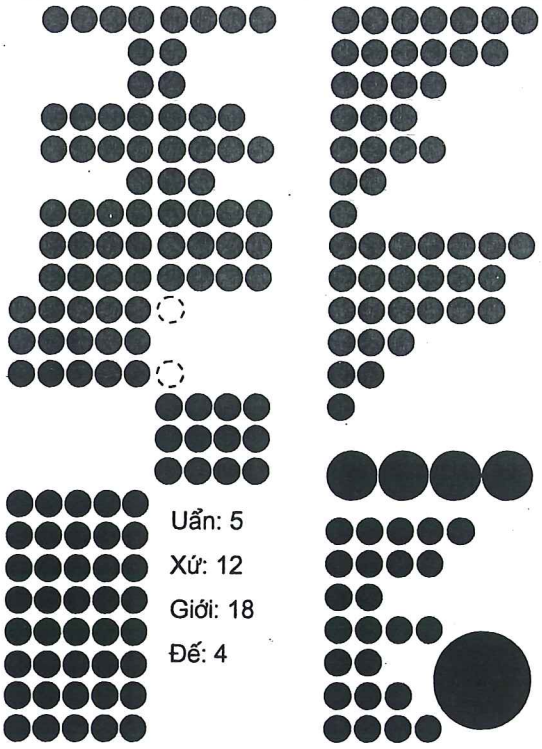

▶ Câu 2:Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặnglấy hết Pháp Siêu Lý. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn làbản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

   Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là52 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 4 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

3. Diệt đế làNíp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặnglấy hết Pháp Siêu Lý

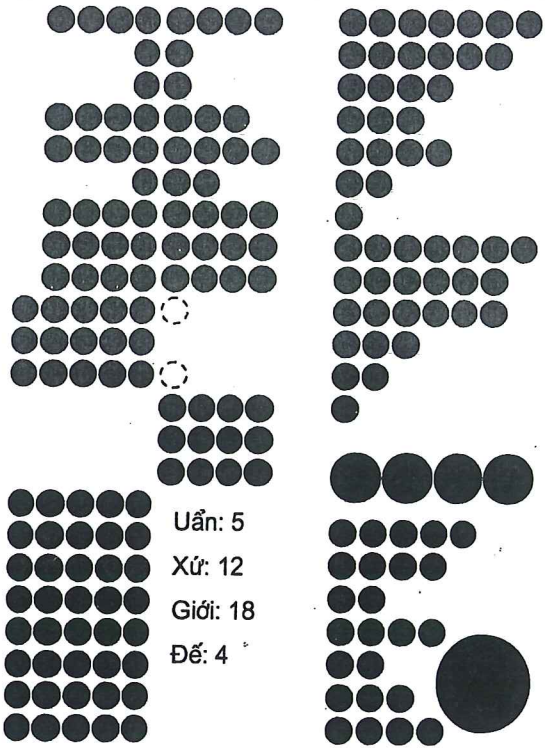

V. PHÂN GIẢI

- Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cũng Có Tâm Biết Đặng:*Kenaci viññeyyā dhammā*- Tất cả Pháp cũng có Tâm biết đặng.
- Câu thứ hai trong Nhị Đề Cũng Có Tâm Biết Đặng: *Kenaci na viññeyyā dhammā* - Tất cả Pháp cũng có Tâm không biết đặng.

Hai câu này có cùng chi pháp và theo Chánh Tạng ta tìm hiểu như vầy:

"Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết,hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết": những pháp nào mà Nhĩ thức không biết là sắc cảnh Sắc,... bởi Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc, còn Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh cho nên Nhãn thức không biết Cảnh Thinh,... là vậy.

Thực tính của Nhãn thức chỉ thâu bắt các màu bằng mắt nên Cảnh Thinh không phù hợp và thích ứng với mắt được (tức sắc cụ thể là con mắt, sắc bản thể là Nhãn Thanh Triệt). Nghĩa là đối tượng của Nhãn thức là Sắc Cảnh Sắc, đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, vì vậy những pháp nào mà Nhãn Thức biết thì những pháp ấy Nhĩ Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết": những pháp nào mà Tỷ

thức không biết là sắc cảnh Sắc,... bởi Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc, còn Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí cho nên Nhãn thức không biết cảnh Khí,... là vậy.

Thực tính của Nhãn thức chỉ thâu bắt các màu bằng mắt nên cảnh Khí không phù hợp và thích ứng với mắt được (tức sắc cụ thể là con mắt, sắc bản thể là Nhãn Thanh Triệt). Nghĩa là, đối tượng của Nhãn thức là Sắc Cảnh Sắc, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, vì vậy những pháp nào mà Nhãn Thức biết thì những pháp ấy Tỷ Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết":những pháp nào mà Thiệt thức không biết là sắc cảnh Sắc,... bởi Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc, còn Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị cho nên Nhãn thức không biết Cảnh Vị,... là vậy.

Thực tính của Nhãn thức chỉ thâu bắt các màu bằng mắt nên Cảnh Vị không phù hợp và thích ứng với mắt được (tức sắc cụ thể là con mắt, sắc bản thể là Nhãn Thanh Triệt). Nghĩa là, đối tượng của Nhãn thức là Sắc Cảnh Sắc, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, vì vậy những pháp nào mà Nhãn Thức biết thì những pháp ấy Thiệt Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết":những pháp nào mà Thân thức không biết là sắc cảnh Sắc,... bởi Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc, còn Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc cho nên Nhãn thức không biết Cảnh Xúc,... là vậy.

Thực tính của Nhãn thức chỉ thâu bắt các màu bằng mắt nên Cảnh Xúc không phù hợp và thích ứng với mắt được (tức sắc cụ thể là con mắt, sắc bản thể là Nhãn Thanh Triệt). Nghĩa là, đối tượng của Nhãn thức là Sắc Cảnh Sắc, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, vì vậy những pháp nào mà Nhãn Thức biết thì những pháp ấy Thân Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết":những pháp nào mà Tỷ thức không biết là sắc cảnh Thinh,... bởi Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh, còn Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí cho nên Nhĩ thức không biết cảnh Khí,... là vậy.

Thực tính của Nhĩ thức chỉ thâu bắt các tiếng bằng tai nên cảnh Khí không phù hợp và thích ứng với tai được (tức sắc cụ thể là lỗ tai, sắc bản thể là Nhĩ thanh triệt). Nghĩa là đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, vì vậy những pháp nào mà Nhĩ Thức biết thì những pháp ấy Tỷ Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết":những pháp nào mà Thiệt thức không biết là sắc cảnh Thinh,... bởi Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh, còn Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị cho nên Nhĩ thức không biết Cảnh Vị,... là vậy.

Thực tính của Nhĩ thức chỉ thâu bắt các tiếng bằng tai nên Cảnh Vị không phù hợp và thích ứng với tai được (tức sắc cụ thể là lỗ tai, sắc bản thể là Nhĩ thanh triệt).Nghĩa là đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, vì vậy những pháp nào mà Nhĩ Thức biết thì những pháp ấy Thiệt Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết":những pháp nào mà Thân thức không biết là sắc cảnh Thinh,... bởi Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh, còn Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc cho nên Nhĩ thức không biết Cảnh Xúc,... là vậy.

Thực tính của Nhĩ thức chỉ thâu bắt các tiếng bằng tai nên Cảnh Xúc không phù hợp và thích ứng với tai được (tức sắc cụ thể là lỗ tai, sắc bản thể là Nhĩ thanh triệt).Nghĩa là đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, vì vậy những pháp nào mà Nhĩ Thức biết thì những pháp ấy Thân Thức không biết.

"Những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết":những pháp nào mà Nhãn thức không biết là sắc cảnh Thinh,... bởi Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh, còn Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc cho nên Nhĩ thức không biết cảnh Sắc,... là vậy.

Thực tính của Nhĩ thức chỉ thâu bắt các tiếng bằng tai nên cảnh Sắc không phù hợp và thích ứng với tai được (tức sắc cụ thể là lỗ tai, sắc bản thể là Nhĩ thanh triệt).Nghĩa là đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, đối tượng của Nhãn thức là sắc cảnh Sắc vì vậy những pháp nào mà Nhĩ Thức biết thì những pháp ấy Nhãn Thức không biết.

"Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết": những pháp nào mà Thiệt thức không biết là Sắc cảnh Khí,... bởi Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí, còn Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị cho nên Tỷ thức không biết Cảnh Vị,... là vậy.

Thực tính của Tỷ thức chỉ thâu bắt các mùi bằng mũi nên Cảnh Vị không phù hợp và thích ứng với mũi được (tức sắc cụ thể là lỗ mũi, sắc bản thể là Tỷ thanh triệt).Nghĩa là, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, vì vậy những pháp nào mà Tỷ Thức biết thì những pháp ấy Thiệt Thức không biết.

"Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết":những pháp nào mà Thân thức không biết là Sắc cảnh Khí,... bởi Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí, còn Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc cho nên Tỷ thức không biết Cảnh Xúc,... là vậy.

Thực tính của Tỷ thức chỉ thâu bắt các mùi bằng mũi nên Cảnh Xúc không phù hợp và thích ứng với mũi được (tức sắc cụ thể là lỗ mũi, sắc bản thể là Tỷ thanh triệt).Nghĩa là, đối

tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, vì vậy những pháp nào mà Tỷ Thức biết thì những pháp ấy Thân Thức không biết.

"Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết":những pháp nào mà Nhãn thức không biết là Sắc cảnh Khí,... bởi Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí, còn Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc cho nên Tỷ thức không biết cảnh Sắc,... là vậy.

Thực tính của Tỷ thức chỉ thâu bắt các mùi bằng mũi nên cảnh Sắc không phù hợp và thích ứng với mũi được (tức sắc cụ thể là lỗ mũi, sắc bản thể là Tỷ thanh triệt).Nghĩa là, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, đối tượng của Nhãn thức là sắc cảnh Sắc vì vậy những pháp nào mà Tỷ Thức biết thì những pháp ấy Nhãn Thức không biết.

"Những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết":những pháp nào mà Nhĩ thức không biết là sắc cảnh Thinh,... bởi Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí, còn Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh cho nên Tỷ thức không biết Cảnh Thinh,... là vậy.

Thực tính của Tỷ thức chỉ thâu bắt các mùi bằng mũi nên Cảnh Thinh không phù hợp và thích ứng với mũi được (tức sắc cụ thể là lỗ mũi, sắc bản thể là Tỷ thanh triệt).Nghĩa là đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, vì vậy những pháp nào mà Tỷ Thức biết thì những pháp ấy Nhĩ Thức không biết.

"Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết, hay là những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết": những pháp nào mà Thân thức không biết là Sắc Cảnh Vị,... bởi Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị, còn Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc cho nên Thiệt thức không biết Cảnh Xúc,... là vậy.

Thực tính của Thiệt thức chỉ thâu bắt các vị mặn ngọt... bằng lưỡi nên cảnh Xúc không phù hợp và thích ứng với lưỡi được (tức sắc cụ thể là lưỡi, sắc bản thể là Thiệt thanh triệt).Nghĩa là đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, vì vậy những pháp nào mà Thiệt Thức biết thì những pháp ấy Thân Thức không biết.

"Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết":những pháp nào mà Nhãn thức không biết là Sắc Cảnh Vị,... bởi Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị, còn Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc cho nên Thiệt thức không biết cảnh Sắc,... là vậy.

Thực tính của Thiệt thức chỉ thâu bắt các vị mặn ngọt... bằng lưỡi nên cảnh Sắc không phù hợp và thích ứng với lưỡi được (tức sắc cụ thể là lưỡi, sắc bản thể là Thiệt thanh triệt).Nghĩa là, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, đối tượng của Nhãn thức là sắc cảnh Sắc vì vậy những pháp nào mà Thiệt Thức biết thì những pháp ấy Nhãn Thức không biết.

"Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết":những pháp nào mà Nhĩ thức không biết là Sắc Cảnh Vị,... bởi Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị, còn Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh cho nên Thiệt thức không biết Cảnh Thinh,... là vậy.

Thực tính của Thiệt thức chỉ thâu bắt các vị mặn ngọt... bằng lưỡi nên Cảnh Thinh không phù hợp và thích ứng với lưỡi được (tức sắc cụ thể là lưỡi, sắc bản thể là Thiệt thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, vì vậy những pháp nào mà Thiệt Thức biết thì những pháp ấy Nhĩ Thức không biết.

"Những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết":những pháp nào mà Tỷ thức không biết là Sắc Cảnh Vị,... bởi Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị, còn Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí cho nên Thiệt thức không biết cảnh Khí,... là vậy.

Thực tính của Thiệt thức chỉ thâu bắt các vị mặn ngọt... bằng lưỡi nên cảnh Khí không phù hợp và thích ứng với lưỡi được (tức sắc cụ thể là lưỡi, sắc bản thể là Thiệt thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, vì vậy những pháp nào mà Thiệt Thức biết thì những pháp ấy Tỷ Thức không biết.

"Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhãn thức không biết, hay là những pháp nào mà nhãn thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết": những pháp nào mà Nhãn thức không biết là sắc cảnh Xúc,... bởi Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc, còn Nhãn thức lấy đối tượng là cảnh Sắc cho nên Thân thức không biết cảnh Sắc,... là vậy.

Thực tính của Thân thức chỉ thâu bắt các xúc chạm bằng thân nên cảnh Sắc không phù hợp và thích ứng với thân được (tức sắc cụ thể là thân người, sắc bản thể là Thân thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, đối tượng của Nhãn thức là sắc cảnh Sắc vì vậy những pháp nào mà Thân thức biết thì những pháp ấy Nhãn thức không biết.

"Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy nhĩ thức không biết, hay là những pháp nào mà nhĩ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết":những pháp nào mà Nhĩ thức không biết là sắc cảnh Xúc,... bởi Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc, còn Nhĩ thức lấy đối tượng là Cảnh Thinh cho nên Thân thức không biết Cảnh Thinh,... là vậy.

Thực tính của Thân thức chỉ thâu bắt các xúc chạm bằng thân nên Cảnh Thinh không phù hợp và thích ứng với thân được (tức sắc cụ thể là thân người, sắc bản thể là Thân thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, đối tượng của Nhĩ thức là sắc cảnh Thinh, vì vậy những pháp nào mà Thân Thức biết thì những pháp ấy Nhĩ Thức không biết.

"Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy tỷ thức không biết, hay là những pháp nào mà tỷ thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết":những pháp nào mà Tỷ

thức không biết là sắc cảnh Xúc,... bởi Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc, còn Tỷ thức lấy đối tượng là cảnh Khí cho nên Thân thức không biết cảnh Khí,... là vậy.

Thực tính của Thân thức chỉ thâu bắt các xúc chạm bằng thân nên cảnh Khí không phù hợp và thích ứng với thân được (tức sắc cụ thể là thân người, sắc bản thể là Thân thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, đối tượng của Tỷ thức là Sắc cảnh Khí, vì vậy những pháp nào mà Thân Thức biết thì những pháp ấy Tỷ Thức không biết.

"Những pháp nào mà thân thức biết thì những pháp ấy thiệt thức không biết, hay là những pháp nào mà thiệt thức biết thì những pháp ấy thân thức không biết": những pháp nào mà Thiệt thức không biết là sắc cảnh Xúc,... bởi Thân thức lấy đối tượng là Cảnh Xúc, còn Thiệt thức lấy đối tượng là Cảnh Vị cho nên Thân thức không biết Cảnh Vị,... là vậy.

Thực tính của Thân thức chỉ thâu bắt các xúc chạm bằng thân nên Cảnh Vị không phù hợp và thích ứng với thân được (tức sắc cụ thể là thân người, sắc bản thể là Thân thanh triệt). Nghĩa là, đối tượng của Thân thức là sắc cảnh Xúc, đối tượng của Thiệt thức là Sắc Cảnh Vị, vì vậy những pháp nào mà Thân Thức biết thì những pháp ấy Thiệt Thức không biết.

Ngoài ra, thiếu sự chú ý thì tâm cũng không biết đặng, hay tâm ấy cũng không sanh lên, bởi vì trong nhân sanh tâm phải hội đủ những nguyên do mới sanh ra đặng, như là:

- Tứ nhân sanh*(Upattihetu)*nhãn thức (trạng thái nương nhãn thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh sắc đó gọi là nhãn thức, hay là tâm thức nương nhãn thanh triệt sanh ra nên gọi là nhãn thức):
  - Sắc Nhãn Thanh Triệt*(cakkhupasādarūpa)*
  - Cảnh Sắc*(rūpārammaṇa)*
  - Ánh sáng *(āloka)*
  - Có sự để ý *(manasikāra)* với cảnh ấy (tức màu ấy)
- Tứ nhân sanh*(Upattihetu)*nhĩ thức (trạng thái nương nhĩ thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh thinh đó gọi là nhĩ thức, hay là tâm thức nương nhĩ thanh triệt sanh ra nên gọi là nhĩ thức):
  - Sắc Nhĩ thanh triệt*(sotapasādarūpa)*
  - Cảnh Sắc*(saddārammaṇa)*
  - Trống trải *(ākāsa)*
  - Có sự để ý *(manasikāra)* với tiếng ấy
- Tứ nhân sanh*(Upattihetu)*tỷ thức (trạng thái nương tỷ thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh khí đó gọi là tỷ thức, hay là tâm thức nương tỷ thanh triệt sanh ra nên gọi là tỷ thức):
  - Sắc Tỷ thanh triệt*(ghānapasādarūpa)*
  - Cảnh Khí *(gandhārammaṇa)*
  - Gió phất *(vāyō)*đưa hơi vào tỷ thanh triệt.

- Có sự để ý *(manasikāra)* với hơi ấy

- Tứ nhân sanh*(Upattihetu)*thiệt thức (trạng thái nương thiệt thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh vị đó gọi là thiệt thức, hay là tâm thức nương thiệt thanh triệt sanh ra nên gọi là thiệt thức):
  - Sắc Thiệt thanh triệt*(jīvhāpasādarūpa)*
  - Cảnh Vị *(rasārammaṇa)*
  - Nước tươm *(āpo)*
  - Có sự để ý *(manasikāra)*
- Tứ nhân sanh*(Upattihetu)*thân thức (trạng thái nương thân thanh triệt sanh ra chỉ biết cảnh xúc đó gọi là thân thức, hay là tâm thức nương thân thanh triệt sanh ra nên gọi là thân thức):
  - Sắc Thân thanh triệt*(kāyapasādarūpa)*
  - Cảnh Xúc *(phoṭṭhabhārammaṇa)*
  - Chất cứng (chất ngại) *(thaddha)*
  - Có sự để ý *(manasikāra)*
- Tam nhân sanh tâm tiếp thâu(tâm tiếp thâu là trạng thái về ý giới có trạng thái biết cảnh sắc, thinh, khí, vị, xúc – do nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức truyền qua. Hay là tâm mà khéo tiếp bắt cảnh liên tiếp với 5 thức trước gọi là tiếp thâu)
  - Sắc nương trái tim hay Sắc ý vật*(hadayavatthurūpa)*
  - Cảnh ngũ*(Pañcaārammaṇa)*
  - Sự để ý *(manasikāra)*với cảnh ấy.
- Nhân sanh tâm thẩm tấn cũng có 3 giống như tâm tiếp thâu.
- Nhân sanh tâm tiếu sinh cũng như nhân sanh tâm tiếp thâu nhưng có cảnh đáng nực cười. Nên biết thêm, nhân sanh tâm khai ngũ môn và phân đoán (tâm khai ý môn) cũng như nhân sanh ngũ song thức và tiếp thâu, thẩm tấn tùy theo lộ của môn. Ngoài ra các tâm thuộc ý thức giới cũng dựa vào Tam Nhân Sanh: Sắc ý vật, Cảnh, Sự để ý với cảnh ấy.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cũng có tâm biết đặng và cũng có tâm không biết đặng (kenaci viññeyyādhammā can a kenaci na viññeyyā dhammā).

BÀI 10: PHẦN CHÙM LẬU

(ĀSAVAGOCCHAKA)

Lậu*(Āsava)* là trạng thái pháp ngâm chìm chúng sanh trong 3 lối Tham, Si và Tà kiến. Lậu tợ như làm chúng sanh mê man, say đắm như rượu ngâm lâu, hoặc lậu là nhỉ ra, chảy xuống, vũng sâu đọng lại cũng thành như ngâm lâu hoặc nào ở vũng sâu ấy phải bị chìm ngâm luôn hết chẳng khác chúng sanh bị Tham, Si, Tà kiến vậy. Pháp Lậu có 4 trạng thái:

- Dục lậu*(Kāmāsava)*
- Hữu lậu *(Bhavāsava)*
- Tà kiến lậu *(Diṭṭhāsava)*
- Vô minh lậu *(Avijjāsava)*

Pháp Lậu được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Lậu *(Āsavaduka)*
2. Nhị đề Cảnh Lậu *(Sāsavaduka)*
3. Nhị đề Tương Ưng Lậu *(Āsavasampayuttaduka)*
4. Nhị đề Lậu Cảnh Lậu *(Āsavasāsavaduka)*
5. Nhị đề Lậu Tương Ưng Lậu *(Āsavaāsavasampayuttaduka)*
6. Nhị đề Bất Tương Ưng Lậu Cảnh Lậu *(Āsavavippayuttāsāsavaduka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 14: NHỊ ĐỀ LẬU

(ĀSAVADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Āsavā dhammā - Tất cả Pháp Lậu.*
- *Câu 2: No āsavā dhammā - Tất cả Pháp Phi Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 708-713 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Lậu và Tất cả Pháp Phi Lậu *(Āsavā dhammā, No āsavā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Lậu, như sau:

** 708.Chư pháp lậu trong khi có ra sao?*

Tứ lậu là dục lậu, hữu lậu, tà kiến lậu và vô minh lậu. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp lậu (āsavā dhammā).

** 709.Trong tứ lậu đó mà dục lậu ra sao?*

Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng nầy gọi là dục lậu (kāmāsava).

** 710.Hữu lậu trong khi có ra sao?*

Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luôn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu lậu (bhavāsava).

** 711.Tà kiến lậu trong khi có ra sao?*

Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến lậu.

** 712.Vô minh lậu trong khi có ra sao?*

Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái nầy gọi là vô minh lậu (avijjāsava).

Những chơn tướng nói trên gọi là pháp lậu.

** 713.Chư pháp phi lậu trong khi có ra sao?*

Trừ ra pháp lậu, còn pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế ngoài ra đó, tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi lậu (no āsavā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Lậu:rò rỉ, chảy ra ngoài, ngâm chìm,mê loạn, lừa dối, nghi ngờ, nhỏ hẹp, ngu dốt, thô lỗ, nông nổi
- Dục lậu:chấp cứng cảnh, nhiễm đắm đối tượng,không buông bỏ ngũ dục lạc
- Hữu lậu: tham đắm, ngâm chìm đối với cõi Sắc và Vô sắc hoặc người Dục giới đắc thiền
- Tà kiến lậu: quá chấp cứng theo cách không khéo hay chấp cứng những cách không đáng chấp

- Vô minh lậu: trái ngược với trí, không thấu đáo hay là tối tăm (không biết cái đáng biết) mà nhất là không biết rõ Pháp Thực tính
- Phi lậu: không phải là pháp Lậu
- Dâm:quá, quá độ, động, mê hoặc, tà, trai gái giao tiếp vô lễ với nhau, sao lãng lạc lối
- Dục: tham muốn, tình dục, yêu muốn.
- Dâm dục: sự thái quá trong ham muốn, hay cách nặng nề của trạng thái tâm nhất là đối với sắc dục...
- Thích: theo, ưa thích, hài lòng, vui lòng
- Dục lạc: sự nhiễm cảnh với trạng thái làm cho tâm sần sượng, ô trược...
- Thích dục lạc: theo, ưa thích, hài lòng, vui lòng với sự đắm nhiễm cảnh bằng cách khắng khít, nặng nề
- Ái:yêu thích, yêu mến, thân yêu. Ái còn là nhiễm vật dục, ưa thích nhiễm đắm vật dục (ham muốn, thương yêu...).
- Ái dục lạc: ưa thích, nhiễm đắm 6 cảnh, như là: Ái cảnh Sắc, Ái Cảnh Thinh..., Ái Cảnh Pháp, hoặc Dục Ái, Hữu Ái, Ly Hữu Ái
- Hí: mừng vui, vui lòng, đùa bỡn, làm trò đối với dục lạc
- Hí hởn:nên hiểu cách chìm ngâm trong vật dục bằng cách hí hởn mà không biết đây là khổ
- Ái dục tình:yêu thích, yêu mến, thân yêu đối với sự tham muốn, tình dục, yêu muốn, nhất là đối với sắc dục...
- Liên đới dục lạc:có liên quan, yêu tiếc, nhờ cậy, nương nhờ,dính liền, có ảnh hưởng lẫn nhau,quan hệ ràng buộc bộ phận nọ với bộ phận kia đối với dục lạc, bị hít trong dục lạc.
- Kích thích dục lạc:sự kích động, yêu thích đối với dục lạc. Hay là, cách tạo lầm cho trạng thái tâm bị cuốn hút theo lối dục lạc.
- Hôn: tối, tối tăm, mờ tối Mê: lạc, lầm mê, lờ mờ, mê tín
- Hôn mê dục lạc:mờ tối, lờ mờ,lầm mê đối với trạng thái đắm nhiễm vật dục
- Nồng nả:nồng nhiệt, nhiệt tình, nồng nàn
- Nồng nả dục lạc: đối với đắm nhiễm vật dục mà có trạng thái quá cuồng nhiệt, quá điên đảo, quá nồng nàn mê say
- Dục: ước muốn, ước mong Vọng:ham muốn, yêu muốn
- Trong kiếp sống: nghĩa là đời sống thường thức, sự diễn ra của một đời người.
- Dục vọng trong kiếp sống: ước mong, ham muốn trong đời sống thường thức của một đời người, đây ám chỉ cho cách vọng dục mà người ấy hằng ôm chặt, được diễn biến trong một kiếp người.

- Hí hớn trong đời sống:mừng vui, vui lòng, đùa bỡn, ham muốntrong đời sống. Đây có thể được xem như đang đùa giỡn với lửa.
- Liên đới:có liên quan, yêu tiếc, nhờ cậy, nương nhờ,dính liền, có ảnh hưởng lẫn nhau,quan hệ ràng buộc bộ phận nọ với bộ phận kia.
- Liên đới trong đời sống: đây là nói nhân để sanh ra kiếp sống tức là tham ái mà pháp bản chất tức là SH Tham
- Nồng nàn: (mùi) đậm một cách dễ chịu và bốc mạnh lên; (ngủ) ngon giấc, sâu và say; mạnh mẽ, thiết tha và đậm đà.
- Nồng nàn trong đời sống: ở đây chỉ cho trạng thái phát khởi mạnh mẽ, đậm đà, thiết tha mà trạng thái tâm bị các dục lạc khiến cho đời sống bị đắm chìm và chìm ngâm trong vật dục
- Vùi: cho vào trong đất cát, tro than hoặc một chất hạt rời nào đó, rồi phủ cho kín.
- Lấp: làm cho đầy, cho kín chỗ trũng, chỗ hổng hay chỗ trống, để lấp chỗ trống, làm che khuất đi, che lấp, làm cho bị át đi không còn nhận thấy nữa
- Vùi lấp trong kiếp sống: ở đây chỉ sự tham muốn vật dục tợ giống như bị chôn khuất vào trong đời sống mà chúng sanh bị che lấp đi trong đời sống đó
- Trầm nịch:chìm, đắm chìm, chết đuối, chìm đắm.
- Trầm nịch trong đời sống: nghĩa là chúng sanh bị chìm đắm bởi vật dục từ sự lôi cuốn của Sắc dục, Thinh dục, Khí dục, Vị dục, Xúc dục, Pháp dục mà bị trầm ngâm trong các dục ấy
- Trường tồn:còn tồn tại lâu dài
- Cùng tột:có biên giới, có giới hạn
- Sanh lý:ám chỉ cho đời sống chỉ biết hưởng các vật dục, dục lạc, hay nói cách khác, chỉ có vật chất mà không có phần tâm trí
- Thiên: lệch, nặng về một bên, không đúng với lẽ trung bình, dời đổi, biến đổi
- Kiến: thấy, ý biết, dựng lên, đặt lên
- Thiên kiến: có nghĩa là sự thấy biết nặng về 1 bên do tri kiến hiểu lầm, chấp sai
- Hoang: bỏ hoang, làm việc bỏ giữa chừng, phóng túng, che lấp, mê man không tự xét lại, nói dối
- Vu: đi, nhởn nhơ, lờ mờ, xa, đường xa, lừa dối, không mà bảo là có, xằng bậy, bỏ hoang, tạp nhạp
- Hoang vu kiến: đây ám chỉ cho tri kiến bị che lấp do mê man trong phiền não tợ như sự hoang mạc, hoang sơ, khô khan, cằn cỗi của sa mạc
- Khuyết: sứt mẻ, không được tốt đẹp, rỗng không, lầm lỗi, còn thiếu, còn trống
- Phạp:thiếu, không đủ, mệt mỏi

- Khuyết phạp kiến: đây chỉ cho tri kiến rỗng không hay sự nhận định rỗng không, không đúng theo pháp bản chất thực tính chân tướng, bởi kiến thức ấy có điều còn thiếu sót, còn khuyết, không trọn vẹn do không nhận ra được thực tính của pháp hữu vi có bản chất rõ ràng mà chỉ chấp theo chế định nên có sự nhận lầm hiểu sai, rồi tri kiến ấy bị thui chột do sự mê mờ tăm tối
- Cừu: thù, tức giận Địch: giặc thù, chống cự, đối địch
- Cừu địch kiến: có thành kiến thù địch với điều gì đó, hay do không được rõ ràng giáo lý cao siêu của nhà Phật đúng theo thực tính chân tướng Tâm, Sở hữu, Sắc pháp, Níp Bàn mà đâm ra đối lập. Hoặc do sự chấp thủ quá nặng nề, ngã chấp thủ ôm khư nên chống đối những điều đúng sự thật như vô thường, khổ, vô ngã mà cho là thường, lạc, ngã, tịnh
- Biến: biến khắp, biến đổi, sai thường, khác hẳn lối thường gọi, quyền biến, động
- Hóa:biến hóa, vật này mất đi vật kia sanh ra, dần dần ít đi, tiêu tan mất
- Biến hóa kiến:là loại tà kiến có tính chất vi tế, chấp sai, hiểu lầm, có sự biến đổi mà có tính chất hướng về vị lai để đưa tri kiến lệch lạc về vật chất và tâm trí; hay là tri kiến chấp trong vị lai như:
  - Hữu tưởng kiến (là bản ngã có sắc, không có bệnh, sau khi chết có tưởng;...)
  - Vô tưởng kiến (là bản ngã có sắc, vô bệnh, sau khi chết không có tưởng;...)
  - Phi tưởng phi phi tưởng kiến (bản ngã có sắc, vô bệnh, sau khi chết phi hữu tưởng, phi vô tưởng;...)
  - Nhận thấy tất cả loài thai sanh chết rồi tiêu mất...
  - Nhận thấy ngũ dục lạc là Níp Bàn...
- Triền: ràng rịt, quấn quanh, vây bọc
- Triền kiến: kiến thức hay tri kiến ràng rịt, bị cột siết chặt theo tà giới triền, tà kiến triền..., rồi cứ chạy theo sự hiểu sai, chấp cứng, tợ như siết chặt
- Tà: bất chánh, quẹo, lệch, cong, vẹo, yêu tà, tà ma
- Đạo: con đường, đạo lý, đạo giáo, lề lối
- Tà đạo: con đường bất chánh hay nói là một lộ đồ sai, tức sai căn nguyên trên lộ trình đã đưa ra, đây là loại tri kiến có tính chất bóp méo bản chất thật như là vô thường thì cho là thường, khổ não thì cho là lạc, vô ngã cho là có ngã, biến chuyển đổi thay cho là tịnh
- Giáo:lệnh truyền, dạy dỗ, tôn giáo, hiểu biết
- Phái: chia rẽ ngành riêng, phân phối các việc, dòng nước chia ra từng nhánh từng dòng, chia ra
- Phát: bắn ra, hưng khởi, hưng thịnh, tốt lên, lớn lên, mở ra, bắt đầu đi, chi phát ra, phát huy ra, nở ra, phân bố ra ngoài, đào lên, bới ra, khiến
- Nguyên: mới, đầu số, to lớn, nguồn, bắt đầu

- Điêu: tàn, rạc, héo, rụng, suy bại, điêu ngoa
- Tàn: tàn ác, tàn hại, dùng còn thừa lại, thiếu, giết, tàn rụi
- Điêu tàn: héo rụng tan tành, điêu đứng tàn rụi
- Giáo phái phát nguyên điêu tàn: tri kiến sai căn nguyên mà vẫn truyền dạy cho người khác bắt đầu từ tư kiến của mình không đúng theo bản chất thật rồi hướng cho người nhận sai chấp lầm thể hiện các việc tàn rạc, tàn hại, tàn ác, suy bại về kiến thức mà bắt đầu từ các tôn giáo, không nhận ra hữu vi pháp theo lộ đồ - hữu vi hành, tối vi hành, chuyên tạo hành, tối cần hành, thân hành, khẩu hành, tâm hành. Tóm lại, Giáo phái phát nguyên điêu tàn là lời rao giảng sai lệch làm cho người nghe phát sanh tri kiến điêu tàn
- Chấp: cầm, giữ, bắt, kén chọn
- Khinh: nhẹ, khinh rẽ, không coi trọng, hơi hơi, khinh bỉ, rẻ rúng
- Thị: đúng, phải, xét rõ, nhìn kĩ, coi kĩ, đãi nhau
- Chấp theo khinh thị: xem thường haykhông coi trọng những pháp thật, tức pháp có trạng thái rõ ràng như Tâm là biết (Cảnh), SH là phụ thuộc Tâm, Sắc pháp là tiêu hoại đổi thay, Níp Bàn là vắng lặng, bất động, vô ấn chứng. Chấp theo khinh thị là đi ngược lại thực thể thật, như cho rằng Tâm tạo ra tất cả mà quên đi sự thật Tâm vẫn còn bị tạo (vì khi tâm sanh phải có nghiệp quá khứ, Cảnh, SH Tâm, Vật hay Môn)...
- Thiển: nông, không được tinh thâm, còn ít, còn kém, còn thiển
- Trí: biết, tri thức, hiểu biết, sáng suốt
- Thiển trí: trí tuệ nông cạn, còn ít, còn kém. Hay nói cách khác, bởi không có trí nên tri kiến thiển cận, nông cạn, mà đâm ra mê lầm, chấp sai
- Mê: lạc, lầm mê, lờ mờ, mê tín...
- Luyến: mến, vương vít không thể dứt ra, buộc, cùng ràng buộc không rời
- Mê luyến: sự say mê, sự ràng buộc mà không dứt ra được như nhện sa vào bẫy nhựa
- Trầm:ngâm chìm, rỉ ra... Mê: lạc, lầm mê, lờ mờ, mê tín...
- Trầm mê:nghĩa là sự mê lầm về tri kiến nên bị ngâm chìm trong kiến thức lệch lạc
- Vô:không Minh: sáng tỏ, sáng suốt, tỏ rõ
- Bộc là bộc lưu, tàn bạo, làm hại, cuốn trôi
- Vô minh bộc:sự cuốn trôi trong cách không sáng suốt, không tỏ rõ pháp thực tính; bị cuốn trôi trong sự sôi nổi nóng nảy. Hay là, cách cuốn trôi theo lối không tỏ rõ, do bởi bị mê mờ tăm tối. Đây ám chỉ cho chúng sanh chịu nạn chìm đắm trong 3 nẻo luân hồi: phiền não, nghiệp và quả, mang tính chất tràn ngập, xâm hại
- Vô minh phối:là phối hưởng, xứng đáng, sánh đôi, phối hợp, phối hiệp dính trong khổ luân hồi từ đời này sang đời khác, từ kiếp nọ sang kiếp kia
- Cái: che, ngăn, trùm, đậy, cấm ngăn pháp thiện – sự tốt đẹp

- Vô minhcái: sự thiếu hiểu biết theo pháp siêu lý không nhận ra uẩn, xứ,... Vô minh cái cũng là trạng thái chặn đứng sự tu tuệ vì cứ chấp mà theo phương thức là chế định.Hay vô minh cái là sự mê mẩn, mê mờ, tăm tối, che đậy sự sáng suốt nhận rõ pháp thực tính bản chất chân tướng.
- Tiềm:ngâm, tẩm, nhiễm, tiêm nhiễm Thùy: rủ xuống, cúi xuống, ngủ
- Tiềm thùy: ngủ ngầm, thùy miên, thói quen (do tiêm nhiễm)
- Vô minh tiềm thùy: thói quen không sáng suốt, hay trạng thái mà ngủ nghỉ liên tiếp theo danh sắc bằng cách mê mờ tăm tối gọi là vô minh tiềm thùy hay thùy miên. Hoặc pháp nào khi gặp nhân thích hợp thì phát sanh theo lối mờ mịt, tối tăm thì pháp ấy cũng gọi là vô minh thùy miên hay vô minh tiềm thùy
- Then chốt: nghĩa là cái quan trọng nhất, có tác dụng quyết định đối với toàn bộ
- Then chốt của vô minh:đây ám chỉ cho sự quan trọng ra khỏi cửa là phải mở chốt gài, tức là từ tri kiến không sáng suốt, không rõ pháp thực tính tợ giống như chốt gài cửa mà không có lối ra, nghĩa là không thấy được pháp bản chất thật tướng, không nhận ra Khổ, Tập, Diệt, Đạo

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Lậu *(Āsavaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Lậu và Tất cả Pháp Phi Lậu.

1. Tất cả Pháp Lậu*(Āsavā dhammā)*:là những trạng thái ngâm chìm (chúng sanh) do Tham, Si, Tà Kiến làm cho chúng sanh mê man, say đắm, phải bị chìm luôn hết, như là:
   - Dục lậu(*kāmāsava*) là mê say chìm ngâm trong dục lạc.
   - Hữu lậu (*bhavāsava*) là chìm đắm với sự mong mỏi Sắc Giới hạy thiền...
   - Tà kiến lậu(*diṭṭhāsava*) là chìm ngâm theo sự chấp sai – hiểu lầm...
   - Vô minh lậu(*avijjāsava*) là sự chìm đắm với cách không sáng suốt.

   Tất cả pháp lậu có pháp bản chất là SH Si (Vô minh lậu), SH Tham (Dục lậu và Hữu lậu) và SH Tà Kiến (Tà kiến lậu). Hay nói cách khác, chư pháp lậu (Āsavā dhammā) là những pháp ngâm chìm theo lối Tham, Si và Tà Kiến làm cho chúng sanh phải bị mê man, say đắm từ Dục, Hữu, Kiến và Vô Minh.
2. Tất cả Pháp Phi Lậu*(No āsavā dhammā):* đây chỉ những trạng thái ngoài ra pháp lậu *(No āsavā dhammā)* tức là pháp siêu lý trừ 3 chi pháp lậu.Ở phần pháp phi lậu được hiểu theo cách phân chia như là:
   - Pháp cảnh lậu. Pháp phi cảnh lậu.
   - Pháp tương ưng lậu. Pháp bất tương ưng lậu.
   - Pháp lậu và cảnh lậu. Pháp cảnh lậu mà phi lậu.
   - Pháp lậu và tương ưng lậu. Pháp tương ưng lậu mà phi lậu.

- Pháp bất tương ưng lậu mà cảnh lậu. Pháp bất tương ưng lậu mà phi cảnh lậu.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Lậu là Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSở hữu Si và Tà Kiến
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Lậulà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến

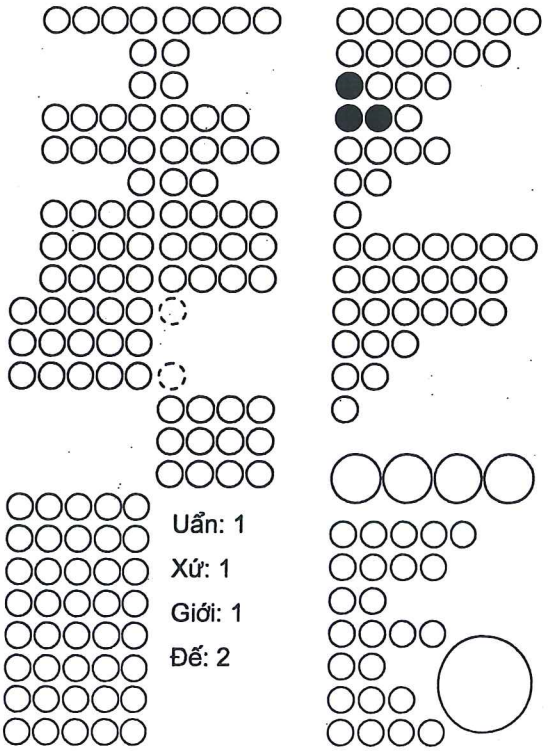

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Lậu là Pháp Siêu Lý (trừ 3 Chi Lậu). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn làbản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si, Tham và Tà Kiến) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là49 SH(đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới làSắc Thiệt Thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là49SH(đã trừ Si, Tham và Tà Kiến) hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 49 SHH (đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)
2. Diệt đế là Níp Bàn

3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlàtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Lậulà Pháp Siêu Lý (trừ 3 Chi Lậu)

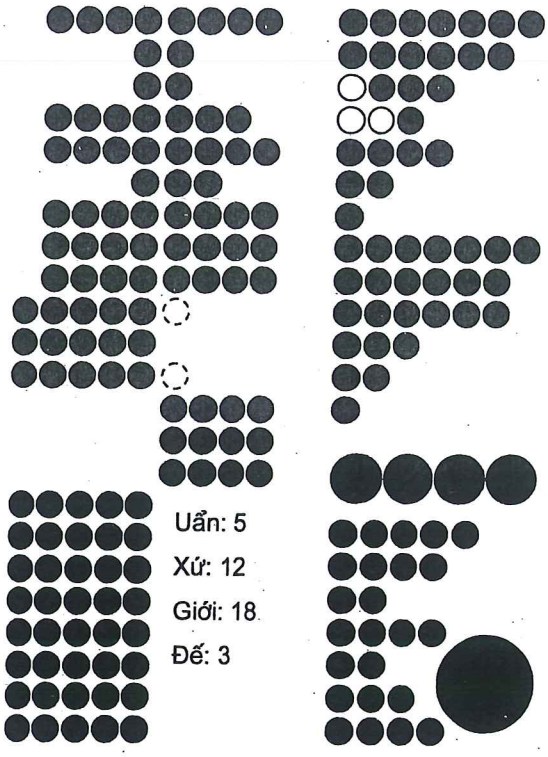

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Lậu:*Āsavā dhammā*- Tất cả Pháp Lậu.

Trong tập giải Cao học Liên quan tương sinh của Đại trưởng lão Hòa thượng Tịnh Sự có nêu:

Chúng sanh già, chết, khổ, sầu

Bởi do pháp lậu khởi đầu Vô Minh.

Chúng ta thấy Lão Tử duyên Vô Minh là chúng sanh già sắp chết thường hay muốn trẻ lại hưởng thêm. Nếu xét ra nhiều đời, thì chẳng một ai khỏi như thế, đó là: Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu vẫn có Vô Minh Lậu.

1. Tìm hiểu về Dục Lậu:

** Trong tứ lậu đó mà dục lậu ra sao?Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn rnê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng nầy gọi là dục lậu (kāmāsavo).*

Dục Lậu là trạng thái mê say chìm trong lục dục (sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục và pháp dục).Mê say đây là chỉ bày trạng thái dính mắc bằng cách *dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình...* rồi từ đó bị chìm trong cảnh giới ấy, tức bị ngâm lâu trong đối tượng mà nguyên nhân từ ái nhiễm.

Khi sắc khả ái, khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhãn thanh triệt) thì nhãn xúc sanh, nhãn thọ khởi, nhãn thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Khi Thinh khả ái, khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhĩ thanh triệt) thì nhĩ xúc sanh, nhĩ thọ khởi, nhĩ thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Đối với tỷ, thiệt, thân, luôn đến ý cũng như vậy.

2. Tìm hiểu về Hữu Lậu:

** Hữu lậu trong khi có ra sao?Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luộn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu lậu (bhavāsava).*

Hữu lậu đây chỉ cho trạng thái mê say chìm trong đời sống, mà nhất là đời sống của các cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới.Mê say đây chỉ cho trạng thái *ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống...* rồi từ đó bị chìm trong cảnh đời sống ấy, tức bị ngâm lâu trong đối tượng trong thiền thông mà nguyên nhân từ ái nhập thiền.

Như người Phàm Tam Nhân Dục Giới đắc thiền hay các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc Giới khi không an trú trong thiền có thể khởi tâm tham đắm trên cảnh giới của thiền mà mình đã được biết trước đó, từ đó say đắm, ngâm chìm trong cảnh giới ấy, tức Hữu Lậu.

3. Tìm hiểu về Tà Kiến Lậu:

** Tà kiến lậu trong khi có ra sao?Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến lậu.*

Tà kiến lậu đây chỉ cho trạng thái chìm ngâm trong sự hiểu sai, chấp lầm.Sự hiểu sai, chấp lầm đây chỉ cho các tri kiến sai lầm như: nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột... cho nên trong Chánh Tạng, Đức Thế Tôn Ngài có thuyết: *"Còn những pháp khác tức là tà kiến, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mĩ điệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ có những người trí mới nhận hiểu."*

Người khởi phát tà kiến sai lầm như vậy rồi từ đó bị chìm trong cảnh vọng tưởng ấy, tức bị ngâm lâu trong cách hiểu sai mà nguyên nhân từ tà kiến. Sự ngâm chìm trong tri kiến sai lầm có nhiều khía cạnh khác nhau:

- Thường kiến *(Sassatadiṭṭhi)* và Đoạn kiến *(Ucchedadiṭṭhi)*.
- Vô hành kiến *(Akiriyādiṭṭhi)*, Vô nhân kiến *(Ahetukadiṭṭhi)*, Vô hữu kiến *(Natthikadiṭṭhi)*.
- Tà kiến về Sắc Uẩn, Tà kiến về Thọ Uẩn, Tà kiến về Tưởng Uẩn, Tà kiến về Hành Uẩn, Tà kiến về Thức Uẩn.

- Tà kiến phân 10.
- Tà kiến phân rộng theo 62 điều...

Các phần trên đã được dẫn giải nhiều trong Pháp Thực Tính, nay trình bày về khía cạnh vọng tưởng, tức là nói về thân kiến *(Sakkayadiṭṭhi)*.Bốn vọng tưởng ấy là:

- Chấp về thân tức là chấp về Sắc Uẩn, được phân chia thành 4 cách:
  - Nhận thấy cái thân này là ta hay thuộc về ta:như nói lúc này tôi mập, tôi ốm, tôi lên ký, tôi xuống ký... (Sắc Uẩn là ta)
  - Nhận thấy ta có cái thân này:như là nhận thấy tôi có xương, gân, thịt, da, lớn, nhỏ, to, mịn...(ta có Sắc Uẩn)
  - Nhận thấy cái thân này ở trong ta:như là tôi làm chủ thân này được trọn quyền sai khiến sự hành động theo ý muốn những đi, đứng, nằm, múa, uốn... (Sắc Uẩn trong ta)
  - Nhận thấy ta có trong cái thân này:như nhận thấy nói rằng tôi nương thân này sống đời làm việc...(ta trong Sắc Uẩn)

  Có thể phân ra thêm theo 28 Sắc pháp như:
  - Tôi rắn chắc hay mềm mại (Địa Đại là ta); tôi có tay chân rắn chắc hay mềm mại(ta là Địa Đại); tôi có thể gánh gồng, múa lượn(Địa Đại trong ta); tôi nương sự rắn chắc của cơ thể mới có thể làm việc(ta trong Địa Đại)...
  - Tôi dẻo dai (Thủy Đại là ta); tôi có tay chân dẻo dai(ta là Thủy Đại); tôi có thể uốn éo(Thủy Đại trong ta); tôi nương sự dẻo dai của cơ thể mới có thể làm việc(ta trong Thủy Đại)...
  - ...
  - Tôi không còn khỏe như trước nữa (Sắc Vô Thường là ta); tôi có cơ thểkhông còn khỏe như trước nữa (ta là Sắc Vô Thường); tôi không còn có thể gánh gồng, múa uốn được nữa (Sắc Vô Thường trong ta); tôi không còn khỏe như trước nên không thể làm việc nặng được (ta trong Sắc Vô Thường)...

  >>Tổng cộng gồm có 28 x 4 = 112 điều chấp

- Chấp về cảm nhận, hứng chịu cảnh tức là Thọ Uẩn, được phân thành 4 cách:
  - Nhận thấy cảm nhận hứng cảnh là ta: Như chấp nói tôi khổ, tôi sướng, tôi buồn, tôi vui, hoặc gặp trường hợp như thế mà tôi vẫn bình thường thản nhiên... (Thọ Uẩn là ta)
  - Nhận thấy ta có cảm nhận hứng cảnh: Như chấp nói tôi có thật bệnh đau nhức... tôi có sự vui lòng với bà con huynh đệ; trong trường hợp này, tôi có tánh cách không quá nao núng buồn vui. (ta có Thọ Uẩn)
  - Nhận thấy cảm nhận hứng cảnh trong ta: Như cho rằng trong đời này nó vẫn chất chứa đủ các sự khổ, sự sướng và hễ có tâm này phải sẵn có sự vui buồn hay thản nhiên bình thường chớ không bao giờ không. (Thọ Uẩn trong ta)

- Nhận thấy ta có trong cảm nhận hứng cảnh: Như chấp nói tôi phải chịu đủ đau khổ, sung sướng, vui buồn, cũng có khi được bình thường nhưng ít lắm. (ta trong Thọ Uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 3 Thọ và 6 Cảnh như:.

- Khi mắt gặp cảnh sắc xấu, chấp rằng tôi đang khổ (Khổ Thọ với cảnh Sắc là ta); tôi có sự khó chịu với cảnh sắcxấu (ta là Khổ Thọ với cảnh Sắc); cảnh sắc trong đời vốn có sẵn sự cảm nhận buồn khổ, vì tôi có tâm nên phải chịu(Khổ Thọ với cảnh Sắc trong ta); tôi phải chịu đủ sự buồn khổ đối với cảnh sắc không thích hợp(ta trong Khổ Thọ với cảnh Sắc)...
- Khi mắt gặp cảnh sắc tốt, chấp rằng tôi đang vui sướng (Lạc Thọ với cảnh Sắc là ta); tôi có sự vui mừng với cảnh sắctốt (ta là Lạc thọ với cảnh Sắc); cảnh sắc trong đời vốn có sẵn sự cảm nhận sung sướng, vì tôi có tâm nên mới biết được(Lạc Thọ với cảnh Sắc trong ta); tôi có đủ sự vui vẻ đối với cảnh sắc thích hợp(ta trong Lạc thọ với cảnh Sắc)...
- ...
- Khi nghĩ về chuyện cũ, tôi vẫn cảm thấy bình thường (Xả Thọ với Cảnh Pháp là ta); tôi không hề nao núng khi nghĩ đến chuyện đó (ta là Xả Thọ với Cảnh Pháp); các ý nghĩ tự nó không có buồn vui, vì vậy tôi cảm nhận không có vui buồn trong đó (Xả Thọ với Cảnh Pháp trong ta); tôi có đủ sự quân bình đối với một số ý nghĩ(ta trong Xả Thọ với Cảnh Pháp)...

>>Tổng cộng gồm có 3 x 6 x 4 = 72 điều chấp

▪ Chấp về cái biết tức là Thức Uẩn, được phân chia thành 4 cách:

- Nhận thấy cái biết là ta: Như chấp tôi thấy, nghe... (Thức Uẩn là ta)
- Nhận thấy ta có cái biết: Như nói tôi có cái cách hưởi hơi rất đặng biết trái cây chín, sống và thuốc trị bệnh. (ta có Thức Uẩn)
- Nhận thấy cái biết trong ta: Như Sắc, Thinh nào tôi để ý mới thấy, nghe. (Thức Uẩn trong ta)
- Nhận thấy ta trong cái biết: Như Radio hát gần và lớn tiếng, tai bắt buộc mình nghe hoài không ngủ. (ta trong Thức Uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 6 Cảnh như:.

- Tôi thấy bông hoa (Thức Uẩnđối với cảnh Sắc là ta); tôi có cách nhìn rất thẩm mỹ về bông hoa (ta là Thức Uẩn đối với cảnh Sắc); chỉ bông hoa nào tôi để ý thì tôi mới thấy(Thức Uẩn đối với cảnh Sắc trong ta); bông hoa đẹp quá làm tôi buộc phải nhìn nó hoài(ta trong Thức Uẩn đối với cảnh Sắc)...
- Tôi nghe có tiếng ồn bên ngoài (Thức Uẩn đối với Cảnh Thinh là ta); tôi có sự nghe rõ đối với âm thanh ồn ào đó (ta là Thức Uẩn đối với Cảnh Thinh); vì tôi để ý nên tôi mới

nghe thấy tiếng ồn(Thức Uẩn đối với Cảnh Thinh trong ta); tiếng ồn lớn quá buộc tôi nghe hoài không ngủ được(ta trong Thức Uẩn đối với Cảnh Thinh)...

- ...
- Tôi nghĩ về hồi sáng này (Thức Uẩn đối với Cảnh Pháp là ta); tôi có cách nghĩ rất hay về chuyện này (ta là Thức Uẩn đối với Cảnh Pháp); vì tôi để ý nên tôi mới nghĩ ra được như vầy (Thức Uẩn đối với Cảnh Pháp trong ta); chuyện hồi đó cứ ám ảnh tôi hoài, không nghĩ đến không được(ta trong Thức Uẩn đối với Cảnh Pháp)...

>>Tổng cộng gồm có 6 x 4 = 24 điều chấp.

- Chấp về pháp tức là Tưởng Uẩn và Hành Uẩn, hay chấp về trạng thái,được phân chia thành 4 cách:
  - Chấp cái nhớ và hành vi là ta: Như nói tôi nhớ nhà...hay như nói tôi khôn lắm, tôi ngu quá... (Tưởng và Hành Uẩn là ta)
  - Chấp ta có cái nhớ và có hành vi: Như nói tôi thường tưởng anh hoặc em...hay như nói tôi là người có trí và có sự suy xét... (ta có Tưởng và Hành Uẩn)
  - Chấp cái nhớ và hành vi có trong ta: Như người tưởng tượng nhân cảnh, vật phát hiện ra hoài hoài.Hay như chấp nói rằng Tâm tốt, Tâm xấu gì cũng tại mình. (Tưởng và Hành Uẩn trong ta)
  - Chấp ta có trong cái nhớ và có trong hành vi: Như lúc khuya vắng lặng nghe đàn, sáo thổi bắt nhớ đến xứ, sở, quê hương, bùi ngùi không thể cưỡn lại được,nên trằn trọc,trăn trở không ngũ đặng; dường như nó có quyền hơn ta.Hay nhận thấy ta do Vô Minh trùm che khuất lấp nên tối tăm, không đặng thấu đáo chi cả. (ta trong Tưởng và Hành Uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 6 Cảnh như:.

- Tôi nhớ hình ảnh trẻ đẹp của mình trước đây, tôi thích được trở lại như vậy (Tưởng và Hành Uẩn đối với cảnh Sắc là ta); tôi thường nhớ cảnh gia đình sum họp đông đủ, tôi có sự thích thú khiđó(ta là Tưởng và Hành Uẩn đối với cảnh Sắc); tôi tưởng tượng cảnh mình sẽ được ngồi vào ghế địa vị, lúc đó tôi ắt sẽ thích thú lắm (Tưởng và Hành Uẩn đối với cảnh Sắc trong ta); khi thấy người ta có đôi có cặp, tôi không thể ngăn mình nhớ đến chuyện xưa, vì vậy mà buồn rầu không cưỡng lại được (ta trong Tưởng và Hành Uẩn đối với cảnh Sắc)...
- Tôi nhớ lời mắng chửi của nó, tôi giận nó lắm (Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Thinh là ta); tôi thường nhớ những lời mà người ta chê trách tôi và tôi có sự bực bộikhi đó (ta là Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Thinh); tôi tưởng tượng nếu ngày nào đó anh ấy/cô ấy nói nặng tôi chắc tôi sẽ tự thấy đau lòng lắm(Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Thinh trong ta); khi nghe những giai điệu này tôi thường nhớ lại chuyện cũ, vì vậy

mà thương tiếc không nguôikhông cưỡng lại được (ta trong Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Thinh)...

- ...
- Tôi nhớ về vấn đề đã giải quyết xong và cảm thấy mình thông minh quá (Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Pháp là ta); tôi thường có sự nhớ tưởng đến những chiến thắng cũ và cho là mình là người có trí, có tài (ta là Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Pháp); tôi thường chủ động nghĩ đến chiều hướng tốt đẹp nên tôi có thể tự mình khởi tâm thiện (Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Pháp trong ta); chuyện hồi đó cứ ám ảnh tôi hoài, không nhớ đến không được, lúc đó tôi thấy như bị buồn khổ che lấp(ta trong Tưởng và Hành Uẩn đối với Cảnh Pháp)...

>>Tổng cộng Tưởng Uẩn gồm có 6 x 4 = 24 điều chấp

>>Hành Uẩn gồm có 6 x 4 = 24 điều chấp

Tổng cộng lại, có 112 + 72 + 24 +24 +24 = 256 điều chấp. Các vọng tưởng này ngâm chìm chúng sanh trong kiến thức sai lầm, khiến cho chúng sanh vọng chấp có cái tôi mà luôn luân hồi sanh tử qua nhiều đời nhiều kiếp.

4. Tìm hiểu về Vô Minh Lậu:

** Vô minh lậu trong khi có ra sao?Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái nầy gọi là vô minh lậu (Avijjāsava).*

Vô Minh (Avijjā) là không biết pháp đáng biết, có chi pháp bản chất là Sở hữu Si. Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *Vijjā paṭikkhāti = Avijjā:* Hành động trái ngược với trí nên gọi là Vô Minh.
- *Avindiyaṃ viñdatīti = Avijjā:* Pháp mà tạo Ác, Xấu cách không nên tạo, Pháp như thế gọi là Vô Minh.
- *Vindiyam navindatīti = Avijjā:* Pháp mà không thể làm những sự tốt đáng nên làm, Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Avijjamāne javāpetīti = Avijjā:* Pháp mà chuyên môn biết Chế Định, Nam – Nữ... Pháp ấy gọi là Vô Minh.

- *Vijjamāne najavāpetīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Siêu Lý như là Uẩn, Nhập... Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Viditabbaṃ aviditaṃ karotīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Pháp đáng biết như là Tứ Đế... Pháp ấy gọi là Vô Minh.

Vô Minh Lậu đây chỉ cho sự chìm ngâm trong trạng thái trái ngược với Trí, làm tự nó và pháp đồng sanh tối tăm mê mờ, che lấp bản chất chân tướng, với Lậu làm nhân.Sự ngâm chìm trong mê mờ tối tăm đó có nhiều khía cạnh khác nhau, nói theo Tạng Kinh có 8 phần là:

1. Bất tri Khổ đế*(Dukkhe añānaṃ)*
2. Bất tri Tập đế*(Dukkha samudaye añāṇaṃ)*
3. Bất triDiệt đế*(Dukkhanirodhe añāṇaṃ)*
4. Bất tri Đạo đế*(Dukkha nirodhagāminīpatipadāya añāṇaṃ)*
5. Bất tri Nhân đã qua *(Pubbante añāṇaṃ)*
6. Bất tri Quả sau này *(Aparante añāṇaṃ)*
7. Bất tri Nhân trước Quả sau *(Pubbantāparante añāṇaṃ)*
8. Bất tri Liên Quan Tương Sinh *(Idappaccayatā paṭiccasamuppannesudhammesu añāṇaṃ)*

Những chơn tướng nói trên gọi là pháp lậu. Các pháp bao gồm Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu và Vô Minh Lậu đã được trình bày như trên gọi là Pháp Lậu.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Lậu:*No āsavā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Lậu.

Các pháp nào ngoài ra các Pháp Lậu đã kể được gọi là Pháp Phi Lậu, tức chẳng phải Pháp ngâm chìm chúng sanh trong sanh tử luân hồi.

Trong tất cả các pháp Phi Lậu như đã kể cũng có những pháp làm cảnh cho pháp Lậu bắt, lại có những pháp không làm cảnh cho Lậu bắt; có những pháp hòa trộn cùng pháp Lậu, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp Lậu... Các phần này sẽ được lần lượt nêu ra trong các Nhị Đề tiếp theo của Phần Chùm Lậu.

NHỊ ĐỀ THỨ 15: NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU

(SĀSAVADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sāsavā dhammā - Tất cả Pháp Cảnh Lậu.*
- *Câu 2: Anāsavā dhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 714 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Cảnh Lậuvà Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu*(Sāsavā dhammā, Anāsavā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Cảnh Lậu, như sau:

* *Chư pháp cảnh lậu trong khi có ra sao?*

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh lậu (sāsavā dhammā).

* *Chư pháp phi cảnh lậu trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cảnh lậu (anāsavā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Cảnh*(Arammana)*: đối tượng, đề mục, phần bị tâm biết
- Lậu, Pháp thiện, pháp bất thiện, pháp vô ký; Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới; sắc uẩn... thức uẩn; đạo, quả, siêu thế; vô vi giới: đã định nghĩa trong các đề trên

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Lậu *(Sāsavaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Lậu và Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu.

1. Tất cả Pháp Cảnh Lậu*(Sāsavā dhammā):* là những trạng thái bị Lậu biết, hay là những pháp bị Lậu bắt lấy làm cảnh. Đây ám chỉ cho những pháp bị Lậu biết đến hoặc là pháp bị lậu hoặc biết được *(Sāsavā dhammā)*.
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu *(Anāsavā dhammā):* là pháp không bị pháp Lậu biết hay trạng thái khi sanh (Đạo, Quả, Níp Bàn) mà Lậu không thể biết đặng, tức là pháp vượt thoát khỏi hiệp thế nên không bị pháp Lậu biết *(Anāsavā dhammā)*.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Lậu là 81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với 81 tâm Hiệp thế

3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với 81 tâm Hiệp thế
4. Hành Uẩn là 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 81 tâm Hiệp thế
5. Thức Uẩn là 81 tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là 81 tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 52 SH(hợp với 81 tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới tức là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là 68 tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là52 SH (hợp với 81 tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Lậulà 81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp

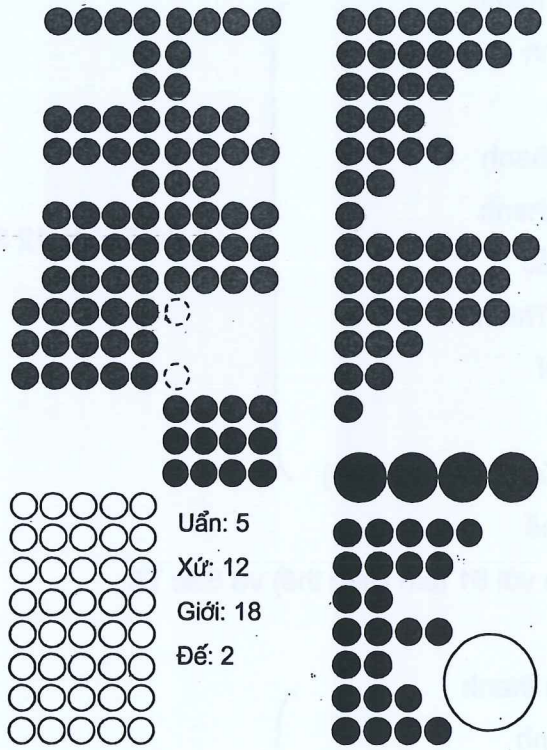

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu là tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành Uẩn là34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn là tâm Siêu thế

   Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36 SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36SH hợp vớiTâm Siêu Thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế làNíp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu là tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn

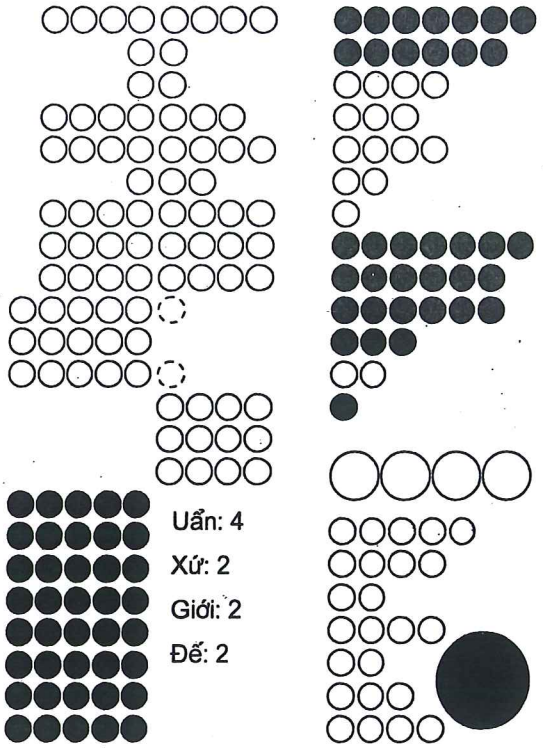

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Lậu:*Sāsavā dhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Lậu.

Tại sao Pháp Thiện hiệp thế làm cảnh cho Lậu?

Bởi vì chúng sanh (Danh Sắc) bị sự ngâm chìm trong Lậu hoặc trong nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô Minh (Vô Minh Lậu) mà khởi sanh ái nhiễm từ sự mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Lậu.

Như là người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng: ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và đắm nhiễm trong cái ta làm được. Vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Lậu.

Hoặc là do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Lậu, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Lậu sanh.

Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Lậu?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Lậu sanh.

Như là tự thân làm ác - sát sanh, trộm cướp, tà dâm.. rồi thỏa thích, trầm luyến trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Lậu phát sanh.

Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Lậu?

Pháp Vô Ký đây tức là ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp.

Tâm Quả Hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị Thời Nghiệp Duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Lậu? Vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

- Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự tham đắm, trầm mê khởi sanh. Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí... của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên Lậu Hoặc.
- Hoặc là thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì có thể làm cảnh cho sự ngâm chìm khởi lên. Ví như tuy có kết quả không tốt về tài sản, trí tuệ... nhưng lại khởi sanh đắm nhiễm, chấp lầm và mê mờ do không khéo chuyển tâm vào lộ Thiện.

Hoặc là bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Lậu. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ) mà khởi sanh Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu và Vô Minh Lậu.

Cho đến Tâm Tố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Lậu bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não.

Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Lậu biết. Đơn cử như nghe nhạc (Cảnh Thinh) mà khởi lên tham đắm, ngâm chìm trong cảnhấy.

Tại sao Tam Giới làm cảnh cho Lậu?

Đây là ám chỉ cho các pháp Lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Nghĩa là các Pháp Lậu là phải nương vào Dục, Sắc và Vô Sắc Giới để phát sanh, vì trong các cõi như Dục Giới thì có Phiền Não Dục và các Phiền Não khác. Cõi Sắc Giới thì có Phiền Não Sắc và các Phiền Não khác.Cõi Vô Sắc Giới thì có Phiền Não Vô Sắc và các Phiền Não khác. Nên dễ cho pháp lậu nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp lậu tức sự ngâm chìm phát sanh.

Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Lậu?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm và nhận định cùng với lòng ái thủ, đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Lậu sanh là vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Lậu:*Anāsavā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Cảnh Lậu.

Tại sao Đạo, Quả và Níp Bàn là Phi Cảnh Lậu? Bởi vì:

Đạo*(Magga)* tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục nên có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Lậu không biết đặng.

Quả là do nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quảSiêu thế, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên pháp Lậu không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.

Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên pháp Lậu càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế, Lậu còn không biết thì nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 16: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU

(ĀSAVA SAMPAYUTTA DUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Sāsavasampayuttā dhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu.*
- *Câu 2: Āsavavippayuttā dhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 715 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Tương ưng Lậu và Tất cả Pháp Bất tương ưng Lậu *(Sāsavasampayuttā dhammā, Āsavavippayuttā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Tương Ưng Lậu, như sau:

** Chư pháp tương ưng lậu trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng lậu (sāsavasampayuttā dhammā).

** Chư pháp bất tương ưng lậu trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp lậu đó tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bất tương ưng lậu(Āsavavippa-yuttā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- **Tương ưng:**hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung 1 lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp.
- **Bất tương ưng:** không hòa trộn,cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Lậu *(Āsava Sampayutta Duka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu*(Sāsavasampayuttā dhammā):* là những pháp nào có Lậu Hoặc phối hợp, mà có tính chất hòa trộn với Lậu. Hay là pháp Tương Ưng Lậu là trạng thái hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung 1 lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp với Lậu.
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu*(Āsavavippayuttā dhammā):* là những pháp nào không có Lậu Hoặc hòa trộn. Hay là pháp Bất Tương Ưng Lậu là trạng thái không hòa trộn, cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp với Lậu.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu là 12 tâm Bất thiện 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si). Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với 12 tâm Bất thiện
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với 12 tâm Bất thiện
3. Hành Uẩn là 25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si hợp Tâm Si) hợp với 12 tâm Bất thiện
4. Thức Uẩn là12 tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là12 tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là12 tâm Bất thiện
2. Pháp giới là27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là12 tâm Bất thiện, 26 Sở hữu hợp (đã trừ SH Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Lậulà 12 tâm Bất thiện 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

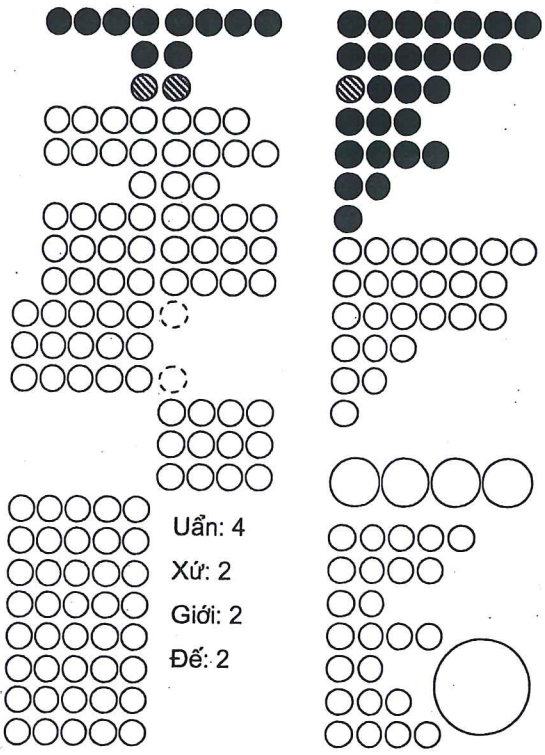

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu là Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
4. Hành Uẩn là36 SH đã trừ Thọ, Tưởng (hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhânvà Si hợp Tâm Si)
5. Thức Uẩn là tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
12. Pháp Xứ là38 SH (hợp với Tâm Tịnh Hảo, Tâm Vô Nhân, Si hợp Tâm Si) Sắc Tếvà Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

10.Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

11.Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12.Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13.Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14.Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15.Thân Thức Giới là đôi Thân thức
} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn

17.Ý thức giới là96 tâm Tịnh hảo và tâm Vô nhân(đã trừNgũ song thức và Ý giới)

18.Pháp giới là38 SH (hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Si hợp Tâm Si)sắc Tế, Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Tịnh hảoHiệp thế, tâm Vô nhân,38SHH và Si hợp Tâm Si
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậulà Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si

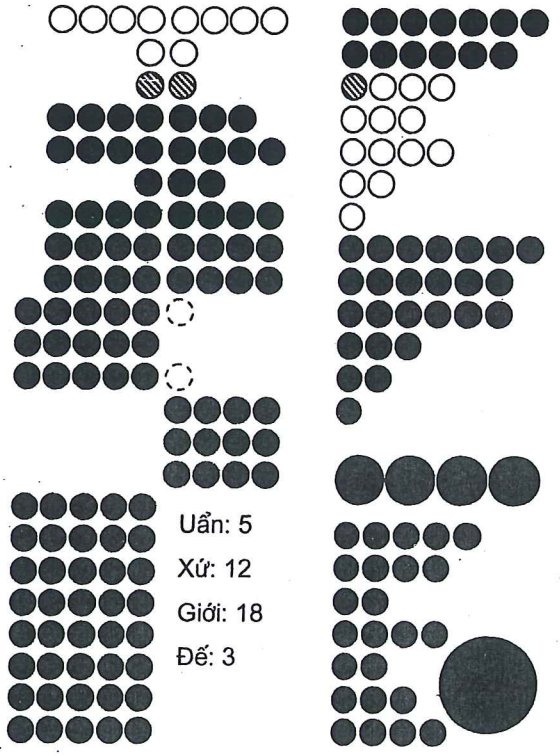

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Lậu:*Sāsavasampayuttā dhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu.

Ở đây, Đức Phật chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Thọ Uẩn Bất thiện
- SH Tưởng phối hợp với 12 Tâm Bất Thiệntức là Tưởng Uẩn Bất thiện
- 25 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 14 SH Bất thiện phối hợp với 12 Tâm Bất thiệntức là Hành Uẩn Bất thiện (đã trừ Si hợp Tâm Si)
- 12 TâmBất Thiệnlà Thức Uẩn Bất Thiện

Như vậy: 4 Uẩn Danh này hòa trộn với Lậu, sanh chung với Lậu, câu sanh với Lậu, trạng thái hỗ trợ cùng Lậu nên những pháp ấy gọi là pháp Tương Ưng Lậu, tức pháp Bất thiện.

Lưu ý: Trường hợp khi Tâm Si làm pháp Tương Ưng Lậu (Vô Minh Lậu) thì lúc này bớt ra Si hợp Tâm Si vì tính chất vô nhân khi Si gặp Tâm Si. Bởi vì Pháp Tương Ưng Lậu là chủ đề của câu pháp này thuộc về Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Lậu:*Āsavavippayuttā dhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu.

Ở đây, Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn, nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo tức là Thọ Uẩn Bất Tương Ưng Lậu
- SH Tưởng phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảotức là Tưởng Uẩn Bất Tương Ưng Lậu
- 36 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 25 SH Tịnh Hảo phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo tức là Hành Uẩn Bất Tương Ưng Lậu
- 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo là Thức Uẩn Bất Tương Ưng Lậu
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc Uẩn Bất Tương Ưng Lậu
- Và Vô Vi Giới tức Níp Bàn hay Vô Vi Ngoại Uẩn cũng là Bất Tương Ưng Lậu

Như vậy: 4 Uẩn Danh này, Sắc Uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Lậu, không sanh chung với Lậu, không câu sanh với Lậu (câu sanh theo lối Bất tương ưng duyên), trạng thái không hỗ trợ cùng Lậu nên những pháp ấy gọi là pháp Bất Tương Ưng Lậu.

Lưu ý: Trường hợp Si hợp Tâm Si do không tính trong Pháp Tương Ưng Lậu nên là Pháp Bất Tương Ưng Lậu.

NHỊ ĐỀ THỨ 17: NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU

(ĀSAVASĀSAVADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Āsavā ceva dhammā sāsavā ca - Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu.*
- *Câu 2: Sāsavā ceva dhammā no ca āsavā - Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 716 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu và Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu *(Āsavā ceva dhammā sāsavā ca, Sāsavā ceva dhammā no ca āsavā).* Gọi là Nhị Đề Lậu Cảnh Lậu, như sau:

** Chư pháp lậu và cảnh lậu ra sao?*

Những pháp lậu đó mà thôi. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp lậu và cảnh lậu (āsavā ceva dhammā sāsavāca).

** Chư pháp cảnh lậu mà phi lậu ra sao?*

Những pháp nào thành cảnh của những pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn thuộc phần lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh lậu mà phi lậu (sāsavā ceva dhammā no ca āsavā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Lậu Cảnh Lậu *(Āsavasāsavaduka)*là gom tụ 1 phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu và Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu.

1. Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu*(Āsavā ceva dhammā sāsavā ca):* nghĩa là chính nó (Dục, Hữu, Tà Kiến, Vô Minh Lậu) lại làm cảnh cho chính nó, tức là Pháp Lậu. Hay là khi Lậu đã sanh lại bị Pháp Lậu khác biết được bắt làm cảnh.
2. Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu*(Sāsavā ceva dhammā no ca āsavā):* là những trạng thái chẳng phải Lậu nhưng làm cảnh cho Pháp Lậu, đây ám chỉ cho Pháp ngoài Lậu (Pháp Hiệp thế trừ Tứ Lậu) bị Pháp Lậu bắt làm cảnh.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu là Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là SH Si, Tham, Tà kiến

– Xứ đặng 1 Xứ: Pháp Xứ là SH Si, Tham, Tà kiến

– Giới đặng 1 Giới: Pháp giới là SH Si, Tham, Tà kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Si, Tà kiến
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậulà Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến

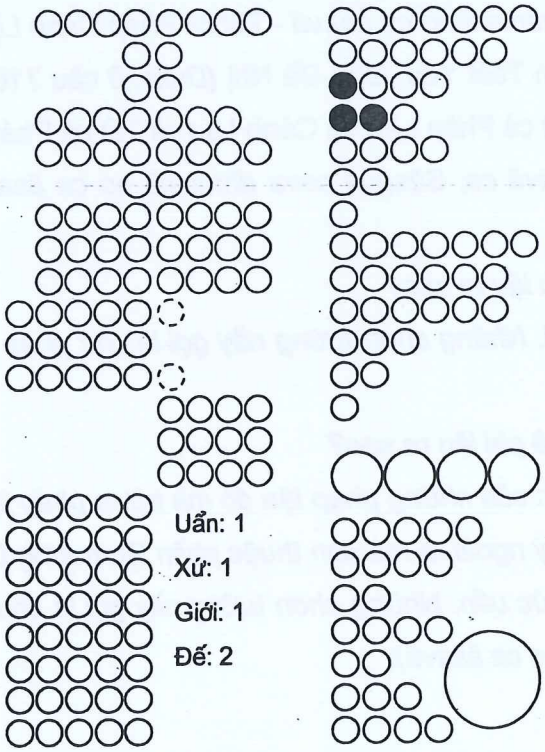

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu là Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Lậu). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế
4. Hành Uẩn là47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si, Tham và Tà Kiến) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức Uẩn là tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là49 SH (đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)hợp với tâm Hiệp thế vàSắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức
16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

17. Ý thức giới là 68 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là 49 SH(đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)(hợp với tâm Hiệp thế)và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlàSắc pháp, tâm Hiệp thế và 49 SHH (đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)

Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậulà Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Lậu)

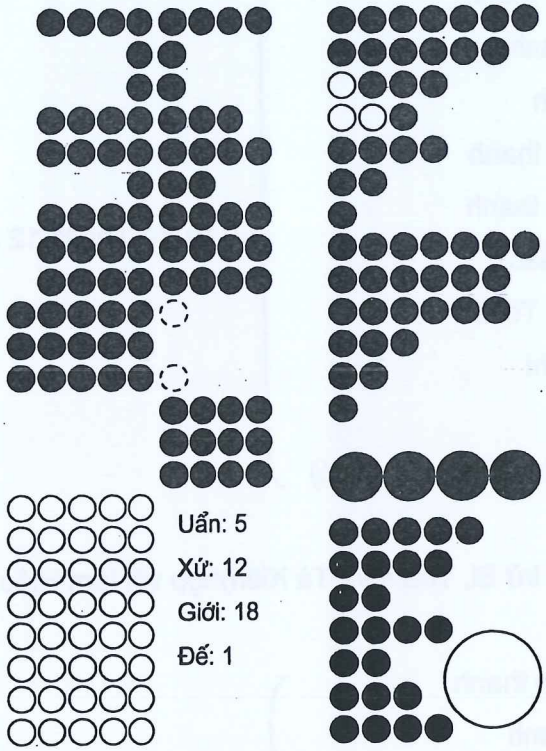

V. PHẦN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Lậu Cảnh Lậu:*Āsavā ceva dhammā sāsavā ca*- Tất cả Pháp Lậu và Cảnh Lậu.

Đây ám chỉ cho Dục, Hữu, Tà Kiến và Vô Minh tức là SH Si, SH Tham, SH Tà Kiến trở thành cảnh cho Lậu. Nghĩa là Tứ Lậu làm cảnh cho Pháp Lậu hay Tứ Lậu làm đối tượng cho Pháp Lậu, hoặc nói gọn là Lậu bị Lậu biết.

Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng như vầy:

- Dục Lậu làm cảnh cho Dục Lậu: đây là trường hợp sự đắm nhiễm trong dục lạc trước đây trở thành cảnh cho sự đắm nhiễm sau đó khởi sanh lên, dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Dục Lậu sau sanh. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý).
- Dục Lậu làm cảnh cho Hữu Lậu: là đang bị ngâm chìm trong Hữu Lậu rồi lại bị thêm Dục Lậu tác động chi phối. Như là vị đạo sĩ trong lúc dùng thần thông nhìn cảnh cung tần và Hoàng Hậu tắm mà khởi lên dục vọng nên đứt thiền hoại thông.
- Dục Lậu làm cảnh cho Tà Kiến Lậu: tức là dựa vào sự tham chấp trong dục vọng mà khởi sanh lên tà kiến như chấp sự thỏa thích với ái dục này là ta, là của ta... Tức là sự dục lạc đã làm ngâm chìm đã sanh khởi do tri kiến lệch lạc, thiếu phán xét, thiếu suy

đoán, thiếu sáng suốt nên khởi lên hiểu lầm chấp sai rồi tiếp tục bị ngâm chìm trong vọng tưởng sai lầm ấy.

- Dục Lậu làm cảnh cho Vô Minh Lậu:do bị ngâm chìm trong ái nhiễm, trong tham ái, trong mê luyến rồi trợ theo lối cảnh làm cho tâm bị mê mờ tăm tối, không biết pháp đáng biết, bị trầm nịch, trong sự tối mê không nhận ra chân tướng bản chất Siêu Lý, đây gọi là Dục Lậu làm đối tượng cho Vô Minh Lậu.

Hay là:

- Hữu Lậu làm cảnh cho Dục Lậu: do bị ngâm chìm trong ái luyến và ưa thích ham muốn trong thiền thông (ái nhập thiền) thì người Dục Giới Vui đắc thiền lấy cảnh Hữu Lậu làm đối tượng nên đây gọi là Hữu Lậu làm cảnh cho Dục Lậu... Còn các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc khi không an trú trong thiền cũng khởi sanh Dục Lậu vì các vị Phạm Thiên này nếu nói trên phương diện còn phàm hoặc thánh thấp là còn sử dụng các thứ tâm tham (tùy theo phàm, thánh) bởi căn gốc rễ luân chuyển trong luân hồi nhiều đời lắm kiếp, vị ấy vẫn còn Ái duyên Thủ.
- Hữu Lậu làm cảnh cho Hữu Lậu:là sự ái luyến, dính mắc của các vị phàm Tam Nhân đắc thiền, hoặc các Phạm Thiên đối với cảnh giới của Sắc và Vô Sắc, nay trở thành cảnh để sự Hữu Ái đó tiếp tục phát sanh. Hay nói cách khác, chấp sanh về các cõi mà nặng về ái luyến trên khía cạnh thiền thông (sanh hữu) tức là ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Vô Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích nhập thiền, và ái hiệp với sự ưa thích chấp thân.
- Hữu Lậu làm cảnh cho Tà Kiến Lậu: đó là khi ngâm chìm trong sự ái nhiễm thiền, thông... quá lâu mà khởi lên tà kiến, như cho là Sơ Thiền là Níp Bàn, Nhị Thiền là Níp Bàn, Tam Thiền là Níp Bàn, Tứ Thiền là Níp Bàn, Ngũ Thiền là Níp Bàn hoặc các vị Phạm Thiên này (phàm nhân) do sống quá lâu ở các cõi ấy nên hiểu sai, chấp lầm là trường tồn bất biến.
- Hữu Lậu làm cảnh cho Vô Minh Lậu: đây là trường hợp đắm nhiễm trong cảnh thiền, thông, ưa thích nhập thiền, ưa thích chấp thân... đến mức mê mờ, tối tăm cho đây là trường tồn vĩnh cửu mà không nhận ra đến 1 giai đoạn nào đó rồi cũng sanh tử và tiếp tục luân chuyển trong Tam Giới. Chính sự không nhận ra này là Vô Minh Lậu.

Hay là:

- Tà Kiến Lậu làm cảnh cho Dục Lậu:do bị ngâm chìm trong kiến thức sai lầm, cái biết bị lệch lạc, nên trợ cho tham dục sanh. Chẳng hạn như người tà kiến nặng rồi thích thú, trầm mê trong nhận định sai lầm của mình mà vẫn đắm nhiễm, hay là một chúng sanh như trời Đại Phạm Thiên tự cho mình là chủ tạo hóa (Tà Kiến Lậu) mà khởi lên tham ái, tức là SH Tham làm nền tảng (Dục Lậu).

- Tà Kiến Lậu làm cảnh cho Hữu Lậu: khi người Dục Giới Vui đắc Thiền hoặc là người Sắc Giới, Vô Sắc Giới (Hữu Lậu) nhận định cái mà đang thành tựu đây, đặng được đây là thuộc về ta, của ta, trong ta...,tức là đang hưởng cảnh thiền hoặc đang ở cõi thiền tưởng là thường hằng, mà không hay biết rằng có sự sanh diệt đổi thay của pháp hữu vi, tức không nhận ra cái lý của biến đổi, cái lý của vòng vây thiêu đốt áp bức, cái lý của cái không thuộc về ta (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã), trạng thái này là Tà Kiến Lậu trợ cho Hữu Lậu, hay sự hiểu sai chấp lầm làm đối tượng cho Hữu Lậu sanh.
- Tà Kiến Lậu làm cảnh cho Tà Kiến Lậu: do nết quen tà kiến của các đời trước, nay trợ bởi Thường Cận Y Duyên nên dễ phát sanh tà kiến lậu trong đời này. Nghĩa là những nhận định lệch lạc, sai lầm gặp dịp mà tri kiến không chịu chỉnh sửa nên giúp cho tà kiến lậu sanh tiếp tục.
- Tà Kiến Lậu làm cảnh cho Vô Minh Lậu:do nhận định sai lầm lệch lạc và chấp vọng tưởng có bản ngã nên trợ cho sự tối tăm không sáng suốt, tức là từ kiến thức sai lầm mà giúp cho Vô Minh Lậu sanh.

Hay là:

- Vô Minh Lậu làm cảnh cho Dục Lậu:đó là khi ngâm chìm trong sự mê tối rồi khởi lên thích thú, yêu mến, ái dục, đắm chìm trong pháp mà chỉ chấp chế định, không nhận ra được Uẩn, Xứ, Giới, Đế, do chìm trong ngũ uẩn và ngủ nghỉ theo Ngũ uẩn Thủ, không biết pháp đáng biết... Từ sự ngâm chìm này, phát sanh vọng tưởng có cái ta nên thương, ghét, giận, hờn... rồi ái chấp khởi lên 1 sự ngâm chìm khác đó là Dục Lậu.
- Vô Minh Lậu làm cảnh cho Hữu Lậu:do bị chìm ngâm trong pháp tăm tối ví như chốt gài bị khóa chặt không mở được cánh cửa để thấy được ánh sáng, không thấy đây là sự sáng suốt nhận ra thực tính pháp... nên khởi lên quan niệm muốn có đời sau, vì vậy Vô Minh Lậu trợ cho Hữu Lậu là vậy.
- Vô Minh Lậu làm cảnh cho Tà Kiến Lậu:do bị nhốt quá lâu (nhiều đời lắm kiếp) hay là bị ngâm chìm trong sự mờ mịt, trầm mê, nên dễ dàng giúp cho những tri kiến sai lầm phát sanh. Hay nói cách khác, Vô Minh Lậu trợ cho Tà Kiến Lậu là sự ngâm chìm, chìm đắm trong màn đêm tăm tối của pháp hữu vi, thiếu trí không nhận ra pháp bản chất thực tính, thực tướng nên nảy sanh những tri kiến lệch lạc như: đời là trường tồn bất biến hoặc chết là hết... và từ đó bị ngâm chìm trong mớ kiến thức hỗn độn này, nên đây gọi là Vô Minh Lậu trợ cho Tà Kiến Lậu.
- Vô Minh Lậu làm cảnh cho Vô Minh Lậu:do bị ngâm chìm trong trạng thái không biết, không thấy, không đắc chứng, không biết bằng cách thích hợp, không biết theo cách chân thật mà không thoát ra được do không có tri kiến, không gặp bậc hiền trí... nên

càngbị ngâm chìm trong sự không thấu suốt, không tín theo lẽ phải, không quyết tín đàng hoàng.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Lậu Cảnh Lậu:*Sāsavā ceva dhammā no ca āsavā*- Tất cả Pháp Cảnh Lậu mà Phi Lậu.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong Hiệp thế dù là Thiện, Bất thiện hay Vô ký cũng làm cảnh cho lậu.

- Trường hợp này, đối với bản thân, khi làm việc phước thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm, nặng trong mong mỏi đời sau... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho lậu, mặc dầu không phải là lậu.
- Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Lậu sanh. Vì pháp bất thiện (ngoài pháp lậu) câu sanh chung với pháp lậu trong quá khứ khi diệt rồi sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp lậu trong hiện tại. Như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm Tham) thì làm cảnh cho Dục Lậu. Còn mong mỏi đời sau hay Ái Nhập Thiền... (tâm Tham) thì cũng làm cảnh cho Hữu Lậu. Còn khi chấp thủ tri kiến hoặc cống cao phách lối (chỉ cho Tâm Tham Tương Ưng, Tâm Tham Bất Tương Ưng) thì cũng làm dịp tốt cho các Lậu sanh, nhất là Tà Kiến Lậu. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm Sân) thì cũng trợ cho những lậu sanh như Vô Minh Lậu chẳng hạn, vì không nhận rõ và thiếu sáng suốt không có cái ta để giận.
- Hoặc là những thành tựu (tâm quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Lậu sanh như:
  - ⇨ Khi các kết quả bất thiện (Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân) thì bị Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, khiến cho bị trầm nịch, ngâm chìm trong các lậu bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
  - ⇨ Còn Tâm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn, tà kiến hay bị vô minh. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận do nguồn gốc của si mê.

Những pháp trên Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô Ký là Thức Uẩn; pháp câu sanh là Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn, cho nên trong phần chánh tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 18: NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU

(ĀSAVA ĀSAVASAMPAYUTTA DUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Āsavā ceva dhammā āsava sampayuttā ca - Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậu.*
- *Câu 2: Āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā - Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 717 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậuvà Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu*(Āsavā ceva dhammā āsava sampayuttā ca, Āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā)*. Gọi là Nhị Đề Lậu và Tương Ưng Lậu, như sau:

** Chư pháp lậu hiệp với pháp lậu ra sao?*

- Dục lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với dục lậu.

- Hữu lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với hữu lậu.

- Tà kiến lậu tương ưng với vô minh lậu và vô minh lậu tương ưng với tà kiến lậu.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp lậu hiệp với pháp lậu.

** Chư pháp hiệp lậu mà phi lậu ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp lậu đó mà trừ ra pháp lậu rồi tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp hiệp lậu mà phi lậu (āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā).

II. THÍCH TỪ

- Các từ đã giải ở những phần trước.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Lậu Tương Ưng Lậu *(Āsava āsavasampayutta duka)*là gom tụ 1 phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậu và Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu.

1. Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậu *(Āsavā ceva dhammā āsava sampayuttā ca):* tức là pháp Lậu hòa trộn với pháp Lậu, nghĩa là Lậu này sanh trong đó có sự hòa trộn của Lậu khác như Dục Lậu, Hữu Lậu thì trong đó có Vô Minh Lậu và Tà Kiến Lậu, hay ngược lại.

Khi Dục Lậu sanh, trạng thái ngâm chìm trong sự mong mỏi, rất mong mỏi, quá mong mỏi, ái nhiễm trầm nịch, thì trong đó bởi không sáng suốt, thiếu trí (Vô Minh Lậu), những pháp này hiệp hòa cùng nhau...

2. Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu*(Āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā)* tức là hòa trộn với Pháp Lậu nhưng không phải là Pháp Lậu là chỉ cho phần tâm Bất

thiệnvà pháp Câu Sanh. Như là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si sanh chung với 4 Lậu (từng phần) vì Pháp Bản Thể của Lậu là SH Tham (Dục Lậu), SH Tham phối hợp Tham Bất Tương Ưng... (Hữu Lậu), SH Tà Kiến (Tà Kiến Lậu), SH Si (Vô Minh Lậu). Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Lậu ở đây là chỉ cho trạng thái Tâm (Bất thiện) còn Pháp Lậu là chỉ cho Pháp Bản Thể của Pháp Lậu (SH Tham, SH Tà Kiến,SH Si).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậu là Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp tâm Sân và Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là Si, Tham, Tà Kiến

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là Si, Tham, Tà Kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Si, Tham, Tà Kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSi, Tà Kiến
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậulà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp Tâm Sân và Si)

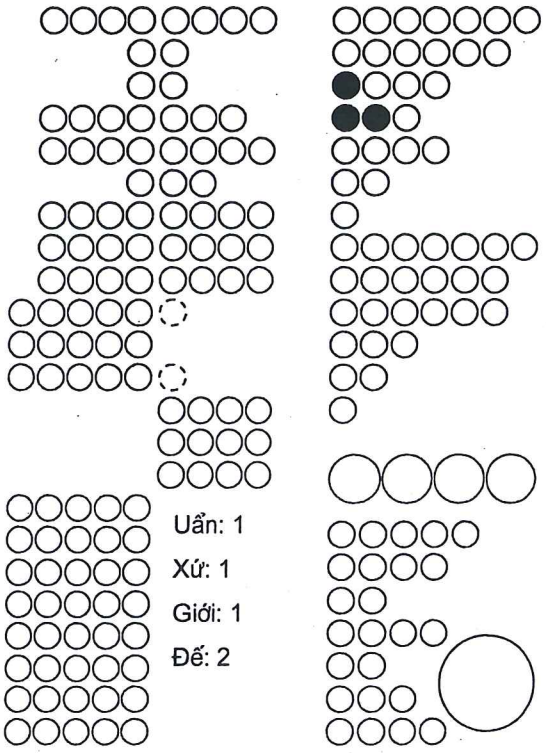

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Lậu). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Bất thiện

2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành Uẩn là22 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và 3 chi pháp lậu) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức Uẩn là tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là12 tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là24SH (đã trừ Si, Tham, Tà Kiến) hợp với tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là12 tâm Bất thiện
2. Pháp giới là24SH (đã trừ Si, Tham, Tà Kiến) hợp với tâm Bất thiện, Si hiệp tâm Si

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlàtâm Bất thiện, 24SH (đã trừ Si, Tham, Tà kiến)

Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Lậu)

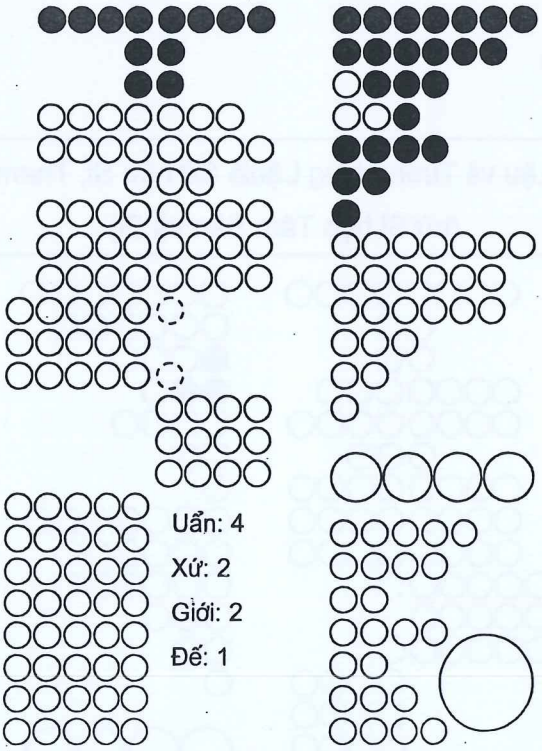

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Lậu và Tương Ưng Lậu:*Āsavā ceva dhammā āsava sampayuttā ca*- Tất cả Pháp Lậu và Tương Ưng Lậu.

"Dục lậu tương ưng với vô minh lậu":nghĩa là Dục Lậu hòa trộn, tương tác với Vô Minh Lậu,trạng thái nàybày hiện sự ngâm chìm trong say mê đắm nhiễm cảnh, cuốn theo sự mê mờ tăm tối bao trùm nên không rời ra khỏi được ái nhiễm. Bởi vì khi SH Tham và SH Si câu sanh với nhau làm cho trạng thái trở thành cuồng loạn hơn do không nhận ra thực tính bản chất của pháp nên ái nhiễm - tăm tối càng ái nhiễm - tăm tối.

"Vô minh lậu tương ưng với dục lậu":nghĩa là Vô Minh Lậu hòa trộn, tương tác với Dục Lậu, do bị ngâm chìm trong sự tối tăm, không nhận ra pháp đáng biết, chỉ nhận theo lối thường thức chế định và nghĩ về vọng tưởng cái ta và từ đó có ái nhiễm sanh tức là thương cái ta, mong mỏi cho cái ta được như thế này, đặng như thế kia, đây là Vô Minh Lậu hòa trộn với Dục Lậu, giống như người đi trong màn đêm tăm tối, không thấy nên có sự sờ soạng, tìm kiếm, mong mỏi nhưng không vượt thoát ra sự tối tăm ấy.

"Hữu lậu tương ưng với vô minh lậu": bởi vì do ham muốn, mong mỏi đời sau mà trong đó tác động bởi sự không hiểu biết pháp đáng biết nên mới có sự mong muốn đời sau hoặc ái trong các tầng thiền, khởi sanh mong muốn mê mờ đi theo sự luân chuyển luân hồi. Đây là sự hòa trộn của Hữu Lậu với Vô Minh Lậu.

"Vô minh lậu tương ưng với hữu lậu":đây chỉ sự hòa trộn của cách tăm tối với ái trong đời sau, bởi do không thấu suốt pháp chân tướng bản chất mà trong đó bị tác động bởi sự mong muốn có kiếp sống kế hoặc tham đắm với các cảnh giới thiền nên làm cho sự mê mờ tăm tối càng như chốt gài không thoát ra được.

"Tà kiến lậu tương ưng với vô minh lậu":nghĩa là tri kiến sai lầm hòa trộn cùng sự mê mờ tối tăm, tức do hiểu sai chấp lầm về bản chất các pháp và bị tác động bởi trạng thái tối tăm, không thấu đáo, không sáng suốt nên càng làm các tri kiến sai lầm này thêm sâu đậm rồi bị ngâm chìm trong hoang vu kiến, thiên kiến…

"Vô minh lậu tương ưng với tà kiến lậu":tức là sự hòa trộn giữa sự không biết rõ, khờ khạo, mê luyến, trầm mê với sự thấy biết sai lầm, nghĩa là bởi do sự không biết rõ mà bị tác động của các cách biết sai nên càng làm cho tri kiến lệch lạc, nhận sai, chấp lầm bị ngâm chìm cùng với trạng thái tối tăm, không tỏ rõ, thiển trí, mê mờ. Đó là sự hòa trộn của Vô Minh Lậu với Tà Kiến Lậu.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp lậu hiệp với pháp lậu.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Lậu Tương Ưng Lậu:*Āsava sampayuttā ceva dhammā no ca āsavā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu.

Nói về chi pháp bản chất thì Tất cả Pháp Tương Ưng Lậu mà Phi Lậu là chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiện và các SH câu sanh:

- Vì khi Tâm Tham sanh phải có sự hòa trộn của SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si. Vì do tác động của 3 pháp bản chất này làm cho Tâm không sáng suốt (Si) nên sự ái nhiễm đắm chìm căn gốc là SH Tham. Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Lậu mà phát sanh đặng phải nhờ vào căn, gốc, rễ của Pháp Lậu mới đủ sức phát sanh như trường hợp vừa nêu trên. Khi Tâm Tham Tương Ưng Kiến khởi, ngoài lý do đã nêu trên còn phải bị tác động

mạnh bởi pháp bản chất Tà Kiến, tức là Tà Kiến sẽ hòa trộn với trạng thái ham muốn đắm nhiễm...

- Hay như khi Tâm Sân sanh khởi, cũng nhờ vào các pháp bản chất câu sanh tương ưng trong đó có Si (Vô Minh Lậu) tác động mạnh làm căn gốc bất thiện. Vì Si làm cho trạng thái Tâm Sân lúc đó không nhận ra cái ta là không có, rồi vọng tưởng có cái ngã mà cho rằng tôi buồn, người ấy làm tôi giận...
- Hoặc như trường hợp Tâm Si phát sanh mà có 2 trạng thái lưỡng lự , phân vân; tán loạn lao chao, cũng bị tác động từ SH Si tức Vô Minh Lậu. Hay nói cách khác, 2 trạng thái hiện bày Hoài Nghi và Điệu Cử khởi sanh do từ căn Bất thiện Si, tác động mạnh làm cho các pháp câu sanh chung phải tối tăm mê mờ trước cảnh rồi đâm ra nghi nan, nghi hoặc hay là tán loạn, lao chao.
  - Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là sáng suốt, thông thấu (Trí Tuệ) trước cảnh, nhận định pháp 1 cách đúng đắn, rõ ràng... thìkhông có sự nghi nan, nghi hoặc, nghi chuyên, tức không có Hoài Nghi.
  - Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là rõ thấu, gạn lọc, trạch pháp... (Trí Tuệ) thì không bị tác động bởi cảnh chi phối mà lao chao, mà tán loạn, tức không có Điệu Cử.

Như vậy, ta thấy tác động của Si ở đây là nói về Vô Minh Lậu làm cho trạng thái tâm phải bị bấn loạn, không trụ yên, hoài nghi nên đối lập với Si tức là Trí Tuệ, hay đối lập với Vô Minh là Chánh Kiến. Mà một khi bị Si phối hợp hay tương ưng mà không đủ sức bật ra thì bị ngâm chìm (Lậu). Tóm lại những trạng thái pháp Tương Ưng Với Lậu được trình bày trên cho thấy một khi không có sự khai đoan mở mối, lướt tới (Chánh Tinh Tấn), sáng suốt (Chánh Kiến, Vô Si...), Chánh Niệm thì khó ngăn chặn hoặc vượt thoát qua được các pháp ngâm chìm là Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu và Vô Minh Lậu.

NHỊ ĐỀ THỨ 19: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU

(ĀSAVA VIPPAYUTTASĀSAVA DUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Āsavavippayuttā kho pana dhammā sāsavā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu.*
- *Câu 2: Āsavavippayuttā kho pana dhammā anāsavā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 718 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu *(Āsavavippayuttā kho pana dhammā sāsavā pi, Āsavavippayuttā kho pana dhammā anāsavā pi)*. Gọi là Nhị Đề Bất Tương Ưng Lậu Cảnh Lậu, như sau:

** Chư pháp ly lậu mà cảnh lậu ra sao?*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu mà còn lậu biết như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly lậu mà cảnh lậu (āsava vippayuttā sāsavā).

** Chư pháp ly lậu và phi cảnh lậu trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly lậu và phi cảnh lậu.

II. THÍCH TỪ

- Ly:lìa tan,chia rẽ, đây chỉ cho nghĩa bất tương ưng, tức là không hòa trộn

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Lậu Cảnh Lậu *(Āsava vippayuttāsāsava duka)*là gom tụ mộtphần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu.

1. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu*(Āsavavippayuttā kho pana dhammā sāsavā pi):* tức là các pháp không hòa trộn với lậu nhưng làm cảnh cho lậu, đây chỉ cho pháp bản chấtlà Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu *(Āsavavippayuttā kho pana dhammā anāsavā pi)*:tức là các trạng thái không hòa trộn với lậu mà cũng không bị pháp lậu bắt làm cảnh, đây chỉ cho pháp bản chất làPháp Siêu Thế.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si). Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảo Hiệp Thế
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh HảoHiệp Thế
4. Hành Uẩn là36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Vô Nhân, TâmTịnh HảoHiệp Thế và Si hiệp Tâm Si
5. Thức Uẩn là Tâm Vô Nhân và TâmTịnh HảoHiệp Thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh HảoHiệp Thế
12. Pháp Xứ là38 SH (hợp với Tâm Vô Nhân, Tâm Tịnh HảoHiệp Thế) Si hiệp Tâm Si và Sắc tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh HảoHiệp Thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là38 SH (hợp với Tâm Thiện, Vô KýHiệp Thế) Si hiệp Tâm Si và Sắc tế

– Đếđặng 1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp, tâm Vô Nhân, TâmTịnh Hảohiệp thế, 38 SHHvà Si hiệp Tâm Si

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện

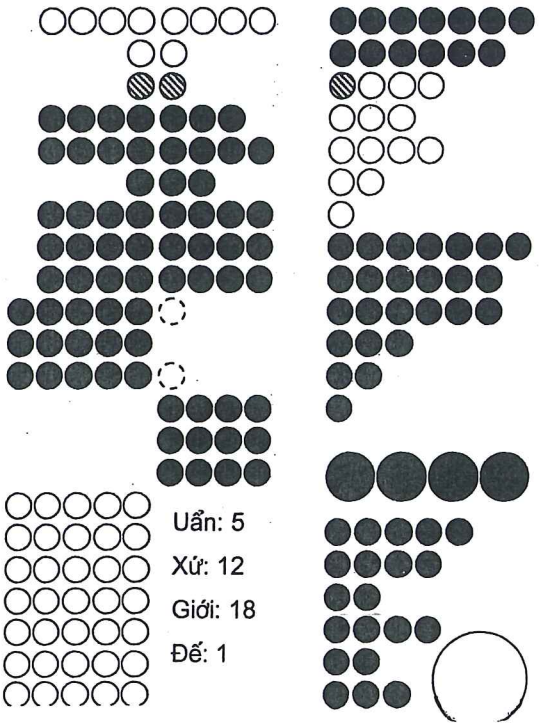

ngoài ra Si hợp Tâm Si)

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu là Pháp Siêu Thế. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành Uẩn là34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn là tâm Siêu thế

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36 SH (hợp với tâm Siêu thế)và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36SH(hợp với tâm Siêu thế)và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậulà Pháp Siêu Thế

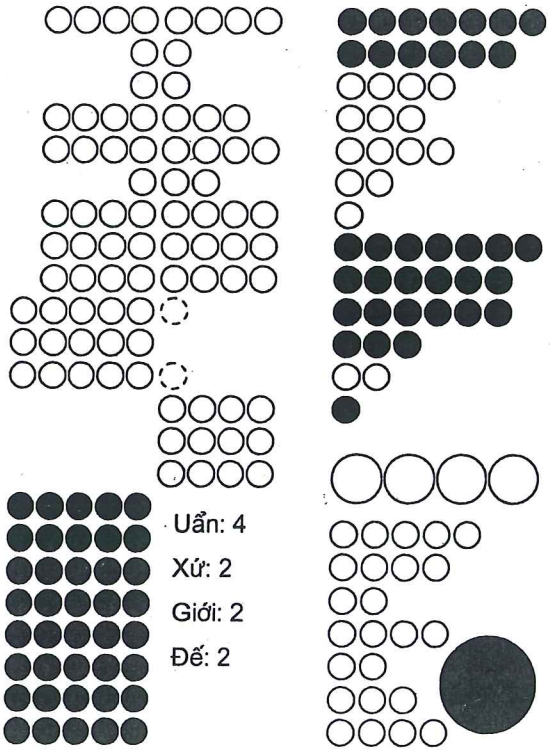

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Lậu Cảnh Lậu:*Āsavavippayuttā kho pana dhammā sāsavā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu.

"Những pháp nào bất tương ưng với pháp lậu mà còn lậu biết": tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Dục Lậu, Hữu Lậu, Tà Kiến Lậu và Vô Minh Lậu nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Lậu biết.

"như là pháp thiện": đây chỉ chocác thứ tâm Đại Thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo Đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Lậu sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Lậu. Tuy nhiên, các pháp này

vẫn có thể bị pháp Lậu lấy làm đối tượng để biết như là người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác...

"Pháp bất thiện": đây chỉ cho SH Si hiệp tâm Sivì khi SH Si sanh trong Tâm Si Hoài Nghi hoặc Tâm si Điệu Cử thì không có hòa trộn cùng SH Tham (Dục Lậu, Hữu Lậu) hay SH Tà Kiến (Tà Kiến Lậu) và cũng không hòa trộn cùng Vô Minh Lậu vì SH Si đã chính là chi pháp bản chất của Vô Minh Lậu rồi. SH Si có tính chất lôi cuốn, nhốt vào trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Lậu sanh như là Vô Minh Lậu làm cảnh cho Dục Lậu, Vô Minh Lậu làm cảnh cho Hữu Lậu,Vô Minh Lậu làm cảnh cho Tà Kiến Lậu,và Vô Minh Lậu làm cảnh cho Vô Minh Lậu.

"và pháp vô ký": tức là 32 Tâm Quả Hiệp thế, Đại Tố, Tố Đáo Đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp.

- Các tâm Quả hiệp thếlà các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Lậu nhưng cũng có thể làm cảnh cho Lậu bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị cuốn hút, ngâm chìm, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...
- Cho đến các tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Lậu nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vô tri vô giác nên không hòa trộn cùng pháp Lậu nhưng đây cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các phiền não, trong đó có Tham (Dục Lậu, Hữu Lậu), Tà Kiến (Tà Kiến Lậu) và Si (Vô Minh Lậu).

"nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới": các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị Pháp Lậu dẫn dắt.

"tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn":ở đây Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp Bất Tương Ưng Lậu mà Cảnh Lậu theo lối Ngũ Thủ Uẩn rồi từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly lậu mà cảnh lậu (āsava vippayuttā sāsavā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Lậu Cảnh Lậu:*Āsavavippayuttā kho pana dhammā anāsavā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Lậu và Phi Cảnh Lậu.

Tại sao Đạo Siêu thế là Bất Tương Ưng Lậu và phi cảnh Lậu?

Đạo Siêu thế hay Tâm Thiện Siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang đoạn trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc. Nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nhổ bật các pháp Lậu, nên rõ ràng không thể hòa trộn với pháp đối nghịch (Lậu), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các triền phược phiền não, lậu hoặc nên không bị Lậu và các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu, như tiến trình của lộ đắc Sơ Đạo hoặc đắc 3 đạo cao như sau:

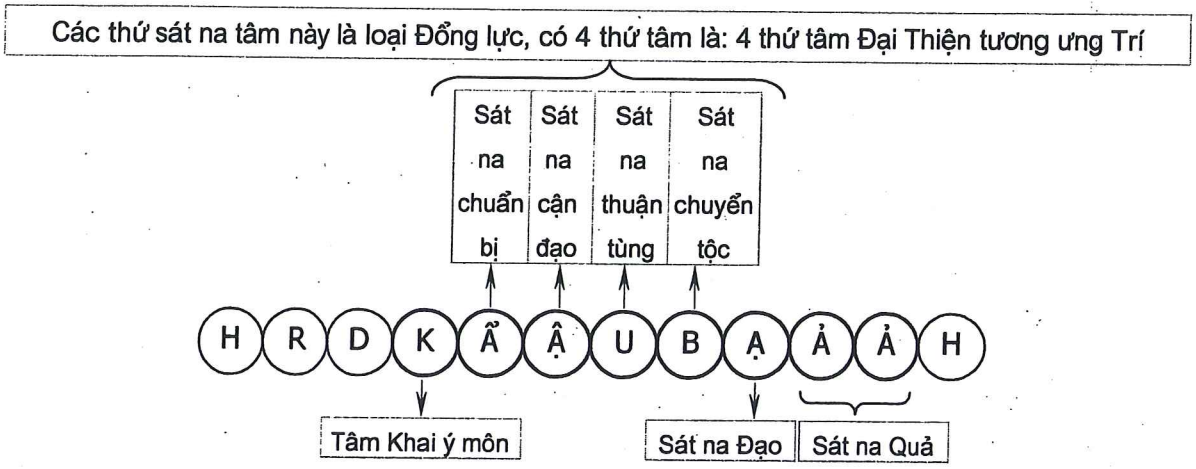

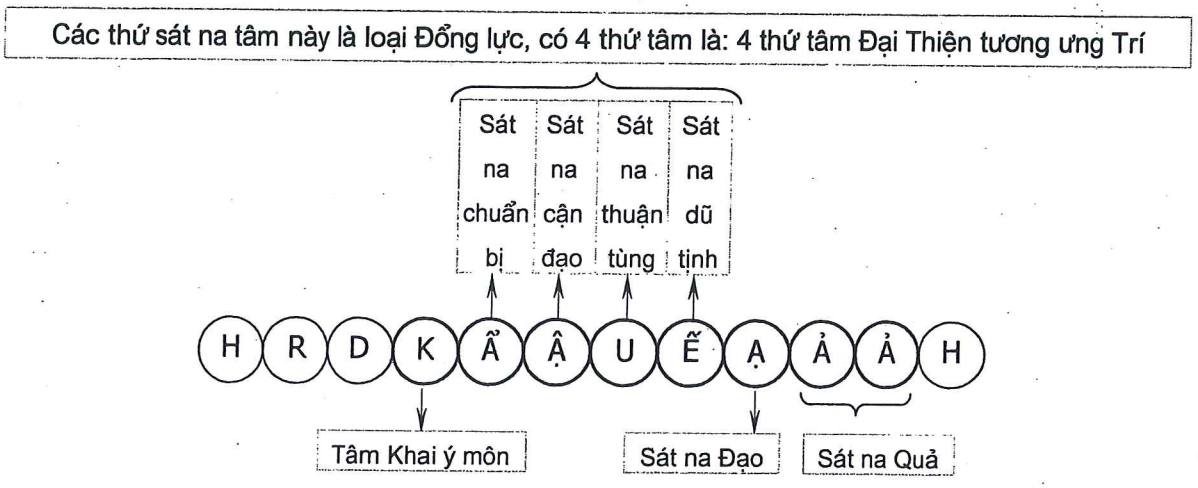

Đi vào giai đoạn các sát na tâm của tiến trình trật tự, thứ lớp mà trong đó có tâm Đạo, tức Thiện Siêu thế sanh, chúng ta thấy đường đi của Tâm thuần thục, rất nhuần nhuyễn, với sự quán suy đạt đến kiên cố, bền vững như:

- Ẩ: là ký hiệu của sát na chuẩn bị, đây là sát na nền tảng khi ngũ quyền đồng đều trợ cho các sát na khác như cận đạo, thuận tùng, chuyển tộc...sát na này tức là 4 thứ tâm đại thiện tương ưng trí tạo sức mạnh, ngăn, che, đẩy lùi, không cho xâm nhập các pháp xấu.

- Ậ: làký hiệu của sát na cận đạo, sát na tâm này sanh lên gần với sát na chứng đắc do tu tiến thuần thục, thuần niệm và tuệ mạnh (đây cũng chỉ cho 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí) nên không một pháp xấu nào chen vào xâm nhập.
- U: là ký hiệu của sát na thuận tùng tức trí thuận theo Đạo đế, vì sát na này thuận theo sát na trước (cận đạo) cũng thuận tiếp sát na sau (chuyển tộc). Sát na này bài trừ pháp đối nghịch, đào thải pháp đối lập, thuận lợi tiến hóa trong việc đắc đạo, vì vậy mà làm sao hòa trộn với Pháp Lậu được, đồng thời đối lập, đối nghịch, đào thải các lậu hoặc, phiền não nên không bị pháp Lậu bắt làm cảnh đặng.
- B: là ký hiệu của sát na chuyển tộc, đây là thời gian sát na Tâm diệt trừ dục giới tánh để phát triển thánh tánh hay siêu thế tánh, đây là điều đặc biệt của sát na này. Nói cách khác, vào giai đoạn mà tâm chuyển tộc sanh đã cắt đứt dục giới tánh hay phàm chủng dục, chuyển tộc làm cho tiến hóa, tăng trưởng trợ cho để đạt siêu thế tánh. Qua những lý chân thì không thể hòa trộn với pháp Lậu và cũng không bị pháp Lậu bắt làm cảnh đặng trong lúc này.
- Ế: là ký hiệu của sát na dũ tịnh, là từ Đạo Quả thấp tiến lên Đạo Quả cao, với chức năng càng trong sạch, càng thanh tịnh, sát na đổng lực dũ tịnh hỗ trợ thù thắng diệt thêm, diệt dứt các phiền não, lậu hoặc còn lại. Nói theo cách khác sát na dũ tịnh là sự tiến hóa thù diệu trong giai đoạn đoạn tận thêm các Lậu và càng tăng trưởng thêm sự thanh tịnh trong sạch, nên không thể hòa trộn với Lậu, đồng thời không bị Lậu bắt làm cảnh...
- Ạ: là ký hiệu của sát na Đạo, như chúng ta thấy các sát na vừa trình bày trên Ẩ, Ậ, U, B (4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí) mặc dù là Pháp Hiệp thế nhưng sanh theo lộ đắc đạo nên không bị Lậu biết. Do vậy khi đi vào giai đoạn đạo siêu thế hay thiện siêu thế phát sanh thì chúng ta càng thấy Pháp Lậu không thể xâm hại đến đây được, vì trong giai đoạn này:

- Diệt dứt phiền não tà kiến, hoài nghi - Diệt dứt sức mạnh bất thiện còn lại - Diệt dứt chủng tử khổ thú - Diệt dứt chủng tử ngoài 7 đời dục giới vui	Sơ Đạo
- Giảm nhẹ dục ái, sân - Diệt dứt chủng tử tái tục đời thứ 2 dụcgiới vui	Nhị Đạo
- Diệt dứt dục ái, sân - Diệt dứt chủng tửtái tục dụcgiới vui	Tam Đạo
- Diệt dứt phiền não Tham, Si, Vô Tàm, Vô úy, Điệu cử, Ngã Mạn, Hôn trầm, Thụy miên - Diệt dứt chủng tửtái tục tam giới (Vô sanh)	Tứ Đạo

Như vậy, Đạo là pháp Bất Tương Ưng Lậu đồng thời cũng phi cảnh Lậu do đặc tánh và tính chất đặc biệt, như vừa trình bày trên.

Tại sao Quả Siêu thế là Bất Tương Ưng Lậu và Phi cảnh Lậu?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái ngâm chìm, cuốn trôi, cột siết, sôi nổi, nóng nảy không còn đối với Quả Siêu thế. Mà đã nhổ bật các chướng ngại, cột siết... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Lậu) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các Lậu bắt làm cảnh được. Nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Lậu và phi cảnh Lậu là vậy.

Tại sao Vô Vi Giới là Bất Tương Ưng Lậu và Phi cảnh Lậu?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên là pháp Bất Tương Ưng Lậu và PhiCảnh Lậu.

BÀI 11: PHẦN TỤ TRIỀN

(SAÑÑOJANAGOCCHAKA)

Triền*(Saññojana)* là trạng thái cột siết chặt chúng sanh theo các cách như là ham muốn – thương yêu (tham), giận hờn – thù oán, tự thị, hiểu sai - chấp cứng, không quyết tin – phân vân, lưỡng lự, ganh tị - đố kỵ, giấu diếm - bỏn xẻn và không sáng suốt - tối tăm, thiếu hiểu. Như vậy, pháp nào là ràng buộc chúng sanh trong sanh tử pháp ấy gọilà Triền.

Pháp Triền có 10 trạng thái là:

1. Dục ái triền *(Kāmarāgasaññojana)*
2. Hữu ái Triền *(Bhavarāgasaññojana)*
3. Phẫn nhuế triền *(Paṭighasaññojana)*
4. Tà kiến triền *(Diṭṭhisaññojana)*
5. Ngã mạn Triền *(Mānasaññojana)*
6. Giới cấm thủ Triền *(Sīlabbataparāmāsasaññojana)*
7. Hoài nghi Triền *(Vicikicchāsaññojana)*
8. Tật đố Triền *(Issāsaññojana)*
9. Lận sắt Triền *(Macchariyasaññojana)*
10. Vô minh triền *(Avijjāsaññojana)*

Pháp Triền được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Triền *(Saññojanaduka)*
2. Nhị đề Cảnh Triền *(Saññojaniyāduka)*
3. Nhị đề Tương Ưng Triền *(Saññojanasampayuttaduka)*
4. Nhị đề Triền Cảnh Triền *(Saññojanasaññojaniya duka)*
5. Nhị đề Triền Tương Ưng Triền *(Saññojanasaññojanasampayuttaduka)*
6. Nhị đề Bất Tương Ưng Triền Cảnh Triền *(Saññojanavippayuttasaññojaniyaduka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 20: NHỊ ĐỀ TRIỀN

(SAÑÑOJANADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojanā dhammā - Tất cả Pháp Triền.*
- *Câu 2: No saññojanā dhammā - Tất cả Pháp Phi Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 719-730 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Triềnvà Tất cả Pháp Phi Triền*(Saññojanā dhammā, No saññojanā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Triền, như sau:

** Câu 719.Chư pháp triền trong khi có ra sao?*

Thập triền tức là ái dục triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắt triền, vô minh triền.

** Câu 720.Trong thập triền đó mà ái dục triền ra sao?*

Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng nầy gọi là ái dục triền.

** Câu 721.Phẫn nhuế triền trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại. Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận sát hại phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán giận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân hận, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là phẫn nhuế triền.

** Câu 722.Ngã mạn triền trong khi có ra sao?*

Cách so sánh cho rằng ta tốt hơn họ, ta bằng họ, ta thua họ, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh, lúc nào có trạng thái như thế tức là tự nâng cao, đem mình sánh cho bằng kẻ khác, tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh nầy gọi là ngã mạn triền (mānasaññojana).

** CÂu 723.Tà kiến triền trong khi có ra sao?*

Như là nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Đây gọi là tà kiến triền.

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ triền) đều là tà kiến triền.

** Câu 724.Hoài nghi triền trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, quá khứ, vị lai luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do duyên trợ tạo mới sanh ra chăng? Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai lẽ, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi triền.

** Câu 725.Giới cấm thủ triền trong khi có ra sao?*

Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa môn, Bà La môn ngoài Tông giáo nầy là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, chấp trước, cố chấp, chấp lầm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn và cách chấp theo khinh thị. Những trạng thái như thế gọi là giới cấm thủ triền có trong khi đó.

** Câu 726.Hữu ái triền trong khi có ra sao?*

Ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hởn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống luôn cả nhiều đời kiếp. Đây gọi là hữu ái triền (bhavarāgasaññojana).

** Câu 727.Tật đố triền trong khi có ra sao?*

Cách ganh tỵ, thái độ ganh tỵ, cách tật đố, sự tật đố, thái độ tật đố, tật đố vì lợi lộc, tật đố vì cung kỉnh, tật đố vì tín ngưỡng, tật đố vì cách lễ bái, tật đố vì cách cúng dường của người khác. Những cách như thế gọi là tật đố triền.

** Câu 728.Lận sắt triền trong khi có ra sao?*

Ngũ lận sắt như là: Bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn sắc đẹp (danh thơm), bỏn xẻn giáo pháp, cách bỏn xẻn, sự bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự rít rắm, sự keo kiết, sự không tế độ, không rộng rãi của tâm. Những cách như thế gọi là lận sắt triền (macchariyasaññojana).

** Câu 729.Vô minh triền trong khi có ra sao?*

Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc,

vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh triền. Những chơn tướng nói trên gọi là pháp triền.

** Câu 730.Chư pháp phi triền trong khi có ra sao?*

Trừ ra pháp triền rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi triền.

II. THÍCH TỪ

- Triền:là ràng rịt, quấn quanh, vây bọc. Theo Pāḷi,*Saññojana*là cột, siết chặt, ràng buộc
- Ái:yêu thích, ngùn ngụt Dục:tham muốn, ngọn lửa
- Ái dục:sự tham muốn như lửa cháy ngùn ngụt, đây chỉ cho tham đắm chìm trong cảnh dục lạc
- Phẫn:giận cáu, quá giận Nhuế:kháp mộng, vào mộng, cho vào vừa ngàm
- Phẫn nhuế: quá tức giận, muốn trút giận làm cho vừa lòng; sự vừa ý để hoại hay phá mà sự giận, sự hung dữ đạt được; như vì sân mà giết người cho đã nư, hay mắng chửi người khác để giải tỏa cơn thiêu đốt của tâm. Phẫn nhuếhay khuể phẫn là giận hờn, thù oán
- Ngã:ý của riêng ta Mạn: đầy tràn, không biết tự kiềm chế
- Ngã mạn:sự cho rằng ý của mình là đúng, là đầy đủ, là phải. Hay cách tự thị, cống cao, phách lối lừng lẫy
- Tà:lệch, vẹo, cong, bất chánh Kiến:thấy, biết, ý biết
- Tà kiến:sự thấy, sự hiểu biết lệch lạc, không đúng; cứ chạy theo sự hiểu sai, chấp cứng
- Hoài:bọc, chứa, ôm trong lòng Nghi:nghĩ ngợi, chưa tin, sợ
- Hoài nghi: sự nghĩ ngợi, lo sợ ôm chứa trong lòng. Đây chỉ cho không quyết tin những pháp đáng tin, cứ miệt mài bằng cách đánh dấu hỏi với những pháp trợ duyên giải thoát.
- Giới:phòng bị, răn bảo; Cấm là kiêng Thủ: giữ, cầm
- Giới cấm thủ:sự không phòng bị, không theo sự chỉ bảo khuyên răn,hay còn gọi là Tà giới, chấp cứng trì giới theo ngoại giáo
- Hữu: có, đầy đủ Ái:yêu thích ngùn ngụt
- Hữu ái:có sự yêu thích dồi dào. Đây là trạng thái tham, mong mỏi chúng sanh trong các cõi Thiền sắc hay Vô sắc
- Tật đố: ganh ghét làm cho tổn hại. Đây là sự đố kỵ mà không muốn người khác hơn mình
- Lận sắt: tiếc, dè sẻn, cò kè. Biểu hiện sự bỏn sẻn, che giấu
- Vô:không, tối Minh: sáng, tỏ rõ
- Vô minh: sự không tỏ rõ, ở đây chỉ cho sự ngu si không có trí tuệ. Vô minh theo nghĩa Phật giáo là không sáng suốt hay bị tối tăm hoặc mất tự do rộng rãi cao siêu

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Triền *(Saññojanaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Triền và Tất cả Pháp Phi Triền.

1. Tất cả Pháp Triền*(Saññojanā dhammā):* là trạng thái trói buộc, siết chúng sanh hay cột siết chặt danh sắc theo đời Ngũ uẩn thủ.
2. Tất cả Pháp Phi Triền*(No saññojanā dhammā):* là những trạng thái chẳng phải trói buộc chúng sanh bao gồm phần Hiệp thế và Siêu thế. Tất cả pháp Phi triền là nói đến không phải bản chất hay bản chất ràng buộc chúng sanh, hay cột siết chặt danh sắc, mặc dù trong đó có pháp Hiệp thế.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Triền là Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài Nghi. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành Uẩnlà SH Si, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài Nghi.
– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp XứlàSH Si, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài Nghi.
– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilàSH Si, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài Nghi.
– Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế là SH Si, Tà kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài nghi
  2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Triềnlà Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến, Ngã Mạn, Sân, Tật, Lận và Hoài Nghi

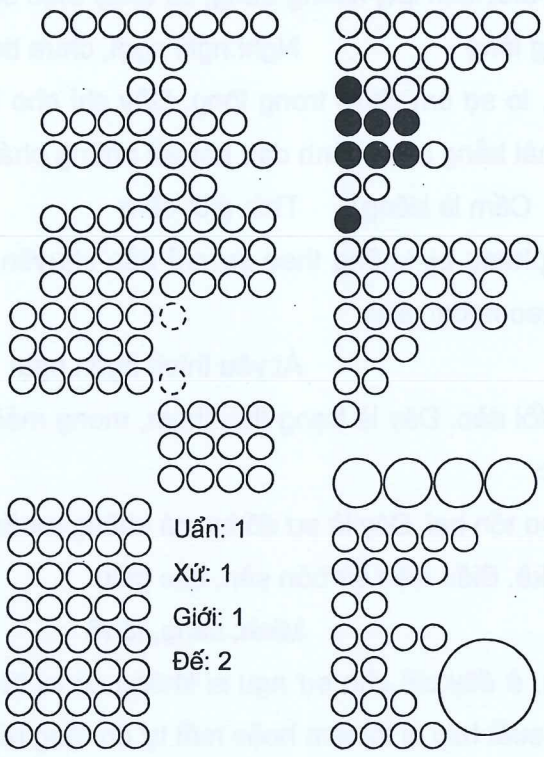

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Triền là Pháp Siêu Lý (trừ ra chi Pháp Triền). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩn là42 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ làsắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ làsắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ làsắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ làsắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ làsắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làsắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làsắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làsắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làsắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ làsắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là44 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12.Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13.Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14.Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15.Thân Thức Giới là đôi Thân thức
} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17.Ý thức giới là 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18.Pháp giới là 44SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Diệt đế là Níp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế
   Ngoại Đếlà tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Triềnlà Pháp Siêu Lý (trừ ra chi Pháp Triền)

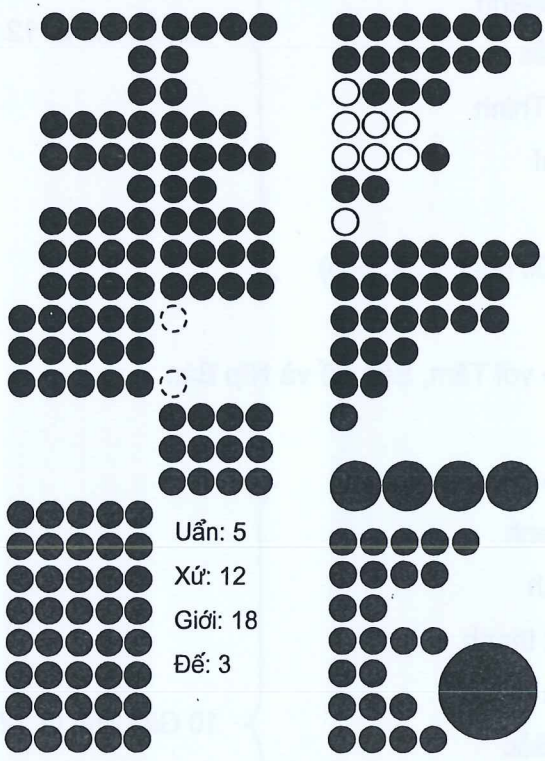

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Triền:*Saññojanā dhammā*- Tất cả Pháp Triền.

Trạng thái nào ràng buộc chúng sanh theo luân hồi khổ, hoặc pháp nào cột siết chặt Danh Sắc trong đời Ngũ uẩn Thủ thì pháp ấy gọi là Pháp Triền.

Khi nói đến Pháp Triền (*Saññojanā dhammā),* Đức Phật có lúc giảng dạy cô đọng là Tam Triền, có lúc nói vừa phải là Thất Triền, và có lúc nói rộng rãi là Thập Triền. Vậy, chúng ta tìm hiểu các phần ấy như sau:

- Tam Triền

Tam triền đó ra sao?Như là thân kiến, hoài nghi và giới cấm thủ.

Trong ba triền ấy mà thân kiến đó ra sao?Như là phàm phu trong đời nầy thiếu học vấn không gặp Thánh nhân, không rành trong pháp Thánh nhân, không đặng thụ huấn theo pháp của Thánh nhân. Không gặp trí thức, không rành trong pháp của trí thức, không đặng thụ huấn trong pháp của trí thức, nên vẫn thấy sắc là ta hay thấy ta có sắc. Hoặc thấy sắc trong ta, hoặc thấy ta trong sắc. Vẫn thấy thọ là ta... vẫn thấy tưởng là ta... vẫn thấy hành là ta... vẫn thấy thức là ta hay là thấy ta có thức, hoặc thấy thức trong ta, hoặc thấy ta trong thức. Nhận thấy theo thiên kiến... cách chấp theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thân kiến (sakkāyadiṭṭhi).

Hoài nghi trong khi có ra sao?Như là phàm phu do dự, nghi nan trong Phật giáo; do dự hoài nghi trong Pháp bảo; do dự hoài nghi trong Tăng bảo; do dự hoài nghi trong điều học; do dự hoài nghi trong phần quá khứ; do dự hoài nghi trong phần vị lai; do dự hoài nghi trong phần quá khứ vị lai; do dự hoài nghi trong pháp duyên khởi nương trợ nhau phát sanh. Cách do dự, sự do dự, thái độ do dự... cách sượng sần của tâm, sự tâm dùng dằng. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hoài nghi (vicikicchā).

Giới cấm thủ trong khi có ra sao?Như là Sa môn, Bà la môn thuộc ngoại giáo mà nhận thấy hiện tượng như thế nầy: Giới thanh tịnh, tập quán thanh tịnh, giới cấm thủ thanh tịnh. Đó là thiên kiến... cách chấp theo dị đoan. Như thế ấy mới gọi là giới cấm thủ (sīlabbataparāmāsa).

Như thế gọi là tam triền.

Trong phần này, Đức Phật nêu 3 pháp triền là Thân Kiến Triền, Hoài Nghi Triền và Giới Cấm Thủ Triền. Trong đó Thân Kiến Triềnvà Giới Cấm Thủ Triền có cùng chi pháp là SH Tà Kiến, còn Hoài Nghi Triền có chi pháp là SH Hoài Nghi. Đây là 2 trạng thái pháp mà bậc thánh Sơ Đạo, Sơ Quả phải đoạn tận đầu tiên vì có thể xem như pháp dẫn của pháp Bất thiện.

- Thất Triền

Thất triền đó ra sao?Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, hữu ái triền, vô minh triền. Như thế gọi là thất triền (saṃhoyana).

Phần này Đức Phật không đề cập đến Giới Cấm Thủ Triền, Tật Đố Triền và Lận Sắt Triền vì chi pháp bản chất của Giới Cấm Thủ Triền là SH Tà Kiến đã nêu trong Tà kiến triền, còn Tật Đố Triền và Lận Sắt Triền thì đi chung với Phẫn Nhuế Triền.

- Thập Triền

Thập triền đó ra sao?Như là dục ái triền, phẫn nhuế triền, ngã mạn triền, tà kiến triền, hoài nghi triền, giới cấm thủ triền, hữu ái triền, tật đố triền, lận sắc triền, vô minh triền. Như thế gọi là thập triền (dasa samyojanāhi).

Đây phân giải rộng Thập Triền theo Vô Tỷ Pháp như sau:

1. Dục ái triền:Tham nó trói buộc chúng sanh với cảnh dục lạc thì gọi là Ái Dục Triền, có chi pháp là SH Tham hiệp với 8 Tâm Tham vì khi Tham phát sanh, biểu hiện Tham, Tham Ác, tức là cách tham, sự muốn, rất muốn, dục vọng, yêu mến, rất yêu mến, tham chính là căn bất thiện, nhân bất thiện nên làm pháp câu sanh bị cuốn theo và từ đó siết chặt lại, cột chặt lại, nên thành ra Ái Thủ. Pháp Dục ái triền có thể hiện như là:

- Dục Tầm tức sự nghĩ ngợi, cách rất nghĩ ngợi,... sự tà tưởng hay tưởng liên hệ với dục.
- Dục Tưởng tức sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với dục.
- Dục Giới (*Kāmadhātu*) tức là Dục Tầm sắp thànhDục Giới.

Khi nói đến pháp Ái thì Dục Ái mà Đức Phật Ngài đã có dạy trong Cửu Căn Ái *(taṅhāmūlakā dhammā)* là những trạng thái ràng buộc siết cột:

1. Là do nương ái mới sanh cách tìm kiếm.
2. Là do nương cách tìm kiếm mới sanh cách đặng.
3. Là do nương cách đặng mới sanh cách phán đoán.
4. Là do nương cách phán đoán mới sanh cách dục ái.
5. Là do nương cách dục ái mới sanh cách chấp trước.
6. Là do nương cách chấp trước mới sanh cách bận bịu.
7. Là do nương cách bận bịu mới sanh sự bỏn xẻn.
8. Là do nương sự bỏn xẻn mới sanh cách gìn giữ.
9. Là do nương sự gìn giữ mới sanh ra pháp tội ác, nhiều cách như là cầm cây, cầm khí giới, cách cải vả, cách giành xé, cách tranh luận, cách nói mầy tao, cách nói thóc mách và cách nói láo.

2. Hữu ái triền: Tham nó trói buộc chúng sanh với những cõi Sắc Giới hay Vô Sắc Giới hoặc Người dục giới đắc Thiền Sắc giới và Vô sắc giới có chi pháp là SH Tham hiệp với 4 thứ Tâm Tham Bất Tương Ưng. Đây là trạng thái mong mỏi đời sau, có liên quan trong Ái Nhập Thiền... tức trói buộc chúng sanh dính theo Thiền Hiệp thế.

Hay nói cách khác, Hữu ái triền là:

Hữu ái đó ra sao?Như là sự vừa lòng trong đời sống, ưa thích trong đời sống, hớn hở trong đời sống, sự mong mỏi trong đời sống, sự dính dấp trong đời sống, sự bực bội trong đời sống, sự ẩn núp trong hữu (bhāva), sự vùi lấp trong hậu hữu. Như thế gọi là hữu ái.

3. Phẫn nhuế triền (Khuể phẫn triền): tức là giận hờn, thù oán, cách tính ác độc, rồi ràng buộc theo lối sự tính ác độc, thái độ tính ác độc, cách tính ám hại, sự tính ám hại... có chi

pháp bản chất là SH Sân hiệp với 2 Tâm Sân. Đây là trạng thái trói buộc chúng sanh trong sự sân, sự tức tối, sự hung dữ, sự ác khẩu, cách tâm không thơi thới... Pháp Phẫn Nhuế Triền có thể hiện như là:

- Sân Độc Tầm tức là sự nghĩ ngợi, sự nghĩ ngợi sai, sự rất nghĩ ngợi và suy xét theo lối thù sân độc.
- Sân Độc Tưởng tức là cách nhớ, sự nhớ, thái độ nhớ liên quan với sân độc.
- Sân Độc Giới (*Byāpādadhātu*) tức là Sân Độc Tầm sắp thànhSân Độc Giới.

Khi nói đến pháp Sân thì Đức Phật Ngài có dạy Cửu Cừu Địch Tông hay Cửu Hiệp Cừu Tông*(ākhātavatthu)* trong Xiển Minh Phần Chín Điều, thuộc Tiểu Tông Phân Tích, Bộ Phân Tích, Tạng Vô Tỷ Pháp, tức là:

- Cửu là chín.
- Hiệp là phối hợp, góp lại, liên tiếp.
- Cừu là thù địch, giận dữ.
- Tông là chủ, hợp lại cả, chi điều.
- Cửu Hiệp Cừu Tông là phần gom tóm 9 điều phối hợp với sự thù địch phát sanh. Chín điều ấy bao gồm:

1. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho ta hư hại.
2. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho ta hư hại.
3. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho ta hư hại.
4. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ thương mến của tahư hại.
5. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
6. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ thương yêu của ta hư hại.
7. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đã làm cho kẻ đối nghịch với ta đặng lợi ích.
8. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy đang làm cho kẻ nghịch với ta đặng lợi ích.
9. Là sự hiệp cừu phát sanh do nghĩ rằng người ấy sẽ làm cho kẻ nghịch với ta thêm lợi ích.

Khi phát sanh Khuể Phẫn Triền, do một trạng thái pháp đó là Lục Liên Quan Ưu *(gehasitadomanassa)*:

1. Sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong

sắc chẳng vừa lòng,

2. Sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong tiếng chẳng vừa lòng,
3. Sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong hơi chẳng vừa ý,
4. Sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong vị chẳng vừa tâm,
5. Sự không vui lòng, khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui và khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, thái độ hưởng cảnh chẳng vui khổ tâm sanh từ nơi ý xúc, cố nương dục lạc đối trong xúc không thích hợp,
6. Sự không vui lòng, cách khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui thành khổ sanh từ ý xúc, cố nương dục lạc, đối trong cảnh pháp đều chẳng vừa lòng.

Như thế gọi là Lục Liên Quan Ưu.

4. Ngã mạn triền: là cách tự thị cũng ràng buộc chúng sanh, hay cột siết chặt danh sắc trên khía cạnh phô diễn sự so sánh ỷ lại... thì cũng gọi là Ngã Mạn Triền.Đây là trạng thái so sánh, sự so sánh, thái độ so sánh, lối so sánh... tức trói buộc chúng sanh dính theo trạng thái tự so đo với người, tâm cống cao, tánh cần so sánh... Trạng thái này có chi pháp bản chất là SH Ngã Mạn hiệp với 4 Tâm Tham Bất Tương Ưng.

Khi nói đến pháp Ngã Mạn *(māno)*như là ỷ mình, cách ỷ mình, thái độ ỷ mình, cách nâng mình, cách cống cao, sự mà tâm phải thành như cờ, cách cất mình lên như cờ, cách nâng cao mình lên, sự mà tâm phải thành như cờ, Phật Ngài đã có dạy trong XiểnMinh-Phần Một Điều-thuộc Tiểu Tông Phân Tích, Bộ Phân Tích, Tạng Vô Tỷ Pháp, từ câu 883 - 885 gồm 3 phần như sau:

** Sự so sánh ỷ mình hơn họ đó ra sao?Cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình do một nhân nào như là do sanh ra theo cách sanh, theo cách dòng giống; hay ỷ đặng làm con người có sân sát, có danh vọng gia tộc, với sự có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với cách làm lớn, ỷ có nghề nghiệp, ỷ có nghề giỏi, ỷ có tài cán, ỷ có học vấn hay ỷ với sự cấp trí, sự ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, cách nưng cao, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có thái độ như thế gọi là sự so sánh ỷ mình (seyyohamasmīti māno).*

** Sự so sánh ỷ mình bằng họ đó ra sao?Như là cũng có người trong đời nầy vẫn chấp mình bằng một nhân nào như là do ỷ sanh, ỷ dòng giống, ỷ làm con nhà danh gia vọng tộc, ỷ bằng*

sự thành người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ với lớn chức, ỷ với chủ, sự ỷ với nghề giỏi, ỷ với tài hay, ỷ với sự học vấn, ỷ với cấp trí, sự tự thị tự cách, tư cách thái độ tự thị, cách nâng mình, cách tự cao cất mình lên như cờ, sự nâng mình lên cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự so sánh ỷ mình cho là bằng họ (sadisohamasmīti māno).

** Sự cho rằng ta thua họ ra sao?Trong đời nầy cũng có người tự coi rẻ mình do một nhân nào như là coi rẻ do sự sanh ra do dòng giống, do sự làm con của người có sân sát ,do có sắc đẹp, do tài sản, do chức lớn, do chủ sự, do nghề giỏi, do tài hay, do sự học vấn hoặc do cấp trí. Đó là sự coi ta rẻ, tư cách coi ta rẻ, thái độ coi rẻ ta, sự ghét mình, sự rất ghét mình, tư cách rất ghét mình, ta coi rẻ ta, sự coi rẻ ta cho rằng hèn hạ xấu xa, cách coi mình kém thiếu. Nếu có trạng thái như thế gọi là sự cho rằng ta thua họ (hīnohamasmīti māno).*

Ba phần này được chiết bán ra thành 9 cách gọi là Cửu Ngã Mạn*(navavidhā mānā)* là những trạng thái ràng buộc siết cột theo lối so sánh mình với người, gồm:

1. Là hơn ỷ hơn *(seyyassa seyyohamasmīti māno)*
2. Là hơn ỷ bằng *(seyyassa sadisohamasmīti māno)*
3. Là hơn ỷ thua *(seyyassa hīnohamasmīti māno)*
4. Là bằng ỷ hơn *(sadisassa seyyohamasmīti māno)*
5. Là bằng ỷ bằng *(sadisassa sadisohamasmīti māno)*
6. Là bằng ỷ thua *(sadisassa hīnohamasmīti māno)*
7. Là thua ỷ hơn *(hīnassa seyyohamasmīti māno)*
8. Là thua ỷ bằng *(hīnassa sadisohamasmīti māno)*
9. Là thua ỷ thua *(hīnassa hīnohamasmīti māno)*

** Hơn ỷ hơn đó ra sao?Như là cũng có người trong đời nầy đặng bực hơn kẻ khác mà chấp rằng ta hơn kẻ khác bằng trong một nhân nào như là do nhân sanh, do dòng giống, do đặng làm con bực danh gia vọng tộc, do có sắc đẹp, do có của cải, do chức lớn, do làm lớn trong công việc, do nghề khéo, do tài hay, do học vấn, hoặc do cấp trí mới chấp rằng ta hơn những người khác. Như thế gọi là tự cao, cách tự cao, sự tự cao, thái độ tự cao, cách nâng mình, cách trọng mình, cách tự nâng cao mình như cờ mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ hơn (seyyohamasmīti māno).*

** Hơn ỷ bằng đó ra sao?Như là cũng có người trong đời nầy thật là bực hơn họ mà cho là ta do một nhân nào như là do sanh, do dòng giống, do làm con nhà danh giá, do đặng sắc đẹp, do có của cải, do chức trưởng thượng, do làm lớn trong ngành, do tài năng, do sự học vấn, hoặc do cấp trí họ nương cách ỷ mình bằng với người khác. Như thế đó đã là tự chấp, sự tự chấp, thái độ tự chấp, tư cách tự chấp, cách nâng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự tự nâng cao, cách mà tâm phải như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ bằng (seyyassa sadisohamasmīti māno).*

** Hơn ỷ thua đó ra sao?Như là có người trong đời nầy thành người đặc biệt hơn họ mà chấp rằng mình bằng với những kẻ khác do với trong một nhân nào như là do với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá, ỷ là người có sắc đẹp, ỷ với của cải, ỷ sự trượng thượng, ỷ làm lớn trong công việc, ỷ nghề hay, ỷ với tài năng, ỷ với học vấn hoặc ỷ với cấp trí, họ nương sự chấp mình cho rằng thua các người khác, đã coi rẻ mình; như thế là sự tự khinh, cách tự khinh, sự ghét chê mình, thái độ rất ghét chê mình, tư cách rất ghét chê mình, sự tự coi rẻ, tự nhận mình thấp thỏi, sự coi mình hèn hạ. Nếu có trạng thái như thế gọi là hơn ỷ thua (seyyassa hīnohamasmītimāno).*

** Bằng ỷ hơn đó ra sao?Như là có người trong đời nầy là kẻ bằng với họ mà chấp cho rằng mình hơn những kẻ khác do trong một nhân nào như là do lối sanh ra hay ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá... họ nương cách ngã mạn ỷ hơn các người khác. Như thế đó là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, sự đưa mình lên cao, sự mà có tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là bằng ỷ hơn (sadisassa seyyohamasmītimāno).*

** Bằng ỷ bằng đó ra sao?Như là có kẻ trong đời nầy thành bực bằng họ nhưng mà chấp rằng ta bằng với các người khác do trong một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà danh giá... hoặc đã nương cách ngã mạn chấp bằng người khác là sự ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách đưa mình lên, cách cất mình lên như cờ, cách nâng mình lên cao, sự mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là người bằng ỷ bằng (sadisassa sadisohamasmīti māno).*

** Bằng ỷ thua đó ra sao?Như là có người trong đời nầy thành người bằng với họ mà ngã mạn cho rằng thua cả người khác do một nhân nào như là do sanh ra do dòng giống, do làm con nhà danh giá... họ đã nương cách ngã mạn ỷ thua, đã coi mình rẻ như thế đó là tự khinh, tư cách tự khinh, sự tự khinh, thái độ tự khinh, tự ghét ghớm, thái độ ghét ghớm, tư cách tự coi rẻ, sự coi mình quá thấp hèn, sự tự nhận mình. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người bằng ỷ thua (sadisassa hīnohamasmītimāno).*

** Thua ỷ hơn đó ra sao?Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà chấp rằng ta hơn những người khác phải do một nhân nào như là ỷ với sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh gia vọng tộc... họ đã nương sự chấp hơn người khác rồi ngã mạn, cách ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ, sự đưa mình lên, cách mà tâm phải thành như cờ. Nếu có trạng thái như thế gọi là thua ỷ hơn (hīnassa seyyohamasmīti māno).*

** Thua ỷ bằng đó ra sao?Như là có kẻ trong đời nầy thành người thua người khác mà cố chấp rằng ta bằng người khác do một nhân nào như là ỷ sanh ra, ỷ với dòng giống, ỷ với làm con nhà danh giá... họ đã nương cách ngã mạn ỷ bằng, đã tự coi rẻ mình, như thế là tự*

khinh, sự tự khinh, tư cách tự khinh của người khác rồi ngã mạn, thái độ ngã mạn, tư cách ngã mạn, cách nâng mình lên như cờ, cách đưa mình lên, cách cử mình lên như cờ; Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ bằng (hīnassa sadisohamasmīti māno).

** Thua ỷ thua đó ra sao?Như là có kẻ trong đời nầy chấp rằng ta thua những người khác do một trong những nguyên nhân nào như là ỷ với sanh, ỷ với dòng giống, ỷ làm con nhà sơ sát... họ đã nương cách ỷ thua người khác như thế đó, tự coi rẻ, cách tự coi rẻ, thái độ tự coi rẻ, tư cách tự coi rẻ, sự tự chê ghét, thái độ tự chê ghét, tư cách rất tự chê ghét, sự tự khinh, coi mình thấp thỏi, sự coi mình hèn. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là người thua ỷ thua (hīnassa hīnohamasmīti māno).*

Những trạng thái trên là ràng buộc chúng sanh, ỷ mình theo vọng tộc, danh thơm, lợi lộc, danh thế...

5. Tà kiến triền: là cứ chạy theo sự hiểu sai chấp cứng như siết chặt, hay là sự cột siết danh sắc theo lối vọng tưởng, vì Tà Kiến mang tính chất nặng về tri kiến lệch lạc, sai lầm mà không chịu buông như quan niệm chấp rằng Tứ Thường Kiến *(sassatavādā)*, Tứ Thường Vô Thường Kiến *(ekaccasassatikā)*, Tứ Vô Gián Kiến *(antānantikā)*, Tứ Vô Ký Kiến *(amarāvikkhepikā)*, Nhị Vô Nhân Sanh Kiến *(adhaccasamuppannikā)*, Thập Lục Tưởng Kiến *(saññivādā)*, Bát Vô Tưởng Kiến *(asaññivādā)*, Bát Phi Tưởng Phi Phi Tưởng Kiến *(novasaññinā-saññivādā)*, Thất Đoạn Kiến *(ucchedavādā)*, Ngũ Níp Bàn Hiện tại Kiến *(diṭṭhidhammahibbānavādā)*.(Xem thêm Cư Sĩ Giới Pháp, phần giải về 62 Tà Kiến trang 262 - 266).Trạng thái này có chi pháp bản chất là SH Tà Kiến hiệp với 4 Tâm Tham Tương Ưng. Tà kiến triền là ràng buộc tri kiến theo 2 lối:

- Nhận thấy chấp cứng cách trái ngược với cách thật (Pháp Siêu Lý hoặc Chế Định).
- Cách thật không có với người đang chấp Tà Kiến (vì không quan tâm). Hay là do đang bị cột siết chặt trong mớ hỗn loạn kiến thức nên không bứt phá ra được để có sự nhận định sáng suốt hơn vì Tà Kiến là một trạng thái sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ điệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ người trí mới nhận hiểu.

Hay nói cách khác, Tà kiến triền là chấp theo những khía cạnh như vầy:

** Hữu kiến đó ra sao?Như là sự nhận thấy rằng ta và đời sẽ có như thế là hữu kiến hay nhận thấy bằng cách thiên kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu kiến (bhāvadiṭṭhi).*

** Ly hữu kiến đó ra sao?Như là nhận thấy rằng ta sẽ không có và đời sẽ không có, cũng là tà kiến, cũng là thiên kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là ly hữu kiến (vibhavadiṭṭhi).*

** Thường kiến đó ra sao?Như là sự nhận thấy ta trường tồn và đời cũng trường tồn, cũng là tà kiến, cũng là thường kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là thường kiến (sassatadiṭṭhi).*

** Đoạn kiến trong khi có ra sao?Như là sự nhận thấy rằng ta sẽ tiêu mất và đời cũng sẽ tiêu mất. Như thế cũng gọi là tà kiến, thiên kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là đoạn kiến (ucchedadiṭṭhi).*

** Hữu cùn kiến đó ra sao?Như là sự nhận thấy rằng ta có chỗ tột và đời cũng có chỗ tột cũng là tà kiến, thiên kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có trạng thái như thế mới gọi là hữu cùn kiến (antavādiṭṭhi).*

** Vô cùn kiến đó ra sao?Như là nhận thấy rằng ta không có chỗ cùn tột và đời cũng không có chỗ cùn tột. Như thế cũng là tà kiến, thiên kiến... cách chấp cứng theo dị đoan. Nếu có thái độ như thế mới gọi là vô cùn kiến (anantavādiṭṭhi).*

** Tùng tiền kiến đó ra sao?Như là móng chi trước kia phát sanh, nhận thức chấp trước tri kiến lý tưởng... cách chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng tiền kiến (pubbantānudiṭṭhi).*

** Tùng hậu kiến đó ra sao?Như là móng đến chi sau này đặng phát sanh, chấp trước với sự lý tưởng nhận thức ấy, chấp theo dị đoan. Như thế gọi là tùng hậu kiến (aparantānudiṭṭhi).*

Ngoài ra, cách phát sanh tri kiến tà vạy mà Đức Thế Tôn có giảng dạy ở một khía cạnh khác đó là Lục Tà Kiến*(diṭṭhi)*:

1. Như là sự nhận thấy phát sanh với người ấy bằng cách chắc chắn như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng có như thế
2. Hay sự nhận thức phát sanh của người ấy cố định như vầy: Cái ngã của ta hoặc cũng không có
3. Hay sự kiến thức phát sanh cho người ấy bằng cách cương quyết như vầy: Ta biết rõ hoặc cái ta với cái ta như thế.
4. Sự tri kiến phát sanh đến người ấy chấp cứng như vầy: Ta biết rõ hoặc phi ngã với ngã như thế.
5. Sự tri kiến phát sanh cho người ấy chắc chắn như vầy: Ta cũng biết rõ hoặc ngã với phi ngã như thế.
6. Sự tri kiến phát sanh cho người ấy bằng cách chắn chắn như vầy: Cái ngã của ta đây là thành người nói, thành người hưởng, vẫn hưởng quả của sự tốt và sự xấu trong những đời ấy tột thời gian lâu xa; cái ngã đó không sanh đã không có ra trong thuở quá khứ và cái ngã đó không sanh sẽ không có ra trong thời vị lai vì cái ngã là đồ trường tồn vững chắc thiêng liêng mãi mãi không thay đổi cũng có lẽ như thế. Đó là lục tà kiến.

6. Giới Cấm Thủ Triền: hay Tà Giới Triền tức là chấp cứng trì giới theo ngoại giáo rồi từ đó bị cột siết chặt theo lối này.Giới Cấm Thủ Triền cũng có chi pháp bản chất là SH Tà Kiến hiệp với 4 Tâm Tham Tương Ưng. Nói theo một cách khác mà Hòa Thượng Ân Sư Tịnh Sự có trình bày trong phần Liên Quan Tương Sinh trang 53 như *vầy "Giới Cấm Thủ là chấp cứng theo giới ngoại giáo"*, haynhư đại ý Kinh Xiêm nói như vầy*"Cũng có hạng người nghĩ rằng pháp bất thiện đã từng sanh cho ta chẳng ít thì quả khổ đòi hỏi không sai.Vậy ta nên sớm ráng chịu khổ cho mau qua sẽ đặng siêu thăng giải thoát cao quý"*.

Nghĩ như thế hoặc hành 53 điều khổ hạnh đáng gớm như sau:

1. Có phái khổ hạnh lõa thể *(acelake)*.
2. Có phái khổ hạnh khi đứng tiểu giờ một chân *(muttācāro)*.
3. Có phái khổ hạnh khi đại tiện rồi chùi ngón tay kê vô liếm *(hattāvalejano)*.
4. Có phái khổ hạnh không ưa thích của tôi tớ tặng cho.
5. Có phái khổ hạnh không ưa thân tộc thỉnh mời tặng của.
6. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cơm trên miệng nồi.
7. Có phái khổ hạnh chỉ dùng vật thực trong một nhà *(ekāgāriko)*.
8. Có phái khổ hạnh chỉ độ vật thực trong hai nhà *(devagāriko)*.
9. Có phái khổ hạnh chỉ ăn 1 vắt cơm.
10. Có phái khổ hạnh chỉ ăn 2 vắt cơm.
11. Có phái khổ hạnh nương ở đám cỏ bụi cây.
12. Có phái khổ hạnh đổ cơm xuống đất liếm ăn.
13. Có phái khổ hạnh ngày ăn ngày nhịn.
14. Có phái khổ hạnh ăn 1 ngày nhịn 10 ngày.
15. Có phái khổ hạnhăn 1 ngày nhịn 15 ngày.
16. Có phái khổ hạnh dùng vật thực bằng rau làm từ dứa.
17. Có phái khổ hạnh chỉ ăn đậu.
18. Có phái khổ hạnh chỉ ăn lúa.
19. Có phái khổ hạnh chỉ ăn lá cây.
20. Có phái khổ hạnh chỉ ăn bông cây.
21. Có phái khổ hạnh chỉ ăn trái cây.
22. Có phái khổ hạnh chỉ ăn gạo.
23. Có phái khổ hạnh chỉ uống nước.
24. Có phái khổ hạnh chỉ ăn vỏ cây.
25. Có phái khổ hạnh chỉ ăn mủ cây.
26. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cỏ.
27. Có phái khổ hạnh chỉ ăn phân bò.

28. Có phái khổ hạnh chỉ ăn cặn xác cây.
29. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vải bỏ theo nghĩa địa.
30. Có phái khổ hạnhchỉ mặc vải dơ bỏ nơi chợ.
31. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vải bó thây ma.
32. Có phái khổ hạnh chỉ mặc da cọp.
33. Có phái khổ hạnh chỉ mặc cỏ nhung.
34. Có phái khổ hạnh chỉ mặc vỏ cây.
35. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lá cây.
36. Có phái khổ hạnh chỉ mặc ván cây.
37. Có phái khổ hạnh chỉ mặc bằng tóc người.
38. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lông thú.
39. Có phái khổ hạnh chỉ mặc cánh chim mèo.
40. Có phái khổ hạnh chỉ mặc lông trừu.
41. Có phái khổ hạnhchỉ mặc lông dê.
42. Có phái khổ hạnh ngồi gục mặt.
43. Có phái khổ hạnhngồi ngước mặt.
44. Có phái khổ hạnh ngồi xếp chân.
45. Có phái khổ hạnh chỉ ngồi tréo chân.
46. Có phái khổ hạnh chỉ ngồi chồm hổm.
47. Có phái khổ hạnh chỉ nằm tu.
48. Có phái khổ hạnh chỉ nằm trên gai.
49. Có phái khổ hạnh chỉ nằm trên tấm ván.
50. Có phái khổ hạnh chỉ nằm lăn cứt đái.
51. Có phái khổ hạnh mùa lạnh thì lõa thể.
52. Có phái khổ hạnh mùa nóng nằm ngoài nắng.
53. Có phái khổ hạnh nằm theo biển gọi rằng thả tôi trôi ra.

53 phái khổ hạnh đáng gớm này trích trong "Gôm Trái Tim Pháp Sư" trang 704 và Kho tàng Pháp học trang 620 của Xiêm.Ngoài ra còn nhiều khổ hạnh như là tu theo bò, tu theo chó...Như vậy, Giới Cấm Thủ Triền là cột theo các tà giới, mà không theo lối pháp chánh.

7. Hoài Nghi Triền:là cách trói buộc chúng sanh trong sự nghi ngờ, cách nghi hoặc, nghi nan, lừng chừng, quyết đoán cảnh không đặng... Hoài Nghi có chi pháp bản chất là SH Hoài Nghi hợp với Tâm Si Hoài Nghi để làm các việc như là:

1. Phàm phu do dự, nghi nan trong Phật giáo;
2. do dự hoài nghi trong Pháp bảo;
3. do dự hoài nghi trong Tăng bảo;

4. do dự hoài nghi trong điều học;
5. do dự hoài nghi trong phần quá khứ;
6. do dự hoài nghi trong phần vị lai;
7. do dự hoài nghi trong phần quá khứ vị lai;
8. do dự hoài nghi trong pháp duyên khởi nương trợ nhau phát sanh.

Trong Chánh Tạng Bộ Phân Tích, Phần Tiểu Tông Phân Tích, câu 939, Phật Ngài có giải thêm về Tam Thời Hoài Nghi khi nói về pháp Hoài Nghi như sau:

** Tam thời hoài nghi đó ra sao?Như người vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp thuở quá khứ; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp vị lai; vẫn do dự hoài nghi không quyết tâm tín ngưỡng dịp khi hiện tại. Như thế đó gọi là tam thời hoài nghi (tama).*

Vậy sự cột trói trong cách do dự, sự do dự, thái độ do dự... cách sượng sần của tâm, sự tâm dùn dằng như thế gọi là Hoài Nghi Triền. Như vậy, Hoài Nghi Triền là không quyết tin những pháp đáng tin, đó là bị Hoài Nghi ràng buộc cột siết chặt, cứ miệt mài bằng cách đánh dấu hỏi với những pháp trợ duyên giải thoát.

8. Tật Đố Triền:là khi trạng thái ganh ghét, ganh tị, tật đố, đố kỵ vì lợi lộc, cung kỉnh, tín ngưỡng, lễ bái, hay sự cúng dường của người khác... trở thành sự trói buộc các pháp câu sanh trong vòng vây của sự trái ý nghịch lòng. Đây chỉ cho chi pháp bản chất là SH Tật phối hợp cùng 2 thứ Tâm Sân.

9. Lận Sắt Triền:là trạng thái bị cột siết trong sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn... Đây chỉ cho chi pháp bản chất là SH Lận phối hợp cùng 2 thứ Tâm Sân để trói buộc các pháp câu sanh trong trạng thái nóng nảy, phá hoại thân tâm. Lận Sắt có 5 cách gọi là Ngũ Lận Sắt như sau:

- ⇨ Bỏn xẻn chỗ ở (*āvāsamacchariya*),
- ⇨ Bỏn xẻn dòng giống *(kulamacchariya),*
- ⇨ Bỏn xẻn lợi lộc (*lābhamacchariya*),
- ⇨ Bỏn xẻn sắc đẹp (*vaṇṇamacchariya*),
- ⇨ Bỏn xẻn pháp (*dhammamacchariya*).

Như vậy, sự bỏn xẻn, cách bỏn xẻn, thái độ bỏn xẻn, sự tiếc, sự xan lận, sự che đậy của tâm, nếu có thái độ như thế mới gọi là lận sắt *(macchariya).*

10. Vô Minh Triền:là cách thể hiện của một trạng thái không sáng suốt hay tối tăm hoặc thiếu hiểu, mất tự do rộng rãi, đó là như bị vấn trói buộc. Đây chỉ cho chi pháp bản chất là SH Si phối hợp với 2 thứ Tâm Si. Vô minh triền là trái ngược với trí, ràng buộc trong sự khờ khạo, bị xiết cột chặt trong những pháp đen rồi làm cho tự nó và pháp câu sanh tối tăm mê mờ, che khuất bản chất chân tướng, do có sự dẫn dắt của pháp lậu.

Nói 1 cách khác, Vô minh triền là bị cột xiết chặt trong 6 điều như sau:

- Hành động trái ngược với trí nên gọi là Vô minh. *(Vijjā paṭikkhāti = Avijjā)*

- Pháp mà tạo Ác, Xấu cách không nên tạo, Pháp như thế gọi là Vô Minh. *(Avindiyaṃ vindatīti = Avijjā)*
- Pháp mà không thể làm những sự tốt đáng nên làm, Pháp ấy gọi là Vô minh. *(Vindiyaṃ naviñdatīti = Avijjā)*
- Pháp mà chuyên môn biết Chế định, Nam nữ... Pháp ấy gọi là Vô minh. *(Avijjamāne javāpetīti = Avijjā)*
- Pháp mà không cho biết Siêu lý như là Uẩn, Xứ... Pháp ấy gọi là Vô minh. *(Vijjamāne najavāpetīti = Avijjā)*
- Pháp mà không cho biết Pháp đáng biết như là Tứ Đế... Pháp ấy gọi là Vô minh. *(Viditabbaṃ aviditaṃ karotīti = Avijjā)*

Vô minh triền là cách trói buộc danh sắc bởi:

1. Bất tri Khổ đế*(Dukkhe añānaṃ)*
2. Bất tri Tập đế*(Dukkha samudaye añānaṃ)*
3. Bất tri Diệt đế*(Dukkhanirodhe añāṇaṃ)*
4. Bất tri Đạo đế*(Dukkha nirodhagāminīpaṭipadāya añāṇaṃ)*
5. Bất tri Nhân đã qua *(Pubbante añānaṃ)*
6. Bất tri Quả sau này *(Aparante añānaṃ)*
7. Bất tri Nhân trước Quả sau *(Pubbantāparante aññānaṃ)*
8. Bất tri Liên Quan Tương Sinh *(Idappaccayatā paṭiccasamuppannesudhammesu añāṇaṃ)*

➢ Lưu ý: có một trạng thái khác khi sanh khởi cũng ràng buộc chúng sanh mà có liện quan trong Thập Triền vừa nêu trên, đó là Thương Hại Tầm *(vihimsāvitakko)*, Thương Hại Tưởng *(vihimsāsaññā)*, Thương Hại Giới *(vihimsādhātu)*.

** Thương hại tầm trong khi có ra sao?Như là sự suy xét, cách quá suy xét... sự suy nghĩ lầm liên quan với cách ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm.*

** Thương hại tưởng đó ra sao?Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với lối ép uổng. Như thế gọi là thương hại tưởng.*

** Thương hại giới đó ra sao?Thương hại tầm sắp thành thương hại giới.*

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Triền:*Nosaññojanā* dhammā- Tất cả Pháp Phi Triền.

Các pháp ngoài ra các Pháp Triền vừa nêu gọi là Pháp Phi Triền, tức không phải là Pháp Triền. Các pháp này bao gồm các Tâm Thiện, Bất thiện, Vô Ký Hiệp thế cùng SHH, luôn cả đến Sắc pháp cũng vẫn còn trong đời nhưng không phải là Triền vì chính các pháp đó được Pháp Triền câu sanh, hỗ tương, đẩy trong vòng sanh tử khổ... Các pháp này tức là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn được phát sanh nương trong 3 cõi Dục Giới, Sắc

Giới và Vô Sắc Giới. Ngoài ra, các tâm Siêu thế và Níp Bàn thì hẳn nhiên cũng không phải là Pháp Triền vì đã vượt ngoài thế gian, không còn bị trói buộc, không còn cột siết chặt trong đời Ngũ Thủ Uẩn nữa.

Trong tất cả các pháp Phi Triền như đã kể cũng có những pháp làm cảnh cho pháp Triền bắt, lại có những pháp không làm cảnh cho Triền bắt; có những pháp hòa trộn cùng pháp Triền, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp Triền... Các phần này sẽ được lần lượt nêu ra trong các Nhị Đề tiếp theo của Phần Chùm Triền.

NHỊ ĐỀ THỨ 21: NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN
(SAÑÑOJANIYADUKA)
(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojaniyā dhammā - Tất cả Pháp Cảnh Triền.*
- *Câu 2: Asaññojaniyā dhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 731 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Cảnh Triềnvà Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền*(Saññojaniyā dhammā, Asaññojaniyā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Cảnh Triền, như sau:

* ***Chư pháp cảnh triền trong khi có ra sao?***

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh triền.

* ***Chư pháp phi cảnh triền trong khi có ra sao?***

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cảnh triền.

II. THÍCH TỪ

- Xem các phần thích từ đã giải ở các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Triền *(Saññojaniyaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Triền và Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền.

1. Tất cả Pháp Cảnh Triền*(Saññojaniyā dhammā):* là những trạng thái khi sanh lên làm đối tượng cho triền biết, hay là những pháp làm cảnh cho triền tức là tâm Hiệp thế, SHH và Sắc pháp. Bởi vì những pháp này còn hợp trong đời, liên quan trong đời nên Triền dễ dàng bắt lấy làm đối tượng để biết.
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền*(Asaññojaniyā dhammā):* là những Pháp khi sanh mà Triền không biết đặng bởi vì những trạng thái ấy không bị cột trói bởi Tham, Sân, Si, đây chỉ cho tâm Siêu thế, SHH, Níp Bàn. Vì tâm Siêu thế và các pháp câu sanh cùng với Vô Vi Giới là pháp ngoài hạn định, pháp ngoài thế gian, pháp không còn liên quan trong đời nên pháp Triền không thể bắt lấy làm đối tượng để biết được.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Triền là Pháp Hiệp Thế. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp

2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm hiệp thế
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm hiệp thế
4. Hành Uẩn là50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm hiệp thế
5. Thức Uẩn là tâm hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 52SHHvà Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức làNgũ song thức

16. Ý giới là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giới là 68 thứ tâm Hiệp Thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)

18.Pháp giới là 52 SHH và Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Triềnlà Pháp Hiệp Thế

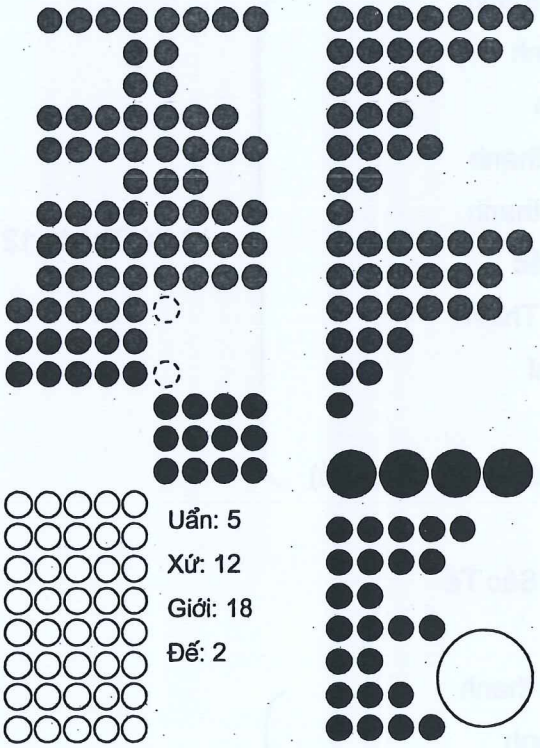

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền là Đạo, Quả, Sở hữu hợp và Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành Uẩn là34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn làtâm Siêu thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là 36 SHH và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới,ở đây có:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là 36SHH và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền là Đạo, Quả, Sở hữu hợp và Níp Bàn

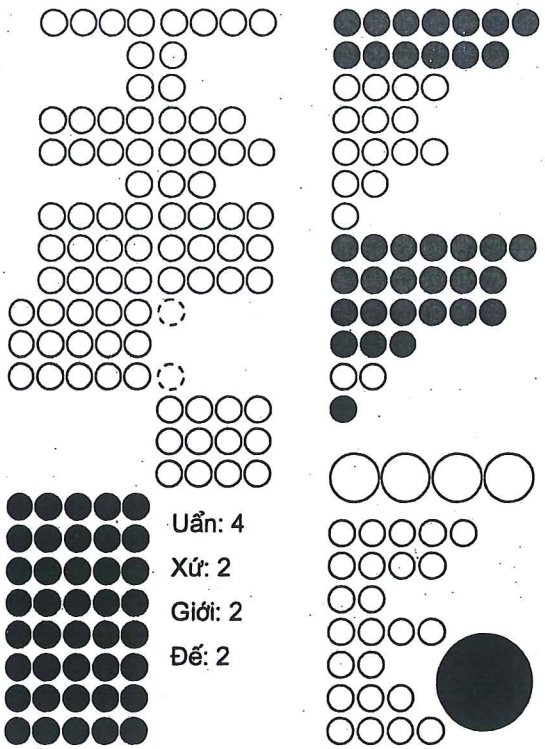

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Triền:*Saññojaniyā dhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Triền.

Tại sao Pháp Thiện làm cảnh cho Triền?

Bởi vì chúng sanh (Danh Sắc) bị cột xiết chặt, bị trói buộc trong Lậu mà liên quan đến Triền trong nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô Minh (Vô minh triền) mà khởi sanh ái nhiễm, sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai... rồi mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Triền.

Như là người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng: ta đã làm được việc có công đức rồi cột cứng trong việc làm ấy. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và đắm nhiễm trong cái ta làm được. Vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Triền.

Hoặc là do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Triền, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Triền sanh.

Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Triền?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Triền sanh.

Như là tự thân làm ác ; sát sanh, trộm cướp, tà dâm... rồi thỏa thích, trầm luyến do không nhận thấy pháp Liên quan Tương sinh bởi sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật (siêu lý), sự không thấu suốt, sự không theo lẽ phải, sự không quyết tin đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, ... trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Triền dễ dàng bắt lấy làm cảnh.

Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Triền?

Pháp Vô Ký đây tức là ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp.

Tâm Quả Hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị Thời Nghiệp Duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Triền? Vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

- ⇨ Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự ràng buộc, cột xiết chặt khởi sanh (Triền). Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí... của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên Triền phược.
- ⇨ Hoặc là thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì thuận lợi làm cảnh cho sự cột trói khởi lên. Ví như có kết quả không tốt về tài sản, trí tuệ... rồi đâm ra không nhận biết, không biết rõ, khởi sanh mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê, then chốt của sự tối tăm ... (Vô Minh triền) tạo thuận lợi chuyển tâm vào lộ Bất thiện dễ dàng.

Hoặc là bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Triền do bị cột siết chặt trong tham, sân, si của nhiều đời lắm kiếp. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ) mà khởi sanh Dục ái triền, Hữu ái triền, Ngã mạn Triền, Tà kiến triền... và cho đếnVô minh triền.

Cho đến Tâm Tố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Triền bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não Triền.

Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Triền biết. Đơn cử như nghe nhạc (Cảnh Thinh) mà khởi lên tham đắm, trói buộc, ràng buộc trong cảnhấy.

Tại sao Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới làm cảnh cho Triền?

Đây là ám chỉ cho các pháp Triền nương trong Tam Giới. Nghĩa là các Pháp Triền là phải nương vào Dục, Sắc và Vô Sắc Giới để phát sanh. Vì trong các cõi như Dục Giới thì có Phiền Não Dục và các Phiền Não khác. Cõi Sắc Giới thì có Phiền Não Sắc và các Phiền Não khác.Cõi Vô Sắc Giới thì có Phiền Não Vô Sắc và các Phiền Não khác. Nên dễ cho pháp Triền nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp Triền tức sự cột siết chặt phát sanh.

Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Triền?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm và nhận định cùng với lòng ái thủ, đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Triền sanh là vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Triền:*Asaññojaniyā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Cảnh Triền.

Vì sao Đạo, Quả và Níp Bàn là Phi Cảnh Triền? Bởi vì:

- Đạo*(Magga)*, tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục nên có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Triền không biết đặng.
- Quả là do nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quả, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên pháp Triền không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.
- Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên pháp Triền càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế thì Triền còn không biết thì nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 22: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN

(SAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojanasampayuttā dhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Triền.*
- *Câu 2: Saññojanavippayuttā dhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 732 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Triền và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền *(Saññojanasampayuttā dhammā, Saññojanavippayuttā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Tương Ưng Triền, như sau:

** Chư pháp tương ưng triền trong khi có ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng triền.

** Chư pháp bất tương ưng triền trong khi có ra sao?*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp triền đó tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bất tương ưng triền.

II. THÍCH TỪ

- Xem các phần thích từ đã giải ở các đề trên

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Triền *(Saññojanasampayuttaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu lý thành hai trạng thái pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Triền và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Triền *(Saññojanasampayuttā dhammā):* là những pháp nào có Triền Phược phối hợp, mà có tính chất hòa trộn với Triền. Hay là pháp Tương Ưng Triền là trạng thái hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung một lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp với Triền.
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền*(Saññojanavippayuttā dhammā):* là những pháp nào không có Triền phược hòa trộn. Hay là pháp Bất Tương Ưng Triền là trạng thái không hòa trộn, cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp với Triền.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Triền là Pháp Bất Thiện (trừ Si Hiệp Tâm Si Điệu Cử).

Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Bất thiện

2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với Tâm Bất thiện
3. Hành Uẩn là 25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Bất thiện
4. Thức Uẩn làTâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là Tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là 27 SHH

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới làTâm Bất thiện
2. Pháp giới là 27SHH

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Tâm Bất thiện và 26SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Triềnlà Pháp Bất Thiện (trừ Si Hiệp Tâm Si Điệu Cử)

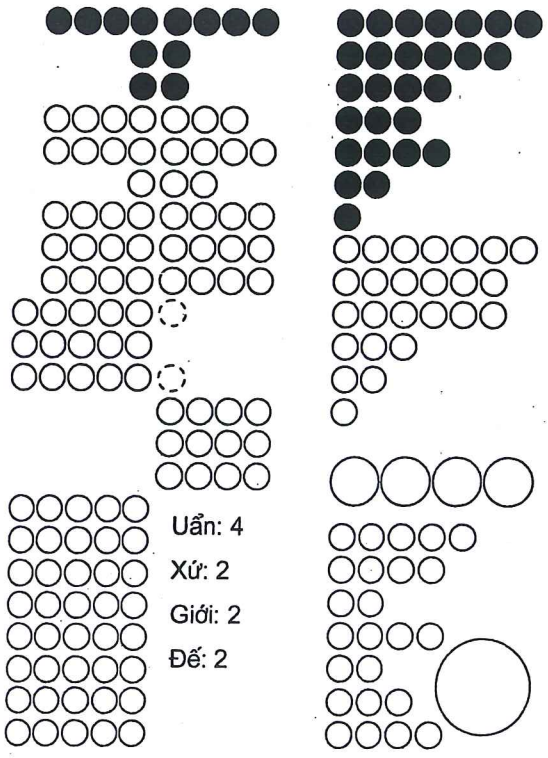

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền là Sở hữu Si Hiệp Tâm Si Điệu Cử, tâm Vô nhân, tâm Tịnh hảo, 38 Sở hữu hợp, Sắc Pháp và Níp Bàn. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. ThọUẩn là SH Thọ hợp với tâm Vô nhân, Tâm Tịnh hảo
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Vô nhân, Tâm Tịnh hảo

4. Hành Uẩn là 36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) (hợp với tâm Vô nhân, Tâm Tịnh hảo) và Si hợp tâm Si Điệu Cử
5. Thức Uẩn làTâm Vô Nhân, Tâm Tịnh hảo
   Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Vô nhân, Tâm Tịnh hảo
12. Pháp Xứ là 38SHH, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức làNgũ song thức

16. Ý giới là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giới là tâm Vô nhân (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới), tâm Tịnh hảo

18.Pháp giới là 38SHH,Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Vô nhân, Tâm Tịnh hảo hiệp thế và Si hợp tâm Si Điệu Cử và 38SHH
2. Diệt đế là Níp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triềnlà Sở hữu Si Hiệp Tâm Si Điệu Cử, tâm Vô nhân, tâm Tịnh hảo, 38 Sở hữu hợp, Sắc Pháp và Níp Bàn

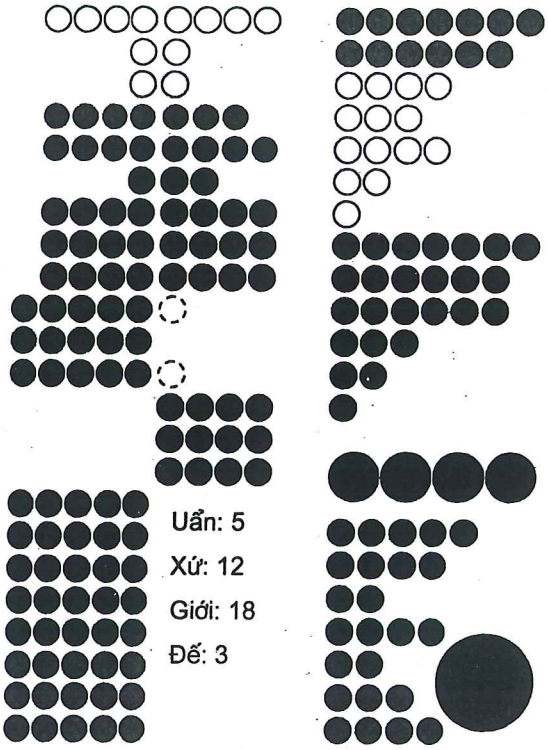

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Triền:*Saññojanasampayuttā dhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Triền.

Đây là Đức Phật chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Thọ Uẩn Bất thiện
- SH Tưởng phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Tưởng Uẩn Bất thiện
- 25 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 14 SH Bất thiện phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Hành Uẩn Bất thiện
- 12 Tâm Bất thiện là Thức Uẩn Bất thiện

Như vậy: 4 Uẩn danh này hòa trộn với Triền, sanh chung với Triền, câu sanh với Triền, trạng thái hỗ trợ cùng Triền nên những pháp ấy gọi là pháp Tương ưng Triền, tức pháp Bất thiện.

Lưu ý: Trường hợp khi Tâm Si làm pháp Tương Ưng Triền (Vô minh triền) thì lúc này bớt ra Si hợp Tâm Si Điệu cử vì tính chất vô nhân khi Si gặp Tâm Si Điệu cử,bởi vì Pháp Tương Ưng Triền là chủ đề của câu pháp này thuộc về Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Triền:*Saññojanavippayuttā dhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền.

Đây là Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn, nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo tức là Thọ Uẩn Bất Tương Ưng Triền
- SH Tưởng phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo tức là Tưởng Uẩn Bất Tương Ưng Triền
- 36 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 25 SH Tịnh Hảo phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo và Si hợp tâm Si Điệu cử tức là Hành Uẩn Bất Tương Ưng Triền
- 18 tâm Vô nhân, 91 Tâm Tịnh Hảo là Thức Uẩn Bất Tương Ưng Triền
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc Uẩn Bất Tương Ưng Triền
- Và Vô Vi Giới tức Níp Bàn hay Vô Vi Ngoại Uẩn cũng là Bất Tương Ưng Triền

Như vậy: 4 Uẩn Danh, Sắc Uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Triền, không sanh chung với Triền, không câu sanh với Triền, trạng thái không hỗ trợ cùng Triền nên những pháp ấy gọi là pháp Bất Tương Ưng Triền.

Lưu ý: Trường hợp Si hợp Tâm Si Điệu cử do không tính trong Pháp Tương Ưng Triền nên là Pháp Bất Tương Ưng Triền.

NHỊ ĐỀ THỨ 23: NHỊ ĐỀ TRIỀN CẢNH TRIỀN

(SAÑÑOJANASAÑÑOJANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojanā ceva dhammā saññojaniyā ca - Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền.*
- *Câu 2: Saññojaniyā ceva dhammā no ca saññojanā - Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 733 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền và Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền *(Saññojanā ceva dhammā saññojaniyā ca, Saññojaniyā ceva dhammā no ca saññojanā)*. Gọi là Nhị Đề Triền Cảnh Triền, như sau:

** Chư pháp triền và cảnh triền trong khi có ra sao?*

Tức là pháp triền. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp triền và cảnh triền.

** Chư pháp cảnh triền mà phi triền trong khi có ra sao?*

Những pháp nào thành cảnh của pháp triền đó nhưng trừ ra pháp triền tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh triền mà phi triền.

II. THÍCH TỪ

- Xem các từ đã giải ở những phần trước

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Triền Cảnh Triền *(Saññojanasaññojaniyaduka)* là gom tụ 1 phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền và Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền.

1. Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền*(Saññojanā ceva dhammā saññojaniyā ca):* nghĩa là chính nó (Dục ái triền, Hữu ái triền, Ngã Mạn Triền, Tà kiến triền... Vô minh triền) lại làm cảnh cho chính nó, tức là 8 chi pháp Triền. Hay là khi Triền đã sanh lại bị Pháp Triền khác biết được bắt làm cảnh.
2. Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền *(Saññojaniyā ceva dhammā no ca saññojanā)*:là những trạng thái chẳng phải Triền nhưng làm cảnh cho Pháp Triền, đây ám chỉ cho Pháp ngoài Triền (Pháp Hiệp thế trừ 8 chi pháp Triền) bị Pháp Triền bắt làm cảnh.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền là 8 chi Pháp Triền. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩn đặng 1 Uẩn: 8 chi pháp Triền là Hành Uẩn
- Xứ đặng 1 Xứ: Pháp Xứ là 8 chi pháp Triền
- Giới đặng 1 Giới:Pháp giới là 8 chi pháp Triền
- Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế là 7 chi pháp Triền (ngoài SH Tham)
  2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triềnlà 8 chi Pháp Triền

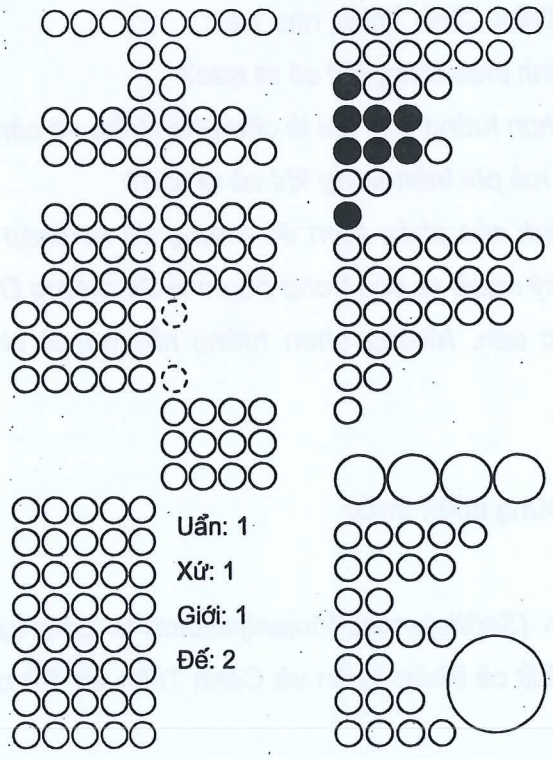

▶ Câu 2:Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền là Pháp Hiệp Thế (trừ chi Pháp Triền). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩn đặng 5 Uẩn:
  1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
  2. Thọ Uẩnlà SH Thọ hợp với TâmHiệp thế
  3. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm Hiệp thế
  4. Hành Uẩnlà 42 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Hiệp thế
  5. Thức Uẩn làTâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ làSắc Cảnh xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là Tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là44 SHH vàSắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới làSắc Cảnh xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giới là68 tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là44SHH và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlàSắc pháp, tâm Hiệp thế và 44SHH

Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triềnlà Pháp Hiệp Thế (trừ chi Pháp Triền)

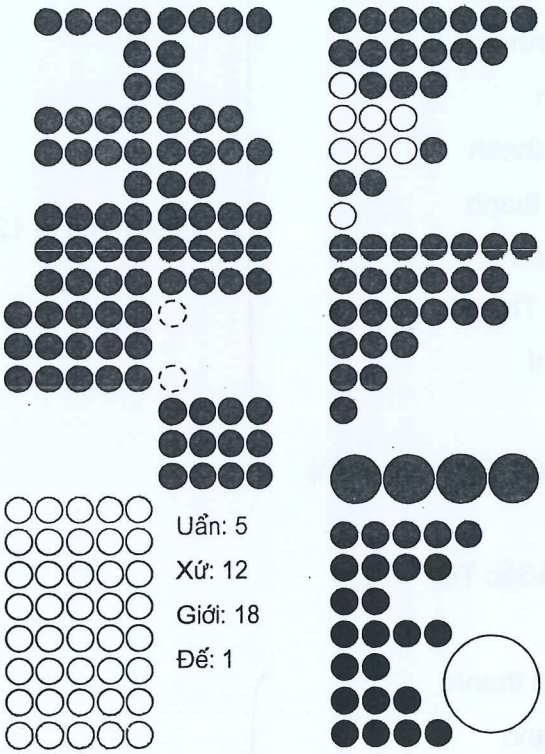

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Triền Cảnh Triền:*Sañño janā ceva dhammā sañño janiyā ca-*
Tất cả Pháp Triền và Cảnh Triền.

Đây ám chỉ cho Dục ái triền, Hữu ái triền, Khuể Phẫn Triền, Ngã Mạn Triền, Tà kiến triền, Giới Cấm Thủ Triền, Hoài Nghi Triền, Tật Đố Triền, Lận Sắt Triền, Vô minh triền tức là SH Si, SH Tham, SH Ngã mạn, SH Sân, SH Tà Kiến, SH Tật, SH Lận, SH Hoài nghi trở thành cảnh cho Triền. Nghĩa là 8 chi pháp Triền làm cảnh cho Pháp Triền hay 8 chi pháp Triền làm đối tượng cho chính nó, hoặc gọi là Triền bị Pháp Triền biết.

Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng,ở đây đơn cử một số vấn đề:

Dục ái triền làm cảnh cho Dục ái triền: đây là trường hợp cột siết chặt sự đắm nhiễm trong dục lạc trước đây trở thành cảnh cho sự đắm nhiễm sau đó khởi sanh lên, dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Dục ái triền sau sanh khởi. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý).

Dục ái triền làm cảnh cho Hữu ái triền: tức là tuy đang bị ràng buộc trong Hữu ái triền nhưng vẫn bị Dục ái triền tác động chi phối. Như là vị đạo sĩ trong lúc dùng thần thông mà nhìn cảnh cung tần và hoàng hậu tắm rồi khởi lên dục vọng nên đứt thiền hoại thông.

Dục ái triền làm cảnh cho Tà kiến triền: tức là dựa vào sự ràng buộc tham chấp trong dục vọng mà khởi sanh lên tà kiến như chấp sự thỏa thích với ái dục này là ta, là của ta... Tức là

sự dục lạc đã sanh khởi, siết chặt do tri kiến lệch lạc, thiếu phán xét, thiếu suy đoán, thiếu sáng suốt nên khởi lên hiểu lầm chấp sai rồi tiếp tục bị cột trói trong vọng tưởng sai lầm ấy.

Dục ái triền làm cảnh cho Vô minh triền: do bị cột siết trong ái nhiễm, trong tham ái, trong mê luyến rồi trợ theo lối cảnh làm cho tâm bị mê mờ tăm tối, không biết pháp đáng biết, bị trầm nịch, trong sự tối mê không nhận ra chân tướng bản chất Siêu Lý, đây gọi là Dục ái triền làm đối tượng cho Vô minh triền.

Hữu ái triềnlàm cảnh cho Dục ái triền: do bị trói chặt trong ái luyến và ưa thích ham muốn trong thiền thông (ái nhập thiền) thì người Dục Giới Vui đắc thiền lấy cảnh Hữu ái triền làm đối tượng nên đây gọi là Hữu ái triền làm cảnh cho Dục ái triền ... Còn các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc khi không an trú trong thiền cũng khởi sanh Dục ái triền vì các vị Phạm Thiên này nếu nói trên phương diện còn phàm hoặc thánh thấp là còn sử dụng các thứ tâm tham (tùy theo phàm, thánh) bởi căn gốc rễ luân chuyển trong luân hồi nhiều đời lắm kiếp, vị ấy vẫn còn Ái duyên Thủ.

Hữu áitriềnlàm cảnh cho Hữu ái triền: là sự ràng buộc ái luyến, dính mắc của các vị phàm Tam Nhân đắc thiền, hoặc các Phạm Thiên đối với cảnh giới của Sắc và Vô Sắc, nay trở thành cảnh để sự Hữu ái triền đó tiếp tục phát sanh. Hay nói cách khác, chấp sanh về các cõi mà nặng về ái luyến trên khía cạnh thiền thông (sanh hữu) tức là ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Vô Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích nhập thiền, và ái hiệp với sự ưa thích chấp thân.

Hữu ái triềnlàm cảnh cho Tà kiến triền: đó là khi buộc chặt trong sự ái nhiễm thiền, thông... quá lâu mà khởi lên tà kiến, như cho là Sơ Thiền là Níp Bàn, Nhị Thiền là Níp Bàn, Tam Thiền là Níp Bàn, Tứ Thiền là Níp Bàn, Ngũ Thiền là Níp Bàn hoặc các vị Phạm Thiên này (phàm nhân) do sống quá lâu ở các cõi ấy nên hiểu sai, chấp lầm là trường tồn bất biến.

Hữu ái triềnlàm cảnh cho Vô minh triền: đây là trường hợp trói cột trong cảnh thiền, thông, ưa thích nhập thiền, ưa thích chấp thân... đến mức mê mờ, tối tăm cho đây là trường tồn vĩnh cửu mà không nhận ra đến một giai đoạn nào đó rồi cũng sanh tử và tiếp tục luân chuyển trong Tam Giới. Chính sự không nhận ra này là Vô minh triền.

Tà kiến triền làm cảnh cho Dục ái Triền: do bị trói chặt trong kiến thức sai lầm, cái biết bị lệch lạc, nên trợ cho tham dục sanh. Chẳng hạn như người tà kiến nặng rồi thích thú, trầm mê trong nhận định sai lầm của mình mà vẫn buộc ràng đắm nhiễm, hay là một chúng sanh như trời Đại Phạm Thiên tự cho mình là chủ tạo hóa (Tà kiến triền) mà khởi lên tham ái, tức là SH Tham làm nền tảng (Dục ái triền).

Tà kiến triền làm cảnh cho Hữu ái triền: khi người Dục Giới Vui đắc Thiền hoặc là người Sắc Giới, Vô Sắc Giới (Hữu ái triền) nhận định cái mà đang thành tựu đây, đặng được đây là thuộc về ta, của ta, trong ta...,tức là đang hưởng cảnh thiền hoặc đang ở cõi thiền tưởng là

thường hằng, mà không hay biết rằng có sự sanh diệt đổi thay của pháp hữu vi, tức không nhận ra cái lý của biến đổi, cái lý của vòng vây thiêu đốt áp bức, cái lý của cái không thuộc về ta (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã), trạng thái này là Tà kiến triền trợ cho Hữu ái triền, hay sự hiểu sai chấp lầm làm đối tượng cho Hữu ái triềnsanh.

Tà kiến triền làm cảnh cho Tà kiến triền: Do bị trói buộc nết quen Tà kiến của nhiều đời trước, nay trợ bởi Thường Cận Y Duyên nên dễ phát sanh Tà kiến Triền trong đời này. Nghĩa là những nhận định lệch lạc, sai lầm gặp dịp mà tri kiến không chịu chỉnh sửa nên giúp cho Tà kiến Triền sanh tiếp tục.

Tà kiến triền làm cảnh cho Vô minh triền: do cột siết trong nhận định sai lầm lệch lạc và chấp vọng tưởng có bản ngã nên trợ cho sự tối tăm không sáng suốt, tức là từ kiến thức sai lầm mà giúp cho Vô minh triền sanh.

Vô minh triền làm cảnh cho Dục ái triền: đó là khi trói chặt trong sự mê tối rồi khởi lên thích thú, yêu mến, ái dục, buộc ràng trong pháp mà chỉ chấp chế định, không nhận ra được Uẩn, Xứ, Giới, Đế, do ràng buộc trong Ngũ uẩn và ngủ nghỉ theo Ngũ uẩn Thủ, không biết pháp đáng biết... Từ sự cột trói này, phát sanh vọng tưởng có cái ta nên thương, ghét, giận, hờn... rồi ái chấp khởi lên 1 sự siết chặt khác đó là Dục ái triền.

Vô minh triền làm cảnh cho Hữu ái triền: do bị ràng buộc trong pháp tăm tối ví như chốt gài bị khóa chặt không mở được cánh cửa để thấy được ánh sáng, mà thấy đây là sự sáng suốt nhận ra thực tính pháp... nên khởi lên quan niệm muốn có đời sau, vì vậy Vô minh triền trợ cho Hữu ái triền là vậy.

Vô minh triền làm cảnh cho Tà kiến triền: do bị nhốt quá lâu (nhiều đời lắm kiếp) hay là bị siết chặt trong sự mờ mịt, trầm mê, nên dễ dàng giúp cho những tri kiến sai lầm phát sanh. Hay nói cách khác, Vô minh triềntrợ cho Tà kiến triền là sự ràng rịt trong màn đêm tăm tối của pháp hữu vi, thiếu trí không nhận ra pháp bản chất thực tính, thực tướng nên nảy sanh những tri kiến lệch lạc như: đời là trường tồn bất biến hoặc chết là hết... và từ đó bị cột siết trong mớ kiến thức hỗn độn này, nên đây gọi là Vô minh triềntrợ cho Tà kiến triền.

Vô minh triền làm cảnh cho Vô minh triền: dobị cột trói trong trạng thái không biết, không thấy, không đắc chứng, không biết bằng cách thích hợp, không biết theo cách chân thật mà không thoát ra được do không có tri kiến, không gặp bậc hiền trí... nên càngbị siết chặt trong sự không thấu suốt, không tin theo lẽ phải, không quyết tin đàng hoàng.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Triền Cảnh Triền:*Saññojaniyā ceva dhammā no ca saññojanā*- Tất cả Pháp Cảnh Triền mà Phi Triền.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong Hiệp thế dù là thiện, bất thiện hay vô ký cũng làm cảnh cho Triền.

- Trường hợp này, đối với bản thân, khi làm việc phước Thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm, nặng trong mong mỏi đời sau... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho Triền, mặc dù không phải là Triền.
- Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Triền sanh,vì pháp bất thiện (ngoài pháp Triền) câu sanh chung với pháp Triền trong quá khứ khi diệt rồi sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp Triền trong hiện tại. Như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm Tham) thì làm cảnh cho Dục ái triền. Còn mong mỏi đời sau hay Ái Nhập Thiền... (tâm Tham) thì cũng làm cảnh cho Hữu ái triền. Còn khi chấp thủ tri kiến hoặc cống cao phách lối (chỉ cho Tâm Tham Tương Ưng, Tâm Tham Bất Tương Ưng) thì cũng làm dịp tốt cho các Triền sanh, nhất là Tà kiến triền. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm Sân) thì cũng trợ cho những pháp Triền sanh như Vô minh triền chẳng hạn, vì không nhận rõ và thiếu sáng suốt không có cái ta để giận.
- Hoặc là những thành tựu (tâm Quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (tâm Tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Triền sanh như:
  - ⇨ Khi các kết quả bất thiện (Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân) thì bị Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, khiến cho bị trói buộc, siết chặt trong các Triền bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
  - ⇨ Còn Tâm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn, tà kiến hay bị vô minh. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận do nguồn gốc của si mê.

Những pháp trên Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô Ký là Thức Uẩn; pháp câu sanh là Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn. Cho nên trong phần chánh tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 24: NHỊ ĐỀ TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN

(SAÑÑOJANASAÑÑOJANASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojanā ceva dhammā saññojana-sampayuttā ca - Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triền.*
- *Câu 2: Saññojanasampayuttā ceva dhammā no ca saññojanā - Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 734 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triềnvà Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triền *(Saññojanā ceva dhammā saññojana-sampayuttā ca, Saññojanasampayuttā ceva dhammā no ca saññojanā)*. Gọi là Nhị Đề Triền và Tương Ưng Triền, như sau:

* *Chư pháp triền tương ưng triền trong khi có ra sao?*

Dục ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với dục ái triền.

Phẫn nhuế triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với phẫn nhuế triền.

Ngã mạn triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với ngã mạn triền.

Tà kiến triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tà kiến triền.

Hoài nghi triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền.

Giới cấm thủ triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với giới cấm thủ triền.

Hữu ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hữu ái triền.

Tật đố triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tật đố triền.

Lận sắt triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với lận sắt triền.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp triền tương ưng triền.

* *Chư pháp tương ưng triền mà phi triền trong khi có ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp triền đó mà trừ ra pháp triền rồi tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng triền mà phi triền.

II. THÍCH TỪ

- Xem các từ đã giải ở những phần trước.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Triền Tương Ưng Triền *(Sañño janasañño janasampayuttaduka)*là gom tụ 1 phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái là Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triền và Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triền.

1. Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triền*(Sañño janā ceva dhammā sañño janasampayuttā ca)*:là trạng thái Pháp cột xiết chặt, hòa trộn với Pháp ràng buộc khác, tức là Dục ái triền hòa trộn với Hữu Ái và Vô Minh triền... hay Vô Minh triền hòa trộn với Khuể Phẫn triền, Tật Đố Triền... Hay là 1 Triền này hòa trộn với 2 hoặc 3 triền khác, hoặc 2 triền hòa trộn với 3, 4 triền khác cùng phát sanh một lúc trong một sát na Tâm, nghĩa là khi Tâm Tham sanh trong đó có Dục Ái hay Hữu Ái triền đồng thời hòa trộn với Tà Kiến triền, Vô Minh triền...
2. Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà PhiTriền*(Sañño janasampayuttā ceva dhammā no ca sañño janā)*:là Pháp sanh chung với Triền nhưng không phải là Pháp Triền tức là Tâm Bất thiện, SHH hòa trộn với các chi Triền. Như Tâm Sân sanh, thì tâm này là Tương ưng với Triền hay trạng thái này hòa trộn với Triền nhưng không phải là Pháp Triền. Vì pháp Triền là chỉ 8 chi pháp bản chất như Khuể phẫn triền, Tật Đố Triền, Lận sắt Triền...

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triền là 8 chi Pháp Triền (trừ Si hiệp Tâm Si Điệu Cử). Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩnđặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là 8 chi pháp Triền
- Xứ đặng 1 Xứ: Pháp Xứ là 8 chi pháp Triền
- Giới đặng 1 Giới:Pháp giới là 8 chi pháp Triền
- Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế là 7 chi pháp Triền (ngoài SH Tham)
  2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triềnlà 8 chi Pháp Triền
(trừ Si hiệp Tâm Si Điệu Cử)

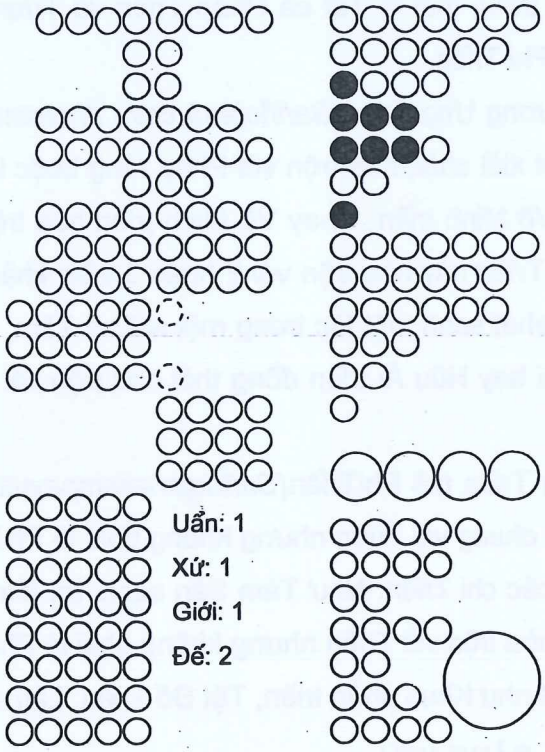

▶ Câu 2: Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triền là Pháp Bất Thiện (trừ 8 chi Pháp Triền). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:
  1. Thọ Uẩnlà SH Thọ hợp với TâmBất thiện
  2. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm Bất thiện
  3. Hành Uẩnlà 17 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Bất thiện
  4. Thức Uẩn làTâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:
  1. Ý Xứ là Tâm Bất thiện
  2. Pháp Xứ là 19 SH hợp với Tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:
  1. Ý thức giớilà Tâm Bất thiện
  2. Pháp giới là19SH hợp với Tâm Bất thiện

– Đế đặng 1 Đế: Khổ đế là Tâm Bất thiện và 19 SHH

Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triềnlà Pháp Bất Thiện (trừ 8 chi Pháp Triền)

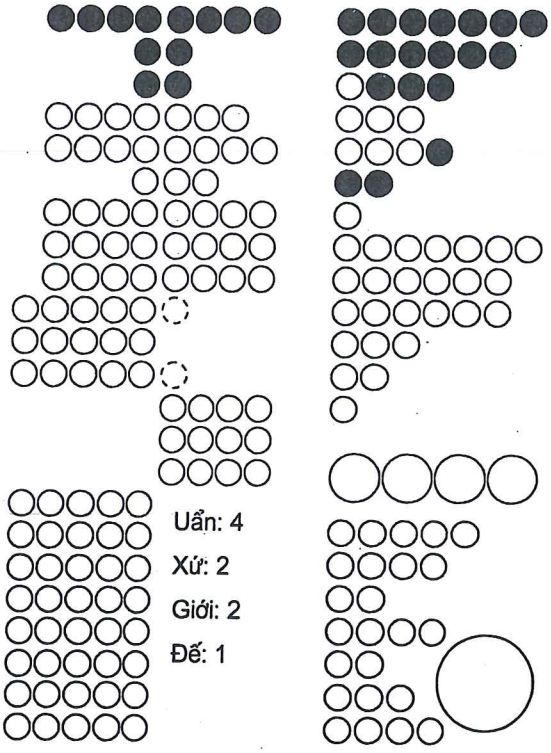

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Triền Tương Ưng Triền:*Sañño janā ceva dhammā sañño janasampayuttā ca*- Tất cả Pháp Triền và Tương Ưng Triền.

Theo Chánh Tạng *Abhidhamma Piṭaka*trong Bộ Pháp Tụ, câu 734 Phật Ngài có dạy:

* *Chư pháp triền tương ưng triền trong khi có ra sao?*

➢ Dục ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với dục ái triền, ở đây Phật Ngài đề cập giữa Dục Ái và Vô minh hay giữa Vô minh và Dục Ái.

- Dục ái triền tương ưng với vô minh triền tức là nhấn mạnh 2 trạng thái:
- Ham muốn, yêu thương, nhiễm vật dục, ưa thích nhiễm đắm vật dục (Ái Dục – *Taṅha*).
- Bản chất không biết Pháp đáng biết do sự mê mờ, mê luyến, sự trầm mê (Vô Minh – *Avijjā*)

Hai trạng thái trên hòa trộn, hiệp hòa làm cho Pháp câu sanh không đúng đắn, chẳng hiểu thấu, chẳng phán đoán, không chịu làm cho minh hiển nên càng nhiễm vật dục một cách đậm đạp. Chúng ta có thể nói Dục Ái triền tương ưng với Vô Minh triền là sự ham muốn thương yêu bởi không sáng suốt trong cảnh, tối mê, trầm nịch.

- Vô minh triền tương ưng với dục ái triền: do khờ khạo, thiếu trí, không công nhận lối đầy đủ tức sự không biết Khổ, sự không biết Khổ Tập, sự không biết Khổ Diệt, sự không biết thực hành đến Diệt khổ... nên bị che khuất rồi bị cột trói trong cách thương yêu, nhiễm đắm.

- Phẫn nhuế triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với phẫn nhuế triền:
  - Phẫn nhuế triền (Khuể Phẫn triền) tương ưng với vô minh triền: đây chỉ cho trạng thái sầu, khóc, khổ, ưu, ai hòa trộn với cách không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không thấy theo chân thật, sự không làm cho tỏ rõ nên các pháp câu sanh tăng thêm phần miệt mài trong sự vui, cách buồn mà tác động từ thiểu trí, khờ khạo.
  - Vô minh triền tương ưng với phẫn nhuế triền:là bị nhốt kín trong cách tối mê, bị chặn bít không có lối ra do lờ đờ mê mẩn trong cảnh nên làm tăng thêm sự trói buộc vì cách nóng nảy, bị cài chặt trong sự thiêu đốt.
- Ngã mạn triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với ngã mạn triền:
  - Ngã mạn triền tương ưng với vô minh triền:đây chỉ cho 1 trạng thái mà trở thành Pháp trói buộc đó là Ngã mạn triền, cách thể hiện của Pháp này làm cho các Pháp câu sanh vượt lên trở thành kỳ vọng (lên như cờ) như biểu lộ sự quá phách, sự tự khinh, tăng thượng mạn, trong đó có sự tác động mạnh của Si tức Vô Minh vì Vô Minh cột siết chặt chúng sanh trong trạng thái mê mờ, tối tăm tức không biết cái đáng biết mà tạo ác xấu cách không nên tạo. Vì vậy khi Ngã mạn triền hòa trộn với Vô minh triền tạo nên một trạng thái lờ đờ, thiểu trí nhưng vẫn cố phô diễn vọng tưởng về bản ngã.
  - Vô minh triền tương ưng với ngã mạn triền: Vô Minh triền hòa trộn với Ngã Mạn triền là do sự mê luyến, sự trầm mê không phân biệt cảnh chơn tướng bản chất mà chỉ nhận theo chế định (sự vật tốt, xấu), do đó làm cho Pháp câu sanh trở nên phách lối lừng lẫy, cống cao... Đây là biểu lộ của những người trong đời này coi rẻ người khác bằng cách ỷ lại sự sanh ra, ỷ vào dòng giống, ỷ vào con nhà danh gia vọng tộc...
- Tà kiến triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tà kiến triền:
  - Tà kiến triền tương ưng với vô minh triền:Ở đây là nói sự hòa trộn giữa 2 pháp quá chấp cứng theo cách không khéo hay chấp cứng theo cách không đáng chấp cùng với trạng thái trái ngược với trí, không thấu đáo, hay là tối tăm, không biết cái đáng biết và nhất là không biết rõ Pháp thực tính. Sự cột siết chặt trong tri kiến theo hướng sai là do không nhận thấy, chấp cứng trái ngược với cách không thật (Pháp Siêu lý, chế định) và cách thật không có với người tà kiến (vì không quan tâm). Tà kiến triền ràng buộc kiến thức theo lối sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ điệu vượt ngoài Tầm của luận lý suông, tế nhị do có Vô Minh triền tương ưng hòa trộn với sự không sáng suốt nên mới có trạng thái Tà Kiến triền là như vậy.
  - Vô minh triền tương ưng với tà kiến triền: là nói về trạng thái trái ngược với Trí hòa trộn với sự cố chấp, nhận sai theo lối tri kiến ái thủ, do nhận định từ sự thiểu trí, không có

sự hướng đạo của Trí nên nảy sinh những tư tưởng như Hữu kiến, Ly hữu kiến, Đoạn kiến, Thường kiến, Cùng tận kiến, Vô cùng tận kiến, Hữu tiền kiến, Hữu hậu kiến...

- Hoài nghi triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền:
  - Hoài nghi triền tương ưng với vô minh triền:là sự trộn lẫn, ràng chặt giữa trạng thái nghi nan, nghi hoặc như hoài nghi Tam Bảo, hoài nghi Tam học, hoài nghi Liên quan tương sinh... do từ sự mê mờ, tối tăm, không sáng suốt, thiếu trí làm cho các pháp câu sanh bị sần sượng, không tin chắc sự thật, bản chất chơn tướng thật.
  - Vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền:là sự hòa trộn giữa thói quen bị nhốt kín trong cách tối mê, bị chặn bít không có lối ra do lờ đờ, mê mẩn trong cảnh với thái độ lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự quyết đoán cảnh không đặng. Những trạng thái này gọi Vô minh triền tương ưng với hoài nghi triền là vậy.
- Giới cấm thủ triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với giới cấm thủ triền:
  - Giới cấm thủ triền tương ưng với vô minh triền: là sự hòa trộn giữa cách chấp cứng theo giới của ngoại giáo, cách chấp theo lối dị đoan, quá chấp theo cách sai Pháp bản chất thực tính và cũng từ sự hòa trộn của sự không thông suốt, không nhận định giả - chân, không biết Pháp đưa đến tỏ ngộ đặng vượt thoát khỏi khổ (giải thoát, Níp Bàn).
  - Vô minh triền tương ưng với giới cấm thủ triền:là sự ràng buộc che khuất cảnh chơn tướng bản chất mà chỉ nhận theo sự vật tốt, xấu nên đưa đến cách chấp sai, hiểu lầm, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn... của ngoại giáo.
- Hữu ái triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với hữu ái triền:
  - Hữu ái triền tương ưng với vô minh triền: bởi ham muốn, mong mỏi đời sau mà trong đó tác động bởi sự không hiểu biết pháp đáng biết nên mới có sự mong muốn đời sau hoặc ái trong các tầng thiền, khởi sanh mê mờ, tăm tối, không thấu rõ, dính chặt, càng siết chặt trong cái khổ luân hồi. Đây là sự hòa trộn của Hữu ái triền với Vô minhtriền.
  - Vô minh triền tương ưng với hữu ái triền: đây chỉ sự hòa trộn của cách tăm tối với ái trong đời sau, bởi do không thấu suốt pháp chơn tướng bản chất mà trong đó bị tác động bởi sự mong muốn có kiếp sống kế hoặc tham đắm với các cảnh giới thiền nên làm cho sự mê mờ tăm tối càng như chốt gài không thoát ra được.
- Tật đố triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với tật đố triền:
  - Tật đố triền tương ưng với vô minh triền: là trạng thái siết, trói chặt do lòng ganh ghét, không hoan hỷ với thành tựu của người khác và bị tác động bởi trạng thái tối tăm, mờ mịt, không sáng suốt nên càng làm cho các trạng thái này thêm sâu đậm, không chịu được người khác hơn mình.

- Vô minh triền tương ưng với tật đố triền:tức là sự hòa trộn giữa sự không biết rõ, khờ khạo, mê luyến, trầm mê với sự ganh ghét, quay mặt, không vừa lòng với tài sản, danh lợi, thành tựu, lợi lành của người khác.

➢ Lận sắt triền tương ưng với vô minh triền và vô minh triền tương ưng với lận sắt triền:

- Lận sắt triền tương ưng với vô minh triền: khi một trạng thái thể hiện sự che giấu, giấu diếm tức là phô bày với 5 cách bỏn xẻn:bỏn xẻn chỗ ở, bỏn xẻn dòng giống, bỏn xẻn lợi lộc, bỏn xẻn danh thơm, bỏn xẻn pháp. Năm pháp này phát sanh là do bị tác động, gây nhiễu bởi tối mê, bị siết chặt bởi sự suy nghĩ tối tăm do vọng tưởng có ngã, nên 2 pháp này một khi hòa trộn với nhau làm cho pháp câu sanh rít bón, keo kiệt...
- Vô minh triền tương ưng với lận sắt triền:từ sự cài chặt, nhốt kín trong pháp tối mê (Si) nên lúc hòa trộn với Lận sắt làm cho trạng thái che giấu, giấu diếm trở nên ràng rịt hơn. Hay nói cách khác, trạng thái không sáng suốt, không thể làm những sự tốt đáng làm nên tạo ra trạng thái ác xấu, cách không nên tạo. Đây là hành vi làm cho tự nó và pháp câu sanh mê mờ, kềm giữ cái ta mà không hiểu ra đó chỉ là vọng tưởng rồi giấu che những tài vật, tri thức...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp triền tương ưng triền.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Triền Tương Ưng Triền:*Saññojanasampayuttā ceva dhammā no ca saññojanā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triền.

Nói về chi pháp bản chất thì tất cả Pháp Tương Ưng Triền mà Phi Triềnlà chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiện và các SH câu sanh:

- Vì khi tâm Tham sanh phải có sự hòa trộn của SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si... Do tác động của 3 pháp bản chất này làm cho Tâm không sáng suốt (Si) nên sự ái nhiễm đắm chìm căn gốc là SH Tham. Hay nói cách khác, Pháp Tương ưng Triềnmà phát sanh đặng phải nhờ vào căn, gốc, rễ của Pháp Triềnmới đủ sức phát sanh như trường hợp vừa nêu trên. Khi Tâm Tham tương ưng Kiến khởi, ngoài lý do đã nêu còn phải bị tác động mạnh bởi pháp bản chất Tà kiến, tức Tà kiến triềnsẽ hòa trộn với trạng thái ham muốn đắm nhiễm...
- Hay như khi tâm Sân sanh khởi, cũng nhờ vào các pháp bản chất câu sanh tương ưng trong đó có Si (Vô minh triền) tác động mạnh làm căn gốc bất thiện. Vì Si làm cho trạng thái Tâm Sân lúc đó không nhận ra cái ta là không có, rồi vọng tưởng có cái ngã mà cho rằng tôi buồn, người ấy làm tôi giận...
- Hoặc như trường hợp Tâm Si phát sanh mà có 2 trạng thái lưỡng lự – phân vân, tán loạn – lao chao, cũng bị tác động từ SH Si tức Vô minh triền. Hay nói cách khác, 2 trạng thái hiện bày Hoài Nghi và Điệu Cử khởi sanh do từ căn Bất thiện Si, tác động mạnh làm cho

các pháp câu sanh chung phải tối tăm, mê mờ trước cảnh rồi đâm ra nghi nan, nghi hoặc hay là tán loạn, lao chao.

- Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là sáng suốt, thông thấu (Trí Tuệ) trước cảnh, nhận định pháp một cách đúng đắn, rõ ràng... thì không có sự nghi nan, nghi hoặc, nghi chuyên, tức không có Hoài Nghi.
- Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là rõ thấu, gạn lọc, trạch pháp... (Trí Tuệ) thì không bị tác động bởi cảnh chi phối mà lao chao, mà tán loạn, tức không có Điệu Cử.

Như vậy ta thấy tác động của Si ở đây là nói về Vô minh triền làm cho trạng thái tâm phải bị bấn loạn, không trụ yên, hoài nghi nên đối lập với Si tức là Trí Tuệ, hay đối lập với Vô Minh là Chánh Kiến. Mà một khi bị Si phối hợp hay tương ưng mà không đủ sức bật ra thì bị cột siết chặt (Triền). Tóm lại những trạng thái pháp Tương Ưng với Triền được trình bày trên cho thấy một khi không có sự khai đoan mở mối, lướt tới (Chánh Tinh Tấn), sáng suốt (Chánh Kiến, Vô Si...), Chánh Niệm thì khó ngăn chặn hoặc vượt thoát qua được các pháp trói buộc là Dục ái triền, Hữu ái triền, Khuể phẫn triền,Tà kiến triền, Ngã mạn triền, Giới cấm thủ triền, Hoài nghi triền,Tật đố triền, Lận sắt triền và Vô minh triền.

NHỊ ĐỀ THỨ 25: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CẢNH TRIỀN

(SAÑÑOJANAVIPPAYUTTASAÑÑOJANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Saññojanavippayuttā kho pana dhammā saññojaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền.*
- *Câu 2: Saññojanavippayuttā kho pana dhammā asaññojaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 735 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền *(Saññojanavippayuttā kho pana dhammā saññojaniyāpi, Saññojanavippayuttā kho pana dhammā asaññojaniyāpi)*. Gọi là Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cảnh Triền, như sau:

** Chư pháp ly triền mà cảnh triền ra sao?*

Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp triền đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly triền mà cảnh triền.

** Chư pháp ly triền và phi cảnh triền ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly triền và phi cảnh triền.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cảnh Triền*(Saññojanavippayuttasaññojaniyaduka)* là gom tụ một phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền.

1. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền*(Saññojanavippayuttā kho pana dhammā saññojaniyāpi):* tức là những trạng thái không hòa trộn với Triền nhưng vẫn bị Triền bắt lấy làm cảnh. Đây chỉ cho bản chất là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp tâm Si Điệu Cử).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền*(Saññojanavippayuttā kho pana dhammā asaññojaniyāpi):* tức là các trạng thái không hòa trộn với Triền mà cũng không bị pháp Triền bắt làm cảnh, đây chỉ cho bản chấtlàPháp Siêu Thế, vì pháp này không còn

nằm trong sự hạn định của thế gian, là pháp vượt thoát khỏi Tam giới, không còn nằm trong phạm vi của Lậu.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Bất tương ưng triền và Cảnh triền là Pháp hiệp thế (trừ bất thiện ngoài SH Si hợp tâm Si Điệu Cử). Chi pháp trong câu 1 chia theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩnlà SH Thọ hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảo hiệp thế
3. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảo hiệp thế
4. Hành Uẩnlà 36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng)(hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảo Hiệp Thế) và Si Hiệp Tâm Si Điệu Cử
5. Thức Uẩn là Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảohiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là TâmVô Nhân và Tâm Tịnh Hảo hiệp thế
12. Pháp Xứ là 38SH(hợp với TâmVô Nhân và Tâm Tịnh Hảo hiệp thế) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới làTâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảohiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là 38SH hợp với Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảohiệp thếvà Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlà Sắc pháp, Tâm Vô Nhân và Tâm Tịnh Hảohiệp thế và 38 SHH

Tất cả Pháp BấtTương Ưng Triền mà Cảnh Triềnlà Pháp hiệp thế (trừ Bất Thiện ngoài SH Si hợp Tâm Si)

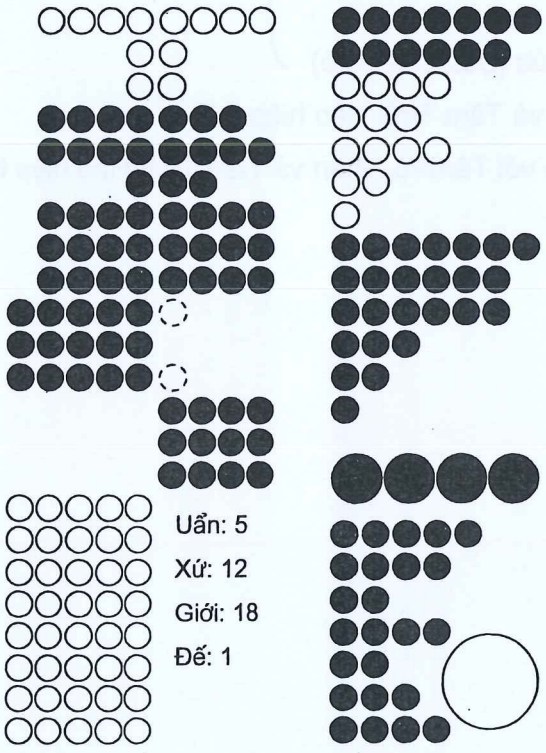

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền là Pháp Siêu Thế. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm Siêu thế
3. Hành Uẩnlà 34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn là Tâm siêu thế

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là 36 SH (hợp với tâm Siêu thế)và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là 36SH(hợp với tâm Siêu thế)và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền là Pháp Siêu Thế

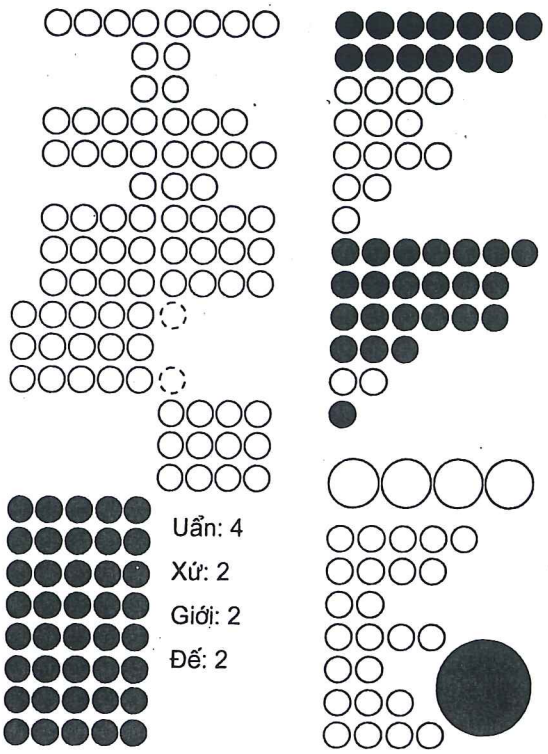

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cảnh Triền:*Sañño janavippayuttā kho pana dhammā sañño janiyāpi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền.

"Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp triền":tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Dục ái triền, Hữu ái triền, Khuể phẫn Triền, Tà kiến triền, Ngã mạn triền, Giới cấm thủ triền,Hoài nghi triền,Tật đố triền, Lận sắt triềnvà Vô minh triền, nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Triền biết, vì còn trong phạm vi của Lậu, tức còn bị chi phối, tác động theo hữu vi Pháp tức là Pháp vẫn còn bị trợ tạo nên Triền mới có thể bắt làm cảnh.

"đó tức là pháp thiện":đây chỉ chocác thứ tâm Đại Thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo Đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Triền sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Triền. Tuy nhiên, các pháp này vẫn có thể bị pháp Triền lấy làm đối tượng để biết như là người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác, ỷ vào việc phước đã tạo đó ...

Lưu ý: Trường hợp SH Si hiệp tâm Si Điêu Cử nên chỉ hiểu như vây: khi SH Si sanh trong Tâm si Điệu Cử thì không có hòa trộn cùng với các Pháp triền do SH Điệu Cử không làm được Pháp triền vì tính chất của SH này là tán loạn làm cho các Pháp câu sanh không được yên mà Triền thì trạng thái trói buộc, siết cứng, cột chặt các Pháp câu sanh chung, nhưng pháp này vẫn làm cảnh cho Triền được.

"và pháp vô ký":tức là 32 tâm Quả hiệp thế, Đại tố, Tố đáo đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp.

- Các Tâm Quả Hiệp thế là các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu, tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Triền nhưng cũng có thể làm cảnh cho Triền bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị cuốn hút, trói buộc, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...
- Cho đến các Tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Triền nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vô tri vô giác nên không hòa trộn cùng pháp Triền nhưng đây cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các phiền não, trong đó có Tham (Dục ái triền, Hữu ái triền), Tà Kiến (Tà kiến triền,Giới cấm thủ Triền) và Si (Vô minh triền).

"còn trong phạm vi lậu mà nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới":các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị Pháp Lậu dẫn dắt.

"tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn":Ở đây Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp Bất Tương Ưng Triền mà Cảnh Triền theo lối Ngũ Thủ Uẩn rồi từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly triền mà cảnh triềnhay là Bất tương ưng Triền mà cảnh Triền.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Triền Cảnh Triền:*Saññojanavippayuttā kho pana dhammā asaññojaniyāpi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền.

Tại sao Đạo Siêu thế là Bất Tương Ưng Triền và phi cảnh Triền?

Đạo Siêu thế hay Tâm Thiện Siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang đoạn trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc. Nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nhổ bật các pháp Triền, nên rõ ràng không thể hòa trộn với pháp đối nghịch (Triền), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các triền phược phiền não, lậu hoặc nên không bị Triền và các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác, tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu, như tiến trình của lộ đắc Sơ Đạo hoặc đắc 3 đạo cao như sau:

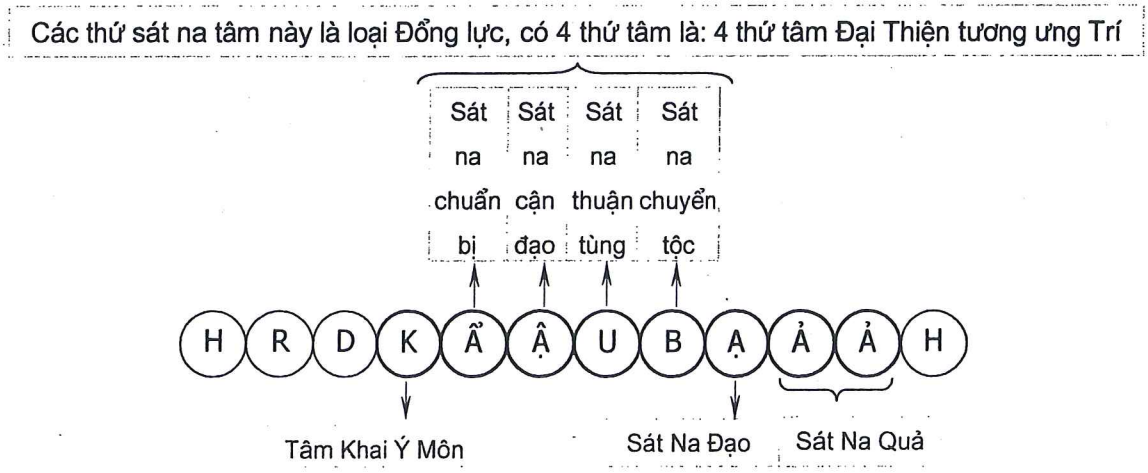

Đi vào giai đoạn các sát na tâm của tiến trình trật tự, thứ lớp mà trong đó có tâm Đạo hay Thiện Siêu thế sanh, chúng ta thấy đường đi của Tâm thuần thục, rất nhuần nhuyễn, với sự quán suy đạt đến kiên cố, bền vững như:

- Ẩ: ký hiệu của sát na chuẩn bị, đây là sát na nền tảng khi mà ngũ quyền đồng đều trợ cho các sát na khác như cận đạo, thuận tùng, chuyển tộc...sát na này tức là 4 thứ tâm đại thiện tương ưng trí tạo sức mạnh, ngăn, che, đẩy lùi, không cho xâm nhập các pháp xấu.
- Ậ: ký hiệu của sát na cận đạo, sát na tâm này sanh lên gần với sát na chứng đắc do tu tiến thuần thục, thuần niệm và tuệ mạnh (đây cũng chỉ cho 4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí) nên không một pháp xấu nào chen vào xâm nhập.
- U: ký hiệu của sát na thuận tùng tức trí thuận theo Đạo đế, vì sát na này thuận theo sát na trước (cận đạo) cũng thuận tiếp sát na sau(chuyển tộc). Sát na này bài trừ pháp đối nghịch, đào thải pháp đối lập, thuận lợi tiến hóa trong việc đắc đạo, vì vậy mà làm sao hòa trộn với PhápTriền được, đồng thời đối lập, đối nghịch, đào thải các lậu hoặc, phiền não nên không bị pháp Triền bắt làm cảnh đặng.
- B: ký hiệu của sát na chuyển tộc, đây là thời gian sát na Tâm diệt trừ dục giới tánh để phát triển thánh tánh hay siêu thế tánh, đây là điều đặc biệt của sát na này. Nói cách khác, vào giai đoạn mà tâm chuyển tộc sanh đã cắt đứt dục giới tánh hay phàm chủng dục, chuyển tộc làm cho tiến hóa, tăng trưởng trợ cho để đạt siêu thế tánh. Qua những lý chân thì không thể hòa trộn với pháp Triền và cũng không bị pháp Triền bắt làm cảnh đặng trong lúc này.
- Ế: ký hiệu của sát na dũ tịnh, là từ Đạo Quả thấp tiến lên Đạo Quả cao, với chức năng càng trong sạch, càng thanh tịnh, sát na đồng lực dũ tịnh hỗ trợ thù thắng diệt thêm, diệt dứt các phiền não, lậu hoặc còn lại. Nói theo cách khác sát na dũ tịnh là sự tiến hóa thù diệu trong giai đoạn đoạn tận thêm các Triền phược và càng tăng trưởng thêm sự thanh tịnh trong sạch, nên không thể hòa trộn với Triền, đồng thời không bị Triền bắt làm cảnh...
- Ạ: ký hiệu của sát na Đạo, như chúng ta thấy các sát na vừa trình bày trên Ẩ, Ậ, U, B (4 Tâm Đại Thiện Tương Ưng Trí) mặc dù là Pháp Hiệp thế nhưng sanh theo lộ đắc đạo nên không bị Triền biết. Do vậy khi đi vào giai đoạn đạo siêu thế hay thiện siêu thế phát sanh thì chúng ta càng thấy Pháp Triền không thể xâm hại đến đây được, vì trong giai đoạn này:

- Diệt dứt phiền não tà kiến, hoài nghi - Diệt dứt sức mạnh bất thiện còn lại - Diệt dứt chủng tử khổ thú - Diệt dứt chủng tử ngoài 7 đời dục giới vui	Sơ Đạo
- Giảm nhẹ dục ái, sân - Diệt dứt chủng tử tái tục đời thứ 2 dụcgiới vui	Nhị Đạo
- Diệt dứt dục ái, sân - Diệt dứt chủng tửtái tục dụcgiới vui	Tam Đạo
- Diệt dứt phiền não Tham, Si, Vô Tàm, Vô úy, Điệu cử, Ngã Mạn, Hôn trầm, Thụy miên - Diệt dứt chủng tửtái tục tam giới (Vô sanh)	Tứ Đạo

Như vậy, Đạo là pháp Bất Tương Ưng Triền đồng thời cũng phi cảnh Triền do đặc tánh và tính chất đặc biệt, như vừa trình bày trên.

Tại sao Quả Siêu thế là Bất Tương Ưng Triền và Phi cảnh Triền?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái cột siết, sôi nổi, nóng nảy không còn đối với Quả Siêu thế, mà đã nhổ bật các chướng ngại, cột siết... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Triền) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các Triền bắt làm cảnh được. Nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Triền và phi cảnh Triền.

Như vậy, pháp Triền không đủ sức chạm đụng đến Đạo Quả Siêu thế vì không đủ mãnh lực so với Pháp vượt ngoài thế gian,nên Pháp Triền không hòa trộn đặng với Đạo Quả Siêu thế và đồng thời cũng không bắt làm cảnh được. Nói cách khác Đạo Quả Siêu thế không còn trong phạm vi của Lậu.

Tại sao Vô Vi Giới là Bất Tương Ưng Triền và Phi cảnh Triền?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả Siêu thế (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên Vô vi giới là pháp Bất Tương Ưng Triền và Phi Cảnh Triền.

BÀI 12: PHẦN TỤ (CHÙM) PHƯỢC

(GANTHAGOCCHAKA)

Trong Pháp hữu vi, sự trợ tạo của duyên *(Paccayaṃ)*, có phần bất thiện trói chặt chúng sanh gọi là Phược, mà Pāḷi gọi là Gantha. Phược hay pháp Phược có nghĩa làtrói chặt chúng sanh về thân danh và thân sắc.

Ở đây, Phược có 4 trạng thái là:

1. Tham ác thân phược *(Abhijjākāyagantha)*
2. Sân độc thân phược*(Byāpādakāyagantha)*
3. Giới cấm thủ thân phược*(Sīlabbataparāmāsakāyagantha)*
4. Ngã kiến thân phược*(Idaṁsaccābhinivesakāyagantha)*

Pháp Phược được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Phược *(Ganthaduka)*
2. Nhị đề Cảnh Phược *(Ganthaniyaduka)*
3. Nhị đề Tương Ưng Phược *(Ganthasampayuttaduka)*
4. Nhị đề Phược Cảnh Phược *(Ganthaganthaniyaduka)*
5. Nhị đề Phược Tương Ưng Phược *(Ganthaganthasampayuttaduka)*
6. Nhị đề Bất Tương Ưng Phược Cảnh Phược *(Ganthavippayuttaganthaniyaduka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 26: NHỊ ĐỀ PHƯỢC

(GANTHADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthā dhammā - Tất cả Pháp Phược.*
- *Câu 2: No ganthā dhammā - Tất cả Pháp Phi Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 736-741 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Phược và Tất cả Pháp Phi Phược *(Ganthā dhammā, No ganthā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Phược, như sau:

* *Câu 736. Chư pháp phược trong khi có ra sao?*

Tứ phược là: tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.

* *Câu 737.Trong tứ phược đó mà tham ác thân phược ra sao?*

Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch, vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm, còn làm cho chúng

sanh liên kết, lối thiên nhiên, vẫn thấm tâm, hằng tươm ra, pháp như sợi chỉ, vẫn tỏa ra, vẫn gom lại, vẫn như bạn lưỡng diện, chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời, sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm, sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi.

Mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát, sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ, sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp, sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, Sắc giới dục, Vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến), sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục, bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ, bẫy của ma, lưới câu của ma, sở sanh của ma, tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện. Như thế gọi là tham ác thân phược (abhijjā kāya gantha).

* *Câu 738.Sân độc thân phược trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Đây gọi là sân độc thân phược (byāpādakāyagantha).

* *Câu 739.Giới cấm thủ thân phược ra sao?*

Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa môn, Bà La môn ngoài Tông giáo nầy là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, chấp tâm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường

lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, cách chấp theo khinh thị. Những chơn tướng nầy gọi là giới cấm thủ thân phược (sīlabbataparāmāso kāyagantho).

** Câu 740.Ngã kiến thân phược ra sao?*

Nhận thấy vũ trụ hằng còn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không trường tồn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ có chỗ cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sanh mạng là một chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sự sống chắc hẳn khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh chết rồi mất, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn còn, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng phải và không còn cũng phải, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng chẳng phải và không còn cũng chẳng phải.

Sự thấy bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn. Nếu có trạng thái như thế gọi là ngã kiến thân phược (idaṅsaccābhinivesakāyagantha).

Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ thân phược) đều là ngã kiến thân phược.

Những chơn tướng nầy gọi là pháp phược (ganthā dhammā).

** Câu 741.Chư pháp phi phược trong khi có ra sao?*

Trừ ra pháp phược rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn tất cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi phược.

II. THÍCH TỪ

- Phược:hay phọc nghĩa là trói buộc, bó buộc, trói chặt. Đây chỉ cho các pháp trói chặt chúng sanh trong luân hồi sanh tử, bao gồm tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.
- Ngã kiến: Ngã là ta, tôi, của ta. Kiến là thấy, ý biết. Ngã kiến là cái thấy biết của ta, chỉ cho tư kiến riêng, ý kiến riêng của một cá nhân nào đó, tức là chấp về tư kiến riêng, chấp về cái hiểu biết của mình.
- Vi phản kiến:Vi là làm, gây nên, giúp; vây quanh, vây bắt; lìa, trái, lánh, lầm lỗi; mầu nhiệm, nhỏ, suy, ẩn, chẳng phải, không. Phản là trái, đối lại, trả lại, trở về, nghĩ lại, xét lại, trở, quay, trái lại, lật lại; trả lại, trở lại. Kiến là thấy, ý biết. Vi phản kiếnnghĩa làcái nhận thấymà làm đi ngược lại chân lý, không thật, tức là việc làm tương phản với chân lý hay cái thấy biết không đúng theo chân đế.

- Xảo man kiến:Xảo là khéo, giả dối. Man là dối, lừa, mắt mờ.Kiến là thấy, ý biết. Xảo man kiến tức là cái thấy biết lừa dối, xí gạt người ta, hay tri kiến không chân chánh, xảo biện, xảo quyệt.
- Triền kiến:Triền là ràng rịt, quấn quanh, vây bọc, cột siết chặt. Kiến là thấy, ý biết. Triền kiến là cái thấy biết cột siết chặt tri kiến của chúng sanh vào sự hiểu sai chấp lầm.
- Tự chấp:đây chỉ chosự tự mình cầm giữ, nắm bắt, bám giữ tri kiến sai mà không buông ra được.
- Sự chấp trước: chấp là sự cầm, giữ, bắt. Trước là bám, là tích chứa. Sự chấp trướclà chỉ cho sự bám giữ tri kiến sai lầm không buông.
- Sự cố chấp: cố chấp, không biến thông, cái gì cũng chấp nhất gọi là cố.
- Chấp tâm: đây nói về sự bám giữ về cái biết như cho là ta là cái biết, cái biết là ta, ta có trong cái biết, cái biết có trong ta, hay nói tâm tạo ra mọi thứ trên đời...
- Tà đạo:là con đường đi cong vạy,tức chỉ chođường lối sai lầm hay là lộ đồ sai, hành theo tà kiến khiến cột trong sanh tử hay đưa vào khổ cảnh.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phược *(Ganthaduka)*là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Phược và Tất cả Pháp Phi Phược.

1. Tất cả Pháp Phược*(Ganthā dhammā):* là những trạng thái mà cột chặt thân danh và thân sắc hay pháp trói buộc thân danh và thân sắc cả hiện tại, vị lai trên 4 khía cạnh mà ràng buộc về thân đó là tham ác thân phược, sân độc thân phược, giới cấm thủ thân phược và ngã kiến thân phược.
2. Tất cả Pháp Phi Phược*(No ganthā dhammā):* là những trạng thái không cột trói thân danh và thân sắc. Đây chỉ cho Tâm, SH (đã trừ chi pháp Phược), Sắc pháp và Níp Bàn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phược là Sở hữu Tham, Tà Kiến, Sân. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn làSở hữu Tham, Tà Kiến, Sân
– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ làSở hữu Tham, Tà Kiến, Sân
– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilàSở hữu Tham, Tà Kiến, Sân
– Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế là Sở hữu Tà Kiến và Sân
  2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Phượclà Sở hữu Tham, Tà Kiến, Sân

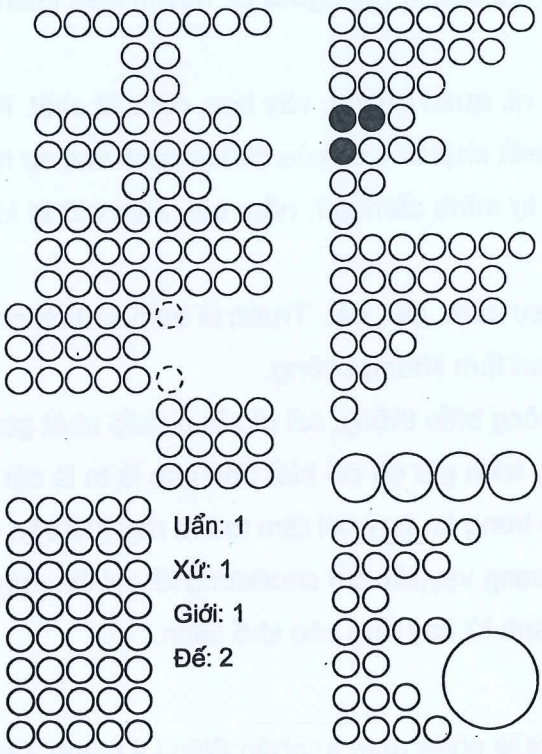

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Phược là tất cả Pháp Siêu Lý (trừ chi Pháp Phược). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩnlà SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành Uẩnlà 47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Tham, Tà Kiến và Sân) hợp với Tâm
5. Thức Uẩn làTâm

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là49 SH (đã trừ Tham, Tà Kiến và Sân) hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức làNgũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là49SH (đã trừ Tham, Tà Kiến và Sân) hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 49 SHH (đã trừ Tham, Tà Kiếnvà Sân)
2. Diệt đế làNíp Bàn

3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Phượclà tất cả Pháp Siêu Lý (trừ chi Pháp Phược)

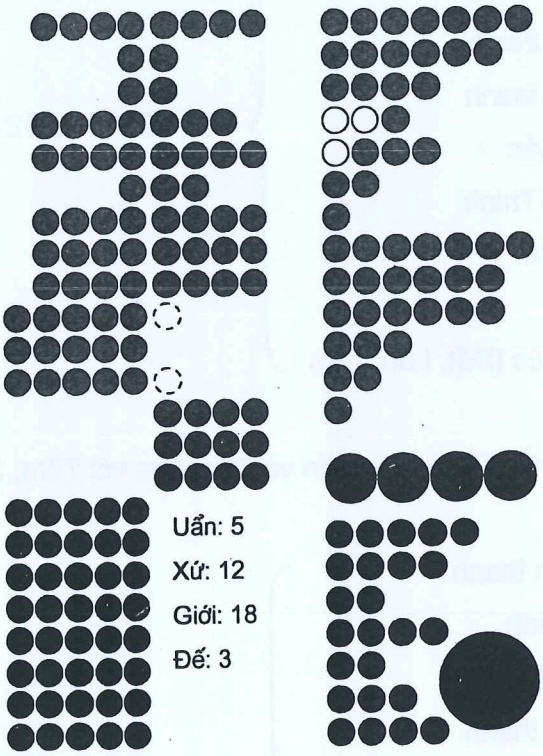

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phược:*Ganthā dhammā*- Tất cảPháp Phược.

Tứ Phược (*Gantha*) là 4 pháp trói chặt vào thân tâm hay khắng khít với thân tâm. Nghĩa là trói chặt với thân danh và sắc, nên nói đủ là Thân Phược. Hay là những trạng thái nào buộc trói với những thân danh, sắc trong hiện tại và luôn đến vị lai thì pháp ấy gọi là Thân Phược, tức là tham, sân, tà kiến.

Phược được phân thành 4 chi gọi là Tứ Phược hay pháp này có 4 điều pháp như sau:

- Tham ác thân phược (*Abhijjākāyagantha*) nghĩa là trói chặt Thân Danh và Thân Sắc với 6 cảnh như làm cho Tâm, SH và Sắc như bị trói vào các cảnh.
- Sân độc thân phược (*Byāpādakāyagantha*) tức là Sân, giận, oán thù ràng buộc cả Thân Danh và Thân Sắc.
- Giới cấm thủ thân phược (*Sīlabbataparāmāsakāyagantha*) là lo giữ Giới Cấm theo Ngoại Giáo tức là những điều học hay những Giới nào mà Phật không chế, cũng không nhìn nhận.
- Ngã kiến thân phược (*Idaṅsaccābhinivesakāyagantha*) là chấp theo tri kiến sai của mình cho là đúng hơn kẻ khác.

Ta giải rộng các chi trong Tứ Phược như sau:

1. Tham ác thân phược*(abhijjhā kāya gantha):* sự tham muốn cao tột độ trở nên độc ác gọi là Tham Ác, từ đó trở thành pháp trói cột thân danh, sắc gọi là Thân Phược điều này được thể hiện qua các từ trong Chánh Tạng như:
   - "Sự dục vọng, đa dục vọng, biến chuyển theo cảnh, sự vui thích, sự hí hởn, sự dục vọng bằng mãnh lực hí hởn, sự dục vọng nặng của tâm, sự ham muốn, sự quy lụy, sự mê đắm, sự thân ái, sự tình ái, sự liên hệ gắn bó, sự trầm nịch": đây chỉ cho sự mê say trong tham ái rồi bị trói cột, ràng rịt, phụ thuộc, ngâm chìm không rời ra được.
   - "vẫn lôi kéo, vẫn gạt gẫm": tức là chúng sanh bị cuốn theo ái dục, bị nó lừa dối, xí gạt.
   - "còn làm cho chúng sanh liên kết, lối thiên nhiên": làm cho các chúng sanh dính mắc với nhau, có liên hệ với nhau, nhìn thấy đó là điều tốt đẹp mà không nhận ra là vọng tưởng, là ác xấu.
   - "vẫn thấm tâm, hằng tươm ra": vì thường ví tham như nước, ở đây tham có nhiều, phát sanh liên tục... Tươm ra là chỉ cho sự bám víu, sự thèm thuồng... rồi bị trói chặt trong cách thèm thuồng ấy.
   - "Pháp như sợi chỉ": là chỉ cho trạng thái mong manh, dễ đứt bởi vì khi tham là thường dễ rơi vào sự dính mắc giống như sợi chỉ.
   - "vẫn tỏa ra, vẫn gom lại": đây chỉ cho trạng thái tâm tham bùng phát, tỏa ra để chuẩn bị ôm lấy, dính mắc cảnh..., và không buông ra là thành tựu của tham.
   - "vẫn như bạn lưỡng diện,chính nguồn cội tâm, vẫn đưa đến cõi đời": chỉ cho tham ái như bạn 2 mặt, người phản trắc, lúc thế này, lúc thế khác. Tham là nhân của khổ, là pháp để chúng sanh còn sinh tử hiệp trong đời.
   - "sự dục vọng như sum lâm, sự dục vọng như mật lâm": ý chỉ cho dục vọng nhiều và dầy đặc tựa như khu rừng rậm rạp, lại âm u tối tăm như bít kín không có đường ra.
   - "sự liên hệ, sự lưu luyến, quái niệm, sự ràng buộc, sự mong mỏi, thái độ mong mỏi": là pháp làm cho có mối liên kết giữa chúng sanh với đời, khiến cho không rời, bận bịu, dính mắc, bận tâm, bận lòng, lo toan... bao gồm luôn cả Thập Oái Niệm tức là 10 điều bận bịu, bận tâm do thiếu căn duyên đắc quả hiện thế:
     1. Quái Niệm Sở cư: trú xứ, chỗ ở,nơi ở như là lo nhớ nhà, cốc, chùa – *Āvsapalibodha*
     2. Quái Niệm thân Ái:bận bịu lo những người thương mến– *Kulapalibodha*
     3. Quái Niệm lợi lộc: vì sự lợi lộc mà không rảnh Tâm – *Lābhapalibodha*
     4. Quái Niệm Đồng cư: bận bịu với người ở chung không đành bỏ ra xa cách – *Ganapalibodha*
     5. Quái Niệm Nghiệp: bận theo Nghề nghiệp, hay chức vụ không rảnh Tâm Trí – *Kammapalibodha*

6. Quái Niệm diễn hành: lo việc đi xa vì e quên sót – *Atthānapalibodha*
7. Quái Niệm thân tộc: trìu mến, yêu thương quyến thuộc v.v... – *Natipalibodha*
8. Quái Niệm tật bệnh: bận lòng với sự bệnh hoạn tật nguyền phải lo điều dưỡng – *Ābādhabodha*
9. Quái Niệm học vấn: vì lo sự học nên chẳng rảnh lòng - *Ganthapalibodha*
10. Quái Niệm Thần thông: bận lo trau dồi phép lạ, cho đến bùa chú, thần quyền v.v... – *Itthipalibodha*

- "mong mỏi sắc, mong mỏi thinh, mong mỏi khí, mong mỏi vị, mong mỏi xúc, mong mỏi lợi, mong mỏi của, mong mỏi con, mong mỏi trường thọ, khao khát, quá khao khát, rất quá khao khát": đây chỉ cho các loại tham dục phân theo 6 cảnh, phân theo các đối tượng bám chấp chủ yếu của chúng sanh như lợi lộc, của cải, con cái, tuổi thọ...
- "sự tế ngữ, cách tế ngữ, thái độ tế ngữ": ám chỉ cho lòng đắm nhiễm, nhỏ nhen.
- "sự tham lam, cách tham lam, thái độ tham lam thành nhân mê mẩn theo những cảnh tốt, sự địa vị trong địa vị không thích hợp": chỉ cho sự ham thích những cảnh vừa lòng thích ý, cho đến sự ham thích cái không xứng đáng có, không xứng đáng đạt được.
- "sự tham quá cỡ, sự nhiễm đắm tâm, thái độ nhiễm đắm tâm, sự hỷ lạc của tâm, sự quá mong mỏi dục vọng, hữu dục, ly hữu dục, sắc giới dục, vô sắc giới dục, diệt dục (đoạn kiến)": mong muốn dục lạc (cõi Dục), đắm nhiễm cõi Sắc, Vô Sắc. Hoặc ái Thường Kiến, Đoạn Kiến (Ái Thường Kiến Hữu Dục, Ái Đoạn Kiến Ly Hữu Dục). Trong phần Liên Quan Tương Sinh của Ngài Đại Trưởng Lão Tịnh Sự có đoạn giải như vầy:
  1. Dục Ái*(kāmataṅhā)*: tức là Lục Dục hưởng bằng tâm tham. Có Pāḷi chú giải như vầy"*Kāma ca so taṅhācāti = kāmataṅhā*": Ưa mến ham muốn 6 cảnh lục Dục gọi là Dục Ái tức là SH Tham.
  2. Hữu Ái*(bhavataṅhā)*:ưa mến chấp Hữu tức là Tâm Tham Tương Ưng biết theo Thường Kiến. Pāḷi chú giải như vầy: Bhavo ca so taṅhā cāti = bhavataṅhā: Pháp ưa chấp Hữu bằng 6 cảnh gọi là Hữu Ái tức là SH Tham hiệp với Tâm Tham Tương Ưng chuyên theo Thường Kiến.
  3. Ly Hữu Ái*(vibhavataṅhā):* ưa mến chấp Không, tức SH Tham. Chú giải "*Vibhavo ca so taṅhā cati = vibhavataṅhā*": Ưa chấp ngoài ra có, nên gọi là Ly Hữu Ái.
- "sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục, pháp dục":đây là ái dục phân theo 6 cảnh là đối tượng của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.
- "Bộc, phối, phược, thủ, luyến mộ, cái, mái che ngăn, mây ràng buộc, tùy phiền não, tiềm thùy, che đậy, dục như dây mây, sự mong mỏi các vật chất, cội rễ của khổ, nhân của khổ, sở sanh của khổ": là chỉ chocác pháp như Bộc, Phối, Phược, Thủ, Cái, Phiền Não, Tiềm Thùy...

- "bẫy của ma, lưỡi câu của ma, sở sanh của ma":Ma là thứ làm người ta mê muội, mất lòng đạo. Đây chỉ cho ái dục như cạm bẫy giăng ra mà người rơi vào đó sẽ mất đi lý trí, trở nên mê man đắm nhiễm. Dục cũng như lưỡi câu đã mắc vào thì khó gỡ được. Các tham dục này đều là nơi sanh trưởng của các pháp bất thiện khác.
- "Tình dục như sông cái, tình dục như chài lưới, tình dục như buộc cột, tình dục như biển cả, tham lam, tham ác, tham là căn bất thiện":chỉ cho tham ái về khía cạnh namnữ to lớn, cuộn trào, chảy xiết, khiến người dính mắc trong đó, bị trói cột trong đó, ngâm chìm vào trong đó, là nhân dẫn dắt chúng sanh trong sanh tử luân hồi.

2. Sân độc thân phược*(byāpādakāyagantha):* sự nóng giận lên cao độ đến mức không chỉ tự thiêu đốt bản thân mà còn có thể làm hại người khác gọi là Sân Độc. Sân Độc như thế trói buộc, cột siết lấy thân danh và thân sắc trong đời Ngũ Thủ Uẩn gọi là Sân độc thân phược. Trong Chánh Tạng, Phật Ngài mô tả Sân độc thân phược bằng các từ như:
   - "Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho ta hư hại": Đây là chỉ cho các sự hận thù, tức là sự oán giận, mất đi hy vọng, khiến cho thù địch, đối lập, cừu thù, thù hằn đến mức có thể thực hiện các hành vi giết hoặc hại đối phương. Nguyên nhân phát sanh là vì do nhận thấy người kia làm bản thân của mình bị hư hại hoặc trong quá khứ, hoặc trong hiện tại, hoặc trong vị lai.
   - "Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho người thương của ta hư hại": Đây cũng chỉ cho các sự thù hận sát hại nhưng không phải là do đối tượng ảnh hưởng trực tiếp đến mình mà là do đối tượng tác động bất lợi đến người mà mình thương yêu, quý mến, kính trọng... hoặc trong quá khứ, hoặc trong hiện tại, hoặc trong vị lai.
   - "Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét": Đây cũng chỉ cho chỉ cho các sự thù hận sát hại nhưng với nguyên do là người kia giúp đỡ, hỗ trợ, làm lợi ích... đến người mà ta đã kết oán ghét từ trước. Sự việc này cũng có thể đã xảy ra, đang xảy ra hoặc chưa xảy ra, đều hình thành lên sự thù hận.
   - "hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán hận, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như thế này": Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ:đây là những trạng thái biểu hiện

khác nhau của Sân Độc, có khi là nung nấu, thiêu đốt, cào xé trong lòng, có khi lại thể hiện ra bằng lời nói hay hành động khiến cho đối phương phải chịu đau đớn, khổ sở về thân hoặc tâm.

Khi sự sân hận trở thành pháp cột trói, trói chặt vào thân danh và sắc, thì Đức Phật Ngài có giải thêm về trạng thái ấy (Sân độc thân phược) ở phần Tiểu Tông Phân Tíchtrong bộ Phân Tích như vầy:

Phân theo 1 chi (1 điều) câu *875*:

** Sự bực mình đó ra sao? Như là cách bực bội thân, sự bực bội thân, sự chuyển mình đi tới, sự chuyển mình đi lui, sự sửa mình cho ngay thẳng, thân không thong thả. Như thế gọi là bực mình (vijambhikā).*

Phân theo 2 chi (2 điều) câu *908:*

** Trong những đề thứ hai mà sân đó ra sao?Như là sự giận hờn, cách giận hờn, thái độ giận hờn, sự sân độc, cách sân độc, thái độ sân độc, sự tính ác, cách tính ác, thái độ tính ác, sự buồn rầu, rất buồn rầu, sự hung dữ, miệng ác, cách không vừa hợp của tâm. Như thế gọi là sân (kodho).*

** Kiết hận trong khi có ra sao? Như là trước kia căm giận để lại thời kỳ sau là kiết hận như là sự kết oán, nào là sự kết oán thù, cột oan trái, sân chất chứa dành để lưu tồn tích tựu buộc ràng chấp cứng, dành để sự sân. Nếu có thái độ như thế mới gọi là kiết hận (upanāho).*

Phân theo 3 chi (2 điều) câu 927, *928*:

* *Tam bất thiện tầm đó ra sao ?*

- Dục tầm đó ra sao? Như là sự nghi ngờ, sự rất nghỉ ngợi... nghỉ ngợi, sai ngoa liên quan với dục như thế gọi là Dục tầm (Kāmavitakko).
- Sân độc tầm đó ra sao?Như là sự nghĩ ngợi, sự rất nghĩ ngợi, sự nghĩ ngợi sai và suy xét theo lối thù sân độc. Như thế gọi là sân độc tầm (*byāpādavitakko*).
- Thương hại tầm trong khi có ra sao?Như là sự suy xét, cách quá suy xét... sự suy nghĩ lầm liên quan với cách ép uổng. Như thế gọi là thương hại tầm (*vihimsāvitakko*).

* *Tam bất thiện tưởng đó ra sao?*

- Dục tưởng trong khi ấy ra sao? Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với dục. Thế gọi là Dục tưởng (Kamasaññā).
- Sân độc tưởng đó ra sao? Như là cách nhớ, sự nhớ, thái độ nhớ liên quan với sân độc. Như thế gọi là sân độc tưởng (*byāpadasaññā*).
- Thương hại tưởng đó ra sao?Như là sự nhớ, cách nhớ, thái độ nhớ liên quan với lối ép uổng. Như thế gọi là thương hại tưởng (*vihimsāsaññā*).

3. Phật Ngài lại tiếp tục giảng về Giới cấm thủ thân phược*(sīlabbataparāmāso kāyagantho):* là trạng thái trói cột thân danh và sắc theo những sự chấp nhất sai lầm trong tà giới, tức

giới phi lý, không phải do Đức Phật chế xuất phát từ quan điểm sai lệch về bản chất chân tướng sự việc như sau:

- "Nhận thấy rằng sự trong sạch do giới, do tu hành, thực hành trì giới của Sa môn, Bà La Môn ngoài Tông giáo nầy là thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, vi phản kiến, xảo man kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, chấp tâm, thái độ sai lầm, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, cách chấp theo khinh thị": tức là những chủ trương, đường lối, lộ đồ, điều răn, cách tu hành... mà ngoại giáo cho phải làm theo mới được trong sạch... thì đều là những tà kiến vì chỉ thấy về một phía, thấy điều không có thật, thấy điều còn thiếu sót, thấy điều trái ngược lại chân lý, thấy những điều lừa mị, những điều trở thành trói buộc khiến tự mình bám giữ không buông các lý lẽ ấy, cho đến sự hiểu biết sai lầm về nhận thức, khiến đi lạc lối theo đường hướng không đúng, đường lối không tốt, làm nhân sanh ra các sự điêu tàn vì chấp theo các phiền não.

4. Lại nữa, Đức Thế Tôn cũng triển khai thêm về tà kiến còn lại trên khía cạnh cột trói bản thân danh và sắc trong cái thấy biết sai lầm của mỗi cá nhân gọi là **Ngã kiến thân phược***(idaṅsaccābhinivesakāyagantha)* như sau:
   - "Nhận thấy vũ trụ hằng còn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không trường tồn chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ có chỗ cùng tột chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy vũ trụ không cùng tột chắc hẳn không sai khác": đây là chỉ cho các quan điểm sai lầm về thế gian như các tà kiến thuộc về Biên Vô Biên Kiến... Các tri kiến này làm mê mờ, rối trí người theo nó mà không đem lại lợi ích gì cho quá trình tu tập đạt đến giải thoát.
   - "Hoặc nhận thấy linh hồn và sanh mạng là một chắc hẳn không sai khác, hoặc nhận thấy linh hồn và sự sống chắc hẳn khác nhau, hoặc nhận thấy chúng sanh chết rồi mất, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết vẫn còn, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng phải và không còn cũng phải, hoặc nhận thấy chúng sanh sau khi chết còn cũng chẳng phải và không còn cũng chẳng phải": đây là nói về các tà kiến về linh hồn, về sự sống sau khi mất, tức là các lý luận thuộc về Thường Vô Thường Kiến... Do tri kiến nhận định như vậy nên cột trói chúng sanh mê vào thân danh và thân sắc, đắm nhiễm mà không thiết thực để tu giải thoát.
   - "Sự thấy bằng cách thiên kiến, hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, sự tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn": là các tri kiến sai lầm được giải theo nhiều khía cạnh như đã trình bày ở đoạn trên khiến chúng sanh bị trói cột trong sanh tử nhưng đây nói riêng cho các tà kiến ngoài Giới Cấm Thủ.

- "Tất cả tà kiến (trừ giới cấm thủ thân phược) đều là ngã kiến thân phược": các tà kiến mà không thuộc về những luật lệ không hợp lý của ngoại giáo thì đều xếp vào các kiến giải sai lầm của cá nhân gọi là Ngã kiến thân phược.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phược:*No ganthā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Phược.

Các pháp ngoài ra các Pháp Phược vừa nêu gọi là Pháp Phi Phược, tức không phải là Pháp Phược, tức không phải pháp cột chặt chúng sanh trong thân danh và sắc. Các pháp này bao gồm các Tâm Thiện, Bất thiện, Vô Ký Hiệp thế cùng SHH, luôn cả đến Sắc pháp cũng là còn dẫn trong đời nhưng không phải là Phược vì chính các pháp đó được Pháp Phược câu sanh, hỗ tương, đẩy trong vòng sanh tử khổ... Các pháp này tức là Sắc Uẩn, Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn, Thức Uẩn được phát sanh nương trong 3 cõi Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Ngoài ra, các tâm Siêu thế và Níp Bàn thì hẳn nhiên cũng không phải là Pháp Phược vì đã vượt ngoài thế gian, không còn bị trói buộc, không còn cột chặt trong đời Ngũ Thủ Uẩn nữa.

Trong tất cả các pháp Phi Phược như đã kể cũng có những pháp làm cảnh cho pháp Phược bắt, lại có những pháp không làm cảnh cho Phược bắt; có những pháp hòa trộn cùng pháp Phược, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp Phược... Các phần này sẽ được lần lượt nêu ra trong các Nhị Đề tiếp theo của Phần Chùm Phược.

NHỊ ĐỀ THỨ 27: NHỊ ĐỀ CẢNH PHƯỢC

(GANTHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthaniyā dhammā - Tất cả Pháp Cảnh Phược.*
- *Câu 2: Aganthaniyā dhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 742 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Cảnh Phược và Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược *(Ganthaniyā dhammā, Aganthaniyā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Cảnh Phược, như sau:

** Chư pháp cảnh phược trong khi có ra sao?*

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh phược.

** Chư pháp phi cảnh phược ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phicảnh phược.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Phược (Ganthaniyaduka)là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Phược và Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược.

1. Tất cả Pháp Cảnh Phược*(Ganthaniyā dhammā):* là những trạng thái làm cảnh cho chư pháp Phược biết đặng. Những trạng thái ấy bao gồm 81 thứ Tâm hiệp thế, 52 SHH và 28 thứ sắc pháp, tức là Tâm hiệp thế, SHH hoặc có thêm sắc pháp câu sanh với nhau làm đối tượng cho trạng thái Phược biết được hay gọi chung Pháp Hiệp thế bị pháp Phược bắt làm cảnh.
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược*(Aganthaniyā dhammā):* là những Pháp không làm cảnh cho Pháp Phược biết, hay là những trạng thái không làm cho Pháp Phược bắt làm cảnh, đây là chỉ cho Pháp Siêu thế tức là 40 thứ tâm siêu thế, 36 SHH và Níp Bàn không làm đối tượng cho Pháp Phược bắt làm cảnh, nghĩa là Pháp Phược không đủ sức lấy Tâm Siêu thế, SHH, Níp Bàn để làm đối tượng cho mình.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Phược là Pháp Hiệp Thế. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩnlà SH Thọ hợp với Tâm hiệp thế
3. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm hiệp thế
4. Hành Uẩnlà 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm hiệp thế
5. Thức Uẩn làTâm hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 52SHH và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức làNgũ song thức

16.Ý giới là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn

17.Ý thức giới là 68 thứ tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)

18.Pháp giới là 52 SHH và Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Phược là Pháp Hiệp Thế

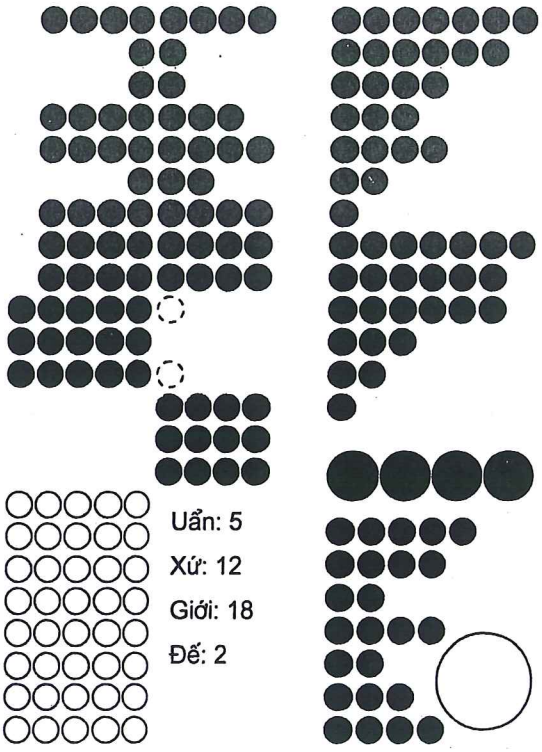

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược là Pháp Siêu Thế. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với Tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm siêu thế
3. Hành Uẩnlà 34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm siêu thế
4. Thức Uẩn làTâm siêu thế

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là Tâm siêu thế
2. Pháp Xứ là 36SH hợp với Tâm siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là 40 thứ tâm siêu thế
2. Pháp giới là 36SH hợp với Tâm siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế
5. Ngoại đế: là tâm Siêu Thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược là Pháp Siêu Thế

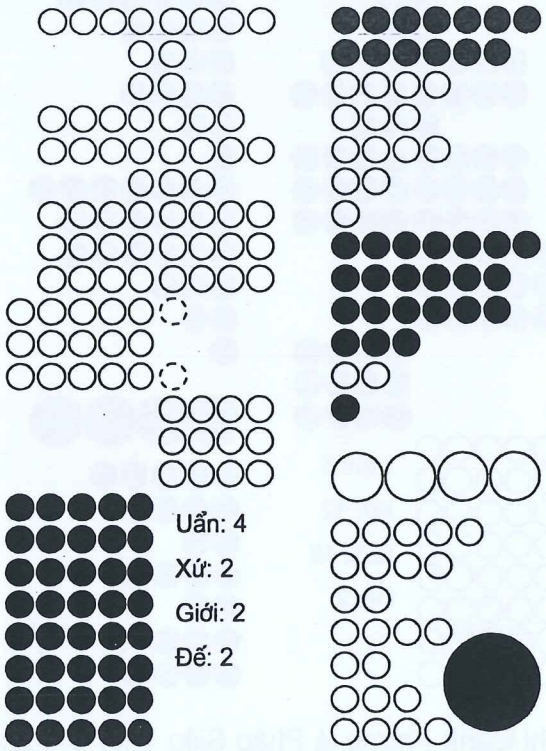

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Phược: *Ganthaniyā dhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Phược.

Tại sao Pháp Thiện làm cảnh cho Phược?

Bởi vì chúng sanh (Danh Sắc) bị trói chặt vào Thân tâm hay khắng khít với Thân tâm mà liên quan đến Phược trong nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô Minh mà khởi sanh Tham ác, sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai... rồi mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Phược.

Như là người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng: ta đã làm được việc có công đức rồi dính mắc trong việc làm ấy. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để

trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và đắm nhiễm trong cái ta làm được. Vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Phược.

Hoặc là do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Phược, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Phược sanh.

Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Phược?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự chấp sai, hiểu lầm mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Phược sanh như là tự thân làm ác ; sát sanh, trộm cướp, tà dâm... rồi thỏa thích, trầm luyến do không nhận thấy pháp Liên quan Tương sinh bởi sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật (siêu lý), sự không thấu suốt, sự không theo lẽ phải, sự không quyết tin đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, ... trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Phược dễ dàng bắt lấy làm cảnh. Như vậy, pháp nào buộc trói với những thân danh, thân sắc cả hiện tại và vị lại, pháp ấy gọi là Thân Phược tức Tham, Sân, Tà Kiến(*Kāyaṃganthenthīti = Kāyaganthā)*

Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Phược?

Pháp Vô Ký đây tức ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp.

Tâm Quả Hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị Thời Nghiệp Duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Phược? Vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

- Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự trói buộc khởi sanh (Phược). Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí... của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên Triền Phược.
- Hoặc là thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì thuận lợi làm cảnh cho sự cột trói thân tâm khởi lên. Ví như có kết quả không tốt về tài sản, trí tuệ... rồi đâm ra không nhận biết, không biết rõ, khởi sanh sự chấp sai, thấy lầm,... tạo thuận lợi chuyển tâm vào lộ Bất thiện dễ dàng.

Hoặc là bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Phược do bị cột trói thân tâm trong tham, sân, tà kiến của nhiều đời lắm kiếp. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ) mà khởi sanh Tham ác thân phược, Sân độc thân phược, Giới cấm thủ thân phược, Ngã kiến thân phược.

Cho đến TâmTố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Phược bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não Phược.

Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Phược biết. Đơn cử như nghe nhạc (Cảnh Thinh) mà khởi lên tham đắm, trói buộc trong cảnhấy.

Tại sao Dục Giới, Sắc Giới, Vô Sắc Giới làm cảnh cho Phược?

Đây là ám chỉ cho các pháp Phược nương trong Tam Giớinghĩa là các Pháp Phược là phải nương vào Dục, Sắc và Vô Sắc Giới để phát sanh. Vì trong các cõi như Dục Giới thì có Phiền Não Dục và các Phiền Não khác. Cõi Sắc Giới thì có Phiền Não Sắc và các Phiền Não khác.Cõi Vô Sắc Giới thì có Phiền Não Vô Sắc và các Phiền Não khácnên dễ cho pháp Phược nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp Phược tức sự cột trói phát sanh.

Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Phược?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm và nhận định cùng với lòng ái thủ, đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Phược sanh là vậy, nên chấp theo tri kiến sai của mình cho là đúng hơn kẻ khác (Ngã kiến thân phược), từ đó trói chặt thân danh và thân sắc với 6 cảnh, tức là làm cho Tâm, SH và Sắc như bị trói vào các cảnh (Tham ác thân phược...)

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Phược:*Aganthaniyā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Cảnh Phược.

Vì sao Đạo, Quả và Níp Bàn là Phi Cảnh Phược? Bởi vì:

- Đạo*(Magga)* tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục, có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Phược không biết đặng.
- Quả là do nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quả, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên Pháp Phược không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.
- Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên Pháp Phược càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế, Phược còn không biết đặng thì nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 28: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHƯỢC

(GANTHASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthasampayuttā dhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Phược.*
- *Câu 2: Ganthavippayuttā dhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 743 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Phược và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược *(Ganthasampayuttā dhammā, Ganthavippayuttā dhammā)*. Gọi là Nhị Đề Tương Ưng Phược, như sau:

** Chư pháp tương ưng phược ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng phược.

** Chư pháp ly phược trong khi có ra sao?*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Phược *(Ganthasampayuttaduka)*à phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Phược và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Phược*(Ganthasampayuttā dhammā):* là những trạng thái khi phát sanh, hòa trộn theo lối trói chặt, nghĩa là trói chặt thân danh và thân sắc với 6 cảnh làm cho tâm và SH như trói vào các cảnh hay là sân giận, oán thù ràng buộc cả thân danh và thân sắc, hoặc là lo giữ giới cấm theo ngoại giáo tức là những điều học hay những giới nào mà Phật không chế cũng không nhìn nhận, luôn đến chấp theo tri kiến sai của mình cho là đúng hơn kẻ khác. Các trường hợp trên hòa trộn với nhau gọi là Tương Ưng Phược. Nếu nói gọn thì Chư Pháp Tương Ưng Phược là những trạng thái có tham, sân, tà kiến hợp vào làm cho tâm được mạnh mẽ theo lối trói chặt. Đây ám chỉ cho 8 thứ tâm Tham, 2 thứ tâm Sân, và 25 SHH (trừ Tham hợp Tâm Tham Bất Tương Ưng và Sân).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược*(Ganthavippayuttā dhammā):* là những trạng thái khi phát sanh mà không có hòa trộn với pháp phược tức là tham phát sanh trong 4 Tâm Tham Câu Hành Bất Tương Ưng Kiến hay phiền não phát sanh trong 2 tâm khởi sanh câu hành ưu, tâm khởi sanh hoài nghi. Ngoài ra còn các trạng thái pháp khác như là Níp Bàn,

Sắc pháp, Tâm Tịnh Hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si và 43 SHH (lấy thêm SH Sân và SH Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng) cũng được gọi là chư pháp bất tương ưng Phược. Đây là chư pháp bất tương ưng Phược.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Phược là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, 25 Sở hữu hợp (trừ Tham Hiệp Tâm Tham Bất Tương Ưng và Sân). Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
3. Hành Uẩn là23 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
4. Thức Uẩn là8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Pháp Xứ là 25 Sở hữu hợp (trừ Tham Hiệp Tâm Tham Bất Tương Ưng và Sân)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Pháp giới là25 Sở hữu hợp (trừ Tham Hiệp Tâm Tham Bất Tương Ưng và Sân)

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, 24 Sở hữu hợp (trừ Tham và Sân)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Phướclà 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, 25 Sở hữu hợp (trừ Tham Hiệp Tâm Tham Bất Tương Ưng và Sân)

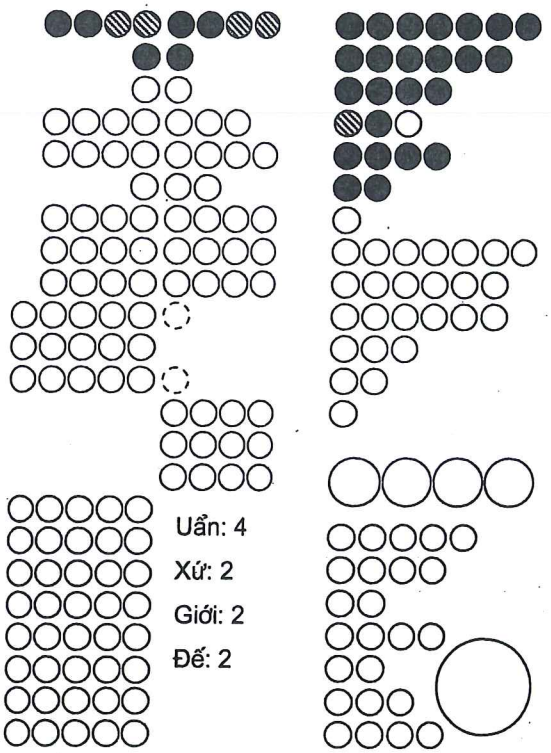

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược là Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si và 43 Sở hữu hợp lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si
3. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si
4. Hành Uẩn là41 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si; lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng
5. Thức Uẩn là tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si
12. Pháp Xứ là43 Sở hữu(hợp tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si)lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới tức là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là43 Sở hữu(hợp tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si) lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 4 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si và 43 Sở hữu hợp lấy thêm sở hữu Sân
2. Tập đế là SH Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng
3. Diệt đế là Níp Bàn
4. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đếlà tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phượclà Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si và 43 Sở hữu hợp lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hiệp Tham Bất Tương Ưng

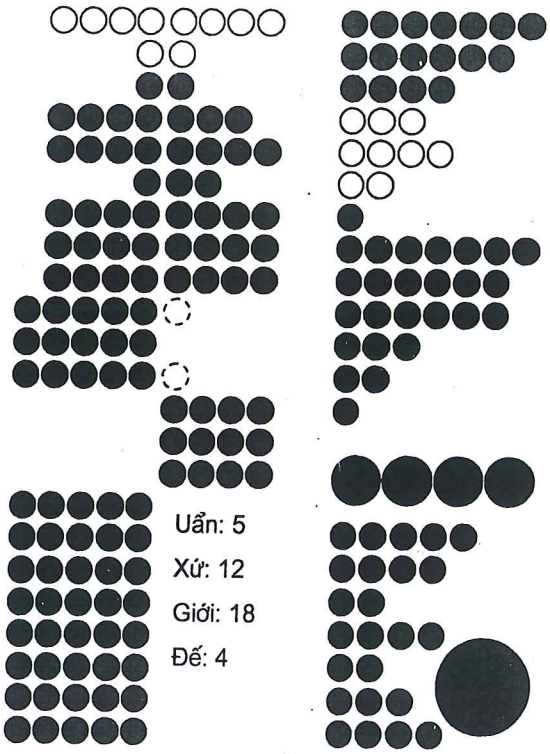

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Phược:*Ganthasampayuttā dhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Phược.

Đây là Đức Phật chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 8 tâm Tham, 2 tâm Sân tức là Thọ uẩn bất thiện (pháp Phược)
- SH Tưởng phối hợp với 8 tâm Tham, 2 tâm Sân tức là Tưởng uẩn bất thiện (pháp Phược)
- 23 Sở hữu hợp (đã trừ Thọ, Tưởng, Tham hợptâm Tham bất tương ưng và Sân) phối hợp với 8 tâm Tham, 2 tâm Sântức là Hành uẩn bất thiện (pháp Phược)
- 8 tâm Tham, 2 tâm Sânlà Thức uẩn bất thiện (pháp Phược)

Như vậy, 4 Uẩn Danh này hòa trộn với Phược, sanh chung với Phược, câu sanh với Phược, trạng thái hỗ trợ cùng Phược nên những pháp ấy gọi là pháp Tương Ưng Phược, tức 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân, 25 Sở hữu hợp (trừ Tham hợptâm Tham bất tương ưng và Sân).

Nói gọn:

- Trói chặt thân danh và thân sắc với 6 cảnh, tức dựa trên Tứ Danh Uẩn đối với 6 cảnh.
- Trói chặt bằng cách sân giận, oán thù ràng buộc thân danh và thân sắc, tức dựa trên Tứ Danh Uẩn đối với sự sân hận, thù oán.
- Trói chặt theo lối lo giữ giới cấm theo ngoại giáo mà Phật không chế cũng không nhìn nhận, tức dựa trên Tứ Danh Uẩn đối với tà giới.
- Trói chặt thân danh và thân sắc theo lối chấp theo tri kiến sai của mình, tức dựa trên Tứ Danh Uẩn đối với Ngã Kiến.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Phược: *Ganthavippayuttā dhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược.

Đây là Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức Uẩn, nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với tâm Tịnh hảo,tâm Vô nhân và Si tức Thọ uẩn bất tương ưng Phược
- SH Tưởng phối hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân và Si tức là Tưởng uẩn bất tương ưng Phược
- 41 Sở hữu (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp tâm Tịnh hảo, Vô nhân và Si, lấy thêm sở hữu Sân và sở hữu Tham hợp Tham bất tương ưngtức là Hành uẩn bất tương ưng Phược
- Tâm Tịnh Hảo, tâm Vô nhân, Tâm Si là Thức uẩn bất tương ưng Phược
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc uẩn bất tương ưng Phược
- Và Vô Vi Giới tức Níp Bàn hay Vô vi ngoại uẩn cũng là bất tương ưng Phược.

Như vậy: 4 Uẩn Danh, Sắc Uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Phược, không sanh chung với Phược, không câu sanh với Phược, trạng thái không hỗ trợ cùng Phược nên những pháp ấy gọi là pháp bất tương ưng Phược hay Chư Pháp Ly Phược.

NHỊ ĐỀ THỨ 29: NHỊ ĐỀ PHƯỢC CẢNH PHƯỢC

(GANTHAGANTHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthā ceva dhammā ganthaniyā ca - Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược.*
- *Câu 2: Ganthaniyā ceva dhammā no ca ganthā - Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 744 Phật Ngài có dạy vềtrạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược và Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược *(Ganthā ceva dhammā ganthaniyā ca, Ganthaniyā ceva dhammā no ca ganthā)*. Gọi là Nhị Đề Phược Cảnh Phược, như sau:

** Chư pháp phược và cảnh phược trong khi có ra sao?*

Tức là pháp phược. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phược và cảnh phược.

** Chư pháp cảnh phược mà phi phược ra sao?*

Những pháp nào thành cảnh của pháp phược đó mà trừ ra pháp phược tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký mà còn trong phạm vi lậu biết nương theo Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh phược mà phi phược.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phược Cảnh Phược *(Ganthaganthaniyaduka)*là gom tụ 1 phầnpháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược và Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược.

1. Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược *(Ganthā ceva dhammā ganthaniyā ca):* là những trạng thái trói chặt và đồng thời cũng làm Cảnh Phược cho Pháp Phược biết đặng nên gọi là Phược Cảnh Phược. Hay nói cách khác, chư Pháp Phược và Cảnh Phược là chính những Pháp Phược bị Pháp Phược khác bắt lấy làm cảnh nên gọi là Pháp Phược và Cảnh Phược, nghĩa là Pháp Phược này bị Pháp Phược kia biết đặng.
2. Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược *(Ganthaniyā ceva dhammā no ca ganthā):* là những pháp nào làm cảnh cho pháp Phược, thành Lậu thuộc Dục Giới, Sắc Giới và Vô Sắc Giới. Hay là những pháp Hiệp thế ngoài pháp Phược làm đối tượng cho pháp Phược biết được thì pháp ấy gọi là pháp Cảnh Phược mà Phi Phược. Đây chỉ cho 81 thứ tâm Hiệp thế, 49 SHH (đã trừ chi Pháp Phược), 28 Sắc pháp thành cảnh cho Phược biết.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược là chi Pháp Phược. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là SH Tham, SH Tà Kiến, SH Sân

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là SH Tham, SH Tà Kiến, SH Sân

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà SH Tham, SH Tà Kiến, SH Sân

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Tà Kiến, SH Sân
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phượclà chi Pháp Phược

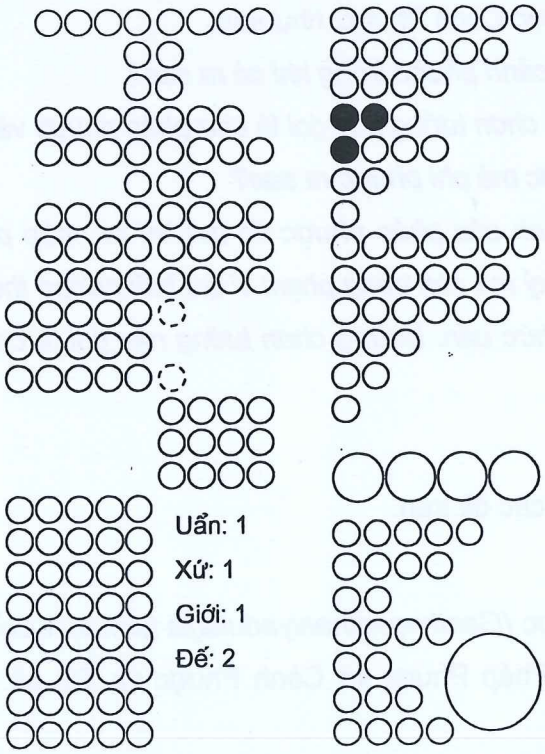

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược là Pháp Hiệp Thế (trừ chi Pháp Phược). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với Tâm Hiệp Thế
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với Tâm Hiệp Thế
4. Hành Uẩn là47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Tham, Tà Kiến, Sân) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức Uẩn là tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là49SH hợp với tâm Hiệp thế (đã trừ SH Tham, SH Tà Kiến, SH Sân), Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là68 tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới là49SH hợp với tâm Hiệp thế (đã trừ SH Tham, SH Tà Kiến, SH Sân), Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlà Pháp Hiệp Thế (trừ chi Pháp Phược).

Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phượclà Pháp Hiệp Thế (trừ chi Pháp Phược)

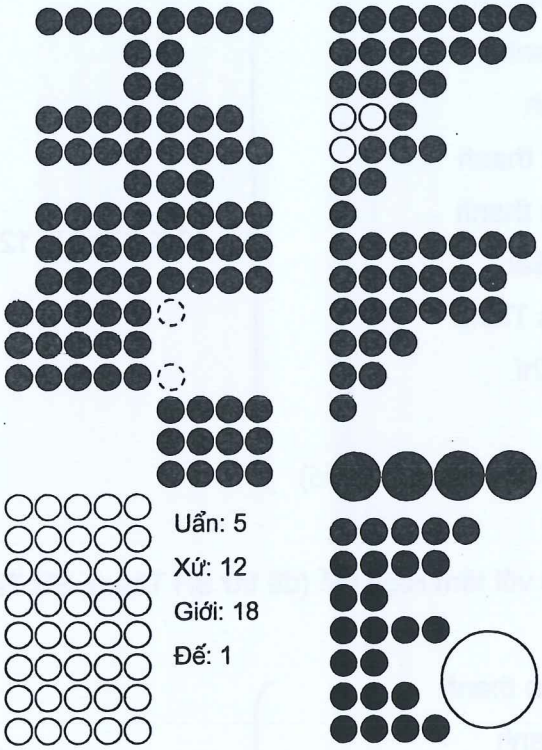

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phược Cảnh Phược: *Ganthā ceva dhammā ganthaniyā ca-*

Tất cả Pháp Phược và Cảnh Phược.

Đây ám chỉ cho Tham ác thân phược, Sân độc thân phược, Giới cấm thủ thân phược và Ngã kiến thân phược tức là SH Tham, SH Sân, SH Tà Kiến trở thành cảnh cho Phược. Nghĩa là 3 chi pháp Phược làm cảnh cho Pháp Phược hay 3 chi pháp Phược làm đối tượng cho chính nó, hoặc gọi là Phược bị Pháp Phược biết.Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng như vầy:

- Tham ác thân phược làm cảnh cho Tham ác thân phược: đây là trường hợp trói cột trong sự ham thích, đắm nhiễm đối với 6 cảnh trước đây nay trở thành cảnh cho trói cột trong sự tham đắm sau đó khởi sanh lên. Dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Tham ác thân phược sau sanh khởi. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý) nên bị cột trói trong các cảnh ấy không rời ra được.
- Tham ác thân phược làm cảnh cho Sân độc thân phược: tức là khi trạng thái đã bị cột trói đắm nhiễm trong 6 cảnh trước đó trở thành cảnh để khởi phát lên sân hận, oán thù để rồi lại bị trói buộc theo cách như thế. Ví như có người đã từng tham đắm, thỏa thích với tài sản của mình, khi tài sản ấy bị trộm mất thì đâm ra oán giận, hận thù kẻ trộm.

- Tham ác thân phược làm cảnh cho Giới cấm thủ thân phược: tức là dựa vào sự trói buộc tham chấp trong dục vọng mà khởi sanh lên tà kiến tin theo những điều giới sai lầm... Như có người đời này được quả thành tựu tốt tài sản, danh vọng, trí tuệ, sắc đẹp... nên trở nên ham thích trong thành quả này. Vì muốn chúng không bao giờ mất đi nên tin và làm theo các điều mê tín như xem bói, coi ngày, tế thần...
- Tham ác thân phược làm cảnh cho Ngã kiến thân phược: do bị cột siết trong ái nhiễm, trong tham ái, trong mê luyến rồi trợ theo lối cảnh làm cho tâm phát sanh những tri kiến sai lầm, đây gọi là Tham ác thân phược làm đối tượng cho Ngã kiến thân phược. Cũng như người ham mê, thỏa thích trong dục lạc rồi khởi lên ý nghĩ cho rằng có ta là người đang hưởng thụ; những của cải, thành tựu này là của ta...
- Sân độc thân phược làm cảnh choTham ác thân phược:tức là trạng thái bị trói chặt trong sân hận, oán thù trở thành cảnh để trợ cho trạng thái say mê, tham đắm phát sanh theo lối trói cột thân danh và thân sắc của chúng sanh. Ví như có người hãm hại, chiến thắng được kẻ đối nghịch với mình thì lấy đó làm điều kiêu hãnh.
- Sân độc thân phược làm cảnh cho Sân độc thân phược: đây là trường hợp sự cột trói của thù oán trước làm điều kiện phát sanh tiếp tục mối thù oán sau. Cứ như vậy mà trói buộc chúng sanh trong sân hận không nguôi. Như có người gặp lại kẻ thù cũ của mình thì trở nên khó chịu, nóng giận...
- Sân độc thân phược làm cảnh cho Giới cấm thủ thân phược: là khi sân giận, oán thù trói chặt chúng sanh làm điều kiện để phát sanh những tri kiến sai lầm tin theo tà giới. Như là có người vì oán nên tin làm các chú thuật của ngoại giáo để hãm hại kẻ thù với mình.
- Sân độc thân phược làm cảnh cho Ngã kiến thân phược: đây là trường hợp trói cột trong cảnh thù hận, sát hại, bực tức... đến mức phát khởi tri kiến sai lầm. Như có người vì nóng giận, oán thù, ác cảm với kẻ khác nên luôn cho rằng những điều kẻ đó nói là không đúng, điều ngược lại mới đúng.
- Giới cấm thủ thân phược làm cảnh cho Tham ác thân phược: do bị trói chặt trong kiến thức sai lầm, cái biết bị lệch lạc về các giới cấm của ngoại đạo, nên trợ cho tham dục sanh trói buộc lấy thân danh và thân sắc. Như là người tu theo các khổ hạnh ép xác của Bà La Môn cho rằng mình là người giữ được Phạm Hạnh hơn hẳn những kẻ khác mà thích thú như vậy.
- Giới cấm thủ thân phược làm cảnh cho Sân độc thân phược:đây là trường hợp bị trói trong các tà giới rồi khởi sanh các hành vi giận dữ, oán thù làm hại kẻ khácnhư có ngoại đạo theo tục tế thần, cúng bái nên giết hại các loài chúng sanh để thực hiện lễ tế ấy.
- Giới cấm thủ thân phược làm cảnh cho Giới cấm thủ thân phược: đó là do bị trói trong nhận định sai lầm về giới của ngoại đạo nên tiếp tục phát sanh các tri kiến sai lầm khác

cũng về các tà giới ấy. Ví như người đã hành theo khổ hạnh ngày ăn ngày nhịn lại còn hành thêm tà hạnh chỉ được phép ăn lá cây.

- Giới cấm thủ thân phược làm cảnh cho Ngã kiến thân phược: do cột chặt trong nhận định sai lầm lệch lạc về giới cấm nên trợ cho tri kiến sai lầm khác phát sanh. Như có người tu theo các hạnh sai lầm mà lại cho là làm như vậy thì linh hồn mình sẽ trở nên bất tử.
- Ngã kiến thân phược làm cảnh cho Tham ác thân phược: là khi trói chặt trong sự chấp theo các tri kiến sai lầm của bản thân mà khởi lên mê say đắm nhiễm với các điều đó, như người tà kiến nặng rồi thích thú, trầm mê trong nhận định sai lầm của mình mà vẫn buộc ràng đắm nhiễm, hay là một chúng sanh như trời Đại Phạm thiên tự cho mình là chủ tạo hóa (Ngã kiến thân phược) mà khởi lên tham ái (Tham ác thân phược).
- Ngã kiến thân phược làm cảnh cho Sân độc thân phược: do bị trói buộc trong kiến chấp sai quấy, không đúng với bản chất chân tướng thực tính của pháp nên khởi lên sự oán thù, sân hận..., vì vậy Ngã kiến thân phược làm cảnh cho Sân độc thân phược là vậy. Như có người vì cho là có cái ta, lại nghĩ rằng kẻ kia làm hại đến cái ta ấy nên đâm ra thù hận ám hại kẻ đó.
- Ngã kiến thân phược làm cảnh cho Giới cấm thủ thân phược: do bị trói cột quá lâu (nhiều đời lắm kiếp) trong những tri kiến sai lầm làm phát sanh các niềm tin không đúng đắn vào các tà giới của ngoại giáo. Như có chúng sanh cho là có một đại ngã tối thượng làm chủ tạo hóa gọi là Thượng Đế nên bày ra các lễ nghi cúng bái, cầu xin để được ban phát các điều tốt lành.
- Ngã kiến thân phược làm cảnh cho Ngã kiến thân phược: Do bị trói chặt nết quen Tà kiến của nhiều đời trước, nay trợ bởi Thường Cận Y Duyên nên dễ phát sanh Tà kiến trong đời này. Nghĩa là những nhận định lệch lạc, sai lầm gặp dịp mà tri kiến không chịu chỉnh sửa nên giúp cho Ngã kiến thân phược sanh tiếp tục. Như là đã cho rằng có cái ta, lại chấp thêm có cái của ta.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phược Cảnh Phược: *Ganthaniyā ceva dhammā no ca ganthā*- Tất cả Pháp Cảnh Phược mà Phi Phược.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong Hiệp thế dù là thiện, bất thiện hay vô ký cũng làm cảnh cho Phược.

- Trường hợp này, đối với bản thân, khi làm việc phước thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm, nặng trong mong mỏi... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho Phược, mặc dầu không phải là Phược.
- Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Phược sanh. Vì pháp bất thiện (ngoài pháp Phược) câu sanh chung với pháp Phược trong quá khứ khi diệt rồi

sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp Phược trong hiện tại. Như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm Tham) thì làm cảnh cho Tham ác thân phược. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm Sân) thì cũng trợ cho những pháp Phược sanh như Sân độc thân phược chẳng hạn.Còn khi chấp thủ tri kiến hoặc cống cao phách lối (chỉ cho Tâm Tham Tương Ưng, Tâm Tham Bất Tương Ưng) thì cũng làm dịp tốt cho các Phược sanh, nhất là Giới cấm thủ thân phược và Ngã kiến thân phược...

- Hoặc là những thành tựu (tâm Quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Phược sanh như:
  - Khi các kết quả bất thiện (Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân) thì bị Sầu, Khóc, Khổ, Ưu, Ai, khiến cho bị trói chặt trong các Phược bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
  - Còn Tâm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn, sân hận, hay tà kiến. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận hoặc tà kiến.

Những pháp trên Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô Ký là Thức Uẩn; pháp câu sanh là Thọ Uẩn, Tưởng Uẩn, Hành Uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn. Cho nên trong phần chánh tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 30: NHỊ ĐỀ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC

(GANTHAGANTHASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthā ceva dhammā ganthasampayuttā ca - Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phược.*
- *Câu 2: Ganthasampayuttā ceva dhammā no ca ganthā - Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 745 Phật Ngài có dạy vềtrạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phược và Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược *(Ganthā ceva dhammā ganthasampayuttā ca, Ganthasampayuttā ceva dhammā no ca ganthā)*. Gọi là Nhị Đề Phược Tương Ưng Phược, như sau:

** Chư pháp phược tương ưng phược ra sao?*

Giới cấm thủ thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với giới cấm thủ thân phược.

Ngã kiến thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với ngã kiến thân phược.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phược tương ưng phược.

** Chư pháp tương ưng phược mà phi phược trong khi có ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp phược đó mà trừ ra pháp phược rồi tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng phược mà phi phược.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phược Tương Ưng Phược*(Ganthaganthasampayuttaduka)*là gom tụ 1 phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phượcvà Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược.

1. Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phược *(Ganthā ceva dhammā ganthasampayuttā ca)*: là trạng thái trói chặt và hòa trộn với sự trói chặt khác thành pháp tương ưng với nhau nên gọi là Phược và Tương Ưng Phược. Đây ám chỉ cho SH Tham và Tà Kiến phối hợp với Tham Tương Ưnghoặc là sự hiện bày như:
   - Giới cấm thủ thân phược, Tham ác thân phược là Phược tương ưng Phược.
   - Hay Tham ác thân phược với Giới cấm thủ thân phược là Phược tương ưng Phược.
   - Hoặc Ngã kiến thân phược với Tham ác thân phược là Phược tương ưng Phược.

- Hay ngược lại,Tham ác thân phượcvớiNgã kiến thân phượclà Phược tương ưng Phược...

2. Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược*(Ganthasampayuttā ceva dhammā no ca ganthā):* đây là trạng thái hòa trộn với Pháp Phược nhưng không phải pháp Phược. Tức là 8 thứ Tâm Tham, 2 thứ tâm Sân và 23 SHH (đã trừ Tham, Sân và Tà Kiến). Hay nói cách khác, 8 thứ Tâm Tham khởi sanh câu hành với Tham, 2 Tâm Sân phát sanh câu hành với Ưu, ngoại trừ các pháp Phược khởi sanh trong những tâm này thì pháp ấy gọi là chư Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược là vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phược là Sở hữu Tham và Tà Kiến hợp với Tâm Tham Tương Ưng. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành Uẩn là Sở hữu Tham và Tà Kiến hợp với Tâm Tham Tương Ưng
– Xứ đặng 1 Xứ: Pháp Xứ là Sở hữu Tham và Tà Kiến hợp với Tâm Tham Tương Ưng
– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Sở hữu Tham và Tà Kiến hợp với Tâm Tham Tương Ưng
– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Tà Kiến
2. Tập đế là SH Tham hợp với Tâm Tham Tương Ưng

Tất cả Pháp Phược và Tương ưng phượclà SH Tham + Tà kiến hợp với tâm Tham tương ưng

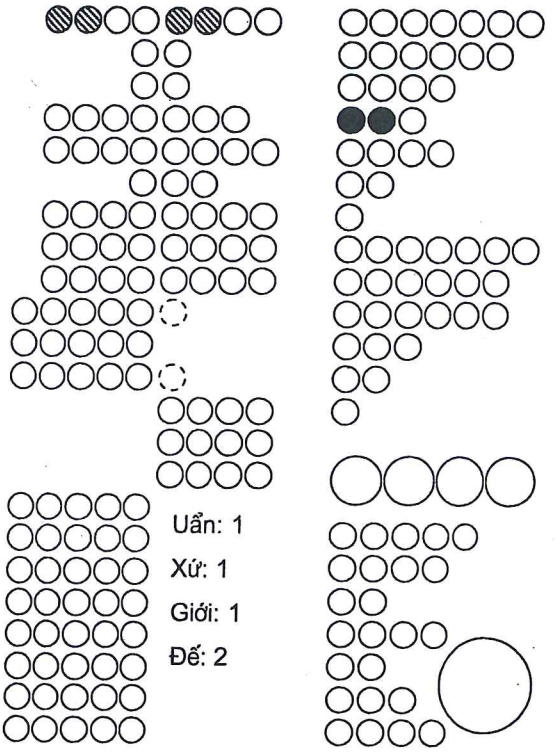

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân và 23 Sở hữu hợp (trừ Tham, Sân và Tà Kiến). Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:
1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Tưởng Uẩn là SH Tưởng hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
3. Hành Uẩn là21 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Tham, Sân và Tà Kiến) hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
4. Thức Uẩn là8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân

– Xứ đặng 2 Xứ:
1. Ý Xứ là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Pháp Xứ là23 Sở hữu (trừ Tham, Sân và Tà Kiến) hợp với 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân

– Giới đặng 2 Giới:
1. Ý thức giới là 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân
2. Pháp giới là23 Sở hữu (trừ Tham, Sân và Tà Kiến) hợp với8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlà 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân và 23 Sở hữu hợp (trừ Tham, Sân và Tà Kiến)

Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phượclà 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân và 23 Sở hữu hợp (trừ Tham, Sân và Tà Kiến)

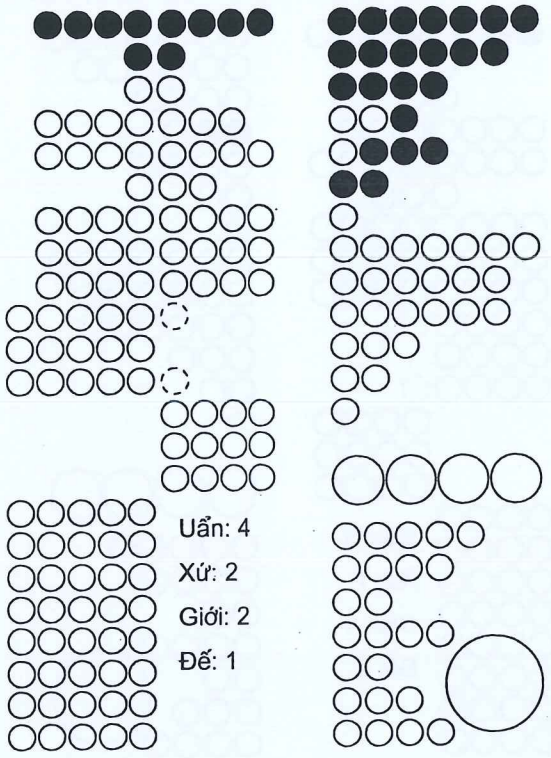

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phược Tương Ưng Phược:*Ganthā ceva dhammā ganthasampayuttā ca*- Tất cả Pháp Phược và Tương Ưng Phược.

Theo Chánh Tạng (*AbhidhammaPiṭaka – Tạng Vô Tỷ Pháp) ở* Bộ Pháp Tụ, câu 745 Phật Ngài có dạy:

** Chư pháp phược tương ưng phược ra sao?Giới cấm thủ thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với giới cấm thủ thân phược:*

⇨ *"Giới cấm thủ thân phược tương ưng với tham ác thân phược":*đây chỉ cho trường hợp sự hòa trộn giữa cách chấp cứng theo giới của ngoại giáo, cách chấp theo lối dị đoan, quá chấp theo cách sai Pháp bản chất thực tính làm cho sự đắm nhiễm càng trở nên nhiễm vật dục 1 cách đậm đạp nên bị cột trói chặt không rời ra được.

⇨ *"Tham ác thân phược tương ưng với giới cấm thủ thân phược":* vì bị trói chặt trong trạng thái say mê, đắm nhiễm, mê luyến, trầm mê... nên hòa trộn phát sanh các điều chấp sai lầm tin vào tà giới của ngoại giáo.

Ngã kiến thân phược tương ưng với tham ác thân phược và tham ác thân phược tương ưng với ngã kiến thân phược:

⇨ *"Ngã kiến thân phược tương ưng với tham ác thân phược":*đây chỉ cho trường hợp sự hòa trộn giữa cách chấp cứng , quá chấp cứng theo cách không khéo hay chấp cứng theo cách không đáng chấp cùng làm cho sự đắm nhiễm càng trở nên nhiễm vật dục một cách quá đáng nên bị cột trói chặt không rời ra được.

⇨ *"Tham ác thân phược tương ưng với ngã kiến thân phược":*vì bị trói chặt trong trạng thái say mê, đắm nhiễm, mê luyến, trầm mê... nên hòa trộn phát sanh các điều chấp sai lầm những tư tưởng như là Hữu Kiến, Ly Hữu Kiến, Đoạn Kiến, Thường Kiến, Cùng tận Kiến, Vô cùng tận kiến, Hữu tiền Kiến, Hữu Hậu Kiến...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phược tương ưng phược.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phược Tương Ưng Phược: *Ganthasampayuttā ceva dhammā no ca ganthā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược.

Nói về chi pháp bản chất thì tất cả Pháp Tương Ưng Phược mà Phi Phược là chỉ cho 8 Tâm Tham, 2 Tâm Sân và 23 Sở hữu hợp (trừ Tham, Sân và Tà Kiến):

- Vì khi Tâm Tham sanh phải có sự hòa trộn của SH Tham. Do tác động của pháp bản chất này làm cho Tâm ái nhiễm đắm chìm, căn gốc là SH Tham. Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Phượcmà phát sanh đặng phải nhờ vào căn, gốc, rễ của Pháp Phượcmới đủ sức phát sanh như trường hợp vừa nêu trên. Khi Tâm Tham Tương Ưng Kiến khởi, ngoài lý do đã nêu còn phải bị tác động mạnh bởi pháp bản chất Tà Kiến, tức

là Giới cấm thủ thân phược hay Ngã kiến thân phược sẽ hòa trộn với trạng thái ham muốn đắm nhiễm...

- Hay như khi Tâm Sân sanh khởi, cũng nhờ vào các pháp bản chất câu sanh tương ưng trong đó có Sân (Sân độc thân phược) tác động mạnh làm căn gốc bất thiện. Vì Sân làm cho trạng thái Tâm Sân lúc đó nóng nảy, sôi nổi, khó chịu, bực bội nên phát khởi sân hận, oán thù...

Như vậy, ta thấy tác động của Tham ở đây là nói về Tham ác thân phược làm cho trạng thái tâm phải bị bám chấp, đắm nhiễm, mê say. Tác động của Sân là Sân độc thân phược làm cho trạng thái tâm bị nóng bức, khó chịu, sân hận. Tác động của Tà Kiến là Giới cấm thủ thân phược và Ngã kiến thân phược làm cho tâm nhìn nhận theo lối chấp sai theo các tri kiến không đúng đắn. Các pháp này cột chặt thân danh và thân sắc trong sanh tử luân hồi. Tóm lại những trạng thái pháp Tương Ưng với Phượcđược trình bày trên cho thấy một khi không có sự khai đoan mở mối, lướt tới (Chánh Tinh Tấn), sáng suốt (Chánh Kiến, Vô Si...), Chánh Niệm thì khó ngăn chặn hoặc vượt thoát qua được các pháp trói chặt là Tham ác thân phược, Sân độc thân phược, Giới cấm thủ thân phược và Ngã kiến thân phược.

NHỊ ĐỀ THỨ 31: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC CẢNH PHƯỢC

(GANTHAVIPPAYUTTAGANTHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1: Ganthavippayuttā kho pana dhammā ganthaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược.*
- *Câu 2: Ganthavippayuttā kho pana dhammā aganthaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược vàPhi Cảnh Phược.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 746 Phật Ngài có dạy về 2 trạng thái của 2 Pháp là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phược*(Ganthavippayuttā kho pana dhammā ganthaniyāpi, Ganthavippayuttā kho pana dhammā aganthaniyāpi)*. Gọi là Nhị Đề Bất Tương Ưng Phược Cảnh Phược, như sau:

**** Chư pháp ly phược màcảnh phược ra sao?***

Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.

**** Chư pháp ly phược và phi cảnh phược ra sao?***

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

II. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Phược Cảnh Phược *(Ganthavippayuttaganthaniyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phược.

1. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược *(Ganthavippayuttā kho pana dhammā ganthaniyāpi)*: đây là chỉ cho trạng thái Tham phát sanh trong 4 Tâm Tham Bất tương ưng, phiền não phát sanh trong Tâm tương ưng khuể (ưu), Tâm khởi sanh tương ưng Hoài nghi và Tâm khởi sanh tương ưng Điệu cử. Nói cách khác, đây là trạng thái pháp không hòa trộn với Phược mà chỉ làm đối tượng cho Phược biết.
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phược*(Ganthavippayuttā kho pana dhammā aganthaniyāpi):* là những trạng thái không hòa trộn với sự trói chặt (Phược) mà đồng thời cũng chẳng phải làm cảnh cho sự trói chặt ấy. Đây là chỉ cho pháp vượt thoát ra

khỏi pháp Hiệp thế, không còn nằm trong đời tức là đời vũ trụ, đời chúng sanh, chính thức chỉ cho Pháp Siêu thế vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược là Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si, 43 Sở hữu hợp lấy thêm Sở hữu Sân và Tham hợp với tâm Tham Bất Tương Ưng. Chi pháp câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ Uẩn làSH Thọ hợp với tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si
3. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si
4. Hành Uẩn là41 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si, lấy thêm Sở hữu Sân và Tham hợp với tâm Tham Bất Tương Ưng
5. Thức Uẩn là tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là sắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si
12. Pháp Xứ là43 Sở hữu(hợp tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si), lấy thêm Sở hữu Sân và Tham (hợp với tâm Tham Bất Tương Ưng), Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới làSắc Cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới là đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giới là tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân(đã trừ Ngũ song thức và Ý giới), 2 Tâm Si
18. Pháp giới là43 Sở hữu(hợp tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si), lấy thêm Sở hữu Sân và Tham (hợp với tâm Tham Bất Tương Ưng), Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo Hiệp Thế, tâm Vô nhân, 2 Tâm Si, 43 Sở hữu hợp lấy thêm Sở hữu Sân
2. Tập đế là SH Thamhợp với tâm Tham Bất Tương Ưng
   (Trường hợp lấy thêm SH Tham nên tính thêm Tập Đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược là Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo Hiệp thế, tâm Vô nhân, 2 tâm Si, 43 SHH lấy thêm SH Sân và Tham hợp với tâm Tham Bất Tương Ưng

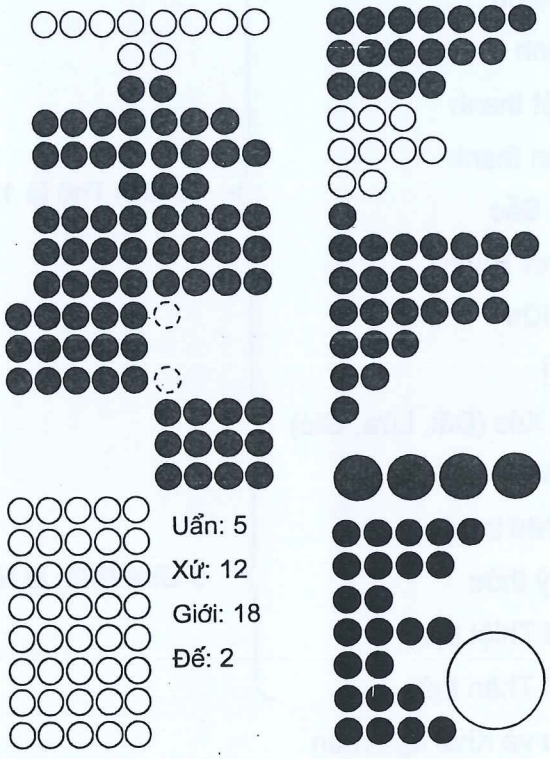

► Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phược là Pháp Siêu Thế. Chi pháp câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ Uẩn là SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng Uẩn làSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành Uẩn là34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức Uẩn là tâm Siêu thế

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làTâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giới là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại Đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phượclà Pháp Siêu Thế

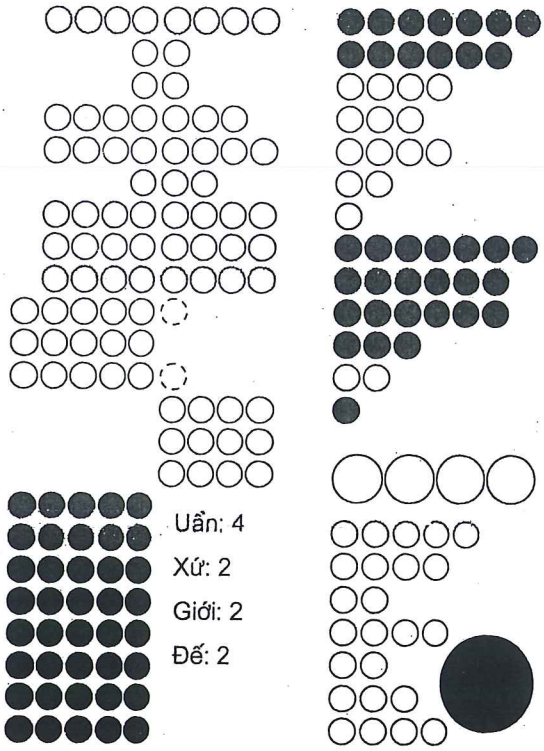

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Phược Cảnh Phược:*Ganthavippayuttā kho pana dhammā ganthaniyāpi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược mà Cảnh Phược.

Theo Chánh Tạng *Abhidhamma Piṭaka*trong Bộ Pháp Tụ, câu 746 Phật Ngài có dạy:

** Chư pháp ly (Bất tương ưng) phược màcảnh phược ra sao?Những pháp nào bất tương ưng với pháp phược đó tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược.*

"Những pháp nào bất tương ưng với pháp Phược":tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Tham ác thân phược, Sân độc thân phược, Giới cấm thủ thân phược, Ngã kiến thân phược, nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Phược biết, vì còn trong phạm vi của Lậu, tức còn bị chi phối, tác động theo hữu vi Pháp tức là Pháp vẫn còn bị trợ tạo nên Phược mới có thể bắt làm cảnh.

"đó tức là pháp thiện":đây chỉ chocác thứ tâm Đại thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Phược sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Phược. Tuy nhiên, các pháp này vẫn có thể bị pháp Phược lấy làm đối tượng để biết như là người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác, ỷ vào việc phước đã tạo đó ...

"Pháp bất thiện": đây chỉ cho SH Si hiệp tâm Si. Vì khi SH Si sanh trong Tâm Si Hoài Nghi hoặc Tâm si Điệu Cử thì không có hòa trộn cùng SH Tham (Tham ác thân phược) hay SH Tà Kiến (Giới cấm thủ thân phược, Ngã kiến thân phược) và cũng không hòa trộn cùng SH Sân (Sân độc thân phược). SH Si có tính chất lôi cuốn, nhốt vào trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Phược sanh như là Tham ác thân phược, Sân độc thân phược, Giới cấm thủ thân phược, Ngã kiến thân phược; các trạng thái này không hòa trộn với sự trói chặt nhưng vẫn làm đối tượng cho sự trói chặt ấy.

"và pháp vô ký": tức là 32 Tâm Quả Hiệp thế, Đại Tố, Tố Đáo Đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp.

- Các Tâm Quả Hiệp thế là các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu, tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Phược nhưng cũng có thể làm cảnh cho Phược bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị cuốn hút, trói buộc, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...
- Cho đến các Tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Phược nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh pháp Phược.
- Sắc pháp là vô tri giác nên không hòa trộn cùng pháp Phược nhưng đây cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các pháp trói chặt, trong đó có Tham (Tham ác thân phược), Sân (Sân độc thân phược), Tà Kiến (Giới cấm thủ thân phược, Ngã kiến thân phược).

*"còn trong phạm vi lậu mà nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới":*các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị Pháp Phược bắt làm cảnh.

"tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn": ở đây Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp bất tương ưng Phược mà Cảnh Phược theo lối Ngũ Thủ Uẩn mà từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược mà cảnh phược hay là Bất tương ưng Phược mà cảnh Phược.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Phược Cảnh Phược:*Ganthavippayuttā kho pana dhammā aganthaniyāpi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phược và Phi Cảnh Phược.

Theo Chánh Tạng *Abhidhamma Piṭaka*trong Bộ Pháp Tụ, câu 746 Phật Ngài có dạy:

** Chư pháp ly phược và phi cảnh phược ra sao?Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly phược và phi cảnh phược.*

Tại sao Đạo Siêu thế là bất tương ưng Phược và phi cảnh Phược?

Đạo Siêu thế hay Tâm Thiện Siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang đoạn trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc. Nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nhổ bật các pháp Phược, nên rõ ràng không thể hòa trộn với pháp đối nghịch (Phược), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các triền phược phiền não, lậu hoặc nên không bị Phược và các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác, tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu.

Như vậy, Đạo là pháp bất tương ưng Phược đồng thời cũng phi cảnh Phược do đặc tánh và tính chất đặc biệt, như vừa trình bày trên.

Tại sao Quả Siêu thế là bất tương ưng Phược và Phi cảnh Phược?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái trói buộc, sôi nổi, nóng nảy không còn đối với Quả Siêu thế, mà đã nhổ bật các chướng ngại, trói chặt... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Phược) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các Phược bắt làm cảnh được. Nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Phược và phi cảnh Phược.

Như vậy, pháp Phược không đủ sức chạm đụng đến Đạo Quả Siêu thế vì không đủ mãnh lực so với Pháp vượt ngoài thế gian,nên Pháp Phược không hòa trộn đặng với Đạo Quả Siêu thế và đồng thời cũng không bắt làm cảnh được. Nói cách khác Đạo Quả Siêu thế không còn trong phạm vi của Lậu.

Tại sao Vô Vi Giới là bất tương ưng Phược và Phi cảnh Phược?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả Siêu thế (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên Vô vi giới là pháp bất tương ưng Phược và Phi Cảnh Phược.

BÀI 13: PHẦN TỤ (CHÙM) BỘC

(OGHAGOCCHAKA)

Bộc (*Ogha*) là trạng thái pháp tợ như nước lụt tràn trề, làm cho chúng sanh chịu nạn chìm đắm trong 3 lối luân hồi là phiền não, nghiệp và quả luân hồi. Hay là pháp Bộc là trạng thái làm cho chúng sanh chìm đắm, do tác động là bộc lưu tức là bị chảy tràn vì có sự sôi nổi nóng nảy (phiền não) mới để lại nghiệp dị thời tức Nghiệp luân hồi có tạo ra tâm tái tục, sắc nghiệp tái tục. Pháp Bộc có 4 trạng thái là:

1. Dục bộc *(Kāmā ogha)*
2. Hữu bộc *(Bhavā ogha)*
3. Tà kiến bộc *(Diṭṭhi ogha)*
4. Vô minh bộc *(Avijjā ogha)*

Pháp Bộc được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Bộc (*Oghaduka*)
2. Nhị đề Cảnh Bộc (*Oghaniyaduka*)
3. Nhị đề Tương Ưng Bộc (*Oghasampayuttaduka*)
4. Nhị đề Bộc Cảnh Bộc (*Oghaoghaniyaduka*)
5. Nhị đề Bộc Tương Ưng Bộc (*Oghaoghasampayuttaduka*)
6. Nhị đề Bất Tương Ưng Bộc Cảnh Bộc (*Oghavippayutta oghaniyaduka*)

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 32: NHỊ ĐỀ BỘC

(OGHADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghādhammā - Tất cả Pháp Bộc.*
- *Câu 2:No oghā dhammā - Tất cả Pháp Phi Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Bộc và Chùm Phối (*Oghagocchaka yogagocchaka*)ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt 2 phần như sau:

* *Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nay trình bày Pháp Bộc trước. Về mặt chi pháp của 2 tụ (chùm) này giống như phần Tụ Lậu. Đơn cử như là Nhị Đề Bộc:

Câu 1: Tất cả Pháp Bộc là SH Si, Tham, Tà kiến

Câu 2: Tất cả Pháp Phi Bộc là Pháp Siêu lý (đã trừ 3 chi pháp Bộc)

II. THÍCH TỪ

- Bộc: còn gọi là bạo, với các nghĩa thường thức như làm hại; nước dốc, nước chảy trên ghềnh xuống; tức nổ nứt ra vì lửa; đốt, hơ nóng.
- Bộc: dịch từ Phạn ngữ *Oghā* nghĩa là nước lụt tràn trề, xâm hại, chìm đắm...

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bộc*(Oghaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Bộcvà Tất cả Pháp Phi Bộc.

1. Tất cả Pháp Bộc(*Oghā dhammā*): là 4 trạng thái nhận chìm, đắm chúng sanh trong 3 lối luân hồi: là phiền não luân hồi, nghiệp luân hồi, quả luân hồi. Pháp Bộc còn gọi là Pháp Bộc Lưu, 4 trạng thái ấy là:
   - Dục bộc: là mê say tràn ngập, xâm hại chúng sanh trong dục lạc
   - Hữu bộc: là tràn ngập, xâm hại chúng sanh trong sự mong mỏi Sắc giới hay Thiền...
   - Tà kiến bộc: là tràn ngập, xâm hại chúng sanh theo lối chấp sai ...
   - Vô minh bộc: là sự tràn ngập, xâm hại chúng sanh với cách không sáng suốt

   Bộc hay bộc lưu có trạng thái như nước lụt tràn trề, nhận chìm làm cho chúng sanh bị nạn chìm đắm hay là ám chỉ nước chảy mạnh, nhiều, tràn sâu đến lụt theo lối luân hồi như vừa nêu. Pháp Bộc hay pháp bộc lưu có những câu Pāḷi chú giải như vầy: *Avattharitvā hanantīti = Oghā* - tràn ngập, xâm hại chúng sanh, tạm gọi là bộc hay bộc lưu (*Oghā*):
   - Làm cho chúng sanh bị tràn ngập, xâm hại gọi là bộc hay bạo *(Avahananti osīdāpentīti = Oghā)*
   - Chảy tràn gọi là bộc lưu, vì có phiền não mới để lại nghiệp dị thời (*Nānakkhanika-kamma*) gọi là chủng tử (*Bīja*), vì còn nghiệp luân hồi thì có tạo ra tâm tái tục, sắc nghiệp tái tục ... đó là quả. Nếu tái tục rồi, không đắc quả tột (Tứ Quả), thì phiền não để lại nghiệp phải luân hồi nữa.

   Như vậy, pháp Bộc là một trạng thái xâm hại, làm đắm chìm chúng sanh trong Dục, Sắc và Vô sắc giới theo 3 tính cách phiền não, nghiệp và quả.
2. Tất cả Pháp Phi Bộc(*No oghā dhammā*): là trạng thái pháp không tràn ngập, xâm hại chúng sanh theo lối chìm đắm.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1: Tất cả Pháp Bộc là SH Si, Tham, Tà kiến. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành uẩn là SH Si, Tham, Tà kiến

– Xứ đặng 1 Xứ: Pháp Xứ là SH Si, Tham, Tà kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giới là SH Si, Tham, Tà kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Si, Tà kiến
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Bộc là SH Si, Tham, Tà kiến

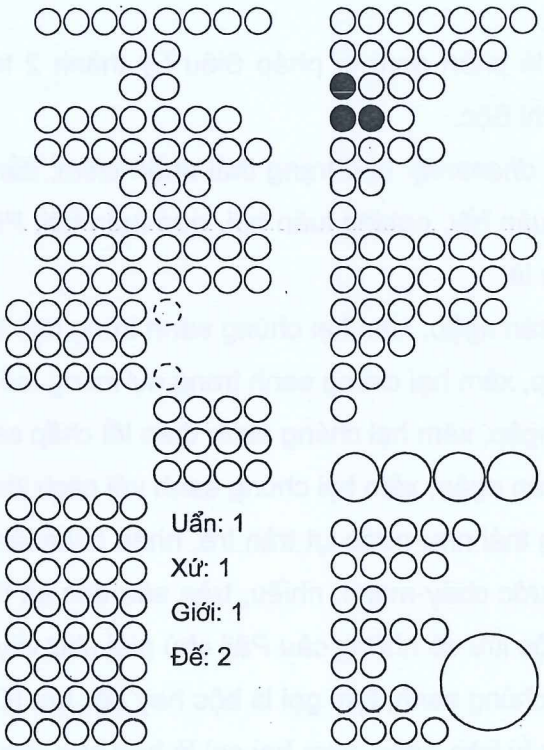

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Bộc là Pháp Siêu lý (đã trừ 3 chi pháp Bộc). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩnlà47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩnlàTâm

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là49 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà49 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 49SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn

3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đếlàtâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Bộc là Pháp Siêu lý (đã trừ 3 chi pháp Bộc)

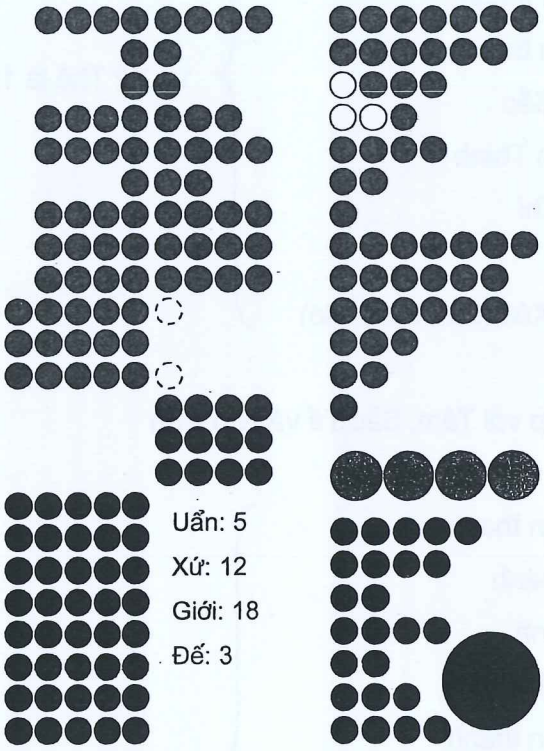

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bộc:*Oghā dhammā*- Tất cả Pháp Bộc

Tìm hiểu về Dục Bộc:

"Trong tứ bộc đó mà dục bộc ra sao?Những nào là (xâm hại chúng sanh bằng cách) dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng nầy gọi là dục bộc(kāmā ogha)".

Dục bộclà trạng thái làm nhấn chìm tợ như do bị lũ lụt mà qua đó bằng cách xâm hại của pháp (Dục Bộc) như sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục và pháp dục.

Mê say đây chỉ bày trạng thái dính mắc bằng cách *dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình...* rồi từ đó bị xâm hại và chìm trong cảnh giới ấy, tức bị xâm hại bởi Dục Bộc trong đối tượng mà nguyên nhân từ ái nhiễm.

Khi sắc khả ái, khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhãn thanh triệt) thì nhãn xúc sanh, nhãn thọ khởi, nhãn thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Khi thinh khả ái, khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhĩ thanh triệt) thì nhĩ xúc sanh, nhĩ thọ khởi, nhĩ thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Đối với tỷ, thiệt, thân, luôn đến ý cũng như vậy.

Tìm hiểu về HữuBộc:

"Hữu bộc trong khi có ra sao?Bị tràn ngập, xâm hại bởi những trạng thái như: ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luôn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu bộc (bhavā ogha)".

Hữu bộc đây chỉ cho trạng thái mê say chìm trong 3 cõi luân hồi (Dục, Sắc và Vô sắc) mà nhất là đời sống của các cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Mê say đây chỉ cho trạng thái *ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hớn trong đời sống...* rồi từ đó bị chìm trong cảnh đời sống ấy, tức bị xâm hại của phiền não, nghiệp, quả trong đối tượng trong thiền thông mà nguyên nhân do từ ái nhập thiền.

Như người Phàm Tam Nhân Dục Giới đắc thiền hay các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc Giới khi không an trú trong thiền có thể khởi tâm tham đắm trên cảnh giới của thiền mà mình đã được biết trước đó, rồi say đắm, tràn ngập trong cảnh giới ấy, tức Hữu Bộc.

Tìm hiểu về Tà KiếnBộc:

"Tà kiến bộc trong khi có ra sao?Theo tính chất của pháp Bộc đã làm cho chúng sanh tràn ngập và bị xâm hại theo một khía cạnh khác với trạng thái nhận thấy đời là trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là tà kiến bộc".

Tà kiến bộc đây chỉ cho trạng thái tràn ngập, xâm hại trong sự hiểu sai, chấp lầm.Sự hiểu sai, chấp lầm đây chỉ cho các tri kiến sai lầm như: nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột...Cho nên trong Chánh tạng, Đức Thế Tôn Ngài có thuyết: "Còn những pháp khác tức tà kiến, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ điệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ có những người trí mới nhận hiểu."

Người khởi phát tà kiến sai lầm như vậy rồi từ đó bị ngập tràn trong cảnh vọng tưởng ấy, tức bị xâm hại trong cách hiểu sai mà nguyên nhân từ tà kiến. Sự xâm hại trong tri kiến sai lầm có nhiều khía cạnh khác nhau:

- Thường kiến (*Sassataditthi*) và đoạn kiến (*Ucchedaditthi*).
- Vô hành kiến (*Akiriyāditthi*), vô nhân kiến (*Ahetukaditthi*), vô hữu kiến (*Natthikaditthi*).
- Tà kiến về sắc uẩn, tà kiến về thọ uẩn, tà kiến về tưởng uẩn, tà kiến về hành uẩn, tà kiến về thức uẩn.
- Tà kiến phân 10.

- Tà kiến phân rộng theo 62 điều...

Các phần trên đã được dẫn giải nhiều trong Pháp Thực Tính, nay trình bày về khía cạnh vọng tưởng, tức là nói về thân kiến (*Sakkāyadiṭṭhi*).

Bốn vọng tưởng ấy là:

- Chấp về thân tức là chấp về Sắc Uẩn, được phân chia thành 4 cách:
  - ⇨ Nhận thấy cái thân này là ta hay thuộc về ta:như nói lúc này tôi mập, tôi ốm, tôi lên ký, tôi xuống ký... (Sắc Uẩn là ta)
  - ⇨ Nhận thấy ta có cái thân này:như là nhận thấy tôi có xương, gân, thịt, da, lớn, nhỏ, to, mịn... (ta có Sắc Uẩn)
  - ⇨ Nhận thấy cái thân này ở trong ta:như là tôi làm chủ thân này được trọn quyền sai khiến sự hành động theo ý muốn, đi, đứng, nằm, múa, uốn... (sắc uẩn trong ta)
  - ⇨ Nhận thấy ta có trong cái thân này:như nhận thấy nói rằng tôi nương thân này sống đời làm việc... (ta trong Sắc Uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 28 Sắc pháp như:

- ⇨ Tôi rắn chắc hay mềm mại (địa đại là ta); tôi có tay chân rắn chắc hay mềm mại(ta là địa đại); tôi có thể gánh gồng, múa lượn(địa đại trong ta); tôi nương sự rắn chắc của cơ thể mới có thể làm việc(ta trong địa đại)...
- ⇨ Tôi dẻo dai (thủy đại là ta); tôi có tay chân dẻo dai(ta là thủy đại); tôi có thể uốn éo(thủy đại trong ta); tôi nương sự dẻo dai của cơ thể mới có thể làm việc(ta trong thủy đại)...
- ⇨ ...
- ⇨ Tôi không còn khỏe như trước nữa (sắc vô thường là ta); tôi có cơ thểkhông còn khỏe như trước nữa (ta là sắc vô thường); tôi không còn có thể gánh gồng, múa uốn được nữa (sắc vô thường trong ta); tôi không còn khỏe như trước nên không thể làm việc nặng được (ta trong sắc vô thường)...

Tổng cộng có 28 x 4 = 112 điều chấp

- Chấp về cảm nhận, hứng chịu cảnh tức là Thọ uẩn, được phân thành 4 cách:
  - ⇨ Nhận thấy cảm nhận hứng cảnh là ta:như chấp nói tôi khổ, tôi sướng, tôi buồn, tôi vui, hoặc gặp trường hợp như thế mà tôi vẫn bình thường thản nhiên... (Thọ uẩn là ta)
  - ⇨ Nhận thấy ta có cảm nhận hứng cảnh:như chấp nói tôi có thật bệnh đau nhức... tôi có sự vui lòng với bà con huynh đệ; trong trường hợp này, tôi có tánh cách không quá nao núng buồn vui (ta có Thọ uẩn).

⇨ Nhận thấy cảm nhận hứng cảnh trong ta:như cho rằng trong đời này nó vẫn chất chứa đủ các sự khổ, sự sướng và hễ có tâm này phải sẵn có sự vui buồn hay thản nhiên bình thường chớ không bao giờ không (Thọ uẩn trong ta)

⇨ Nhận thấy ta có trong cảm nhận hứng cảnh:như chấp nói tôi phải chịu đủ đau khổ, sung sướng, vui buồn, cũng có khi được bình thường nhưng ít lắm (ta trong Thọ uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 3 Thọ và 6 Cảnh như:

⇨ Khi mắt gặp cảnh sắc xấu, chấp rằng tôi đang khổ (Khổ Thọ với cảnh Sắc là ta); tôi có sự khó chịu với cảnh sắcxấu (ta là Khổ Thọ với cảnh Sắc); cảnh sắc trong đời vốn có sẵn sự cảm nhận buồn khổ, vì tôi có tâm nên phải chịu(Khổ Thọ với cảnh Sắc trong ta); tôi phải chịu đủ sự buồn khổ đối với cảnh sắc không thích hợp(ta trong Khổ Thọ với cảnh Sắc)...

⇨ Khi mắt gặp cảnh sắc tốt, chấp rằng tôi đang vui sướng (Lạc Thọ với cảnh Sắc là ta); tôi có sự vui mừng với cảnh sắctốt (ta là Lạc thọ với cảnh Sắc); cảnh sắc trong đời vốn có sẵn sự cảm nhận sung sướng, vì tôi có tâm nên mới biết được(Lạc Thọ với cảnh Sắc trong ta); tôi có đủ sự vui vẻ đối với cảnh sắc thích hợp(ta trong Lạc thọ với cảnh Sắc)...

⇨ ...

⇨ Khi nghĩ về chuyện cũ, tôi vẫn cảm thấy bình thường (Xả Thọ với Cảnh Pháp là ta); tôi không hề nao núng khi nghĩ đến chuyện đó (ta là Xả Thọ với Cảnh Pháp); các ý nghĩ tự nó không có buồn vui, vì vậy tôi cảm nhận không có vui buồn trong đó (Xả Thọ với Cảnh Pháp trong ta); tôi có đủ sự quân bình đối với một số ý nghĩ(ta trong Xả Thọ với Cảnh Pháp)...

Tổng cộng có 3 x 6 x 4 = 72 điều chấp

- Chấp về cái biết tức là thức uẩn, được phân chia thành 4 cách:

⇨ Nhận thấy cái biết là ta:như chấp tôi thấy, nghe... (Thức uẩn là ta)

⇨ Nhận thấy ta có cái biết:như nói tôi có cái cách hửi hơi rất đặng biết trái cây chín, sống và thuốc trị bệnh (ta có Thức uẩn)

⇨ Nhận thấy cái biết trong ta:như Sắc, Thinh nào tôi để ý mới thấy, nghe (Thức uẩn trong ta)

⇨ Nhận thấy ta trong cái biết:như radio hát gần và lớn tiếng, tai bắt buộc mình nghe hoài không ngủ (ta trong Thức uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 6 Cảnh như:

⇨ Tôi thấy bông hoa (Thức uẩn đối với cảnh Sắc là ta); tôi có cách nhìn rất thẩm mỹ về bông hoa (ta là Thức uẩn đối với cảnh Sắc); chỉ bông hoa nào tôi để ý thì tôi mới

thấy(Thức uẩn đối với cảnh Sắc trong ta); bông hoa đẹp quá làm tôi buộc phải nhìn nó hoài(ta trong Thức uẩn đối với cảnh Sắc)…

⇨ Tôi nghe có tiếng ồn bên ngoài (Thức uẩn đối với Cảnh Thinh là ta); tôi có sự nghe rõ đối với âm thanh ồn ào đó (ta là Thức uẩn đối với Cảnh Thinh); vì tôi để ý nên tôi mới nghe thấy tiếng ồn(Thức uẩn đối với Cảnh Thinh trong ta); tiếng ồn lớn quá buộc tôi nghe hoài không ngủ được(ta trong Thức uẩn đối với Cảnh Thinh)…

⇨ …

⇨ Tôi nghĩ về hồi sáng này (Thức uẩn đối với Cảnh Pháp là ta); tôi có cách nghĩ rất hay về chuyện này (ta là Thức uẩn đối với Cảnh Pháp); vì tôi để ý nên tôi mới nghĩ ra được như vầy (Thức uẩn đối với Cảnh Pháp trong ta); chuyện hồi đó cứ ám ảnh tôi hoài, không nghĩ đến không được(ta trong Thức uẩn đối với Cảnh Pháp)…

Tổng cộng có 6 x 4 = 24 điều chấp

- Chấp về pháp tức là Tưởng uẩn và Hành uẩn hay chấp về trạng thái,được phân chia thành 4 cách:

⇨ **Chấp cái nhớ và hành vi là ta**:như nói tôi nhớ nhà…hay như nói tôi khôn lắm, tôi ngu quá… (Tưởng và Hành uẩn là ta)

⇨ **Chấp ta có cái nhớ và có hành vi**:như nói tôi thường tưởng anh hoặc em…hay như nói tôi là người có trí và có sự suy xét… (ta có Tưởng và Hành uẩn)

⇨ **Chấp cái nhớ và hành vi có trong ta**: Như người tưởng tượng nhân cảnh, vật phát hiện ra hoài hoài.Hay như chấp nói rằng Tâm tốt, Tâm xấu gì cũng tại mình (Tưởng và Hành uẩn trong ta)

⇨ **Chấp ta có trong cái nhớ và có trong hành vi**: như lúc khuya vắng lặng nghe đàn, sáo thổi bắt nhớ đến xứ, sở, quê hương, bùi ngùi không thể cưỡng lại;trằn trọc không ngủ được, dường như nó có quyền hơn ta.Hay nhận thấy ta do Vô Minh trùm che khuất lấp nên tối tăm, không đặng thấu đáo chi cả (ta trong Tưởng và Hành uẩn)

Có thể phân ra thêm theo 6 Cảnh như:

- Tôi nhớ hình ảnh trẻ đẹp của mình trước đây, tôi thích được trở lại như vậy (Tưởng và Hành uẩn đối với cảnh Sắc là ta); tôi thường nhớ cảnh gia đình sum họp đông đủ, tôi có sự thích thú khi đó (ta là Tưởng và Hành uẩn đối với cảnh Sắc); tôi tưởng tượng cảnh mình sẽ được ngồi vào ghế địa vị, lúc đó tôi ắt sẽ thích thú lắm (Tưởng và Hành uẩn đối với cảnh Sắc trong ta); khi thấy người ta có đôi có cặp, tôi không thể ngăn mình nhớ đến chuyện xưa, vì vậy mà buồn rầu không cưỡng lại được (ta trong Tưởng và Hành uẩn đối với cảnh Sắc)…
- Tôi nhớ lời mắng chửi của nó, tôi giận nó lắm (Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Thinh là ta); tôi thường nhớ những lời mà người ta chê trách tôi và tôi có sự bực bội khi đó (ta

là Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Thinh); tôi tưởng tượng nếu ngày nào đó anh ấy,cô ấy nói nặng tôi chắc tôi sẽ tự thấy đau lòng lắm (Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Thinh trong ta); khi nghe những giai điệu này tôi thường nhớ lại chuyện cũ, vì vậy mà thương tiếc không nguôi, không cưỡng lại được (ta trong Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Thinh)…

- …
- Tôi nhớ về vấn đề đã giải quyết xong và cảm thấy mình thông minh quá (Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Pháp là ta); tôi thường có sự nhớ tưởng đến những chiến thắng cũ và cho mình là người có trí, có tài (ta là Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Pháp); tôi thường chủ động nghĩ đến chiều hướng tốt đẹp nên tôi có thể tự mình khởi tâm thiện (Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Pháp trong ta); chuyện hồi đó cứ ám ảnh tôi hoài, không nhớ đến không được, lúc đó tôi thấy như bị buồn khổ che lấp(ta trong Tưởng và Hành uẩn đối với Cảnh Pháp)…

Tổng cộng:Tưởng uẩn gồm có 6 x 4 = 24 điều chấp

Hành uẩn gồm có 6 x 4 = 24 điều chấp

➢ Tổng cộng lại, có 112 + 72 + 24 +24 +24 = 256 điều chấp. Các vọng tưởng này tràn ngập, xâm hại chúng sanh trong kiến thức sai lầm, khiến cho chúng sanh vọng chấp có cái tôi mà luôn luân hồi sanh tử qua nhiều đời nhiều kiếp.

Tìm hiểu về Vô MinhBộc:

"Vô minh bộc trong khi có ra sao?Là sự tràn ngập đẩy chúng sanh vào pháp không biết như là Uẩn, Xứ, Giới hoặc xâm hại, chìm ngâm chúng sanh trong vọng tưởng, chấp ngã. Là sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái nầy gọi là vô minh bộc (āvijjā ogha)".

Vô Minh (*Avijjā*),ở đây là Vô minh bộc là theo lối xâm hại của một trạng thái pháp thực tính đó là Si, nghĩa là Si theo cách tràn ngập xâm hại, chìm đắm chúng sanh trong phiền não, nghiệp và quả luân hồi. Vô minh bộc là trạng thái xâm hại, không biết pháp đáng biết, có chi pháp bản chất là Sở hữu Si. Có Pāḷi chú giải như vầy:

- *Vijā paṭikkhāti = Avijjā:* Hành động trái ngược với trí nên gọi là Vô Minh.

- *Avindiyaṃ vindatīti = Avijjā:* Pháp mà tạo ác, xấu ,cách không nên tạo, Pháp như thế gọi là Vô Minh.
- *Vindiyaṃ navindatīti = Avijjā:* Pháp mà không thể làm những sự tốt, đáng làm, Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Avijjamāne javāpetīti = Avijjā:* Pháp mà chuyên môn biết Chế Định, Nam Nữ... Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Vijjamāne najavāpetīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Siêu Lý như là Uẩn, Xứ... Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Viditabbaṃ aviditaṃ karotīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Pháp đáng biết như là Tứ Đế... Pháp ấy gọi là Vô Minh.

Vô Minh Bộc đây chỉ cho sự xâm hại tràn ngập trong trạng thái trái ngược với Trí, làm tự nó và pháp đồng sanh tối tăm mê mờ, che lấp bản chất chân tướng với Bộc làm nhân.

Sự tràn ngập xâm hại trong mê mờ tối tăm đó có nhiều khía cạnh khác nhau, nói theo Tạng Kinh có 8 phần là:

1. Bất tri Khổ đế (*Dukkhe aññānaṃ*)
2. Bất tri Tập đế (*Dukkha samudaye aññāṇaṃ*)
3. Bất tri Diệt đế (*Dukkhanirodhe aññāṇaṃ*)
4. Bất tri Đạo đế (*Dukkha nirodhagāminīpatipadāya aññāṇaṃ*)
5. Bất tri Nhân đã qua (*Pubbante aññāṇaṃ*)
6. Bất tri Quả sau này (*Aparante aññāṇaṃ*)
7. Bất tri Nhân trước Quả sau (*Pubbantāparante aññāṇaṃ*)
8. Bất tri Liên quan tương sinh (*Idappaccayatā paṭiccasamuppannesudhammesu aññāṇaṃ*)

Những chơn tướng nói trên gọi là pháp bộc (dục bộc, hữu bộc, tà kiến bộc và vô minh bộc).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bộc:*NoOghā dhammā* - Tất cả Pháp Phi Bộc

Các pháp nào ngoài ra các Pháp Bộc đã kể được gọi là Pháp Phi Bộc, tức chẳng phải Pháp tràn ngập xâm hại chúng sanh trong sanh tử luân hồi.Trong tất cả các pháp Phi Bộc đã kể cũng có những pháp làm cảnh cho pháp Bộc bắt, lại có những pháp không làm cảnh cho bộc bắt; có những pháp hòa trộn cùng pháp bộc, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp bộc... Các phần này sẽ được nêu ra trong các Nhị đề tiếp theo của phần chùm bộc.

NHỊ ĐỀ THỨ 33: NHỊ ĐỀ CẢNH BỘC

(OGHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghāniyā dhammā - Tất cả Pháp Cảnh Bộc.*
- *Câu 2:Anoghaniyādhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị (Duka), phần Chùm Bộc ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng nhị Đề Cảnh Lậu

* *Chư pháp cảnh bộc trong khi có ra sao?*

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh bộc (Oghāniyādhammā).

* *Chư pháp phi cảnh bộc trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cảnh Bộc(Anoghaniyādhammā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Bộc*(Oghāniyaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Bộcvà Tất cả Pháp Phi Cảnh Bộc.

1. Tất cả Pháp Cảnh Bộc(*Oghaniyā dhammā*): là những trạng thái bị Bộc biết, hay là những pháp bị Bộc bắt lấy làm cảnh. Đây ám chỉ cho những pháp bị Bộc biết đến hoặc là pháp bị Bộc biết được.
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Bộc(*Anoghaniyā dhammā*): là pháp không bị pháp Bộc biết hay trạng thái khi sanh (Đạo, Quả, Níp Bàn) mà Bộc không thể biết đặng, tức là pháp vượt thoát khỏi hiệp thế nên không bị pháp Bộc biết.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Bộc là 81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế

4. Hành uẩnlà50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlàtâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là52SH hợp với tâm Hiệp thế và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làsắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làđôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới làđôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới làđôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới làđôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilàđôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giớilà68 thứ tâm Hiệp thế(đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà52 SH hợp với tâm Hiệp thếvà Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Bộc là81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp

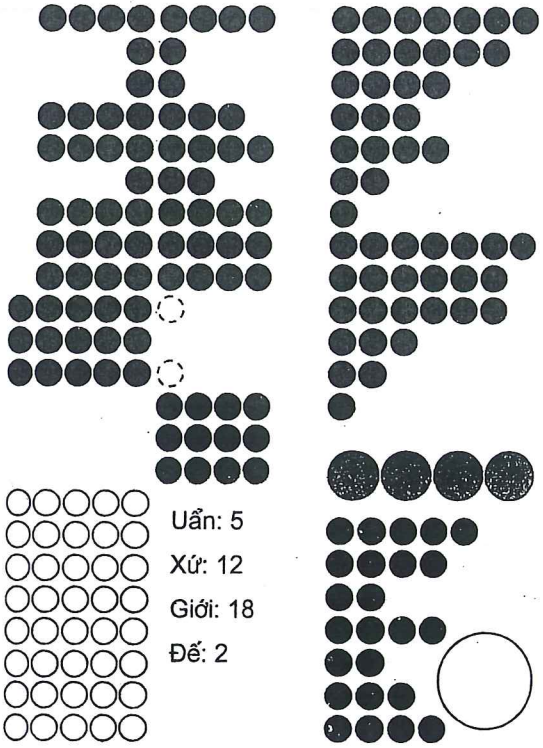

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cảnh Bộc là tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩnlà34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩnlàtâm Siêu thế

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làtâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36 SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Bộclà tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn

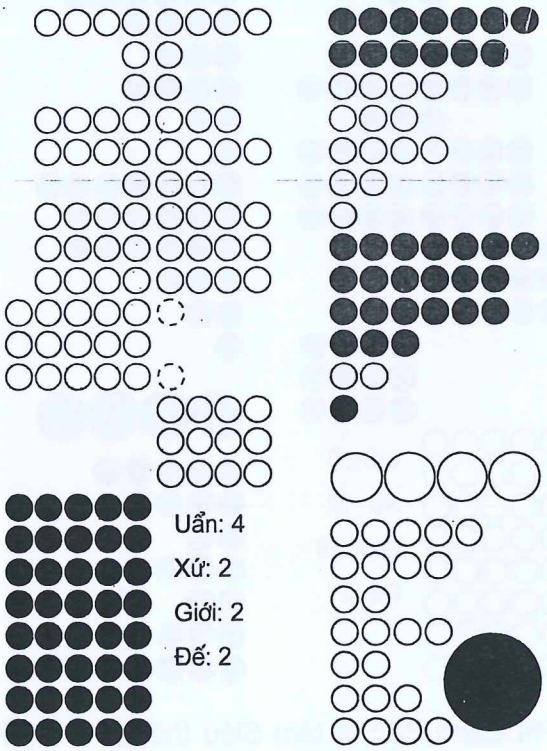

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Bộc:*Oghāniyādhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Bộc.

1. Tại sao Pháp Thiện làm cảnh cho Bộc?

Bởi vì chúng sanh (Danh sắc) bị xâm hại tràn ngập trong Bộc nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô Minh (Vô Minh Bộc) mà khởi sanh ái nhiễm từ sự mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Bộc như người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và đắm nhiễm trong cái ta làm được,vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Bộc. Hoặc do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Bộc, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Bộc sanh.

2. Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Bộc?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Bộc sanh như tự thân làm ác - sát sanh, trộm cướp, tà dâm.. rồi thỏa thích, trầm luyến trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Bộc phát sanh.

3. Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Bộc?

Pháp Vô Ký đây tức ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp

Tâm Quả Hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị Thời Nghiệp Duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Bộc? Vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

- Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự xâm hại tham đắm, trầm mê khởi sanh. Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí… của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên nhiễm đắm, xâm hại ngập tràn (Bộc).
- Hoặc thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì có thể làm cảnh cho sự ngập tràn xâm hại khởi lên. Ví như tuy có kết quả không tốt về tài sản, trí tuệ… nhưng lại khởi sanh đắm nhiễm, chấp lầm và mê mờ do không khéo chuyển tâm vào lộ Thiện.Hoặc bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Bộc. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ) mà khởi sanh Dục bộc, hữu bộc, tà kiến bộc và vô minh bộc.
- Cho đến Tâm Tố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Bộc bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Bộc biết. Đơn cử như nghe nhạc (Cảnh Thinh) mà khởi lên tham đắm, ngập tràn trong cảnhấy.

4. Tại sao Tam Giới làm cảnh cho Bộc?

Đây là ám chỉ cho các pháp Bộc nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, nghĩa là các Pháp Bộc phải nương vào Dục, Sắc và Vô sắc giới để phát sanh. Vì trong các cõi như Dục giới thì có Phiền não dục và các Phiền não khác; cõi Sắc giới thì có phiền não sắc và các phiền não khác;cõi Vô sắc giới thì có phiền não vô sắc và các phiền não khác nên dễ cho pháp Bộc nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp Bộc tức sự xâm hại ngập tràn phát sanh.

5. Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Bộc?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm và nhận định cùng với lòng ái thủ, đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Bộc sanh là vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Bộc: *Anoghaniyādhammā* - Tất cả Pháp phi cảnh bộc.

Tại sao Đạo, Quả và Níp Bàn là Phi Cảnh Bộc?

Đạo (Magga), tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục nên có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Bộc không biết đặng.

Quả là do Nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quả, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên pháp Bộc không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.

Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên pháp Bộc càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế thì Bộc còn không biết, nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 34: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG BỘC

(OGHASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghasampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc.*
- *Câu 2:Oghavippayuttā dhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Bộc ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng nhị Đề Tương Ưng Lậu.

* *Chư pháp tương ưng bộc trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà tương ưng với pháp bộc đó tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng bộc (Oghasampayuttā dhammā).

* *Chư pháp bất tương ưng bộc trong khi có ra sao?*

Những pháp nào mà bất tương ưng với pháp bộc đó tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bất tương ưng bộc(Oghavippa-yuttā dhammā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Bộc*(Oghasampayuttaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Bộcvà Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc(*Oghasampayuttā dhammā*):là những pháp nào có sự tràn ngập phối hợp, mà có tính chất hòa trộn với Bộc. Hay là pháp Tương Ưng Bộclà trạng thái hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung một lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp với Bộc. Đây ám chỉ cho Tâm bất thiện và 27 SHH (đã trừ Si hợp tâm Si).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc(*Oghavippayuttā dhammā*):là những pháp nào không có sự xâm hại hòa trộn. Hay là pháp Bất Tương Ưng Bộclà trạng thái không hòa trộn, cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp với Bộc.Đây ám chỉ choNíp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc là 12 tâm Bất thiện 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlàtâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làtâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là27SH hợp với tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilàtâm Bất thiện
2. Pháp giớilà27SH hợp với tâm Bất thiện

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là tâm Bất thiệnvà 26SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc là 12 tâm Bất thiện 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

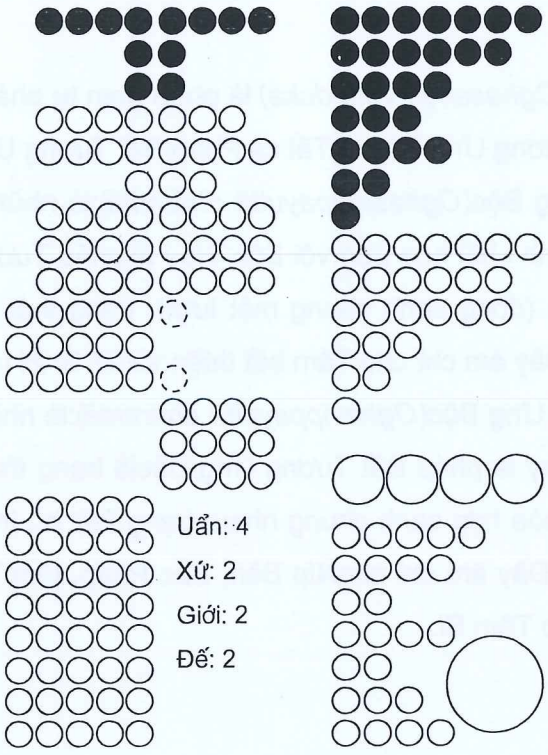

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộclà Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn làbản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng)(hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân) và Si hợp Tâm Si.
5. Thức uẩnlàtâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân

Ngoại Uẩnlà Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlàsắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ làsắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ làsắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ làsắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ làsắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làsắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ làsắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làsắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làsắc cảnh Vị
10. Xúc Xứ làsắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làtâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
12. Pháp Xứ là38SH(hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân), Si hợp tâm Si, sắc Tế và Níp Bàn.

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilàsắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới làsắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới làsắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới làsắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làsắc cảnh Khí
9. Vị Giới làsắc cảnh Vị

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

10.Xúc Giới làsắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

11.Nhãn Thức Giới làđôi Nhãn thức

12.Nhĩ Thức Giới làđôi Nhĩ thức

13.Tỷ Thức Giới làđôi Tỷ thức

14.Thiệt Thức Giới làđôi Thiệt thức

15.Thân Thức Giới làđôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giớilàđôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn

17.Ý thức giớilà tâm Tịnh hảo, Tâm thẩm tấn, khai ý, tiếu sinh

18.Pháp giớilà38SH hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, Si hợp tâm Si, sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế (đã trừ Bất thiện),38SHH và Si hợp Tâm Si.
2. Diệt đế là Níp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hòa trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộclà Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si

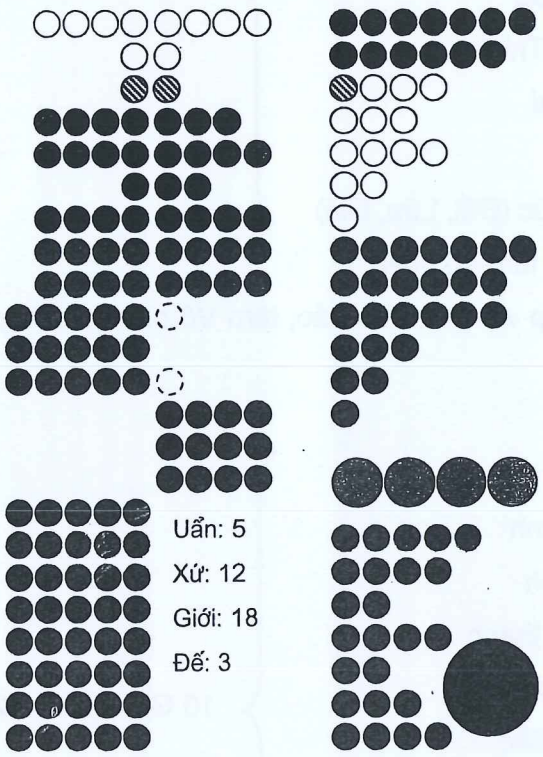

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Bộc: *Oghasampayuttādhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc.

Ở đây, Đức Phật chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 12 tâm Bất thiện là Thọ uẩn Bất thiện
- SH Tưởng phối hợp với 12 tâm Bất thiện là Tưởng uẩn Bất thiện
- 25 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 14 SH Bất thiện phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Hành uẩn Bất thiện
- 12 tâm Bất thiện là Thức uẩn Bất thiện

Như vậy: 4 Uẩn Danh này hòa trộn với Bộc, sanh chung với Bộc, câu sanh với Bộc, trạng thái hỗ trợ cùng Bộc nên những pháp ấy gọi là pháp Tương Ưng Bộc, tức là pháp Bất thiện.

Lưu ý: Trường hợp khi Tâm Si làm pháp Tương Ưng Bộc (Vô Minh Bộc) thì lúc này bớt ra Si hợp Tâm Si vì tính chất vô nhân khi Si gặp Tâm Si. Bởi vì Pháp Tương Ưng Bộc là chủ đề của câu pháp này thuộc về Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Bộc: *Oghavippayuttā dhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc.

Ở đây, Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn, nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Thọ uẩn Bất tương ưng bộc
- SH Tưởng phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Tưởng uẩn Bất tương ưng bộc
- 36 SH gồm Tợ Tha (11, đã trừ Thọ, Tưởng), 25 SH Tịnh Hảo phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Hành uẩn Bất tương ưng bộc
- 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Thức uẩn Bất tương ưng bộc
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc uẩn Bất tương ưng bộc
- Và Vô Vi Giới tức Níp Bàn hay Vô vi ngoại uẩn cũng là Bất Tương Ưng Bộc.

Như vậy: 4 Uẩn Danh này, Sắc Uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Bộc, không sanh chung với Bộc, không câu sanh với Bộc, trạng thái không hỗ trợ cùng Bộc nên những pháp ấy gọi là pháp Bất Tương Ưng Bộc.

Lưu ý: Trường hợp Si hợp Tâm Si do không tính trong Pháp Tương Ưng Bộc nên là Pháp Bất Tương Ưng Bộc.

NHỊ ĐỀ THỨ 35: NHỊ ĐỀ BỘC CẢNH BỘC

(OGHAOGHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghā ceva dhammāoghaniyā ca - Tất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc.*
- *Câu 2:Oghaniyā ceva dhammā no ca oghā - Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Bộc ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng nhị Đề Lậu Cảnh Lậu.

* *Chư pháp bộc và cảnh bộc ra sao?*

Những pháp bộcđó mà thôi. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bộcvà cảnh bộc(Oghā ceva dhammāoghaniyā ca).

* *Chư pháp cảnh bộc mà phi bộc ra sao?*

Những pháp nào thành cảnh của những pháp bộcđó mà trừ ra pháp bộcrồi tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn thuộc phần bộcnương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh bộcmà phi bộc(Oghaniyā ceva dhammā no ca oghā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bộc Cảnh Bộc*(Oghaoghaniyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 khía cạnhTất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc và Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc.

1. Tất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc (*Oghā ceva dhammāoghaniyā ca*):nghĩa là chính nó (Dục, Hữu, Tà Kiến, Vô Minh Bộc) lại làm cảnh cho chính nó, tức Pháp Bộc. Hay là khi Bộc đã sanh lại bị Pháp Bộc khác biết được bắt làm cảnh như là Dục bộc làm cảnh cho Vô minh bộc, Vô minh bộc làm cảnh cho Dục bộc...
2. Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc (*Oghaniyā ceva dhammā no ca oghā*):là những trạng thái chẳng phải Bộcnhưng làm cảnh cho Pháp Bộc, đây ám chỉ cho Pháp ngoài Bộc(Pháp Hiệp thế trừ Tứ Bộc) bị Pháp Bộcbắt làm cảnh.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc là Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành uẩnlà Si, Tham, Tà Kiến

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là Si, Tham, Tà Kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Si, Tham, Tà Kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSi, Tà Kiến
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc là Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến

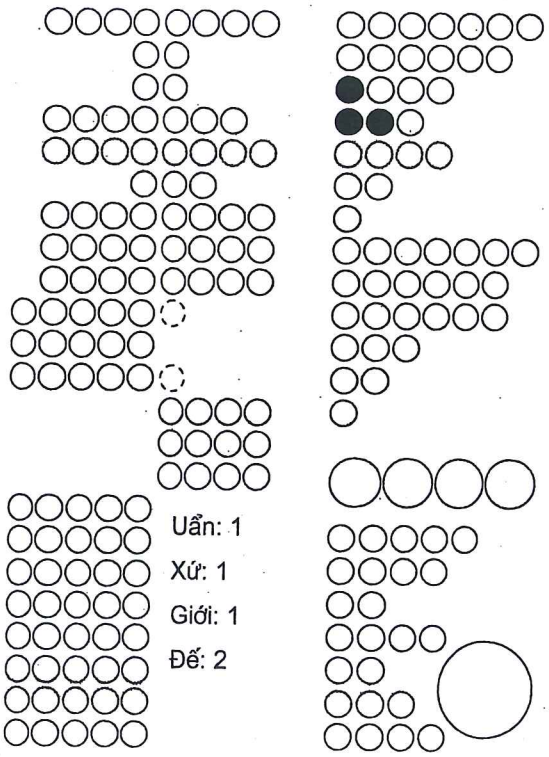

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc là Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Bộc). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế
4. Hành uẩnlà 47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlà tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 49 SH (hợp với tâm Hiệp thế)và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là sắc cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn thức
12. Nhĩ Thức Giới là đôi Nhĩ thức
13. Tỷ Thức Giới là đôi Tỷ thức
14. Thiệt Thức Giới là đôi Thiệt thức
15. Thân Thức Giới là đôi Thân thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilà đôi Tiếp thâu và Khai ngũ môn
17. Ý thức giớilà 68 thứ tâm Hiệp Thế(đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà 49SH hợp với Tâm Hiệp Thế và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 49SHH

Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc là Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Bộc)

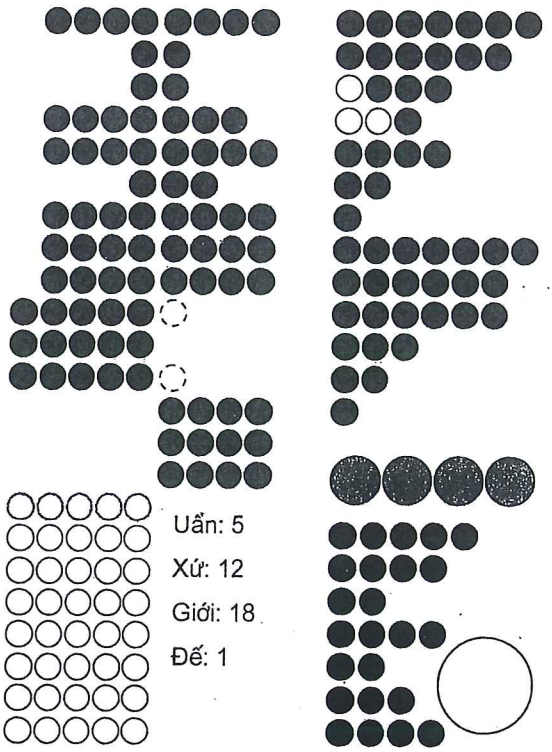

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bộc Cảnh Bộc: *Oghā ceva dhammāoghaniyā ca*- Tất cả Pháp Bộc và Cảnh Bộc.

Đây ám chỉ cho Dục, Hữu, Tà Kiến và Vô Minh tức là SH Si, SH Tham, SH Tà Kiến trở thành cảnh cho Bộc. Nghĩa là Tứ Bộc làm cảnh cho Pháp Bộc hay Tứ Bộc làm đối tượng cho Pháp Bộc, hoặc nói là Bộc bị Bộc biết.

Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng như vầy:

- Dục bộc làm cảnh cho Dục bộc: Đây là trường hợp đắm nhiễm, ngập tràn xâm hại trong dục lạc trước đây trở thành cảnh cho sự đắm nhiễm sau đó khởi sanh lên, dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Dục Bộc sau sanh. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý).
- Dục bộc làm cảnh cho Hữu bộc: Là đang bị tràn ngập xâm hại trong Hữu Bộc rồi lại bị thêm Dục Bộc tác động chi phối. Như là vị đạo sĩ trong lúc dùng thần thông nhìn cảnh cung tần và Hoàng Hậu tắm mà khởi lên dục vọng nên đứt thiền hoại thông.
- Dục bộc làm cảnh cho Tà kiến bộc: Tức là dựa vào sự tham chấp trong dục vọng mà khởi sanh lên tà kiến như chấp sự thỏa thích với ái dục này là ta, là của ta... Tức là sự dục lạc đã xâm hại, ngập tràn như lũ, đã sanh khởi do tà kiến lệch lạc, thiếu phán xét,

thiếu suy đoán, thiếu sáng suốt nên khởi lên hiểu lầm chấp sai rồi tiếp tục bị xâm hại tràn ngập trong vọng tưởng sai lầm ấy.

- **Dục bộc làm cảnh cho Vô minh bộc:** Do bị tràn ngập xâm hại trong ái nhiễm, trong tham ái, trong mê luyến rồi trợ theo lối cảnh làm cho tâm bị mê mờ tăm tối, không biết pháp đáng biết, bị trầm nịch trong sự tối mê không nhận ra chân tướng bản chất Siêu Lý, đây gọi là Dục Bộc làm đối tượng cho Vô Minh Bộc.

Hay là:

- **Hữu bộc làm cảnh cho Dục bộc:** Do bị xâm hại ngập tràn trong ái luyến và ưa thích ham muốn trong thiền thông (ái nhập thiền) thì người Dục Giới Vui đắc thiền lấy cảnh Hữu Bộc làm đối tượng nên đây gọi là Hữu Bộc làm cảnh cho Dục Bộc ... Còn các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc khi không an trú trong thiền cũng khởi sanh Dục Bộc vì các vị Phạm Thiên này nếu nói trên phương diện còn phàm hoặc Thánh thấp là còn sử dụng các thứ tâm tham (tùy theo Phàm, Thánh) bởi căn gốc rễ luân chuyển trong luân hồi nhiều đời lắm kiếp, vị ấy vẫn còn Ái duyên Thủ.
- **Hữu bộc làm cảnh cho Hữu bộc:** Là sự ái luyến, dính mắc của các vị phàm Tam Nhân đắc thiền, hoặc các Phạm Thiên đối với cảnh giới của Sắc và Vô Sắc, nay trở thành cảnh để sự Hữu Ái đó tiếp tục phát sanh. Hay nói cách khác, chấp sanh về các cõi mà nặng về ái luyến trên khía cạnh thiền thông (sanh hữu) tức là ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Vô Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích nhập thiền, và ái hiệp với sự ưa thích chấp thân.
- **Hữu bộc làm cảnh cho Tà kiến bộc:** Đó là khi sự xâm hại chìm ngập trong sự ái nhiễm thiền, thông... quá lâu mà khởi lên tà kiến, như cho rằng: Sơ Thiền là Níp Bàn, Nhị Thiền là Níp Bàn, Tam Thiền là Níp Bàn, Tứ Thiền là Níp Bàn, Ngũ Thiền là Níp Bàn hoặc các vị Phạm Thiên này (phàm nhân) do sống quá lâu ở các cõi ấy nên hiểu sai, chấp lầm là trường tồn bất biến.
- **Hữu bộc làm cảnh cho Vô minh bộc:** Đây là trường hợp xâm hại tràn ngập trong cảnh thiền, thông, ưa thích nhập thiền, ưa thích chấp thân... đến mức mê mờ, tối tăm cho đây là trường tồn vĩnh cửu mà không nhận ra đến một giai đoạn nào đó rồi cũng sanh tử và tiếp tục luân chuyển trong Tam Giới. Chính sự không nhận ra này là Vô Minh Bộc.

Hay là:

- **Tà kiến bộc làm cảnh cho Dục bộc:** Do bị xâm hại ngập chìm trong kiến thức sai lầm, cái biết bị lệch lạc, nên trợ cho tham dục sanh. Chẳng hạn như người tà kiến nặng rồi thích thú, trầm mê trong nhận định sai lầm của mình mà vẫn đắm nhiễm, hay là một chúng sanh như trời Đại Phạm Thiên tự cho mình là chủ tạo hóa (Tà Kiến Bộc) mà khởi lên tham ái, tức là SH Tham làm nền tảng (Dục Bộc).

- Tà kiến bộc làm cảnh cho Hữu bộc: Khi người Dục Giới Vui đắc Thiền hoặc là người Sắc Giới, Vô Sắc Giới (Hữu Bộc) nhận định cái mà đang thành tựu đây, đặng được đây là thuộc về ta, của ta, trong ta..., tức là đang hưởng cảnh thiền hoặc đang ở cõi thiền tưởng là thường hằng, mà không hay biết rằng có sự sanh diệt đổi thay của pháp hữu vi, tức không nhận ra cái lý của biến đổi, cái lý của vòng vây thiêu đốt áp bức, cái lý của cái không thuộc về ta (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã), trạng thái này là Tà Kiến Bộc trợ cho Hữu Bộc, hay sự hiểu sai chấp lầm làm đối tượng cho Hữu Bộc sanh.
- Tà kiến bộc làm cảnh cho Tà kiến bộc: Do nết quen tà kiến của các đời trước, nay trợ bởi Thường Cận Y Duyên nên dễ phát sanh Tà kiến Bộc trong đời này. Nghĩa là những nhận định lệch lạc, sai lầm gặp dịp mà tri kiến không chịu chỉnh sửa nên giúp cho Tà kiến Bộc sanh tiếp tục.
- Tà kiến bộc làm cảnh cho Vô minh bộc:Do nhận định sai lầm lệch lạc và chấp vọng tưởng có bản ngã nên trợ cho sự tối tăm không sáng suốt, tức là từ kiến thức sai lầm mà giúp cho Vô Minh Bộc sanh.

Hay là:

- Vô minh bộc làm cảnh cho Dục bộc: Đó là khi sự xâm hại ngập chìm trong sự mê tối rồi khởi lên thích thú, yêu mến, ái dục, đắm chìm trong pháp mà chỉ chấp chế định, không nhận ra được Uẩn, Xứ, Giới, Đế, do chìm trong ngũ uẩn và ngủ nghỉ theo Ngũ uẩn Thủ, không biết pháp đáng biết... Từ sự xâm hại ngập tràn này, phát sanh vọng tưởng có cái ta nên thương, ghét, giận, hờn... rồi ái chấp khởi lên một sự ngâm chìm khác đó là Dục Bộc.
- Vô minh bộc làm cảnh cho Hữu bộc: Do bị xâm hại chìm ngâm trong pháp tăm tối ví như chốt gài bị khóa chặt không mở được cánh cửa để thấy được ánh sáng, mà thấy đây là sự sáng suốt nhận ra thực tính pháp... nên khởi lên quan niệm muốn có đời sau, vì thế Vô Minh Bộc trợ cho Hữu Bộc là vậy.
- Vô minh bộc làm cảnh cho Tà kiến bộc: Do bị nhốt quá lâu (nhiều đời lắm kiếp) hay là bị xâm hại ngập tràn trong sự mờ mịt, trầm mê, nên dễ dàng giúp cho những tri kiến sai lầm phát sanh. Hay nói cách khác, Vô Minh Bộc trợ cho Tà Kiến Bộc là sự xâm hại, chìm đắm trong màn đêm tăm tối của pháp hữu vi, thiếu trí không nhận ra pháp bản chất thực tính, thực tướng nên nảy sanh những tri kiến lệch lạc như: đời là trường tồn bất biến hoặc chết là hết... và từ đó bị ngập chìm trong mớ kiến thức hỗn độn này, nên đây gọi là Vô Minh Bộc trợ cho Tà Kiến Bộc.
- Vô minh bộc làm cảnh cho Vô minh bộc: Do bị xâm hại ngâm chìm trong trạng thái không biết, không thấy, không đắc chứng, không biết bằng cách thích hợp, không biết theo cách chân thật mà không thoát ra được do không có tri kiến, không gặp bậc hiền

trí... nên càng bị tràn ngập trong sự không thấu suốt, không tín theo lẽ phải, không quyết tín đàng hoàng.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bộc Cảnh Bộc: *Oghaniyā ceva dhammā no ca oghā*- Tất cả Pháp Cảnh Bộc mà Phi Bộc.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong Hiệp thế dù là Thiện, Bất thiện hay Vô ký cũng làm cảnh cho Bộc.

Trường hợp này, đối với bản thân, khi làm việc phước thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm, nặng trong mong mỏi đời sau... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho Bộc, mặc dầu không phải là Bộc.

Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Bộc sanh. Vì pháp bất thiện (ngoài pháp Bộc) câu sanh chung với pháp Bộc trong quá khứ khi diệt rồi sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp Bộc trong hiện tại. Như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm Tham) thì làm cảnh cho Dục Bộc. Còn mong mỏi đời sau hay Ái Nhập Thiền... (tâm Tham) thì cũng làm cảnh cho Hữu Bộc. Còn khi chấp thủ tri kiến hoặc cống cao phách lối (chỉ cho Tâm Tham Tương Ưng, Tâm Tham Bất Tương Ưng) thì cũng làm dịp tốt cho các Bộc sanh, nhất là Tà Kiến Bộc. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm Sân) thì cũng trợ cho những Bộc sanh như Vô Minh Bộc chẳng hạn, vì không nhận rõ và thiếu sáng suốt không có cái ta để giận.

Hoặc là những thành tựu (Tâm Quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (Tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Bộc sanh như:

- Khi các kết quả bất thiện (Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân) thì bị Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, khiến cho bị xâm hại, trầm nịch trong các Bộc bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
- Còn Tâm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn, tà kiến hay bị vô minh. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận do nguồn gốc của si mê.

Những pháp trên, Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô ký là Thức uẩn; pháp câu sanh là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn, cho nên trong phần Chánh Tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 36: NHỊ ĐỀ BỘC TƯƠNG ƯNG BỘC

(OGHA OGHA-SAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghā ceva dhammā ogha sampayuttā ca - Tất cả Pháp Bộc và Tương Ưng Bộc.*
- *Câu 2:Oghasampayuttā ceva dhammā no ca oghā - Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Bộc ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

** Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùngNhị Đề LậuTương Ưng Lậu.

** Chư pháp bộc hiệp với pháp bộc ra sao?...*

- Dục bộc tương ưng với vô minh bộc và vô minh bộc tương ưng với dục bộc.

- Hữu bộc tương ưng với vô minh bộc và vô minh bộc tương ưng với hữu bộc.

- Tà kiến bộc tương ưng với vô minh bộc và vô minh bộc tương ưng với tà kiến bộc.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bộc hiệp với pháp bộc(Oghā ceva dhammā ogha sampayuttā ca).

** Chư pháp hiệp bộc mà phi bộc ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp bộc đó mà trừ ra pháp bộc rồi tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp hiệp bộc mà phi bộc (Oghasampayuttā ceva dhammā no ca oghā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bộc Tương Ưng Bộc*(Ogha ogha-sampayuttaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Bộc và Tương Ưng Bộcvà Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc.

3. Tất cả Pháp Bộc và Tương Ưng Bộc (*Oghā ceva dhammā ogha sampayuttā ca*): tức là pháp Bộc hòa trộn với pháp Bộc, nghĩa là Bộc này sanh trong đó có sự hòa trộn của Bộc khác như Dục Bộc, Hữu Bộc thì trong đó có Vô Minh Bộc và Tà Kiến Bộc, hay ngược lại.Khi Dục Bộc sanh, trạng thái xâm hại chìm ngập trong sự mong mỏi, rất mong mỏi, quá mong mỏi, ái nhiễm trầm nịch, thì trong đó bởi không sáng suốt, thiếu trí (Vô Minh Bộc), những pháp này hiệp hòa cùng nhau...

4. Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc(*Oghasampayuttā ceva dhammā no ca oghā*):tức là hòa trộn với Pháp Bộc nhưng không phải là Pháp Bộc, là chỉ cho phần tâm Bất thiện và pháp Câu Sanh. Như là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si sanh chung với 4 Bộc (từng phần) vì Pháp Bản Thể của Bộc là SH Tham (Dục Bộc), SH Tham phối hợp Tham Bất Tương Ưng... (Hữu Bộc), SH Tà Kiến (Tà Kiến Bộc), SH Si (Vô Minh Bộc). Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Bộc ở đây là chỉ cho trạng thái Tâm (Bất thiện) còn Pháp Bộc là chỉ cho Pháp Bản Thể của Pháp Bộc (SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Bộc và Tương Ưng Bộc là Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp tâm Sân và Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

- Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành uẩnlà Si, Tham, Tà Kiến
- Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là Si, Tham, Tà Kiến
- Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Si, Tham, Tà Kiến
- Đế đặng 2 Đế:
  1. Khổ đế làSi, Tà Kiến
  2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Bộc và Tương Ưng Bộclà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp Tâm Sân và Si)

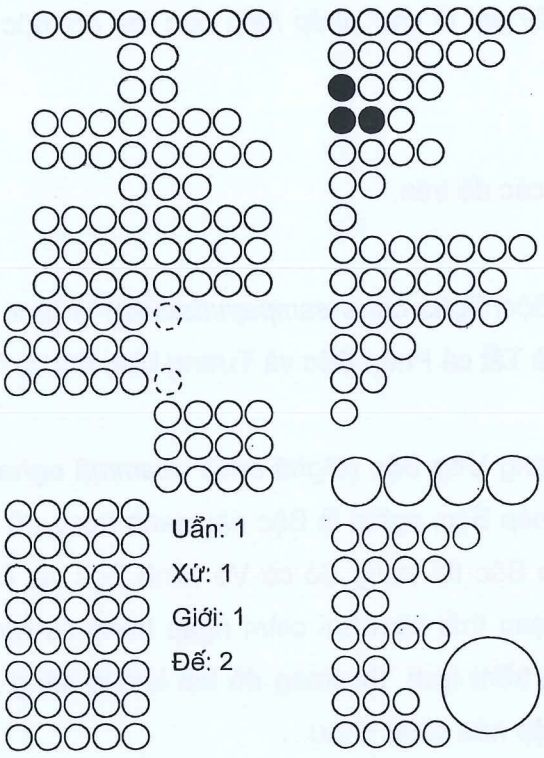

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Bộc). Chi pháp trong câu 2 ta chia theo Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà22 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlà tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là24 SH hợp với tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Bất thiện
2. Pháp giớilà24 SH hợp với tâm Bất thiện

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm Bất thiện và 24 SHH

Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Bộc)

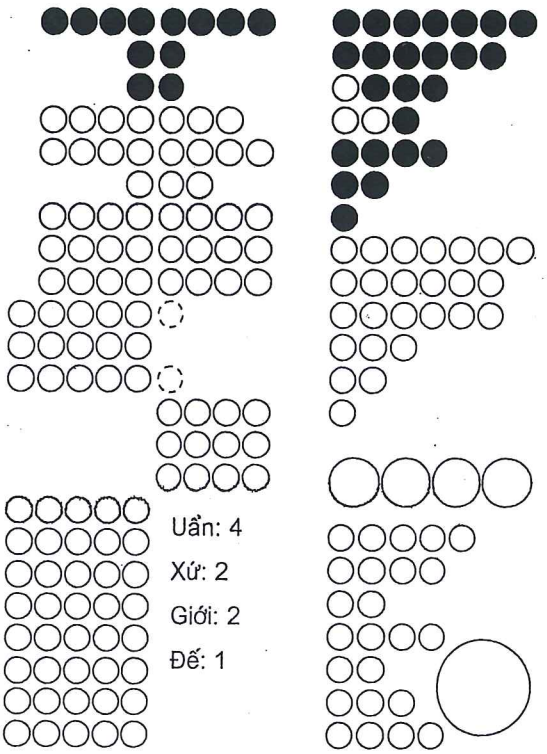

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bộc Tương Ưng Bộc:*Oghā ceva dhammā ogha sampayuttā ca*- Tất cả Pháp Bộc Tương Ưng Bộc.

Dục bộc tương ưng với vô minh bộc:nghĩa là Dục bộchòa trộn, tương tác với Vô Minh bộc,trạng thái nàybày hiện sự xâm hại ngâm chìm trong say mê đắm nhiễm cảnh, cuốn theo sự mê mờ tăm tối bao trùm nên không rời ra khỏi được ái nhiễm. Bởi vì khi SH Tham và SH Si câu sanh với nhau làm cho trạng thái trở thành cuồng loạn hơn do không nhận ra thực tính bản chất của pháp nên ái nhiễm , tăm tối càng ái nhiễm , tăm tối.

Vô minh bộc tương ưng với dục bộc:nghĩa là Vô Minh bộchòa trộn, tương tác với Dục bộc, do bị xâm hại tràn ngập trong sự tối tăm, không nhận ra pháp đáng biết, chỉ nhận theo lối thường thức chế định và nghĩ về vọng tưởng cái ta và từ đó có ái nhiễm sanh tức là thương cái ta, mong mỏi cho cái ta được như thế này, đặng như thế kia, đây là Vô Minh bộchòa trộn với Dục bộc, giống như người đi trong màn đêm tăm tối, không thấy nên có sự sờ soạng, tìm kiếm, mong mỏi nhưng không vượt thoát ra sự tối tăm ấy.

Hữu bộc tương ưng với vô minh bộc:do ham muốn, mong mỏi đời sau mà trong đó tác động bởi sự không hiểu biết pháp đáng biết nên mới có sự mong muốn đời sau hoặc ái luyến trong các tầng thiền, khởi sanh mong muốn mê mờ đi theo sự luân chuyển luân hồi. Đây là sự hòa trộn của Hữu bộcvới Vô Minh bộc.

Vô minh bộc tương ưng với hữu bộc:đây chỉ sự hòa trộn của cách tăm tối với ái trong đời sau, do không thấu suốt pháp chân tướng bản chất mà trong đó bị tác động bởi sự mong muốn có kiếp sống kế hoặc tham đắm với các cảnh giới thiền nên làm cho sự mê mờ tăm tối càng như chốt gài không thoát ra được.

Tà kiến bộc tương ưng với vô minh bộc: nghĩa là tri kiến sai lầm hòa trộn cùng sự mê mờ tối tăm, tức do hiểu sai chấp lầm về bản chất các pháp và bị tác động bởi trạng thái tối tăm, không thấu đáo, không sáng suốt nên càng làm các tri kiến sai lầm này thêm sâu đậm rồi bị ngập chìm trong hoang vu kiến, thiên kiến...

Vô minh bộc tương ưng với tà kiến bộc: tức là sự hòa trộn giữa sự không biết rõ, khờ khạo, mê luyến, trầm mê với sự thấy biết sai lầm, nghĩa là do không biết rõ mà bị tác động của các cách biết sai nên càng làm cho tri kiến lệch lạc, nhận sai, chấp lầm bị xâm hại ngâm chìm cùng với trạng thái tối tăm, không tỏ rõ, thiển trí, mê mờ. Đó là sự hòa trộn của Vô Minh Bộcvới Tà Kiến Bộc.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bộc hiệp với pháp bộc.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bộc Tương Ưng Bộc: *Oghasampayuttā ceva dhammā no ca oghā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Bộc mà Phi Bộc.

Nói về chi pháp bản chất thì Tất cả Pháp Tương Ưng Bộcmà Phi Bộclà chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiện và các SH câu sanh:

- Vì khi Tâm Tham sanh khởi phải có sự hòa trộn của SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si. Vì do tác động của 3 pháp bản chất này làm cho Tâm không sáng suốt (Si) nên sự ái nhiễm đắm chìm căn gốc là SH Tham. Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Bộcmà phát sanh đặng phải nhờ vào căn, gốc, rễ của Pháp Bộcmới đủ sức phát sanh như trường hợp vừa nêu trên. Khi Tâm Tham Tương Ưng Kiến khởi, ngoài lý do đã nêu trên còn phải bị tác động mạnh bởi pháp bản chất Tà Kiến, tức là Tà Kiến sẽ hòa trộn với trạng thái ham muốn đắm nhiễm...
- Hay như khi Tâm Sân sanh khởi, cũng nhờ vào các pháp bản chất câu sanh tương ưng trong đó có Si (Vô Minh Bộc) tác động mạnh làm căn gốc bất thiện. Vì Si làm cho trạng thái Tâm Sân lúc đó không nhận ra cái ta là không có, rồi vọng tưởng có cái ngã mà cho rằng tôi buồn, người ấy làm tôi giận...
- Hoặc như trường hợp Tâm Si phát sanh mà có 2 trạng thái lưỡng lự – phân vân, tán loạn – lao chao, cũng bị tác động từ SH Si tức Vô Minh Bộc. Hay nói cách khác, 2 trạng thái hiện bày Hoài Nghi và Điệu Cử khởi sanh do từ căn Bất thiện Si, tác động mạnh làm cho các pháp câu sanh chung phải tối tăm mê mờ trước cảnh rồi đâm ra nghi nan, nghi hoặc hay là tán loạn, lao chao.
  - Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là sáng suốt, thông thấu (Trí Tuệ) trước cảnh, nhận định pháp một cách đúng đắn, rõ ràng... nên không có sự nghi nan, nghi hoặc, nghi chuyên, tức không có Hoài Nghi.
  - Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là rõ thấu, gạn lọc, trạch pháp... (Trí Tuệ) thì không bị tác động bởi cảnh chi phối mà lao chao, mà tán loạn, tức không có Điệu Cử.

Như vậy: ta thấy tác động của Si ở đây là nói về Vô Minh Bộclàm cho trạng thái tâm phải bị bấn loạn, không trụ yên, hoài nghi nên đối lập với Si tức là Trí Tuệ, hay đối lập với Vô Minh là Chánh Kiến. Mà một khi bị Si phối hợp hay tương ưng mà không đủ sức bật ra thì bị xâm hại tràn trề, cuốn trôi như nước lũ (Bộc). Tóm lại những trạng thái pháp Tương Ưng Với Bộcđược trình bày trên cho thấy một khi không có sự khai đoan mở mối, lướt tới (Chánh Tinh Tấn), sáng suốt (Chánh Kiến, Vô Si...), Chánh Niệm thì khó ngăn chặn hoặc vượt thoát qua được các pháp xâm hại ngập tràn là Dục Bộc, Hữu Bộc, Tà Kiến Bộcvà Vô Minh Bộc.

NHỊ ĐỀ THỨ 37: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG BỘC CẢNH BỘC

(OGHAVIPPAYUTTA OGHANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Oghavippayuttā kho pana dhammā oghaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộc.*
- *Câu 2:Oghavippayuttā kho pana dhammā anoghaniyāpi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc và Phi Cảnh Bộc.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Bộc ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp bộc trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùngNhị Đề Bất Tương Ưng Lậu cảnh Lậu.

* *Chư pháp ly bộc mà cảnh bộc ra sao?...*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp bộcmà còn bịbộcbiết như là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký nương cõi Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly bộcmà cảnh bộc(Oghavippayuttā kho pana dhammā oghaniyāpi).

* *Chư pháp ly bộc và phi cảnh bộc trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly bộcvà phi cảnh bộc (Oghavippayuttā kho pana dhammā anoghaniyāpi).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Bộc Cảnh Bộc*(Oghavippayutta oghaniyaduka)* là gom tụ mộtphần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộcvà Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc và Phi Cảnh Bộc.

5. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộc(*Oghavippayuttā kho pana dhammā oghaniyāpi*):là các pháp không hòa trộn với Bộc tức không có sự hiệp hòa với pháp tràn ngập xâm hại nhưng làm đối tượng cho Bộc biết, bởi do thành cảnh cho Bộc khởi. Đây chỉ cho pháp bản chấtlà Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si).
6. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc và Phi Cảnh Bộc(*Oghavippayuttā kho pana dhammā anoghaniyāpi*):là các trạng thái không hòa trộn với Bộc mà cũng không bị pháp Bộc bắt làm cảnh, đây chỉ cho pháp bản chấtlàPháp Siêu Thế vì pháp Siêu thế Bộc không đủ sức biết đặng.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộc là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Thiện và Vô ký hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Thiện và Vô ký hiệp thế
4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng)(hợp với tâm Thiện và Vô ký hiệp thế)và Si hiệp tâm Si
5. Thức uẩnlà tâm Thiện và Vô ký hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Thiện và Vô ký hiệp thế
12. Pháp Xứ là38SH(hợp với Tâm Thiện, Vô Ký Hiệp Thế),Sắc tế và Si hiệp Tâm Si

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12.Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13.Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14.Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15.Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giớilà Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17.Ý thức giớilà tâm Thiện và Vô ký hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18.Pháp giớilà38SH(hợp với tâm Thiện và Vô ký Hiệp thế), Si hiệp Tâm Si và Sắc tế

– Đếđặng 1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp, tâm Thiện và Vô ký hiệp thế,38SHHvàSi hiệp Tâm Si

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộclà Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si)

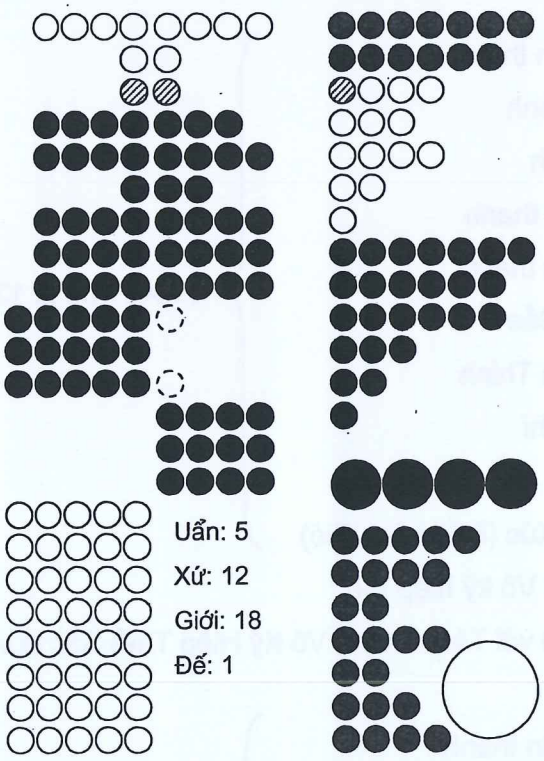

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộcvà Phi Cảnh Bộclà Pháp Siêu Thế. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩnlà34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩnlà tâm Siêu thế

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc và Phi Cảnh Bộclà Pháp Siêu Thế

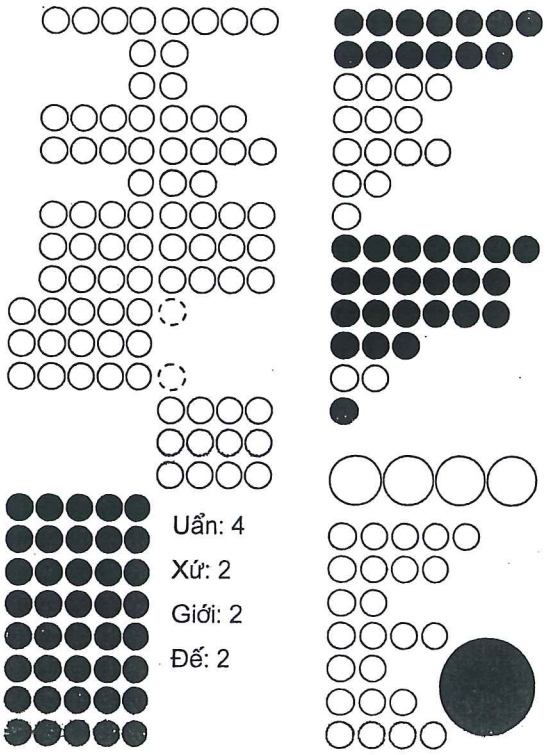

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Bộc cảnh Bộc:*Oghavippayuttā kho pana dhammā oghaniyāpi-* Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộc.

"Những pháp nào bất tương ưng với pháp bộc mà còn bị bộc biết":tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Dục Bộc, Hữu Bộc, Tà Kiến Bộc và Vô Minh Bộc nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Bộc biết.

"như là pháp thiện": Đây chỉ chocác thứ tâm Đại Thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo Đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Bộc sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Bộc. Tuy nhiên, các pháp này

vẫn có thể bị pháp Bộc lấy làm đối tượng để biết như là người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác...

"pháp bất thiện":Đây chỉ cho SH Si hiệp tâm Si. Vì khi SH Si sanh trong Tâm Si Hoài Nghi hoặc Tâm si Điệu Cử thì không có hòa trộn cùng SH Tham (Dục Bộc, Hữu Bộc) hay SH Tà Kiến (Tà Kiến Bộc) và cũng không hòa trộn cùng Vô Minh Bộc vì SH Si đã chính là chi pháp bản chất của Vô Minh Bộc rồi. SH Si có tính chất lôi cuốn, nhốt vào trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Bộc sanh như là: Vô Minh Bộc làm cảnh cho Dục Bộc, Vô Minh Bộc làm cảnh cho Hữu Bộc,Vô Minh Bộc làm cảnh cho Tà Kiến Bộc,và Vô Minh Bộc làm cảnh cho Vô Minh Bộc.

"và pháp vô ký":Tức là 32 Tâm Quả Hiệp thế, Đại Tố, Tố Đáo Đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp:

- Các Tâm Quả Hiệp thế là các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Bộc nhưng cũng có thể làm cảnh cho Bộc bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị xâm hại, cuốn hút, ngâm chìm, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...
- Cho đến các Tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Bộc nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vô tri vô giác nên không hòa trộn cùng pháp Bộc nhưng đây cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các phiền não, trong đó có Tham (Dục Bộc, Hữu Bộc), Tà Kiến (Tà Kiến Bộc) và Si (Vô Minh Bộc).

"nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới":Các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị Pháp Bộc dẫn dắt.

"tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn":Ở đây Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp Bất Tương Ưng Bộc mà Cảnh Bộc theo lối Ngũ Thủ Uẩn rồi từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly bộc mà cảnh bộc (Oghavippayuttā kho pana dhammā oghaniyāpi).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Bộc cảnh Bộc:*Oghavippayuttā kho pana dhammā anoghaniyāpi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Bộc và Phi Cảnh Bộc.

1. Tại sao Đạo Siêu thế là Bất Tương Ưng Bộcvà phi cảnh Bộc?

Đạo Siêu thế hay Tâm Thiện Siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang sát đoạn trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc. Nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nhổ bật các pháp Bộc, nên rõ ràng không thể hòa trộn với pháp đối nghịch (Bộc), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các triền phược phiền não, lậu hoặc nên không bị Bộcvà các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu.

Như vậy, Đạo là pháp Bất Tương Ưng Bộcđồng thời cũng phi cảnh Bộcdo đặc tánh và tính chất đặc biệt, như vừa trình bày trên.

2. Tại sao Quả Siêu thế là Bất Tương Ưng Bộc và Phi cảnh Bộc?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái xâm hại ngập tràn, cuốn trôi, sôi nổi, nóng nảy không còn đối với Quả Siêu thế. Mà đã nhổ bật các xâm hại, chướng ngại ... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Bộc) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các Bộcbắt làm cảnh được. Nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Bộcvà phi cảnh Bộclà vậy.

3. Tại sao Vô Vi Giới là Bất Tương Ưng Bộc và Phi cảnh Bộc?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên là pháp Bất Tương Ưng Bộcvà Phi Cảnh Bộc.

BÀI 14: PHẦN TỤ (CHÙM) PHỐI

(YOGAGOCCHAKA)

Phối (*Yogā*) là pháp làm cho chúng sanh phối hợp với luân hồi trong tam giới, tức là pháp nào đem chúng sanh phối hợp dính trong khổ luân hồi. Đây là chỉ trạng thái từ đời này làm đổi thay ,đời khác đổi thay, kiếp sống đời khác nữa nên gọi là Phối hay Phối hợp (*VaṭṭasmiṃSatte yojentīti = Yogā*). Pháp Phối có 4 điều pháp, 3 chi pháp như sau:

1. Dục phối *(Kāmāyogā)*:là trạng thái dính, phối hợp trong luân hồi khổ bằng cách ham muốn thương yêu..., có pháp bản chất là SH Tham.
2. Hữu phối *(Bhavāyogā)*: là mong mỏi trong đời sống, nồng nả trong kiếp sống... hoặc kết hợp chúng sanh trong sự mong mỏi Sắc giới hay Thiền...
3. Tà kiến phối*(Diṭṭhiyogā)*: là phối hợp chúng sanh theo đường lối sai, sai căn nguyên, lộ đồ sai, tri kiến theo đường lối phát nguyên điêu tàn... có chi pháp bản chất là SH Tà kiến.
4. Vô minh phối (*Avijjāyogā*): là trạng thái kết dính chúng sanh trong luân hồi khổ với tính chất mê luyến, trầm mê, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không xét đoán, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, không nhận rõ chơn tướng pháp thực tính.., có chi pháp bản chất là SH Si.

Pháp Phối được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Phối *(Yogaduka)*
2. Nhị đề Cảnh Phối *(Yoganiyaduka)*
3. Nhị đề Tương Ưng Phối *(Yogasampayuttaduka)*
4. Nhị đề Phối Cảnh Phối *(Yogayoganiyaduka)*
5. Nhị đề Phối Tương Ưng Phối *(Yogayogasampayuttaduka)*
6. Nhị đề bất tương ưng phối Cảnh Phối *(Yogavippayuttayoganiyaduka)*

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 38: NHỊ ĐỀ PHỐI

(YOGADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yogādhammā - Tất cả Pháp Phối.*
- *Câu 2:No yogā dhammā - Tất cả Pháp Phi Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phốiở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng nhị Đề Lậu.

II. THÍCH TỪ

- Phối: là phối hưởng; xứng đáng, xử trí sự vật khiến cho đâu ra đấy. Phối cũng có nghĩa là dính hay kết hợp.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phối*(Yogaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Phốivà Tất cả Pháp Phi Phối.

1. **Tất cả Pháp Phối** (*Yogādhammā*): là dính trong khổ luân hồi, hay làm cho chúng sanh phối hợp với luân hồi trong tam giới. Hay là 4 trạng thái dính mắc, liên kết chúng sanh trong 3 lối luân hồi: là phiền não luân hồi, nghiệp luân hồi, quả luân hồi, 4 trạng thái ấy là:
   - Dục phối: là mê say, kết dính chúng sanh trong dục lạc.
   - Hữu phối: là kết hợp chúng sanh trong sự mong mỏi Sắc giới hay Thiền…
   - Tà kiến phối:là phối hợp chúng sanh theo lối chấp sai …
   - Vô minh phối: là sự kết dính chúng sanh với cách không sáng suốt.

   Tất cả pháp Phối có pháp bản chất là SH Si (Vô minh phối), SH Tham (Dục phối và Hữu phối) và SH Tà Kiến (Tà kiến phối). Hay nói cách khác, chư pháp phối (*Yogā dhammā*) là những pháp kết dính, phối hợp theo lối Tham, Si và Tà Kiến làm cho chúng sanh phải bị mê man, say đắm từ Dục, Hữu, Kiến và Vô Minh.

   Như vậy, pháp Phối là một trạng thái kết dính chúng sanh trong Dục, Sắc và Vô sắc giới theo 3 tính cách phiền não, nghiệp và quả.
2. **Tất cả Pháp Phi Phối** (*No yogā dhammā*): là trạng thái pháp không dính kết chúng sanh theo lối kết hợp.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phối là SH Si, Tham, Tà kiến. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành uẩnlà SH Si, Tham, Tà kiến
– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là SH Si, Tham, Tà kiến
– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà SH Si, Tham, Tà kiến
– Đế đặng 2 Đế:
   1. Khổ đế là SH Si, Tà kiến
   2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Phối là SH Si, Tham, Tà kiến

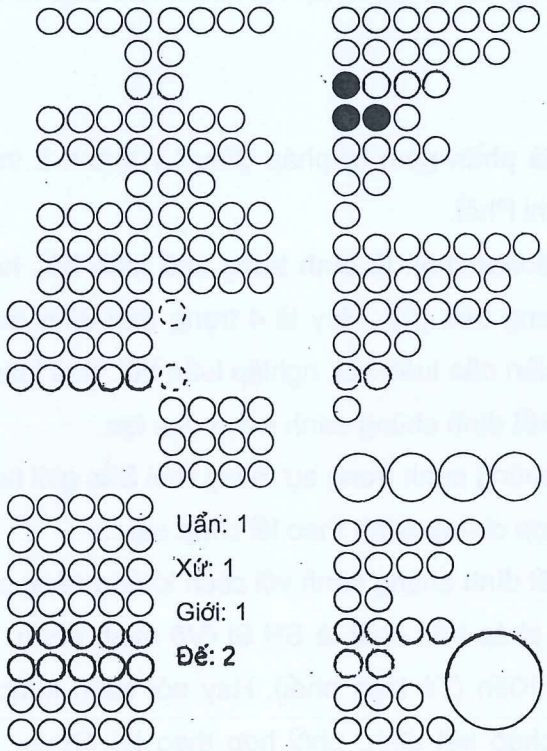

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Phối là Pháp Siêu lý (đã trừ 3 chi pháp Phối). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩnlà47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩnlàTâm

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là49 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà 108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà49 SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 49SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Phối là Pháp Siêu lý (đã trừ 3 chi pháp Phối)

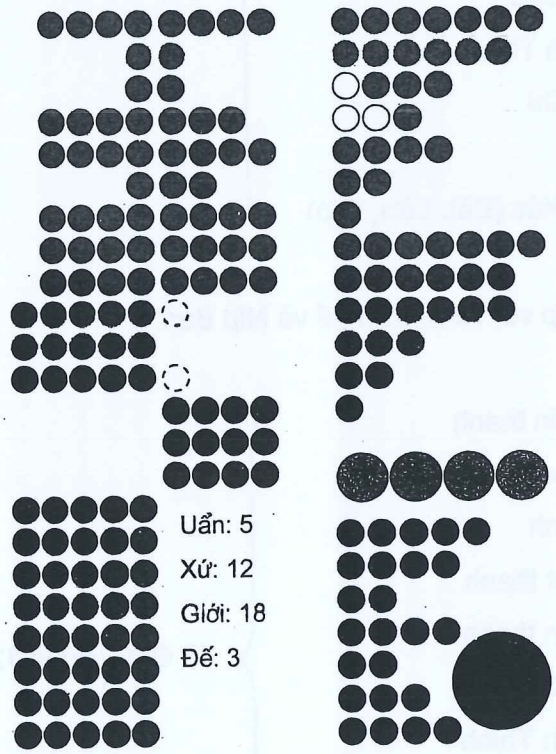

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phối: *Yogā dhammā* - Tất cả Pháp Phối, theo Chánh Tạng Vô Tỷ Pháp, Bộ Pháp Tụ thì Đức Phật Ngài phân giải như sau:

1. Tìm hiểu về Dục Phối:

"Trong tứ phối đó mà dục phối ra sao?Những nào là (phối hợp chúng sanh bằng cách) dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc... Những chơn tướng nầy gọi là dục phối(kāmā yogā)".

Dục phốilà trạng thái làm cho kết dính mà qua đó bằng cách phối hợp của pháp (Dục phối) như sắc dục, thinh dục, khí dục, vị dục, xúc dục và pháp dục.

Mê say đây là chỉ bày trạng thái dính mắc bằng cách *dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hớn, ái dục tình...* rồi từ đó bị kết dính trong cảnh giới ấy, tức bị phối hợp bởi Dục phối trong đối tượng mà nguyên nhân từ ái nhiễm.

Khi sắc khả ái, khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhãn thanh triệt) thì nhãn xúc sanh, nhãn thọ khởi, nhãn thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Khi thinh khả ái,

khả hỷ, khả lạc đối chiếu với vật (nhĩ thanh triệt) thì nhĩ xúc sanh, nhĩ thọ khởi, nhĩ thức nương rồi đi vào tiến trình của dòng tâm thức tham ái. Đối với tỷ, thiệt, thân, luôn đến ý cũng như vậy.

2. Tìm hiểu về Hữu Phối:

"Hữu phối trong khi có ra sao?Bị kết dính bởi những trạng thái như: ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hởn trong đời sống, liên đới trong kiếp sống, nồng nàn trong đời sống, vùi lấp trong kiếp sống, trầm nịch trong đời sống, luôn cả nhiều đời kiếp. Những cách như thế gọi là hữu phối (bhavā yogā)".

Hữu phối đây chỉ cho trạng thái mê say dính mắc trong 3 cõi luân hồi (Dục, Sắc và Vô sắc) mà nhất là đời sống của các cõi Sắc Giới và Vô Sắc Giới.

Mê say đây chỉ cho trạng thái *ưa thích trong đời sống, dục vọng trong kiếp sống, hí hởn trong đời sống...* rồi từ đó bị dính trong cảnh đời sống ấy, tức bị phối hợp với phiền não, nghiệp, quả trong đối tượng trong thiền thông mà nguyên nhân do từ ái nhập thiền.

Như người phàm tam nhân dục giới đắc thiền hay các vị phạm thiên sắc và vô sắc giới khi không an trú trong thiền có thể khởi tâm tham đắm trên cảnh giới của thiền mà mình đã được biết trước đó, rồi say đắm, dính chặt trong cảnh giới ấy, tức Hữu Phối.

3. Tìm hiểu về Tà Kiến Phối:

"Tà kiến Phối trong khi có ra sao?Theo tính chất của pháp Phối đã làm cho chúng sanh phối hưởng, dính kết theo một khía cạnh khác với trạng tháinhận thấy đời là trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột. Hay cho rằng sanh mạng cũng vì sanh lý, hoặc sanh mạng khác với sanh lý. Hoặc chết rồi còn, hoặc chết rồi mất, hoặc chết rồi còn cũng chẳng phải, hoặc chết rồi mất cũng chẳng phải. Sự nhận xét bằng cách thiên kiến tức là hoang vu kiến, khuyết phạp kiến, cừu địch kiến, biến hóa kiến, triền kiến, tự chấp, sự chấp trước, sự cố chấp, sự chấp sai, trạng thái sai, tà đạo, đường lối xấu, giáo phái phát nguyên điêu tàn, chấp theo khinh thị. Những cách như thế gọi là Tà kiến Phối".

Tà kiến Phối đây chỉ cho trạng thái dính kết trong đường lối sai, chấp lầm.Sự hiểu sai, chấp lầm đây chỉ cho các tri kiến sai lầm như: nhận thấy đời trường tồn, hoặc không trường tồn, Thế giới cùng tột hoặc không cùng tột... cho nên, trong Chánh Tạng, Đức Thế Tôn Ngài có thuyết: "*Còn những pháp khác tức là tà kiến, sâu kín, khó thấy, khó chứng, tịch tịnh, mỹ diệu, vượt ngoài tầm của luận lý suông, tế nhị, chỉ có những người trí mới nhận hiểu.*"Người khởi phát tà kiến sai lầm như vậy rồi từ đó bị dính trong cảnh vọng tưởng ấy, tức bị kết hợp trong cách hiểu sai mà nguyên nhân từ tà kiến. Sự kết hợp trong tri kiến sai lầm có nhiều khía cạnh khác nhau:

1. Thường Kiến (*Sassataditthi*) và Đoạn Kiến (*Ucchedaditthi*).
3. Vô Hành Kiến (*Akiriyāditthi*), Vô Nhân Kiến (*Ahetukaditthi*), Vô Hữu Kiến (*Natthikaditthi*).

4. Tà kiến về Sắc Uẩn, Tà kiến về Thọ uẩn, Tà kiến về Tưởng uẩn, Tà kiến về Hành uẩn, Tà kiến về Thức uẩn.
5. Tà kiến phân 10.
6. Tà kiến phân rộng theo 62 điều...

Các phần trên đã được dẫn giải nhiều trong Pháp Thực Tính, về các vọng tưởng, tức nói về thân kiến (*Sakkayadiṭṭhi*),được phân giải rõ trong Phần Chùm Lậu.Các vọng tưởng này dính kết, phối hợp chúng sanh trong kiến thức sai lầm, khiến cho chúng sanh vọng chấp có cái tôi mà luôn luân hồi sanh tử qua nhiều đời nhiều kiếp.

4. Tìm hiểu về Vô Minh Phối.

"Vô minh phối trong khi có ra sao?Là sự kết hợp đẩy chúng sanh vào pháp không biết như là Uẩn, Xứ, Giới hoặc kết dính chúng sanh trong vọng tưởng, chấp ngã. Là sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường lối đi đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo cách chân thật, sự không thấu suốt, sự không tin theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của vô minh, si là căn bất thiện. Những trạng thái nầy gọi là vô minh phối (avijjāyogā)".

Vô Minh (*Avijjā*) ở đây là Vô minh phối ;tức theo lối kết dính của một trạng thái pháp thực tính đó là Si, nghĩa là Si theo cách phối hợp chúng sanh trong phiền não, nghiệp và quả luân hồi. Vô minh phối là trạng thái kết hợpvới sự không biết pháp đáng biết, có chi pháp bản chất là Sở hữu Si và có Pāḷi chú giải:

- *Vijā paṭikkhāti = Avijjā:* Hành động trái ngược với trí nên gọi là Vô Minh.
- *Avindiyaṃ vindatīti = Avijjā:* Pháp mà tạo Ác, Xấu; cách không nên tạo, Pháp như thế gọi là Vô Minh.
- *Vindiyaṃ navindatīti = Avijjā:* Pháp mà không thể làm những sự tốt, đáng làm, Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Avijjamāne javāpetīti = Avijjā:* Pháp mà chuyên môn biết Chế Định, Nam Nữ... Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Vijjamāne najavāpetīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Siêu Lý như là Uẩn, Xứ... Pháp ấy gọi là Vô Minh.
- *Viditabbaṃ aviditaṃ karotīti = Avijjā:* Pháp mà không cho biết Pháp đáng biết như là Tứ Đế... Pháp ấy gọi là Vô Minh.

Vô Minh Phối đây chỉ cho sự dính mắc trong trạng thái trái ngược với Trí, làm tự nó và pháp đồng sanh tối tăm mê mờ, che lấp bản chất chân tướng với Phối làm nhân.Sự kết dính trong mê mờ tối tăm đó có nhiều khía cạnh khác nhau, nói theo Tạng Kinh có 8 phần là:

1. Bất tri Khổ đế *(Dukkhe añāṇaṃ)*
2. Bất tri Tập đế *(Dukkha samudaye aññāṇaṃ)*
3. Bất tri Diệt đế *(Dukkhanirodhe añāṇaṃ)*
4. Bất tri Đạo đế *(Dukkha nirodhagaminīpatipadāya aññāṇaṃ)*
5. Bất tri Nhân đã qua *(Pubbante añāṇaṃ)*
6. Bất tri Quả sau này *(Aparante añāṇaṃ)*
7. Bất tri Nhân trước Quả sau *(Pubbantāparante aññāṇaṃ)*
8. Bất tri Liên Quan Tương Sinh *(Idappaccayatā paṭiccasamuppannesudhammesu añāṇaṃ)*

*Những chơn tướng nói trên gọi là pháp phối.*Các pháp bao gồm Dục Phối, Hữu Phối, Tà Kiến Phối và Vô Minh Phối đã được trình bày như trên gọi là Pháp Phối.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phối:*No yogā dhammā* - Tất cả PhápPhi Phối.

Các pháp nào ngoài ra các Pháp Phối đã kể được gọi là Pháp Phi Phối, tức chẳng phải Pháp phối hợp, kết dính chúng sanh trong sanh tử luân hồi.

Trong tất cả các pháp Phi Phốiđã kể cũng có những pháp làm cảnh cho Phốibắt, lại có những pháp không làm cảnh cho Phốibắt; có những pháp hòa trộn cùng Phối, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp Phối... Các phần này sẽ được lần lượt nêu ra trong các Nhị Đề tiếp theo của Phần Chùm Phối.

NHỊ ĐỀ THỨ 39: NHỊ ĐỀ CẢNH PHỐI

(YOGANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yoganiyādhammā - Tất cả Pháp Cảnh Phối.*
- *Câu 2:Ayoganiyādhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phối câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng Nhị Đề Cảnh Lậu.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Phối*(Yoganiyaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Phốivà Tất cả Pháp Phi Cảnh Phối.

1. Tất cả Pháp Cảnh Phối(*Yoganiyādhammā*): là những trạng thái bị Phối biết, hay là những pháp bị Phối bắt lấy làm cảnh. Đây ám chỉ cho những pháp bị Phối biết đến hoặc là pháp bị Phối biết được (*Yoganiyādhammā*).
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Phối(*Ayoganiyādhammā*):là pháp không bị pháp Phối biết hay trạng thái khi sanh (Đạo, Quả, Níp Bàn) mà Phối không thể biết đặng, tức là pháp vượt thoát khỏi hiệp thế nên không bị pháp Phối biết (*Ayoganiyādhammā*).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Phối là 81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với 81 tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với 81 tâm Hiệp thế
4. Hành uẩnlà 50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với 81 tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlà 81 tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là 81 tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 52 SH (hợp với 81 tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giới tức là Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà 68 tâm Hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà 52 SH(hợp với 81 tâm Hiệp thế)và Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Phốilà 81 tâm Hiệp thế, 52 Sở hữu hợp và Sắc Pháp

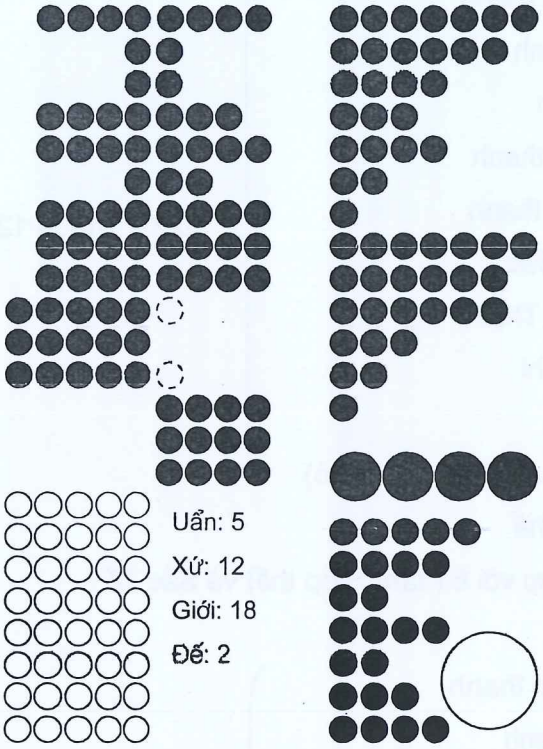

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cảnh Phối là tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩn là SH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩn là 34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩn là tâm Siêu thế

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làTâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilàtâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH hiệp tâm Đạo

Ngoại đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Phốilà tâm Siêu thế, 36 Sở hữu hợp và Níp Bàn

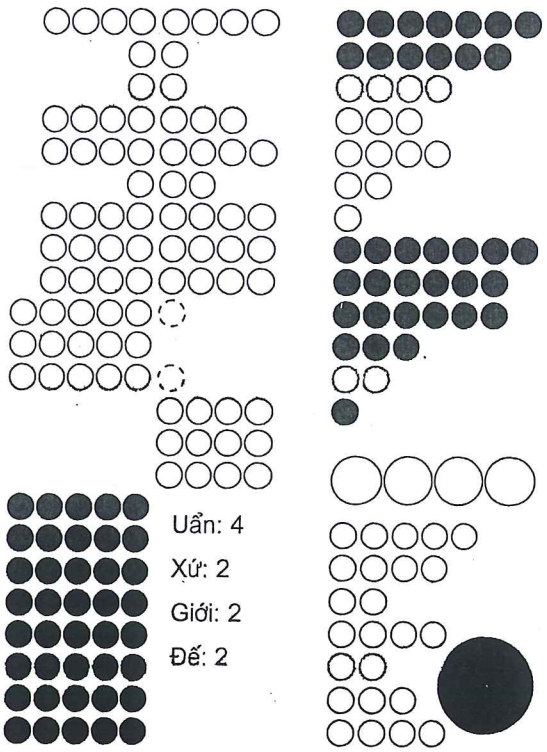

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Phối: *Yoganiyā dhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Phối.

1. Tại sao Pháp Thiện làm cảnh cho Phối?

Bởi vì chúng sanh (Danh sắc) bị kết dính trong pháp Phối từ nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô minh quá khứ (Vô minh phối) mà khởi sanh ái nhiễm từ sự mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Phối như là người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng: ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và bị dính trong cái ta làm được,vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Phối,hoặc do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Phối, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Phối sanh.

2. Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Phối?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự tối mê mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Phối sanh như là tự thân làm ác ; sát sanh, trộm cướp, tà dâm.. rồi thỏa thích, trầm luyến trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Phối phát sanh.

3. Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Phối?

Pháp Vô Ký đây tức ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp.Tâm quả hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị thời nghiệp duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Phối? vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

- Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự tham đắm, dính mắc khởi sanh. Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí... của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên Phối.
- Hoặc là thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì có thể làm cảnh cho sự phối hợp khổ luân hồi. Ví như tuy có kết quả không tốt về tài sản, trí tuệ... nhưng lại khởi sanh đắm nhiễm, chấp lầm và mê mờ do không khéo chuyển tâm vào lộ Thiện.
- Hoặc là bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Phối. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ) mà khởi sanh Dục Phối, Hữu Phối, Tà Kiến Phối và Vô Minh Phối.
- Cho đến Tâm Tố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Phối bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Phối biết. Đơn cử như nghe nhạc (Cảnh Thinh) mà khởi lên tham đắm, dính mắc trong cảnh ấy.

4. Tại sao Tam Giới làm cảnh cho Phối?

Đây ám chỉ cho các pháp Phối nương *Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới.* Nghĩa là các Pháp Phối là phải nương vào Dục, Sắc và Vô Sắc Giới để phát sanh. Vì trong các cõi như Dục Giới thì có Phiền Não Dục và các Phiền Não khác. Cõi Sắc Giới thì có Phiền Não Sắc và các Phiền Não khác. Cõi Vô Sắc Giới thì có Phiền Não Vô Sắc và các Phiền Não khác. Nên dễ cho pháp Phối nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp Phối tức sự phối hợp dính kết phát sanh.

5. Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Phối?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm và nhận định cùng với lòng ái thủ, đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Phối sanh là vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Phối: *Ayoganiyādhammā* - Tất cả Pháp Phi Cảnh Phối.

Tại sao Đạo, Quả và Níp Bàn là Phi Cảnh Phối?

- Đạo (Magga) tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục nên có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Phối không biết đặng.
- Quả là do nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quả Siêu thế, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã phá sự kết dính trong luân hồi khổ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên pháp Phối không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.
- Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên pháp Phối càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế, Phối còn không biết thì nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 40: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHỐI

(YOGASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yogasampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Phối.*
- *Câu 2:Yogavippayuttādhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phối ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng Nhị Đề Tương Ưng Lậu.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Phối*(Yogasampayuttaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là:Tất cả Pháp Tương Ưng Phốivà Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối.

1. **Tất cả Pháp Tương Ưng Phối**(*Yogasampayuttādhammā*):là những pháp nào có Phối kết hợp, mà có tính chất hòa trộn với Phối. Hay là pháp Tương Ưng Phối là trạng thái hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung một lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp với Phối.
2. **Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối**(*Yogavippayuttādhammā*):là những pháp nào không có sự kết dính hòa trộn trong luân hồi khổ. Hay là pháp bất tương ưng phối là trạng thái không hòa trộn, cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp với Phối.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Phối là 12 tâm Bất thiện, 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với 12 tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với 12 tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si hợp Tâm Si) hợp với 12 tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlà12 tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là12 tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà12 tâm Bất thiện
2. Pháp giớilà27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là12 tâm Bất thiện, 26 Sở hữu hợp (đã trừ SH Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Phối là 12 tâm Bất thiện 27 Sở hữu hợp (đã trừ Si hợp Tâm Si)

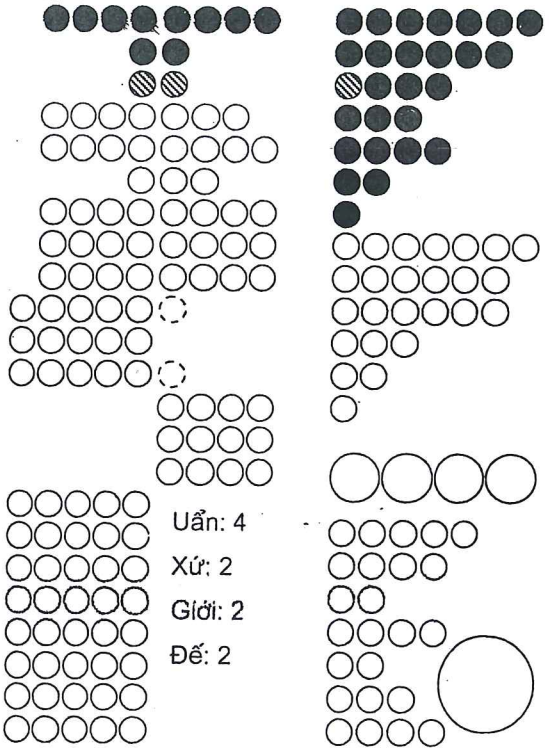

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối là Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân và Si hợp Tâm Si
5. Thức uẩnlàtâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân

Ngoại Uẩn là Níp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làtâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân
12. Pháp Xứ là38SH (hợp với Tâm Tịnh Hảo, Tâm Vô Nhân), Si hợp Tâm Si, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà96 tâm Tịnh hảo và tâm Vô nhân (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà38 SH(hợp với tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân), Si hợp Tâm Si, sắc tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế là Sắc pháp, tâm Tịnh hảo hiệp thế, tâm Vô nhân,38 SHH và Si hợp tâm Si

2. Diệt đế là Níp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế là tâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phốilà Níp Bàn, Sắc Pháp, tâm Tịnh hảo, tâm Vô nhân, 38 Sở hữu hợp và Si hợp Tâm Si

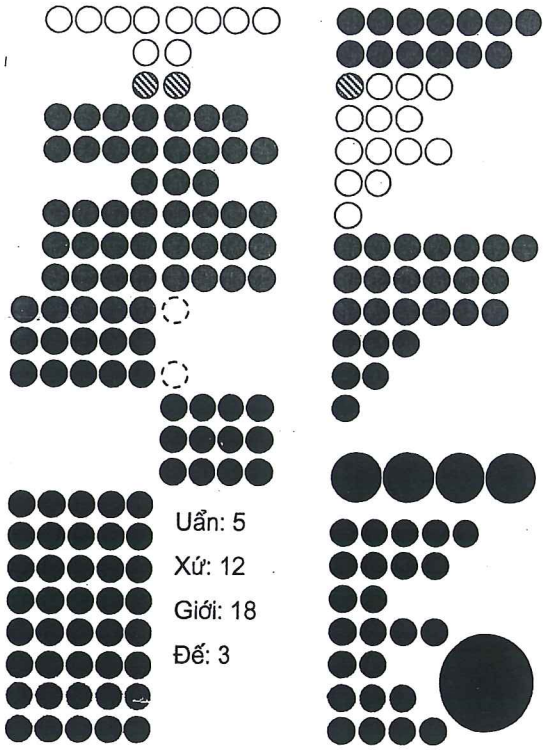

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Phối: *Yogasampayuttādhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Phối.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Thọ uẩn Bất thiện
- SH Tưởng phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Tưởng uẩn Bất thiện
- 25 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 14 SH Bất thiện phối hợp với 12 Tâm Bất thiện tức là Hành uẩn Bất thiện
- 12 tâm Bất thiện là Thức uẩn Bất thiện

Như vậy: 4 Uẩn danh này hòa trộn với Phối, sanh chung với Phối, câu sanh với Phối, trạng thái hỗ trợ cùng Phối nên những pháp ấy gọi là pháp Tương ưng phối, tức pháp Bất thiện.

Lưu ý: Trường hợp khi Tâm Si làm pháp Tương Ưng Phối (Vô Minh Phối) thì lúc này bớt ra Si hợp Tâm Si vì tính chất vô nhân khi Si gặp Tâm Si. Bởi vì Pháp Tương Ưng Phối là chủ đề của câu pháp này thuộc về Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Phối: *Yogavippayuttādhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối.

Ở đây, Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn, nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Thọ uẩn Bất tương ưng phối
- SH Tưởng phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Tưởng uẩn Bất tương ưng phối
- 36 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 25 SH Tịnh Hảo phối hợp với 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Hành uẩn bất tương ưng phối
- 18 tâm Vô nhân, 91 tâm Tịnh hảo là Thức uẩn bất tương ưng phối
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc Uẩn bất tương ưng phối
- Và Vô Vi Giới tức Níp Bàn hay Vô Vi Ngoại Uẩn cũng là bất tương ưng phối

Như vậy: 4 Uẩn Danh này, Sắc Uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Phối, không sanh chung với Phối, trạng thái không hỗ trợ cùng Phối nên những pháp ấy gọi là pháp bất tương ưng phối.

Lưu ý: Trường hợp Si hợp Tâm Si do không tính trong Pháp Tương Ưng Phối nên là Pháp bất tương ưng phối.

NHỊ ĐỀ THỨ 41: NHỊ ĐỀ PHỐI CẢNH PHỐI

(YOGAYOGANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yogā ceva dhammā yoganiyā ca - Tất cả Pháp Phối và Cảnh Phối.*
- *Câu 2:Yoganiyā ceva dhammā no ca yogā - Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phối ở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng Nhị Đề Lậu Cảnh Lậu

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phối Cảnh Phối*(Yogayoganiyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp:Tất cả Pháp Phối và Cảnh Phốivà Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phối.

1. Tất cả Pháp Phối và Cảnh Phối (*Yogā ceva dhammā yoganiyā ca*): là trạng thái phối kết trong luân hồi, bị dính trong khổ sanh tử rồi lại làm cảnh hay đối tượng cho pháp phối khác biết, tức bị dính trong khổ luân hồi nữa. Hay là chính nó (Tứ Phối) lại làm cảnh cho chính nó, nghĩa là Phối đã sanh lại bị Pháp Phối khác biết bắt làm cảnh để tiếp tục bị dính trong khổ luân hồi.
2. Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phối(*Yoganiyā ceva dhammā no ca yogā*):là những trạng thái chẳng phải Phối nhưng làm cảnh cho Pháp Phối, đây ám chỉ cho Pháp ngoài Phối (Pháp Hiệp thế trừ Tứ Phối) bị Pháp Phối bắt làm đối tượng. Hay nói cách khác, cảnh Phối mà phi Phối vì pháp làm cảnh còn hiệp trong đời nên bị pháp phối kết dính trong luân hồi khổ là vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phối và Cảnh Phối là Sở hữu Si, Tham, Tà Kiến. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành uẩnlà SH Si, Tham, Tà kiến

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là SH Si, Tham, Tà kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà SH Si, Tham, Tà kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Si, Tà kiến
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Phốivà Cảnh Phối là SH Si, Tham, Tà kiến

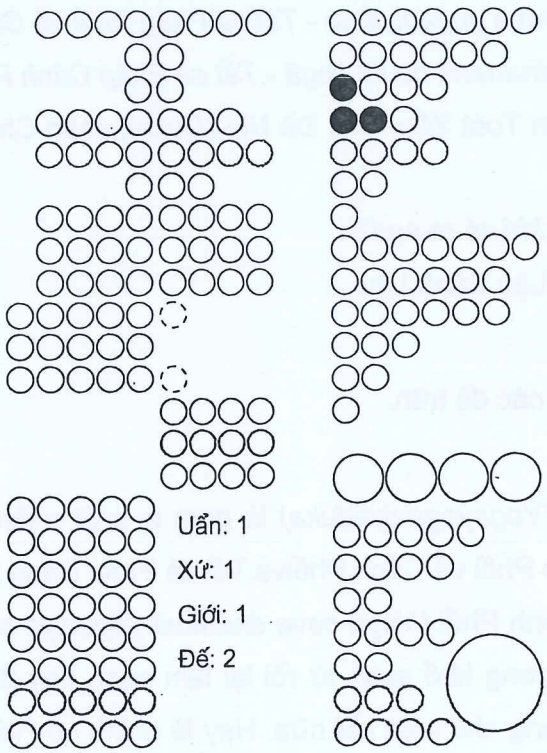

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phối là Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Phối). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế
4. Hành uẩnlà47 SH (đã trừ Thọ, Tưởng, Si, Tham và Tà Kiến) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlà tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là49 SH (đã trừ Si, Tham và Tà Kiến)hợp với tâm Hiệp thế và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà68 tâm Hiệp Thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà49 SH(đã trừ Si, Tham, Tà Kiến) hợp với tâm Hiệp thế và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế: Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 49 SHH (đã trừ Si, Tham và Tà kiến)

Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phốilà Pháp Hiệp Thế (trừ 3 chi Pháp Phối)

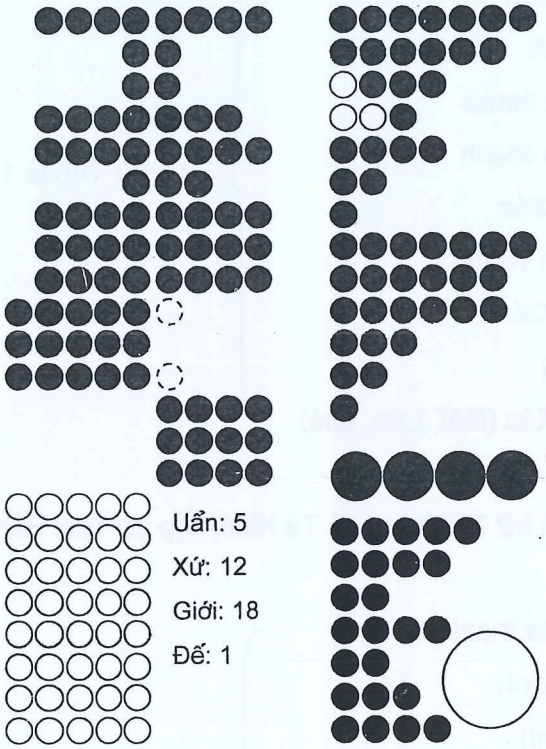

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phối Cảnh Phối: *Yogā ceva dhammā yoganiyā ca*- Tất cả Pháp Phối và Cảnh Phối.

Đây ám chỉ cho Dục, Hữu, Tà Kiến và Vô Minh tức là SH Si, SH Tham, SH Tà Kiến trở thành cảnh cho Phối. Nghĩa là Tứ Phối làm cảnh cho Pháp Phối hay Tứ Phối làm đối tượng cho Pháp Phối, hoặc nói gọn là Phối bị Phối biết.

Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng như vầy:

- Dục Phốilàm cảnh cho Dục Phối: đây là trường hợp dính kết trong dục lạc trước đây trở thành cảnh cho sự đắm nhiễm sau đó khởi sanh lên, dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Dục Phốisau sanh. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý).
- Dục Phốilàm cảnh cho Hữu Phối: là đang bị dính hợp trong Hữu Phốirồi lại bị thêm Dục Phốitác động. Như là vị đạo sĩ trong lúc dùng thần thông nhìn cảnh cung tần và Hoàng Hậu tắm mà khởi lên dục vọng nên đứt thiền hoại thông.
- Dục Phốilàm cảnh cho Tà Kiến Phối: tức là dựa vào sự tham chấp trong dục lạc mà khởi sanh lên tà kiến như chấp sự thỏa thích với ái dục này là ta, là của ta... Tức là sự dục lạc đã kết hợp, sanh khởi do tri kiến lệch lạc, thiếu phán xét, thiếu suy đoán, thiếu

sáng suốt nên khởi lên hiểu lầm chấp sai rồi tiếp tục bị dính mắc trong vọng tưởng sai lầm ấy.

- Dục Phốilàm cảnh cho Vô Minh Phối: do bị dính kết trong ái nhiễm, trong tham ái, trong mê luyến rồi trợ theo lối cảnh làm cho tâm bị mê mờ tăm tối, không biết pháp đáng biết, bị trầm nịch trong sự tối mê không nhận ra chân tướng bản chất Siêu Lý, đây gọi là Dục Phốilàm đối tượng cho Vô Minh Phối.

Hay là:

- Hữu Phốilàm cảnh cho Dục Phối: do bị dính mắc trong ái luyến và ưa thích ham muốn trong thiền, thông (ái nhập thiền) thì người Dục Giới Vui đắc thiền lấy cảnh Hữu Phốilàm đối tượng nên đây gọi là Hữu Phốilàm cảnh cho Dục Phối... Còn các vị Phạm Thiên Sắc và Vô Sắc khi không an trú trong thiền cũng khởi sanh Dục Phốivì các vị Phạm Thiên này nếu nói trên phương diện còn phàm hoặc thánh thấp là còn sử dụng các thứ tâm tham (tùy theo phàm, thánh) bởi căn gốc rễ luân chuyển trong luân hồi nhiều đời lắm kiếp, vị ấy vẫn còn Ái duyên Thủ.
- Hữu Phốilàm cảnh cho Hữu Phối: là sự ái luyến, dính kết của các vị phàm Tam Nhân đắc thiền, hoặc các Phạm Thiên đối với cảnh giới của Sắc và Vô Sắc, nay trở thành cảnh để sự Hữu Ái đó tiếp tục phát sanh. Hay nói cách khác, chấp sanh về các cõi mà nặng về ái luyến trên khía cạnh thiền thông (sanh hữu) tức là ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích sanh theo các cõi Vô Sắc Giới, ái hiệp với sự ưa thích nhập thiền, và ái hiệp với sự ưa thích chấp thân.
- Hữu Phốilàm cảnh cho Tà Kiến Phối: đó là khi phối hợp trong sự ái nhiễm thiền, thông... quá lâu mà khởi lên tà kiến, như cho là Sơ Thiền là Níp Bàn, Nhị Thiền là Níp Bàn, Tam Thiền là Níp Bàn, Tứ Thiền là Níp Bàn, Ngũ Thiền là Níp Bàn hoặc các vị Phạm Thiên này (phàm nhân) do sống quá lâu ở các cõi ấy nên hiểu sai, chấp lầm là trường tồn bất biến.
- Hữu Phốilàm cảnh cho Vô Minh Phối: đây là trường hợp đắm nhiễm trong cảnh thiền, thông, ưa thích nhập thiền, ưa thích chấp thân... đến mức mê mờ, tối tăm cho đây là trường tồn vĩnh cửu mà không nhận ra đến một giai đoạn nào đó rồi cũng sanh tử và tiếp tục luân chuyển trong Tam Giới. Chính sự không nhận ra này là Vô Minh Phối.

Hay là:

- Tà Kiến Phốilàm cảnh cho Dục Phối: do bị kết dính trong kiến thức sai lầm, cái biết bị lệch lạc, nên trợ cho tham dục sanh. Chẳng hạn như người tà kiến nặng rồi thích thú, trầm mê trong nhận định sai lầm của mình mà vẫn đắm nhiễm, hay là một chúng sanh như trời Đại Phạm Thiên tự cho mình là chủ tạo hóa (Tà Kiến Phối) mà khởi lên tham ái, tức là SH Tham làm nền tảng (Dục Phối).

- Tà Kiến Phốilàm cảnh cho Hữu Phối: Khi người Dục Giới Vui đắc Thiền hoặc là người Sắc Giới, Vô Sắc Giới (Hữu Phối) nhận định cái mà đang thành tựu đây, đặng được đây là thuộc về ta, của ta, trong ta..., tức là đang hưởng cảnh thiền hoặc đang ở cõi thiền tưởng là thường hằng, mà không hay biết rằng có sự sanh diệt đổi thay của pháp hữu vi, tức không nhận ra cái lý của biến đổi, cái lý của vòng vây thiêu đốt áp bức, cái lý của cái không thuộc về ta (Vô Thường, Khổ, Vô Ngã), trạng thái này là Tà Kiến Phốitrợ cho Hữu Phối, hay sự hiểu sai chấp lầm làm đối tượng cho Hữu Phốisanh.
- Tà Kiến Phốilàm cảnh cho Tà Kiến Phối: Do nết quen tà kiến của các đời trước, nay trợ bởi Thường Cận Y Duyên nên dễ phát sanh Tà kiến Phốitrong đời này. Nghĩa là những nhận định lệch lạc, sai lầm gặp dịp mà tri kiến không chịu chỉnh sửa nên giúp cho Tà kiến Phốisanh tiếp tục.
- Tà Kiến Phốilàm cảnh cho Vô Minh Phối: do nhận định sai lầm lệch lạc và chấp vọng tưởng có bản ngã nên phối hợp cho sự tăm tối không sáng suốt, tức là từ kiến thức sai lầm mà giúp cho Vô Minh Phốisanh.

Hay là:

- Vô Minh Phốilàm cảnh cho Dục Phối: đó là khi dính mắc trong sự mê tối rồi khởi lên thích thú, yêu mến, ái dục, đắm chìm trong pháp mà chỉ chấp chế định, không nhận ra được Uẩn, Xứ, Giới, Đế, do chìm trong ngũ uẩn và ngủ nghỉ theo Ngũ uẩn Thủ, không biết pháp đáng biết... Từ sự phối hợp này, phát sanh vọng tưởng có cái ta nên thương, ghét, giận, hờn... rồi ái chấp khởi lên một sự dính kết khác đó là Dục Phối.
- Vô Minh Phốilàm cảnh cho Hữu Phối: do bị kết dính trong pháp mê tối ví như chốt gài bị khóa chặt không mở được cánh cửa để thấy được ánh sáng, không có sự sáng suốt nhận ra thực tính pháp... nên khởi lên quan niệm muốn có đời sau, vì vậy Vô Minh Phốitrợ cho Hữu Phốilà vậy.
- Vô Minh Phốilàm cảnh cho Tà Kiến Phối: do bị nhốt quá lâu (nhiều đời lắm kiếp) hay là bị hợp dính trong sự mờ mịt, trầm mê, nên dễ dàng giúp cho những tri kiến sai lầm phát sanh. Hay nói cách khác, Vô Minh Phốitrợ cho Tà Kiến Phốilà sự dính kết, nhiễm đắm trong màn đêm tăm tối của pháp hữu vi, thiếu trí không nhận ra pháp bản chất thực tính, thực tướng nên nảy sanh những tri kiến lệch lạc như: đời là trường tồn bất biến hoặc chết là hết... và từ đó bị dính mắc trong mớ kiến thức hỗn độn này, nên đây gọi là Vô Minh Phốitrợ cho Tà Kiến Phối.
- Vô Minh Phốilàm cảnh cho Vô Minh Phối: do bị kết hợp trong trạng thái không biết, không thấy, không đắc chứng, không biết bằng cách thích hợp, không biết theo cách chân thật mà không thoát ra được do không có tri kiến, không gặp bậc hiền trí... nên

càng bị dính kết trong sự không thấu suốt, không tín theo lẽ phải, không quyết tín đàng hoàng.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phối Cảnh Phối: *Yoganiyā ceva dhammā no ca yogā*- Tất cả Pháp Cảnh Phối mà Phi Phối.

Ở đây, Đức Phật chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong Hiệp thế dù là Thiện, Bất thiện hay Vô ký cũng làm cảnh cho Phối.

- Trường hợp này đối với bản thân, khi làm việc phước thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm, nặng trong mong mỏi đời sau... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho Phối, mặc dù không phải là Phối.
- Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Phối sanh. Vì pháp bất thiện (ngoài pháp Phối) câu sanh chung với pháp Phối trong quá khứ khi diệt rồi sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp Phối trong hiện tại. Như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm Tham) thì làm cảnh cho Dục Phối. Còn mong mỏi đời sau hay Ái Nhập Thiền... (tâm Tham) thì cũng làm cảnh cho Hữu Phối. Còn khi chấp thủ tri kiến hoặc cống cao phách lối (chỉ cho Tâm Tham Tương Ưng, Tâm Tham Bất Tương Ưng) thì cũng làm dịp tốt cho các Phối sanh, nhất là Tà Kiến Phối. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm Sân) thì cũng trợ cho những Phối sanh như Vô Minh Phối chẳng hạn, vì không nhận rõ và thiếu sáng suốt không có cái ta để giận.
- Hoặc là những thành tựu (tâm quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Phối sanh như:
  - ⇨ Khi các kết quả bất thiện (Tâm Quả Bất thiện Vô Nhân) thì bị Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, khiến cho bị trầm nịch, dính chặt trong các Phối bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
  - ⇨ Còn Tậm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn, tà kiến hay bị vô minh. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận do nguồn gốc của si mê.

Những pháp trên Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô Ký là Thức uẩn; pháp câu sanh là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn, cho nên trong phần Chánh Tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 42: NHỊ ĐỀ PHỐI TƯƠNG ƯNG PHỐI

(YOGAYOGASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yogā ceva dhammā yoga sampayuttā ca - Tất cả Pháp Phối Tương Ưng Phối.*
- *Câu 2:Yoga sampayuttā ceva dhammā no ca yogā - Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phốiở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng Nhị Đề Lậu Tương ƯngLậu.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Phối Tương Ưng Phối*(Yogayogasampayuttaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là:Tất cả Pháp Phối Tương Ưng Phốivà Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối.

1. Tất cả Pháp Phối Tương Ưng Phối(*Yogā ceva dhammā yoga sampayuttā ca*): tức là pháp Phốihòa trộn với pháp Phối, nghĩa là Phốinày sanh trong đó có sự hòa trộn của Phốikhác như Dục Phối, Hữu Phối,trong đó có Vô Minh Phốivà Tà Kiến Phối, hay ngược lại.Khi Dục Phốisanh, trạng thái hợp dính trong sự mong mỏi, rất mong mỏi, quá mong mỏi, ái nhiễm trầm nịch, do trong đó không có sự sáng suốt, thiếu trí (Vô Minh Phối), những pháp này hiệp hòa cùng nhau...
2. Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối(*Yoga sampayuttā ceva dhammā no ca yogā*):tức là hòa trộn với Pháp Phốinhưng không phải là Pháp Phốilà chỉ cho phần tâm Bất thiện và pháp Câu Sanh. Như là Tâm Tham, Tâm Sân, Tâm Si sanh chung với 4 Phối(từng phần) vì Pháp Bản Thể của Phốilà SH Tham (Dục Phối), SH Tham phối hợp Tham Bất Tương Ưng... (Hữu Phối), SH Tà Kiến (Tà Kiến Phối), SH Si (Vô Minh Phối). Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Phốiở đây là chỉ cho trạng thái Tâm Bất thiện còn Pháp Phốilà chỉ cho Pháp Bản Thể của Pháp Phối(SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si).

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Phối và Tương Ưng Phốilà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp Tâm Sân và Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn: Hành uẩnlà Si, Tham, Tà Kiến

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là Si, Tham, Tà Kiến

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà Si, Tham, Tà Kiến

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSi, Tà Kiến
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Phối và Tương Ưng Phốilà Sở hữu Si, Tham và Tà Kiến (trừ Si hợp Tâm Sân và Si)

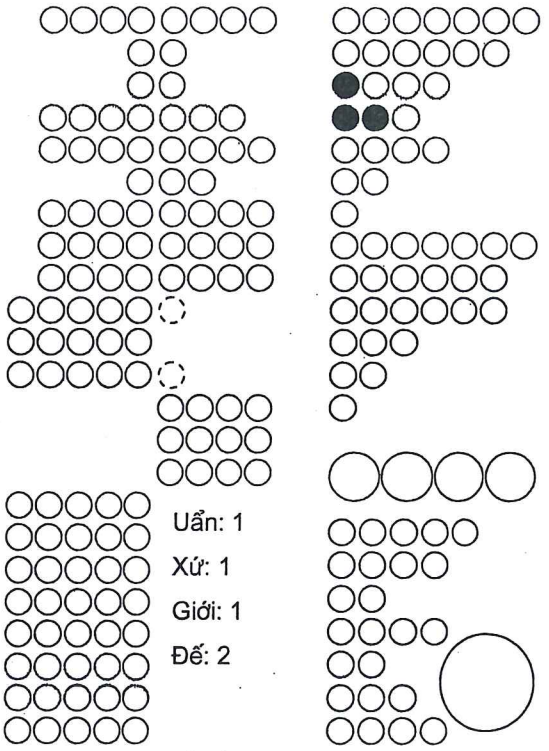

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Phối). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà22 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlà tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là24 SH hợp với tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Bất thiện
2. Pháp giớilà24 SH hợp với tâm Bất thiện

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm Bất thiện và 24 SHH

Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối là Pháp Bất Thiện (trừ 3 chi Pháp Phối)

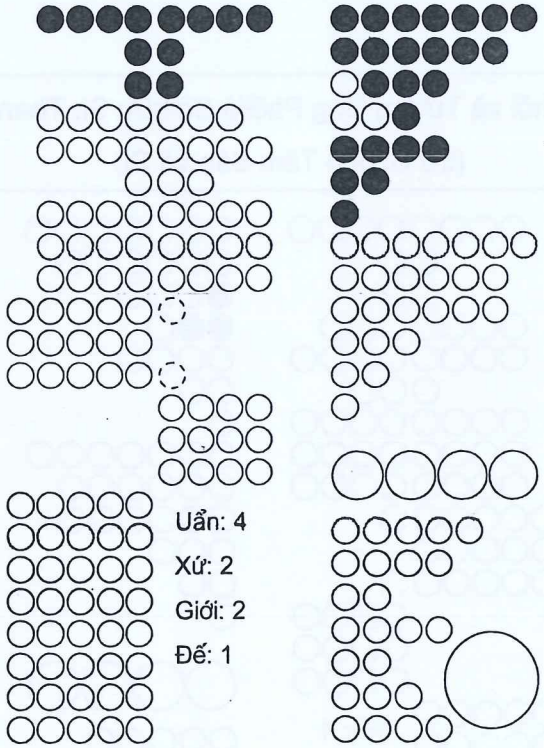

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Phối Tương Ưng Phối:*Yogā ceva dhammā yoga sampayuttā ca*- Tất cả Pháp Phối Tương Ưng Phối.

"Dục phối tương ưng với vô minh phối":nghĩa là Dục Phối hòa trộn, tương tác với Vô Minh Phối, trạng thái này bày hiện sự kết dính trong say mê đắm nhiễm cảnh, cuốn theo sự mê mờ tăm tối bao trùm nên không rời ra được ái nhiễm. Bởi vì khi SH Tham và SH Si câu sanh với nhau làm cho trạng thái trở thành cuồng loạn hơn do không nhận ra thực tính bản chất của pháp nên ái nhiễm , tăm tối càng thêm ái nhiễm ,tăm tối.

"Vô minh phối tương ưng với dục phối": nghĩa là Vô Minh Phối hòa trộn, tương tác với Dục Phối, do bị hợp dính trong sự tối mê, không nhận ra pháp đáng biết, chỉ nhận theo lối thường thức chế định và nghĩ về vọng tưởng cái ta và từ đó có ái nhiễm sanh tức là thương cái ta, mong mỏi cho cái ta được như thế này, đặng như thế kia, đây là Vô Minh Phối hòa trộn với Dục Phối, giống như người đi trong màn đêm tăm tối, không thấy nên có sự sờ soạng, tìm kiếm, mong mỏi nhưng không vượt thoát ra sự tối tăm ấy.

"Hữu phối tương ưng với vô minh phối": bởi do ham muốn, mong mỏi đời sau mà trong đó tác động bởi sự không hiểu biết pháp đáng biết nên mới có sự mong muốn đời sau hoặc ái

trong các tầng thiền, khởi sanh mong muốn mê mờ đi theo sự khổ luân hồi. Đây là sự hòa trộn của Hữu Phối với Vô Minh Phối.

"Vô minh phối tương ưng với hữu phối":đây chỉ sự hòa trộn của cách tối mê với ái trong đời sau, bởi không thấu suốt pháp chân tướng bản chất mà trong đó bị tác động bởi sự mong muốn có kiếp sống kế hoặc tham đắm với các cảnh giới thiền nên làm cho sự mê mờ tăm tối càng như chốt gài không thoát ra được.

"Tà kiến phối tương ưng với vô minh phối": nghĩa là tri kiến sai lầm hòa trộn cùng sự mê tối, tức do hiểu sai chấp lầm về bản chất các pháp và bị tác động bởi trạng thái mờ mịt, không thấu đáo, không sáng suốt nên càng làm các tri kiến sai lầm này thêm sâu đậm rồi bị dính kết trong hoang vu kiến, thiên kiến…

"Vô minh phối tương ưng với tà kiến phối": tức là sự hòa trộn giữa cái không biết rõ, khờ khạo, mê luyến, trầm mê với sự thấy sai biết lầm, nghĩa là bởi không biết rõ mà bị tác động của các cách biết sai nên càng làm cho tri kiến lệch lạc, nhận sai, chấp lầm bị kết chặt cùng với trạng thái tối tăm, không tỏ rõ, thiển trí, mê mờ. Đó là sự hòa trộn của Vô Minh Phối với Tà Kiến Phối.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phối hiệp với pháp phối.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Phối Tương Ưng Phối:(*Yoga sampayuttā ceva dhammā no ca yogā*- Tất cả Pháp Tương ƯngPhối mà Phi Phối.

Nói về chi pháp bản chất thì Tất cả Pháp Tương Ưng Phối mà Phi Phối là chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiện và các SH câu sanh:

- Vì khi Tâm Tham sanh phải có sự hòa trộn của SH Tham, SH Tà Kiến, SH Si. Vì do tác động của 3 pháp bản chất này làm cho Tâm không sáng suốt (Si) nên sự ái nhiễm đắm chìm, căn gốc là SH Tham. Hay nói cách khác, Pháp Tương Ưng Phối mà phát sanh đặng phải nhờ vào căn, gốc, rễ của Pháp Phối mới đủ sức phát sanh như trường hợp vừa nêu trên. Khi Tâm Tham Tương Ưng Kiến khởi, ngoài lý do đã nêu còn phải bị tác động mạnh bởi pháp bản chất Tà Kiến, tức là Tà Kiến sẽ hòa trộn với trạng thái ham muốn đắm nhiễm…
- Hay như khi Tâm Sân sanh khởi, cũng nhờ vào các pháp bản chất câu sanh tương ưng trong đó có Si (Vô Minh Phối) tác động mạnh làm căn gốc bất thiện. Vì Si làm cho trạng thái Tâm Sân lúc đó không nhận ra cái ta là không có, rồi vọng tưởng có cái ngã mà cho rằng tôi buồn, người ấy làm tôi giận…
- Hoặc như trường hợp Tâm Si phát sanh mà có 2 trạng thái lưỡng lự – phân vân, tán loạn – lao chao, cũng bị tác động từ SH Si tức Vô Minh Phối. Hay nói cách khác, 2 trạng thái hiện bày Hoài Nghi và Điệu Cử khởi sanh do từ căn Bất thiện Si, tác động mạnh làm cho

các pháp câu sanh chung phải tối tăm mê mờ trước cảnh rồi đâm ra nghi nan, nghi hoặc hay là tán loạn, lao chao.

⇨ Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là sáng suốt, thông thấu (Trí Tuệ) trước cảnh, nhận định pháp một cách đúng đắn, rõ ràng... thì không có sự nghi nan, nghi hoặc, nghi chuyên, tức không có Hoài Nghi.

⇨ Nếu trạng thái khi tâm khởi sanh là rõ thấu, gạn lọc, trạch pháp... (Trí Tuệ) thì không bị tác động bởi cảnh chi phối mà lao chao, mà tán loạn, tức không có Điệu Cử.

Như vậy, ta thấy tác động của Si ở đây là nói về Vô Minh Phối làm cho trạng thái tâm phải bị bấn loạn, không trụ yên, hoài nghi nên đối lập với Si tức là Trí Tuệ, hay đối lập với Vô Minh là Chánh Kiến. Mà một khi bị Si phối hợp hay tương ưng mà không đủ sức bật ra thì bị kết dính (Phối). Tóm lại những trạng thái pháp Tương Ưng với Phối được trình bày trên cho thấy một khi không có sự khai đoan mở mối, lướt tới (Chánh Tinh Tấn), sáng suốt (Chánh Kiến, Vô Si), Chánh Niệm thì khó ngăn chặn hoặc vượt thoát qua được các pháp kết hợp là Dục Phối, Hữu Phối, Tà Kiến Phối và Vô Minh Phối.

NHỊ ĐỀ THỨ 43: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHỐI CẢNH PHỐI

(YOGAVIPPAYUTTAYOGANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Yogavippayuttā kho pana dhammā yoganiyā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phối.*
- *Câu 2:Yogavippayuttā kho pana dhammā ayoganiyā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối và Phi Cảnh Phối.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*, phần Chùm Phốiở câu 747, Phật Ngài có tóm tắt như sau:

* *Chư pháp phối trong khi có ra sao?...*

Nhị Đề này trùng Nhị Đề Bất Tương ƯngLậu CảnhLậu.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Phối Cảnh Phối*(Yogavippayuttayoganiyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phối và Tất cả PhápBất Tương Ưng Phối và Phi Cảnh Phối.

1. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phối (*Yogavippayuttā kho pana dhammā yoganiyā pi*):tức là các pháp không hòa trộn với phối nhưng làm cảnh cho phối, đây chỉ cho pháp bản chất là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối và Phi Cảnh Phối(*Yogavippayuttā kho pana dhammā ayoganiyā pi*): là các trạng thái không hòa trộn với phối mà cũng không bị pháp phối bắt làm cảnh, đây chỉ cho pháp bản chất là Pháp Siêu Thế.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phốilà Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Thiện và Vô ký hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Thiện và Vô ký hiệp thế

4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Thiện, Vô ký hiệp thế và Si hiệptâm Si
5. Thức uẩnlà tâm Thiện và Vô ký hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứ là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Thiện và Vô ký hiệp thế
12. Pháp Xứ là38SH(hợp với Tâm Thiện, Vô Ký Hiệp Thế), Si hiệp Tâm Si và Sắc tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giới là sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làđôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới làđôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới làđôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới làđôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà tâm Thiện và Vô ký hiệp thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà38SH (hợp với tâm thiện và Vô ký Hiệp thế), Si hiệp Tâm Si và Sắc tế

– Đếđặng1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp, tâm Thiện, Vô ký hiệp thế,38SHHvàSi hiệp Tâm Si

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phối là Pháp Hiệp Thế (trừ Pháp Bất Thiện ngoài ra Si hợp Tâm Si)

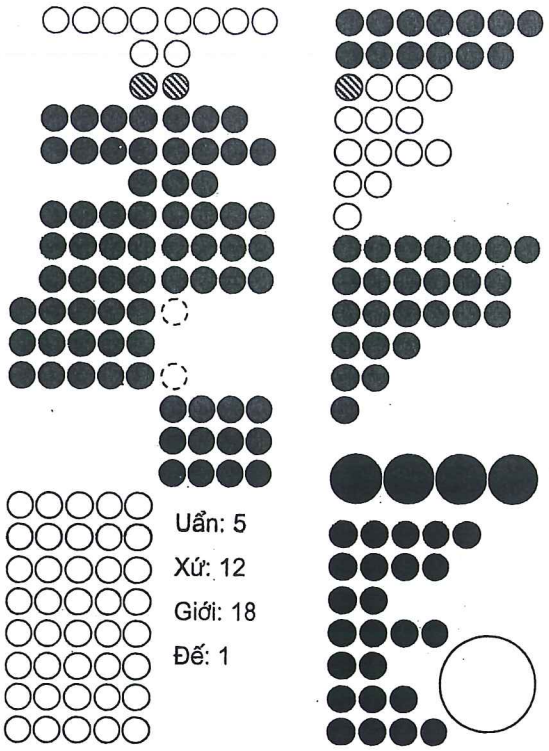

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phốivà Phi Cảnh Phốilà Pháp Siêu Thế. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩnlà34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩnlà tâm Siêu thế

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36SH hợp với tâm Siêu thế và Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế là Níp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối và Phi Cảnh Phốilà Pháp Siêu Thế

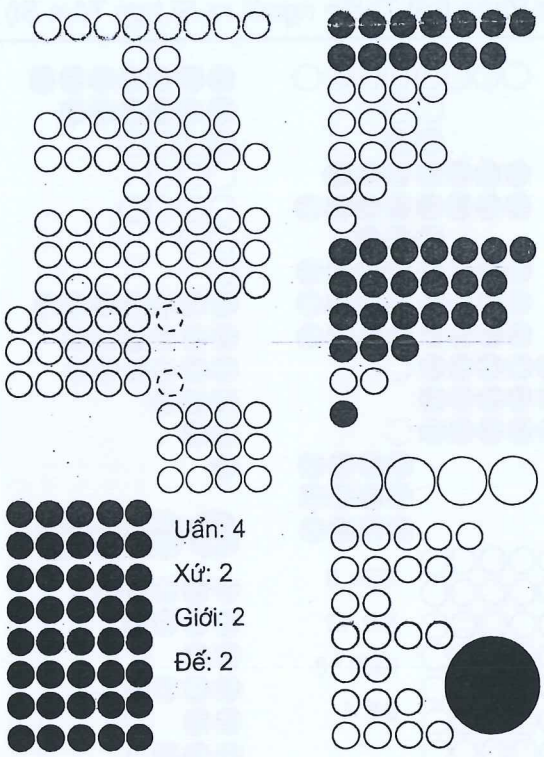

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Phối Cảnh Phối: *Yogavippayuttā kho pana dhammā yoganiyā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối mà Cảnh Phối.

"Những pháp nào bất tương ưng với pháp phối mà còn bị phối biết":Tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Dục Phối, Hữu Phối, Tà Kiến Phối và Vô Minh Phối nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Phối biết.

"như là pháp thiện":Đây chỉ chocác thứ tâm Đại Thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo Đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Phối sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Phối. Tuy nhiên, các pháp này vẫn có thể bị pháp Phối lấy làm đối tượng để biết như là người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác...

"pháp bất thiện":Đây chỉ cho SH Si hiệp tâm Si. Vì khi SH Si sanh trong Tâm Si Hoài Nghi hoặc Tâm Si Điệu Cử thì không có hòa trộn cùng SH Tham (Dục Phối, Hữu Phối) hay SH Tà Kiến (Tà Kiến Phối) và cũng không hòa trộn cùng Vô Minh Phối vì SH Si đã chính là chi pháp bản chất của Vô Minh Phối rồi. SH Si có tính chất lôi cuốn, nhốt vào trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Phối sanh như là Vô Minh Phối làm cảnh cho Dục Phối, Vô Minh Phối làm cảnh cho Hữu Phối, Vô Minh Phối làm cảnh cho Tà Kiến Phối, và Vô Minh Phối làm cảnh cho Vô Minh Phối.

"và pháp vô ký":Tức là 32 Tâm Quả Hiệp thế, Đại Tố, Tố Đáo Đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp

- Các Tâm Quả Hiệp thế là các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Phối nhưng cũng có thể làm cảnh cho Phối bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị cuốn hút, dính kết, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...
- Cho đến các Tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Phối nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh phiền não.
- Sắc pháp là vô tri vô giác nên không hòa trộn cùng pháp Phối nhưng đây cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân Thức, cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các phiền não, trong đó có Tham (Dục Phối, Hữu Phối), Tà Kiến (Tà Kiến Phối) và Si (Vô Minh Phối).

"nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới": Các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị phối hợp, dính trong luân hồi khổ.

"tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn":Ở đây, Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp bất tương ưng phối mà Cảnh Phối theo lối Ngũ Thủ Uẩn rồi từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly Phối mà cảnh Phối (Yogavippayuttā kho pana dhammā yoganiyā pi).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Phối Cảnh Phối:*Yogavippayuttā kho pana dhammā ayoganiyā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Phối và Phi Cảnh Phối.

1. Tại sao Đạo Siêu thế là bất tương ưng Phốivà phi cảnh Phối?

Đạo siêu thế hay tâm Thiện siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang sát trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc,nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nổ bật các pháp Phối, nên rõ ràng không thể hòa trộn với pháp đối nghịch (Phối), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các triền phược phiền não, lậu hoặc nên không bị Phối và các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu.Như vậy, Đạo là pháp bất tương ưng Phối đồng thời cũng phi cảnh Phối do đặc tánh và tính chất đặc biệt, như vừa trình bày trên.

2. Tại sao Quả Siêu thế là bất tương ưng phối và Phi cảnh Phối?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái dính kết, cuốn trôi, sôi nổi, nóng nảy không còn đối với Quả Siêu thế, đã nhổ bật các dính mắc, chướng ngại ... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Phối) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các Phốibắt làm cảnh được. Nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Phốivà phi cảnh Phốilà vậy.

3. Tại sao Vô Vi Giới làBất tương ưng phối và Phi cảnh Phối?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên là pháp Bất tương ưng phốivà Phi Cảnh Phối.

BÀI 15: PHẦN TỤ (CHÙM) CÁI

(NĪVARAṆAGOCCHAKA)

Cái (*Nīvaraṇa*) là pháp làm cho chúng sanh bị che ngăn với pháp Thiện, hay là cấm ngăn sự tốt đẹp không cho sanh ra, nhất là Thiền v.v... Hay nói cách khác, pháp Cái ngăn che trạng thái vượt thoát... nên chúng sanh bị luân chuyển trong tam giới. Pháp Cái có 6 trạng thái là:

1. Dục dục cái (*Kāmacchandanīvaraṇa*) là ham muốn, nhiễm đắm ngũ dục, che ngăn sự tốt v.v...
2. Sân độc cái (*Byāpādanīvaraṇa*) là nóng giận, hung dữ, che ngăn sự tốt v.v...
3. Hôn thùy cái (*Thīnamiddhanīvaraṇa*) là lười biếng, buồn ngủ, che ngăn trở ngại tu tiến.
4. Điệu hối cái (*Uddhaccakukkuccanīvaraṇa*) là tán loạn, hối hận, che ngăn trở ngại tu tiến.
5. Hoài nghi cái (*Vicikicchānīvaraṇa*) là còn nghi, không quyết tin thì trở ngại tu tiến.
6. Vô minh cái (*Avijjānīvaraṇa*) là thiếu hiểu biết theo pháp Siêu Lý như là: Uẩn, Xứ... cũng chặn đứng sự tu tuệ, vì cứ chấp theo thường thức là chế định.

Pháp Cái được quy tụ thành chùm có 6 đầu đề như sau:

1. Nhị đề Cái (*Nīvaraṇaduka*)
2. Nhị đề Cảnh Cái (*Nīvaraṇaniyaduka*)
3. Nhị đề Tương Ưng Cái (*Nīvaraṇasampayuttaduka*)
4. Nhị đề Cái Cảnh Cái (*Nīvaraṇanīvaraṇiyaduka*)
5. Nhị đề Cái Tương Ưng Cái (Nīvaraṇa nīvaraṇa sampayuttaduka)
6. Nhị đề Bất Tương Ưng Cái Cảnh Cái (*Nīvaraṇa vippayutta nīvaraniyaduka*)

Chúng ta sẽ tìm hiểu và phân giải từng phần các đầu đề ấy như sau:

NHỊ ĐỀ THỨ 44: NHỊ ĐỀ CÁI

(NĪVARAṆADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dự)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇādhammā - Tất cả Pháp Cái.*
- *Câu 2:No nīvaraṇādhammā - Tất cả Pháp Phi Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka),ở* câu 748-755 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp Cái và Tất cả Pháp Phi Cái *(Nīvaraṇā dhammā, No nīvaraṇādhammā),*gọi là Nhị Đề Cáinhư sau:

** Câu 748.Chư pháp cái trong khi có ra sao?*

Lục cái tức là: Dục dục cái, sân độc cái, hôn trầm thùy miên cái, trạo hối cái, hoài nghi cái và vô minh cái.

** Câu 749.Trong những pháp cái đó mà dục dục cái ra sao ?*

Những nào là dâm dục, thích dục lạc, ái dục lạc, hí hởn, ái dục tình, liên đới dục lạc, kích thích dục lạc, hôn mê dục lạc, nồng nả dục lạc. Những chơn tướng nầy gọi là dục dục cái.

** Câu 750.Sân độc cái trong khi có ra sao?*

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho người thương của ta hư hại, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho người thương của ta hư hại.

Thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đã làm lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy đang làm cho lợi ích đến người mà ta ghét, thù hận sát hại do nghĩ rằng người nầy sẽ làm cho lợi ích đến người mà ta ghét.

Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sân như là: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại, sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ. Như thế gọi là sân độc cái.

** Câu 751.Hôn trầm thùy miên cái trong khi có ra sao?*

Hôn trầm thùy miên cái chia ra: hôn trầm là 1 và thùy miên là 1.

** Trong 2 thứ nầy mà hôn trầm trong khi có ra sao?*

Sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không thích hợp việc làm của tâm, sự chần chừ, sự lùi sụt, sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, trạng thái buồn ngủ, sự bần thần, dã dượi, cách dã dượi, bần thần, thái độ bần thần dã dượi, sự uể oải, cách uể oải, thái độ uể oải. Những trạng thái như thế gọi là hôn trầm.

** Thùy miên trong khi có ra sao?*

Sự không khéo hòa trộn của danh thân, cách không thích hợp với công việc của danh thân, sự chụp đậy, sự bao trùm, sự che lấp phần trong, sự dã dượi bần thần, thái độ dã dượi bần thần, cách dã dượi bần thần, sự buồn ngủ, cách ngáp ngủ, trạng thái ngáp ngủ, sự ngủ gục, cách ngủ gục, trạng thái ngủ gục. Những trạng thái như thế gọi là thùy miên.

Hôn trầm và thùy miên chung lại gọi là hôn trầm thùy miên cái.

* *Câu 752.Trạo hối cái trong khi có ra sao?*

Trạo hối đây chia ra điệu cử là 1 và hối hận là 1.

* *Trong 2 thứ nầy mà điệu cử như thế nào?*

Sự tán loạn của tâm, sự không vắng lặng của tâm, sự sôi nổi của tâm, sự rối loạn của tâm, sự lộn xộn của tâm. Những cách như thế gọi là điệu cử.

* *Hối hận trong khi có ra sao?*

Sự đáng cho rằng không đáng, sự không đáng cho rằng đáng, sự có lỗi cho rằng không lỗi, sự không lỗi cho rằng có lỗi, cách chú trọng, sự chú trọng, thái độ chú trọng, cách nóng nảy, sự động tâm. Những trạng thái như thế gọi là hối hận.

Điệu cử và hối hận kêu chung lại là điệu hối cái.

* *Câu 753. Hoài nghi cái trong khi có ra sao?*

Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng, hoài nghi điều học, hoài nghi quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ vị lai, hoài nghi pháp y tương sinh là pháp y tương sinh có phải do nhờ duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?

Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, sự xét thấy lạ lùng, khác biệt, sự quyết đoán cảnh không đặng, sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một, sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát, sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh. Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi cái.

* *Câu 754.Vô minh cái trong khi có ra sao?*

Sự không biết khổ, sự không biết khổ tập, sự không biết khổ diệt, sự không biết thực hành đường đến diệt khổ, sự không biết phần quá khứ, sự không biết phần vị lai, sự không biết phần quá khứ và vị lai, sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra, sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tín theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện. Những trạng thái như thế gọi là vô minh cái.

Những chơn tướng nầy gọi là pháp cái (nīvaraṇā dhammā).

* *Câu 755.Chư pháp phi cái trong khi có ra sao?*

Trừ ra pháp cái rồi còn lại pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới và siêu thế tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cái.

II. THÍCH TỪ

- Cái: nghĩa là che, trùm; đậy; hại; bưng bít... Theo Pāḷi, Cái (*Nīvaraṇa*) có nghĩa là che ngăn, có Pāḷi chú giải như vầy: Cấm ngăn sự tốt đẹp, không cho sanh ra nhất là Thiền v.v... tức là Lục Cái *(Jhānadikaṃ Nivārentīti = Nīvaraṇāni).*

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cái*(Nīvaraṇaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là:Tất cả Pháp Cáivà Tất cả Pháp Phi Cái.

1. Tất cả Pháp Cái(*Nīvaraṇā dhammā*) là những trạng thái che ngăn pháp Thiện nhất là Thiền, Thông, Đạo quả. Vì Thiền, Thông, Đạo quả khi tu tập đến giai đoạn phát sanh thường bị pháp Cái bưng bít, ngăn, che... làm trở ngại sự chứng đắc chi Thiền, hoại thông và Đạo quả cũng gặp trở ngại hoặc lui sụt vì bị pháp Cái này cấm ngăn sự tốt đẹp phát sanh tức không cho sanh ra. Pháp ngăn che này có 6 trạng thái là:
   - Dục dục cái (*Kāmacchandanīvaraṇa*): có pháp bản chất là SH Tham câu sanh với SH Dục và một số trạng thái khác thuộc về Tợ tha và Bất thiện mà phát sanh chung trong 8 thứ tâm Tham, để phát huy vai trò cho sự thương yêu, ham muốn thêm đậm đạp tức là cách ham muốn, sự ham muốn, rất ham muốn... mà phối hợp với tâm Tham làm cho trạng thái Pháp trở thành tham ác, hay sự mong muốn, rất mong muốn ấy làm trở ngại và che ngăn không cho pháp Thiện phát sanh.
   - Sân độc cái (*Byāpādanīvaraṇa*): có pháp bản chất là SH Sân câu hành với 2 thứ tâm Sân và các pháp khác, mà làm cho pháp sanh chung trở nên nóng nảy, hung dữ... với tính chất thiêu đốt, sôi nổi làm cho pháp câu sanh bị héo tàn, cằn cỗi khó lòng phát triển các pháp yên tịnh, tốt đẹp,vì vậy mà Sân độc cái là pháp che ngăn sự tốt không cho sanh tức làm cản trở cho tâm Đại thiện, Thiện đáo đại và Thiện siêu thế sanh khởi.
   - Hôn thùy cái (*Thīnamiddhanīvaraṇa*): có trạng thái là chặn đứng cần tiến, tiến tới, không thích hợp với việc làm... mà pháp bản chất là 2 SH Hôn trầm và Thụy miên câu hành với 5 thứ tâm Bất thiện hữu dẫn và các pháp câu sanh khác. Vì có trạng thái làm lui sụt các pháp câu sanh, do thiếu tinh tấn, khai đoan mở mối cho tâm, chăm sóc Tâm... nên đây là pháp che ngăn sự tốt đẹp của các cách hành Thiện nhất là về việc tu tiến quán nghiệp xứ.
   - Điệu hối cái (*Uddhaccakukkuccanīvaraṇa*): khi có trạng thái không yên tịnh và bực bội, tức tối với sự việc đã qua... thì làm cho pháp Thiện không có dịp để sanh ra, mà bản chất của pháp này là SH Điệu cử và SH Hối hận (Điệu cử câu hành với 12 thứ tâm Bất thiện, Hối hận câu hành với 2 thứ tâm Sân) và các pháp câu sanh khác, vì 2 trạng thái vừa nêu trở thành chi pháp Cái ngăn che, chặn bít, cản ngăn sự tốt, Thiền, Thông, Đạo và Quả. Nói một cách khác, điệu hối cái là kết hợp của 2 trạng thái không yên tịnh,

không trụ yên và cách Tâm nóng nảy, sự động tâm... do sanh từ Hối mà trở thành chi pháp Cái.

- Hoài nghi cái (*Vicikicchānīvaraṇa*): có pháp bản chất là SH Hoài nghi câu hành với Tâm Si hoài nghi cùng các pháp câu sanh khác, biểu lộ với trạng thái nghi nan, cách hoài nghi, tư cách nghi... vì với những cách nghi như thế (hoài nghi Tam bảo, hoài nghi Tam học, hoài nghi quá khứ, hoài nghi vị lai, hoài nghi hiện tại và hoài nghi Liên quan tương sinh) nên làm cho pháp câu sanh rơi vào trạng thái phân vân, lưỡng lự, mà khi phân vân, lưỡng lự thì không thể tập trung hoặc không tha thiết trong cách làm thiện như Thập phúc hành tông, Thập Độ, Pháp quán v.v...Vì vậy Hoài nghi Cái cũng là chi pháp che ngăn.
- Vô minh cái (*Avijjānīvaraṇa*): là sự che ngăn theo cách làm cho pháp câu sanh bị tối tăm, mờ mịt, không nhận ra con đường đi đúng đắn, tức là không nhận ra thế nào là Chánh Kiến, thế nào là Chánh Tầm v.v... hay là làm cho Pháp câu sanh với nó gây nên trở ngại cho pháp tu tiến bằng vào lối thiếu sáng suốt, thiếu trạch pháp... Vô Minh Cái có pháp bản chất là SH Si câu hành với 12 thứ Tâm Bất thiện cùng các pháp câu sanh khác.

2. Tất cả Pháp Phi Cái (*No nīvaraṇādhammā*) là những trạng thái không phải là pháp có bản chất ngăn che dù Thiện, Bất thiện hay Vô ký. Đây là chỉ bày những pháp siêu lý mà ngoài ra pháp Cái (SH Tham, Sân, Si, Điệu cử, Hối hận, Hôn trầm, Thụy miên, Hoài nghi).
   - Tại sao pháp Bất thiện (ngoài pháp Cái) là pháp nằm trong pháp Phi Cái, trong khi pháp Bất thiện ấy lại được pháp Cái phối hợp, tương ưng, câu sanh? Vì khi tâm phát sanh mà có SH Bất thiện phối hợp... thì tâm ấy gọi là tâm Bất thiện, trong phần SH Bất thiện phối hợp đó có trạng thái là che ngăn, cản trở (Cái). Xét vấn đề này thì pháp Cái phối hợp với tâm Bất thiện cùng pháp câu sanh khác, nên tâm Bất thiện, SHH ngoài chi pháp Cái gọi là phi Cái bởi vì các trạng thái này không phải là bản chất pháp Cái vì bản chất pháp Cái chỉ có SH Tham, Sân, Si, Điệu cử, Hối hận, Hôn trầm, Thụy miên và Hoài nghi.
   - Còn pháp Thiện thì tất nhiên rồi, là pháp đối lập với pháp Cái nên gọi pháp Phi Cái là hợp lý. Xét thấy pháp Thiện là cách mở trong sáng, yên tịnh... như là hành động cố quyết trong sự tốt cho đến Thiền, Thông, Đạo, Quả. Còn pháp Cái là cách đóng, che ngăn, cản trở như là những hành động tạo dịp cho đi xuống khổ thú, như biểu hiện của hành vi hiện tại bằng thân, khẩu, ý ác để che ngăn sự tốt, cách lành v.v...
   - Riêng về pháp Vô ký gọi là phi Cái bởi vì những trạng thái của pháp này là phát sanh thành tựu và cách làm chỉ là làm. Còn pháp Cái là pháp nhân, cản trở sự tốt... được

coi như điều kiện gây ra, còn Vô ký là biểu hiện kết quả... cho nên pháp Vô ký là phi Cái vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cái là Sở hữu Tham, Sân, Si, Điêu Hối, Hôn Trầm, Thụy Miên và Hoài Nghi. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành uẩnlà SH Tham, Sân, Si, Điệu Cử, Hối Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên và Hoài Nghi

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là SH Tham, Sân, Si, Điệu Cử, Hối Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên và Hoài Nghi

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà SH Tham, Sân, Si, Điệu Cử, Hối Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên và Hoài Nghi

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là SH Sân, Si, Điệu Cử, Hối Hận, Hôn Trầm, Thụy Miên và Hoài Nghi
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cáilà SH Tham, Sân, Si, Điệu cử,hối hận, Hôn trầm, Thụy miên và Hoài nghi

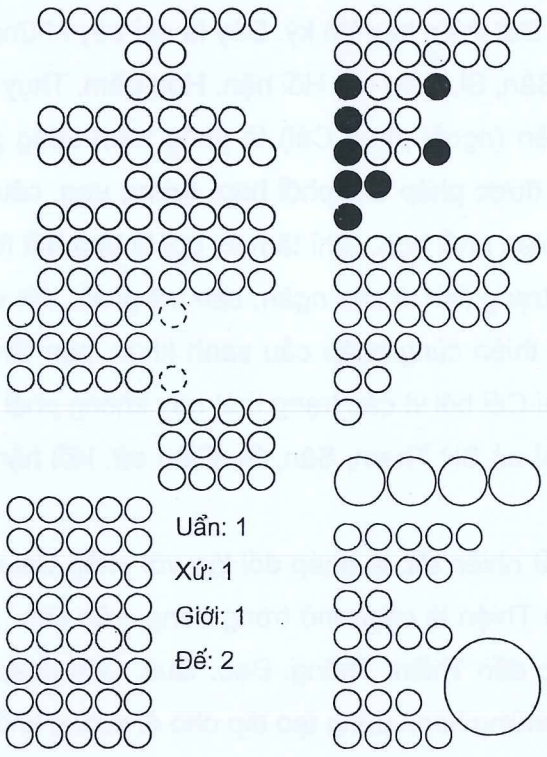

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cái là Pháp Siêu Lý (trừ 8 chi Pháp Cái). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với Tâm
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với Tâm
4. Hành uẩnlà42 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm
5. Thức uẩnlàTâm

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm
12. Pháp Xứ là44SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12.Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13.Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14.Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15.Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17.Ý thức giớilà108 tâm (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18.Pháp giớilà44SH hợp với Tâm, Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 44SHH (đã trừ8 chi pháp cái)
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cáilà Pháp Siêu Lý (trừ 8 chi Pháp Cái)

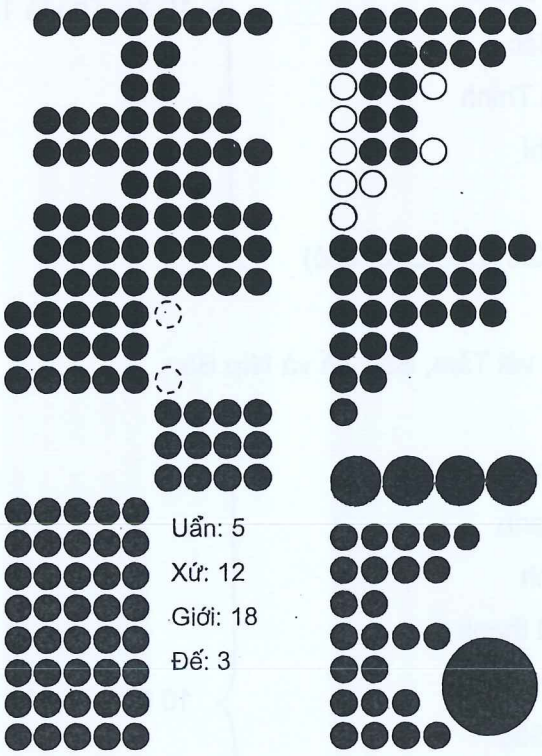

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cái:*Nīvaraṇādhammā*- Tất cả Pháp Cái.

Nói theo Chánh Tạng thì Phật Ngài có dạy: khi Dục Dục Cái (*Kāmacchandanīvaraṇa*) phát sanh thì biểu hiện phơi bày với những trạng thái như sau:

"Những nào là dâm dục": Dâm nghĩa là quá, phàm cái gì quá lắm đều gọi là dâm; mê hoặc cũng là dâm; tà cũng là dâm tức sai, quấy, không ngay thẳng. Dục là muốn, mong mỏi, thích ý, vừa lòng. Như vậy, dâm dục là cách muốn, sự mong mỏi quá đáng trong 6 cảnh nhất là sắc dục... Những nào là dâm dục, ý ở đây là chỉ bày sự phát sanh một trạng thái ham muốn, thương yêu một cách đậm đạp quá đáng trong ngũ dục hoặc sự lục dục quá thẳn thúc, cột cảnh mà ái nhiễm nặng nề.

"thích dục lạc, ái dục lạc":Thích là muốn, ý muốn đạt cho được (dục), lạc ở đây là lạc thú, lạc tính, tính nết cuồng nhiệt trong khoái cảm thương yêu, còn ái là yêu, mến ; nhiễm là nhiễm vật dục. Như vậy, thích dục lạc, ái dục lạc là lòng ham muốn, yêu thương, nhiễm vật dục tức là khi sắc, thinh, khí, vị, xúc, pháp hiện đến mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và tâm thì dục lạc, sự ưa thích nhiễm cảnh sẽ sinh ra.

"hí hởn":chỉ cho trạng thái ham muốn, rất ham muốn, ưa thích một cách cuồng nhiệt đối với vật dục.

"ái dục tình":Tình là biểu lộ sự thương, sự yêu, sự nhiễm, cách đắm đuối qua lục nhập ngoại đối chiếu với lục nhập nội gây nên trạng thái ái dục tình tức là cách muốn thỏa mãn về sắc đẹp, tiếng hay, mùi thơm, vị ngon, xúc tốt...

"liên đới dục lạc":Liên là liền, nối, yêu, hợp nhau, xích lại tợ như dây xích có những mắc nối với nhau ... đây là chỉ cho trạng thái nối tiếp sự ưa thích vật dục của các đời quá khứ nối với đời hiện tại và liền với đời vị lai, hay là giữa tâm ham muốn này trợ cho tâm ham muốn khác phát sanh và tâm ham muốn khác khi phát sanh lại trợ tiếp cho tâm ham muốn khác phát sanh nữa, cứ thế như một mắc xích nối tiếp nhau nên gọi là liên đới dục lạc.

"kích thích dục lạc":Kích là chạm, chạm biết, đụng, ưa thích chạm đụng trên khía cạnh của vật dục. Đây là chỉ bày trạng thái mong mỏi, ưa thích, cảm nhận vật dục qua sự chạm, đụng mà sanh từ ý xúc.

"hôn mê dục lạc":Hôn là tối, tối tăm, lờ mờ. Mê là lầm mê, sai lạc, lờ mờ. Như vậy, hôn mê dục lạc là trạng thái bị đắm đuối trong vật dục mà khó lòng bứt phá ra bởi sự lui sụt của Tâm trước 6 cảnh như là hôn mê trong cảnh sắc, hôn mê trong cảnh thinh, hôn mê trong cảnh khí, hôn mê trong cảnh vị, hôn mê trong cảnh xúc và hôn mê trong cảnh pháp, gom chung lại do sự ưa mến, ham muốn 6 cảnh lục dục.

"nồng nả dục lạc":Nồng là nồng nàn, nồng nhiệt, đây là tính chất như dạng đậm đặc; nả là nhiều. Như vậy, nồng nả dục lạc là sự tham muốn, rất tham muốn, thương yêu, rất thương

yêu trong vật dục một cách đậm đạp, quá mức, như vật bị lôi cuốn bằng một lực quá mạnh thì nồng nả dục lạc cũng với trạng thái lôi cuốn, ngâm chìm, tràn ngập, xâm hại, phối dính, cột siết trong cảnh vật dục, dục lạc của đời (*Loka*).

*Những chơn tướng nầy gọi là dục dục cái.*Tức là ham muốn, nhiễm đắm ngũ dục che ngăn sự tốt v.v...

* Sân độc cái(*Byāpādanīvaraṇa*) trong khi có ra sao?Sân Độc Cái được Đức Phật Ngài giảng dạy như là:

"Thù hận sát hại do nghĩ rằng": nghĩa là còn trong phạm vi của Lậu (Āsava), nên dễ dàng cho bất thiện pháp sanh khởi khi bị xâm hại đến. Lúc bị xâm hại đến sẽ phát sanh ý nghĩ thù hận sát hại do bản chất của Sân khuấy động. Hay nói cách khác, trạng thái ngâm chìm chúng sanh là điều kiện tác động đến Sân độc Cái và cũng từ tánh nết quen sân, không suy xét cao siêu, thiếu sự học hiểu và thường gặp cảnh không tốt.

"người nầy đã làm cho ta hư hại": do từ vọng tưởng nghĩ đến có cái ta nên khi ai đụng chạm đến đều nghĩ rằng mình bị thiệt thòi, bị bầm dập do sự mắng nhiếc hoặc đánh đập của người khác, rồi đưa đến sự hư hại cho ta, vì vậy đây là một phần trạng thái của pháp Cái.

"Đã" tức là do phiền não luân hồi mà thành tiền khiên nên chúng sanh thường suy nghĩ, thường cố chấp, vọng tưởng ở khía cạnh buồn, giận là do mãnh lực duyên thường cận y cùng với các mãnh lực duyên câu sanh khác... nên khi Tâm phát sanh thường bị dính vào pháp Cái, vì luôn nghĩ đến việc cũ đã qua hay là nhớ cái trước đây mà đã từng bị sân hận lôi cuốn, cuốn hút, vì vậy nên có sự tư duy, nghĩ rằng người này, người kia đã thù hận sát hại...

"người nầy đã làm cho người thương của ta hư hại":nghĩa là cũng từ quan niệm trên mà chúng sanh bị che ngăn trong thiện pháp, vì bị cột vào cái gọi là người thương yêu của mình, nên khi ai đụng tới thì khởi sanh lòng thù hận, tâm oán ghét...

"người nầy đã làm lợi ích đến người mà ta ghét":nghĩa là người mà ta ghét tất nhiên lúc nào ta cũng muốn người ấy gặp nhiều đau khổ, nhưng lòng bất toại nguyện khi người ấy lại được hạnh phúc do người khác đem đến. Hay nói cách khác, người mà ta ghét thì không bao giờ ta mong cho người đó có đời sống an lạc , lợi lành; mà chỉ mong người ấy phải oằn oại gánh lấy những khổ đau nhất của thế gian để cho thỏa dạ, tức vừa lòng cái ta. Vì vậy, khi không theo ý muốn thì đâm ra oán hận đối với người giúp cho người mà ta đã ghét.

Do vậy, Phật Ngài đúc kết Sân độc cái là một trạng thái che ngăn bằng cách đốt nóng sắc trái tim và làm hư hoại trí tuệ, chỏ nên thể hiện qua các cách nghĩ ngợi và hành động như vầy:*"Hay là thù hận phát sanh ra đặng với nguyên do tâm oán, sự giận hờn, xích mích, oán giận, tức tưởi, bồn chồn, sân, nghĩ cách ám hại, quyết ám hại, bực tức, lối ám hại, tâm giận, thái độ giận, trạng thái có sự sânnhư là: Những sự ám hại, cách ám hại, thái độ ám hại,*

sự mưu hại, cách mưu hại, thái độ mưu hại, sự giận, sự oán giận, sự hung dữ, ác khẩu, những sự tâm không hoan hỷ.Như thế gọi là sân độc cái."

Lưu ý: Trên đây là cách thể hiện lòng oán hận, cách oán thù đã xảy ra (quá khứ). Riêng khi phát sanh trong giai đoạn hiện tại (đang) hoặc nghĩ ngợi đến vị lai (sẽ) thì được Phật giải thích là đang hay sẽ, mà các ý nghĩa và nghĩa lý cũng tương tự như vậy, chỉ khác về thời gian mà thôi.

Những chơn tướng thực tính này là Sân độc Cái tức sự nóng giận, hung dữ che ngăn sự tốt v.v....

* *Hôn trầm thùy miên (Thīnamiddhanīvaraṇa) cái trong khi có ra sao?*

Theo Chánh tạng phân ra 2 trạng thái, nhưng nay gom chung Hôn trầm và Thùy miên để giải, với mục đích thấy sự liên kết giữa 2 pháp làm lui sụt, không cần tiến của TâmBất thiện (vì 2 thực tính này bất định đi chung):

"Sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không thích hợp việc làm của tâm": nghĩa là Tâm không tương ưng với những trạng thái thực tính làm cho tĩnh, khắng khít, áp sát, dán áp cả 2 mặt Thiện và Bất thiện như là: Bất thiện thì những loại Tâm vô dẫn không có 2 SH này (Hôn trầm và Thùy miên) vì trong lúc bắt cảnh có tính chất đậm đạp như quá tham, quá sân hay quá tán loạn... Còn Thiện, khi Tâm phát sanh có thành phần tịnh hảo làm nền tảng, làm sở sanh, nên đẩy lui được sự dã dượi, sự biếng nhác, bần thần, sần sượng của Tâm nên Tâm Thiện không bao giờ có 2 loại thực tính Hôn trầm và Thùy miên.

"sự chần chừ, sự lùi sụt, sự buồn ngủ, cách buồn ngủ, trạng thái buồn ngủ":tức là nói trạng thái Tâm bị tác động khi biết cảnh mà có 2 loại SH Hôn trầm Thùy miên phối hợp làm cho Tâm Bất thiện ấy (hữu dẫn) không quyết đoán, đắn đo, lưỡng lự, không làm ngay hay có sự chuyển động về phía sau, đây chỉ về hiện tượng pháp thực tính của Hôn trầm, Thùy miên làm cho Tâm rơi vào ngoại lộ (tức là ngủ - Hộ kiếp hay Hữu phần).

"sự bần thần, dã dượi, cách dã dượi, bần thần, thái độ bần thần dã dượi": đây là cách thể hiện của 2 pháp Thực tính Hôn trầm và Thùy miên khi kết hợp với Tâm Bất thiện hữu dẫn, gây ảnh hưởng cho Tâm bằng cách chìm xuống, không thích hợp với công việc hiện tại, hay sự chặn đứng cần tiến rồi dần dần đi vào Hộ kiếp (Hữu phần). Cách thể hiện của nhóm Hôn phần này là tạo cho Tâm bắt cảnh không đặng tươi tỉnh do sự mỏi mệt, băn khoăn lo nghĩ, không có sự linh hoạt khiến Tâm rơi vào trạng thái muốn ngủ và đi đến ngủ (hạn chế lộ trình Tâm cho đến khi rơi vào Hộ kiếp).

"sự uể oải, cách uể oải, thái độ uể oải": đây là hành vi, việc làm, cách thức của thực tính Hôn phần khi hòa với Tâm Bất thiện hữu dẫn, lúc ấy có sự hiện bày vẻ chậm chạp, mệt mỏi, chán chường, gây ra lười biếng đưa đến buồn ngủ làm che khuất các sự tốt...

Những chơn tướng thực tính này gọi là Hôn thùy Cái tức lười biếng, buồn ngủ che ngăn, trở ngại tu tiến.

* Điệu hối (tức là Điệu cử và hối hận) cái(*Uddhaccakukkuccanīvaraṇa*) trong khi có ra sao?Điệu hối đây chia ra điệu cử là 1 và hối hận là 1.

** Trong 2 thứ nầy mà điệu cử như thế nào?*

"Sự tán loạn của tâm": tức là việc làm của cái biết mà không có sự yên tịnh do sự quấy nhiễu của pháp sanh chung là Điệu cử bởi vì pháp thực tính Điệu Cử (*Uddhaccacetasika*) có nghĩa là cách thay đổi từ vị trí này sang vị trí khác, không ở yên một chỗ làm tâm bị xao lãng, phóng túng, bấn loạn, hay nói cách khác là cách thay đổi cảnh liên tục làm tâm lăng xăng, không vắng lặng nên che ngăn, không cho tiếp xúc với pháp tốt nên trạng thái này gọi là Điệu cử cái.

"sự không vắng lặng của tâm" tức là sự không vắng vẻ, yên lặng, đây chỉ cho sự không yên tịnh của trạng thái biết, cũng là nguyên nhân làm cho Tâm không yên như nước lay động vì gió thổi, hay bụi bay bởi bị đá ném vào, cho nên khó tập trung trong cách Thiện vì thiếu Định và Niệm...

"sự sôi nổi của tâm": sự sôi nổi đây ám chỉ cho sự nhộn nhịp, dâng lên mạnh mẽ của pháp câu sanh mà không yên trụ, không vững vàng nên dễ bị cuốn theo cảnh và cũng do sự cuốn theo ấy nên dễ bị chi phối cách này, sự kia trên phương diện Bất thiện mà nguyên nhân chính là sự dao động liên tục nổi lên.

"sự rối loạn của tâm, sự lộn xộn của tâm": sự rối loạn đây chỉ cho cách không yên lặng, loạn động chỗ này qua chỗ khác. Còn sự lộn xộn là cách không theo thứ lớp, trật tự, ngăn nắp... đây chỉ chung cho thực tính Điệu cử mà làm cho Tâm bị xao lãng, bất cẩn, không vững vàng, từ đó Tâm không yên tịnh dẫn đến dễ bị lôi cuốn vào các việc ác như Tham ác, Sân ác và Tà kiến ác.

Những cách như thế gọi là điệu cử.

** Hối hận trong khi có ra sao?*

"Sự đáng cho rằng không đáng": như là các việc Thiện, sự tốt đáng làm nhưng lại không làm, rồi sau đó phát sanh sự tiếc rẻ, sự hối tiếc...

"sự không đáng cho rằng đáng": đáng ở đây nghĩa là tương xứng, xứng đáng, ví như không nên tham ái, đắm nhiễm, không đáng bị cột dính vào các bất tịnh nhưng lại lao vào ôm cứng các thể trược đó rồi hối hận việc không đáng làm mà đã làm.

"sự có lỗi cho rằng không lỗi":chẳng hạn như phạm giới hay làm các việc ác khác thì là Bất thiện (vì trong Bấtthiện có một nghĩa là có lỗi) nhưng người ấy cho rằng việc làm đó là bình thường, như câu nói "Vật dưỡng nhân" vì không hiểu giết vật là mang nghiệp sát mà khi mang nghiệp sát thì sẽ bị nghiệp quả là chết yểu hay bệnh tật trong đời này và các đời sau.Vì

họ không hiểu rằng thú vật như gà, vịt, heo, bò... cũng là một dạng chúng sanh, người cũng là một dạng chúng sanh, nhưng vật tức bàng sanh là do trước đây gây nghiệp ác: sát sanh, trộm cướp... nên mang nghiệp đọa xứ tái tục làm bàng sanh v.v...

"sự không lỗi cho rằng có lỗi":là ngược lại với ý trên như việc Bố thí, Trì giới... là những việc không có lỗi, nên làm nhưng lại nghĩ rằng có lỗi và không nên làm. Tức là những người không nhận ra tội phước, nhân quả nên thường có quan niệm như trên vì nghĩ rằng sanh ra là để hưởng thụ, có mặt trên thế gian này là pháp tự nhiên mà không nghĩ rằng làm người là việc rất khó, phải tạo được nhiều phước đức mới thành tựu đặng.

"cách chú trọng, sự chú trọng, thái độ chú trọng, cách nóng nảy, sự động tâm": đây là cách chỉ bày sự chú tâm, để ý đến sự việc, sự vật như là sự xấu đã làm, cách tốt không đặng làm rồi phát sanh cách hối, sự hận bởi giật mình vì đã làm điều gì bậy, cách gì sai, việc gì xấu... Hay nói cách khác, tiếc rẻ tội đã làm mà phước không đặng làm với trạng thái bực bội, tức tối sự việc đã qua rồi khởi sanh tâm ân hận...

Những trạng thái như thế gọi là hối hận.

Như vậy, một khi Tâm tán loạn cộng thêm sự bứt rứt, tiếc rẻ, làm cho Tâm rộn ràng sẽ phát sanh Điệu cử và hối hận, nên cách yên, sự tịnh, lòng mát mẻ không có, vắng bặt, bị im dìm, bị làm cho điêu tàn, làm cho thật điêu tàn, làm cho bị khô héo , rất khô héo và rốt cuộc đã làm cho xa lìa cách Thiện, việc tốt do dẫn dắt từ Ác nghiệp đã làm và Thiện nghiệp không đặng làm nên gọi là Điệu hối cái ; tức là cách che ngăn, như là sự nô lệ vậy.

Điệu cử và hối hận gọi chung là Điệu hối cái,nghĩa là tán loạn, hối hận che ngăn tu tiến.

** Hoài nghi cái trong khi có ra sao?*

"Hoài nghi Phật, Pháp, Tăng": là sự ngờ vực, không tin Tam Bảo với trạng thái không có sự quyết đoán bởi biểu hiện sự do dự, xao lãng, không tin chắc đối với nhân vật và sự việc, làm che ngăn pháp tiến hóa, giải thoát (Đạo – Quả - Níp Bàn). Đối với sự hoài nghi về Tam Bảo là then chốt làm cho cánh cửa đức tin bị đóng chặt do thiếu sự tư duy, suy nghĩ, thẩm tấn mà với tính cách không có sự dò xét, gìn giữ cho Tâm khẳng khít đối với cảnh đáng tin qua các điều pháp như sau:

- Hoài nghi Phật có 5 điều:
  - Hoài nghi Đức Phật có đắc chứng nhất thế chủng trí chăng?
  - Hoài nghi hào quang của Phật sáng thấu chỗ khuất được chăng?
  - Hoài nghi hào quang 6 màu của Phật khi suy xét Bộ Paṭṭhāna (Bộ Vị trí)?
  - Hoài nghi song thông của Phật hiện trên cây xoài để hàng phục ngoại giáo, rồi ngự lên Đạo Lợi thuyết Tạng Diệu Pháp vào hạ thứ 7 có phải vậy chăng?
  - Hoài nghi cách diệt Vô minh bằng trí sáng suốt của Ngài có phải chăng?

- Hoài nghi Pháp có 4 điều:
  - Hoài nghi bốn bậc Tâm Đạo có thật đúng như vậy chăng?
  - Hoài nghi bốn bậc Tâm Quả có thật đúng như vậy chăng?
  - Hoài nghi Níp Bàn phải là vắng lặng dứt tuyệt khổ phải chăng?
  - Hoài nghi Pháp học Tam Tạng 84.000 Pháp uẩn như thế có phải chăng?
- Hoài nghi Tăng có 2 điều:
  - Hoài nghi Thánh Tăng chẳng biết thật có đệ tử Phật đắcQuả chăng?
  - Hoài nghi Phàm với cách tứ bạch yết ma, chư Tăng chơn truyền đồng nhận chịu bằng cách nín thinh thì vị ấy đắc Tỳ khưu phải chăng?

"hoài nghi điều học":tức là hoài nghi Tam học (Giới học, Định học và Tuệ học), sự hoài nghi này làm lung lay, biến chuyển tri kiến đối với các điều như sau:

1. Hoài nghi Giới như thế có phải ngăn trừ ác xấu phải chăng?
2. Hoài nghi Định (Pháp tịnh) có phải dùng tâm yên tịnh tiến hóa chăng?
3. Hoài nghi Tuệ có phải tỏ ngộ, đắc chứng đến Đạo Quả, diệt trừ phiền não dứt nhân khổ phải chăng?

"hoài nghi quá khứ, vị lai, luôn cả quá khứ vị lai":hay còn gọi hoài nghi Tam thế. Đây là bản chất khi phát sanh, che ngăn với pháp tiến hóa bằng cách luôn đánh dấu hỏi về quá khứ, về vị lai và trong hiện tại. Cách thể hiện làm lung lay, biến chuyển, đưa đến không thể quyết đoán, thiếu dứt khoát, làm trở ngại che ngăn sự lướt qua khỏi pháp mờ mịt, bị bao trùm nhiều lớp thành người không vượt đặng. Hoài nghi Tam thế được thể hiện theo các điều như sau:

1. Hoài nghi Quá khứ có 5 điều:
   - Nghi rằng đời trước ta có phải chăng?
   - Đời trước ta có hay không có?
   - Đời trước ta có ra như thế nào?
   - Đời trước ta có mà như thế nào kìa?
   - Đời trước ta ra sao và thay đổi ra sao?
2. Hoài nghi Vị lai có 5 điều:
   - Đời tới ta sẽ ra sao?
   - Đời sau ta không có phải chăng?
   - Đời sau nếu có ta sẽ thế nào?
   - Đời tới làm sao ta có đặng?
   - Đời sau ta thế nào, rồi sẽ ra sao?
3. Hoài nghi Hiện tại có 5 điều:
   - Đây là ta phải chăng?
   - Đây thành ra ta phải chăng?

- Ta đây như thế nào?
- Ta đây thành ra như thế nào?
- Chúng sanh có do từ đâu?

"hoài nghi pháp y tương sinh (Liên quan tương sinh - *Paṭiccasamuppāda*) là pháp y tương sinh có phải do nhờ duyên trợ tạo mới sanh ra chăng?":do tính chất và bản thể của hoài nghi là nghi nan ; nghi hoặc tức thiếu dứt khoát, đưa đến cách lưỡng lự, phân vân, cách lừng chừng, thái độ lừng chừng, rồi có sự nhận thấy thành 2 khía cạnh làm cho sự sần sượng của Tâm, sự tràn lan của tánh gây trở ngại vượt qua đến đáo bỉ ngạn. Hay nói cách khác, hoài nghi gây tác hại đến sự tiến hóa và tăng trưởng trong pháp Thiện bởi tác ý không khéo, từ sự nghi ngờ về 11 cách nương cậy, nhờ nhau (theo lối Liên quan tương sinh) như sau:

1. Chúng sanh già chết phải do sự sanh ra phải chăng?
2. Tái tục (đầu thai) phải do nghiệp hậu hữu chăng?
3. Nghiệp hậu hữu có phải do sự thủ chấp cứng chăng?
4. Thủ có phải do tham ái chăng?
5. Ái có phải do sự thọ hưởng chăng?
6. Thọ có phải do sự xúc chạm chăng?
7. Xúc có phải do lục nhập chăng?
8. Lục nhập có phải do nhờ danh sắc chăng?
9. Danh sắc có phải do nhờ thức chăng?
10. Thức tái tục có pháp hành trợ giúp chăng?
11. Pháp hành phát sanh có phải do nhờ vô minh hay chăng?

Trong phần Chánh tạng (Bộ *Dhammasaṅginī*, trang 109), Phật Ngài diễn tả Hoài nghi hay Hoài nghi Cái theo các ngôn từ như sau:

"Cách lừng chừng, thái độ lừng chừng": tức là sự do dự, không dứt khoát. Đây chỉ cho trạng thái của thực tính hoài nghi khi câu sanh với Tâm hay phối hợp với Tâm thì làm cho Tâm ấy trở nên lưỡng lự, chần chừ trước sự việc mà không quyết đoán được chi.

"sự xét thấy lạ lùng, khác biệt":nghĩa là với tính cách bất ngờ, rất khác thường, đến mức khó hiểu làm cho phải ngạc nhiên. Ở đây ám chỉ cho không rõ thấu sự việc, không từng biết cách thức như là Khổ - Tập - Diệt - Đạo hoặc Uẩn - Xứ - Giới - Đế nên đâm ra hoài nghi, bởi vì trước đây chưa từng biết nay mới đặng nghe, tất nhiên lấy làm lạ mà không đặng được giải thích nên hoài nghi phát sanh.

"sự quyết đoán cảnh không đặng":tức là thiếu sự dứt khoát, do dự trước cảnh bởi không nhận rõ đối tượng là như thế nào: Thiện, Bất thiện hay Vô ký. Hay là do không rõ thấu, thiếu sáng suốt, chưa từng học hỏi với các bậc hiền trí nên khi đối diện với cảnh thì thiếu lập trường dứt khoát, như là việc đáng làm thì không làm, còn chuyện không đáng làm lại làm.

"sự nhận thấy thành hai khía cạnh, sự nhận thấy như đường rẽ hai, sự không quyết một":sự nhận thấy thành hai khía cạnh như cho đời là không thường tồn (không nhân không quả - đoạn kiến) nên có làm hay không làm thì cũng vậy. Mỗi sự việc trước khi làm thì khởi sanh sự do dự giống như đường rẽ hai, tức là không biết đi đường nào cũng như hành động Thiện là tốt cũng đắn đo, chần chừ, ngập ngừng có nên làm hay không, vì lúc đó cho ra của cải vật chất có phần thiệt thòi về bản thânhay khi kềm giữ bản thân trước sự cám dỗ của dục lạc...

"sự tính vớ vẩn, suy xét lừng chừng, sự không thể dứt khoát":khi khởi sanh cách vớ vẩn là biểu hiệnsự suy tính, nghĩ ngợi những việc không hợp lý, không thiết thực như: đối với việc cần phải yên trong giới, tâm phải tịnh thì trí phát sanh, nhưng trái lại, không cả quyết theo đường lối trình tự như thế mà đi ngay vào phần tịnh tâm rồi bị vọng động nên đâm ra hoài nghi. Do tâm yên phải từ giới trong sạch, và khi tâm đã yên thì trí mới phát. Khi lưỡng lự trước một sự việc thì trở nên lừng chừng, thiếu cả quyết, đem đến kết quả xấu do cách che, sự ngăn, từ sự nghi ngờ này mà không tiến bước, lướt qua khỏi hoài nghi ấy. Hay nói cách khác, trên phương diện vượt thoát khỏi, tức thoát khỏi hoài nghi thì không nên lừng chừng, thiếu cả quyết trước những pháp Thiện mà hãy lao vào thực hiện những pháp tốt ấy do đó mới đặng thành người thoát khỏi hoài nghi.

"sự sần sượng của tâm, sự tràn lan của tánh":đây là hình ảnh nói về trạng thái Tâm và Sở Hữu một khi có hoài nghi phối hợp, vì lúc ấy hoài nghi sẽ làm cho Tâm trở nên sần sượng tức là Tâm như bị chai cứng lại, thô kệch, không được tốt đẹp. Song song đó, những pháp câu sanh (tánh) tức Sở Hữu khác cũng bị ảnh hưởng, khuấy động bằng cách tràn lan, liên miên theo lối bệnh hoạn, không khôn khéo, có lỗi trong sự nghi chuyên.

Những trạng thái như thế gọi là hoài nghi cái tức còn nghi, không quyết tin thì trở ngại tu tiến.

** Vô minh cái trong khi có ra sao?*

Đây là chỉ cho trạng thái, cách hiện bày thiếu hiểu biết theo pháp siêu lý như Uẩn, Xứ... Phận sự của Vô minh cái là chặn đứng sự tu tuệ, vì cứ chấp mà theo thường thức chế định đưa đến thành tựu che khuất bản thể chân tướng, mà từ nguyên nhân phải có pháp Lậu.

1. *"Sự không biết khổ"*:tức là bất tri Khổ đế (*Dukkhe añāṇaṃ*), được Đức Phật giải thích trong Bộ Phân tích (*Vibhaṅga*) trang 73, từ câu 145-157, phần Đế phân tích như sau:

"Sự không biết khổ là trạng thái mê mờ, tăm tối không nhận ra bản thể thật của pháp hữu vi trên phương diện "Khổ" nghĩa là không sáng suốt nhận ra các điều như sau:

Khổ thánh đế đó ra sao?Sanh khổ, già khổ, tử khổ, sầu, khóc, khổ, ưu, ai, ái biệt ly khổ, oán tăng hội khổ, cầu bất đắc khổ, tóm tắt ngũ thủ uẩn khổ.

Sanh đó ra sao?Sự sanh, cách sanh hoàn toàn, thái độ lướt xuống sanh ra riêng biệt, sự hiện bày của uẩn, sự đặng xứ, trong mỗi chúng sanh, của những chúng sanh. Dù thế nào đây gọi là sanh.

Lão đó ra sao?Sự già cả, cách cũ kỹ, sự răng rụng, cách tóc bạc, sự da nhăn, sự bớt thọ, cách chín mùi của thân thể trong mỗi chúng sanh, của mỗi chúng sanh. Dù như như thế nào đây gọi là lão.

Tử đó ra sao?Sự biến đổi, trạng thái di động, sự hư hoại, cách tiêu mất, tử vong, sự chết, sự quá vãng, sự tan rã uẩn, sự bỏ xác, dứt mạng sống lìa mỗi chúng sanh, của những chúng sanh đó như thế nào, đây gọi là tử.

Sầu đó ra sao?Sự buồn bực, thái độ buồn bực, trạng thái buồn bực, sự sầu não, sự đốt lòng, sự buồn xo, sự khổ, cách héo bên trong của những người khi gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế. Đây gọi là sầu.

Khóc đó ra sao?Sự khóc lóc, sự khóc than, thái độ khóc, thái độ khóc than, trạng thái khóc, trạng thái khóc than, sự kêu oan, sự loạn ngữ, sự thút thít, sự ấm ức, thái độ ấm ức, trạng thái tức tưởi của người gặp lúc thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dầu gặp một cách nào hay bị một nhân khổ nào, đây gọi là khóc.

Khổ đó ra sao?Sự không vui thích thân, sự khổ thân, sự hưởng cảnh không thích hợp thành khổ sanh từ thân xúc, thái độ hưởng cảnh không vui sướng thành khổ sanh từ thân xúc, dù thế nào đây gọi là khổ.

Ưu đó ra sao?Sự không vui tâm, sự khổ tâm, sự hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ sanh từ ý xúc, thái độ hưởng cảnh không vui vẻ thành khổ tâm sanh từ ý xúc, dù như thế nào đây gọi là ưu.

Ai đó ra sao?Sự thương thảm, cách thương thảm, trạng thái thương tiếc, cách thương tiếc của người gặp thân tộc điêu tàn, tài sản điêu tàn, tật bệnh điêu tàn, giới điêu tàn, tri kiến điêu tàn, dù gặp trong cách nào hay bị một nhân khổ nào như thế, đây gọi là ai.

Oán tăng hội khổ đó ra sao?Sự đi chung, sự đến chung, sự ở chung, sự hội hiệp với trường hợp không ưa thích, không yêu chuộng, lối không vừa lòng của trong đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc gặp những người tính sẽ tàn hại, tính sẽ phá lợi, tính sẽ phá sự an vui, sự sẽ làm ra tai nạn từ nơi hội hợp với họ như thế, đây gọi là oán tăng hội khổ.

Ái biệt ly khổ đó ra sao?Sự không đặng đi chung, không đặng đến chung, không đặng ở chung, không đặng hội hợp nhau với cảnh thích, thương yêu, vừa lòng của đời như là sắc, thinh, khí, vị, xúc hoặc đối với người yêu chuộng từ nơi sự tiến hóa, yêu chuộng với sự lợi ích, yêu chuộng với sự an vui, yêu chuộng với sự kính mến, mà ta bị xa lìa họ như là cha, mẹ, anh, chị, em, bậu bạn, quan hầu cận và bà con thân thích như thế, đây gọi là ái biệt ly khổ.

Cầu bất đắc khổ đó ra sao?Lẽ thường sự sanh ra đối với tất cả chúng sanh còn sanh nữa dĩ nhiên không thể khỏi, dù chúng ta muốn khỏi sanh nữa cũng chẳng đặng hay muốn sự sanh đừng đến cho chúng ta điều nầy không bao giờ đặng, như thế gọi là cầu bất đắc khổ.
Lẽ thường, sự già cả đối với chúng sanh ai cũng chẳng muốn... nên mong rằng, sự già cả, đau đớn... cho đến sự chết chóc của chúng sanh... hay sự sầu, sự khóc lóc, sự khổ, sự ưu khổ, sự ai, sự oán tăng hội khổ, sự biệt ly khổ vẫn đến cho tất cả chúng sanh dù mong mỏi cho đừng có như thế, điều nầy không như ý nguyện. Như thế gọi là cầu bất đắc khổ.
Tóm tắtngũ thủ uẩn đó ra sao?Sắc thủ uẩn, thọ thủ uẩn, tưởng thủ uẩn, hành thủ uẩn, thức thủ uẩn, đây tóm tắt gọi là ngũ thủ uẩn thành khổ.

Những chơn tướng nầy gọi là khổ thánh đế. Ngoài ra, Đức Thế Tôn Ngài còn giải thích thêm Khổ đế hay Khổ Thánh đế theo Vô Tỷ Pháp, Bộ Phân Tích(trang 78, câu 173):
"Khổ đó ra sao?Tất cả sắc pháp và pháp thành tố (kiriyā) tư thiện, tư bất thiện, quả nghiệp trong đời và tất cả pháp thiện, cả ba nhân thiện thuộc về cảnh lậu với phiền não, luôn với bất thiện ngoài ra tham, như thế gọi là khổ."

Tại sao "Sắc pháp và Pháp thành tố" là Khổ đế?

Do tính chất tiêu hoại đổi thay, sự không thường, không bền vững của Sắc pháp hay nói theo chế định là những vật chất luôn thay đổi đưa đến già nua, cũ kỹ, hư hao, tiêu rụi... rồi đến cái chết (tức là diệt – hoại – vô thường), phá chặn sự tươi tốt củaSắc pháp;đó là thực tính, sự thật của khổ hay Khổ đế. Còn nói về Siêu lý, đây là trạng thái tiêu hoại đổi thay của Sắc thực tính - tích trữ, thừa kế, lão mại, vô thường (sắc tứ tướng) làm cho 4 đại: đất, nước, lửa, gió và các sắc y sinh khác cũng chịu chung sanh diệt, đổi thay, tạm thời và trái với trường tồn, tức là nêu bày chơn tướng bản thể Khổ đế.

Còn pháp thành tố là những trạng thái chỉ chung cho những hành động làm chỉ làm chứ không do những mãnh lực đã tạo và cũng chẳng để lại những chủng tử tạo tâm khác, tỷ như: hướng đạo gặp việc làm ngay rồi cứ đi luôn, nào quan tâm tiền công. Tuy nhiên pháp thành tố vẫn còn phát sanh trong đời nên vẫn bị chi phối, tác động của Pháp hữu vi trên khía cạnh Tâm quả và sắc nghiệp nên vẫn bị ảnh hưởng khổ. Nói cách khác, Pháp thành tố bao gồm Tố Vô nhân, Đại tố và Tố đáo đại. Tố vô nhân chỉ cho 3 loại tâm: Khai ngũ, Khai ý và Tiếu sinh; Khai ngũ và Khai ý phàm tánh vẫn xài đặng nên khổ là điều tất nhiên, riêng Tâm Tiếu sinh, Đại Tố và Tố Đáo Đại chỉ cho bậc La Hán nhưng chưa Níp Bàn nghĩa là còn lại Uẩn tức Tâm Quả và Sắc nghiệp chưa dứt hết (còn dư sót) nên phiền não quá khứ, Nghiệp Quả gặp dịp phát sanh nên các bậc ấy vẫn phải gánh chịu sự chi phối của đời nghĩa là còn hiệp trong đời, mà hiệp trong đời tức là còn Khổ vậy. Bậc này chỉ dứt hẳn khi Vô dư Níp Bàn, không còn Uẩn tức Tâm quả và sắc nghiệp đều diệt hết.

Tại sao "tư thiện, tư bất thiện, quả nghiệp trong đời" là Khổ đế?

Tư là một phần trong khối nhóm hoạt động của hành uẩn vì Tư là sắp xếp, điều hành, đề đốc pháp câu sanh, tập hợp, sắp đặt cho Pháp câu sanh. Ở đây nói theo khía cạnh khác, Tư có thể được xem như đời vì khi Tư hợp với Thiện hay Bất thiện thì để lại Quả và sắc nghiệp, mà để lại Tâm Quả và Sắc nghiệp tức để lại chủng tử tái tục (có đời sau, đời sau sau nữa). Hay nói cách khác, Tư Bất thiện là Tâm Quả do nghiệp dị thời duyên bất thiện tạo, đây cũng là chủng tử bất thiện, mà chánh là ảnh hưởng của SH Tư hợp với Tâm bất thiện diệt rồi, nhưng còn tợ hạt giống gặp dịp phát sanh ra Tâm Quả Bất thiện, tức thành tựu do nơi nghiệp bất thiện gọi là Tư bất thiện. Cũng vậy, Tư thiện tạo ra Tâm quả thiện là do nghiệp đại thiện điều hành, cũng tợ ý nghĩa trên nhưng nói trên phương diện Thiện vì Thiện cũng là nhân sanh tử, mà còn sanh tử là còn sầu, khóc, khổ, ưu, ai mà còn sầu, khóc khổ, ưu, ai là còn khổ nên đây vẫn là khổ đế.

"và tất cả pháp thiện, cả ba nhân thiện thuộc về cảnh lậu với phiền não, luôn với bất thiện ngoài ra tham" tại sao là Khổ đế?

Ở đây, Phật Ngài nhấn mạnh pháp Thiện cũng nằm trong khổ đế, mặc dù trạng thái thiện là pháp tốt lành nhưng vẫn bị trợ từ Vô minh, Vô minh trợ cho Phúc hành hay Vô minh trợ cho Bất động hành; mà khi Vô minh trợ cho Hành là thuộc nhân quá khứ tạo ra quả hiện tại (nói cho đầy đủ: 5 nhân quá khứ tạo ra quả hiện tại: vô minh, hành, ái, thủ, hữu) mà quả hiện tại - thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thọ là cách tạo ra đời mới mà có đời mới là có hứng chịu sự biến hoại đổi thay... luôn đến nóng nảy, chịu không đặng, phần chứa sự chịu không đặng, trái nghịch với sự vui nên Pháp Thiện cũng mang tính chất khổ hay khổ đế là vậy.

2. "***sự không biết khổ tập***" tức là bất tri Tập đế (*Dukkhasamudaye añāṇaṃ*): đây là chỉ cho trạng thái nguyên nhân sanh ra khổ tức là sự thúc đẩy hay mầm móng bằng cách "thương yêu ,ham muốn " gây nên sự ái nhiễm dính mắc rồi từ đó phát sanh ra các sự khổ như là Sanh, Lão, Bệnh, Tử, Sầu, Khóc, Khổ,Ưu, Ai...mà Phật đã dạy như vầy: "*Trong Tứ Đế mà Khổ Tập đó ra sao? Ái dục (taṅhā) gọi là Khổ tập*".

Khi Ái phát sanh là chia theo cảnh hay đối tượng:

1. **Ái cảnh sắc** là sự ưa thích nhiễm đắm Sắc. Chú giải: Ưa hay nhiễm cảnh Sắc gọi là Ái Sắc.
2. **Ái cảnh Thinh** là ưa thích nhiễm các thứ tiếng. Chú giải: Ưa hay nhiễm cảnh thinh gọi là Ái cảnh Thinh.
3. **Ái cảnh Khí** là sự ưa thích nhiễm đắm các thứ mùi. Chú giải: Ưa hay nhiễm các thứ mùi, gọi là Ái cảnh Khí.

4. Ái cảnh Vị là sự ưa thích nhiễm đắm Vị. Chú giải:ưa hay nhiễm vị, gọi là Ái cảnh Vị.
5. Ái cảnh Xúc là ưa thích nhiễm đắm cảnh xúc. Chú giải: Ưa hay nhiễm cảnh xúc gọi là Ái cảnh Xúc.
6. Ái cảnh Pháp là ưa thích nhiễm đắm cảnh Pháp như Người, Vật, Công Việc... Chú giải:"Ưa hay nhiễm cảnh Pháp gọi là Ái cảnh Pháp".

Ở một đoạn kinh khác, Phật Ngài dạy về Ái hay Ái dục:"Do ái dục phát sanh sầu muộn, do ái dục phát sanh lo sợ... Người đã trọn vẹn thoát khỏi Ái dục thì không còn sầu muộn, lo sợ".

Ái dục là một pháp thực tính, là sở hữu Tham, mà SH Tham có một chức năng thúc đẩy pháp câu sanh hoạt động hết sức hùng mạnh, luôn luôn ngủ ngầm bên trong tất cả mọi chúng sanh và chính nguyên nhân của thực tính pháp này đã tạo ra nhiều điều đau khổ, bất hạnh trong đời.Dù Ái dục ở dạng thô kệch hay vi tế đều làm cho mọi chúng sanh đeo níu, bám hút, nhiễm đắm dưới mọi hình thức như sau:

1. Dục ái (*kāmataṅhā*) tức là lục dục hưởng bằng tâm Tham. Có chú giải như vầy:" Ưa mến, ham muốn sáu cảnh lục dục gọi là dục Ái tức là sở hữu Tham.
2. Hữu Ái (*bhavataṅhā*) ưa mến chấp hữu tức là tâm Tham Tương Ưng biết theo Thường Kiến. Có chú giải như vầy: " Pháp ưa chấp hữu bằng sáu cảnh gọi là Hữu Ái tức là sỡ hữu Tham hiệp với tâm Tham Tương Ưng chuyên theo Thường Kiến.
3. Ly Hữu Ái (*vibhavataṅhā*) là ưa mến chấp không, tức là sở hữu Tham. Có Chú giải như vầy: "Ưa chấp ngoài ra có, nên gọi là Ly Hữu Ái".

Ái(*taṅhā*) tính rộng là 108 thứ, bao gồm:Dục Ái (*kāmataṅhā*) đối với sáu cảnh rồi nhân cho 3 thời quá khứ, hiện tại, vị lai là 18, bên trong bên ngoài thành 36.Hữu Ái (*bhavataṅhā*) và Ly Hữu Ái (*vibhavataṅhā*) cũng như thế, cộng lại tất cả thành 108.

Như vậy: Ái có trạng thái là nhân khổ, qua việc làm là sự ưa thích, ham muốn, lục dục, ưa chấp hữu hay chấp vô, do đạt thành tựu no nê các cảnh và phải có Thọ. Sự thọ hưởng của mỗi chúng sanh còn đang chuyển mạnh trong vòng luân hồi (*vaṭṭa*) thì sự thọ hưởng chẳng phải ít, cho nên rất mạnh có thể trợ giúp cho Ái phát sanh đặng rất nhiều.

3. "***sự không biết khổ diệt***"tức là bất tri Diệt đế (*Dukkhanirodhe añāṇaṃ*) nghĩa là cách trừ tuyệt Dục (*taṅhā*), đây gọi là Diệt Khổ. Hay nói cách khác, sự không biết Diệt Khổ là chưa đạt đến trạng thái Níp Bàn "vắng lặng, bất động, vô ấn chứng". Một khi đạt được Diệt Khổ Thánh Đế thì khổ luân hồi và các sự nóng nảy sôi nổi không còn nữa.

Đây là trạng thái xa lìa Ái mà nhân ràng buộc các kiếp sống, những pháp xa lìa như thế gọi là Diệt Khổ tức là pháp mà chư Thánh xuất thế sau khi Ngũ uẩn Níp Bàn không còn tái tục nữa, vì vậy nên Pháp nào mà diệt tắt dứt tuyệt sanh tử, thì pháp ấy gọi là Diệt Khổ hay gọi

Níp Bàn, bởi trạng thái này riêng biệt không có liên hệ với hữu vi (pháp bị tạo), không chết vì không sanh, vượt khỏi ngũ uẩn quá khứ- hiện tại - vị lai vì pháp Diệt Khổ là không còn Uẩn (ngoại uẩn).

Nói theo danh nghĩa thì bất tri Diệt đế là không nhận ra những ý nghĩa, nghĩa lý, lý pháp của trạng thái này (NípBàn) là khi Chư Thánh nhận ra Níp Bàn thì Ngài rõ nghĩa như sau:

1. Bất Sanh *(Ajtiṃ)*: là không có sự sanh đẻ ra.
2. Bất Lão *(ajaraṃ)*: là không già cũng không biến đổi.
3. Vô Bệnh *(Abydhiṃ)*: là không có sự đau đớn, tàn tật chi cả.
4. Vô Cụ *(Nibbhayaṃ)*: là không có sự sợ sệt.
5. Vô Vi *(Asaṇkhataṃ)*: là không có bị tạo.
6. Phá Hữu *(Bhavabhandaṃ)*: là phá trừ Cửu hữu *(bhāva)*và không còn phân biệt Cõi nương ở, nương sanh theo chúng sanh thường Đời (*sattavāsa* – dục giới, sắc giới, vô sắc giới, ngũ uẩn, tứ uẩn, nhất uẩn, hữu tưởng, vô tưởng và phi tưởng phi phi tưởng).
7. An Lạc *(Sukhaṃ)*: là hoàn toàn an vui, vui bằng cách cao siêu, vượt khỏi đời.
8. Thanh Lương *(Sitaṃ)*: là mát mẻ, không nóng nảy.
9. Thanh Tịnh *(khemaṃ)*: là vắng lặng, yên ổn.
10. Sở Y *(Tānaṃ)*: là sở tri của tâm Siêu thế tức là tâm Siêu thế nương nhờ Níp Bàn bằng Cảnh Duyên.
11. Bí Mật *(lenaṃ)*: huyền diệu, nhiệm màu, sâu sắc, vi tế, không thể dùng văn chương ngôn ngữ diễn tả cho đầy đủ, như kinh Tàu có câu "Ngôn ngữ Đạo đoạn: văn chương lời nói tuyệt dứt Đạo, dứt mất Đạo, nghĩa là đạo lý vượt ngoài phạm vi văn chương.
12. Thường Tồn *(Niccaṃ)*: là hằng còn tự nhiên,như nhiên.
13. Bất Động *(Acalam)*: là không biến chuyển, lay động.
14. Kiên Cố *(Duvassasaṃ)*: là bền bỉ, vững vàng.
15. Bất Luân *(Avaṭṭasānaṃ)*: là không xoay chuyển, luân hồi chi cả.
16. Nghiện Lạc *(Sukhamaddanaṃ)*: là nghiền tán, đánh tan tất cả vui trong đời, chỉ còn vui Siêu thế.
17. Nghiện Cơ *(phuddamaddanaṃ)*: là nghiền nát phá tan sự đói, khát, mong mỏi v.v...
18. Tiêu Khát *(Pipāsañcanayaṃ)*: là trừ tiêu sự khao khát, hy vọng tất cả.
19. Vô Mộ *(Aṇalayaṃ)*: là không có sự trìu mến.
20. Bạt Độc *(Samugyātavattaṃdaṭṭhesaṃ)*: là nhổ hết sự độc, nhân quả khổ trong đời.
21. Ly Hành *(visaṅkhāraṃ)*: là lìa hết pháp hành vi, hành động.
22. Ly Quá *(vivajjaṃ)*: là lìa tất cả lỗi sai.
23. Đoạn Ái *(Taṇhakkhayaṃ)*: là bặt dứt Ái dục.

24. Ly Hữu *(Vibhavaṃ)*: là vượt ngoài vòng cửu hữu *(bhāva)*và cõi nương ở của chúng sanh*(Sattavāsa)*.
25. Ly Tình *(Virāgaṃ)*:xa ngoài phạm vi tình đời (vì Níp Bàn cũng có nghĩa là riêng biệt).
26. Ly Ái *(Vitaṇhaṃ)*: là Níp Bàn không còn sự thương yêu, trìu mến chi cả.
27. Diệt Tận *(Nirodhaṃ)*: là tắt dứt hết tất cả đời.
28. Vô Ấn Chứng *(Animittaṃ)*: là không có chi nêu bày tiêu biểu.
29. Thể Tịnh *(samtabhāvaṃ)*: là bản thể vắng lặng.
30. Vô Vị *(Arasārakaṃ)*: là không có mùi vị: mặn, lạt, chua, cay... chi cả.
31. Vô Dục *(Appasāsañca):* là không có những sự ưa thích chi cả.
32. Bất Diệt *(Amotaṃ)*: là không diệt, không mất.

4. *"sự không biết thực hành đường đến diệt khổ"* tức là bất tri Đạo đế (*Dukkhanirodhagā minīpaṭipadāya aññāṇaṃ*) là không tỏ rõ cách tiến hành ngăn diệt khổ hay đường lối hoặc lộ đồ giúp đến Diệt Khổ Thánh Đế. Phân tích theo Vô tỷ Pháp hoặc Diệu Pháp thì Đức Phật có dạy như vầy (Theo Bộ Phân Tích trang 79 đến trang 81 câu 175 đến câu 199):

Tiến hành nhân diệt khổ đó ra sao?Phíc-khú trong Phật Giáo nầy tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừtà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ và lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc trì vẫn có trong khi nào thì Tám chi đạo là chánh kiến... chánh định vẫn có trong khi ấy.

Trong bát chi đạo mà chánh kiến đó ra sao?Trí tuệ, thái độ hiểu rõ... sự không mê mờ, sự lựa chọn pháp, sự hiểu thấy chơn chánh, trạch pháp giác chi thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh kiến.

Chánh tư duy đó ra sao?Sự suy xét, cách rất suy xét... sự nghĩ ngợi đúng, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tư duy.

Chánh ngữ đó ra sao?Sự chừa, cách bỏ qua, tư (cetanā) là cơ quan chừa lìa tứ ác khẩu, thái độ không làm, cách không làm, cách không xâm phạm, sự không quá mức, thái độ hạn chế nguyên nhân tứ ác ngữ thành tứ chánh ngữ là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh ngữ.

Chánh nghiệp đó ra sao?Cách ngăn, cách bỏ qua, cách chừa bỏ, tư(cetanā) là cơ quan chừa bỏ, xa lìa thân ác, thái độ không làm, cách không làm, cách không phạm, cách không quá cỡ, sự hạn chế nguyên nhân tam thân ác, việc làm chân chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh nghiệp.

Chánh mạng đó ra sao?Sự ngăn, cách chừa, thái độ dứt bỏ, tư (cetanā) ngăn trừ xa lìa tà mạng, cách không làm, thái độ không làm, lối chẳng phạm, cách không quá chừng, sự hạn

chế nguyên nhân tà nghiệp mà nuôi mạng chơn chánh, thành chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh mạng.

Chánh tinh tấn đó ra sao?Cách mở mối tâm siêng năng... sự siêng năng chơn thật, cần giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh tinh tấn.

Chánh niệm đó ra sao?Sự hằng nhớ... cách nhớ theo... nhớ bằng cách chơn chánh, cũng gọi niệm giác chi là chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh niệm.

Chánh định đó ra sao?Sự đình trụ của tâm... tâm vững vàng bằng cách chơn chánh, cũng gọi định giác chi thuộc chi của đạo, liên quan trong đạo, như thế đây gọi là chánh định.

Đây gọi là tiến hành nhândiệt khổ, những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhândiệt khổ.

Trong tứ đế mà tập khổ đó ra sao?Dục (taṅhā) cũng là phiền não lựa ra,đây gọi là khổ tập.

Khổ đó ra sao?Tất cả sắc pháp, pháp thành tố(kiriyā) phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn cả pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện (trừ ra tham), như thế đây gọi là khổ.

Diệt khổ đó ra sao?Cách tuyệt trừ dục và phiền não ngoài ra, đây gọi làdiệt khổ.

Tiến hành nhân diệt khổ đó ra sao?Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừtà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến... chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành nhândiệt khổ, chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhândiệt khổ.

Trong tứ đế mà tập khổ đó ra sao?Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng bất thiện lựa ra, đây gọi là khổ tập.

Khổ đó ra sao?Tất cả sắc pháp, pháp thành tố(kiriyā) phi quả phi thiện phi bất thiện, cả ba nhân thiện luôn pháp thiện thuộc về cảnh lậu và phiền não luôn bất thiện trừ ra tham, như thếđâygọi là khổ.

Diệt khổ đó ra sao?Cách tuyệt trừ dục, phiền não dư ra và pháp bất thiện dư ra, đây gọi làdiệt khổ.

Tiến hành nhân diệt khổ đó ra sao?Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế, cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừtà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục, đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh mà hành nan đắc nan trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến... chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Chư pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành nhândiệt khổ.

Trong tứ đế mà khổ tập đó ra sao?Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

Khổ đó ra sao?Pháp thiện thành cảnh của lậu mà ngoài ra, dị thục quả thiện và bất thiện mà thành cảnh của lậu và pháp thành tố(kiriyā) phi thiện ,phi bất thiện và phi dị thục quả với tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

Diệt khổ đó ra sao?Cách tuyệt trừ dục và phiền não bất thiện còn dư, luôn cả ba nhân thiện thành cảnh của lậu, đây gọi làdiệt khổ.

Tiến hành diệt khổ đó ra sao?Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừtà kiến hầu chứng bực ban sơ, tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ định mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến... chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.

Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

Trong tứ đế mà khổ tập đó ra sao?Dục cũng là phiền não lựa ra, cũng là bất thiện lựa ra, cũng đồng cảnh lậu với ba nhân thiện và pháp thiện hiệp thế mà trích ra, đây gọi là khổ tập.

Khổ đó ra sao?Dị thục quả của thiện và bất thiện thuộc cảnh lậu, pháp tố phi thiện phi bất thiện và phi dị thục quả, tất cả sắc pháp, đây gọi là khổ.

Diệt khổ đó ra sao?Cách tuyệt trừ dục, phiền não bất thiện ngoài ra, luôn nhân thiện thuộc cảnh lậu và thiện thuộc cảnh lậu ngoài ra, đây gọi làdiệt khổ.

Tiến hành diệt khổ đó ra sao?Phíc-khú trong Phật Giáo tu tiến theo thiền siêu thế là cơ quan ra khỏi khổ, đưa đến rốt ráo đặng trừ tà kiến, hầu chứng bực ban sơ tĩnh ly chư dục... đắc sơ thiền có tầm, tứ, hỷ, lạc sanh từ tịch tịnh (viveka) mà hành nan đắc trì trong khi nào thì tám chi đạo là chánh kiến... chánh định vẫn có trong khi ấy, đây gọi là tiến hành diệt khổ.Những pháp ngoài ra tương ưng với tiến hành diệt khổ.

Như vậy nhân diệt khổ còn gọi là chi Đạo nghĩa là cách thông thấu, vì chữ Đạo là " Đạo giả năng thông chi nghĩa " (Đạo là cái nghĩa hay thông, cho nên những chỗ vật, nghĩa, lý,pháp thấu suốt qua lại lên xuốngv.v... cũng gọi là Đạo đặng), Đạo đây làm nhân đến Níp Bàn và trừ phiền não.Hay nói cách khác, Đạo là nhân sát trừ phiền não và đưa đến Níp Bàn gọi là Đạo. Nói đầy đủ là chi Đạo nên lấy trên phần bát chánh,nghĩa là:

- Sáng kiến nhận thấy chân lý đúng với nhơn và quả ...tức trí theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng Chánh Kiến (*sammādiṭṭhi*). Đây là một pháp bản thể với tính chất hiểu biết đúng đắn am tường sáng suốt qua sự trạch pháp đối với pháp hữu vi. Chánh Kiến còn là một chơn tướng với thực tính thấu triệt bản thân mình chỉ là 5 uẩn (sắc, thọ ...thức uẩn) hay cách hiện bày của danh sắc mà thôi. Nên biết là trạng thái Chánh Kiếnvừa là sáng suốt thực chứng hữu vi pháp, vừa là dẫn dắt khai thông các chi Đạo khác. Pháp nầy có yếu tố tất yếu tạo điều kiện trợ giúp, hòa hợp cùng pháp câu sanh, để đưa đến thành tựu mục tiêu cứu cánh (Níp Bàn).

- Suy xét, lo lắng những việc tốt, tức là tìm cảnh theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng Chánh Tư Duy (*sammāsamkappa*). Do sự hiểu biết chơn chánh và theo đường lối đúng đắn là điều kiện tạo cho sự suy xét, quyết định, nguyện vọng, chân chánh giúp cho thành tựu đến pháp diệt khổ đây gọi là Chánh Tư Duy. Chánh Tư duy còn gọi là Chánh Tầm, là chi đạo thứ hai trong bát chi đạo. Chánh Tư duy có pháp bản thể là sở hữu Tầm mà Tầm phối hợp với trạng thái biết chơn chánh thì trở thành rất quan trọng giúp ta gạt bỏ những ý tưởng những nghĩ ngợi sai lầm. Một khi sự tìm kiếm nghĩ ngợi trong sạch (tịnh hảo) sẽ giúp nâng đỡ con người đến chỗ thanh cao, siêu thoát. Ở đây, Chánh tư duy thể hiện hai mục đích loại trừ những suy xét bất thiện và khai triển nghĩ ngợi những ý nghĩ thanh cao trong sạch. Chánh Tư duy gồm 3 phần:

1. Cách suy xét ly dục nghĩa là sự từ khước những dục vọng hiệp thế mà thể hiện cách thẩm xét với lòng vị tha, đối lập với tâm luyến ái, trìu mến, vị kỷ ...
2. Thanh lương,từ ái,tư duy theo lối chơn chánh là thể hiện cách nghĩ hay thiện chí không có ba vấn đề: ganh ghét, ác ý, thù hận tức không có Sân độc tưởng...
3. Hành vi thể hiện sự ôn hòa, cách hiền lương, lòng bi mẫn tránh xa hung bạo và tàn ác...

Chánh Tư Duy là thể hiện cách tìm cảnh, lựa chọn trên các khía cạnh không thích với ái luyến, không thích bám níu, lòng nghĩ ngợi tránh xa mọi phương cách thỏa mãn sự luyến ái, nhận thức ra rằng tất cả đều tạm bợ, tất cả đều nằm dưới sự chi phối của định luật vô thường và cũng từ đó tỏ hiểu:

"Không có lửa nào như lửa Tham
Không có ngục tù nào như lòng Sân hận.
Không có lưới nào như Vô minh
Và không có sông nào như Ái dục" (KPC – 251)

- Ngăn hay trừ Tà Ác Ngữ, tức là ngăn, trừ tà ác ngữ theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh Ngữ). Khi Chánh ngữ đặng phát sanh cũng nhờ sự lèo lái của Chánh Tư duy, đây là phần pháp thể hiện ngôn từ, lời nói chân chánh. Sự thể hiện này là không nói dối,không nói đâm thọc, không nói ác ngữ và không nói nhảm nhí. Các pháp Phược, Triền, Phiền não... sanh ra là do sự tham vọng, vọng tưởng nên chúng sanh, con người thường thể hiện sự che dấu qua cách nói, mà cũng từ sự suy nghĩ thiếu chân chánh, thế nên Chánh Tư duy dẫn đến Chánh Ngữ là kèm cho Khẩu biểu tri không phát ra lời nói giả dối, phỉ báng, thô bỉ và nhảm nhí. Người thực hành Chánh Ngữ ngoài mục đích chính để tạo đà đến giải thoát và trợ giải thoát thì người ấy phải luôn chân thành, trung tín và luôn tìm cái đẹp, cái tốt nơi người khác hơn là lừa dối, vu oan, sỉ nhục, chia rẽ những người đồng cảnh ngộ với mình. Người thể hiện Chánh Ngữ sẽ trở thành một nhân vật

hoà nhã, đượm nhuần tâm từ nên không thể phát ra lời nói thô lỗ, cộc cằn để làm thương tổn đến người khác. Lời lẽ chánh Ngữ là lời lẽ thanh lương, mát mẻ, từ ái, biểu hiện thật dịu dàng, biểu lộ tính chất thật, hữu ích, đem lại lợi lành, an lạc cho kẻ khác.

- Ngăn, trừ tà ác Nghiệp, tức là ngăn tà ác nghiệp theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh nghiệp). Đây là chi Đạo thứ tư trong Bát chánh đạo, cách thể hiện hành động chân chánh là không sát sanh, không trộm cắp và không tà dâm, đó là thực chất của Chánh nghiệp. Trong đời sống sanh tử luân hồi, tâm trìu mến, thương yêu, luyến ái, thù hận và tánh hung bạo, độc ác là bắt đầu từ nguồn gốc Tham, Si và luôn cả phần Sân, nên một khi muốn giữ vững tâm hoàn toàn thanh tịnh và đẩy lùi những xu hướng xấu xa không khởi sanh được thì cũng cần thể hiện cách Chánh nghiệp vậy.
- Ngăn hay trừ Thân, Khẩu tà ác vì nuôi thân, tức là ngăn, trừ, tà ác mạng theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh mạng). Đây là chi Đạo đề cập đến sự nuôi mạng chân chánh qua hành động giữ thân, khẩu, ý trong sạch, như là không buôn bán khí giới, không buôn bán nô bộc, không nuôi thú vật để bán cho người khác ăn thịt hay là làm nghề đồ tể, không mua bán vật thực có chất say và không mua bán độc dược. Ba loại Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng được xem là 3 điều kiêng cử và trừ tận lậu hoặc khi hợp với pháp câu sanh khác trên phương diện trợ giải thoát.
- Siêng năng với việc Phước hoặc tốt hay lợi lành, tức là siêng năng theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh Tinh tấn). Chính Chánh Tinh tấn hay Chánh Cần là một pháp thực tính có yếu tố cần thiết để hỗ trợ cho các pháp khác trên phương diện giúp giải thoát, trợ bài trừ Bất thiện pháp. Chi đạo này thể hiện ở 4 khía cạnh:
  1. Siêng năng, cố gắng tiêu trừ các ác pháp đã phát sanh.
  2. Siêng năng, cố gắng đè nén các ác pháp đang hoặc chưa phát sanh.
  3. Siêng năng, cố gắng làm cho thiện pháp phát sanh.
  4. Siêng năng, cố gắng trau dồi các thiện pháp đã phát sanh.
- Sự nhớ đặng hay nhớ ghi bằng tâm tốt, tức là nhớ, ghi, nhớ đặng theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh Niệm). Đây là chi Đạo thứ 7 có nhiệm vụ làm cho pháp câu sanh khắng khít cảnh tức cảnh đến biết ngay, trong trạng thái tỉnh táo, lương tri, hay nói cách khác Chánh Niệm tức Niệm xứ, là pháp chăm nom, chú tâm về quán Uẩn: quán Thân (Sắc uẩn), quán Thọ (Thọ uẩn), quán Tâm (Thức uẩn) và quán Pháp (Tưởng và Hành uẩn), đến lúc nào đó đã thuần niệm hay Chánh Niệm mạnh thì pháp này sẽ trợ cho sự tỏ ngộ và đồng thời phát sanh chung để kìm các pháp câu sanh trong lúc tỏ rõ danh sắc sanh diệt mà thấu đáo Vô thường tướng, Khổ não tướng, Vô ngã tướng, đạt các tuệ cho đến tuệ giải thoát (Đạo tuệ, Quả tuệ).

- Sự đình trụ một cảnh bằng tâm tốt, tức là tâm đình trụ theo đường lối phe đảng giúp đắc chứng (Chánh Định). Chi Đạo Chánh định khi phát sanh về pháp cận kề là nhờ Chánh Tinh tấn và Chánh Niệm dẫn đến vì Tâm Định hay Tâm An Chỉ phải do cách siêng năng, sự tỉnh táo, chánh niệm trước cảnh, nên Tâm mới an trụ và cũng từ đó khi Tâm yên, sẽ giúp cho quán xét, tỏ rõ thực tính, chơn tướng pháp. Chánh Định được xem như thái độ liên kết giữa phần Tịnh giới và Tịnh Kiến vì pháp này phát huy vai trò làm cho tính chất yên tịnh, trụ yên để Tuệ phát sanh.

5. *"sự không biết phần quá khứ"*:tức là bất tri nhân đã qua (*Pubbante aññaṃ*). Quá khứ là cái đã diệt, đã dứt, đã xảy ra tức là không nhận ra trạng thái đã xa lìa, đã vắng mặt, đã không còn. Hay nói cách khác, hành vi đã diệt (nhân), đã qua, đã mất mà do tác động trước đó từ nghiệp (SH Tư) trong các thứ tâm, nếu nói theo phần phân chia không nhận biết phần quá khứ là không tỏ rõ Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn đã diệt (nói theo Siêu lý), còn nói theo Chế định thì những hành vi hay hành động, sự thực hành, cách tạo tác đã làm mà không nhận ra việc làm đó sẽ đưa đến quả như thế nào.Chúng ta tìm hiểu bản thể siêu lý khi nói không nhận ra phần quá khứ hay bất tri nhân đã qua như sau:
   - Sắc quá khứ, sắc đã qua, sắc đã diệt, sắc đã mất, sắc đã xa lìa, sắc đã biến hoại tức là 28 thứ sắc bao gồm: đất, nước, lửa, gió... tích trữ, thừa kế, lão mại và sắc vô thường. Một khi không nhận ra sắc quá khứ thì không hiểu được sự tạm bợ, sự sanh diệt, sự biến hoại, sự không trường tồn của phần vật chất (sắc uẩn - *Atītārūpaṃ*).
   - Thọ quá khứđã qua là những gì cảm nhận, hứng chịu khi phát sanh mà ta không để ý, nay trạng thái ấy (Thọ) đã diệt, đã mất, đã xa lìa, đã vắng mặt, đã thay đổi, đã sinh và diệt mất rồi. Hay nói cách khác, những cách hứng chịu như khổ, lạc, ưu, hỷ và xả mà trước đây ta thiếu sự chú ý đến cảnh ấy, nay những cảnh ấy đã diệt rồi trên phần khối nhóm của cảm thọ thì Thọ ấy gọi là Thọ quá khứ (Thọ uẩn – *Atītāvedanā*).
   - Khi trạng thái trạng cảnh, hồi tưởng, nhớ lại... đã diệt rồi mà ta nhận chưa kịp hay không nhận ra kịp thì trạng thái ấy trở thành Tưởng quá khứ. Hay là Sắc tưởng, Thinh tưởng, Khí tưởng, Vị tưởng, Xúc tưởng và Pháp tưởng đã diệt mất, đã vắng bặt, đã xa lìa thì Tưởng ấy gọi là Tưởng quá khứ (Tưởng uẩn – *Atītāsaññā*).
   - Hành là khối nhóm hoạt động mà đã qua tức là hành vi đã diệt, đã mất rồi, đây là chỉ cho 50 thực tính pháp Xúc, Tư, Nhất hành, Mạng quyền, Tác ý... SH Trí tuệ, mà chính thức là SH Tư câu kéo các pháp câu sanh trong khối nhóm để thể hiện trong các Tâm như: Sắc tư, Thinh tư, Khí tư, Vị tư, Xúc tư và Pháp tư đã lìa sát na hiện tại rồi, đã vắng mặt sát na hiện tại và đã không còn khi sát na hiện tại diệt. Đây gọi là quá khứ Hành (*Atītāsaṅkhārā*).

- Cái biết đã diệt, đã qua, đã mất tức là Nhãn thức, Nhĩthức, Tỷthức, Thiệtthức, Thân thức và Ý thức đã diệt, đã xa lìa, tức là khối nhóm riêng từng phần của mỗi chúng sanh trên phương diện là thức, ý, tâm (Thức uẩn) mà không còn nữa do tính chất sanh diệt của hữu vi pháp nên cái "biết" ấy gọi là quá khứ Thức (*Atītāviṇñānāṃ*).

  Còn nói trên phần chế định "không nhận nhân đã qua" tức là không rõ biết việc làm trước đây đã tạo, mang tính chất Thiện hay bất thiện, như chẳng nhận ra tội - phước, thiện – ác, tốt – xấu, đen – trắng, hạ liệt – thù thắng…

  Không biết nhân đã qua tức là không nhận ra những hành động đã làm bao gồm Thiện, bất thiện, nên thường có tính chất chấp thủ do không quan tâm "nhân" là điều kiện thành tựu quả lành hay quả xấu, cũng từ đây mà chúng sanh lao vào những hành vi, tạo tác những hành động, không lường trước hậu quả của nó nên trở thành người hạ liệt, thấp hèn do tính chất không nhận ra nhân đã qua như câu "Bồ tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả" hay là "người trí sợ nhân, tiểu nhân sợ quả".

6. ***"sự không biết phần vị lai"***:tức là bất tri quả sau này (*aparante añāṇaṃ*). Đây là tri kiến bị che mờ, bị chặn bít, bị ngâm chìm… mà thiếu suy xét đến "cái thành tựu" của việc làm hiện tại (Vô nhân kiến). Về mặt lý pháp, không biết quả sau này do không hiểu rằng việc làm hôm nay là nguyên do, điều kiện để có đời sống vị lai hay quả vị lai (tâm tái tục hay sắc nghiệp tái tục). Chính vì không biết quả sau này nên không nhận ra, không tin chúng sanh chết còn sanh nữa bởi 5 nhân hiện tại là Ái, Thủ, Hữu, Vô minh và Hành đang sanh cho mỗi người thì 5 quả vị lai là Thức, Danh sắc, Lục nhập, Xúc, Thọ thành tựu ra cho chúng sanh đó vậy.
7. ***"Sự không biết phần quá khứ và vị lai"***:tức là bất tri nhân trước quả sau (*pubbantāparanteañāṇaṃ*). Đây là chỉ bày cách không hiểu biết về nhân quả tức là cách nhận định theo: Vô hành kiến, Vô nhân kiến, Vô hữu kiến. Bởi tri kiến chấp vô cho rằng không nhân quả, tất cả đều không. Từ cách nhận thấy, sự nhận thức , nhận định và từ đây theo lối tà kiến.
   - Vô hành kiến (*Akiriyādiṭṭhi*): là chấp không, rất đa trường hợp, nhiều lý lẽ, cũng có người cho rằng việc làm của ta chẳng hạn tốt - xấu, tội - phước không ai thấy, nghe, hay, biết thì cũng như không làm, thế gọi là Vô hành kiến.
   - Vô nhân kiến (*Ahetukadiṭṭhi*): cũng có người hiểu cạn, chỉ nhận theo cách thực nghiệm đều do công năng, sức trí sắp đặt hiện tại là đủ, chớ không cho do có nguyên nhân nghiệp trước chi cả dù đời này hay đời khác, đó là sự nhận thức bằng cách Vô nhân kiến.

- Vô hữu kiến (*Natthikadiṭṭhi*): cũng có người cho rằng nhân sanh vạn vật chỉ là 4 chất hiệp thành, chẳng khác vật vô tri, dù giúp nhau như nước tưới rau, dẫu hại nhau như cây đè cỏ, nào phải phước,tội gì, đó là Vô hữu kiến.

8. *"sự không biết pháp y tương sinh là do nhân trợ mới sanh ra"*tức là bất tri Liên quan tương sinh (*Idappaccayatā paṭiccasamuppannesu dhammesu añāṇaṃ*). Đây là tri kiến không hiểu biết pháp hữu vi khi sanh phải nhờ duyên trợ tạo và khi khởi phải nhờ cậy nhau mà sanh ra dothiếu tri kiến sáng suốt, thiếu gạn suy, thiếu trạch pháp... và những nhận định cùng với nhận thức lệch lạc, không hiểu rõ những điều như sau:
   - Liên quan (*Paṭicca*) có nghĩa là nương nhờ.
   - Tương sinh (*Samuppāda*) có nghĩa là cách sanh đàng hoàng theo thứ lớp với nhau gọi là tương sinh.

Liên quan tương sinh nói theo nghĩa và lý được giải như sau:

1. Những phần nhân có Vô minh... trợ sanh thành quả có tử cuối cùng, những trợ nhờ ấy gọi là Liên quan tương sinh.
2. Những pháp trợ hành... như là Vô minh cho đến Sanh đều giúp cho pháp thành tựu nương nhờ sanh ra nên gọi là Liên quan tương sinh.
3. Lối trình bày sanh đặng do nhờ nhau như: Hành sanh phải nhờ Vô minh, Thức sanh phải nhờ Hành, Danh sắc sanh phải nhờ Thức v.v... như thế mới gọi là Liên quan tương sinh.
4. Sanh ra đặng do nhờ duyên như là Hành sanh (Phúc hành), mặc dù Vô minh giúp nhưng phải nhờ vào 2 duyên là Cảnh duyên, thường cận y duyên hay có thêm cảnh trưởng duyên, cảnh cận y duyên. Vì Vô minh giúp cho Hành đại thiện bằng cảnh duyên hay cảnh trưởng duyên, như là Tư - Đại thiện dẫn dắt đến tâm bất thiện cho là không tốt, hoặc nghĩ rằng biết Tham như biết mặt đạo tặc, vững lòng thành – cảnh trưởng (Cảnh cận y)...nên gọi là Liên quan tương sinh..
5. Cách sanh theo thứ lớp của pháp phải trợ nương duyên và không ngoài ra với sự trợ của mình, gọi rằng Liên quan tương sinh tức là pháp thành tựu như là Hành v.v..

- Bất tri Liên quan tương sinh do không nhận biết chúng sanh có từ nhân chi, cho nên rất bàn soạn nhau theo lầm, chẳng thể giải quyết:
- Bất tri Liên quan tương sinh là không tin chúng sanh chết rồi còn sanh nữa.
- Bất tri Liên quan tương sinh là không nhận thấy nhân khổ từ sanh...
- Bất tri Liên quan tương sinh là không liễu nhân quả theo thứ lớp, nguyên do.

9. "sự không biết, sự không thấy, sự không đắc chứng, sự không biết bằng cách thích hợp, sự không biết theo chân thật, sự không thấu suốt, sự không tin theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng, sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ, thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê tức là vô minh, vô minh bộc, vô minh phối, vô minh cái, vô minh tiềm thùy, then chốt của sự tối tăm, si là căn bất thiện":
   - Sự không biết:tức không nhận ra chơn tướng bản thể Khổ, Tập khổ, Diệt khổ và phương pháp diệt khổ.
   - Sự không thấy:tức không rõ nhân quả.
   - Sự không đắc chứng: là không tỏ ngộ sự hiện diện của Danh sắc và thực chứng sự biến chuyển, tạm thời, áp bức, luống không của Danh sắc... mà vượt thoát, phá vọng tưởng về danh sắc ấy bằng cách chứng đắc các bậc Thánh đạo – Thánh quả.
   - Sự không biết bằng cách thích hợp: tức là Vô thường mà cho là thường, Khổ não mà cho là lạc, Vô ngã mà cho là hữu ngã, Bất động (không biến chuyển, không lay động) vô ấn chứng (không có chi nêu bày tiêu biểu) mà cho là có hưởng.
   - Sự không biết theo chân thật: là sự không biết theo bản thể thực tính tức là không nhận ra pháp siêu lý mà chỉ chuyên chấp chế định. Hay là không rõ thấu trạng thái, tướng trạng, chơn tướng của pháp hữu vi theo bản thể thật như là Pháp thì có tướng trạng thật là biến hoại, đổi thay lại cho là trường tồn, vĩnh cửu, vì biến hoại - đổi thay - chuyển biến nên có sự áp bức, vây khốn nên trở thành khổ mà cho rằng không có khổ v.v... Hay nói cách khác, là không nhận ra sự thật của Khổ, Tập, Diệt, Đạo, hay không tỏ rõ Uẩn, Xứ, Giới, Đế... mà chỉ chấp theo buồn, vui...
   - Sự không thấu suốt: là không rõ thấu đường lối tỏ ngộ bằng cách thực hành theo Bát chánh, Giác chi, Niệm xứ v.v... Cách không thấu suốt đây là không trạch pháp để nhận ra pháp hữu vi theo lối Liên quan tương sinh... mà đặng rõ ràng, tỉnh ngộ trước giả tạm của đời thường thức để đạt tri pháp cao siêu, xuất thế (Đạo, Quả, Níp Bàn).
   - Sự không tin theo lẽ phải, sự không quyết tín đàng hoàng: ở đây chỉ cho sự không tin, sự không cả quyết chân chánh, sự không sáng suốt, không gạn xét, không xét suy theo đường lối, lẽ phải ngay thẳng như là không rõ pháp thực tính theo bản chất thật, thiếu sự đắn đo, suy nghĩ trong cách nhận thức, nhận biết mà chỉ nhận theo cách mờ mịt như không tin Sắc Uẩn là pháp bị khổ nhai ăn; không tin theo lẽ phải là ráng sức cho ra quả chính là Xứ; không nhận ra bản chất Nhãn giới chớ không phải linh hồn hay chúng sanh chi cả; hoặc không tin có pháp chắc thật của bậc Thánh nhân (Thánh đế) tức pháp chắc chắn như thế không thay đổi...

- Sự không xét đoán, sự không suy xét, sự không làm cho tỏ rõ: đây là cách bị che mờ của pháp Cái (Vô minh cái) trên phương diện thiếu sự đắn đo, suy nghĩ, so sánh, đối chiếu để tìm ra cái đúng, cái thật của trạng thái hữu vi. Hay nói cách khác, sự không xét đoán là không phân định bản thể chân tướng của mọi sự vật, sự việc theo nhiều tính chất pháp như: Tất cả pháp chỉ là Danh sắc, Tất cả pháp chỉ do duyên trợ tạo, Tất cả pháp chỉ là Uẩn, Xứ, Giới, Đế...Do thiếu xét đoán nên lúc nghĩ ngợi thì làm sao suy xét đặng những lý pháp của đời (đời bản chất, đời chúng sanh, đời vũ trụ), nên khó lòng mà nhận ra cách thật của khổ, cách thật của nguyên nhân khổ, cách thật của dứt khổ và cách thật của phương pháp diệt khổ. Vì thế tất nhiên không tỏ rõ những trạng thái (nói về tướng trạng hoặc chơn tướng tức trạng thái, tư cách hay cách thức), phận sự (đây chỉ việc làm hay cách hành động của từng pháp hữu vi – 80 pháp thực tính), thành tựu (đây là sự chỉ bày hoàn thành hay kết quả đắc thành hoàn bị của một pháp hữu vi), nhân cận (nhân cần thiết, điều kiện hay nguyên do để pháp hữu vi ấy sanh ra) của hữu vi pháp qua nhiều khía cạnh như đã trình bày trên.
- Thiển trí, khờ khạo, sự không biết rõ, sự mê mờ, sự mê luyến, sự trầm mê: là sự không thông hiểu đúng đắn theo pháp siêu lý từ tính chất thô kệch, thô thiển, mê mờ của si, làm cho không rõ thấu hữu vi pháp là gì; từ sự thiển cận này gây nên tác động bị che đậy bởi do mê muội, không thông suốt; đây là trạng thái trái ngược với trí tức không biết cái đáng biết. Khờ khạo, ngây ngô là một nghĩa từ khác của thiển trí, từ sự thiếu hiểu biết hay không hiểu biết, cách vô tri, sự bất kiến, thiếu đi tính chất xét đoán, tỏ rõ trong "pháp" nên dễ dàng tạo điều kiện cho sự khờ khạo phát sanh; hay nói cách khác, khờ khạo là sự ngờ nghệch, thiếu sự nhanh nhạy trong suy xét, ứngphó, dùng theo cách đúng đắn – chân chánh. Phát sanh sự thiển trí, sự khờ khạo làm cho mê mờ, mờ mịt trước pháp hữu vi nghĩa là không biết, không nhận ra: sự không biết Khổ, sự không biết Khổ tập, sự không biết Khổ diệt, sự không biết thực hành đường đi đến diệt khổ. Ngoài tính chất lờ đờ, tăm tối, không nhận ra Uẩn, Xứ, Giới, Đế thì Vô minh cái còn luyến theo tính chất níu kéo, ôm ấp nên sự mê luyến là điều không tránh khỏi. Do không nhận biết Bát khổ (sanh, lão... ngạ quỷ, Atula) nên gây ra sự luân hồi và cũng tính từ đây bị ngâm chìm trong tăm tối, chẳng phán đoán, chẳng suy xét, không chịu làm cho minh hiển (trầm mê).

Những trạng thái như thế gọi là vô minh cái.

Những chơn tướng nầy gọi là pháp cái (nīvaraṇā dhammā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cái: *No nīvaraṇādhammā* - Tất cả Pháp Phi Cái.

Các pháp nào ngoài ra các Pháp Cái đã kể được gọi là Pháp Phi Cái, tức là Pháp chẳng phải che ngăn, cấm chặn sự tốt. Hay nói cách khác, pháp Phi Cái là những trạng thái khi sanh không có tính chất ngăn, bít, chặn Thiền, Thông, Đạo, Quả.

Trong tất cả các pháp Phi Cái đã kể cũng có những pháp làm cảnh cho pháp Cái bắt, lại có những pháp không làm cảnh cho Cái bắt; có những pháp hòa trộn cùng pháp Cái, lại có những pháp không hòa trộn cùng pháp Cái... Các phần này sẽ được nêu lần lượt trong các Nhị Đề tiếp theo của Phần Chùm Cái.

1. Tại sao pháp thiện gọi là Pháp Phi Cái?

Vì khi pháp Thiện phát sanh ta thấy chỉ có 37 thứ Tâm Thiện, 38 SHH mà trong đó không có SH Tham (Dục Dục Cái), SH Sân (Sân độc Cái), SH Hôn phần (Hôn thùy Cái), SH Điệu cử, SH Hối (Điệu Hối Cái), SH Hoài nghi (Hoài nghi Cái), SH Si (Vô minh Cái). Hay nói cách khác, 8 chi pháp (Tham, Sân, Hôn trầm, Thùy miên, Hối hận, Điệu cử, Hoài nghi và Si) không câu sanh với pháp Thiện do các chi pháp này là Pháp Cái, vậy Pháp không câu sanh với pháp Cái là Phi Cái.

2. Tại sao pháp bất thiện là Pháp Phi Cái?

Khi một trạng thái bất thiện sanh bao gồm một trong 12 thứ tâm bất thiện, 19 SHH (trừ 8 chi pháp Cái) nên khi pháp bất thiện trừ pháp cái rồi thì đó là pháp Phi Cái vậy.

3. Tại sao pháp vô ký là Pháp Phi Cái?

Vì khi pháp Vô ký phát sanh chỉ có SH Tợ tha (13), SH Tịnh hảo (25), ta thấy trong đó không có 8 chi pháp Cái, điều này cũng nói lên những pháp Vô ký là Phi Cái rồi. Về mặt khác, pháp Cái được xem như hành động thuộc nhân, còn pháp Vô ký là hành động thuộc quả nên Quả sanh thì tất là phi Nhân (phi Nhân nên hiểu là Phi Cái).

4. Tại sao Dục, Sắc và Vô sắc giới là chỗ nương cho pháp Thiện, pháp Bất thiện, Pháp Vô ký lại gọi là pháp Phi Cái?

Vì 3 cõi này chỉ là nơi nương sanh, nương ở, nương nhờ do từ nhân mà thành tựu nên. Từ nhân ở đây nghĩa là Tư hợp Thiện, Bất thiện để lại dị thục quả gồm dị thục quả danh và dị thục quả sắc cùng với các cõi sanh theo nghiệp quả nên 3 cõi này không phải là nhân tạo tác, cũng chẳng phải là pháp che ngăn nên gọi Phi Cái là vậy. Hay nói cách khác, Dục, Sắc

và Vô sắc giới chỉ là trạng thái hiện bày của pháp hữu vi khi nghiệp nhân và nghiệp quả trổ sanh, vì thế các cõi ấy đặng gọi là pháp Phi Cái.

5. Tại sao Siêu thế (Đạo, Quả, Vô vi giới) là pháp Phi Cái?

Pháp Cái là che ngăn, chặn lối, bít đường pháp Thiện, còn siêu thế là vượt thoát, thông lối, phá Ác nên siêu thế tất nhiên là pháp Phi Cái vì pháp Cái không đủ sức ngăn cản sự vượt thoát đó. Hay nói cách khác, sự che ngăn của pháp Cái là pháp đối nghịch với pháp Siêu thế tức là pháp Siêu thế làm cho thông suốt, thấu đáo, xuất thế gian... còn pháp Cái thì làm cho tối tăm, mờ mịt, ôm ấp, ấp ủ, vọng tưởng trong đời. Về mặt chi pháp, pháp Siêu thế hoàn toàn tuyệt đối không có 8 chi pháp Cái.

6. Tại sao Đức Phật Ngài dùng pháp Phi Cái trên các khía cạnh Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn, Thức uẩn, và Sắc uẩn ?

Vì Ngài muốn nói về pháp Siêu lý, pháp chơn đế mà không dùng pháp chế định, pháp tục đế với mục đích làm cho người nghe thấu đạt thêm về cái khổ của Uẩn, đồng thời những pháp Cái hoặc phi Cái nếu tìm hiểu trên phương diện pháp Siêu lý thì chỉ là những đống, khối, nhóm, chùm (Sắc, Thọ ... Thức uẩn) hay là những pháp chơn tướng dường như tương trợ cố gắng giúp cho quả phần ta phát sanh đặng gọi là xứ...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cái.

NHỊ ĐỀ THỨ 45: NHỊ ĐỀ CẢNH CÁI

(NĪVARAṆANIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇiyādhammā - Tất cả Pháp Cảnh Cái.*
- *Câu 2:Anīvaraṇiyādhammā - Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 756 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp CảnhCáivà Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái*(Nīvaraṇiyādhammā, Anīvaraṇiyādhammā)*. Gọi là Nhị Đề Cảnh Cái, như sau:

* *Chư pháp cảnh cái trong khi có ra sao?*

Pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh cái.

* *Chư pháp phi cảnh cái trong khi có ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp phi cảnh cái.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cảnh Cái(*Nīvaraṇaniyaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cảnh Cái và Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái.

1. Tất cả Pháp Cảnh Cái (*Nīvaraṇiyādhammā*): là những trạng thái bị Cái biết, tức là những pháp Thiện, pháp Bất thiện và pháp Vô ký thành cảnh Cái thuộc Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới, những pháp ấy bị Cái bắt lấy làm cảnh vì những pháp ấy còn thuộc phạm vi Lậu nên bị pháp Cái biết được nghĩa là đối tượng cho Cái.
2. Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái (*Anīvaraṇiyādhammā*): đây là những trạng thái thuộc về Siêu thế và Níp Bàn mà Cái không đủ sức bắt lấy làm đối tượng.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cảnh Cái là Pháp Hiệp Thế. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế
4. Hành uẩnlà50 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlà tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là52SH(hợp với tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà68 thứ tâm Hiệp Thế (đã trừNgũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà52 SH(hợp với tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, tâm Hiệp thế và 51 SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Cảnh Cáilà Pháp Hiệp Thế

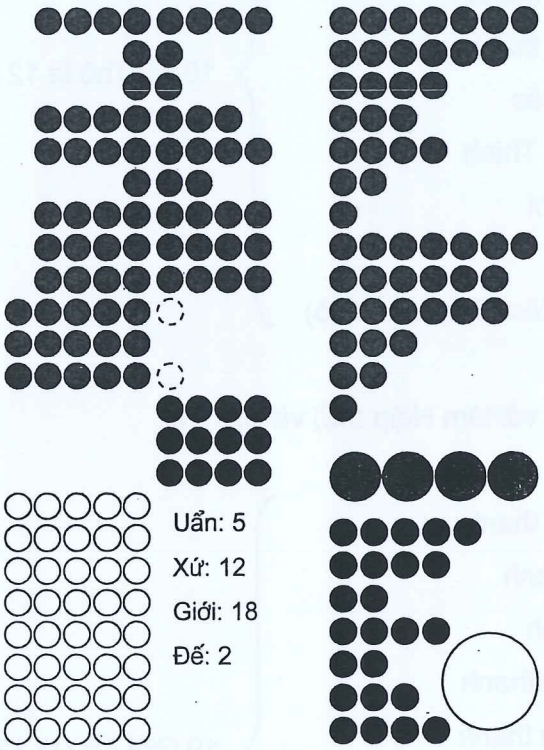

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái là Pháp Siêu Thế. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩnlà34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩnlàtâm Siêu thế

   Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ làtâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36SH hợp với tâm Siêu thếvà Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilàtâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36SH hợp với tâm Siêu thếvà Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế làNíp Bàn

2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Phi Cảnh Cáilà Pháp Siêu Thế

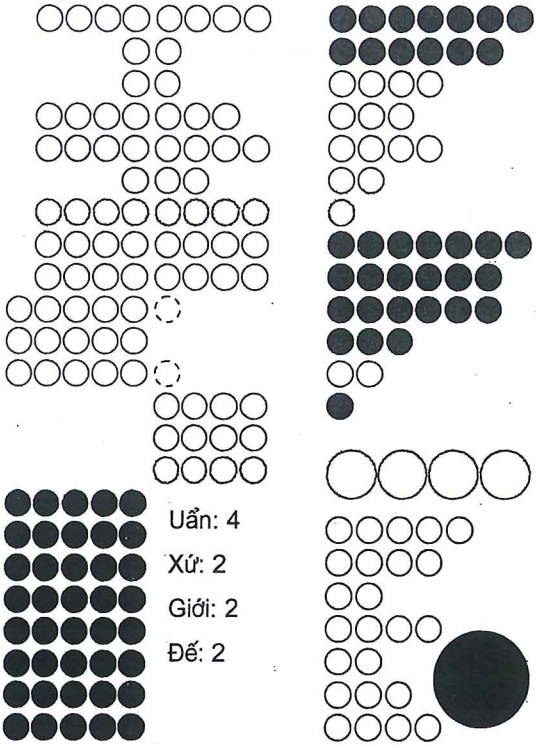

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cảnh Cái:*Nīvaraṇiyādhammā*- Tất cả Pháp Cảnh Cái.

1. Tại sao Pháp Thiện làm cảnh cho Cái?

Bởi vì chúng sanh (Danh sắc) bị sự che ngăn, mê mờ trong nhiều đời nhiều kiếp với những trạng thái xấu, cho nên dù bắt pháp Thiện làm cảnh nhưng do gốc từ Vô Minh (Vô Minh Cái) mà khởi sanh ái nhiễm từ sự mê luyến trầm mê nên vẫn khởi sanh pháp Cái.

Như là người làm việc thiện rồi lại bắt lại cảnh ấy, khởi lên vọng tưởng: ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác. Trong giai đoạn này không xoay chiều hướng để trí nhận định, tức là vào lộ thiện, mà chỉ xoay chiều hướng vào ái nhiễm tức là cho có cái ta và đắm nhiễm trong cái ta làm được. Vì vậy pháp Thiện vẫn là cảnh của Cái.

Hoặc là do sự đố kỵ, ganh tị, si mê... khi nhìn người khác làm các việc Thiện vẫn khởi lên pháp Cái, tức là việc thiện của người khác làm cảnh cho Cái sanh khởi.

2. Tại sao Pháp Bất thiện làm cảnh cho Cái?

Đây là điều dễ nhận vì pháp Bất thiện có tính chất lôi cuốn trong sự mê mờ mà tự thân không xét đoán, không làm cho tỏ rõ và không sáng suốt nên dễ dẫn cho pháp Cái sanh như là tự thân làm ác , sát sanh, trộm cướp, tà dâm... rồi thỏa thích, trầm luyến trong sự làm ác ấy thì tất nhiên các việc làm đó sẽ là đối tượng cho pháp Cái sanh khởi.

3. Tại sao Pháp Vô Ký làm cảnh cho Cái?

Pháp Vô Ký đây tức là ám chỉ cho Tâm Quả Hiệp thế, Tâm Tố và Sắc pháp.Tâm Quả Hiệp thế là trạng thái thành tựu từ các Dị Thời Nghiệp Duyên của quá khứ. Vì sao sự thành tựu này làm cảnh cho Cái? Vì đây là bắt sự thành tựu làm cảnh trên 2 khía cạnh Quả Thiện và Quả Bất thiện.

Như là thành tựu về khía cạnh Thiện thì có thể làm cảnh để sự tham đắm, trầm mê khởi sanh. Ví như ỷ vào sự quyền thế, tài trí... của mình có được mà không khéo tác ý nên khởi sanh lộ Bất thiện, tức là bắt cảnh đã thành tựu mà khởi lên pháp Cái.

Hoặc là thành tựu về khía cạnh Bất thiện thì có thể làm cảnh cho sự ngăn che khởi lên. Ví như tuy có kết quả tốt về tài sản, trí tuệ... nhưng lại khởi sanh đắm nhiễm, chấp lầm và mê mờ do không khéo chuyển tâm vào lộ Thiện.

Hoặc là bắt sự thành tựu của người khác làm cảnh mà khởi sanh pháp Cái. Như thấy sự thành tựu lợi lành của người khác (giàu sang, trí tuệ...) mà khởi sanh Dục Dục Cái, Sân độc Cái, Hôn thùy Cái, Điệu Hối Cái, Hoài nghi Cái và Vô minh Cái.

Cho đến Tâm Tố, tuy rằng là tâm của bậc Tứ Quả nhưng vẫn còn hiệp trong đời nên vẫn bị pháp Cái bắt làm cảnh. Như các hàng ngoại giáo vẫn có thể bắt các hành vi của bậc Tứ Quả làm cảnh và khởi sanh phiền não.

Sắc pháp là vật vô tri giác nhưng cũng có thể trở thành cảnh cho Pháp Cái biết. Đơn cử như nghe nhạc (cảnh thinh) mà khởi lên tham đắm, mê mờ trong cảnhấy.

4. Tại sao Tam Giới làm cảnh cho Cái?

Đây là ám chỉ cho các pháp Cái nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới. Nghĩa là các Pháp Cái là phải nương vào Dục, Sắc và Vô Sắc Giới để phát sanh. Vì trong các cõi như Dục Giới thì có Phiền Não Dục và các Phiền Não khác, cõi Sắc Giới thì có Phiền Não Sắc và các Phiền Não khác,cõi Vô Sắc Giới thì có Phiền Não Vô Sắc và các Phiền Não khác nên dễ cho pháp Cái nương mà phát sanh bởi do tính chất sôi nổi nóng nảy của phiền não dễ làm cho pháp Cái sanh khởi tức là pháp Cái có tính năng ngăn che tâm tốt.

5. Tại sao Ngũ uẩn làm cảnh cho Cái?

Bởi vì còn sự ái chấp, miệt mài trong ái thủ, phát sanh vọng tưởng về Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn là ta, là của ta, trong ta, thuộc về ta... Do sự sai lầm trong nhận định, nhận thức, vọng tưởng về cái không có thật (chơn tướng bản chất) cùng với lòng ái thủ đi chung với sự mê mờ tăm tối nên Cái sanh là vậy.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cảnh Cái:*Anīvaraṇiyādhammā* - Tất cả Pháp Phi Cảnh Cái.

Đạo (*Magga*), tức là Tâm Đạo hay Tâm Thiện Siêu thế, khi phát sanh có mãnh lực phá vỡ sự che ngăn của pháp Cái vì lúc bấy giờ với trạng thái tỏ rõ, tỏ ngộ, đang thấu triệt "tướng" của danh và sắc cũng từ duyên mà có, cũng từ duyên mà diệt nên có sức bật ra với mãnh lực tỏ ngộ:

1. Do ái sanh sắc mới sanh, do ái diệt thì sắc diệt.
2. Do nghiệp sanh sắc mới sanh, do nghiệp diệt thì sắc diệt.
3. Do vật thực sanh sắc mới sanh, do vật thựcdiệt thì sắc diệt.
4. Do vô minh diệt thì sắc diệt.

Song song đó cũng nhận ra và phá vỡ pháp che ngăn (pháp Cái) vì tỏ rõ và vượt thoát khỏi hành tướng nội ngoại phần, vượt thoát khỏi tích trữ, vượt thoát khỏi tái tục... bởi sự thấu hiểu:

1. Do vô minh sanh thì thọ mới sanh, do vô minh diệt thì thọ mới diệt.
2. Do ái sanh thì thọ mới sanh, do ái diệt thì thọ diệt.
3. Do xúc sanh thì thọ mới sanh, do xúc diệt thì thọ diệt.
4. Do nghiệp diệt thì thọ diệt.

Trong giai đoạn Đạo phát sanh (tâm Thiện siêu thế) có trạng thái:

1. Xả ly – không hoan hỷ
2. Ly tham – không tham dục
3. Diệt tắt – không tập khởi
4. Yểm ly – không chấp thủ
5. Niệm tỉnh - an trú

Nên pháp Cái không đủ sức bắt lấy tâm Đạo làm cảnh và đồng thời cũng là đang trong giai đoạn sát trừ phiền não, dứt tuyệt luôn cả mãnh lực tạo ác, dứt tuyệt chủng tử tái tục nên có tính chất vượt ngoài sự ràng buộc của Hiệp thế nên Cái không thể biết đặng là vậy.

Quả là do nghiệp Dị Thời của SH Tư hiệp với Tâm Đạo để lại mà tạo ra quảSiêu thế, tức là sự thành tựu từ Thiện Siêu thế. Do tính chất đã thành tựu, đã sát trừ, đã đoạn tận, đã dứt tuyệt các phiền não, các mãnh lực tạo ác, các nghiệp tái tục nên pháp Cái không có cơ hội bắt lấy làm cảnh.

Níp Bàn chỉ là đối tượng của Đạo Quả Siêu thế và pháp câu sanh nên pháp Cái càng không thể biết đặng. Vì Níp Bàn là cảnh hay đối tượng của Đạo Quả Siêu thế mà Đạo Quả Siêu thế, Cái còn không biết thì nói chi đến Níp Bàn.

NHỊ ĐỀ THỨ 46: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CÁI

(NĪVARAṆASAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Vô Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇa sampayuttādhammā - Tất cả Pháp Tương Ưng Cái.*
- *Câu 2:Nīvaraṇa vippayuttādhammā - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 757 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp Tương Ưng Cái và Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái *(Nīvaraṇa sampayuttādhammā, Nīvaraṇa vippayuttādhammā).* Gọi là Nhị Đề Tương Ưng Cái, như sau:

** Chư pháp tương ưng cái trong khi có ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng cái.

** Chư pháp bất tương ưng cái trong khi có ra sao?*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó tức là thọ uẩn... thức uẩn luôn cả sắc pháp và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp bất tương ưng cái (nīvaraṇa vippayuttādhammā).

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Tương Ưng Cái*(Nīvaraṇasampayuttaduka)* là phần gom tụ pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Tương Ưng Cáivà Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái.

1. Tất cả Pháp Tương Ưng Cái(*Nīvaraṇa sampayuttādhammā*)là những pháp nào có Cái phối hợp và hòa cùng pháp Cái mà có tính chất hòa trộn với Cái. Hay là pháp Tương Ưng Cái là trạng thái hòa trộn, cách hòa hợp (đồng sanh chung một lượt), trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách hòa hợp với Cái. Hay là những trạng thái bất thiện khởi sanh, hòa trộn cùng với pháp Cái thì những pháp ấy gọi là pháp Tương ưng Cái, đây chỉ cho 12 thứ tâm bất thiện và 27 SHH.
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái(*Nīvaraṇa vippayuttādhammā*) là những pháp nào không có Cái hòa trộn hoặc không hòa trộn với Cái. Hay là pháp Bất Tương Ưng Cái là trạng thái không hòa trộn, cách không hòa hợp, không hòa hợp sanh chung nhau, trạng thái hỗ trợ cùng nhau bằng cách không hòa hợp với pháp Cái. Đây chỉ cho 109 thứ tâm phi bất thiện, 38 SHH, sắc pháp và Níp Bàn.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Tương Ưng Cái là Pháp Bất Thiện. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà25 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlà tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là27SH hợp với tâm Bất thiện

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Bất thiện
2. Pháp giớilà27SH hợp với tâm Bất thiện

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là tâm Bất thiệnvà 26SHH (đã trừ Tham)
2. Tập đế làSH Tham

Tất cả Pháp Tương Ưng Cáilà Pháp Bất Thiện

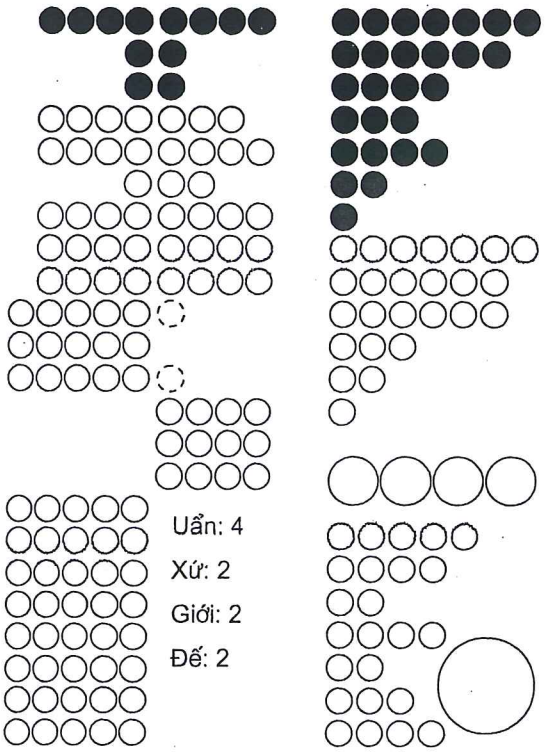

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái là Pháp Thiện và Pháp Vô Ký. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn làbản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với Tâm Thiện và Tâm Vô Ký
3. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với Tâm Thiện và Tâm Vô Ký
4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Thiện và Tâm Vô Ký
5. Thức uẩnlàTâm Thiện và Tâm Vô Ký

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm Thiện và Tâm Vô Ký
12. Pháp Xứ là38 SH(hợp với Tâm Thiện, Tâm Vô Ký), Sắc Tế và Níp Bàn

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11.Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12.Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13.Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14.Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15.Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức
} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16.Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17.Ý thức giớilàTâm Thiện và Tâm Vô Ký(đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18.Pháp giớilà38 SH(hợp với Tâm Thiện, Tâm Vô Ký), Sắc Tế và Níp Bàn

– Đế đặng 3 Đế:

1. Khổ đế làSắc pháp, Tâm Thiện và Tâm Vô KýHiệp thế và 38SHH
2. Diệt đế làNíp Bàn
3. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH(ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cáilà Pháp Thiện và Pháp Vô Ký

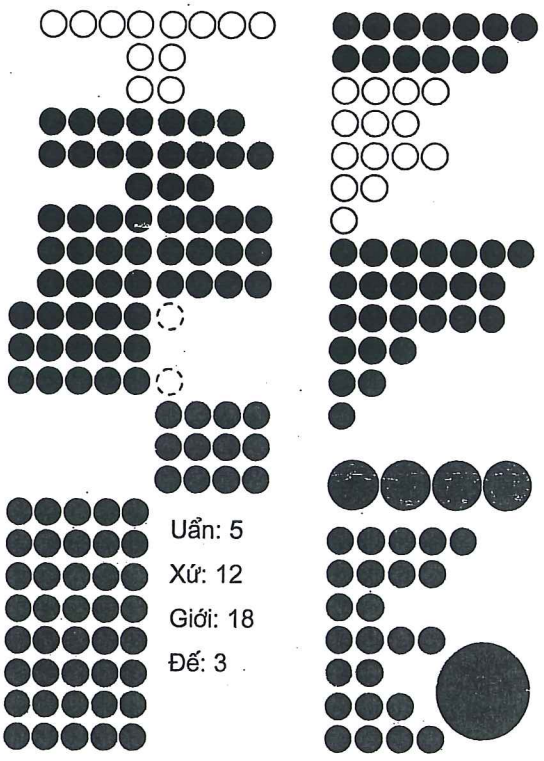

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Tương Ưng Cái:*Nīvaraṇa sampayuttādhammā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Cái.

Ở đây, Đức Phật Ngài nêu bày những pháp hòa trộn với Cái trên khía cạnh Uẩn với mục đích thấy được những nhóm pháp, phần pháp, đống pháp… mà hòa trộn với Cái tức là Thọ,

Tưởng, Hành, Thức uẩn. Hay nói cách khác, Ngài chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Bất thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành, Thức uẩn mà chỉ cho:

- SH Thọ phối hợp với 12 thứ Tâm Bất thiện tức là Thọ uẩn Bất thiện
- SH Tưởng phối hợp với 12 thứ Tâm Bất thiệntức là Tưởng uẩn Bất thiện
- 25 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 14 SH Bất thiện phối hợp với 12 thứ Tâm Bất thiệntức là Hành uẩn Bất thiện
- 12 thứ Tâm Bất thiệnlà Thức uẩn Bất thiện

Như vậy: 4 Uẩn Danh này hòa trộn với Cái, sanh chung với Cái, câu sanh với Cái, trạng thái hỗ trợ cùng Cái nên những pháp ấy gọi là pháp Tương Ưng Cái, tức pháp Bất thiện.

Lưu ý: Trường hợp khi Tâm Si làm pháp Tương Ưng Cái (Vô Minh Cái) thì lúc này bớt ra Si hợp Tâm Si vì tính chất vô nhân khi Si gặp Tâm Si. Bởi vì Pháp Tương Ưng Cái là chủ đề của câu pháp này thuộc về Hữu Nhân.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Tương Ưng Cái:*Nīvaraṇa vippayuttādhammā* - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái.

Ở đây, Đức Phật cũng chỉ ngay đến Pháp Siêu Lý trên khía cạnh Vô Ký và Thiện, vì Ngài dùng Thọ, Tưởng, Hành và Thức uẩn chỉ cho pháp ấy (pháp Bất tương ưng Cái), nghĩa là khi:

- SH Thọ phối hợp với 18 thứ tâm Vô nhân, 91 thứ tâm Tịnh hảo tức là Thọ uẩn Bất tương ưng cái
- SH Tưởng phối hợp với 18 thứ tâm Vô nhân, 91 thứ tâm Tịnh hảotức là Tưởng uẩn Bất tương ưng Cái
- 36 SH gồm Tợ Tha (11) (đã trừ Thọ, Tưởng), 25 SH Tịnh Hảo phối hợp với 18 thứ tâm Vô nhân, 91 thứ tâm Tịnh hảotức là Hành uẩn Bất tương ưng cái
- 18 thứ tâm Vô nhân, 91 thứ tâm Tịnh hảo là Thức uẩn Bất tương ưng Cái
- Luôn đến 28 Sắc pháp tức là Sắc uẩn Bất tương ưng Cái
- Và Vô vi giới tức Níp Bàn hay Vô vi ngoại uẩn cũng là Bất tương ưng cái

Như vậy: 4 Uẩn danh này, Sắc uẩn và Níp Bàn không thể hòa trộn với Cái, không sanh chung với Cái, không câu sanh với Cái (câu sanh theo lối Bất tương ưng duyên), trạng thái không hỗ trợ cùng Cái nên những pháp ấy gọi là pháp Bất Tương Ưng Cái.

Lưu ý: Trường hợp Si hợp Tâm Si do không tính trong Pháp Tương Ưng Cái nên là Pháp Bất Tương Ưng Cái.

NHỊ ĐỀ THỨ 47: NHỊ ĐỀ CÁI CẢNH CÁI

(NĪVARAṆANĪVARAṆIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇā ceva dhammā nivaraṇiyā ca - Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cái.*
- *Câu 2:Nīvaraṇiyā ceva dhammā no ca nivaraṇā - Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 758 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cáivà Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái *(Nīvaraṇā ceva dhammā nivaraṇiyā ca, Nīvaraṇiyā ceva dhammā no ca nīvaraṇā).* Gọi là Nhị Đề Cái Cảnh Cái, như sau:

* *Chư pháp cái và cảnh cái ra sao?*

Tức là pháp cái. Đây gọi là chư pháp cái và cảnh cái.

* *Chư pháp cảnh cái mà phi cái ra sao?*

Những pháp nào thành cảnh của pháp cái đó mà trừ ra pháp cái tức là pháp thiện, pháp bất thiện và pháp vô ký ngoài ra mà còn trong phạm vi lậu nương Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cảnh cái mà phi cái.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cái Cảnh Cái*(Nīvaraṇanīvaraṇiyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cáivà Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái.

1. Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cái(*Nīvaraṇā ceva dhammā nivaraṇiyā ca*) nghĩa là chính nó (Dục Dục Cái, Sân độc Cái, Hôn thùy Cái, Điệu Hối Cái, Hoài nghi Cái và Vô minh Cái) lại làm cảnh cho chính nó, tức là Pháp Cái. Hay là khi Cái đã sanh lại bị Pháp Cái khác biết được bắt làm cảnh. Nói gọn, chính trạng thái Cái ấy làm cảnh cho pháp Cái khác biết được nên gọi pháp Cái và Cảnh cái là vậy. Như khi Dục dục cái phát sanh mà không đặng theo ý muốn thì sẽ làm đối tượng cho Sân độc cái sanh khởi vậy v.v...
2. Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái(*Nīvaraṇiyā ceva dhammā no ca nīvaraṇā*) là những trạng thái chẳng phải Cái nhưng làm cảnh cho Pháp Cái, đây ám chỉ cho Pháp ngoài Cái (Pháp Hiệp thế trừ 8 chi pháp Cái) bị Pháp Cái bắt làm cảnh. Hay nói cách khác, những trạng thái làm đối tượng cho pháp Cái biết mà ngoài ra chi pháp Cái thì gọi là pháp Cảnh Cái mà Phi Cái.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cái là 8 chi Pháp Cái. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành uẩn là SH Tham, Sân, Si, Điệu cử, Hối hận, Hôn trầm, Thụy miên, Hoài nghi

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là 8 chi pháp Cái

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà 8 chi pháp Cái

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 7 chi pháp Cái(đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cáilà 8 chi Pháp Cái

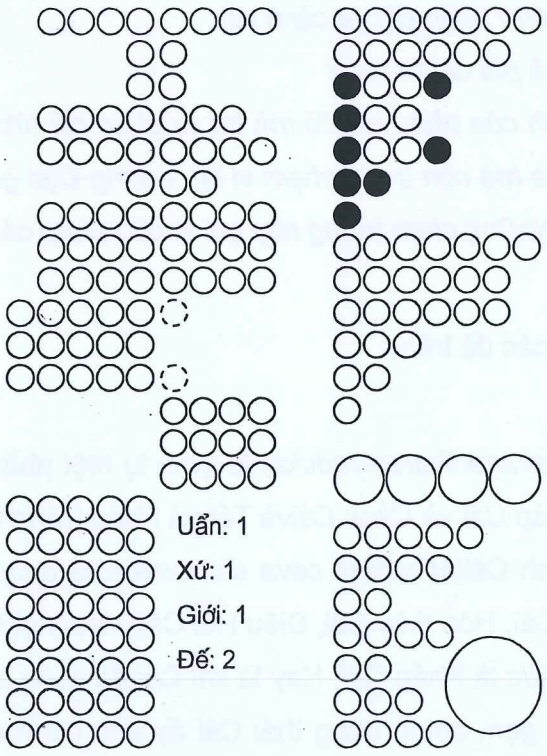

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái là Pháp Hiệp Thế (trừ ra 8 chi Pháp Cái). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩncó SH Thọ hợp với tâm Hiệp thế
3. Tưởng uẩnlà SH Tưởng hợp với tâm Hiệp thế
4. Hành uẩnlà 42 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Hiệp thế
5. Thức uẩnlà tâm Hiệp thế

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ là Sắc cảnh Khí
9. Vị Xứ là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ là Tâm Hiệp thế
12. Pháp Xứ là 44SH (hợp với Tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới là Sắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới là Sắc cảnh Khí
9. Vị Giới là Sắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới là Đôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới là Đôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới là Đôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới là Đôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới là Đôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilà Đôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilà 68Tâm Hiệp thế (đã trừ Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giới44SH (hợp với Tâm Hiệp thế) và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là Sắc pháp, tâm Hiệp thế và 44SHH

Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái là pháp hiệp thế (trừ ra 8 chi Pháp Cái)

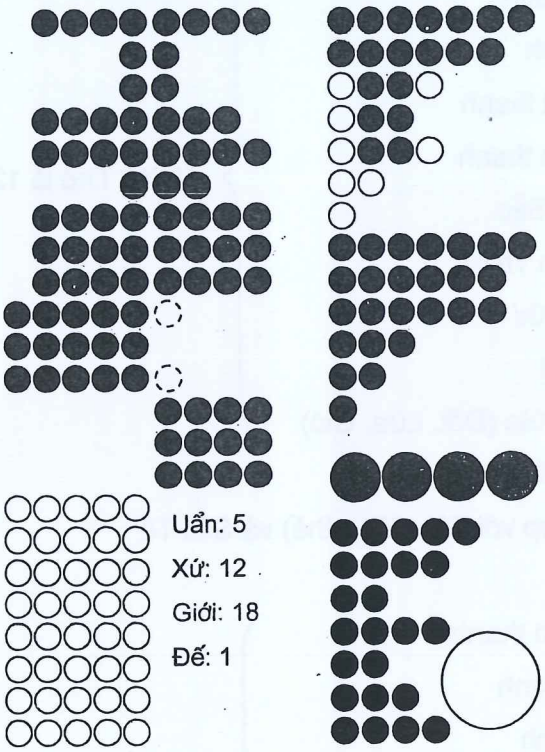

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cái Cảnh Cái: *Nīvaraṇā ceva dhammā nivaraṇiyā ca*- Tất cả Pháp Cái và Cảnh Cái.

Đây ám chỉ cho Dục Dục Cái, Sân độc Cái, Hôn thùy Cái, Điệu Hối Cái, Hoài nghi Cái và Vô minh Cái tức là SH Tham, SH Sân, SH Hôn trầm, SH Thùy miên, SH Điệu cử, SH Hối, SH Hoài nghi và SH Si trở thành cảnh cho Cái. Nghĩa là lục Cái làm cảnh cho Pháp Cái hay lục Cái làm đối tượng cho Pháp Cái, hoặc nói gọn là Cái bị Cái biết.

Chúng ta tìm hiểu các trường hợp nương theo Chánh Tạng như sau:

- Dục dục Cái làm cảnh cho Dục dục Cái: đây là trường hợp sự đắm nhiễm trong dục lạc trước đây trở thành cảnh cho sự đắm nhiễm sau đó khởi sanh lên, dù cách nhau một sát na hay một lộ trình tâm vẫn trợ cho Dục dục cái sau sanh khởi. Như người thường hưởng cảnh dục lạc, rồi lại thích thú tiếp trong cảnh dục lạc ấy (sắc đẹp, tiếng hay, vị ngon, mùi thơm, xúc tốt, khả hỷ, khả ái của ý).
- Sân độc Cái làm cảnh cho Dục dục Cái: như khi đau thân, khổ tâm vì vọng tưởng cái đau ấy, cái khổ ấy là thuộc về ta nên khởi lên cách tham ái, sự nhiễm đắm. Mặc dù trước đây bắt cảnh nghịch nhưng ái vẫn phát sanh bởi qua sự cảm thọ còn nghĩ thuộc về mình nên Sân độc cái làm cảnh cho Dục dục cái là vậy.

- Hôn thùy Cái làm cảnh cho Dục dục Cái: khi nghĩ đến thân và tâm cho dù trong lúc ấy có sự dã dượi, bần thần, biếng nhác nhưng vẫn khởi lên cách nhiễm cảnh, ái luyến vì muốn cho sướng thân, vừa ý như là chìu theo sự buồn ngủ mà tác động làm cho ái sanh sau đó.
- Điệu hối Cái làm cảnh cho Dục dục Cái:do tán loạn, lao chao và hối hận việc không đáng làm lại làm, việc đáng làm lại không làm rồi nghĩ tiếc rẻ, hối hận vì bởi không đáp ứng được cái vọng tưởng "của ta". Hay nói cách khác, trạng thái lao chao, tán loạn, hối hận, tiếc rẻ sẽ trở thành đối tượng cho tham dục bởi lẽ thương cái ta, không ngoài sự thỏa mãn ta phải được như vậy, như vầy... Nói gọn, khi hiện bày sự tán loạn từ hối hận, sự tiếc rẻ mà sanh ra việc không vừa lòng thích ý.
- Hoài nghi Cái làm cảnh cho Dục dục Cái:tại sao hoài nghi? vì không muốn thiệt thòi về ta nghĩa là cũng từ thương cái ta, vọng tưởng có cái ta nên thường nghi nan, nghi hoặc trước nhiều sự vật, sự việc như: mình gieo nhân thiện không biết có đặng quả lành không, nếu không đặng thì uổng phí, điều này nếu xét thấy thì rõ ràng thực chất hoài nghi để tránh cho cái ta thiệt thòi tức là cách hoài nghi làm cảnh cho Dục dục cái sanh là vậy. Hay nói cách khác, hoài nghi sanh trước làm (đối tượng) cho Dục dục cái phát sanh, như câu nói "giết lầm hơn tha lầm", vì tha lầm sẽ gây nhiều tổn hại cho ta, mà hễ nghĩ đến ta tức là tham ái (Dục dục cái).
- Vô minh Cái làm cảnh cho Dục dục Cái: dokhông biết Khổ, không biết Khổ tập, không biết Khổ diệt, không biết thực hành đường đi đến diệt khổ, không biết pháp đáng biết, không biết nhân quả, không biết Liên quan tương sinh... nên trợ cho nhân hiện tại là ái phát sanh, bởi từ hành động thiếu sáng suốt, thiếu suy xét cao siêu nên thường gây ra ái luyến nhiều như trường hợp vị quan tể tướng nhìn cô con gái của mình, dằn lòng không được rồi khởi lên lửa tham dục. Ta thấy cũng từ vô minh mà ái khởi tức sự mê mờ trong cảnh chỉ theo thường thức chế định, chấp theo lối nam nữ, nhìn cảnh rồi Dục dục cái sanhkhởi.

Các pháp Cái thay đổi mà làm cảnh cho nhau như: Dục dục cái làm cảnh cho Sân độc cái, Sân độc cái làm cảnh cho Sân độc cái, Hôn thùy cái làm cảnh choSân độc cái, Điệu hối cái làm cảnh cho Sân độc cái, Hoài nghi Cái làm cảnh cho Sân độc cái, Vô minh cái làm cảnh cho Sân độc cái.

Hay là: Dục dục cái làm cảnh cho Hôn thùy cái, Sân độc cái làm cảnh cho Hôn thùy cái, Hôn thùy cái làm cảnh choHôn thùy cái, Điệu hối cái làm cảnh choHôn thùy cái,Hoài nghi Cái làm cảnh choHôn thùy cái, Vô minh cái làm cảnh choHôn thùy cái.

Hoặc là: Dục dục cái làm cảnh choĐiệu hối cái, Sân độc cáilàm cảnh choĐiệu hối cái, Hôn thùy cáilàm cảnh choĐiệu hối cái, Điệu hối cái làm cảnh choĐiệu hối cái, Hoài nghi Cái làm cảnh choĐiệu hối cái, Vô minh cái làm cảnh choĐiệu hối cái.

Luôn đến: Dục dục cái làm cảnh choHoài nghi cái, Sân độc cáilàm cảnh choHoài nghi cái, Hôn thùy cáilàm cảnh choHoài nghi cái, Điệu hối cái làm cảnh choHoài nghi cái, Hoài nghi cái làm cảnh choHoài nghi cái, Vô minh cái làm cảnh choHoài nghi cái.

Và: Dục dục cái làm cảnh cho Vô minh cái, Sân độc cái làm cảnh choVô minh cái, Hôn thùy cáilàm cảnh choVô minh cái,Điệu hối cái làm cảnh choVô minh cái,Hoài nghi Cái làm cảnh choVô minh cái, Vô minh cái làm cảnh choVô minh cái.

Trên đây trình bày một số khía cạnh vừa là Cái vừa là Cảnh Cái, nghĩa là lúc làm pháp Cái lúc làm Cảnh Cái và ngược lại, khi làm Cảnh Cái khi làm Pháp Cái bởi vì những trạng thái của pháp Cái cũng là đối tượng thúc đẩy cho sự che ngăn cách tốt, sự lành phát sanh.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cái Cảnh Cái:*Nīvaraṇiyā ceva dhammā no ca nīvaraṇā*- Tất cả Pháp Cảnh Cái mà Phi Cái.

Ở đây, Đức Phật Ngài chỉ cho chúng ta biết những pháp còn trong hiệp thế, dù là Thiện, Bất thiện hay Vô ký cũng làm cảnh cho Cái.

- Đối với bản thân, khi làm việc phước thiện hay làm sự tốt rồi khởi lên cách mong muốn, sự mong muốn, quá mong muốn, nặng trong ái nhiễm... thì những pháp ấy sẽ làm cảnh cho Cái, mặc dầu không phải là Cái.
- Còn Bất thiện thì hẳn nhiên rồi, vì pháp này dễ dàng làm cảnh cho Cái sanh. Vì pháp bất thiện (ngoài pháp Cái) câu sanh chung với pháp Cái trọng quá khứ khi diệt rồi sẽ làm cảnh để khởi sanh pháp Cái trong hiện tại, như khi khởi lên tham ái, ham muốn (tâm tham) thì làm cảnh cho Dục dục Cái. Hay là khi Sân khởi sanh, do trái ý nghịch lòng (tâm sân) thì cũng trợ cho pháp Cái sanh như Vô Minh Cái chẳng hạn, vì không nhận rõ và thiếu sáng suốt để thấy không có cái ta để giận...
- Hoặc là những thành tựu (tâm quả) hoặc những trạng thái tâm làm chỉ là làm (tố) nếu thiếu tác ý khéo cũng khiến Pháp Cái sanh như:

- Khi cho kết quả bất thiện (tâm quả bất thiện vô nhân) thì bị Sầu Khóc Khổ Ưu Ai, khiến cho bị che ngăn trong pháp Cái bởi do không nhận ra thành tựu xấu này là do nhân trước kia đã tạo không tốt...
- Còn tâm Tố thì khi bắt cảnh hay nhìn các hành động của các bậc Tứ Quả mà người ác sẽ khởi lên tham muốn hay bị vô minh. Tại sao? Chẳng hạn như thấy vị đạt được thanh tịnh như bậc A La Hán thì khởi lên lòng luyến ái hoặc sân hận do nguồn gốc của si mê.

Những pháp trên Đức Phật nói về khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới. Ở đây, Thiện, Bất thiện, Vô ký là Thức uẩn; pháp câu sanh là Thọ uẩn, Tưởng uẩn, Hành uẩn; còn Sắc pháp là Sắc Uẩn, cho nên trong phần Chánh tạng, Đức Phật thường nhấn mạnh sau khi giải thích về phần pháp thì Ngài chuyển sang Uẩn, Xứ,... Khi nói về Uẩn, mục đích là để thấy sự khổ nhai ăn...

NHỊ ĐỀ THỨ 48: NHỊ ĐỀ CÁI TƯƠNG ƯNG CÁI

(NĪVARAṆA NĪVARAṆA SAMPAYUTTADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇā ceva dhammā nīvaraṇa sampayuttā ca - Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cái.*
- *Câu 2:Nīvaraṇasampayuttā ceva dhammā no ca nīvaraṇā - Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 759 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cáivà Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái *(Nīvaraṇā ceva dhammā nīvaraṇa sampayuttā ca, Nīvaraṇasampayuttā ceva dhammā no ca nīvaraṇā).* Gọi là Nhị Đề Cái Tương Ưng Cái, như sau:

** Chư pháp cái và tương ưng cái ra sao?*

Dục dục cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với dục dục cái.

Sân độc cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với sân độc cái.

Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

Điệu cử cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với điệu cử cái.

Hối hận cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hối hận cái.

Hoài nghi cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hoài nghi cái.

Dục dục cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với dục dục cái.

Sân độc cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với sân độc cái.

Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái.

Hối hận cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hối hận cái.

Hoài nghi cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hoài nghi cái.

Vô minh cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với vô minh cái.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cái và tương ưng cái.

** Chư pháp tương ưng cái mà phi cái ra sao?*

Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó mà trừ ra pháp cái ấy tức là thọ uẩn... thức uẩn.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp tương ưng cái mà phi cái.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Cái Tương Ưng Cái *(Nīvaraṇa nīvaraṇa sampayuttaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cái và Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái.

1. Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cái(*(Nīvaraṇā ceva dhammā nīvaraṇa sampayuttā ca*) tức là pháp Cái hòa trộn với pháp Cái, hay trạng thái pháp che ngăn này sanh, trong đó có sự hòa trộn của các trạng thái che ngăn khác như: Dục dục Cái hòa trộn với Vô minh Cái, như khi tham dục sanh khởi theo hướng Dục tầm, dục tưởng, tham ác... thì trạng thái ấy có sự hòa trộn của cách không sáng suốt, tạo nên mãnh lực ngăn che cách thiện, sự tốt, rồi bị mê mờ trong sự mong mỏi, rất mong mỏi, quá mong mỏi, ái nhiễm trầm nịch, thì trong đó bởi không sáng suốt, thiếu trí (Vô Minh Cái), những pháp này hiệp hòa cùng nhau nên gọi Pháp Cái tương ưng Cái... hoặc ngược lại Vô minh Cái hòa trộn với Dục dục Cái nghĩa là do sự ngu ngơ, khờ khạo, thiếu hiểu biết, thiếu gạn suy trước sự nguy hiểm của dục nên Vô minh hòa trộn với Dục dục Cái là vậy v.v...
2. Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái(*Nīvaraṇasampayuttā ceva dhammā no ca nīvaraṇā*) tức là hòa trộn với Pháp Cái nhưng không phải là trạng thái Cái, đây chỉ cho phần tâm Bất thiện và pháp câu sanh như: tâm Tham, tâm Sân, tâm Si sanh chung với lục Cái (từng phần) vì pháp bản thể của Cái là SH Tham (Dục dục Cái), SH Sân (Sân độc Cái), SH Hôn phần (Hôn thùy Cái), SH Điệu cử, Hối hận (Điệu hối Cái), SH Hoài nghi (Hoài nghi Cái), SH Si (Vô Minh Cái). Hay nói cách khác Pháp Tương Ưng Cái ở đây chỉ cho trạng thái tâm (Bất thiện) còn Pháp Cái là chỉ cho pháp bản thể của SH Tham, Sân, Hôn phần, Điệu cử, Hối hận, Hoài nghi và Si.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢN NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cái là 8 chi Pháp Cái. Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 1 Uẩn:Hành uẩn là SH Tham, Sân, Si, Điệu cử, Hối hận, Hôn trầm, Thụy miên, Hoài nghi

– Xứ đặng 1 Xứ:Pháp Xứ là 8 chi pháp Cái

– Giới đặng 1 Giới:Pháp giớilà 8 chi pháp Cái

– Đế đặng 2 Đế:

1. Khổ đế là 7 chi pháp Cái (đã trừ Tham)
2. Tập đế là SH Tham

Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cáilà 8 chi Pháp Cái

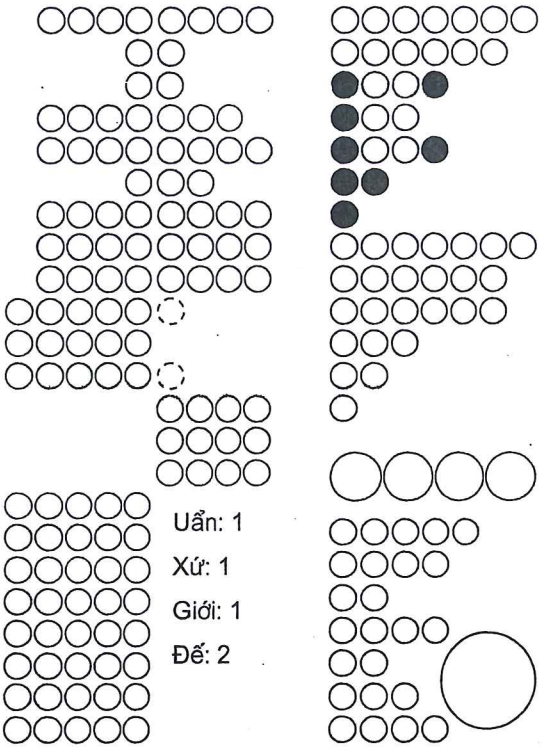

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái là Pháp Bất Thiện (trừ ra 8 chi Pháp Cái). Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlà SH Thọ hợp với tâm Bất thiện
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Bất thiện
3. Hành uẩnlà17 SH (đã trừ Thọ, Tưởng và 8 chi Pháp Cái) hợp với tâm Bất thiện
4. Thức uẩnlà tâm Bất thiện

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Bất thiện
2. Pháp Xứ là19SH hợp với tâm Bất thiện(đã trừ 8 chi Pháp Cái)

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giớilà tâm Bất thiện
2. Pháp giớilà19 SH hợp với tâm Bất thiện (đã trừ 8 chi Pháp Cái)

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đế là tâm Bất thiệnvà 19 SHH(đã trừ 8 chi Pháp Cái)

Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái là Pháp Bất Thiện (trừ ra 8 chi Pháp Cái)

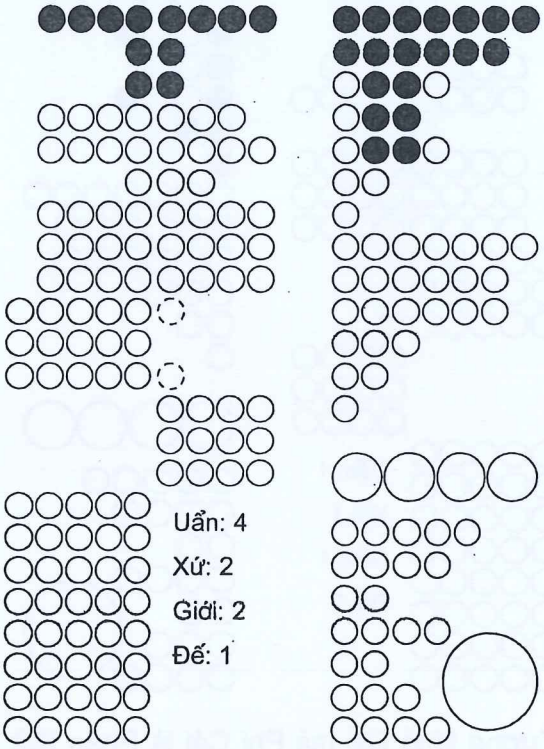

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Cái Tương Ưng Cái: *Nīvaraṇā ceva dhammā nīvaraṇa sampayuttā ca-* Tất cả Pháp Cái Tương Ưng Cái.

- *"Dục dục cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với dục dục cái"*:nghĩa là khi Dục dục Cái hòa trộn, tương tác với Vô minh Cái,hoặc ngược lại thì tạo ra một trạng thái tối tăm mà đắm nhiễm, bởi vì khi SH Tham và SH Si câu sanh với nhau, hòa trộn cùng nhau làm cho pháp ấy trở thành cuồng loạn hơn do không nhận ra thực tính bản chất của pháp nên ái nhiễm, tăm tối càng ái nhiễm, tăm tối. Hay nói cách khác, Vô minh Cái hòa trộn, tương tác với Dục dục Cái, do bị bưng bít trong sự tối tăm, không nhận ra pháp đáng biết, chỉ nhận theo lối thường thức chế định và nghĩ về vọng tưởng cái ta,rồi từ đó có ái nhiễm sanh tức là thương cái ta, mong mỏi cho cái ta được thế này, đặng thế kia, đây là Vô minh Cái hòa trộn với Dục dục Cái, giống như người đi trong màn đêm tăm tối, không thấy nên có sự sờ soạng, tìm kiếm, mong mỏi nhưng không vượt thoát ra sự tối tăm ấy. Nói gọn, 2 pháp này khi tương ưng là giúp nhau trong lối bắt cảnh bị bưng bít, mê mờ song song với lòng dục một cách mãnh liệt.
- *"Sân độc cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với sân độc cái"*: đây là 2 pháp hòa trộn làm cho sát na tâm lúc ấy trở nên nóng nảy trong sự

mê mờ, tức là Si hòa trộn Sân hay Sân hòa trộn với Si làm ngăn che tri kiến sáng suốt và phá vỡ cách tu quán hay tu tuệ. Bởi Si và Sân khi tương tác, hòa cùng nhau, trộn lẫn với nhau tạo ra trạng thái chẳng phán đoán, chẳng suy xét, không biết chi nên nóng nảy, bực bội, thiêu đốt đi đến phá hoại thân tâm và hư hoại trí tuệ. Nói cách khác, khi Sân hòa trộn với Si hay Si hòa trộn với Sân làm cho sự khổ thân, buồn tâm càng thêm nặng nề do mịt mờ trong cảnh.

- *"Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái"*: do tính chất sự không khéo hòa trộn của tâm, cách không vừa với cảnh, đồng thời bởi tác động mạnh trong lúc ấy do thói quen ngủ nghỉ theo danh sắc làm cho trạng thái lúc bấy giờ lui sụt càng thêm lui sụt, sần sượng bởi cảnh mê mờ vì không gặp nhân thích hợp, đây là trạng thái tương ưng giữa Hôn thùy và Vô minh. Hoặc sự phát sanh che khuất pháp sáng suốt bởi từ Si là căn bất thiện nên pháp câu sanh Hôn thùy đồng một lúc khởi sanh mà bị sự che đậy bằng những hiện tượng như: dã dượi, bần thần, cách chần chừ, lui sụt... do sự tối mờ trong lúc bắt cảnh mà thể hiện trạng thái uể oải, cách không thích với công việc của danh thân, thiếu tính năng linh hoạt, vì bị Si hòa trộn làm cách không khéo dụng tâm trở nên mờ tối, tối tăm và rơi vào trạng thái hộ kiếp; cho nên đây gọi là Vô minh cái tương ưng với Hôn thùy cái hay ngược lại Hôn trầm Thùy miên cái tương ưng với Vô minh cái.

  Đơn cử như: lúc ta lui sụt - dã dượi đưa đến sự ngáp ngủ (biểu lộ cách buồn ngủ) làm cho không yên tịnh, cách không yên ổn hiện bày làm cho khô khan, rất khô khan mà trong đó do tác động rất mạnh từ Vô minh tức bản chất Si làm cho pháp câu sanh Hôn thùy vẫn đồng bắt cảnh, tối mờ - mờ mịt nên mới có hiện tượng muốn ngủ, thái độ lười biếng, buồn ngủ, che ngăn thái độ tu tiến. Cho nên, nói đến tác hại của Hôn trầm và Thùy miên cùng với Vô minh tiềm thùy được Đức Thế Tôn đúc kết và dạy như vầy: *"Nếu mà Hôn trầm và Thùy miên đặng yên tịnh, vắng lặng, diệt tắt bằng cách yên ổn, hay làm cho điêu tàn, làm cho rất điêu tàn, làm cho khô khan, làm cho rất khô khan, đã làm cho bị xa lìa. Do nhân đó mới gọi là đã đặng trừ Hôn trầm – Thùy miên bằng cách như thế..."*. Cũng trong vấn đề Hôn trầm và Thùy miên được Đức Phật dạy thêm rằng (634 – Bộ Phân tích): *"Nói thành người xa lìa Hôn trầm - Thùy miên nghĩa là Bậc rảnh khỏi Hôn trầm – Thùy miên bởi vì Phíc-khú đã buông bỏ, đã giải phóng, đã trừ, đã ói ra, đã bỏ giao hoàn, vì đã bỏ giao hoàn Hôn trầm và Thùy miên ấy. Do nhân đó mới gọi là thành Bậc xa lìa Hôn trầm và Thùy miên bằng cách như thế"*
- "Trạo cử (điệu cử) cái tương ưng với Vô minh cái, Vô minh cái tương ưng với Trạo cử (điệu cử) cái. Hối hận cái tương ưng với Vô minh cái, Vô minh cái tương ưng với Hối hận cái": đây là phần gom của Điệu cử cái, Hối hận cái và Vô minh cái. Ba trạng thái

này hòa trộn: sự tán loạn + cách không yên + lờ đờ trong cảnh. Chúng ta thẩm nghiệm, một khi "chẳng thấy tiếc" việc làm bất thiện hoặc đậm đạp là việc ác thì sẽ thấy 3 trạng thái tương hợp với nhau trong 1 sát na tâm vì khi tìm hiểu 2 cụm từ:

1. "Chẳng thấy": nghĩa là chẳng nhận ra bản thể, bản chất chân tướng làm cho lờ mờ, tối tăm trong cảnh, đây ám chỉ cho Si (Vô minh). Tức là bất tri (không biết) xem như không thấy pháp bản chất của Khổ, pháp Tập Khổ, pháp Diệt khổ và phương pháp đưa đến diệt khổ, vì vậy không thấy cũng như không biết bản chất thật của Uẩn, Xứ... do bị che khuất lý tánh nên bị lờ đờ trong cảnh là điều tất nhiên.
2. "tiếc": được tính trên 2 khía cạnh. Một là hối tiếc, tiếc rẻ, ân hận vì đã để mất, để lỡ... Hai làkhi sự tiếc rẻ hiện bày lúc đó không yên, dao động mà thể hiện qua hiện tượng lao chao, tán loạn.

Như vậy, một khi chẳng thấy tiếc hành vi, việc làm ác, xấu thì ta thấy sự biểu lộ của 3 pháp mà có sự hòa trộn với nhau là Điệu cử, Hối hận và Si. Nghĩa là khi "tiếc", trạng thái này vừa tán loạn trong cảnh, vừa tiếc rẻ sự việc, vừa không thấu rõ hữu vi pháp cùng khởi sanh một lúc.

- "*Hoài nghi cái tương ưng với vô minh cái, vô minh cái tương ưng với hoài nghi cái*": đây là sự trộn lẫn, ràng chặt giữa trạng thái nghi nan, nghi hoặc như hoài nghi Tam Bảo, hoài nghi Tam học, hoài nghi Liên quan tương sinh... Sự nghi nan phát sanh do từ tính chất tối tăm, không sáng suốt, nên khi 2 pháp này hòa hợp cùng nhau, nói theo thường thức làm cho lý trí bị mê mờ, không nhìn nhận đâu là pháp đúng, đâu là pháp sai. Nghĩa là không nhận ra được quá trình tu tập trước đây của Đức Phật là thật nên đâm ra hoài nghi về sự thật như không biết Nhất thiết chủng trí của Phật là thế nào... Hay là sự hòa trộn giữa thói quen bị nhốt kín trong cách tối mê, bị chặn bít không có lối ra do lờ đờ, mê mẩn trong cảnh với thái độ lừng chừng, không thể dứt khoát, sự quyết đoán cảnh không đặng. Những trạng thái này gọi là Hoài nghi cái tương ưng với Vô minh cái hay ngược lại, Vô minh cái tương ưng với Hoài nghi cái là vậy.
- "*Dục dục cái tương ưng với trạo cử (điệu cử) cái, trạo cử (điệu cử) cái tương ưng với dục dục cái*":Dục dục cái là pháp che ngăn Thiện, thông qua trạng thái mong mỏi quá thương yêu, ham muốn quá nồng nàn khiến cho tâm lúc nào cũng không đặng yên, bởi vì Dục ở đây là cách mong mỏi, sự quá mong mỏi, thái độ mong mỏi, khát khao với tính chất hưởng dục lạc nên lúc nào cũng tìm tòi bắt cảnh để thỏa mãn lòng ham muốn ấy, do đó cách bị dao động này, tán loạn này, lao chao này chính là Điệu cử hòa trộn cùng với Dục dục cái, phát sanh lên một trạng thái hưởng cảnh dục lạc mà không biết đủ, không đáp ứng được vừa lòng, thích ý như người khát nước uống phải nước muối thì càng khát hơn... Hoặc như loài khỉ khi hái được quả không chịu ở yên để hưởng,

mà lại tiếp tục tìm kiếm nhiều loại quả, trái cây khác để hưởng thêm. Đây có thể được xem như Dục dục cái hòa trộn với Điệu cử cái hay Điệu cử cái hòa trộn với Dục dục cái là vậy.

- "*Sân độc cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với sân độc cái*": Sân độc cái là sự che ngăn pháp Vô sân, bít kín trạng thái thanh lương mà hiển lộ bằng cách phá hại thân tâm và hư hoại trí tuệ hay tuệ quán với biểu hiện thô thiển, thô tháo mà lại trộn lẫn sự tán loạn dẫn đến sân càng sân tức là do không yên trong lúc bắt cảnh cộng thêm sự buồn, cách rầu v.v... nên khi 2 pháp này hòa trộn (tương ưng) làm cho pháp câu sanh thiêu đốt càng thiêu đốt, nóng càng thêm nóng... Bởi vì khi sân là bắt cảnh nghịch do pháp bản chất là SH Sân, làm cho tâm bị thô, SH bị sượng, đồng thời chịu tác động cách lao chao, phân tán của pháp câu sanh là Điệu cử nên khi Sân mà không yên là vậy. Còn ngược lại, khi tâm không yên cũng dễ bắt cảnh nghịch vì sự lao chao, không trụ tĩnh dễ dàng bị tác động cách trái ý, nghịch lòng như nghĩ chuyện này xọ chuyện kia, nhớ chuyện cũ, trong lúc ấy có trường hợp sự bất bình sẽ phát sanh. Đây là Sân độc cái tương ưng với Điệu cử cái hay Điệu cử cái tương ưng với Sân độc cái là vậy.
- "*Hôn trầm thùy miên cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hôn trầm thùy miên cái*": đây là trạng thái Hôn thùy + Điệu cử, 2 pháp này che ngăn pháp tốt trên phương diện làm cho không có tỉnh táo, yên lặng của thân và tâm bằng vào sự lui sụt, dựa vào tính năng của pháp ấy làm cho các pháp câu sanh bị chặn đứng sự cần tiến, tiến tới. Điều này nên hiểu có sự tán loạn của lui sụt như khi đi lùi cũng có sự lui sụt, lao chao có sự đi qua bên này đi qua bên kia. Hay nói cách khác, khi Hôn thùy hòa trộn với Điệu cử làm cho pháp câu sanh vắng bặt sự siêng năng, đồng thời trong lúc này cũng có mặt cách lao chao làm cho tâm và SH rơi dần vào hộ kiếp, hoặc làm cho lộ trình của tâm chậm lại dễ gây nên sự ngái ngủ, không yên và ngủ.
- "*Hối hận cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hối hận cái*":Sự tiếc rẻ hòa trộn với cách tán loạn sẽ làm cho pháp câu sanh tăng thêm sự bấn loạn trong tiếc nuối sự việc, sự vật mà mình đã tạo. Nghĩa là bực bội, tức tối với sự việc đã qua hay sự đã làm, vì trong lúc ấy cách bực bội, sự bực tức không ngừng dao động do điệu cử chen vào. Hay do tâm không yên, trạng thái biết bị tán loạn vì sự tiếc rẻ, ân hận, đây là sự tương ưng giữa Điệu cử và Hối hận.
- "*Hoài nghi cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với hoài nghi cái*": do tính chất lưỡng lự, phân vân, cách hoài nghi, tư cách nghi... những hiện tượng này phát sanh, chúng ta thấy không bao giờ yên một chỗ của pháp vì có điệu cử phối cùng, tức là cách nghi nan, sự nghi hoặc làm tâm phân hai thì cũng đủ thấy rõ tâm không

đặng trụ yên, vắng bặt vì điệu cử làm cho khuấy động. Hay nói cách khác, khi hiển lộ cách không dứt khoát, không thể quyết đoán, ý do dự, nghi nan hay không cương quyết thì thực chất trong trạng thái ấy đã bị chi phối bởi tính năng của điệu cử vì điệu cử là nguyên nhân làm cho tâm không yên tịnh nên mới không dứt khoát, không thể quyết đoán... Vì vậy, đây là cách hòa trộn giữa Hoài nghi cái và Điệu cử cái hay Điệu cử cái và Hoài nghi cái. Riêng phần Điệu cử cái tương ưng Hoài nghi cái có thể hiểu như vầy: sự tán loạn, lao chao là do cách nghi, sự ngờ, không quyết tin Tam Bảo, Tam học v.v...

- "*Vô minh cái tương ưng với điệu cử cái, điệu cử cái tương ưng với vô minh cái*": khi hai trạng thái tương ưng là Vô minh cái + Điệu cử cái (mê mờ + tán loạn) tức là cách trái ngược với trí, không thấu đáo hay tối tăm (không biết cái đáng biết) và nhất là không rõ pháp thực tính, hòa trộn với sự không yên tịnh của tâm thì phơi bày hình thức như người quờ quạng trong bóng đêm, mò mẫm trong bóng tối... Có nghĩa là sự không đặng thấy cảnh rõ ràng, thiếu sáng suốt nên rơi vào cách bấn loạn hoặc lúc ta không yên bằng cách lao chao của tâm thì trong đó do tác động của sự tối mê (căn Si bất thiện). Hay bởi tâm không yên, thiếu cách đình trụ trong trạng thái là do sự thiểu trí, khờ khạo, cách vô tri, sự bất kiến... đây là Điệu cử hòa trộn với Vô minh.

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp cái và tương ưng cái.

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Cái Tương Ưng Cái:*Nīvaraṇasampayuttā ceva dhammā no ca nīvaraṇā*- Tất cả Pháp Tương Ưng Cái mà Phi Cái.

- *"Những pháp nào tương ưng với pháp cái đó mà trừ ra pháp cái ấy"*:đây chỉ cho 12 thứ tâm Bất thiệnvà các SHH đã trừ ra chi pháp Cái (SH Tham, SH Sân, SH Si, SH Hôn trầm, SH Thùy miên, SH Điệu cử, SH Hối và SH Hoài nghi).
- *"tức là thọ uẩn... thức uẩn":*

- SH Thọ là Thọ uẩn bất thiện: đây chỉ cho SH Thọ phối hợp với 12 thứ tâm bất thiện.
- SH Tưởng là Tưởng uẩn bất thiện: đây chỉ cho SH Tưởng phối hợp với 12 thứ tâm bất thiện.
- 17 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) là Hành uẩn bất thiện: đây chỉ cho 17 SH phối hợp với 12 thứ tâm bất thiện.
- 12 thứ tâm bất thiện là Thức uẩn bất thiện.

Những pháp trên đây là hòa trộn với pháp Cái (tương ưng Cái) nhưng không phải là bản chất pháp Cái nên gọi là Phi Cái.

Tìm hiểu tại sao hòa trộn với pháp Cái mà gọi là Phi Cái?

Nói về chi pháp bản chất thì Tất cả Pháp Tương Ưng Cáiđược tính trên 2 khía cạnh:

- Pháp Cái vừa tương ưng với pháp Cái và cũng gọi là pháp Cái(đây chỉ cho các pháp cái hòa trộn với nhau).
- 12 thứ tâm bất thiện + SHH gọi là tương ưng Cái nhưng không phải là bản chất pháp Cái nên gọi là Phi Cái.

Đơn cử như:

- Khi tâm Tham sanh thì tâm ấy đã cótính chất hòa trộn vớipháp Cái rồi, nghĩa là gọi tâm Tham bởi có căn Tham (Dục dục cái) tức sự hòa trộn giữa trạng thái (tâm) với trạng thái (pháp Cái – căn Tham). Ta rút ra nhận xét như vầy: tâm tham là pháp tương ưng với pháp cái nhưng tâm tham không phải là pháp Cái vì vậy tâm Tham là pháp hòa trộn với Cái mà phi Cái.
- Hay khi Tâm Sân sanh khởi thì cũng phải có căn Sân phối hợp, nếu tính trên phương diện hòa trộn với pháp Cái thì ta phân định như vầy: tâm Sân sanh thì có căn Sân cùng đồng sanh mà căn Sân tức SH Sân, nói về pháp Cái thì SH Sân là pháp bản chất của Sân độc Cái, vì vậy cũng đủ cho thấy tâm Sân là pháp tương ưng với pháp Cái mà phi Cái.

Hai trường hợp nêu trên chỉ tính pháp tương ưng Cái mà phi cái trên phương diện một pháp Cái, nhưng khi tâm Tham hoặc tâm Sân sanh phải hòa trộn tương tác có lúc nhiều pháp Cái cùng một lúc, như là:tâm Tham câu hành hỷ tương ưng kiến hữu dẫn thì tâm này sẽ tương ưng với Dục dục cái, Vô minh cái, Hôn thùy cái và Điệu hối cái.

Hoặc tâm Sân câu hành ưu tương ưng khuể hữu dẫn thì tâm này sẽ tương ưng với Sân độc cái, Vô minh cái,Hôn thủy cái và Điệu hối cái.

Còn 2 thứ tâm Si cũng là pháp tương ưng Cái nhưng phi Cái không ngoài ý nghĩa đã trình bày trên. Trong đó:

- Tâm Si câu hành xả tương ưng Hoài nghi là pháp tương ưng với Hoài nghi cái và Vô minh cái.
- Tâm Si câu hành xả tương ưng Điệu cử là pháp tương ưng với Điệu cử cái và Vô minh cái.

Như vậy:pháp nào hòa trộn với pháp Cái chưa hẳn là pháp Cái, vì các loại tâm bất thiện chỉ là tương ưng với Cái nhưng phi Cái bởi bản chất của tâm chỉ là biết cảnh theo lối niêm luật là vậy, còn SH thì có nhiều bản chất nói lên nhiều tính năng như: ngâm chìm (Lậu), cuốn trôi (Bộc), kết dính (Phối), trói buộc (Triền), cột siết (Phược), che ngăn (Cái), ngủ nghỉ theo danh sắc (Tiềm thùy) và nóng nảy sôi nổi (Phiền não).

NHỊ ĐỀ THỨ 49: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CÁI CẢNH CÁI

(NĪVARAṆA VIPPAYUTTA NĪVARAṆIYADUKA)

(Nhị đề Chiết Bán Hữu Dư)

I. CHÁNH TẠNG

- *Câu 1:Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā nīvaraṇiyā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái.*
- *Câu 2:Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā anivaraṇiyā pi - Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái.*

Trong Bộ Pháp Tụ - Phần Toát Yếu, Đầu Đề Nhị *(Duka)*,ở câu 760 Phật Ngài có dạy về trạng thái của 2 Pháp là: Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cáivà Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái *(Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā nīvaraṇiyā pi, Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā anivaraṇiyā pi).* Gọi là Nhị Đề Bất Tương Ưng Cái Cảnh Cái, như sau:

** Chư pháp ly cái mà cảnh cái ra sao?*

Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó, tức là pháp thiện, pháp vô ký còn trong phạm vi lậu mà nương Dục giới, Sắc giới và Vô sắc giới tức là sắc uẩn... thức uẩn. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái.

** Chư pháp ly cái và phi cảnh cái ra sao?*

Đạo, quả siêu thế và vô vi giới. Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly cái và phi cảnh cái.

II. THÍCH TỪ

- Xem phần thích từ của các đề trên.

III. ĐỊNH NGHĨA

Nhị Đề Bất Tương Ưng Cái Cảnh Cái*(Nīvaraṇa vippayutta nīvaraṇiyaduka)* là gom tụ một phần pháp Siêu Lý thành 2 trạng thái pháp là Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cáivà Tất cả PhápBất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái.

1. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái(*Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā nīvaraṇiyā pi*): Bất tương ưng Cái tức là không hòa trộn với pháp cái, không hòa hợp với pháp che ngăn nhưng lại là đối tượng cho pháp Cái biết. Hay là những trạng thái mà pháp Cái bắt làm cảnh được mà không có tính chất hòa trộn với pháp Cái thì những pháp ấy gọi là Bất tương ưng Cái mà cảnh Cái, đây chỉ cho pháp hiệp thế (đã trừ ra pháp bất thiện).
2. Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái(*Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā anivaraṇiyā pi*): đây là một trạng thái pháp đối nghịch, không tương tác với pháp Cái,

không hòa trộn với pháp Cái mà cũng không bị pháp Cái bắt làm đối tượng để biết, vì pháp ấy có tính chất vượt thoát, thoát ly, chặn bít các triền phược, pháp đó là pháp Siêu thế. Do tính chất đặc biệt xuất thế gian, bất hợp trong đời nên Đạo, Quả và Níp Bàn không hòa trộn với Cái và đồng thời pháp Cái không đủ sức bắt lấy làm cảnh để biết, cho nên Siêu thế pháp là Bất tương ưng Cái phi cảnh Cái là vậy.

IV. ĐIỀU PHÁP – CHI PHÁP – BẢNG NÊU

▶ Câu 1:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái là Pháp Hiệp Thế (trừ ra Bất Thiện). Chi pháp trong câu 1 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 5 Uẩn:

1. Sắc Uẩn là bản chất Thân ta, có 28 thứ Sắc pháp
2. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với Tâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)
3. Tưởng uẩncó SH Tưởng hợp với Tâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)
4. Hành uẩnlà36 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với Tâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)
5. Thức uẩnlàTâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)

– Xứ đặng 12 Xứ:

1. Nhãn Xứlà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Xứ là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Xứ là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Xứ là sắc Thiệt thanh
5. Thân Xứ là sắc Thân thanh
6. Sắc Xứ làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Xứ là sắc cảnh Thinh
8. Khí Xứ làSắc cảnh Khí
9. Vị Xứ làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Xứ là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Xứ Thô là 12 Sắc Thô

11. Ý Xứ làTâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)
12. Pháp Xứ là38SH hợp với Tâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện) và Sắc Tế

– Giới đặng 18 Giới:

1. Nhãn Giớilà sắc Nhãn thanh
2. Nhĩ Giới là sắc Nhĩ thanh
3. Tỷ Giới là sắc Tỷ thanh
4. Thiệt Giới là sắc Thiệt thanh
5. Thân Giới là sắc Thân thanh
6. Sắc Giới làSắc cảnh Sắc
7. Thinh Giới là sắc cảnh Thinh
8. Khí Giới làSắc cảnh Khí
9. Vị Giới làSắc Cảnh Vị
10. Xúc Giới là sắc cảnh Xúc (Đất, Lửa, Gió)

} 10 Giới Thô là 12 Sắc Thô

11. Nhãn Thức Giới làĐôi Nhãn Thức
12. Nhĩ Thức Giới làĐôi Nhĩ Thức
13. Tỷ Thức Giới làĐôi Tỷ Thức
14. Thiệt Thức Giới làĐôi Thiệt Thức
15. Thân Thức Giới làĐôi Thân Thức

} 5 Giới Thức là Ngũ song thức

16. Ý giớilàĐôi Tiếp Thâu và Khai Ngũ Môn
17. Ý thức giớilàTâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện,Ngũ song thức và Ý giới)
18. Pháp giớilà38SH hợp với Tâm Hiệp Thế (đã trừ Bất thiện)và Sắc Tế

– Đế đặng 1 Đế:Khổ đếlàSắc pháp, tâmhiệp thế (đã trừ bất thiện)và 38SHH

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái là Pháp Hiệp Thế
(trừ ra Bất Thiện)

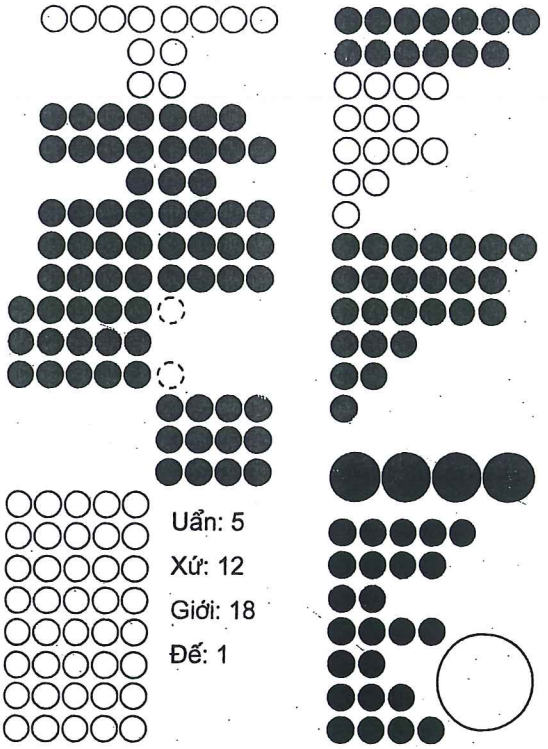

▶ Câu 2:Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái là Pháp Siêu Thế. Chi pháp trong câu 2 chia theo khía cạnh Uẩn, Xứ, Giới, Đế như sau:

– Uẩn đặng 4 Uẩn:

1. Thọ uẩnlàSH Thọ hợp với tâm Siêu thế
2. Tưởng uẩnlàSH Tưởng hợp với tâm Siêu thế
3. Hành uẩnlà34 SH (đã trừ Thọ, Tưởng) hợp với tâm Siêu thế
4. Thức uẩnlà tâm Siêu thế

Ngoại UẩnlàNíp Bàn

– Xứ đặng 2 Xứ:

1. Ý Xứ là tâm Siêu thế
2. Pháp Xứ là36 SH hợp với tâm Siêu thếvà Níp Bàn

– Giới đặng 2 Giới:

1. Ý thức giới là tâm Siêu thế
2. Pháp giớilà36 SH hợp với tâm Siêu thếvà Níp Bàn

– Đế đặng 2 Đế:

1. Diệt đế làNíp Bàn
2. Đạo đế là Bát chi SH tương ưng (hợp, hoà trộn) với tâm Thiện Siêu thế

Ngoại đế làtâm Siêu thế và SHH (ngoài Đạo đế)

Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cáilà Pháp Siêu Thế

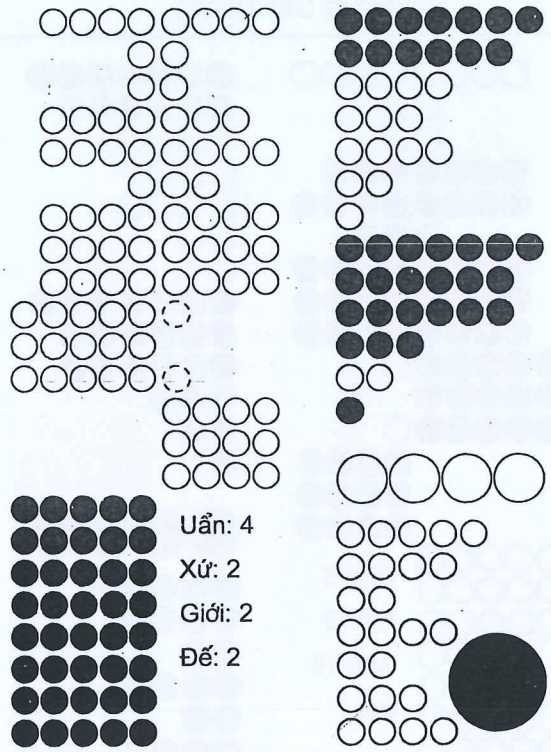

V. PHÂN GIẢI

❖ Câu thứ nhất trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Cái Cảnh Cái:*Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā nīvaraṇiyā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái.

* *Chư pháp ly cái mà cảnh cái ra sao?*

Chữ ly ở đây là rời, không có sự liên kết cùng chung một sát na (tâm), một nghĩa khác là bất hòa hợp. Hay nói cách khác, ly và bất là khác từ nhưng có nghĩa tương đồng vì vậy, pháp ly cái cũng là Pháp Bất tương ưng Cái.

- *"Những pháp nào bất tương ưng với pháp cái đó"*:tức là các trạng thái khi sanh khởi của pháp hữu vi không có sự hòa trộn cùng Dục dục cái, Sân độc cái, Hôn thùy cái, Điệu hối cái, Hoài nghi cái và Vô Minh cái nhưng các trạng thái này có thể làm đối tượng để các pháp Cái biết.
- *"tức là pháp thiện"*:đây chỉ chocác thứ tâm Đại Thiện, cũng như các thứ tâm Thiện Đáo Đại cùng các SH câu sanh. Các trạng thái này thuộc về Tịnh Hảo nên khi phát sanh không thể có Pháp Cái sanh chung, tức là không hòa trộn cùng Pháp Cái. Tuy nhiên, các pháp này vẫn có thể bị pháp Cái lấy làm đối tượng để biết vì pháp thiện này còn nằm trong phạm vi của Lậu, hoặc còn trong sự kềm chế của triền phược, như người làm việc thiện rồi lại cho là ta đã làm được việc có công đức lớn cho người khác...
- *"pháp vô ký"*:tức là 32 Tâm Quả hiệp thế, Đại tố, Tố đáo đại cùng các pháp câu sanh và Sắc pháp.

⇨ Các Tâm Quả Hiệp thế là các trạng thái hiện bày sự thành tựu từ các nghiệp nhân xấu tốt quá khứ đã tạo, trong đó bao gồm 15 Tâm Quả Vô Nhân, 8 Đại Quả và 9 Quả Đáo Đại, tuy khi phát sanh không có sự hòa trộn cùng pháp Cái nhưng cũng có thể làm cảnh cho Cái bắt như mê đắm với thành tựu (tài trí, lợi lộc...) đang có, chấp là của mình... hoặc khi lãnh nhận kết quả không tốt thì bị cuốn hút, chặn bít, không sáng suốt mà khởi lên buồn, lo, sầu, khóc...

⇨ Cho đến các Tâm Tố tuy không hòa trộn cùng Cái nhưng vẫn hiệp trong đời nên các hành vi của bậc A La Hán vẫn có thể bị ngoại giáo lấy đó mà khởi sanh phiền não.

⇨ Sắc pháp là vô tri vô giác nên không hòa trộn cùng pháp Cái nhưng cũng sanh theo lối sắc ái, sắc mãn ý tức nhãn là sắc ái, sắc mãn ý trong đời, thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhãn ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhãn ấy; hay nhĩ... tỷ... thiệt... thân... ý thành sắc ái, sắc mãn ý trong đời, thì ái đây khi sanh cũng sanh từ nơi nhĩ.... ý ấy, khi đình trụ cũng đình trụ nơi nhĩ... ý ấy. Đồngthời, sắc pháp cũng là cảnh cho Nhãn Thức, Nhĩ thức, Tỷ Thức, Thiệt Thức, Thân thức cho đến Ý Thức bắt. Nếu không khéo tác ý xoay chiều hướng tâm vào lộ thiện thì có thể khởi lên các phiền não, trong đó có Tham (Dục dục cái), Sân (Sân độc cái) và Si (Vô Minh Cái).

- *"còn trong phạm vi lậu mà nương cõi dục giới, sắc giới, vô sắc giới"*:các pháp đã nêu trên phải nương vào Tam Giới để phát sanh. Vì Tam Giới vẫn còn bị hiệp trong vòng vây của sanh tử luân hồi, già, chết, khổ, sầu... mà nguyên do là bị Pháp Lậu dẫn dắt.
- *"Tức là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, thức uẩn":* đây, Đức Phật giảng dạy về khía cạnh các pháp Bất Tương Ưng Cái mà Cảnh Cái theo lối Ngũ Thủ Uẩn, rồi từ đó khởi sanh các vọng tưởng về bản ngã như thấy Sắc Uẩn là ta, ta là Sắc Uẩn...

Những chơn tướng nầy gọi là chư pháp ly cái mà cảnh cái (āsava vippayuttā sāsavā).

❖ Câu thứ hai trong Nhị Đề Bất Tương Ưng Cái Cảnh Cái:*Nīvaraṇa vippayuttā kho pana dhammā anivaraṇiyā pi*- Tất cả Pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái.

1. Tại sao Đạo Siêu thế là Bất Tương Ưng Cái và phi cảnh Cái?

Đạo Siêu thế hay Tâm Thiện Siêu thế, lúc sanh khởi là trong giai đoạn đang sát trừ hay đang đoạn tận từng phần phiền não, lậu hoặc. Nghĩa là các sát na tâm trong lúc này tạo một mãnh lực kiên cố để vượt thoát, chặn bít các pháp Bất thiện, trong đó nổ bật các pháp Cái, nên rõ ràng không thể hòa trộn, tức là đối nghịch (Cái), đồng thời là trạng thái Tâm đang đẩy lùi, vượt qua các pháp che ngăn, chặn bít nên không bị Cái và các phiền não khác bắt làm cảnh. Hay nói cách khác, tiến trình của dòng Tâm thức khi tâm đạo phát sanh mang tính chất chặt chẽ, che ngăn, không cho xâm nhập các loại pháp xấu, pháp đen... mà trong đó khởi đầu là pháp Lậu.

Như vậy, Đạo là pháp Bất Tương Ưng Cái đồng thời cũng phi cảnh Cái do đặc tánh và tính chất đặc biệt như vừa trình bày trên.

2. Tại sao Quả Siêu thế là Bất Tương Ưng Cái và Phi cảnh Cái?

Quả Siêu thế là thành tựu từ Đạo Siêu thế, sát na này là phần kết thúc, nhổ bật các căn gốc rễ của pháp trợ luân hồi, tức ám chỉ cho những trạng thái ngăn che, bít lối không còn đối với Quả Siêu thế, mà đã nhổ bật các chướng ngại, trói chặt... thì làm sao tương ưng với pháp ấy (Cái) đặng. Một khi đã vượt thoát, chặn bít, không liên quan với đời (Ngũ uẩn thủ) thì làm sao các pháp Cái bắt làm cảnh được nên Quả Siêu thế là pháp Bất tương ưng Cái và phi cảnh Cái.

Như vậy, pháp Cái không đủ sức chạm đụng đến Đạo Quả Siêu thế vì không đủ mãnh lực so với Pháp vượt ngoài thế gian,nên Pháp Cái không hòa trộn đặng với Đạo Quả Siêu thế và đồng thời cũng không bắt làm cảnh được. Nói cách khác, Đạo Quả Siêu thế không còn trong phạm vi của Cái tức là thoát khỏi vòng vây của Lậu.

3. Tại sao Vô Vi Giới là Bất Tương Ưng Cái và Phi cảnh Cái?

Vô vi giới chỉ cho Níp Bàn, mà trạng thái Pháp này chỉ là đối tượng của Đạo, Quả Siêu thế (cùng pháp câu sanh) biết đặng mà thôi, cho nên Vô vi giới là pháp Bất Tương Ưng Cái và Phi Cảnh Cái. Hay nói cách khác, Vô vi giới là trạng thái vắng lặng, thanh tịnh tuyệt đối, không có ấn chứng chi cả, bất biến động... còn pháp Cái với trạng thái là ngăn che các pháp tốt, nên lúc ấy luôn biến chuyển theo Tham, Sân, Si mà một khi bị sự chi phối của 3 pháp ác này thì có hiện tượng rung động, không yên, rối loạn.. vì vậy, sự đối nghịch hay đối lập của 2 trạng thái này quá rõ ràng nên pháp vô vi giới là Bất tương ưng cái và Phi Cảnh Cái.

MỤC LỤC

LỜI TỰA 14
ĐẦU ĐỀ TAM 17
BÀI 1: TAM ĐỀ THIỆN - TAM ĐỀ THỌ - TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ 18
TAM ĐỀ THỨ 1: TAM ĐỀ THIỆN 18
TAM ĐỀ THỨ 2: TAM ĐỀ THỌ 57
TAM ĐỀ THỨ 3: TAM ĐỀ DỊ THỤC QUẢ 64
BÀI 2: TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ – TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI TAM ĐỀ HỮU TẦM 71
TAM ĐỀ THỨ 4: TAM ĐỀ THÀNH DO THỦ 71
TAM ĐỀ THỨ 5: TAM ĐỀ PHIỀN TOÁI 79
TAM ĐỀ THỨ 6: TAM ĐỀ HỮU TẦM 88
BÀI 3: TAM ĐỀ PHÁP HỶ - TAM ĐỀ SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ 95
TAM ĐỀ THỨ 7: TAM ĐỀ PHÁP HỶ 95
TAM ĐỀ THỨ 8: TAM ĐỀ SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ 101
TAM ĐỀ THỨ 9: TAM ĐỀ HỮU NHÂN SƠ ĐẠO ĐOẠN TRỪ 110
BÀI 4: TAM ĐỀ NHÂN SINH TỬ – TAM ĐỀ HỮU HỌC TAM ĐỀ HY THIỂU 117
TAM ĐỀ THỨ 10: TAM ĐỀ NHÂN SANH TỬ 117
TAM ĐỀ THỨ 11: TAM ĐỀ HỮU HỌC 125
TAM ĐỀ THỨ 12: TAM ĐỀ HY THIỂU 132
BÀI 5: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU - TAM ĐỀ TI HẠ - TAM ĐỀ TÀ 139
TAM ĐỀ THỨ 13: TAM ĐỀ CẢNH HY THIỂU 139
TAM ĐỀ THỨ 14: TAM ĐỀ TI HẠ 147
TAM ĐỀ THỨ 15: TAM ĐỀ TÀ 154
BÀI 6: TAM ĐỀ CÓ ĐẠO THÀNH CẢNH – TAM ĐỀ SINH TỒN TAM ĐỀ QUÁ KHỨ 163
TAM ĐỀ THỨ 16: TAM ĐỀ CÓ ĐẠO THÀNH CẢNH 163
TAM ĐỀ THỨ 17: TAM ĐỀ SANH TỒN 177
TAM ĐỀ THỨ 18: TAM ĐỀ QUÁ KHỨ 185
BÀI 7: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ – TAM ĐỀ NỘI PHẦN TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN – TAM ĐỀ HỮU KIẾN 194
TAM ĐỀ THỨ 19: TAM ĐỀ CẢNH QUÁ KHỨ 194
TAM ĐỀ THỨ 20: TAM ĐỀ NỘI PHẦN 202
TAM ĐỀ THỨ 21: TAM ĐỀ BIẾT CẢNH NỘI PHẦN 211
TAM ĐỀ THỨ 22: TAM ĐỀ HỮU KIẾN 219

ĐẦU ĐỀ NHỊ 225
BÀI 8: PHẦN TỤ NHÂN 226
NHỊ ĐỀ THỨ 1: NHỊ ĐỀ NHÂN 226
NHỊ ĐỀ THỨ 2: NHỊ ĐỀ HỮU NHÂN 241
NHỊ ĐỀ THỨ 3: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG NHÂN 246
NHỊ ĐỀ THỨ 4: NHỊ ĐỀ NHÂN HỮU NHÂN 249
NHỊ ĐỀ THỨ 5: NHỊ ĐỀ NHÂN TƯƠNG ƯNG NHÂN 253
NHỊ ĐỀ THỨ 6: NHỊ ĐỀ PHI NHÂN HỮU NHÂN 257
BÀI 9: NHỊ ĐỀ ĐỈNH 262
NHỊ ĐỀ THỨ 7: NHỊ ĐỀ HỮU DUYÊN 262
NHỊ ĐỀ THỨ 8: NHỊ ĐỀ HỮU VI 278
NHỊ ĐỀ THỨ 9: NHỊ ĐỀ HỮU KIẾN 281
NHỊ ĐỀ THỨ 10: NHỊ ĐỀ HỮU ĐỐI CHIẾU 286
NHỊ ĐỀ THỨ 11: NHỊ ĐỀ SẮC 292
NHỊ ĐỀ THỨ 12: NHỊ ĐỀ HIỆP THẾ 299
NHỊ ĐỀ THỨ 13: NHỊ ĐỀ CŨNG CÓ TÂM BIẾT ĐẶNG 312
BÀI 10: PHẦN CHÙM LẬU 324
NHỊ ĐỀ THỨ 14: NHỊ ĐỀ LẬU 324
NHỊ ĐỀ THỨ 15: NHỊ ĐỀ CẢNH LẬU 340
NHỊ ĐỀ THỨ 16: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG LẬU 346
NHỊ ĐỀ THỨ 17: NHỊ ĐỀ LẬU CẢNH LẬU 351
NHỊ ĐỀ THỨ 18: NHỊ ĐỀ LẬU TƯƠNG ƯNG LẬU 358
NHỊ ĐỀ THỨ 19: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG LẬU CẢNH LẬU 363
BÀI 11: PHẦN TỤ TRIỀN 372
NHỊ ĐỀ THỨ 20: NHỊ ĐỀ TRIỀN 372
NHỊ ĐỀ THỨ 21: NHỊ ĐỀ CẢNH TRIỀN 392
NHỊ ĐỀ THỨ 22: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG TRIỀN 398
NHỊ ĐỀ THỨ 23: NHỊ ĐỀ TRIỀN CẢNH TRIỀN 403
NHỊ ĐỀ THỨ 24: NHỊ ĐỀ TRIỀN TƯƠNG ƯNG TRIỀN 410
NHỊ ĐỀ THỨ 25: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG TRIỀN CẢNH TRIỀN 418
BÀI 12: PHẦN TỤ (CHÙM) PHƯỢC 426
NHỊ ĐỀ THỨ 26: NHỊ ĐỀ PHƯỢC 426
NHỊ ĐỀ THỨ 27: NHỊ ĐỀ CẢNH PHƯỢC 439
NHỊ ĐỀ THỨ 28: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHƯỢC 445

NHỊ ĐỀ THỨ 29: NHỊ ĐỀ PHƯỢC CẢNH PHƯỢC....451
NHỊ ĐỀ THỨ 30: NHỊ ĐỀ PHƯỢC TƯƠNG ƯNG PHƯỢC....462
NHỊ ĐỀ THỨ 31: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHƯỢC CẢNH PHƯỢC....467
BÀI 13: PHẦN TỤ (CHÙM) BỘC 474
NHỊ ĐỀ THỨ 32: NHỊ ĐỀ BỘC....474
NHỊ ĐỀ THỨ 33: NHỊ ĐỀ CẢNH BỘC....485
NHỊ ĐỀ THỨ 34: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG BỘC....491
NHỊ ĐỀ THỨ 35: NHỊ ĐỀ BỘC CẢNH BỘC....496
NHỊ ĐỀ THỨ 36: NHỊ ĐỀ BỘC TƯƠNG ƯNG BỘC....503
NHỊ ĐỀ THỨ 37: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG BỘC CẢNH BỘC....508
BÀI 14: PHẦN TỤ (CHÙM) PHỐI 514
NHỊ ĐỀ THỨ 38: NHỊ ĐỀ PHỐI....514
NHỊ ĐỀ THỨ 39: NHỊ ĐỀ CẢNH PHỐI....522
NHỊ ĐỀ THỨ 40: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG PHỐI....528
NHỊ ĐỀ THỨ 41: NHỊ ĐỀ PHỐI CẢNH PHỐI....533
NHỊ ĐỀ THỨ 42: NHỊ ĐỀ PHỐI TƯƠNG ƯNG PHỐI....540
NHỊ ĐỀ THỨ 43: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG PHỐI CẢNH PHỐI....545
BÀI 15: PHẦN TỤ (CHÙM) CÁI 551
NHỊ ĐỀ THỨ 44: NHỊ ĐỀ CÁI....551
NHỊ ĐỀ THỨ 45: NHỊ ĐỀ CẢNH CÁI....584
NHỊ ĐỀ THỨ 46: NHỊ ĐỀ TƯƠNG ƯNG CÁI....590
NHỊ ĐỀ THỨ 47: NHỊ ĐỀ CÁI CẢNH CÁI....595
NHỊ ĐỀ THỨ 48: NHỊ ĐỀ CÁI TƯƠNG ƯNG CÁI....601
NHỊ ĐỀ THỨ 49: NHỊ ĐỀ BẤT TƯƠNG ƯNG CÁI CẢNH CÁI....610

PHƯƠNG DANH THÍ CHỦ HÙN PHƯỚC IN SÁCH

TỰ HỌC VI DIỆU PHÁP – TẬP 5

STT	THÍ CHỦ	STT	THÍ CHỦ
1	TT. Pháp Chất	30	Chị Kim Quy
2	ĐĐ. Phước Thái	31	Cô Lê Thị Phương
3	ĐĐ. Thiện Hùng (Siêu Xả)	32	A. Hiếu
4	ĐĐ. Giới Tông	33	Cô Quang Lục
5	ĐĐ. Thiện Hải	34	Nhóm PT. Đà Lạt
6	ĐĐ. Khánh Uy	35	PT. Thiện Trí
7	Sư Thiện Chiếu	36	Hoàng Anh (Bé Vô danh)
8	TN. Diệu Hạnh	37	Nguyễn Thị Tuyết
9	TN. Quang Giới	38	Nguyễn Thị Kim Sa
10	TN. Quang Ngữ	39	Lê Thị Kim Chi
11	TN. Quang Hỷ	40	Trần Thị Cảnh
12	TN. Minh Giới	41	PT. Thanh Trúc
13	TN. Quang Phương, Q. Hương	42	Cô Ngọc Tuyết (Phan Rang)
14	TN. Tâm Nguyện	43	GĐ Phạm Hùng
15	TN.Giác Tuệ	44	Nguyễn Thị Hằng
16	Ni sư Nguyên Giác (Hạnh Nguyên)	45	GĐ Huyền Trân
17	Cô Thủy Tiên	46	Cô Định Thức (Cô Sương)
18	PT.Kim Sa	47	PT. Phương Nghĩa
19	Anh Triều	48	PT. Huệ Đức
20	Phạm Thị Kim Loan (Chúc Hiền)	49	PT. Thảo
21	Phạm Thị Kim Nguyệt (Chúc Trí)	50	PT. Hiền
22	Nguyễn Minh Anh	51	PT. Phương Thảo
23	Quang Nhiên	52	PT. Hồng Chi
24	BS. Tạ Minh Trang	53	PT. Trần Thị Hồng
25	Bích Dung và con gái Hoàng Anh	54	PT. Thành Tài
26	PT. Chung Kim (Canada)	55	PT. Vân (Diệu Pháp)
27	PT. Hải ngoại SMTH	56	PT. Mộng Thu
28	PT. Nguyễn Thị Kim Dung	57	PT. Mộng Tuyết
29	Hồng Yến	58	PT. Thiện Trường cùng GĐ

60	Ngô Thành Tâm	90	PT. Nguyễn Phạm Huy Hoàng
61	Miên Trường	91	PT. Mai Thị Mộng Thúy
62	Chị Kim Nga	92	PT. Huệ Phương
63	Dì Tuyết	93	PT. Phương Nghi
64	Tịnh Minh	94	PT. Sử
65	PT. Chánh Lý	95	PT. Huyền Trân
66	Hoàng Xuân Long	96	Quỹ Thiện Pháp Tâm Bình An
67	Cô Như Phúc	97	Nhóm PT. Canada (bạn Diệu Thuật)
68	An Nguyệt	98	GĐ Song Khương Lưu
69	Diệu Pháp	99	GĐ Ngô Vy
70	Anh Hai Bòn	100	GĐ Cận Sự Nam Thiện Duyên
71	GĐ.Nguyên Liên	101	PT. Diệu Thuật
72	Kim Quy	102	Chị Bạch Huệ
73	Ngọc Vinh	103	Diệu Thanh
74	Thành	104	Bùi Văn Minh
75	Huỳnh Trọng Hiền (Hồng Đức)	105	Lê Chi
76	GĐ. Bà Nguyên Đắc	106	Nguyễn Thúy Lộc
77	Cô Tâm (Châu)	107	Cận Sự Nữ NhưQuang (Canada)
78	Đào Bích Dung	108	Cận Sự Nữ Bạch Huệ
79	Cận Sự Nam Nhựt Hòa (USA)	109	Cô Mỹ
80	Cận Sự Nữ Thảo Nguyên (SMTH)	110	GĐ Cận Sự Nữ Nguyên Liên
81	Cận Sự Nam Đặng Hữu	111	PT. Mười Trang
82	PT. Diễm Trang-Minh Nhật	112	Phòng thuốc Đông Y Thiện Đức
83	GĐ.Cận sự Nữ Tiến Hạnh (France)	113	PT. Hồ Thị Ngọc Hường
84	PT.Phúc Huệ Chung	114	PT. Lê Văn Ngọc
85	PT.Hồ Ngọc Thu	115	PT. Nguyễn Thị Hường
86	PT. Nguyễn Hồ Minh Trang	116	PT. Bùi Công Hưng
87	PT. Nguyễn Hồ Ngọc Thanh	117	PT. Võ Hoàng Thành
88	GĐPT. Quang Cúc	118	Xuân + Thủy
89	Hoàng Anh	119	CANDIKÀ

120	PT.Phạm Ngọc Thu	137	Hồng Điệp
121	Chú Hai Vé Số	138	GĐ. Tâm Lạc
122	Ngọc Mai	139	GĐ. Tuệ Minh
123	Nguyên Hương	140	GĐ. Nguyễn Văn Phú
124	Đồng Phúc Duy Huy	141	GĐ. Hoàng Kha
125	GĐ. Kiến Quang	142	GĐ. Minh Bá
126	GĐ. Huỳnh Ngọc Ẩn	143	GĐ.Nguyễn Thị Thu Hương
127	GĐ. Bảo Ngọc	144	GĐ. Kim Nhiên
128	GĐ. Hoa Phước	145	GĐ. Nguyễn Phương Thùy
129	GĐ. Nguyễn Thị Hương	146	Chị San
130	GĐ. Tâm Phụng	147	Ngọc lạc
131	Lê Thị Kim Chi	148	PT. Phan Binh
132	GĐ. Chơn Lạc Phú	149	Như Ngọc + Như Tịnh
133	GĐ. Ngọc	150	GĐ. Phan Minh Thời
134	Tịnh Mẫn	151	GĐ. Lê Thị Tráng
135	PT.Mỹ Dung	152	GĐ. Trần Văn Chính
136	Hồ Minh Tấn	153	GĐ. Trần Quốc Tâm

TỰ HỌC VI DIỆU PHÁP TẬP 5
Đại Đức Thiện Minh
Tỳ Khưu Giác Tuệ (Đức Tài)
Biên soạn

Biên tập: Lê Hồng Sơn
Sửa bản in, trình bày, bìa và vi tính:
Nhóm Học Viên Siêu Lý – Tổ Đình Bửu Quang.

Đối tác liên kết:
THƯ VIỆN PHẬT GIÁO NGUYÊN THỦY
171/8 Quốc lộ 1A – P. Bình Chiểu, Q. Thủ Đức, TP. HCM
Điện thoại: 7290248
www.phatgiaonguyenthuy.com

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC
in lần thứ 1 số lượng 1000 cuốn 20.8cm x 29.5cm.
tại Nhà in Thành Công
GPXB số: 2917-2013/QĐ-HĐFĐHKKXĐ 1866-2013/CXĐ/45/83/HĐ
Ngày 11/12/2013 của Nhà Xuất Bản Hồng Đức



Sư cả Tịnh Sự và các đệ tử

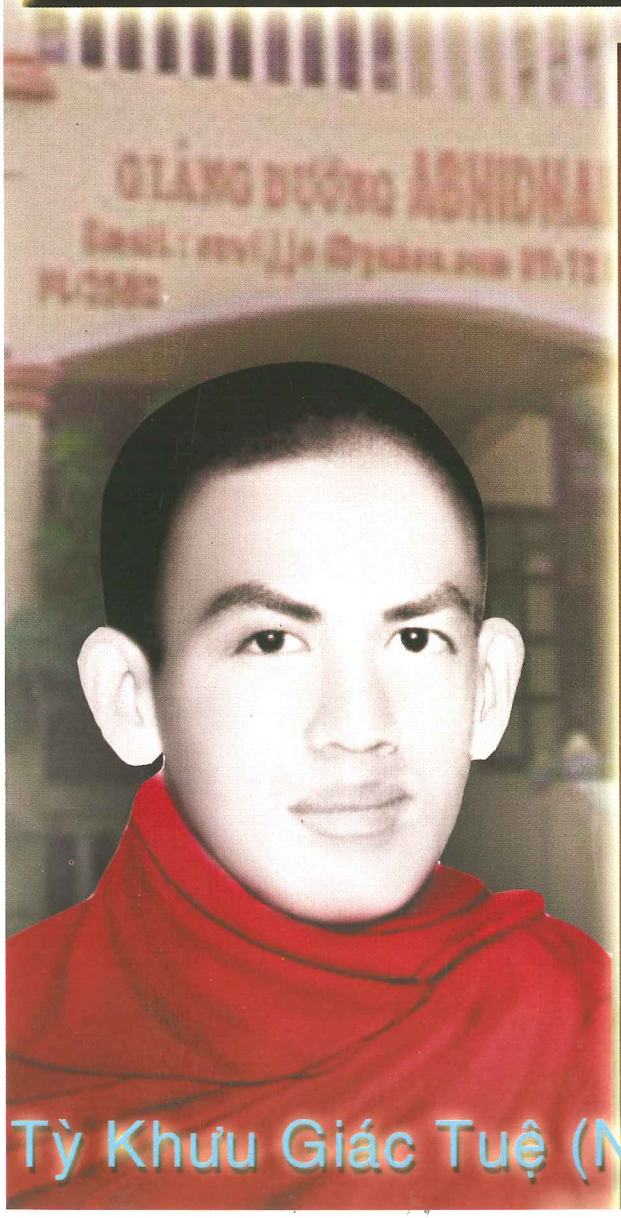

Tỳ Khưu Giác Tuệ (Nguyễn Đức Tài)

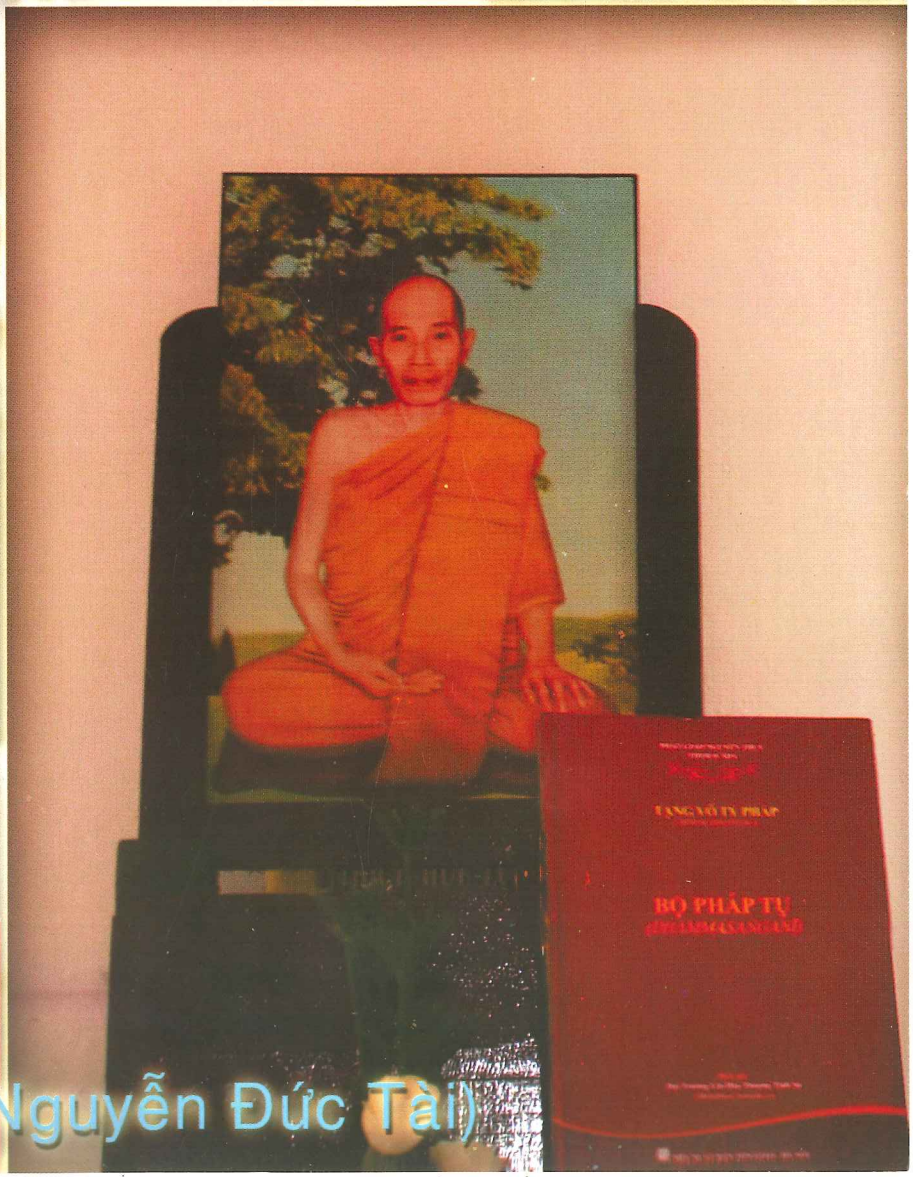

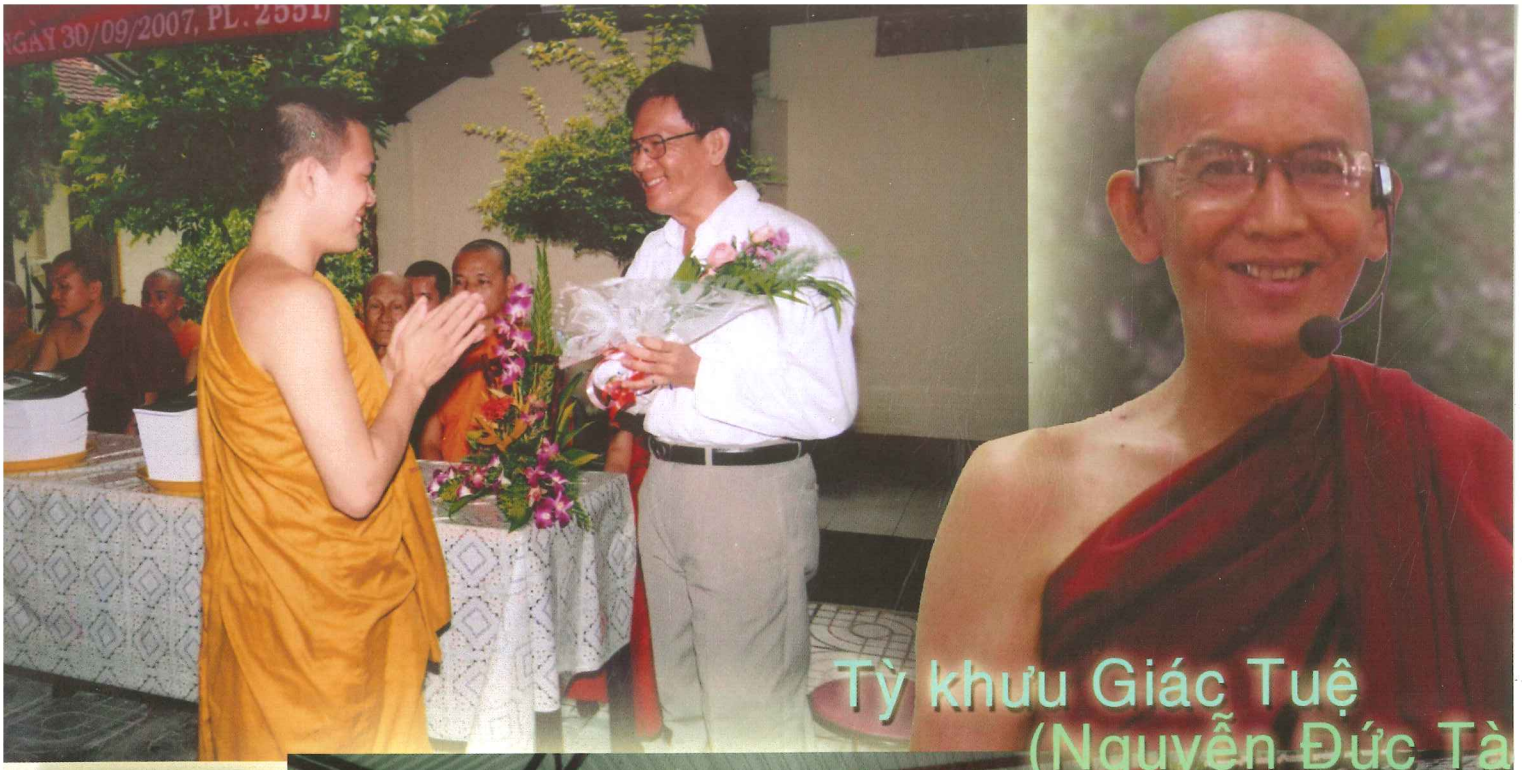
Tỳ khưu Giác Tuệ
(Nguyễn Đức Tà


LỄ BẾ GIẢNG KHÓA I
VÔ TỶ PHÁP. TIỂU HỌC
(NGÀY 30/09/2007, PL. 2551)

Khoá 1


LỄ BẾ GIẢNG KHÓA 2
LỚP VÔ TỶ PHÁP ABHIDHAMMA NIÊN KHÓA 2007- 2008
Ngày 15/11/2008
ABHIDHAMMA

Khoá 2



Khoá 3



Khoá 4



Khoá 5



Khoá 6



Khoá 7



Lớp học Vô Tỷ Pháp

Chùa Bửu Quang

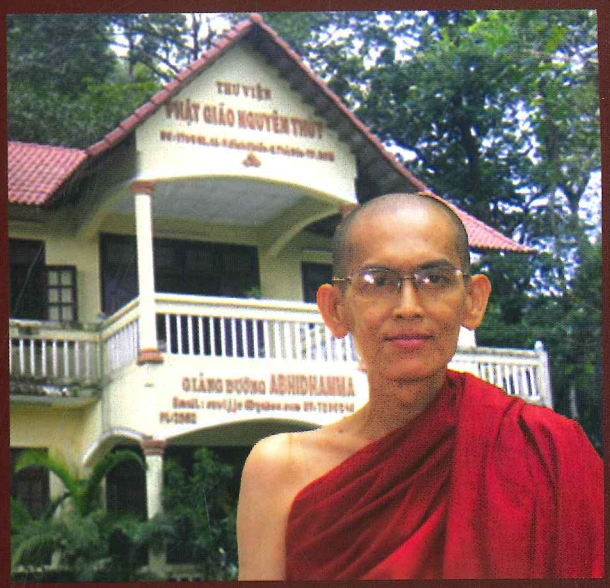

Bik. Bodhipañño : Tỳ Khưu Giác Tuệ

(Nguyễn Đức Tài)

SÁCH ĐÃ IN

1. Cư sĩ giới pháp
2. Thực tính pháp
3. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 1)
4. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 2)
5. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 3)
6. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 4)
7. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 5)
8. Tự học Vi Diệu Pháp (tập 6)

SÁCH SẼ IN

1. Siêu lý trung học căn song
2. Siêu lý trung học uẩn song
3. Siêu lý cao học
4. Liên quan tương sinh

BẢNG NÊU CHI PHÁP

Nguyên tác: Đại Trưởng Lão Tịnh Sự - *Mahā Thero Santakicco*

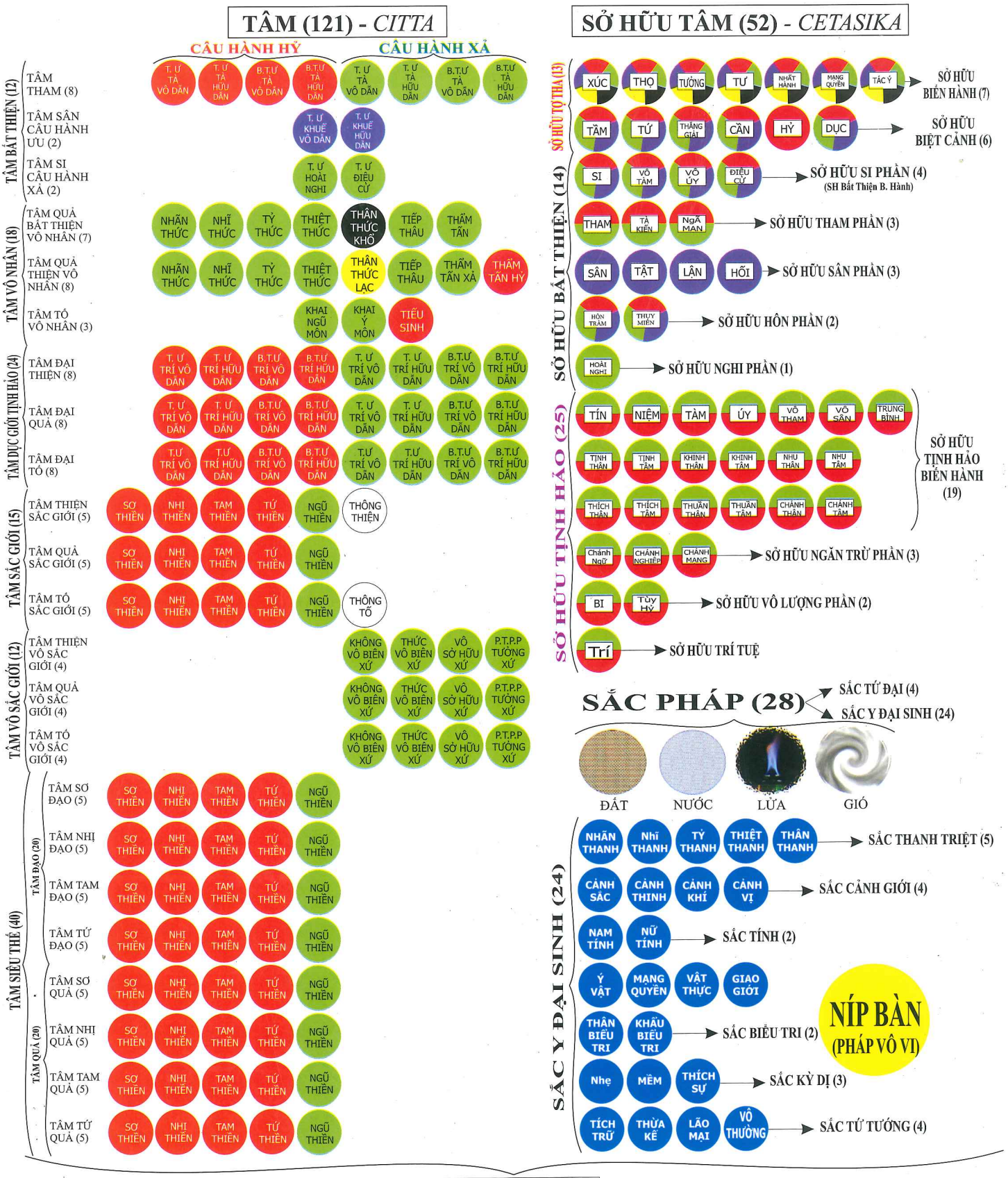

PHÁP SIÊU LÝ (CHƠN ĐẾ)

PHÁP CHẾ ĐỊNH (TỤC ĐẾ)

DANH CHẾ ĐỊNH

NGHĨA CHẾ ĐỊNH

